

CÁC NHÂN VẬT LÒNG DANH TRONG THÁNH SỬ

Nguyên tác: Discover The Key Themes Of 63 Bible Characters Life Sentences.

Tác giả: Warren Wendel Wiersbe

Translated by Vietnamese Missionary Institute
Lưu Hành Nội Bộ

Vài Nét Về Tác Giả

Mục sư Warren Wendel Wiersbe sinh ngày 16/5/1929 tại thành phố Chicago, Hoa Kỳ. Ông nhận biết Chúa kêu gọi mình hầu việc Ngài khi chỉ mới 16 tuổi qua tổ chức Youth for Christ và sau khi nghe bài giảng của nhà truyền giáo Billy Graham.

Sau khi tốt nghiệp Đại học Indiana ở Indianapolis và Đại học Roosevelt ở Chicago, ông bắt đầu chức vụ hầu việc Chúa trọn thời gian bằng việc ghi danh vào Chứng viện Thần học Báp-tít phương Bắc (Northern Baptist Theological Seminary) ở Lombard và tốt nghiệp Cử nhân Thần học vào năm 1953.

Trước đó, khi đang còn là sinh viên thần học, ông đã được tấn phong Mục sư và hầu việc Chúa tại Hội Thánh Báp-tít Trung Tâm (Central Baptist Church) ở Đông Chicago vào năm 1951. Sau này, ông làm Mục sư Quản nhiệm của Hội Thánh danh tiếng Moody, Chicago. Ngoài vai trò Mục sư, ông cũng có thời gian hầu việc Chúa với Mục vụ Tuổi trẻ vì Đấng Christ, với các tổ chức văn phẩm Cơ Đốc như *Back to the Bible*. Bên cạnh đó ông còn giảng dạy Kinh Thánh trên các đài phát thanh, là giáo sư môn nghiên cứu Kinh Thánh, thần học, tuyên đạo pháp cũng như biên soạn giáo trình giảng dạy cho các Viện Thần học. Ông cũng là giáo sư về môn giảng luận tại Chứng viện Grand Rapids Baptist Seminary tại Michigan.

Ông là tác giả của nhiều bộ sách giải kinh, thần học và bồi linh. Ông bắt đầu sự nghiệp viết sách Cơ Đốc vào những năm 1950 khi chỉ mới hơn hai mươi tuổi. Trong suốt cuộc đời và chức vụ của mình, ông viết trên 150 đầu sách, trong đó nổi tiếng nhất có lẽ là Bộ giải nghĩa Kinh Thánh “hãy” (BE SERIES), giải nghĩa gần như toàn bộ các sách trong Kinh Thánh từ Sáng Thế Ký đến Khải Huyền.

Mục sư, Giáo sư Kinh Thánh Warren Wendel Wiersbe nghỉ yên trong Chúa vào ngày 2/5/2019, hưởng thọ 89 tuổi. Ông để lại một di sản quý báu cho cộng đồng hội thánh.

CÁC NHÂN VẬT LÒNG DANH TRONG THÁNH SỬ

Nguyên tác: Discover The Key Themes Of 63 Bible Characters Life Sentences.

Tác giả: Warren Wendel Wiersbe

Translated by Vietnamese Missionary Institute

MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu

Phần Một

CÁC NHÂN VẬT TRONG CỤU ƯỚC

1. GIÊ-HÔ-VA ĐỨC CHÚA TRỜI. Thi thiên 104:1
2. LU-XI-PHE. Ê-sai 14:4
3. A-ĐAM. 1 Cô-rinh-tô 15:2
4. Ê-VA. Sáng thế ký 3:20
5. CA-IN. 1 Giăng 3:12
6. A-BÊN. Hê-bơ-rơ 11:4
7. NÔ-Ê. Sáng thế ký 6:22
8. ÁP-RA-HAM. Hê-bơ-rơ 11:8
9. SA-RA. Ê-sai 51:2
10. Y-SÁC. Sáng thế ký 22:14
11. RÊ-BE-CA. Sáng thế ký 27:13
12. Ê-SAU. Hê-bơ-rơ 12:16
13. GIA-CÔP. Sáng thế ký 32:28
14. RA-CHÊN. Sáng thế ký 30:1
15. GIÔ-SÉP. Sáng thế ký 50:20
16. GIÓP. Gióp 1:8
17. MÔI-SE. Xuất Ê-díp-tô ký 33:18
18. A-RÔN. Thi thiên 106:16
19. MI-RI-AM. Thi thiên 141:3
20. GIÔ-SUÊ. Xuất Ê-díp-tô ký 17:13
21. RA-HÁP. Giăng 4:2
22. ĐÊ-BÔ-RA. Các quan xét 5:7
23. GHI-ĐÊ-ÔN. Các quan xét 6:12
24. SAM-SÔN. Gia-cơ 1:8

25. RU-TỐ. Ru-tơ 3:11
26. Ê-LI. Ma-la-chi 2:2
27. AN-NE. Thi thiên 30:5
28. SA-MU-ÊN. 1 Sa-mu-ên 12:2
29. SAU-LÔ. 1 Cô-rinh-tô 10:12
30. ĐA-VÍT. Thi thiên 78:72
31. GIÔ-NA-THAN. Châm ngôn 17:17
32. SA-LÔ-MÔN. Phục truyền luật lệ ký 32:29
33. RÔ-BÔ-AM. 2 Sử ký 12:14
34. Ê-LI. 1 Các vua 18:36
35. Ê-LI-SÊ. Phi-líp 2:12
36. GIÊ-SA-BÊN. Giảng 8:34
37. GIÔ-NA. Giê-rê-mi 5:25
38. Ê-SAI. Giảng 12:41
39. GIÊ-RÊ-MI. Giê-rê-mi 6:10
40. Ê-XÊ-CHI-ÊN. Ê-xê-chi-ên 1:1
41. ĐA-NI-ÊN. Rô-ma 8:37
42. Ê-XO-TÊ. 1 Cô-rinh-tô 1:27
43. E-XƠ-RA. E-xơ-ra 7:10
44. NÊ-HÊ-MI. Nê-hê-mi 6:3

Phần Hai

CÁC NHÂN VẬT TRONG TÂN ƯỚC

Nói Kết Giữa Cựu Và Tân Ước

45. CHÚA GIÊ-SU CHRIST. Lu-ca 3:22
46. XA-CHA-RI VÀ Ê-LI-SA-BÉT. Lu-ca 1:6
47. MA-RI, MẸ CỦA CHÚA GIÊ-SU. Lu-ca 1:46
48. HÊ-RÔT ĐẠI ĐẾ. Châm ngôn 3:33
49. SI-MÊ-ÔN VÀ AN-NE. Thi thiên 92:14
50. GIĂNG BÁP-TÍT. Giảng 3:30
51. ANH-RÊ. 1 Cô-rinh-tô 10:24
52. SI-MÔN PHI-E-RÔ. Thi thiên 138:8
53. SỨ ĐỒ GIĂNG. Giảng 13:23

54. GIU-ĐA ÍCH-CA-RI-ỐT. Ma-thi-ơ 26:8
55. SA-LÔ-MÊ, VỢ CỦA XÊ-BÊ-ĐÊ. Công vụ 20:35
56. NGƯỜI PHỤ NỮ SA-MA-RI. Châm ngôn 4:23
57. NGƯỜI PHỤ NỮ BỊ TỐ CÁO TÀ DÂM. Thi thiên 27:1
58. MA-RI VÀ MA-THÊ Ở BÊ-THA-NI. 1 Cô-rinh-tô 13:13
59. GIÔ-SÉP, ĐƯỢC GỌI LÀ BA-NA-BA. Công vụ 11:24
60. Ê-TIÊN. Khải huyền 2:10
61. SỨ ĐỒ PHAO-LÔ. 1 Cô-rinh-tô 15:10
62. LY-ĐI. Hêb. 11:6
63. PHÊ-BÊ. Rô-ma 16:2
64. CÂU KINH VĂN SỰ SỐNG CỦA TÔI. Ma-thi-ơ 13:52

Kết luận: Câu Kinh Văn Sự Sống Của Bạn.

Phụ lục.

Vài nét về tác giả.

Lời Giới Thiệu

LÝ DO TÔI VIẾT SÁCH NÀY

Bạn muốn được nhớ đến điều gì vào cuối đời? Nếu bởi đức tin bạn đã tiếp nhận Chúa Giê-su là Cứu Chúa và là Đức Chúa Trời của bạn, khi ấy bạn sẽ xin Cha thiên thượng cho bạn một câu Kinh văn bày tỏ bạn là ai và bạn làm gì cho Ngài trên thế giới này. Đọc quyển sách này sẽ giúp bạn suy nghĩ về câu Kinh Thánh đó. Tôi có ý nói gì về chủ đề này?

Khi tôi đọc các bài giảng của C. H. Spurgeon mà ông đã giảng cho hội chúng vào ngày 24 tháng 7 năm 1881 tại London, tôi đã có ý tưởng cho quyển sách này. Sáng thế ký 39:2, “Giô-sép được Đức Giê-hô-va phù hộ, nên thịnh lợi luôn.” (The Lord was with Joseph). Khi bắt đầu đọc bài giảng, những lời đầu tiên của Spurgeon đã bắt lấy tôi: “Kinh Thánh thường xuyên tóm lược đời sống của một người trong một câu Kinh văn ngắn.”

Tôi dừng lại suy nghĩ, đặt bài giảng số 27 *The Metropolitan Tabernacle Pulpit*¹ xuống bàn và viết vào trong sổ tay: “Hãy viết một quyển sách về những câu Kinh Thánh mà dường như chúng là chìa khóa để hiểu đời sống của các nhân vật trong Kinh Thánh.” Và sau đó tôi tiếp tục suy ngẫm các bài giảng của Spurgeon.

Sau đó, khi đọc lại tác phẩm *The Heart of Emerson's Journals* (Nhật Ký Của Emerson) được Bliss Perry hiệu đính, tôi khám phá rằng Ralph Waldo Emerson cũng đã có cùng suy nghĩ như Spurgeon. Vào tháng 9 năm 1842, một nhà hiền triết của vùng Concord đã viết, “Tất cả mọi

người là những câu đố bí ẩn cho đến cuối cùng chúng ta tìm thấy chính họ trong một số cụm từ hoặc hành động chủ yếu của họ. Những điều này bày tỏ nhân cách của họ được phơi ra rõ ràng trước mắt chúng ta."²

Những chương sách mà bạn sắp đọc chỉ là những gợi ý cho những nghiên cứu sâu hơn của chúng ta về các nhân vật trong Kinh Thánh. Không phải mọi người đều đồng ý về những câu Kinh văn tôi chọn để mô tả các nhân vật. Điều quan trọng là chúng ta học các bài học quý báu từ những nhân vật này, và áp dụng Lời Chúa trong đời sống mỗi chúng ta. Nơi đâu có đức tin, chúng ta học tập. Nơi đâu có sự đại dốt, chúng ta tránh xa nó. Hy vọng rằng đến ngày chung cuộc, chúng ta sẽ nghe tiếng Chúa phán: “Được lắm, hỡi đầy tớ ngay lành trung tín!” (Ma-thi-ơ 25:21)

Quyển sách này cung cấp một sự hiểu biết tốt hơn về thông điệp của Kinh Thánh và các nhân vật chính của nó, và cả hai đều có ý nghĩa với cá nhân người đọc. Tin cậy các lẽ thật và tiếp nhận chúng có thể làm cho đời sống chúng ta được biến đổi.

Là mục sư hay giáo viên dạy giáo lý bận rộn, bạn có thể nhận được sự giúp đỡ từ quyển sách này. Đã có rất nhiều bài giảng, bài báo luận bàn về các nhân vật trong Kinh Thánh, nhưng rất ít trong số đó giới thiệu cho người đọc điểm trọng tâm của từng nhân vật. Trong một nền văn hóa ưa thích thức ăn nhanh của chúng ta, cuốn sách này trình bày những khám phá về nhân cách trong một định dạng ngắn gọn và dễ đọc.

Có sáu mươi bốn bài đọc trong quyển sách này. Nếu mỗi tuần đọc một bài, chúng ta sẽ cần hơn hai tháng để đọc hết tác phẩm. Trong phần phụ lục cuối sách có thêm phần đọc Kinh Thánh tương ứng với mỗi bài.

Nếu mục vụ của bạn liên quan đến việc dạy Kinh Thánh, quyển sách này sẽ hữu ích cho bạn khi chuẩn bị các bài dạy.

Bài 1

GIÊ-HÔ-VA ĐỨC CHÚA TRỜI

Hỡi Giê-hô-va, Đức Chúa Trời tôi, Chúa thật lớn lạ kỳ (Thi Thiên 104:1).

Quyển sách này sẽ giới thiệu với bạn những con người trong Kinh Thánh mà những kinh nghiệm về đời sống của họ sẽ giúp bạn có những hiểu biết tốt hơn về Đức Chúa Trời và chính bản thân bạn. Bạn sẽ gặp họ trong từng văn cảnh họ xuất hiện, và khi bước đi theo những nguyên tắc trong cuộc đời họ, nhân cách của bạn có thể được cải thiện tốt hơn.

Kinh Thánh trình bày một câu chuyện thật với hàng ngàn nhân vật và kéo dài trong nhiều thế kỷ. Câu chuyện này khá đơn giản đến nỗi trẻ con có thể nắm bắt nó nhưng lại rất sâu sắc trở thành một thách thức cho các nhà thần học lỗi lạc nhất. Trong nguyên ngữ Hê-bơ-rơ, mười bốn sách trong Cựu Ước bắt đầu với chữ “và”, điều này nhắc nhở chúng ta rằng mỗi sách được nối kết với các sách khác như một sợi dây liên kết bền vững.

Bản tường thuật của Kinh Thánh bắt đầu tại vườn Ê-đen, là nơi tổ phụ đầu tiên của loài người đã đã ăn trái cây Biêt Điều Thiện Ác và từ đó họ mang tội lỗi và sự chết vào trong những thế hệ về sau. Đỉnh cao của câu chuyện được nối kết với thành phố thiên đàng, nơi mà các cư dân tại đây ăn Trái Cây Sự Sống dọc hai bên bờ Sông của Sự Sống (Khải huyền 22:1-2).

Kinh Thánh mở ra với vườn Ê-đen và đóng lại với khu vườn Thiên đàng. Điểm bắt đầu là tội lỗi và sự chết, nhưng điểm kết thúc là sự thánh khiết và sự sống! Nguyên nhân nào có một sự thay đổi ngoạn mục như thế?

Giữa hai khu vườn đã đề cập trên đây còn có một vườn khác có tên gọi Ghết-sê-ma-nê. Nơi đây Con của Đức Chúa Trời đã cầu nguyện: Xin Ý Cha được nên, chớ không theo ý con (Lu-ca 22:42), và rồi Ngài đã đi đến cái chết đau đớn, si nhục trên thập tự giá. Bởi vì Chúa Giê-su đã chết và sống lại, chính điều này bẻ gãy sự rủa rả trong khu vườn đầu tiên. Quyền sách cuối cùng của Cựu Ước kết thúc với từ “sự rủa sả” (Ma-la-chi 4:6), nhưng trong sách cuối của Tân Ước chúng ta thấy: Chẳng còn có sự rủa sả nào nữa (Khải huyền 22:3). Món quà sự sống đời đời đã sẵn sàng cho những ai đặt niềm tin của họ vào Chúa Giê-su. Kinh thánh ghi lại những câu chuyện đáng chú ý này để chúng ta có thể đọc và trải nghiệm tất cả những gì Chúa đã làm cho chúng ta.

Trước khi chúng ta nhìn vào bộ sưu tập đồ sộ về những con người trong Kinh Thánh, chúng ta phải nhìn vào Đức Chúa Trời. Tại sao như thế? Bởi vì sự tìm kiếm của chúng ta không phải là những yếu tố sự thật của lịch sử và tiểu sử của một ai đó, nhưng là những lẽ thật của thực tế và có giá trị vĩnh cửu. Như vậy chúng ta phải bắt đầu với Đức Chúa Trời. Câu chuyện của Kinh Thánh là nói về Đức Chúa Trời, chứ không phải là những hoạt động của con người. Đức Chúa Trời đặt chìa khóa của Kinh Thánh ở chỗ này: Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên... (Sáng thế ký 1:1). Loại bỏ Đức Chúa Trời ra ngoài, lịch sử sẽ là một huyền nhiệm – một vở kịch rối rắm với những phân bị bỏ sót mà không có một ý nghĩa rõ ràng nào cho chúng ta. Chúng ta phải bắt đầu với Đức Chúa Trời, bởi vì Ngài vẽ thiết kế, viết ra kịch bản và lựa chọn các vai diễn. Ngài không vắng mặt trong bất cứ tình huống nào, Ngài ở đó luôn luôn trong mọi sự kiện. Không một ai có thể làm hỏng đi kịch bản của Ngài. Tất cả mọi điều phải diễn ra sau khi Ngài lên kế hoạch. Lịch sử là câu chuyện của Ngài.

Điều này không có nghĩa lịch sử của con người là một vở kịch rối rắm, mà ở đó Đức Chúa Trời cho phép con người làm theo ý muốn của họ, và rồi sau đó Ngài nhẹ nhàng loại bỏ họ qua một bên. Trong sự tể trị của Đức Chúa Trời, Ngài có thể thay đổi số phận hay định mệnh của những con người, mặc dù các vai diễn có thể lựa chọn đi theo một hướng khác thì câu chuyện vẫn cứ tiến hành. Đức Chúa Trời hành động theo quyết định của Ngài chứ không phải theo sự đồng thuận của bất kỳ một ủy ban nào. Trước giả Thi thiên viết: Đức Chúa Trời chúng tôi ở trên các tầng trời; Phàm điều gì vừa ý Ngài, thì Ngài đã làm (Thi. 115:3). Những người vô thần phủ nhận điều này, người theo thuyết bất khả tri đặt câu hỏi tại sao, nhưng những người theo Chúa Giê-su Christ chấp nhận và vui hưởng Lời của Chúa đã tuyên bố.

Không một ai có thể hiểu biết tất cả về Đức Chúa Trời. Nhưng các lẽ thật căn bản về mối liên hệ của Đức Chúa Trời với con người đã được bày tỏ qua Kinh Thánh và chúng ta có thể nắm bắt lấy nó nếu chúng ta muốn hiểu về những con người trong sách này. Điều này sẽ dẫn đến một kết quả là chúng ta hiểu rõ về chính chúng ta và những gì Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta.

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ ĐÁNG SÁNG TẠO

Trước giả của tuyên dân viết về chủ đề thờ phượng:

Hãy đến, cúi xuống mà thờ lạy;

Khá quí gối xuống trước mặt Đức Giê-hô-va, là Đấng Tạo Hóa chúng tôi! (Thi. 95:6)

Người theo chủ nghĩa duy vật hoài nghi đặt câu hỏi: Đức Chúa Trời đến từ đâu? Trong khi những tín hữu đặt vấn đề: sự sống đến từ đâu? Người theo chủ nghĩa duy vật trả lời câu hỏi này: Nó chỉ là một sự ngẫu nhiên tình cờ, và viện dẫn những luận chứng cao siêu cho quan điểm của họ. Các môn đồ theo Chúa đưa ra câu trả lời: Đó là sự tể trị thần thượng và trưng ra quan điểm của họ về Đức Chúa Trời ba ngôi Cha, Con và Thánh Linh hiệp một trong công cuộc sáng tạo. Không có con đường nào khác để tránh né mệnh đề này: Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất (Sáng. 1:1).

Đức Chúa Trời không chỉ là Đấng Khởi Nguồn của sự sáng tạo nhưng Ngài cũng có mặt từ buổi bình minh của tuyên dân để dạy chúng ta về chính Ngài. Ngài cũng là khởi nguyên của mỗi đời sống cá nhân trên đất. Đa-vít đã viết:

Vì chính Chúa nắn nèn tâm thần tôi,

Đệt thành tôi trong lòng mẹ tôi.

(Thi. 139:13)

Khi tôi được dựng nên trong nơi kín,

Chịu nắn nèn cách xảo tại nơi thấp của đất,

Thì các xương cốt tôi không giấu được Chúa.

Mắt Chúa đã thấy thể chất vô hình của tôi;

Số các ngày định cho tôi,

(Thi. 139:15-16)

Tất cả những người mà chúng ta bắt gặp trong Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời chuẩn bị sẵn sàng và chỉ định họ cho mục đích tối hậu của Ngài. Đây cũng là lẽ thật cho những người chúng ta gặp gỡ ngày hôm nay – và dĩ nhiên nó cũng là lẽ thật cho bạn và tôi!

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ ĐÁNG CUNG ỨNG

Thật là vô cùng ý nghĩa khi Đức Chúa Trời đã tạo dựng vũ trụ, các tầng trời và trái đất trước khi Ngài dựng nên con người đầu tiên. Điều này giống như những bậc cha mẹ trần gian yêu thương con cái thường dự bị mọi nhu cầu cho chúng nó trước khi những đứa trẻ được sinh ra. Cha Thiên Thượng đã sắm sẵn mọi thứ trên thế giới này cho chúng ta! Mọi điều chúng ta cần đang có sẵn ở đây, và Đức Chúa Trời không muốn chúng ta lãng phí hay phá hủy nó, nhưng phải sử dụng nó theo một đường lối khôn ngoan đúng đắn.

Đức Chúa Trời cũng cung ứng cho chúng ta những khả năng để hiểu rõ và đánh giá đúng sự giàu có không dò lường được của Ngài khi Ngài tạo dựng con người theo hình ảnh của Ngài. Chúng ta không chỉ có thân thể và tâm hồn để vui hưởng thế giới vật lý chung quanh mà chúng ta còn có tâm linh để bước vào tận hưởng mối tương giao với chính Đức Chúa Trời và vui mừng nhận lãnh những sự phong phú trong thế giới thuộc linh. Chúng ta có tâm trí để nghĩ suy, ý chí để đưa ra quyết định và tấm lòng (hay trái tim) để yêu thương. Và Đức Chúa Trời đã bổ nhiệm chúng ta, ban cho chúng ta uy quyền để quản trị trên các vật thọ tạo và công việc của tay Ngài hầu cho hoàn thành những mục đích diệu kỳ của Ngài. Trong Thi thiên 8:6, Đa-vít viết: Chúa ban cho người quyền cai trị công việc tay Chúa làm, khiến muôn vật phục dưới chân người. Thực tế này đã làm cho trước giả Thi thiên kinh ngạc: Loài người là gì, mà Chúa nhớ đến? Tại sao một Đức Chúa Trời toàn năng vĩ đại, siêu việt như thế lại quan tâm đến con người bé nhỏ chúng ta?

Những con người trong Kinh Thánh có thể chia làm hai loại: 1/ Những người tin cậy Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài. Họ khám phá rằng chính Chúa là Đấng cung ứng mọi nhu cầu cho họ. 2/

Những người không vâng lời Ngài – thậm chí tệ hơn đó là phản bội, chống lại Ngài. Họ đã từ chối sự giàu có, khôn ngoan, quyền năng, ân điển và vinh hiển của Đức Chúa Trời. Giống như người con trai hoang đàng trong Lu-ca 15:11-24, họ đã gần như chết đói bên cạnh các máng thức ăn của đàn lợn vì sự chọn lựa của mình, trong khi lẽ ra họ phải vui hưởng yến tiệc tại bàn của người cha yêu thương.

Điều này dẫn chúng ta đến lễ thật căn bản thứ ba về Đức Chúa Trời: Ngài là Cha.

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ CHA

Đức Chúa Trời đã phán dạy tuyển dân:

Y-so-ra-ên là con ta, tức trưởng nam ta (Xuất Ê-díp-tô ký 4:22). Bản Kinh Thánh Tiếng Anh dùng chữ “trưởng nam ta” là “firstborn” trong câu này (Israel is My son, even My firstborn) nghĩa là đứa con được sinh ra trước tiên. Và Ngài đối xử yêu thương với tuyển dân như một người cha yêu thương đứa con đầu tiên của mình. Trước giả Thi thiên đã viết:

Đức Giê-hô-va thương xót kẻ kính sợ Ngài,

Khác nào cha thương xót con cái mình vậy (Thi. 103:13).

Đàn bà há dễ quên con mình cho bú, không thương đến con trai ruột mình sao? Dầu đàn bà quên con mình, ta cũng chẳng quên người (Ê-sai 49:15).

Giống như những bậc cha mẹ biết lo xa cho con cái của mình, Đức Chúa Trời đã giải cứu dân Ngài ra khỏi Ai-cập khi họ phải sống cuộc đời nô lệ tại đây. Chúa tiếp tục nuôi dưỡng họ trong đồng vắng, nhưng khi họ phản loạn thì Ngài xử lý họ như một người cha yêu thương thì hành kỷ luật trên những con cái không biết vâng lời. “Vậy, khá nhận biết trong lòng rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sửa phạt người như một người sửa phạt con mình vậy” (Phục truyền 8:5).

Những người có khuynh hướng chỉ trích gọi Đức Chúa Trời trong Cựu Ước là một người hay bắt nạt hoặc là bạo chúa, hề mà sai phạm chỗ nào là đánh phạt chỗ ấy. Những người đó đã không đọc và nghiên cứu kỹ về một Đức Chúa Trời yêu thương, bao dung, đầy sự thương xót, kiên nhẫn chịu đựng nhiều năm đối với tuyển dân của Ngài trong những lần họ bội nghịch.

Chúa Giê-su đã nói về Cha của Ngài: Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha (Giăng 14:9). Nếu Đức Chúa Trời là người hay bắt nạt kẻ yếu thế hay là một bạo chúa ngang ngược thì Ngài sẽ đến giữa vòng chúng ta, cùng chia sẻ những gánh nặng và khó khăn, và cuối cùng hy sinh trên thập tự giá để đền tội cho chúng ta? Có thể nào Ngài đã lau nước mắt cho kẻ buồn rầu, tiếp nhận các con trẻ đến cùng Ngài, ban bánh cho kẻ đói, tha thứ cho người lỗi lầm và dạy dỗ những người đang ở dưới đáy của xã hội những lễ thật về Đức Chúa Trời? Chúc vụ và đời sống trên đất của Ngài có thể tóm lược trong một từ: Yêu thương. Vì Đức Chúa Trời chính là tình yêu.

Ngày hôm nay Đức Thánh Linh đang nội trú bên trong chúng ta để làm chứng về Cha thiên thượng và bảo đảm với chúng ta rằng chúng ta thực sự là con cái của Ngài. Những ai đặt niềm tin vào Chúa Giê-su Christ sẽ tiếp nhận điều cao quý này: thần trí của sự làm con nuôi, và nhờ đó chúng ta kêu rằng: A-ba! Cha! (Rô-ma 8:15). Và Phao-lô cũng nói: Chúng ta được làm con nuôi Ngài. Lại vì anh em là con, nên Đức Chúa Trời đã sai Thánh Linh của Con Ngài vào lòng chúng ta, kêu rằng: A-ba! Cha! (Ga-la-ti 4:5-6). A-ba là nguyên ngữ Tiếng Aramaic, tương đương trong Tiếng Anh là Daddy, và từ ngữ đó được nói ra trong sự trìu mến yêu thương.

Ý chỉ của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua tình yêu của Ngài dành cho chúng ta. “Mưu của Đức Giê-hô-va được vững lập đời đời. Ý tưởng của lòng Ngài còn đời này sang đời kia” (Thi. 33:11). Khi chúng ta trưởng thành trong tình yêu và đức tin thì những thuộc tính của Cha thiên thượng và kế hoạch của Ngài dành cho chúng ta trở nên rõ ràng hơn. Lúc đó chúng ta sẽ yêu mến Ngài

nhieu hơn, và mong muốn phục vụ Ngài cách tốt hơn. Trong khi Đức Chúa Trời biểu lộ tình yêu của Ngài vô điều kiện thì sự vui hưởng của chúng ta với tình yêu cả Ngài tùy thuộc vào hiểu biết và sự vâng phục của chúng ta đối với Lời của Ngài. Nếu chúng ta dâng nộp đời sống mình cho Chúa Giê-su thì Đức Chúa Trời là Cha của chúng ta. Ngược lại, Ngài không thể là Cha thiên thượng của chúng ta khi chúng ta bất tuân Lời Ngài, cho phép tội lỗi đi vào đời sống.

Bởi vậy Chúa phán rằng:

Hãy ra khỏi giữa chúng nó, hãy phân rẽ ra khỏi chúng nó,

Đừng đá động đến đồ ô uế,

Thì ta sẽ tiếp nhận các ngươi.

Ta sẽ làm Cha các ngươi,

Các ngươi làm con trai con gái ta,

Chúa Toàn năng phán như vậy (2 Cô-rinh-tô 6:17-18).

Cha mẹ trần gian mừng rỡ và vui hưởng sự trưởng thành của con cái khi chúng nó biết vâng lời và tôn trọng mình bao nhiêu thì Cha thiên thượng của chúng ta càng vui mừng hơn khi nhìn thấy con cái của Ngài biết vâng lời và lấy làm vinh dự chúng nó được mang Danh của Ngài.

Khi chúng ta bắt đầu làm quen với các nhân vật trong Kinh Thánh, chúng ta sẽ nhìn thấy cách Đức Chúa Trời yêu thương họ, và rồi tình yêu của Ngài trở thành chất xúc tác khiến họ có động cơ để tiếp tục vâng phục Ngài. Nhờ đó họ càng được Chúa ban phước hơn nữa.

Tuy nhiên có một số người từ chối vâng phục Chúa, trong khi một số khác vui hưởng tình yêu của Chúa và chia sẻ nó ra cho người khác. Hãy nghe Lời của Chúa Giê-su phán:

Ai có các điều răn của ta và vâng giữ lấy, ấy là kẻ yêu mến ta; người nào yêu mến ta sẽ được Cha ta yêu lại, ta cũng sẽ yêu người, và tỏ cho người biết ta (Giăng 14:21).

Đức Chúa Giê-su đáp rằng: Nếu ai yêu mến ta, thì vâng giữ lời ta, Cha ta sẽ thương yêu người, chúng ta đều đến cùng người và ở trong người (Giăng 14:23). Đây chính là điều mà sứ đồ Phao-lô đã cầu nguyện trong Ê-phê-sô 3:14-21.

Ấy là vì có đó mà tôi quì gối trước mặt Cha, bởi Cha mà cả nhà trên trời và dưới đất đều được đặt tên, tôi cầu xin Ngài tùy sự giàu có vinh hiển Ngài khiến anh em được quyền phép bởi Thánh Linh mà nên mạnh mẽ trong lòng; đến nỗi Đấng Christ nhân đức tin mà ngự trong lòng anh em; để anh em khi đã đảm rễ vững nền trong sự yêu thương, được hiệp cùng các thánh đồ mà hiểu thấu bề rộng, bề dài, bề cao, bề sâu của nó là thể nào, và được biết sự yêu thương của Đấng Christ, là sự trỗi hơn mọi sự thông biết, hầu cho anh em được đầy đầy mọi sự dư dật của Đức Chúa Trời.

Và, Đức Chúa Trời, bởi quyền lực cảm động trong chúng ta, có thể làm trỗi hơn vô cùng mọi việc chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng, nguyên Ngài được vinh hiển trong Hội thánh, và trong Đức Chúa Giê-su Christ, trải các thời đại, đời đời vô cùng! A-men.

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ THẨM PHÁN TỐI CAO

Đức Chúa Trời yêu thương và công bình thì hành kỷ luật trên tuyến dân của Ngài và trên cả những người không tin Ngài, cho phép họ chịu một sự khổ nạn nào đó khi họ bất tuân các mạng lệnh của Ngài. Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời không đến một cách tình cớ vì Ngài luôn luôn gọi đến sự cảnh báo trước đó. Sự phán xét của Ngài không bao giờ là không công bình. Tổ phụ đức tin Áp-ra-ham đã đặt vấn đề: “Không lẽ nào Chúa làm điều như vậy, diệt người công bình luôn với kẻ độc ác; đến nỗi kẻ người công bình cũng như người độc ác. Không, Chúa chẳng làm điều như vậy bao giờ! Đấng đoán xét toàn thể gian, há lại không làm sự công bình sao?” (Sáng

18:25). Và Mô-i-se đã đưa ra câu trả lời chính xác: “Công việc của Hòn-Đá là trọn vẹn; Vì các đường lối Ngài là công bình. Ấy là Đức Chúa Trời thành tín và vô tội; Ngài là công bình và chánh trực” (Phục truyền. 32:4).

Sự phán xét của Đức Chúa Trời luôn bày tỏ thuộc tính thánh khiết và tình yêu của Ngài: “Ngài chuộng sự công bình và sự chánh trực; Đất đầy dẫy sự nhân từ của Đức Giê-hô-va” (Thi. 33:5). Và: “Vì ta, Đức Giê-hô-va, ưa sự chánh trực, ghét sự trộm cướp và sự bất nghĩa” (Ê-sai 61:8). Đức Chúa Trời công bình không vì phạm các thuộc tính của Ngài hay bẻ gãy luật pháp mà chính Ngài đã lập. Ngài đã cảnh báo cho tổ phụ loài người trong vườn Ê-đen: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng: Ngươi được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến; vì một mai ngươi ăn, chắc sẽ chết” (Sáng. 2:16-17). Thế nhưng tổ phụ A-đam đã không vâng lời Chúa, và hệ quả là Chúa đã thi hành kỷ luật: “Ngươi sẽ làm đổ mồ hôi trán mới có mà ăn, cho đến ngày nào ngươi trở về đất, là nơi mà có ngươi ra; vì ngươi là bụi, ngươi sẽ trở về bụi” (Sáng. 3:19). Đức Chúa Trời của ân điển tha thứ tội lỗi cho con người, nhưng trong sự công bình, Ngài không thay đổi cách hành động khi phải đưa ra một hình thức kỷ luật. Ân điển của Đức Chúa Trời và sự cai trị của Đức Chúa Trời được sứ đồ Giăng gọi là “ơn và lễ thật” (Giăng 1:17). Hai phạm trù này không đối kháng nhau, vì ân điển cai trị xuyên qua sự công bình (Rô-ma 5:21).

Một mục sư kia đang giảng một sứ điệp có tựa đề: Tội Lỗi Của Các Thánh Đồ. Nhưng một số thành viên của hội thánh không cảm thấy hứng thú với sứ điệp đó. Họ nói: “Nếu ông giảng về tội lỗi, hãy giảng cho những người chưa tin. Và ông phải biết rằng tội lỗi của tín hữu chúng tôi thì khác biệt với tội lỗi của người ngoại bang.” Vị mục sư từ tốn trả lời: “Vâng, tội lỗi của chúng ta thì còn tệ hơn nữa.”

C.H Spurgeon đã nói: “Đức Chúa Trời không cho phép con cái của Ngài phạm tội một cách thành công.” Kinh Thánh nói gì về điều này?

Phải, khi Đức Giê-hô-va thấy sức lực của dân sự mình hao mòn, Và không còn lại tội mọi hay là tự chủ cho chúng nó, Thì Ngài sẽ đoán xét công bình cho chúng nó.

Và thương xót tôi tớ Ngài (Phục truyền. 32:36).

Vì chúng ta biết Đấng đã phán rằng: Sự trả thù thuộc về ta; ta sẽ báo ứng,

Ấy là lời Chúa phán. Lại rằng: Chúa sẽ xét đoán dân mình. Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay! (Hê-bơ-rơ 10:30-31)

Đức Chúa Trời ban cho quyền dân của Ngài những ân tứ và đặc ân, nhưng Ngài không bao giờ cho họ đặc quyền để phạm tội, rồi xem như là không có vấn đề gì. Chúng ta sẽ tìm thấy lẽ thật này được lặp đi lặp lại nhiều lần trong Kinh Thánh. Những chương tiếp theo sau sẽ làm sáng tỏ hơn nữa điều này. Và ngay cả khi tội lỗi được tha thứ, thì chuyện này cũng để lại một số hậu quả.

Bản tường thuật của Kinh Thánh về những lẽ thật trên đây rất đáng cho chúng ta suy nghĩ. Đức Chúa Trời đang phán dạy những lẽ thật cho con cái của Ngài. Những gì được viết ra là để cảnh báo chúng ta không phạm tội (1 Cô-rinh-tô 10:6-12). “Mọi điều đó đã xảy ra để làm gương cho chúng ta, hầu cho chúng ta chớ buông mình theo tình dục xấu, như chính tổ phụ chúng ta đã buông mình” (1 Cô-rinh-tô 10:6). Và những điều này cũng khích lệ chúng ta tiếp tục giữ vững sự trông cậy vào chính Đức Chúa Trời (Rô-ma 15:4). Khi một tín hữu phạm tội, người đó phải chịu đau khổ vì tội đó. Nhưng điều này không phải là lời bào chữa cho những người chưa tin vẫn tiếp tục sống trong tội lỗi. “Lại nếu người công bình còn khó được rồi, thì những kẻ nghịch đạo và có

tội sẽ trở nên thế nào?” (1 Phi-e-rơ 4:18) và: “Kìa, người công bình được báo đáp nơi thế thượng; Phương chi kẻ hung ác và kẻ có tội!” (Châm ngôn 11:31). Nếu hệ quả tạm thời của tội lỗi là mang đến sự đau khổ cho con cái Chúa trong cuộc đời này, thì hậu quả đời đời của tội lỗi sẽ ra sao cho những ai từ chối Chúa Giê-su Christ khi họ nhắm mắt lìa trần? Hỡi những kẻ yêu mến Đức Giê-hô-va, hãy ghét sự ác (Thi. 97:10). Nhưng ai phạm đến ta, làm hại cho linh hồn mình; Còn kẻ nào ghét ta, ắt ưa thích sự chết (Châm ngôn 8:36).

Bài 2 LU-XI-PHE

Ta sẽ lên trên cao những đám mây, làm ra mình bằng Đấng Rất Cao (Ê-sai 14:14). Tên gọi Lucifer xuất phát từ tiếng Latin có nghĩa là “người nắm giữ ánh sáng.” Một số giáo phụ của hội thánh gọi Satan là Lucifer khi họ giải thích câu Kinh Thánh Ê-sai 14:12 “Hỡi sao mai, con trai của sáng sớm kia, sao ngươi từ trời sa xuống! Hỡi kẻ giày đạp các nước kia, ngươi bị chặt xuống đất là thế nào!” Chúng ta biết từ ban đầu Satan là một thiên sứ sáng láng được Đức Chúa Trời tạo dựng để phục vụ cho công việc của Ngài. Và theo Kinh Thánh các thiên sứ này được so sánh với các ngôi sao. Khi Đức Chúa Trời sáng tạo nên vũ trụ thì “trong khi ấy các sao mai đồng hát hòa nhau” (Gióp 38:7), và Lucifer là một thiên sứ ở giữa các sao mai ấy. Theo một đường lối không được giải thích, vào một thời điểm không xác định sự tự kiêu của thiên sứ lớn này đã kéo theo sự phán xét cho sự sa ngã của nó và rồi bị Đức Chúa Trời loại bỏ (Khải huyền 12:1-9). C. H. Spurgeon đã nói về Ma quỷ: “Thực chất tình trạng chưa qua thử thách của Ma quỷ là một thiên sứ đã đánh mất sự thánh khiết”. Trong ý nghĩa ban đầu, Ê-sai 14:9-23 là một “bài ca nhạo báng” về vua của Babylon. Vị vua này khoe khoang trong niềm kiêu hãnh rằng ông ta sẽ leo lên nơi cao tới ngai của Đức Chúa Trời và tự làm cho mình giống như Đức Chúa Trời. Nhưng cuối cùng ông ta đã rơi xuống Sheol – địa hạt của sự chết giống như những quốc vương khác. Chúng ta cũng tìm thấy một đoạn văn tương tự trong Ê-xê-chi-ên chương 28, tại đây Đức Chúa Trời tuyên phán về sự sụp đổ của vua Tyre (câu 11-19). Trong khi những lời giải thích căn bản về hai đoạn Kinh Thánh trên đây được qui cho những vua đương thời – vua của đế quốc Babylon và của Tyre, thì phía sau nó dường như ám chỉ đến một vua được che giấu: vua của quyền lực chốn không trung là Satan. Nó là Ma quỷ, kẻ thù của Đức Chúa Trời và dân sự Ngài. Nhìn vào các việc làm và sự sụp đổ của hai vị vua kiêu ngạo trên đây, chúng ta có một minh họa sinh động về những phẩm cách, công việc của Satan và sự phán xét cuối cùng của Đức Chúa Trời dành cho nó. Câu gốc chỉ về Lucifer ở đây là Ê-sai 14:14, “Ta sẽ lên trên cao những đám mây, làm ra mình bằng Đấng Rất Cao” – một lời phát biểu bộc lộ bản chất kiêu ngạo của Satan.

THAM VỌNG

Tham vọng của một người có thể tốt hoặc xấu, tùy thuộc vào động cơ và phương pháp thực hiện. Lucifer có tham vọng “làm ra mình bằng Đấng Rất Cao”. Ý tưởng này là tội ác và không thể chấp nhận được.

Nếu động cơ cho tham vọng của chúng ta là tư lợi cá nhân, và phương pháp để thực hiện tham vọng đó là lừa dối và hãm hại người khác, khi đó tham vọng này hoàn toàn sai lầm. Nhưng nếu động cơ của chúng ta là dâng vinh hiển về cho Đức Chúa Trời, và phương cách thực hiện tham

vọng là làm theo ý muốn của Chúa và chờ đợi thời điểm mở đường của Ngài thì tham vọng (khát vọng) này là tốt. Thư tín Ga-la-ti chương 5 câu 17 đề cập đến “dục vọng – những điều ưa muốn của xác thịt” và trong Phi-líp chương 2 câu 3 cảnh báo chúng ta: “Chớ làm sự chi vì lòng tranh cạnh hoặc vì hư vinh”. Gia-cơ 3:14-16 cũng nói: “Nhưng nếu anh em có sự ghen tương cay đắng và sự tranh cạnh trong lòng mình, thì chớ khoe mình và nói dối nghịch cùng lẽ thật. Sự khôn ngoan đó không phải từ trên mà xuống đâu; trái lại, nó thuộc về đất, về xác thịt và về ma quỷ. Vì ở đâu có những điều ghen tương tranh cạnh ấy, thì ở đó có sự lộn lạo và đủ mọi thứ ác”. Những phần Kinh Thánh này cho chúng ta biết rằng những dục vọng hay tham vọng của xác thịt là thuộc về Ma quỷ.

Nhưng các khát vọng chính đáng ở trong Chúa có thể được ban phước. Trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:11, “ràng tập ăn ở cho yên lặng”. Chỗ này bản Kinh Thánh Tiếng Anh viết là: “Make it your ambition to lead a quiet life.” Và sứ đồ Phao-lô xác nhận là ông có tham vọng này: “Nhưng tôi lấy làm vinh mà rao Tin lành ở nơi nào danh Đấng Christ chưa được truyền ra” (Rô-ma 15:20). Ông muốn có một chức vụ làm đẹp lòng Chúa (2 Cô-rinh-tô 5:9). Chúng ta nhớ câu chuyện ngụ ngôn trong sách Ma-thi-ơ 25: 24-27 về người đầy tớ đem chôn giấu ta-lăng được giao là không có tham vọng làm lợi cho chủ, anh ta được xếp vào loại “đầy tớ dữ và biếng nhác”. Một trường hợp khác trong Kinh Thánh ghi lại tham vọng sai trật: Áp-sa-lom con trai của Đa-vít đã dùng mưu mẹo và thủ đoạn để tìm cách leo lên đỉnh cao của quyền lực thì tự mình chuốc lấy sự phán xét của Đức Chúa Trời.

Các vị vua thời xưa thường tự tôn chính mình lên ngang bằng thần thánh và có những hành động như những vị thần. Pha-ra-ôn đã hỏi: “Giê-hô-va là ai mà trẫm phải vâng lời người, để cho dân Y-sơ-ra-ên đi?” (Xuất Ê-díp-tô ký 2:5). Còn Nê-bu-cát-nét-sa thì khoe khoang: “Đây chẳng phải là Ba-by-lôn lớn mà ta đã dựng, bởi quyền cao cả ta, để làm đế đô ta, và làm sự vinh hiển oai nghi của ta sao?” (Đa-ni-ên 4:30).

Đức Chúa Trời gửi câu trả lời đến cho những người này, Ngài đã làm cho vương triều Ai-cập kinh hoàng qua một chuỗi phép lạ, và Ngài cũng biến đổi vị vua kiêu ngạo Nê-bu-cát-nét-sa trở thành súc vật ăn cỏ như bò trong bảy năm. Thêm một trường hợp khác là Hê-rốt Ạc-ríp-pa thích thú với tiếng tung hô của đám đông sau bài diễn thuyết: “Ấy là tiếng của một thần, chẳng phải tiếng người ta đâu!” (Công vụ 12:22). Và điều gì xảy ra sau đó? Ông ta bị “thiên sứ của Chúa đánh, bởi có chẳng nhường sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời; và vua bị trùng đục mà chết.”

Các trường hợp tự nâng mình lên làm thần của các vua trên đây minh họa cho chúng ta hiểu về mối liên kết của họ với Lucifer, nguyên là thiên sứ sáng láng. Các thiên sứ chỉ là vật thọ tạo, được dựng nên để làm đầy tớ Đức Chúa Trời, không thể nào ngang bằng với Đấng Tạo Hóa. Thế nhưng Lucifer đã có những ý tưởng khác. Tham vọng của nó là xấu xa. Nó muốn trở nên giống như Đức Chúa Trời là Đấng đã tạo dựng nên nó, và tuyên bố: “Ta sẽ làm ra mình bằng Đấng Rất Cao”. Kinh Thánh không giải thích đầy đủ về tất cả những gì đã xảy ra trong sự kiện này, nhưng khi Lucifer phản loạn nó đã kéo theo một số các thiên sứ khác. Sự phán xét của Đức Chúa Trời trên Satan và những thiên sứ theo nó là: “Con rồng lớn đó bị quăng xuống, tức là con rắn xưa, gọi là ma quỷ và Sa-tan, đồ dành cả thiên hạ; nó đã bị quăng xuống đất, các sứ nó cũng bị quăng xuống với nó” (Khải huyền 12:9). Bài thơ kinh điển *Đánh Mất Thiên Đàng* của Milton được căn cứ trên câu chuyện này.

SỰ KIÊU NGẠO

Tính kiêu ngạo nuôi dưỡng tham vọng ích kỷ. Nhiều nhà thần học tin rằng thói kiêu ngạo là khởi nguồn cho mọi tội lỗi. Vì lý do này kiêu ngạo là một trong những tội mà Đức Chúa Trời ghét.

“Có sáu điều Đức Giê-hô-va ghét, Và bảy điều Ngài lấy làm gớm ghiếc: Con mắt kiêu ngạo, lưỡi dối trá, Tay làm đổ huyết vô tội” (Châm ngôn 6:16-17).

Và trong Châm ngôn 16:18, “Sự kiêu ngạo đi trước, sự bại hoại theo sau, Và tánh tự cao đi trước sự sa ngã”.

Ý tưởng của Lucifer, “Ta sẽ làm ra mình bằng Đấng rất cao” là tiền đề cho lời dối gạt của nó khi cám dỗ Ê-va, “Người sẽ trở nên giống như Đức Chúa Trời” (Sáng thế ký 3:5). Nó đã thành công khi dùng một miếng mồi tấn công người nữ đầu tiên: người sẽ trở nên giống như một người nào đó. Đây chính là một lời hứa hư ảo, xuất phát từ sự kiêu ngạo đã đánh đúng tâm lý con người. Thế là Ê-va hoàn toàn sập bẫy.

Các nhà khoa học nghiên cứu hành vi con người cho chúng ta biết rằng phần lớn hành vi rối loạn thần kinh có liên quan trực tiếp đến sự kiêu ngạo. Những người như thế cần một phương thuốc tốt nhất cho sự khỏe mạnh vật lý và lòng trung thực. Cả Chúa Giê-su và sứ đồ Phao-lô đều biết người ta phải sống như thế nào trong một xã hội mà sự kiêu ngạo được thúc đẩy từ những người La Mã vốn là bậc thầy về sự khoe khoang. Sự kiêu ngạo tự tôn mình lên theo một giá trị ảo, trong khi sự khiêm nhường chính là hạ mình xuống để phục vụ người khác. Vì thế Chúa Giê-su đã cảnh báo các môn đồ: “Các ngươi biết rằng các vua dân ngoại thì ép dân phải phục mình, còn các quan lớn thì lấy quyền thế mà trị dân. Trong các ngươi thì không như vậy; trái lại, trong các ngươi, kẻ nào muốn làm lớn, thì sẽ làm đầy tớ các ngươi” (Ma-thi-ơ 20:25-26). Chúa Giê-su đã thực hành những gì Ngài dạy, Ngài từ bỏ địa vị bình đẳng với Đức Chúa Trời, trở thành một tôi tớ phục vụ con người và cuối cùng chịu chết trên thập tự giá như một của lễ hy sinh. Ngài đã trở thành một tấm gương hoàn hảo cho chúng ta (Phi-líp 2:1-11). Chúa Giê-su với những thuộc tính như thế hoàn toàn tương phản với Lucifer! Khiêm nhường luôn đối kháng với sự kiêu ngạo.

Phao-lô viết trong Rô-ma 12:3, “VẬY, nhờ ơn đã ban cho tôi, tôi nói với mỗi người trong anh em chớ có tư tưởng cao quá lẽ, nhưng phải có tâm tình tầm thường, y theo lượng đức tin mà Đức Chúa Trời đã phú cho từng người”. Ông cũng cảnh báo các hội thánh không được chọn lựa các tín hữu chưa trưởng thành (người mới tin đạo) vào vị trí người lãnh đạo. “Người mới tin đạo không được làm giám mục, e người tự kiêu mà sa vào án phạt của ma quỷ chẳng” (1 Ti-mô-thê 3:6). Người lãnh đạo sa vào án phạt của ma quỷ sẽ là một thảm họa cho hội thánh!

Những mẫu quảng cáo về những người “nổi tiếng” hiện nay khuyến khích mọi người tin rằng hoàn cảnh cá nhân, quyền lực, sự công nhận của đám đông, và những tài sản mà ai đó sở hữu thì đo lường giá trị bản thân của anh ta. Sự vắng mặt của các anh hùng dân tộc đích thực làm cho công chúng dễ dàng thờ lạy một người ở đẳng cấp cao và “nổi tiếng” được các chuyên gia quan hệ công chúng (Public Relation) là những người làm công tác quảng cáo đẩy lên cao. Khi con người tôn vinh, sùng bái một ngôi sao điện ảnh hay một hình tượng nổi bật nào đó trong các môn thể thao thì cũng giống như trong thời Cựu ước dân sự thờ phượng Baal hay thần Zeus. Tất cả các thần tượng do con người lập nên là một sai lầm đáng xấu hổ. Đôi khi khuynh hướng tôn vinh thần tượng cũng xâm nhập vào hội thánh và dường như chúng ta ngày càng có nhiều người “nổi tiếng”, trong khi những người đầy tớ phục vụ đúng nghĩa đang vơi dần.

Sự kiêu ngạo sai lầm ở chỗ nào? Tính kiêu ngạo đem người ta vào trong một thế giới không thực tế. Và nếu đời sống được đặt trên những điều hư ảo thì không thể lấy gì để nuôi dưỡng nó. Điều đó cũng giống như các con trẻ tham dự vào một trò chơi ảo được thưởng ăn kẹo ngọt trong

giờ ăn trưa thay vì ăn bữa ăn chính thức với đầy đủ chất dinh dưỡng. Những tham vọng ích kỷ làm no đầy cái tôi bản ngã nhưng phá hủy linh hồn. Nó gây ấn tượng trên một số người nào đó, nhưng làm cho Đức Chúa Trời đau buồn.

SỰ LỪA DỐI

Khi Đức Chúa Trời muốn vận hành bên trong các con cái của Ngài, Ngài sẽ dùng các lẽ thật trong Lời của Ngài và Đức Thánh Linh dạy các lẽ thật đó. Vì Đức Thánh Linh chính là “thần của lẽ thật” (Giăng 14:17; 15:26; 16:13). Đức Chúa Trời sử dụng lẽ thật để hoàn thành công việc Ngài, còn Satan dùng sự dối trá thúc đẩy công việc của nó.

Lần đầu tiên Satan xuất hiện trong Kinh Thánh dưới hình dạng một con rắn cám dỗ Ê-va (Sáng thế ký 3:1-4; 13-14). Chúa Giê-su gọi nó là “kẻ nói dối và là kẻ giết người” (Giăng 8:44). Và Phao-lô cảnh báo các tín hữu tại Cô-rinh-tô: “Tôi ngại rằng như xưa Ê-va bị cám dỗ bởi mưu chước con rắn kia, thì ý tưởng anh em cũng hư đi, mà dòi dôi lòng thật thà tinh sạch đối với Đấng Christ chẳng” (2 Côr. 11:3). Nếu những người lính Cơ Đốc không trang bị lẽ thật làm dây nịt lưng, gươm của Thánh Linh là Lời của Đức Chúa Trời và những vũ khí khác theo Ê-phê-sô 6:14-17 thì không thể đánh bại Satan. Hãy xem Satan xuất hiện trong sách Khải huyền 12:9-17, “Con rồng lớn” tức là “con rắn xưa” gọi là ma quỷ và Satan. Và Khải. 20:1-3, Satan bị xiềng lại đến ngàn năm. Sau cùng nó bị “quăng xuống hồ lửa và diêm” (Khải. 20:10). Công việc của nó kết thúc vĩnh viễn tại đây!

Về cơ bản Satan là một kẻ giả mạo, nó bắt đầu công việc của nó bằng cách cố gắng giả mạo làm Đức Chúa Trời. Từ khi sa ngã, nó đã chế tác ra một phúc âm giả bằng những việc lành (Ga-la-ti 1:6-9). Nó cấy trồng những Cơ đốc nhân giả mạo (Ma-thi-ơ 13:24-30; 36-43) là những người thực hành đời sống tôn giáo bên ngoài (Rô-ma 9:30 – 10:4). Những trợ thủ giả mạo của nó hầu việc nó (2 Côr. 11:13-15) trong một hội thánh giả (Khải. 2:9; 3:9). Đến cuối cùng Satan sẽ bỏ mạng che mặt ra, nó hiện nguyên hình là Antichrist. Cả thế giới mù lòa thuộc linh sẽ thờ phượng và vâng phục nó (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2; Khải. 13). Satan luôn luôn muốn được người ta thờ phượng và trong một khoảng thời gian ngắn tạm thời, dường như nó đã đạt được mục tiêu.

Khi Satan cám dỗ Ê-va nó nói ba điều dối trá. Thứ nhất, Satan đưa ra giả định là Đức Chúa Trời đã không thực sự hào phóng khi cấm Ê-va và A-đam ăn trái cây biết điều thiện ác. Thứ hai, nó phủ nhận Lời Chúa dạy là Ê-va sẽ chết nếu ăn trái cây đó. Thứ ba, nó khẳng định rằng thay vì chết khi ăn trái cây, Ê-va sẽ trở nên giống như Đức Chúa Trời. Bằng cách nói như thế Satan công bố rằng không hề có một chút lẽ thật nào ở trong Đức Chúa Trời, sẽ không có bất cứ hậu quả nào cho sự không vâng lời của cá nhân, và không có giới hạn nào về những gì con người sẽ thực hiện. Ba điều dối trá trên đây của Satan vẫn còn đang tái xuất hiện trong triết học và tôn giáo hôm nay, đặc biệt là trong Phong Trào Thời Đại Mới. Satan vẫn tiếp tục nói những điều dối trá trong thời đại này như nó đã từng làm trong Sáng thế ký chương 3, và thậm chí nó có thể chi phối hay làm nhiễm độc tư tưởng của những tín hữu chân thật.

Khi tin vào điều dối trá, Satan sẽ đi vào đời sống chúng ta. Nhưng khi tin vào lẽ thật của Đức Chúa Trời thì Đức Thánh Linh sẽ vận hành bên trong chúng ta. Khi nuôi dưỡng những tham vọng không chính đáng, chúng ta đang phục vụ cho thế giới, xác thịt và Ma quỷ. Hậu quả của điều này sẽ đem đến những rắc rối cho chúng ta. Nhưng khi chúng ta tìm kiếm con đường làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, hết lòng phục vụ Ngài, khi ấy phúc hạnh sẽ đuổi theo chúng ta.

Trong tác phẩm Sự Phân Cách Lớn Lao, C. S. Lewis đã viết: “Chỉ có hai loại người vào ngày cuối cùng: 1/ Những người nói với Đức Chúa Trời, “Ý Cha được nên”. 2/ Những người mà Đức Chúa Trời phán: “Ý của ngươi được thành”. Loại người thứ hai phải đi vào địa ngục! Và tất cả những rắc rối này đã khởi phát từ Lucifer.

Bài 3

A-ĐAM

Trong A-đam mọi người đều chết.

1 Cô-rinh-tô 15:22

A-đam là con người đầu tiên trong lịch sử loài người. Trước khi phạm tội không vâng lời Đức Chúa Trời, ông là một con người mang hình ảnh của Ngài và chắc chắn ông đã làm rất tốt công tác quản trị mà Chúa giao cho ông.

Nhưng A-đam đã không được đề cập nhiều về những việc làm tốt đẹp của ông trong Kinh Thánh. Ông hát bài ca hôn nhân trong Sáng thế ký 2:23, và ông thưa chuyện với Đức Chúa Trời trong Sáng thế ký 3:10-12 về lỗi lầm của ông. A-đam đã ăn trái cây Chúa cấm, và từ đó ông mang tội lỗi và sự chết vào trong dòng giống loài người. Giờ đây lịch sử loài người đi vào một khúc quanh mới tồi tệ. Phao-lô nói thẳng điều này: “Trong A-đam mọi người đều chết”, và vị sứ đồ mở rộng ý tưởng này trong Rô-ma 5:12-21. Bắt đầu từ Sáng thế ký chương 3, Kinh Thánh đã ghi lại những hậu quả tai hại cho hành động phạm tội của A-đam và phương cách mà ân điển của Đức Chúa Trời được bày tỏ trở lại với chúng ta sau khi tổ phụ loài người bị đuổi khỏi vườn Ê-đen.

Đức Chúa Trời đã thực sự làm gì khi Ngài tạo dựng con người A-đam đầu tiên? Chúng ta có thể hiểu chính mình và người khác tốt hơn nếu chúng ta trả lời chính xác câu hỏi này. Và tiếp theo chúng ta cũng sẽ hiểu rõ hơn về mục đích của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta trong thế giới. Sáng thế ký 1:26 – 2:27 sẽ là phần Kinh Thánh nền tảng để chúng ta suy nghiệm “sự mâu thuẫn” hay “ngịch lý” khi chúng ta nhìn vào những tính chất phức tạp của con người.

BỤI ĐẤT VÀ TINH THẦN

Tên A-đam có nguồn gốc từ tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “đất đỏ”, vì A-đam được tạo nên từ đất qua bàn tay của Đức Chúa Trời. Trong Sáng thế ký 2:7 “Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn lấy bụi đất nắn nên hình người, hà sanh khí vào lỗ mũi; thì người trở nên một loài sanh linh”.

Từ “nắn nên” (formed) mang một hàm ý: được tạo nên cho một mục đích. Từ này liên quan đến một từ Hê-bơ-rơ khác là từ “yoser” có nghĩa là thợ gốm. Đức Chúa Trời sáng tạo nên vũ trụ, các tầng trời, mặt đất và mọi thứ khác trong sáu ngày, rồi sau đó Ngài đem chúng đến cho A-đam để tổ phụ loài người làm công tác quản trị Chúa giao. Và đó cũng là mục đích mà Đức Chúa Trời thiết lập cho con người. Trái đất bao hàm mọi nhu cầu đã được chuẩn bị cho con người. Họ được trang bị để vui hưởng và quản trị tốt những gì Chúa dành cho. Trong sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, đây là một sự kết hợp hoàn hảo.

Sẽ là một lỗi lầm khi chúng ta quên rằng tên tổ phụ của loài người A-đam, có nghĩa là: bụi đất. Đức Chúa Trời “nhớ lại rằng chúng tôi bằng bụi đất” (Thi. 103:14) và Ngài ra lệnh tổ phụ chúng ta phải trở về bụi đất (Sáng. 3:19). Nhưng chúng ta có khuynh hướng nghĩ rằng ta chúng ta được tạo nên từ thép cứng và sẽ còn mãi trên trái đất này. H. C. Leupold đã dịch Truyền đạo 6:10, “Phàm điều gì có trước thì đã được đặt tên từ lâu rồi; loài người sẽ ra thế nào, thì đã biết từ trước

rời; người không thể cãi trả với Đấng mạnh hơn mình” ra ý này: “Con người có thể làm bất cứ điều gì, nhưng tên của họ đã được chỉ định từ trước và tên đó là *A-đam bụi đất*”. A-đam, ông ta chỉ là bụi đất. Ngay cả khi tên của bạn nổi tiếng khắp thế giới, thì tên gọi mà Đức Chúa Trời ban cho A-đam (có bạn trong đó) vẫn không thay đổi, nó chỉ là bụi đất. Một ngày nào đó bạn sẽ chết và tên của bạn bị lãng quên theo thời gian. Tôi có bốn quyển sách dày trong thư viện mang tựa đề Who Was Who. Đó là danh sách, tiêu sử những người nam và nữ nổi tiếng một thời, nhưng ngày hôm nay họ chỉ được một vài nhà viết sử biết đến. Trong lăng kính của Đức Chúa Trời, tất cả chúng ta đều có một cái tên chung: *A-đam bụi đất*.

Thân thể của A-đam đến từ đất, nhưng sự sống của ông đến từ Đấng ban hơi thở để ông trở nên “một linh hồn sống”.

Một trong những lý do mà nhiều người cảm thấy khó khăn khi phải định nghĩa con người đó là sự kết hợp giữa bụi đất và thần linh (deity). Trong thân thể vật lý con người được nối kết với trái đất, và trong bản chất thuộc linh con người được nối kết với thiên đàng. Nếu loại bỏ Đức Chúa Trời ra khỏi câu chuyện sáng tạo thì khi ấy A-đam chỉ là một sinh vật như những sinh vật khác, có lẽ A-đam sẽ có rất nhiều tài năng nhưng cũng chỉ là một trong nhiều loài động vật trên đất.

Nhà tự nhiên học Roy Chapman Andrew giải thích con người là “động vật có khả năng bất chước”, nhưng ông không trả lời được tại sao họ có khả năng này, và họ đến từ đâu? Thi sĩ người Anh T. S. Eliot đã viết về con người, “là một động vật cực kỳ thông minh, thích ứng nhanh với hoàn cảnh và tinh quái hơn cả các loài khác.” Còn Sigmund Freud, cha đẻ của ngành tâm thần học phát biểu, “Con người không khác biệt với các động vật khác, nhưng con người ở một đẳng cấp cao hơn.” Tuy nhiên Mortimer Adler, triết gia và nhà giáo dục người Mỹ đã viết trong tác phẩm *Sự Khác Biệt Của Con Người Và Điều Gì Làm Nên Sự Khác Biệt*: “Con người là hữu thể duy nhất khác với các loài động vật.” Và nếu như vậy các ấn ý đối với nhân loại về tính độc nhất này là gì? Có phải chăng con người chỉ khác biệt với các động vật khác về đẳng cấp nhưng không khác biệt về loài giống?

Trong thế giới của chúng ta, những hình thái thấp hơn của sự sống được quay vòng theo chu kỳ, trong khi sự sống con người có lịch sử thay đổi. Bạn có thể viết một quyển sách tựa đề *Đời Sống Của Con Ong*, bởi vì đời sống của con ong này thì rất giống với đời sống của một con ong khác cùng chủng loại. Nhưng bạn không thể viết một cuốn sách có tựa đề *Đời Sống Của Con Người*, bởi vì mỗi một con người có những câu chuyện khác nhau. Mặc dù chúng ta được sinh ra theo cùng một cách, rồi mỗi người lớn lên và cuối cùng sẽ chết. Nhưng điều gì xảy ra giữa những biến cố trong đời sống của từng người là hoàn toàn độc nhất – không có hoàn cảnh nào giống nhau tuyệt đối. Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên những thú nuôi và động vật hoang dã, nhưng Kinh Thánh không cho chúng ta thấy Ngài hà sinh khí trên chúng giống như Ngài đã làm cho A-đam (Sáng. 1:24-25). Kinh Thánh cũng cho chúng ta biết rằng con người được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời (Sáng. 1:27).

Bây giờ chúng ta hãy suy nghĩ đến tính cách nghịch lý của con người khi có cả hai hình ảnh của Đức Chúa Trời và hình ảnh của A-đam.

HÌNH ẢNH CỦA A-ĐAM VÀ HÌNH ẢNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Khi Đức Chúa Trời tạo dựng A-đam, Ngài tạo dựng con người đầu tiên này theo hình ảnh của Ngài (Sáng. 26-27; 5:1). Nhưng khi con cái của A-đam được thụ thai, chúng nó sẽ được tạo nên theo hình ảnh và giống như cha của chúng (Sáng. 5:3). Một chú thích rất có ý nghĩa trong bản Kinh Thánh Tiếng Anh NIV viết: “Đức Chúa Trời tạo dựng con người đầu tiên theo hình ảnh

hoàn hảo của chính Ngài, bây giờ khi A-đam phạm tội (không còn hoàn hảo nữa) đã sinh ra những đứa con theo hình ảnh không hoàn hảo của chính ông.”

Được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời hàm ý rằng chúng ta có một số điều ở bản thể bên trong của chúng ta liên kết với Đức Chúa Trời. Cây cối và động vật có sự sống từ sự cung ứng của Đức Chúa Trời theo những cấp độ khác nhau, và Ngài chăm sóc chúng. Nhưng không có bằng chứng nào nói rằng chúng có thể thiết lập mối liên hệ với Đức Chúa Trời giống như con người. Các loài động vật và con người đều được tạo nên từ đất (Sáng. 2:7, 19). Cả hai loại tạo vật này đều được ban cho cùng một loại thực phẩm (Sáng. 1:29-30), cùng nhận một sự ủy thác về việc sinh sôi nẩy nở giống nòi (Sáng. 1:22, 28), nhưng chỉ có con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời toàn năng muốn đóng dấu hình ảnh của Ngài vào những bình đất dễ vỡ là con người như một hành động mạnh mẽ của ân điển.

Bởi vì chúng ta được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, chúng ta là những con người khác biệt với các tạo vật còn lại trên trái đất. Chúng ta có tâm trí để hiểu biết và suy nghĩ, có tấm lòng để nuôi dưỡng ước muốn và yêu thương, có ý chí để đưa ra những quyết định. Xa hơn nữa Đức Chúa Trời cũng ban cho chúng ta uy quyền để chia sẻ công tác quản trị trái đất với Ngài (Sáng. 1:26-28). Chúng ta có trách nhiệm thờ phượng Ngài, vâng lời Ngài và dâng mọi vinh hiển cho Ngài về tất cả những gì Ngài đã ban cho chúng ta. Chúng ta cũng có trách nhiệm yêu thương và giúp đỡ người khác để họ có thể nhìn thấy hình ảnh của Đức Chúa Trời qua chúng ta.

Trước khi A-đam phạm tội, tổ phụ đã hợp tác với Đức Chúa Trời để hoàn thành ý chí của Ngài. A-đam làm việc trong vườn Ê-đen, đặt tên cho các loài động vật và tiếp nhận ca giải phẫu thiên thượng để Đức Chúa Trời đem đến cho ông một người giúp đỡ thích hợp (Sáng. 1:8-24). Ông và Ê-va đã ở trong mối tương giao với Đức Chúa Trời và vui hưởng các phước hạnh Chúa ban khi hai người cùng làm theo ý chí của Ngài.

Nhưng rồi sau đó A-đam đã không còn vâng lời Chúa, và điều này làm thay đổi mối liên hệ giữa vợ chồng của ông với Ngài. Hình ảnh của Đức Chúa Trời trong A-đam và Ê-va lúc này bị phá hỏng, và họ núp mình che giấu không dám trực diện với Đức Chúa Trời. Họ không còn vui hưởng sự hiện diện của Ngài! (Sáng. 3:1-8).

Hành động không vâng lời của A-đam và Ê-va đã ảnh hưởng lên toàn bộ dòng giống của họ sau đó. Vì vậy trong suy nghĩ, hành động của chúng ta là những hậu tự của A-đam, chúng ta dễ dàng đi theo đường lối riêng của mình thay vì bước theo đường lối của Đức Chúa Trời. Kinh Thánh diễn tả tình trạng đáng thất vọng của con người chúng ta trong Ê-phê-sô 4:17-19 và Rô-ma 1:18-32.

Vấn đề hiện nay là chúng ta có một bản chất bên trong bị chia cắt vì tội của A-đam. Chỉ duy nhất Đức Chúa Trời có thể làm thỏa mãn chúng ta, nhưng cũng giống như A-đam chúng ta tránh né hiện diện của Chúa vì trong chúng ta có những ước muốn khác hấp dẫn hơn là đi theo Lời Chúa. Augustine đã viết: “Đức Chúa Trời đã tạo dựng chúng ta cho chính Ngài, vì vậy lòng chúng ta không bao giờ được yên nghỉ cho đến khi chúng ta tìm được chỗ nghỉ yên trong Chúa.” Nhưng A-đam đã truyền lại cho chúng ta bản chất tội lỗi và chống nghịch Đức Chúa Trời. Ông cũng di truyền đến chúng ta một thân thể mà một ngày nào đó sẽ chết và trở về bụi đất. Nỗi sợ về sự chết sẽ đến—là một cảm giác thật ở bất kỳ một bản năng động vật nào nhưng chúng không thể dự liệu trước. Con người không thể tìm cách trì hoãn hay ngăn chặn sự chết theo ý của mình. Đức Chúa Trời có quyền năng chữa lành những bệnh tật và vết thương của chúng ta, nhưng chúng ta vẫn phải đối diện với sự chết vào một ngày không hẹn trước. Điều này như một cái xiềng sắt trói chặt con người không thoát ra được. Sự chết là một kẻ thù mà con người không có bất kỳ một vũ khí nào để dành chiến thắng, tuy nhiên đến cuối cùng nó sẽ bị hủy diệt (1 Cô-rinh-tô 15:26).

UY QUYỀN VÀ SỰ NÔ LỆ

Khi A-đam chưa phạm tội, ông và Ê-va thực hiện quyền quản trị mà Đức Chúa Trời ủy thác trên các động vật dưới nước, trên không trung và trên mặt đất. Từ khi hai con người đầu tiên này phạm tội thì hình ảnh của Đức Chúa Trời đã bị phá hỏng, họ đã đánh mất vương miện của công tác cai trị, trở thành nô lệ cho tội lỗi và di truyền điều này cho hậu tự của họ. Họ vẫn còn sử dụng thân thể, tâm trí và ý chí nhưng tri thức, sự ao ước, động cơ của họ đã bị chi phối, nhiễm độc bởi tội lỗi và họ không thể nào lường hết được những hậu quả của chúng.

Vấn đề này vẫn còn ảnh hưởng đến chúng ta ngày hôm nay, và trải qua nhiều thế kỷ nó được gia tăng cùng với sự phát triển của tri thức khoa học. Các nhà nghiên cứu phát triển những loại thuốc trừ sâu kéo theo những hệ lụy là giết chết các vật nuôi và nguồn nước bị ô nhiễm, cá cũng bị nhiễm độc dẫn đến các loại bệnh ung thư cho con người. Thảm thực vật đang bị phá hủy để lại những vùng đất xói mòn gây ra lũ lụt nhiều nơi. Hầu như khi con người phát triển một lĩnh vực nào đó rất tốt thì nó cũng kéo theo những điều xấu khác. Có nghĩa là khi chúng ta giải quyết được một vấn đề, thì sau đó chúng ta sẽ có hai hoặc nhiều hơn các vấn đề khác nữa cần giải quyết. Khi phạm tội, chúng ta sáng chế ra nhiều phương cách khác nhau để che giấu tội lỗi, và điều này chỉ làm cho tình trạng tội lỗi của chúng ta trở nên tệ hại hơn. Chúng ta không cố gắng làm đảo lộn cuộc sống hoặc sự cân bằng của tự nhiên, nhưng từ khi A-đam sa ngã, con người chúng ta là một sự pha trộn kỳ lạ của phát minh và phá hoại, của uy quyền và nô lệ. Chúng ta rất dễ sử dụng những ân tứ của Đức Chúa Trời ban cho theo đường lối và mục đích sai trật. Được sáng tạo theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, chúng ta kém hơn thiên sứ nhưng cao trọng hơn các động vật khác, nhưng đôi khi chúng ta rơi vào tình trạng đạo đức thấp kém giống như các loài động vật thay vì cao hơn chúng nhiều cấp độ. Chúng ta thậm chí còn sử dụng tính chất của loài vật để chi một người nào đó. Chúng ta nói anh này dơ bẩn như heo, cứng đầu như một con la, ngu như bò, dễ tuột như cá chình, xảo trá như cáo, vụng về như bò đực... Còn nếu chúng ta làm vài điều đáng tuyên dương, nhiều người sẽ gọi chúng ta là những thiên sứ.

Vậy thì chúng ta có thể vượt qua những bản chất tự nhiên của con người mặc dù tổ phụ A-đam sa ngã hay không? Có giải pháp nào cho đời sống con người vốn đầy những nghịch lý và mâu thuẫn?

Câu trả lời là có.

A-ĐAM ĐẦU TIÊN VÀ A-ĐAM SAU CÙNG

Theo Rô-ma 5:12-21 A-đam đại diện cho toàn thể loài người trong sáng tạo cũ. Các nhà thần học gọi A-đam là “thủ trưởng liên bang” hàm ý những gì ông làm để lại một hậu quả dây chuyền trên dòng dõi của ông. Có một vài điều áp dụng ở đây trong câu chuyện của người Phi-li-tin thách đấu với người Y-sơ-ra-ên: “Hãy chọn một người trong các người xuống đấu địch cùng ta. Nếu khi đấu địch cùng ta, hắn trỗi hơn và giết ta, thì chúng ta sẽ làm tôi các ngươi; nhưng nếu ta trỗi hơn hắn và ta giết hắn, thì các ngươi sẽ làm tôi chúng ta, và hầu việc chúng ta” (1 Sa-mu-ên 17:8-11).

Một số người hoài nghi có thể hỏi: “Đức Chúa Trời có thực sự hợp lý khi buộc tội toàn thể loài người sau khi A-đam phạm tội không vâng lời?” Đây không phải là vấn đề của sự công bằng nhưng của ân điển. Nếu Đức Chúa Trời làm điều “hợp lý, công bằng”, Ngài sẽ kết án toàn thể loài người và quên đi sự cứu rỗi. Thật ra nếu bạn và tôi ở vào vị trí của A-đam, chúng ta cũng sẽ hành động như ông ta. Toàn thể loài người bị phán xét vì những gì A-đam đầu tiên đã làm trong vườn Ê-đen. Tuy nhiên đây là tin tốt lành: Bạn và tôi được cứu chuộc khỏi tội lỗi vì A-đam sau cùng đã chết trên thập tự giá đền tội cho chúng ta. “Như trong A-đam mọi người đều chết, thì

cũng một lễ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại” (1 Cô-rinh-tô 15:22). Sự không vâng lời của A-đam mang đến tội lỗi và sự chết vào trong thế giới, nhưng sự hi sinh của Đấng Christ trên thập tự giá mang đến ân điển và lời hứa về sự phục sinh vinh hiển cho những ai đặt đức tin nơi Ngài. Đây là sự khôn ngoan và giải pháp đầy ân điển cho một vấn đề phức tạp. Khi chúng ta sinh ra lần đầu tiên, chúng ta được sinh ra trong sáng tạo cũ và “trong A-đam”, điều này khiến chúng ta trở nên những tội nhân. Nhưng khi chúng ta được tái sinh nghĩa là được sanh ra trong sáng tạo mới (2 Cô-rinh-tô 5:17), được “ở trong Đấng Christ”, chúng ta trở nên con cái của Đức Chúa Trời. Sứ đồ Phao-lô viết: “Người thứ nhứt là A-đam đã nên linh hồn sống” được trưng dẫn từ Sáng thế ký 2:7, và sau đó vị sứ đồ nói tiếp: “A-đam sau cùng là thân ban sự sống” (1 Cô-rinh-tô 15:45). Chúa Giê-su Christ “cũng ban sự sống cho những kẻ Ngài muốn” (Giăng 5:21). Bởi vì đây là đời sống mới trong Đức Thánh Linh, hình ảnh của Đức Chúa Trời bị làm hỏng trong sáng tạo cũ, giờ đây đã được thay đổi và chúng ta càng ngày càng trở nên giống Chúa Giê-su Christ khi tiếp tục bước đi với Ngài. Khi chúng ta cùng nhau suy gẫm Lời Chúa, cầu nguyện, thờ phượng và phục vụ Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ kinh nghiệm “mặc lấy người mới, tức là người đã được dựng nên giống như Đức Chúa Trời, trong sự công bình và sự thánh sạch của lễ thật” (Ê-phê-sô 4:24; Tham khảo: Cô-lô-se 3:9; Rô-ma 8:29). A-đam đầu tiên quản trị trong cõi sáng tạo cũ, nhưng ông ta cùng với vợ trở thành kẻ trộm cắp trái cây mà Chúa không cho phép (trộm cắp tức là lấy những gì không phải của mình), và bị đuổi ra khỏi vườn Ê-đen. Chúng ta cũng có hình ảnh ý nghĩa này: Trong giờ phút đau đớn chuẩn bị chết trên thập giá, A-đam sau cùng đã quay qua tên trộm cắp kẻ bên và tuyên phán: “Quả thật, ta nói cùng người, hôm nay người sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-đi” (Lu-ca 23:43). Chúa Giê-su đã không còn ở trên thập tự giá, nhưng Ngài vẫn đang sống, thực hiện công tác cứu chuộc tội nhân và tiếp nhận họ vào trong Ba-ra-đi. Cảm tạ Chúa về A-đam sau cùng!

Bài 4

Ê-VA

A-đam gọi vợ là Ê-va, Ê-va nghĩa là sự sống vì là mẹ của cả loài người.
(Sáng thế ký 3:20)

A-đam có nghĩa là bụi đất, và cái tên này *đồng nhất ông với sự chết (Sáng 3:19)*. Nhưng tên gọi Ê-va *đồng nhất với sự sống và cũng mang ý nghĩa đó*. A-đam đặt tên vợ mình là Ê-va, hành động này như một thông báo đức tin của ông vào lời hứa của Đức Chúa Trời là dòng dõi người nữ sẽ sống và giày đạp đầu con rắn (Sáng 3:15). Trước khi A-đam đặt tên cho vợ, Đức Chúa Trời đã cảnh báo rằng ông và vợ sẽ chết vì tội không vâng lời (Sáng 3:19), *nhưng A-đam tin rằng lời hứa về sự cứu rỗi sẽ đến vì vậy ông đặt tên cho vợ mình là “sống” đối lập với “chết”*. Đức Chúa Trời chấp nhận đức tin của A-đam và Ngài đã “lấy da thú kết thành áo dài cho vợ chồng A-đam, và mặc lấy cho” (Sáng 3:21) sau khi họ phạm tội. Huyết của một con sinh đã đổ ra, nó bị giết để lấy da may thành áo cho vợ chồng A-đam. Đây là minh họa đầu tiên cho ân điển của Đức Chúa Trời được tìm thấy trong Kinh Thánh – huyết đã đổ ra cho sự tha tội loài người. Sáng thế ký 3:15 cũng là lời tiên tri đầu tiên về Chúa Cứu Thế trong Kinh Thánh.

Rõ ràng là có nhiều ngụ ý về tên của Ê-va (nghĩa là sự sống).

Ê-VA ĐƯỢC TẠO NÊN TỪ SỰ SỐNG

Trong phần chú giải Sáng thế ký 2:21, Ma-thi-othew Henry đã viết, “Người nam ra từ bụi đất đã qua tình chế của Người Thợ Gốm thiên thượng, nhưng người nữ là bụi đất mà đã qua hai lần tình chế.” Đức Chúa Trời tạo nên A-đam từ bụi đất, rồi sau đó Ngài “hà sanh khí vào lỗ mũi; thì người trở nên một loài sanh linh.” (Sáng 2:7). Nhưng Ê-va được tạo dựng theo một cách khác: từ xương sườn của A-đam – một phần của cơ thể sống, và Kinh Thánh không nói rằng Đức Chúa Trời phải hà sanh khí vào lỗ mũi của Ê-va! Chúng ta tự hỏi có phải chăng sứ đồ Giăng đã nhìn thấy lẽ thật này khi ông viết Giăng 19:31-37 đề cập đến sườn của Chúa Giê-su trên thập tự giá. A-đam đã nói về vợ mình, “Người này là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi mà ra.” (2:23) và sứ đồ Phao-lô cũng viết về bức tranh của Đấng Christ và Cô Dâu của Ngài là Hội Thánh trong Ê-phê-sô 5:30-32. A-đam đầu tiên đã ngủ mê, rồi từ đó ra một cô dâu, nhưng A-đam sau cùng đã chết đau đớn trên thập tự giá để cho ra đời một Cô Dâu khác là Hội Thánh.

Ê-va đã được chia sẻ từ sự sống của A-đam, thì người tín hữu cũng được chia sẻ từ sự sống của Đấng Christ. “Ai tin Con, thì được sự sống đời đời; ai không chịu tin Con, thì chẳng thấy sự sống đâu, nhưng con thanh nô của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người đó” (Giăng 3:36). Và “Chúng ấy tức là Đức Chúa Trời đã ban sự sống đời đời cho chúng ta, và sự sống ấy ở trong Con Ngài” (1 Giăng 5:11).

Ê-VA ĐƯỢC TẠO DỰNG ĐỂ CHIA SẺ SỰ SỐNG

Trước khi A-đam đặt tên cho vợ mình, ông đã đặt tên “cho mỗi vật sống, đều thành tên riêng cho nó. A-đam đặt tên các loài súc vật, các loài chim trời cùng các loài thú đồng; nhưng về phần A-đam, thì chẳng tìm được một ai giúp đỡ giống như mình hết” (2:19-20). A-đam lúc ấy đã không tìm thấy trong các loài động vật “một người giúp đỡ phù hợp”. Từ “giúp đỡ” ở đây không hàm ý rằng Đức Chúa Trời sẽ gọi đến cho A-đam một người đầy tớ. Câu Kinh Thánh này phải được hiểu là: Người giúp đỡ là người tương ứng, phù hợp và bình đẳng với A-đam để hỗ trợ ông trong công tác mà Chúa ủy thác. “Người giúp đỡ” trong văn cảnh này không mang nghĩa là một người thấp bé hơn hay ở vào một vị trí kém hơn. Từ này nếu được hiểu là “một đối tác” thì nghĩa của nó sẽ gần hơn với ý tưởng được nói ở đây. Friedrich Nietzsche, triết gia theo chủ nghĩa hoài nghi đã viết, “phụ nữ là tạo vật ngớ ngẩn thứ hai của Tạo hóa”, nhưng rõ ràng F. Nietzsche đã sai lầm. Ê-va là tặng phẩm tuyệt vời nhất mà Đức Chúa Trời dành cho A-đam, cũng là cho nhân loại và thế giới.

Khi Phi-e-rơ nói rằng người vợ là một cái “bình yếu đuối hơn” (Bản KT Tiếng Anh KJV dùng từ *weaker vessel*. Bản KT Tiếng Việt dịch là *giống yếu đuối hơn*), vị sứ đồ hàm ý rằng người chồng phải xem vợ mình như là một bình sứ xinh đẹp, dễ vỡ đắt tiền, phải tỏ ra nhẹ nhàng lịch sự với cô ấy trong mọi cách cư xử (1 Phi-e-rơ 3:7). Người vợ và chồng phải đánh giá đúng những điểm mạnh và yếu của nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo chuẩn mực của Lời Chúa.

Ma-thi-othew Henry đã chú giải Sáng thế ký 2:22, ông yêu cầu chúng ta lưu ý về cách Đức Chúa Trời tạo nên người nữ, “Chúa không lấy một phần nào trên đầu của A-đam để tạo nên Ê-va, nếu vậy Ê-va sẽ cai trị trên A-đam. Người nữ cũng không được tạo nên từ xương bàn chân của người nam, nếu vậy người nam sẽ giày đạp người nữ. Nhưng người nữ được tạo nên từ xương sườn của người nam – có nghĩa là người nữ bình đẳng với người nam, cái xương sườn này ở dưới cánh tay để được người nam bảo vệ, và ở gần trái tim để được yêu thương”.

Trong hôn nhân, người nam và người nữ cùng bổ túc, bù đắp cho nhau những thiếu hụt của mỗi người. Vì vậy họ cần sự chăm sóc và yêu thương từ hai phía. Không phải tất cả mọi người đều kết hôn (Ma-thi-ơ 19:11-12), nhưng ai đã kết hôn trong Chúa thì phải xem người phối ngẫu là

một đối tác để yêu thương phục vụ. Hai người phải đồng cam cộng khổ với nhau, chia ngọt sẻ bùi trong những lúc vui hay buồn, thành công hay thất bại.

Khi một người nam và nữ kinh nghiệm đời sống chăn gối trong hôn nhân, họ trở nên “một thịt”. Sự hiệp nhất giữa vợ chồng trở nên sâu đậm trong mỗi lĩnh vực của đời sống khi họ cùng ăn ở với nhau và phục vụ người khác theo ơn Chúa gọi. Ý chỉ của Đức Chúa Trời là người nam và nữ phải tách ra khỏi cha mẹ để tạo lập một gia đình mới trong Chúa, họ phải thực hiện cam kết ràng buộc yêu thương nhau trọn đời sống. Đức Chúa Trời “dựng nên người nam cùng người nữ, ban phúc cho họ, và trong ngày đã dựng nên, đặt tên là người” (Sáng 5:2). Mỗi khi A-đam suy nghĩ về tên của mình, ông liên tưởng đến sự chết, nhưng khi nhìn vào Ê-va ông nghĩ đến sự sống.

Martin Luther đã khôi hài gọi Catherine, vợ mình, “Kitty, xương sườn của anh”. Ông làm chứng rằng đời sống hôn nhân của ông và Catherine rất hạnh phúc. Ông nói thêm, “Tài sản lớn nhất trên đất của tôi là người vợ yêu quý này.”

Sứ đồ Phao-lô am hiểu rõ ràng câu chuyện sáng thế, ông viết trong 1 Cô-rin-tô 11:9, “Bởi chưng không phải đàn ông ra từ đàn bà, bèn là đàn bà ra từ đàn ông”, nhưng lời phát biểu này không hàm ý người nữ thấp kém hơn người nam về phương diện địa vị trước mặt Chúa. Tiến sĩ Dwight Hervey, một chuyên gia về hôn nhân Cơ đốc giải thích, “Một người nữ khiêm nhường sẽ nhận biết rằng nàng được tạo dựng để dành cho người nam, và vinh hiển cho nàng khi biết rằng một mình nàng là chưa đầy đủ nếu không có chàng. Cũng giống như vậy, một người nam khiêm nhường sẽ nhận biết rằng một mình anh ta thì không đầy đủ nếu chưa có nàng, nhưng vinh hiển cho người nam là nàng được tạo nên để dành cho anh ấy.”⁽¹⁾

Ê-VA ĐƯỢC TẠO DỰNG ĐỂ NUÔI DƯỠNG SỰ SỐNG

Trải nghiệm đời sống chăn gối trong hôn nhân làm cho người nam và nữ trở nên “một thịt”. Họ là hai người ăn ở với nhau, người nữ thụ thai và họ sẽ có thêm người thứ ba và còn có thể có thêm nữa! Khuy nhiên của một số người ngày nay xem con cái là những trở ngại cho đời sống tự do phóng túng của họ. Tình dục – họ chấp nhận, nhưng sinh con cái họ nói: Không. Phá thai là phương pháp của con người để kiểm soát việc sinh sản. Nhưng Đức Chúa Trời yêu thương các con trẻ và trước giả Thi thiên nhìn nhận chúng là: “Kìa, con cái là cơ nghiệp bởi Đức Giê-hô-va mà ra; Bông trái của tử cung là phần thưởng” (Thi. 127:3). Tử cung không bao giờ được thiết kế để trở nên một nơi gieo rắc sự chết hay cản trở sự sống, bởi vì nó là nơi mà Đức Chúa Trời cho phép một đứa bé được hình thành và Ngài thấy “thể chất vô hình” của nó (Thi 139:13-16). Đức Chúa Trời tôn trọng người nữ trong thiên chức nuôi dưỡng sự sống ngay khi sự sống này vừa mới bắt đầu. Trong giai đoạn đầu của việc sinh con, người nữ phải thụ thai hơn chín tháng, rồi sau đó tiếp tục nuôi dưỡng con trẻ cho đến khi nó dứt sữa. Cánh tay người mẹ bảo bọc, ôm chặt con mình, tập cho nó ăn, khích lệ vỗ về nó, đôi khi mỉm cười hay rơi nước mắt vì con trẻ... Người mẹ là người nuôi dưỡng sự sống!

Bởi vì các Cơ đốc nhân đôi khi dùng những thuật ngữ về giống đực để chỉ các thân vị trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời, nên một vài người xem chúng ta là những người “phân biệt đối xử theo giới tính” và họ xếp Kinh Thánh vào loại “sách phân biệt đối xử theo giới tính”. Nhưng Đức Chúa Trời là thần linh và Ngài không có thân thể vật lý giống như con người, Ngài không có giới tính. Khi chúng ta nói về Chúa là “Cha thiên thượng”, chúng ta hàm ý đến chức vụ và hoạt động của Ngài, chứ không nói đến giới tính của Ngài. Còn Chúa Giê-su thì khác, Ngài đã chịu thụ thai bởi quyền phép Đức Thánh Linh và nhập thể vào đời với cơ thể một bé trai, Ngài là A-đam sau

cùng, Chúa của cõi sáng tạo mới. Giống như Cha thiên thượng, Đức Thánh Linh cũng không có giới tính, Ngài ngự bên trong những tín hữu nam và nữ.

Tuy nhiên, điều quan trọng mà chúng ta cần biết đó là: “Chức năng làm mẹ” là một trong những khía cạnh (aspect) thuộc về Đức Chúa Trời mà chúng ta không thể phủ nhận hay phớt lờ. Giống như một người mẹ, Đức Chúa Trời không thay đổi tình yêu của Ngài dành cho con cái. Ngài phán, “Đàn bà há dễ quên con mình cho bú, không thương đến con trai ruột mình sao? Dầu đàn bà quên con mình, ta cũng chẳng quên người” (Ê-sai 49:15). Trong tinh thần của một người mẹ, Chúa cũng phán, “Ta sẽ yên ủi các người như mẹ yên ủi con, và ấy là tại trong Giê-ru-sa-lem mà các người sẽ được yên ủi” (Ê-sai 66:13). Trẻ con khi bị đau ốm, tổn thương, hay sợ hãi một điều gì đó, chúng nó thường gọi mẹ cầu cứu, mặc dù chúng nó biết rằng người cha cũng rất yêu thương chúng. Tại sao? Bởi vì sự an ủi của người mẹ là vô cùng đặc biệt.

Đức Chúa Trời hào phóng chia sẻ niềm vui của Ngài, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ở giữa người; Ngài là Đấng quyền năng sẽ giải cứu người; Ngài sẽ vui mừng cả thể vì có người; vì lòng yêu thương mình, Ngài sẽ nín lặng; và vì có người Ngài sẽ ca hát mừng rỡ” (Sô-phô-ni 3:17). Bạn có thể tưởng tượng là Chúa ôm chặt các con cái Ngài trong cánh tay toàn năng và ca hát vui mừng với chúng? Thật là một bức tranh tuyệt vời về “chức năng làm mẹ” của Đức Chúa Trời.

Giống như một người mẹ, *Đức Chúa Trời không thay đổi mục đích của Ngài*. Mục đích đó là gì? Chính là nuôi dưỡng, hướng dẫn con cái đến tuổi trưởng thành để chúng nó bước đi trong sự khiêm nhường, ý thức được trách nhiệm cá nhân với gia đình và xã hội. Trước giả Thi thiên đã viết, “Hỡi Đức Giê-hô-va, lòng tôi không kiêu ngạo, Mắt tôi không tự cao, Tôi cũng không tìm tòi những việc lớn, Hoặc những việc cao kỳ quá cho tôi. Tôi đã làm cho linh hồn tôi êm dịu an tĩnh, Như con trẻ dứt sữa bên mẹ mình; Linh hồn ở trong mình tôi cũng như con trẻ dứt sữa vậy” (Thi. 131:1-2).

Chúng ta có thể không thích khi Đức Chúa Trời lấy đi trong tay chúng ta những đồ chơi rồi thay vào đó là những dụng cụ để làm việc, nhưng đó là qui luật của đời sống. Chúa có một chương trình tuyệt vời cho mỗi cuộc đời chúng ta, Ngài rất yêu thương chúng ta đến nỗi không cho phép chúng ta cứ ở mãi trong tình trạng non nớt chưa trưởng thành chỉ biết ham thích các đồ chơi.

Người cha có trách nhiệm bảo vệ, cung ứng những nhu cầu căn bản cho mọi người trong gia đình và đôi khi ông thi hành kỷ luật trên con cái. Người mẹ mang nặng đẻ đau con trẻ từ khi nó còn là một bào thai, và tiếp tục theo đuổi từng bước chân của con cho đến khi nó trưởng thành. Tình mẫu tử thiêng liêng vô bờ, chăm chút cho con không gì thay thế được. Cả hai người cha và mẹ phải “bền đỗ trong đức tin, trong sự yêu thương, và trong sự nên thánh” (1 Ti-mô-thê 2:15) nếu họ muốn Đức Chúa Trời ban phước trên thiên chức của người mẹ trong việc nuôi dưỡng con trẻ. Trong thời xưa sinh con không phải là một công việc dễ dàng, và nhiều bà mẹ phải chết vì điều này. Tại thành phố Ê-phê-sô, nơi Ti-mô-thê đang phục vụ Chúa, nhiều bà mẹ dâng hiến chính họ và con trẻ trong đền thờ của nữ thần Diana để cầu xin sự ban phước. Nhưng sứ đồ Phao-lô khích lệ các cặp vợ chồng trong hội thánh phải tin cậy và tìm kiếm sự ban phước từ Đức Chúa Trời.

Ê-VA CÓ MỘT VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG VIỆC CHUYỂN TÀI SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI CHO THỂ GIỚI

Đức Chúa Trời phán với Satan, “Ta sẽ làm cho mày cùng người nữ, dòng dõi mày cùng dòng dõi người nữ nghịch thù nhau. Người sẽ giày đạp đầu mày, còn mày sẽ cắn gót chân người” (Sáng 3:15).

Đây là lời hứa đầu tiên về một Đấng Cứu Rỗi sẽ đến trên dòng dõi của Ê-va sau khi Lucifer chiến thắng vợ chồng A-đam trong vườn Ê-đen. Đó là bản “tuyên ngôn chiến tranh” từ Đức Chúa Trời đối với Satan, và cuối cùng sự chiến thắng thuộc về Đức Chúa Trời và dòng dõi người nữ. Con của Đức Chúa Trời đã đến trong hình dạng của con loài người, Ngài đã đến phục vụ con người trong tinh thần của một đầy tớ, và cuối cùng Ngài đã vâng phục Đức Chúa Trời chịu chết trên thập tự giá hoàn thành chương trình cứu chuộc. Satan bị đánh bại tại thập tự giá của Đấng Christ. “Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, ở giữa chúng ta, đầy ơn và lễ thật” (Giăng 1:14). “Nhưng khi kỳ hạn đã được trọn, Đức Chúa Trời bèn sai Con Ngài bởi một người nữ sanh ra” (Ga-la-ti 4:4).

Đấng Christ được sinh ra từ một người nữ!

Sáng thế ký 3:15 thông báo rằng Đấng Cứu Rỗi sẽ đến dưới hình dạng một con người từ dòng dõi người nữ. Ngài không phải là một thiên sứ. Sáng thế ký 12:1-3 bày tỏ Đấng Cứu Rỗi là một người thuộc tuyến dân Israel, không phải là người ngoại bang. Và Sáng thế ký 49:10 cho biết rằng Ngài đến từ chi phái Giu-đa. Đức Chúa Trời cũng phán với Đa-vít rằng Chúa Cứu thế sẽ ra từ gia đình ông (2 Sa-mu-ên 7), và tiên tri Mi-chê đề cập đến Bết-lê-hem là “thành của Đa-vít” hàm ý nơi mà Cứu Chúa sẽ được sinh ra. Lời tiên tri trong Ê-sai 7:14 bày tỏ một người nữ đồng trinh sẽ sinh ra một bé trai là Em-ma-nu-ên. Lu-ca 1:26-56 ghi lại câu chuyện của Ma-ri, một nữ đồng trinh được chọn để sinh ra Cứu Chúa nhận được tin báo tốt lành từ thiên sứ Gáp-ri-ên.

A-đam được tạo dựng đầu tiên từ bụi đất. Ê-va được tạo dựng từ xương sườn của A-đam. Còn tất cả chúng ta được sinh ra theo cách thông thường từ cha mẹ. Tuy nhiên Cứu Chúa Giê-su sinh ra từ một người nữ (từ dòng dõi của Ê-va) bởi quyền phép siêu nhiên của Đức Thánh Linh, không có yếu tố người nam trong câu chuyện giáng sinh này. Không có người nam nào tham gia trong quá trình thụ thai của Ma-ri. Ma-ri khiêm nhường dành sự tôn vinh chúc tụng cho Đức Chúa Trời trong sự kiện có một không hai này. Và sau cùng thiên sứ Gáp-ri-ên đã nói với nàng: “Con trai ấy sẽ nên tôn trọng, được xưng là Con của Đấng Rất Cao” (Lu-ca 1:32).

Mỗi người chồng đều gọi tên vợ mình theo một nghĩa nào đó (dù nói ra hay không).

Phước hạnh thay cho những đôi vợ chồng trong Chúa, mà ở đó người chồng gọi vợ là “*Sự Sống*”.

Bài 5

CA-IN

Chớ làm như Ca-in, là kẻ thuộc về ma quỷ.

1 Giăng 3:12

A-đam và Ê-va bị đuổi vĩnh viễn ra khỏi vườn Ê-đen, và tiếp tục cuộc sống hôn nhân bên ngoài. Đức Chúa Trời ban phúc cho hôn nhân của họ? Khi suy nghĩ về tình trạng hôn nhân hiện tại hay của xã hội phương tây, chúng ta thật khó khăn để tin rằng câu chuyện hôn nhân đã từng được bắt đầu trong vườn địa đàng. Nhưng đó là sự thật. Đức Chúa Trời là chủ cho lễ hôn nhân đầu tiên khi Ngài mang Ê-va đến với A-đam. A-đam sau giấc ngủ mê đã khám phá một người nữ được đưa tới cùng ông, ông hát bài ca cho tình yêu đầu tiên và bước vào đời sống hôn nhân.

Sau đó vì tội không vâng lời, A-đam và Ê-va đã đánh mất uy quyền quản trị mà Chúa ủy thác. Bị kịch bắt đầu từ đây. Nhưng họ vẫn còn một lời hứa về một Đấng Cứu Rỗi sẽ được sinh ra và phục hồi mọi thứ mà họ đã đánh mất. Lời hứa này sẽ được hoàn thành trong Đấng Christ (Ê-phê-sô 2:6-9). A-đam và Ê-va nghĩ rằng đứa con đầu tiên của họ sẽ làm trọn lời hứa trên? Nếu có suy nghĩ đó, họ đã sai vì Ca-in đã đi vào con đường lầm lạc.

MỘT TẶNG PHẨM TỪ CHÚA

Mặc dù phải sống bên ngoài vườn Ê-đen, A-đam và Ê-va vẫn được Đức Chúa Trời ban phước trên hôn nhân của họ, họ sẽ sản sinh ra những con cái. Vợ chồng A-đam ăn ở với nhau, và Chúa ban cho Ê-va thụ thai. Kinh Thánh không ghi lại những cảm xúc và trải nghiệm của Ê-va khi mang thai, nhưng chắc chắn Đức Chúa Trời dạy cho người nữ đầu tiên này những bài học căn bản mà bà cần phải biết trong suốt quá trình thụ thai, sinh con và nuôi dưỡng nó. A-đam và vợ trải nghiệm đời sống hôn nhân, họ đã chia sẻ công việc sáng tạo với Đức Chúa Trời khi cho ra đời đứa con đầu tiên, Ê-va nói rằng: “Nhờ Đức Giê-hô-va giúp đỡ, tôi mới sanh được một người” (Sáng 4:1). Ê-va đã dâng vinh hiển cho Chúa khi nàng nói như thế. Ê-va đặt tên con là Ca-in có nghĩa là “kiếm được” hay “giành được”.

Từ buổi bình minh của đời sống hôn nhân gia đình, Kinh Thánh đã dạy rõ ràng rằng con cái là tặng phẩm đến từ Chúa, nó là niềm vui của cha mẹ chứ không phải là gánh nặng. Chúng ta nhớ trường hợp của Ra-chên khi cô nói chuyện với chồng, “Hãy cho tôi có con, bằng không, tôi chết”. Gia-cốp đã hỏi lại vợ mình, “Há ta được thay quyền Đức Giê-hô-va, mà không cho người sanh sản sao?” (Sáng 30:1-2). Gia-cốp hiểu rằng con người có thể tiến hành giao phối cho việc thụ tinh trong hôn nhân, nhưng sự thụ thai thực sự đến từ cánh tay toàn năng của Đức Chúa Trời (Thi thiên 139:13-18). Khi con người từ chối một em bé đã hình thành trong bụng mẹ là từ chối một tặng phẩm của Đức Chúa Trời. Cũng vậy, khi con người thực hiện hành động phá thai là can thiệp vào phép lạ của Đức Chúa Trời trong việc thụ thai. Trong Sáng thế ký chương 33, Ê-sau nhìn thấy một nhóm người đang ở chung quanh Gia-cốp, ông hỏi em trai, “Các người mà em có đó là ai?” Gia-cốp trả lời, “Ấy là con cái mà Đức Chúa Trời đã cho kẻ tôi tớ anh” (câu 5). Nhiều năm sau đó, khi Gia-cốp “nhìn thấy các con trai Giô-sép, bèn hỏi rằng: Những đứa này là ai? Giô-sép thưa rằng: Ấy là những con trai của con mà Đức Chúa Trời đã cho tại xứ này” (Sáng 48:8-9). Con cái thực ra là “cơ nghiệp bởi Đức Giê-hô-va mà ra” (Thi 127:3).

Ca-in và A-bên là những món quà mà Đức Chúa Trời gửi đến cho vợ chồng A-đam. Con cái là những tặng phẩm quý giá của Chúa ban cho chúng ta, và khi cha mẹ “dùng sự sửa phạt khuyên bảo của Chúa mà nuôi nấng chúng nó” (Ê-phê-sô 6:4) khác nào con cái được dâng trở lại cho Đức Chúa Trời. Không may là Ca-in và A-bên khác biệt trong tố chất và phẩm cách, và những điều xảy ra sau đó là bài học cho chúng ta hôm nay.

KÊ THUỘC VỀ MA QUI

Chớ làm như Ca-in, là kẻ thuộc về ma quỷ, đã giết em mình (1 Giăng 3:12; Sáng 4). Khi chúng ta suy nghĩ cẩn thận về công việc của Lucifer, chúng ta biết nó là một “kẻ giả mạo”, nó dẫn dắt

người ta trở thành những con cái của nó (1 Giăng 3:10). Trong chuyện ngụ ngôn về cỏ lùng (Ma-thi-ơ 13:24-30, 36-43), Chúa Giê-su đã dạy rằng con cái Đức Chúa Trời là những tín hữu thật giống như những hạt giống lúa tốt mà Chúa đã gieo trồng trong những nơi khác nhau để sinh ra kết quả. Nhưng bất cứ ở đâu khi Chúa gieo trồng những hạt giống của Ngài, thì ma qui cũng đến và gieo trồng hạt giống cỏ lùng của nó. Cả hai loại hạt giống này cùng phát triển và rất khó để tách biệt ra. Nói một cách khác, có những người trên thế giới này là những Cơ đốc nhân giả mạo – và có thể họ cũng nghĩ họ là Cơ đốc nhân thật sự, nhưng rồi đến ngày phán xét cuối cùng, họ bị Chúa Giê-su từ chối. Chúa phán về điều này:

“Chẳng phải hễ những kẻ nói cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên đàng đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha ta ở trên trời mà thôi. Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri sao? nhân danh Chúa mà trừ quỷ sao? và lại nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao? Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta!” (Ma-thi-ơ 7:21-23).

Khi Giăng Báp-tít là hạt giống tốt được Đức Chúa Trời “gieo trồng” bên bờ sông Giô-đanh, thì những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê kéo đến. Giăng gọi họ là “đồng dôi răn lục”, con cái của ma qui. Chúa Giê-su cũng xác nhận lại cụm từ này khi Ngài nói về người Pha-ri-si (Ma-thi-ơ 12:34; 23:33), Chúa phán thẳng thừng, “Các ngươi bởi cha mình, là ma qui, mà sanh ra” (Giăng 8:44). Chúa Giê-su và Giăng đã không dùng những cụm từ này khi nói đến những người thu thuế hay kỹ nữ đương thời. Chúa Giê-su và Giăng chỉ dùng nó khi nói đến tầng lớp lãnh đạo trong tôn giáo tự mãn về nếp sống công bình riêng mà từ chối sự công bình của Đức Chúa Trời. Những người này mang tinh thần của Lucifer “ta sẽ làm ra mình bằng Đấng Rất cao”. Ngày nay nhiều người trong các nhà thờ rất lịch sự, chính tề theo cách bề ngoài, họ giả mạo là Cơ đốc nhân tự lập sự công bình riêng của mình và khước từ sự công bình của Đức Chúa Trời (Rô-ma 10:1-4). Ca-in và A-bên cùng lớn lên trong một gia đình, được cha mẹ nuôi dưỡng và giáo dục giống nhau, nhưng hai tính cách của họ đối kháng nhau. Ca-in làm nghề nông và lấy nông sản dâng lên trước bàn thờ Đức Chúa Trời, nhưng Ngài từ chối của dâng này vì nó không được dâng lên bởi đức tin. Điều khác biệt giữa Ca-in và A-bên là đức tin. Mỗi người đều dâng lên thành quả lao động của mình, nhưng của lễ của A-bên được Chúa chấp nhận vì ông đang thực hành đức tin. “Bởi đức tin, A-bên đã dâng cho Đức Chúa Trời một tế lễ tốt hơn của Ca-in, và được xưng công bình” (Hê-bơ-rơ 11:4). Tấm lòng của Ca-in không ngay thẳng với Đức Chúa Trời và em trai của mình. Tấm lòng ấy chứa đầy đố kỵ và giận dữ, điều đó tạo cơ hội cho tội lỗi “rình đợi trước cửa” (Sáng 4:6-7). Ma qui đứng bên ngoài chờ đợi để được mời vào. Ca-in đã đóng cánh cửa lòng của mình đối với Đức Chúa Trời và người em trai, nhưng ông lại mở ra cho ma qui, và rồi cơn giận bên trong khiến ông thành kẻ giết người (Ma-thi-ơ 5:21-26). Khi Đức Chúa Trời hỏi Ca-in về sự vắng mặt của người em trai, ông đã phủ nhận là không biết chỗ ở của A-bên. Giống như cha mình là Satan, Ca-in đã nói dối và giết người (Giăng 8:44). Ca-in có vẻ “bề ngoài giữ điều nhân đức” (2 Ti-mô-thê 3:5) nhưng ông ta không có sự công bình thật đến bởi đức tin. Ca-in là một kẻ giả mạo.

Kinh Thánh nói đến “đường của Ca-in” (Giu-đe 11). Đó là con đường của kẻ không có đức tin, tìm cách lập sự công bình riêng và mang một chiếc áo tôn giáo. Đó cũng là con đường của Satan, kẻ đã theo đuổi ý tưởng “ta sẽ làm ra mình bằng Đấng rất cao”. Đó là con đường của sự tự cao dẫn đến sự chết đời đời. Cho dù là như vậy, nhưng con đường của Ca-in lại trở nên phổ biến và nhiều người đang đi theo. Tại sao? Chúng ta thử xem xét vấn đề này.

NGƯỜI XÂY DỰNG THÀNH PHỐ.

Khi Ca-in giết A-bên, ông ta thực sự đã tấn công Đức Chúa Trời, bởi vì A-bên là hình ảnh của Chúa. Qua thực trạng này, Ca-in đã hành động như một kẻ gian ác. “Hễ kẻ nào làm đổ máu người, thì sẽ bị người khác làm đổ máu lại; vì Đức Chúa Trời làm nên người như hình của Ngài” (Sáng 9:6). Thay vì lấy mạng sống của Ca-in, Đức Chúa Trời làm cho ông sống cũng như chết, Ca-in trở thành kẻ bơ vơ, lang thang trên mặt đất. Ca-in không bao giờ ăn năn về tội lỗi của mình, ông chỉ lăm bằm về nỗi khổ bị trừng phạt đang gánh chịu. Cái chết không đến với Ca-in sau khi ông phạm tội. Để bảo đảm là Ca-in sẽ không bị người khác giết chết, Đức Chúa Trời đã đánh dấu trên người ông theo một cách đặc biệt, nhưng Ca-in sẽ sống phần đời còn lại trong hổ nhục và tội lỗi.

Ca-in chạy trốn khỏi hiện diện của Đức Chúa Trời, ông lang thang về phía đông của vườn Ê-đen, tại đó ông xây dựng một thành phố và cố gắng quên đi quá khứ. Vì hành động giết người của Ca-in, Đức Chúa Trời đã rủa sả đất canh tác (Sáng 4:10-12), Ca-in thôi không theo đuổi nghề nông nữa, ông chuyển sang xây dựng một thành phố. Ca-in trở thành người đặt nền tảng cho “thế gian” – theo cách nói của Kinh Thánh. Trong thành phố đó Ca-in tìm thấy những điều thay thế cho sự ban phước mà ông đã đánh mất vì có tội lỗi. Dòng dõi của Ca-in tiếp tục xây dựng những thành phố khác, họ sáng chế ra các nhạc cụ và rên “các thứ khí giới bén bằng đồng và bằng sắt”. Kế hoạch ban đầu của Đức Chúa Trời dành cho hôn nhân con người đã bị phá vỡ và tình trạng bạo lực giữa con người với nhau bắt đầu xuất hiện (Sáng 4:16-24).

Các thành phố, nhạc cụ và âm nhạc, các thứ vũ khí... không có gì sai, nhưng khi con người để Đức Chúa Trời ra bên ngoài bức tranh toàn cảnh của mình thì đó là một thảm họa. Nhưng đây lại là chính xác những gì dòng dõi Ca-in đã làm. Nền văn minh mà Ca-in đã xây dựng rơi vào tình trạng bạo lực và đầy tội lỗi. Đã đến lúc Đức Chúa Trời phải ra tay làm sạch lại thế giới này qua trận đại hồng thủy (Sáng 6:1-13).

Ca-in là một kẻ giả mạo, và từ cuộc đời ông đã sản sinh ra những đứa con trai và con gái nối tiếp bước chân ông. Khi chúng ta so sánh những cái tên của hậu tự Ca-in (Sáng 4:16-18) với hậu tự của Sét là người thay chỗ của A-bên (Sáng 5), chúng ta thấy có vài điều tương tự lý thú. Hê-nóc/Ê-nót/Hê-nóc (4:7; 5:6, 18). Mê-hu-da-ên/Ma-ha-la-le (4:18; 5:12). Mê-hu-da-ên/Mê-tu-sê-la (4:18; 5:21) và Lê-méc/ Lê-méc (4:18; 5:25). Nhưng dòng dõi của Sét dẫn đến Nô-ê là người công bình đã được cứu cùng với gia đình của ông trong trận đại hồng thủy. Hê-nóc dòng dõi của Ca-in trùng tên với Hê-nóc, hậu tự của Sét, nhưng ông ta không bước đi cùng Đức Chúa Trời giống như Hê-nóc là hậu tự của Sét (Sáng 5:22-24).

Dòng dõi gian ác của Ca-in và dòng dõi tin kính của Sét càng ngày càng trở nên gần nhau, chẳng bao lâu sau đó họ kết hợp cùng nhau (Sáng 6:1-2), và rồi Nô-ê cùng với gia đình của ông được kể là những người công chính mà Đức Chúa Trời tìm thấy lúc bấy giờ. Đức Chúa Trời quyết định quét sạch khỏi mặt đất nền văn minh của Ca-in xây dựng và bắt đầu trở lại với gia đình Nô-ê. Mặc dù vậy, sau sự kiện đại hồng thủy tẩm lòng của con người trên đất vẫn tiếp tục bằng hoại. Nim-rót đã khôi phục nền văn minh của Ca-in và xây dựng để chế Ba-by-lôn (Sáng 18:8-10). Tháp Ba-bên (Sáng 11) là một dự án thách thức Đức Chúa Trời và Ngài phải ra tay khiến cho nó bị dừng lại nửa chừng. Tháp Ba-bên là biểu tượng của xã hội con người loại bỏ Đức Chúa Trời ra ngoài và cố gắng thay thế Ngài bằng sự vinh hiển loài người. Ba-by-lôn lớn là biểu tượng đậm đàng góm ghiếc trong Khải huyền 17 – 18, nó tương phản với Cô dâu thánh khiết tinh sạch là Hội thánh.

Tất cả các tín hữu chân thật là cư dân của thiên đàng (Lu-ca 10:20; Phi-líp 3:19-20), những người này không thuộc về thế gian mà dòng dõi của Ca-in có thể lôi kéo (Giăng 17:14-17). Chúa Giê-su phán trong Lu-ca 16:8, “Vì con đời này trong việc thông công với người đồng đời mình thì khôn khéo hơn con sáng láng.” Các con cái của đời này (thuộc dòng dõi Ca-in) biết cách kiếm tiền và giành được “sự thành công” theo cách nhìn của thế gian. Nhưng họ không thể nhìn xa hơn vào cõi đời đời, do đó không thể có sự thỏa lòng thực sự. Những vui hưởng thế gian của họ không bù đắp được sự thiếu hụt bên trong. Ba-by-lôn và hệ thống thế gian của nó cuối cùng sẽ kết thúc. Kinh Thánh nói gì về thực trạng này?

“Ba-by-lôn lớn đã đổ rồi, đã đổ rồi!” Khải 18:2.

“Và thế gian với sự tham dục nó đều qua đi, song ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời.” 1 Giăng 2:17.

Bài 6

A-BÊN

Bởi đức tin, A-bên đã dâng cho Đức Chúa Trời một tế lễ tốt hơn của Ca-in, và được xưng công bình.

Hêb. 11:4

Điều quan trọng trong cuộc sống không phải là những gì chúng ta hay người khác đánh giá về chính mình, nhưng là Đức Chúa Trời đánh giá chúng ta. Chúa là vị thẩm phán công minh có uy quyền tối hậu, khi Ngài xem xét và đánh giá tất cả những động cơ, lời nói của chúng ta. Ngài phán với tiên tri Sa-mu-ên, “Đức Giê-hô-va chẳng xem điều gì loài người xem; loài người xem bề ngoài, nhưng Đức Giê-hô-va nhìn thấy trong lòng” (1 Sa-mu-ên. 16:7).

Theo cách nhìn của con người, cả hai anh em A-bên và Ca-in, đều là những người con tốt, làm việc chăm chỉ và có nếp sống thực hành tôn giáo. Tuy nhiên theo nhãn quan của Đức Chúa Trời, tấm lòng Ca-in thuộc về ma quỷ, trong khi tấm lòng của A-bên thuộc về Chúa.

Đức Chúa Trời đánh giá A-bên là công bình qua đức tin của ông. Nếu chúng ta muốn được Chúa chấp nhận, chúng ta phải học bài học quý báu này.

SỰ CÔNG BÌNH ĐẾN BỞI ĐỨC TIN

“Bởi đức tin, A-bên đã dâng cho Đức Chúa Trời một tế lễ tốt hơn của Ca-in, và được xưng công bình, vì Đức Chúa Trời làm chứng về người rằng Ngài nhậm lễ vật ấy” (Hêb.11:4). Đối tượng mà đức tin nhắm đến sẽ quyết định đức tin ấy có hiệu quả hay không. A-bên đã xác định đối tượng của đức tin là chính Đức Chúa Trời. Trước đó A-đam và Ê-va đã học biết rằng họ không thể nào lấy lá cây và đề che phủ thân thể tội lỗi của họ, đó chỉ là nỗ lực cá nhân. Sau khi vợ chồng A-đam phạm tội, Đức Chúa Trời đã giết một con chiên, Ngài lột da nó kết thành áo dài cho A-đam và Ê-va. Huyết vô tội đã phải đổ ra, và đó là chiếc áo công bình của Đức Chúa Trời mặc cho tổ phụ loài người (Sáng. 3:7; 21). Bằng một phương cách khó giải thích, A-bên đã học được bài học từ cha mẹ của mình, ông quyết định tin vào những lời phán dạy của Đức Chúa Trời. A-bên được cứu bởi đức tin và ông mặc lấy sự công bình của Đức Chúa Trời.

Sự công bình của Đức Chúa Trời được tiếp nhận bởi đức tin là lẽ thật căn bản được tìm thấy xuyên suốt kinh Thánh, bởi vì đây là con đường duy nhất mà qua đó Chúa cứu chuộc chúng ta.

“Áp-ram tin Đức Giê-hô-va, thì Ngài kể sự đó là công bình cho người” (Sáng 15:6). Đa-vít cũng viết trong Thi thiên, “Phước thay cho người nào được tha sự vi phạm mình. Được khỏa lấp tội lỗi mình! Phước thay cho người nào Đức Giê-hô-va không kể gian ác cho. Và trong lòng không có sự giả dối!” (Thi 32:1-2). Sứ đồ Phao-lô đã trưng dẫn Sáng 15:6 và Thi 32:1-2 trong chương bốn của thư tín Rô-ma để giải thích lễ thật kỳ diệu về sự xưng công bình bởi đức tin thông qua Chúa Giê-su Christ. Trước đó tiên tri Ha-ba-cúc đã tuyên bố một lời gồm bảy từ mạnh mẽ, “Người công bình sống bởi đức tin” (Ha-ba-cúc 2:4). Câu này được trưng dẫn lần nữa trong Rô-ma 1:17, Ga-la-ti 3:11 và Hê-bơ-rơ 10:37-38.

Đức Chúa Trời chấp nhận đức tin của A-bên bởi vì ông đã dâng một của lễ đúng nghĩa. Phao-lô đã giải thích rõ ràng điều này trong Rô-ma 5:9, “nay chúng ta đã nhờ huyết Ngài được xưng công bình”. Sự xưng công bình không đơn giản là Đức Chúa Trời nhanh chóng lau sạch hồ sơ tội lỗi của con người chúng ta một cách vô điều kiện. Trước đó Đức Chúa Trời đã cảnh báo tổ phụ loài người là họ sẽ chết nếu bất tuân mạng lệnh của Ngài, vì vậy sự xưng công bình là vấn đề của sự sống và sự chết. Chúa Giê-su đã mang lấy tội lỗi của chúng ta khi Ngài chết trên thập tự giá, và khi chúng ta đặt đức tin vào Ngài chúng ta được mặc lấy sự công bình của Ngài. Sự xưng công bình cần phải có một giá để trả. Chúa Giê-su đã trả giá đó thay cho chúng ta.

SỰ CÔNG BÌNH DẪN ĐẾN NHÂN CÁCH TỐT VÀ VIỆC LÀM TỐT

Sự công bình riêng sai trật của Ca-in được che đậy trong chiếc áo của những hoạt động tôn giáo. Người có động cơ không chính đáng có thể đến bàn thờ dâng của lễ, rồi sau đó quay lưng đi ra giết anh em mình, nhưng người tín hữu chân thật thì đề của lễ trước bàn thờ, trở về giảng hòa với anh em trước đã rồi mới đến dâng của lễ (Ma-thi-ơ 5:23-24). A-bên đã kinh nghiệm sự thay đổi bên trong bởi đức tin, và kết quả của điều này là ông có được một nhân cách tốt và việc làm tốt. Còn Ca-in đã để cho sự lừa dối cai trị, hệ quả của nó là ông sống trong sự giả hình, trong khi đó A-bên kinh nghiệm “ân điển cai trị bởi sự công bình” (Rô-ma 5:21).

Tại sao Ca-in giết em trai của mình? “Bởi việc làm của Ca-in là dữ, còn việc làm của em người là công bình” (1 Giăng 3:12). Chúng ta không biết dấu hiệu nào cho biết Đức Chúa Trời chấp nhận của lễ từ A-bên dâng lên, có lẽ lửa đến từ thiên đàng thiêu đốt của lễ hay là Chúa đã phán rõ ràng trong sự kiện này? Danh từ số nhiều “offerings” trong Hê-bơ-rơ 11:4 có thể hàm ý rằng mỗi lần A-bên dâng của lễ tại bàn thờ ông được sự chấp nhận từ thiên thượng, và Ca-in có lẽ đã ghi nhận điều này vì thế ông càng trở nên giận dữ và phẫn uất. Chúng ta đọc bản Kinh thánh tiếng Anh: “*By faith Abel brought God a better offering than Cain did. By faith he was*

commended as righteous, when God spoke well of his offerings. And by faith Abel still speaks, even though he is dead” (Heb. 11:4).

Thật là một điều đáng thương cho Ca-in, khi ông đến thờ phượng Đức Chúa Trời rồi ra về với một tấm lòng nung đốt những ý tưởng giết người!

Bạn có thể đặt câu hỏi cho Ca-in, bạn sẽ khám phá là thần học của ông nghe có vẻ hợp lý. Ca-in tin vào Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo mọi điều. Ông tin rằng Đức Chúa Trời mong đợi sự thờ phượng và lời tạ ơn từ con người. Ca-in cho rằng cả ông và người em trai đều làm việc chăm chỉ để chia sẻ gánh nặng trong gia đình và giống nhau trước mặt Chúa. Nhưng ma quỷ cũng tin có một Đức Chúa Trời, tuy nhiên chúng nó run sợ và không được cứu (Gia-cơ 2:19). Trong sự kiện này có một vài điều Ca-in đã không làm theo ý Chúa. Đó là lý do mà sứ đồ Gia-cơ nói, “xác chẳng có hồn thì chết, đức tin không có việc làm cũng chết như vậy” (Gia-cơ 2:26).

Đức tin chết là đức tin lừa dối, nhưng nó không thể lừa dối Đức Chúa Trời. Đức tin thật nhận được sự cứu rỗi khiến cho người tín hữu trở nên một tạo vật mới. Người đó trao quyền cai trị đời sống cho một ông chủ mới, anh (chị) ta có những ưu tiên mới trong cuộc sống, anh ta có những động cơ và tình cảm mới với Đức Chúa Trời và những người chung quanh. Đức Chúa Giê-su gọi A-bên là “người công bình” (Ma-thi-ơ 23:35), và sứ đồ Giăng cũng xác định hành động của A-bên được kê là công bình. Trong nhân cách và hành vi A-bên đã bày tỏ ông là người công bình.

SỰ CÔNG BÌNH DẪN ĐẾN LỜI CHÚNG TỐT

Sự công bình của A-bên không chỉ được tìm thấy trong đời sống và sự thờ phượng nhưng cũng trong sự chết của ông. A-bên đã bị giết chết bởi vì sự trung tín của ông trong hành động thờ phượng và hầu việc Đức Chúa Trời. Ông đã bị giết bởi một thành viên trong gia đình (Ma-thi-ơ 10:36). Ca-in là người con trai đầu lòng, nhưng Đức Chúa Trời đã bỏ qua Ca-in để chọn người em trai của ông làm hình bóng thực hiện lời hứa về Đấng cứu chuộc. Đây là hành động Chúa vẫn thường làm trong lịch sử tuyển dân. Trong Sáng thế ký 17:17-20, Đức Chúa Trời đã từ chối Ích-ma-ên, con đầu lòng của Áp-ra-ham mà chọn Y-sác. Và rồi sau đó Ngài cũng bỏ qua Ê-sau, con đầu lòng của Y-sác để ban ân huệ cho Gia-cốp. Gia-cốp đã đổi chỗ của Ru-bên là con trai đầu của ông với Lê-a mà chọn Giô-sép là con trai của ông với Ra-chên (Sáng 49:1-4). Sau đó Gia-cốp cũng đã chọn Êp-ra-im là đứa cháu nhỏ hơn thay vì Ma-na-se để chúc phước lành (Sáng 48:15-50). Thông điệp nào được đưa ra từ những câu chuyện này? Đức Chúa Trời từ chối đứa con đầu lòng, vì vậy chúng ta cần đứa con thứ hai được sinh ra từ thiên thượng (Giăng 3:3-7), nếu chúng ta muốn vui hưởng sự ban phước của Đức Chúa Trời. Trong sự tể trị của Đức Chúa Trời, Ngài đã chọn những điều thấp kém để làm cho nó trở nên cao trọng (1 Cô-rinh-tô 1:26-31).

Ca-in cố gắng che đậy tội lỗi kinh khủng của mình, nhưng tiếng của máu người em trai từ dưới đất kêu thầu đến Đức Chúa Trời. Điều này minh chứng Ca-in là kẻ đã ra tay với em mình (Sáng 4:9-12).

Trong Tiếng Anh, từ “người tuân đạo – *martyr*” có nguồn gốc từ một từ Hy Lạp là “chứng nhân – *witness*”. Người tuân đạo là người phó dâng mạng sống mình để trở thành chứng nhân cho Đức Chúa Trời. A-bên là một chứng nhân – tuân đạo cho Chúa. Ông là người tuân đạo đầu tiên được Kinh Thánh ghi lại.

A-bên có nghĩa là “hư không” hay “không có ý nghĩa.” Nó tương tự như từ ngữ mà Sa-lô-môn đã sử dụng trong sách Truyền đạo ít nhất ba mươi tám lần. Một trong những giáo sư đại học của tôi đã giải thích từ A-bên có nghĩa là: “những gì còn lại sau khi bong bóng xà phòng tan vỡ.” Tại sao A-đam và Ê-và đã chọn tên đó để đặt cho đứa con trai thứ hai của họ vẫn còn là một huyền

nhệm? Có lẽ đời sống của họ sau khi rời khỏi vườn Ê-đen đã trở nên vô nghĩa trong một thế giới gian ác, vì vậy họ đặt tên cho con trai mình như thế?

Nhưng sự sống và cái chết của A-bên thì không vô nghĩa hay trở thành một thảm kịch, vì A-bên đã được liên hiệp với Chúa Giê-su Christ. Là những tín hữu, chúng ta đến “gần Đức Chúa Giê-su, là Đấng trung bảo của giao ước mới, và gần huyết rưới ra, huyết đó nói tốt hơn huyết của A-bên vậy.” (Hêb. 12:24). Trong khi huyết của A-bên từ dưới đất kêu vang tới Đức Chúa Trời thì huyết của Chúa Giê-su bày tỏ lòng thương xót và sự tha thứ từ thiên đàng. Bởi vì Chúa Giê-su “đã vào nơi rất thánh một lần thì đủ hết, không dùng huyết của dê đực và của bò con, nhưng dùng chính huyết mình, mà được sự chuộc tội đời đời” (Hêb. 9:12). A-bên đã chết như một người tuấn đạo nhưng Chúa Giê-su đã chết như một người chiến thắng và sống lại trở về trời trong vinh hiển.

Ao ước cháy bỏng của sứ đồ Phao-lô là Đấng Christ được tôn vinh trong thân thể ông: “dầu tôi sống hay chết, Đấng Christ sẽ được cả sáng trong mình tôi” (Phi-líp 1:20). Và đó là những gì mà vị sứ đồ viết cho chúng ta trong 1 Cô-rinh-tô 15 đề cập đến sự phục sinh kỳ diệu. Và đến câu cuối của chương 15, ông kết luận: “Vây, hỡi anh em yêu dấu của tôi, hãy vững vàng chớ rung động, hãy làm công việc Chúa cách dưng luôn, vì biết rằng công khó của anh em trong Chúa chẳng phải là vô ích đâu” (1 Côr. 15:58).

“Hư không của sự hư không, hư không của sự hư không, thảy đều hư không.” Vua Sa-lô-môn đã viết như thế trong phần mở đầu của sách Truyền đạo. Đời sống là A-bên (hư không) từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc?

Không phải như vậy! Sứ đồ Phao-lô nói, “công khó của anh em trong Chúa chẳng phải là vô ích đâu” khi anh em phục vụ Chúa.

Đấng Christ đã phục sinh trong vinh hiển. A-bên đã được bào chữa là công bình trước mặt Chúa.

Bài 7

NÔ-Ê

Nô-ê làm các điều nầy y như lời Đức Chúa Trời đã phán dặn.

Sáng. 6:22

Làm mọi điều theo như chỉ thị của Đức Chúa Trời không phải là một việc làm dễ dàng khi mà thế giới chung quanh chúng ta đang chuyển hướng nhanh chóng tới những điều gian ác. Tuy nhiên có ít nhất là bốn lần Kinh Thánh ghi lại trường hợp của Nô-ê đã làm mọi điều y như lời Đức Chúa Trời đã phán dặn (Sáng. 6:22; 7:5, 9, 16).

Thân phụ của Nô-ê là Lê-méc, một hậu tự của Sét. Ông ta dễ bị nhầm lẫn với Ca-in Lê-méc là người có hai vợ và là kẻ giết người (Sáng. 4:19-24). Lê-méc có con trai là Nô-ê khi ông đã 182 tuổi. Lê-méc làm nghề nông, ông cố gắng thu hoạch nông sản từ đất mà Đức Giê-hô-va đã rửa sả, và đó là lý do ông đặt tên cho con trai mình là Nô-ê – có nghĩa yên nghỉ hay an ủi (Sáng. 5:8-29). Lê-méc nói về Nô-ê, “Đứa nầy sẽ an ủi lòng ta về công việc và về sự nhọc nhằn mà đất bắt tay ta phải làm”, nhưng ông không giải thích bằng cách nào mà Nô-ê có thể làm được điều đó.

Lê-méc nhớ lời hứa của Đức Chúa Trời về một Đấng Cứu Rỗi sẽ đến chiến thắng ma quỷ và cất bỏ sự rủa sả (Sáng. 3:14-15). Và có thể ông ta đặt kỳ vọng vào Nô-ê sẽ hoàn thành lời hứa đó của Đức Chúa Trời.

Dĩ nhiên Lê-méc đã không suy nghĩ hoàn toàn đúng, nhưng ông đang hướng đến một cứu cánh. Ở đây có những điểm tương đồng giữa Chúa Giê-su và Nô-ê. Nô-ê là một người đóng tàu (xây dựng) và giảng đạo. Chúa Giê-su cũng là người xây dựng những giá trị căn bản và giảng đạo. Khi Chúa Giê-su khởi sự chức vụ của Ngài với công chúng, mọi người gọi Ngài là người thợ mộc (Mác 6:1-3), vì Ngài đã từng phụ giúp cho cha nuôi bảo dưỡng Giô-sép trong xưởng mộc suốt một thời gian dài cho tới khi bước ra thi hành chức vụ. Sứ đồ Phi-e-rơ đã nối kết Nô-ê và trận đại hồng thủy với công tác Đấng Christ (1 Phi-e-rơ 3:18-22). Nước lụt và những gì xảy ra trong thời Nô-ê mang một ý nghĩa hình bóng. Khi nước lụt đến, sự cứu hộ duy nhất có sẵn trong chiếc tàu của Nô-ê. Và hôm nay sự cứu rỗi duy nhất có sẵn trong Đấng Christ. Sứ đồ Phi-e-rơ cũng tuyên bố điều này trong sách Công vụ 4:12.

NÔ-Ê BƯỚC ĐI VỚI ĐỨC CHÚA TRỜI

Cũng giống như Hê-nóc trước đó, Nô-ê đồng đi cùng Đức Chúa Trời (Sáng. 5:22; 6:9). Ông là một người công bình trước mặt Chúa và không có điều chi đáng chê trách với những người chung quanh. Sự công bình của ông được Đức Chúa Trời xác nhận vì ông được ơn trước mặt Chúa và tin cậy vào lời hứa của Ngài. Nô-ê và gia đình của ông được cứu bởi ân điển – giống như chúng ta ngày hôm nay (Sáng. 6:8) nhờ vào đức tin nơi Chúa Giê-su Christ (Êph. 2:8-9; Hêb. 11:7). Các thành viên trong gia đình của Nô-ê đồng thuận với ông trong cả đức tin và việc làm. “Nếu hai người không đồng ý với nhau, thì há cùng đi chung được sao?” (A-mốt 3:3). Tất cả mọi người trong gia đình Nô-ê đồng thuận với Chúa, vì vậy họ cùng bước đi với Ngài.

Khi chúng ta nhìn vào tình trạng gian ác của thế giới ngày hôm nay, chúng ta hiểu được những khó khăn mà gia đình Nô-ê phải chịu đựng khi họ kiên trì bước đi với Đức Chúa Trời. Người công chính vui hưởng sự bình an với Chúa nhưng họ phải chịu đựng những khó khăn từ phía những người vô tín, đối nghịch với Ngài. “Công bình sẽ sanh ra bình an, trái của sự công bình sẽ là yên lặng và an ổn mãi mãi” (Ê-sai 32:17). Nhưng “ai làm ác thì ghét sự sáng và không đến cùng sự sáng” (Giăng 3:20). Ngày hôm nay chúng ta rất dễ phàn nàn vì có một số người tấn công, khùng bố các Cơ đốc nhân, nhưng Nô-ê ngày xưa đã từng đối lập với cả một thế giới chống nghịch với ông.

NÔ-Ê CÔNG BỐ SỨ ĐIỆP CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Người ta thường quên rằng Nô-ê không chỉ là người đóng tàu nhưng ông cũng là “thầy giảng đạo công bình” (2 Phi-e-rơ 2:5). Là một người đóng tàu, ông chuẩn bị cho sự phán xét sắp đến. Còn trong tư cách là người giảng đạo ông kêu gọi tội nhân ăn năn và mời gọi họ tìm đến sự an ninh trong con tàu mà ông đang trong tiến trình hoàn thành. Nô-ê là một người công chính vì vậy ông có đủ tư cách công bố sứ điệp của Đức Chúa Trời về sự công chính (Độc Ê-xê-chi-ên 14:14, 20), nhưng con người không chú ý gì cả đến sứ điệp của ông. Trước đó trong Sáng thế ký 6:3, Đức Chúa Trời tuyên phán, “đời người sẽ là một trăm hai mươi năm mà thôi”, sau khi tổ phụ loài người sa ngã. Nhưng rồi sau đó cả nhân loại tiếp tục lún sâu vào sự gian ác. Điều này sẽ dẫn đến sự phán xét của Chúa (Sáng 6:5-6). Nhưng Nô-ê là một “người công bình trọn vẹn, được ơn

trước mặt Đức Giê-hô-va”. Ông và gia đình gồm 8 người được cứu khỏi sự phán xét trong cơn nước lụt. Quý vị là những người giảng đạo, giáo viên dạy Kinh Thánh, nhà truyền giáo hay chứng nhân cho Chúa cảm thấy mọi nỗ lực của chúng ta dường như thất bại trong công tác phục vụ Chúa, thì hãy nhớ đến trường hợp của Nô-ê. Sự kiên nhẫn và trung tín của Nô-ê là bài học nhắc nhở mỗi chúng ta.

Nô-ê được Chúa kêu gọi để giảng, công bố sự công bình cho dân chúng đang sống trong sự không công bình, vì vậy sứ điệp của ông không được ưa chuộng và phổ biến vào thời đó. Trước Nô-ê, một người khác là Hê-nóc đã công bố sứ điệp của Đức Chúa Trời trong một thời đại gian ác (Giu-đe 14-15), nhưng sau khi Hê-nóc được cất lên trời thì mọi thứ trên đất không trở nên tốt hơn chút nào. “Đức Giê-hô-va thấy sự hung ác của loài người trên mặt đất rất nhiều, và các ý tưởng của lòng họ chỉ là xấu luôn... Thế gian bấy giờ đều bại hoại trước mặt Đức Chúa Trời và đầy dẫy sự hung ác” (Sáng 6:5; 11). Những gì mà “nền văn minh” của Ca-in đem lại là đáng hổ thẹn và Đức Chúa Trời phải nhịn nhục chờ đợi để chuẩn bị kết thúc nó.

NÔ-Ê VÂNG PHỤC CÁC MỆNH LỆNH CỦA CHÚA

Mục đích chiếc tàu của Nô-ê là để bảo tồn con người và những loài động vật sống. Hành động đóng tàu trong một thời gian dài của Nô-ê cũng là một sứ điệp mang tính cảnh báo con người vào thời đó. Rõ ràng là vào lúc đó trên thế giới không có mưa cho đến khi nước lụt đến (Sáng 2:4-6; Hêb 11:7), vì vậy những người chung quanh tự hỏi tại sao Nô-ê và các con trai của ông lại đóng một chiếc tàu trên đất khô? Nô-ê công bố sứ điệp của Chúa về sự đoán phạt sắp đến, mọi người cười chế nhạo ông. Họ tiếp tục ăn uống, tiệc tùng, cưới gả cho đến ngày Nô-ê vào tàu. Chúa Giê-su phán dạy rằng thế giới chúng ta đang sống cũng sẽ như thế trước khi Chúa tái lâm (Ma-thi-ơ 24:36-41).

Đức Chúa Trời ban cho Nô-ê những hướng dẫn cụ thể khi ông đóng con tàu đi vào lịch sử, cũng như sau đó Chúa ban cho Mô-i-se những chỉ dẫn chi tiết trong việc thiết kế đền tạm (Xuất 25:9, 40; Hêb 8:5). Đa-vít cũng nhận được điều đó khi lên kế hoạch xây dựng đền thờ (1 Sử ký 28: 11-19). Khi chúng ta vâng phục Đức Chúa Trời trong mỗi bước đi, Ngài sẽ chỉ cho chúng ta biết con đường sự sống (Thi 16:11; 23:3).

Khi công việc đóng tàu hoàn tất, Đức Chúa Trời đưa các thú vật từng cặp, đực và cái, trống và mái đến và Nô-ê dẫn chúng vào tàu để bảo tồn sự sống của chúng (Sáng 6:19-20; 7:8,9,15). Nô-ê đưa gia đình vào tàu theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời, và Chúa đóng cửa tàu lại (Sáng 7:1, 16). D. L. Moody đã nói, “Nô-ê bước vào tàu trước tiên, kế đến là người vợ và cả gia đình theo ông. Nô-ê đã có một đời sống công chính và khiến cho con cái tin tưởng cha của chúng nó. Nếu cha mẹ không bước vào tàu thì làm thế nào mong đợi con cái bước theo”. Sẽ là một bi kịch khi đưa dẫn người khác vào con tàu cứu rỗi nhưng trong đó không có gia đình của chúng ta!

TÍNH KIÊN ĐỊNH CỦA NÔ-Ê

Nô-ê đã công bố sứ điệp của Chúa và đóng tàu trong suốt một trăm hai mươi năm. Ông đã bước đi cùng Chúa và tìm kiếm điều đẹp lòng Ngài. Khi Đức Chúa Trời truyền lệnh cho Nô-ê, “Ngươi và cả nhà ngươi hãy vào tàu” thì sau đó bảy ngày, mưa bắt đầu rơi xuống trên khắp đất (Sáng 7:4). Gia đình Nô-ê và các thú vật đã ở trên tàu trong một năm mười bảy ngày (Sáng 8:13-14). Một số giáo phụ của hội thánh nói rằng những người ở trên chiếc tàu Nô-ê cũng giống như các tín hữu ở trong hội thánh ngày nay: nếu không có sự đoán phạt bên ngoài, bạn sẽ không bao giờ đứng ở bên trong. Ngay cả khi nước đã giảm bớt trên mặt đất, Nô-ê vẫn phải chờ đợi chỉ dẫn

từ Đức Chúa Trời để bước ra khỏi tàu. Ông đã vâng phục Chúa trong mỗi chi tiết của đời sống (Sáng 8:13-19).

Khả năng chờ đợi sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời đánh dấu cho đức tin và sự trưởng thành thuộc linh của một người. Nô-ê là mẫu người đó. “Bất cứ ai tin sẽ chẳng hành động gấp rút” (Ê-sai 28:16).

SỰ THỜ PHƯỢNG CỦA NÔ-Ê

Không có phần Kinh Thánh nào ghi lại rằng Đức Chúa Trời truyền lệnh Nô-ê thiết lập bàn thờ và dâng các của lễ. Tuy nhiên Nô-ê đã làm một số điều để đáp lại ân điển và sự thương xót mà Đức Chúa Trời đã ban cho ông và gia đình qua sự kiện nước lụt. Khi nghiên cứu về trường hợp của Ca-in, chúng ta biết rằng giá trị của lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời tùy thuộc vào tấm lòng biết ơn của người thờ phượng. Nô-ê là một người có tấm lòng đó. Ông là người thuộc về “cõi sáng tạo mới”, hành động đầu tiên của ông là dâng hiến tấm lòng và linh hồn ông cho Đức Chúa Trời. Ông qui tất cả mọi vinh hiển về cho Đấng đã cứu gia đình ông.

Đức Chúa Trời hài lòng với Nô-ê, Ngài bảo đảm rằng trong tương lai thế giới mới sau Nô-ê sẽ không có trận lụt nào khác, chu kỳ luân chuyển bốn mùa trên đất sẽ không bị gián đoạn. Dấu hiệu cho giao ước này của Chúa sẽ là hình ảnh cầu vồng lần đầu tiên xuất hiện. Đây là dấu hiệu nhắc chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời không bao giờ quên đi những lời hứa của Ngài.

HÀNH ĐỘNG XẤU HỔ CỦA NÔ-Ê

Nô-ê làm mọi điều theo lời Đức Chúa Trời phán dạy, ngoại trừ là ông đã “uống rượu say, rồi lỏa thể ở giữa trại mình” (Sáng. 9:20-24). Kinh Thánh ghi lại rất trung thực những ưu và khuyết điểm của các tổ phụ đức tin, không bỏ sót những thất bại của họ. Áp-ra-ham đã hai lần nói dối về mối quan hệ thật sự giữa ông và người vợ Sa-ra. Và đến lượt Y-sác, con trai của Áp-ra-ham cũng theo gương xấu của cha. Mô-i-se đã phạm lỗi lầm khi dùng gậy đập vào hòn đá trong đồng vắng thay vì nói. Đa-vít đã phạm tội tà dâm cùng Bát-sê-ba, rồi sau đó dùng thủ đoạn để đưa chồng của Bát-sê-ba ra chiến trường chịu chết. Phi-e-rơ đánh mất dũng khí và chối thầy mình đến ba lần.

Một vài sinh viên Trường Kinh Thánh cảm nhận rằng Nô-ê đã không chịu trách nhiệm về những gì đã xảy ra. Họ đưa ra giả thuyết là sau trận đại hồng thủy đã có nhiều điều thay đổi đến trên trái đất và bầu khí quyển. Nô-ê đã thấy một vài điều mà trước đây ông chưa hề thấy. Nhưng nếu như mùi vị lạ thường của sự lên men từ các trái nho làm ông phấn khởi quá mức không kèm chế đã dẫn ông đến chỗ uống nhiều rượu, thì tại chỗ này nói lên rằng Nô-ê đã không kiểm soát được bản thân. Và hậu quả là ông đã say rượu và lỏa thể. Hai hành động đáng xấu hổ này thường song hành với nhau (Ca thương 4:21; Ha-ba-cúc 2:15-16).

Khi đối chiếu Sáng 9:24 và 10:21, chúng ta biết rằng Cham là người con trai nhỏ nhất của Nô-ê. Gia-phết lớn nhất và Sem ở chính giữa. Sem được gọi tên đầu tiên bởi vì anh ta được ban cho phước hạnh vượt trội và được đối xử như đứa con đầu lòng (Sáng 9:26). Đây cũng là một trường hợp trong Kinh Thánh mà người con thứ nhì “thay thế” chỗ của người con thứ nhất. Cham đã không tôn trọng cha mình, và Nô-ê đã công bố sự rủa sả trên các con cái của Cham (bao gồm Ca-

na-an là đứa con nhỏ nhất) phải làm nô lệ cho dòng dõi của Sem (Sáng 9:26; 10:6). Lịch sử cho biết rằng dân xứ Ca-na-an là một dân cực kỳ gian ác (Lê-vi ký 18), và đó chính là lý do mà Môi-se muốn tuyên dân Israel phải tiêu diệt họ. Còn những ai được sống sót phải trở thành nô lệ cho tuyên dân. Lẽ ra tôi không cần phải có thêm chú thích này, nhưng vì lời nguyện của Nô-ê đã không ảnh hưởng gì đến các chủng tộc da màu. Vậy thì lời nguyện đó vẫn còn nguyên giá trị của nó.

Tại sao Môi-se tường thuật sự kiện say rượu của Nô-ê và hành động thiếu khôn ngoan của Cham? Lý do là sự kiện này nhấn mạnh đến dòng dõi của Sem, đặc biệt là Áp-ra-ham (Sáng 11:10 – 12:9) và dòng dõi của Ca-na-an sẽ có một vị trí đầy thử thách trong lịch sử tuyên dân. Nhưng vẫn còn một nguyên nhân khác: Đức Chúa Trời muốn nhắc nhở chúng ta về những tổ phụ đi trước đều là những con người khiếm khuyết, tội lỗi. Nô-ê là một con người vĩ đại, làm những việc vĩ đại. Nhưng ông đã không có một kết thúc tốt. Và chúng ta, không miễn trừ ai cũng có thể giống như Nô-ê nếu không học được bài học lịch sử này. “Nô-ê làm các điều này y như lời Đức Chúa Trời đã phán dặn” ngoại trừ một điều: uống rượu say. Nếu chúng ta muốn có một kết thúc tốt, chúng ta phải thận trọng trong đời sống cá nhân. Bài học này thật đáng giá cho chúng ta hôm nay.

Bài 8

ÁP-RA-HAM

Bởi đức tin, Áp-ra-ham vâng lời Chúa gọi, đi đến xứ mình sẽ nhận làm cơ nghiệp: người đi mà không biết mình đi đâu.

Hêb. 11:8

Geoffrey A. Studdart-Kennedy, một nhà thơ và cũng là một thầy dòng đã viết: “Đức tin là không tin vào những điều sai trật bất chấp những bằng chứng; Đức tin là vâng lời Đức Chúa Trời bất chấp những hậu quả.”

Ba người bạn của Đa-ni-ên hiểu rõ sống bởi đức tin có ý nghĩa gì. Họ có thể can đảm tuyên bố với vua Nê-bu-cát-nét-sa:

“Này, hỡi vua! Đức Chúa Trời mà chúng tôi hầu việc, có thể cứu chúng tôi thoát khỏi lò lửa hực, và chắc cứu chúng tôi khỏi tay vua. Dầu chẳng vậy, hỡi vua, xin biết rằng chúng tôi không hầu việc các thần của vua, và không thờ phượng pho tượng vàng mà vua đã dựng” (Đa-ni-ên 3:17-18). Đây chính là đức tin – vâng lời Chúa bất chấp những hậu quả theo sau. Đây là loại đức tin mà Áp-ra-ham thực hành, và chúng ta đáng phải bước theo gương mẫu này.

Tin cậy Đức Chúa Trời không có nghĩa là ngồi xuống và vui hưởng những cảm giác dễ chịu trong khi chúng ta suy nghĩ đến những điều tốt đẹp. Tin cậy Đức Chúa Trời có nghĩa là vâng lời Ngài, dám đứng lên đối diện với những thử thách nghiệt ngã mà không sợ hãi. Những minh họa

sinh động cho điều này là Giô-suê và đạo binh Israel vượt qua sông Giô-đanh chinh phục miền đất hứa Ca-na-an. Đó là thiếu niên Đa-vít dũng cảm đối diện và chiến thắng kẻ thù khổng lồ Gô-li-át. Hay như hoàng hậu Ê-xơ-tê đã có một lời tuyên bố bất hủ đi vào lịch sử: “Nếu tôi phải chết thì tôi chết”. Và đó là trinh nữ Ma-ri ở Na-xa-rét đã nói với thiên sứ Gáp-ri-ên: “Tôi đây là tôi tớ Chúa, xin sự ấy xảy đến cho tôi như lời người truyền.” Và còn nhiều trường hợp khác trong Kinh Thánh...

Bên cạnh Chúa Giê-su Christ, có thể nói rằng tổ phụ Áp-ra-ham là một trong những tấm gương lớn về đức tin được tìm thấy trong Kinh Thánh. Từ Sáng thế ký 11:27 đến chương 25:11 chúng ta có thể học tập những bước phiêu lưu của đức tin Áp-ra-ham và tránh những vết xe đổ của ông. Áp-ra-ham thỉnh thoảng có những lầm lỗi giống như tất cả chúng ta. Nhưng trong phương diện tổng quát, đời sống của ông được đánh dấu qua sự trung tín vâng lời Đức Chúa Trời. Bất luận Chúa kêu gọi ông làm điều gì, ông tin rằng sự kêu gọi của Ngài luôn bao hàm sự giúp đỡ thiên thượng cho phép ông thực hiện mạng lệnh của Ngài. Vì vậy ông bày tỏ đức tin qua hành động vâng lời Chúa trong những tình huống khó khăn. Áp-ra-ham đã có thể đi trọn con đường đức tin từ những lời hứa giới hạn của Đức Chúa Trời. Còn về phần chúng ta có toàn bộ lời hứa của Chúa trong Kinh Thánh, chúng ta có ưu thế hơn nhiều so với tổ phụ!

Vì vậy chúng ta đáng phải học tập những bài học từ cuộc đời Áp-ra-ham để đáp ứng bằng hành động vâng lời trước sự kêu gọi của Đức Chúa Trời.

CHÚNG TA ĐƯỢC KÊU GỌI ĐỂ BƯỚC TỚI MỘT TƯƠNG LAI CHƯA BIẾT TRƯỚC

Bởi đức tin, Áp-ra-ham vâng lời Chúa gọi, đi đến xứ mình sẽ nhận làm cơ nghiệp, người đi mà không biết mình đi đâu. (Hêb 11:8). Ở tuổi bảy mươi lăm, Áp-ra-ham nói lời từ biệt với Cha-ran, rồi từ đó đi đến Ca-na-an (Sáng 11:27 – 12:9). Chúng ta có thể nào biết nhiều hơn về hành trình của Áp-ra-ham, khi mà Kinh Thánh chỉ ghi lại rất sơ lược về những nơi ông đã đi qua? Nhưng đây là điều chúng ta biết: Áp-ra-ham vâng lời Đức Chúa Trời mỗi ngày, từng bước ông tin cậy vào sự dẫn dắt của Ngài, và Chúa đã không làm ông thất vọng.

Ngày hôm nay chúng ta ít khi đi theo cách đó của Áp-ra-ham. Những trợ giúp của các phương tiện hiện đại như hệ thống định vị GPS được nối kết với điện thoại thông minh, máy tính bảng và các công ty tổ chức các chuyến đi du lịch đều cho chúng ta biết cụ thể mỗi địa điểm đi qua với thời gian rõ ràng tương ứng với từng loại phương tiện. Và chúng ta ung dung lên đường.

Nhưng Áp-ra-ham thì khác, ông không hề biết nơi mình sẽ đi tới. Nhưng nếu chúng ta sử dụng tất cả những trợ giúp nói trên, chúng ta cũng thừa nhận rằng chúng ta không biết chắc về nơi mình đang đi tới. Chúng ta lên kế hoạch, nhưng rất có thể những điều ngoài mong đợi sẽ xảy ra. Tôi đã trải qua một kinh nghiệm đáng nhớ: Tôi đang lái xe trên đường về nhà vào một buổi tối kia nhưng tôi đã không về đến nhà cho mãi đến hai tuần sau đó. Một tài xế say rượu đã tông vào xe tôi với vận tốc trên 80 miles/1 giờ. Tôi được đưa vào bệnh viện cấp cứu và phải ở trong đó cho đến khi bình phục. Tạ ơn Chúa, tôi vẫn còn sống trở về nhà, và vui hưởng ngày lễ Phụ thân

với các con tôi ngay sau khi rời bệnh viện. Làm thế nào chúng ta có thể biết chắc chắn nơi mình sẽ đến?

J. Parker, một tác giả của các bài Thánh Ca đã viết:

Chúa nắm giữ chìa khóa của tất cả những điều chưa biết, và tôi rất vui.

Nếu bàn tay khác nắm lấy chìa khóa ấy

Hoặc nếu Ngài tin tưởng giao nó cho tôi

Tôi sẽ rất buồn

Nếu những sự chăm sóc cho ngày mai của chúng ta có sẵn ở đây thì sao?

Tôi thà để Ngài bày tỏ từng ngày

Và như giai điệu của một bài ca

“Ý chi của Ta là tốt nhất”

Tôi không thể đọc các kế hoạch tương lai của Ngài, nhưng tôi biết điều này:

Tôi thấy nụ cười trên khuôn mặt của Ngài

Và tất cả những nơi ẩn náu trong ân điển Ngài

Trong khi ở đây, dưới đất này

Có đủ nhu cầu cho tôi - bao gồm tất cả các mong muốn của tôi, và vì vậy tôi yên nghỉ

đối với những gì tôi không thể làm, nhưng Ngài biết hết

Và trong sự chăm sóc của Ngài, tôi đã được cứu chuộc

Hưởng phước hạnh mãi mãi.

Rất có thể Áp-ra-ham cũng hát điệp khúc trên đây khi ông đi con đường đức tin theo Chúa từng ngày. Ông được kêu gọi đi tới một tương lai không biết trước, và ông đã đáp ứng với Chúa qua sự vâng lời.

CHÚNG TA ĐƯỢC KÊU GỌI ĐI ĐẾN MỘT NƠI CHỖN THỨ HAI

Khi đang tập chú vào đời sống đức tin của Áp-ra-ham, chúng ta sẽ không quá quan tâm đến những lỗi lầm của ông tại Ai-cập. Áp-ra-ham đã thẳng tiến đến Ca-na-an, xây dựng bàn thờ và bày tỏ đời sống tin kính với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên trong đời sống đức tin, có thời gian cho một người kết thúc một sự thử nghiệm, và rồi một thử nghiệm khác sẽ xảy ra sau đó. Trong suốt

nhiều năm tôi được thôi thúc để viết một quyển sách với tựa đề “Luôn Luôn Có Một Điều Gì Đó Sẽ Xảy Ra”.

Khi Áp-ra-ham được kêu gọi đi ra khỏi quê hương, ông cũng chia tay với gia đình và những người thân thuộc của mình (Sáng 12:1). Ông dẫn theo “Sa-rai, vợ mình, Lót, cháu mình, cả gia tài đã thu góp, và các đầy tớ đã được tại Cha-ran, từ đó ra, để đi đến xứ Ca-na-an.” sau khi Tharê, cha của Áp-ra-ham qua đời tại Cha-ran. Có một sai lầm của Áp-ra-ham ở đây, vì người cháu trai Lót đã gây nên nan đề cho ông. Sáng thế ký ghi lại, “Lót cùng đi với Áp-ram, cũng có chiên, bò, và trại. Xứ đó không đủ chỗ cho hai người ở chung, vì tài vật rất nhiều cho đến nỗi không ở chung nhau được. Trong khi dân Ca-na-an và dân Phê-rê-sít ở trong xứ, xảy có chuyện tranh giành của bọn chăn chiên Áp-ram cùng bọn chăn chiên Lót”. Thế rồi từ đó Áp-ra-ham và Lót phân rẽ nhau về mặt địa lý. Lót chọn lấy cho mình phần đất tốt theo cách nhìn cá nhân, còn Áp-ra-ham tiếp quản phần còn lại là phần không được Lót đánh giá cao.

Nếu Lót là một người trưởng thành thuộc linh, anh ta sẽ hành động theo một hướng khác. Nhưng không như vậy, con người này chỉ thấy lợi ích cá nhân và chọn lấy cho mình vị trí ưu thế hơn người bác Áp-ra-ham. Còn Áp-ra-ham là một người tin kính, ông đi theo tấm lòng của Đức Chúa Trời. Ông chọn nơi thứ hai, còn để cho Lót được quyền ưu tiên. Lót là người gây nên nan đề, trong khi Áp-ra-ham là người hòa giải (làm cho những người khác trở nên hòa thuận với nhau). Lót đo lường mọi thứ theo tiêu chuẩn của Ai-cập (Sáng 13:10) trong khi Áp-ra-ham tìm kiếm vinh hiển từ Đức Chúa Trời. Dân Ca-na-an và dân Phê-rê-sít nhìn vào đời sống của hai bác cháu Áp-ra-ham (Sáng 13:7). Áp-ra-ham muốn trở nên một chứng nhân tốt giữa những người ngoại bang. Ông bước đi bởi đức tin, tin rằng những vùng đất mà Đức Chúa Trời ban cho sẽ thuộc về mình. Còn Lót bước đi bởi mắt thấy (Sáng 13:10). Lót nhìn chăm vào Sô-đôm nhưng Áp-ra-ham “chờ đợi một thành có nền vững chắc, mà Đức Chúa Trời đã xây cất và sáng lập” (Hêb 11:10; 13-16). Áp-ra-ham hướng đến những giá trị đời đời, không phải là những gì trông có vẻ hấp dẫn nhưng rồi sẽ phai tàn tại Ai-cập.

Điều gì tạo nên sự khác biệt khi chúng ta phải tiếp nhận một nơi chốn thứ hai, một chỗ mà người khác không muốn, miễn là Chúa Giê-su Christ được vinh hiển? Đức Chúa Trời đã hài lòng về Áp-ra-ham và ban cho ông mọi điều tốt đẹp trong sự kiểm soát thần thượng của Ngài. Áp-ra-ham không bao giờ đọc Ma-thi-ơ 6:33 nhưng ông đã thực hành câu Kinh Thánh ấy. Ông tiếp tục bước đi bởi đức tin.

CHÚNG TA ĐƯỢC KÊU GỌI ĐỂ GIÚP ĐỠ MỘT NGƯỜI NÀO ĐÓ NHẬN SỰ CỨU RỖI MÀ DƯỞNG NHƯ ANH (CHỊ) ẤY KHÔNG XỨNG ĐÁNG

Lót đã chọn vùng đất xinh tươi màu mỡ bên sông Giô-đanh không chỉ vì nó gần nguồn nước với đồng cỏ xanh rì, nhưng cũng vì ông đã nhìn thấy Sô-đôm. Và rồi ông đã di chuyển đến thành phố đó. Nhưng điều này lại là một tai nạn cho Lót (Sáng 13:12, 14:12). Khi các vua trong vùng phát động chiến tranh, Vua của Sô-đôm thua trận và Lót nghiễm nhiên trở thành phụ tù. Lúc này Áp-ra-ham vui hưởng sự bình an trong lều trại của mình, không bị ảnh hưởng gì với cuộc chiến.

Nhưng Lót đã gạt hái chính xác những gì anh ta xứng đáng nhận. Áp-ra-ham không bỏ rơi Lót trong tình cảnh đó, ông đã giải cứu Lót và các cư dân của Sô-đôm bằng một chiến thuật khôn ngoan. Lót có lẽ sẽ không bao giờ làm được điều mà Áp-ra-ham đã làm.

Từ kinh nghiệm này, lẽ ra Lót nên đi theo con đường tin kính, thờ phượng Chúa giống như Áp-ra-ham là bác của mình. Nhưng anh ta đã không làm như thế. Khi Đức Chúa Trời quyết định phá hủy Sô-đôm và các thành phố khác trong vùng đồng bằng, Áp-ra-ham đã biện hộ và cầu thay cho dân cư trong thành phố. Lót sống trong Sô-đôm không hay biết gì cả về tai họa sắp xảy đến. Tại sao? “Đức Giê-hô-va kết bạn thiết cùng người kính sợ Ngài. Tò cho người ấy biết giao ước của Ngài.” (Thi 25:14). Lót không có sự kính sợ Chúa, vì vậy ông không biết những điều hệ trọng sắp xảy ra.

Biết những loại người gian ác sống trong Sô-đôm, hầu hết chúng ta sẽ bằng lòng khi nhìn thấy họ bị tiêu diệt. Nhưng Áp-ra-ham không như vậy. Ông cầu thay cho họ. Vì có đức tin và tấm lòng yêu thương con người của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời đã cứu Lót không bị hủy diệt chung với các thành tội lỗi (Sáng 19 và đặc biệt là xem câu 29). Chính đức tin và sự trung tín của Áp-ra-ham đã đem sự cứu rỗi đến cho Lót và hai cô con gái của Lót. Nhưng sau đó không lâu Lót phạm tội loạn luân với hai cô con gái của mình. Việc làm đáng xấu hổ này đã sản sinh ra hai dân tộc Am-môn và Mô-áp. Các dân tộc này là những kẻ thù của tuyển dân Israel. Đây có phải là hậu quả cho hành động cao đẹp của ông bác Áp-ra-ham dành cho Lót!

Bạn có bao giờ khước từ những quyền lợi của mình để giúp đỡ cho một người, rồi sau đó chính anh (chị) ta đem đến cho bạn những rắc rối? Bạn có bao giờ cầu nguyện xin Chúa cứu giúp cho những người đang ở trong những tình huống nguy kịch, mặc dù họ không xứng đáng để bạn cầu thay? Khi ấy bạn hãy đọc lại những câu Kinh Thánh trong Ma-thi-ơ 5:38-40 và Ga-la-ti 6:1-2 rồi đầu phục Lời của Chúa. Bạn cũng có thể bắt chước Chúa Giê-su để cầu nguyện, “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì.” (Lu-ca 23:34)

CHÚNG TA ĐƯỢC KÊU GỌI ĐỂ CHỜ ĐỢI

Đời sống đức tin không chỉ bao hàm công tác của Chúa đụng chạm đến với người khác thông qua chúng ta, mà còn là những công việc của Thánh Linh thực hiện bên trong đời sống của chúng ta. Đức Chúa Trời muốn chúng ta kinh nghiệm tình yêu và ân điển của Ngài hầu cho chúng ta có thể hoàn thành mục đích của Ngài. Chúng ta bước đi bởi đức tin và chúng ta cũng chờ đợi bởi đức tin. Hành động chờ đợi cũng quan trọng như hành động bước đi.

Trong Sáng thế ký 15 Đức Chúa Trời đã đem Áp-ra-ham đến với trải nghiệm được gọi là “đêm tối của linh hồn”. Áp-ra-ham bị “một cơn kinh hãi, tối tăm nhập vào” (câu 12). Hậu quả của điều này là sau đó tổ phụ đức tin Áp-ra-ham trở nên bối rối, do dự và đặt câu hỏi với Đức Chúa Trời là tại sao Chúa chưa ban cho ông và Sa-ra một đứa con trai theo như lời Ngài hứa?

Đức Chúa Trời cho phép những trải nghiệm đến với chúng ta lúc giữa đêm khuya, lúc ấy chúng ta có thể nhìn xem các vì sao trên bầu trời trong cõi không gian tĩnh mịch và nghe được tiếng

phán êm dịu nhỏ nhẹ của Ngài, xác nhận những gì Ngài đã hứa với chúng ta. Đức Chúa Trời đã lập giao ước với Áp-ra-ham trong đêm và bảo đảm rằng dòng dõi ông sẽ đông như sao trên trời và nhận được đất, thậm chí là nhận những lãnh thổ từ mười dân tộc ngoại bang khác nhau. Áp-ra-ham sẽ gặp khó khăn khi nghe một lời hứa như vậy? Vâng, nhưng chính điều này đã làm cho đức tin của ông được lưu danh hậu thế và truyền cảm hứng đến cho nhiều thế hệ!

Nhưng rồi thời gian trôi qua, Áp-ra-ham và Sa-ra trở nên mất kiên nhẫn khi chưa nhìn thấy thực tế những gì Chúa hứa. Sa-ra phác thảo một kế hoạch riêng nhằm thúc đẩy cho lời hứa của Đức Chúa Trời trở thành hiện thực (Sáng 16). Đức tin là sống nhờ lời hứa của Chúa chứ không phải là lập một kế hoạch khôn ngoan theo ý riêng. Thế nhưng Áp-ra-ham đã nghe theo lời của Sa-ra, và đây là một sự trượt ngã của đức tin. Áp-ra-ham đã tin cậy Đức Chúa Trời trong đêm tối, nhưng giờ đây ông lại nghi ngờ lời hứa của Chúa giữa ban ngày! Chờ đợi Đức Chúa Trời là yếu tố cần thiết cho sự trưởng thành đức tin. Nhưng đi trước ý muốn của Chúa và chạy theo kế hoạch riêng sẽ gây nên lăm nan đề. Điều đó có nghĩa là phước hạnh tốt nhất mà Chúa dành cho chúng ta có thể bị trôi mất.

CHÚNG TA ĐƯỢC KÊU GỌI ĐỂ CHO ĐI NHỮNG GÌ CHÚNG TA YÊU MẾN

Đức Chúa Trời giữ lời hứa của Ngài và theo đúng thời điểm Ngài sẽ ban cho Áp-ra-ham một đứa con trai. Y-sác sẽ là tên của nó (Sáng 17:17). Y-sác có nghĩa là “cười”, bởi vì cả Áp-ra-ham và Sa-ra đều cười khi nghe nói đến viễn cảnh có con trai, lúc mà cả hai đều đã lớn tuổi (Sáng 17:17; 18:13-15; 21:6-7). Có thể lắm những người khác cũng cười về chuyện này!

Thế nhưng sau đó khi Y-sác đã được sinh ra theo lời hứa của Đức Chúa Trời, thì Ngài lại yêu cầu Áp-ra-ham dâng con trai Y-sác làm một sinh tế. Lần đầu tiên từ “yêu - love” được dùng trong Kinh Thánh (Sáng 22:2) [Then God said, “Take your son, your only son, whom you love—Isaac—and go to the region of Moriah. Sacrifice him there as a burnt offering on a mountain I will show you.” (Genesis 22:2).] Trong câu này Đức Chúa Trời xác nhận là Áp-ra-ham yêu con trai của ông (Cần lưu ý rằng Ích-ma-ên không được Chúa xác nhận như vậy mặc dù anh ta là con trai đầu tiên của Áp-ra-ham). Trong Tân Ước từ “yêu” được xuất hiện lần đầu tiên trong Ma-thi-ơ 3:17. Câu này Đức Chúa Cha xác nhận tình yêu của Ngài dành cho Đức Chúa Con Giê-su Christ. Tại sao Đức Chúa Trời ban cho vợ chồng Áp-ra-ham một đứa con trai mà họ rất mực thương yêu, rồi sau đó lại truyền lệnh cho họ dâng nó lên làm của lễ?

Đây rõ ràng là bài trắc nghiệm đức tin lớn nhất dành cho Áp-ra-ham. Bởi vì đức tin mà chưa qua thử nghiệm thì nó không đáng tin cậy. Sự thử nghiệm đức tin mà Đức Chúa Trời cho phép xảy đến trên đời sống của chúng ta, là nhằm để giúp đỡ chúng ta khám phá chính mình. Trong những hoàn cảnh nghiệt ngã nhất, chúng ta có còn đứng vững trên lời hứa của Đức Chúa Trời hay sẽ bị chao đảo? Áp-ra-ham đã tập chú vào sự thành tín của Chúa. Ông nhìn vào những lời hứa trong giao ước của Ngài với ông và tìm kiếm vinh quang của Đức Chúa Trời trong sự vâng phục trọn vẹn. Có thể nói rằng Đức Chúa Trời không muốn con trai của Áp-ra-ham (dành cho của lễ thiêu), nhưng Ngài muốn tấm lòng của ông – tấm lòng của sự vâng phục.

Điều căn bản của đời sống Cơ đốc là chúng ta dám cho đi những gì Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Nếu không thì phước hạnh mà chúng ta nhận được từ Chúa có thể sẽ trở nên những hình tượng đứng giữa Đức Chúa Trời và chúng ta. Đức tin của Áp-ra-ham được bày tỏ qua hành động dâng Y-sác. Tác giả sách Hê-bơ-rơ đã viết:

Bởi đức tin, Áp-ra-ham dâng Y-sác trong khi bị thử thách: người là kẻ đã nhận lãnh lời hứa, dâng con một mình, là về con đó mà Đức Chúa Trời có phán rằng: Ấy bởi trong Y-sác mà ngươi sẽ có một dòng dõi lấy tên ngươi mà kêu. Người tự nghĩ rằng Đức Chúa Trời cũng có quyền khiến kẻ chết sống lại; cũng giống như từ trong kẻ chết mà người lại được con mình (Hêb 11:17-19). Kinh nghiệm thuộc linh ở đây là: cùng chết với Đấng Christ, thì cũng sẽ cùng sống với Ngài (Rô-ma 6:8) trong một sự sống dư dật. Khi Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta dâng cho Ngài điều quý báu nhất mà chúng ta đang nắm giữ, chúng ta hãy vâng phục Ngài trong đức tin. Vì đây chính là đường lối duy nhất để nhận trở lại những gì Chúa muốn ban cho chúng ta.

CHÚNG TA ĐƯỢC KÊU GỌI ĐỂ KHÓC THAN CHO...

Sáng thế ký 23 tường thuật câu chuyện Áp-ra-ham chịu tang cho Sa-ra và than khóc vợ mình. Lần đầu tiên trong Kinh Thánh sự kiện một người qua đời và những giọt nước mắt được đề cập. Sa-ra là người phụ nữ duy nhất trong Kinh Thánh mà tuổi thọ của bà được ghi nhận. Sa-ra là một người nữ của đức tin cũng giống như Áp-ra-ham là người nam của đức tin (Hêb 1:11). Cặp vợ chồng này là một đội hình cùng hầu việc Chúa.

Những giọt nước mắt của Áp-ra-ham không đánh dấu cho sự vô tín hay thất bại, nhưng nó là bằng chứng của tình yêu của ông dành cho Sa-ra – người vợ yêu dấu. Dân sự của Đức Chúa Trời đi qua những đau khổ nhưng họ không mất hy vọng (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13). Áp-ra-ham đã nêu một gương mẫu tốt cho chúng ta trong hành động tôn trọng Sa-ra và mai táng vợ mình, và ông cũng sử dụng cơ hội này để làm chứng cho những người ngoại bang hàng xóm chung quanh.

Cái hang đá mà Áp-ra-ham đã mua làm mộ địa cho Sa-ra trở thành nơi mai táng cho cả: Áp-ra-ham; Y-sác, Rê-bê-ca, Lê-a và Gia-cốp. Sách Sáng thế ký kết thúc với một ngôi mộ tập thể (Sáng 49:29-32). Nhưng đức tin của chúng ta đặt nền tảng trên một ngôi mộ trống, bởi vì Chúa Giê-su đã bước ra khỏi hầm mộ và chiến thắng sự chết (1 Cô-rin-tô 15: 12-28, 54).

Càng sống lâu trên đất, chúng ta càng chứng kiến bạn bè và những người chúng ta yêu mến sẽ qua đời, chia tay với chúng ta. Nếu Chúa chưa tái lâm trong thời đại này, chúng ta cũng sẽ gia nhập chung với họ. Nhưng chúng ta không hề sợ hãi. Lời hứa trong Kinh Thánh là:

“Vì Đức Chúa Trời này là Đức Chúa Trời chúng tôi đến đời đời vô cùng; Ngài sẽ dẫn chúng tôi cho đến kỳ chết” (Thi 48:14).

CHÚNG TA ĐƯỢC KÊU GỌI ĐỂ CHẾT

Áp-ra-ham đã sống 175 năm trên đất, điều này có nghĩa là ông đã bước đi liên tục với Chúa trong suốt một thế kỷ. Áp-ra-ham đã chết trong đức tin, cũng giống như ông đã từng sống trong đức tin. Tân Ước đề cập đến những anh hùng đức tin:

“Hết thảy những người đó đều chết trong đức tin, chưa nhận lãnh những điều hứa cho mình; chỉ trông thấy và chào mừng những điều đó từ đằng xa, xưng mình là kẻ khách và bộ hành trên đất. Những kẻ nói như thế, tỏ rõ rằng mình đương đi tìm nơi quê hương. Ví thử họ đã tưởng đến nơi quê hương mà mình từ đó đi ra, thì cũng có ngày trở lại, nhưng họ ham mến một quê hương tốt hơn, tức là quê hương ở trên trời; nên Đức Chúa Trời không hổ thẹn mà xưng mình là Đức Chúa Trời của họ, vì Ngài đã sắm sẵn cho họ một thành” (Hêb 11:13-16).

Nhưng trước khi Áp-ra-ham qua đời, ông muốn Y-sác phải có một người vợ chính thức để rồi từ đó dòng dõi của ông – thế hệ tương lai sẽ viết tiếp lịch sử tuyển dân. Phước hạnh cho những ai ưu tư đến thế hệ tiếp theo! Áp-ra-ham là một gương mẫu sinh động cho chúng ta về việc chuẩn bị, đầu tư cho thế hệ tương lai.

Biết mình sẽ trở về với tổ tông, Áp-ra-ham chuyển giao tài sản cho Y-sác (Sáng 24:34-36; 25:5). Ông sai phái người quản gia trưởng trong nhà phải về quê hương để tìm một thiếu nữ trong vòng bà con làm vợ cho Y-sác. Sáng thế ký chương 24 ghi lại bàn tay kiểm soát và tể trị của Đức Chúa Trời trên mỗi chi tiết của câu chuyện hợp hôn Y-sác và Rê-be-ca. Đây hiển nhiên là sự thành tín của Đức Chúa Trời - Chúa giữ giao ước của Ngài với Áp-ra-ham được bày tỏ qua câu chuyện kịch tính và thú vị này. Đức tin của Áp-ra-ham và sự trung tín của người quản gia kết nối với nhau đem đến cho Y-sác một người vợ theo ý Chúa! Y-sác chắc sẽ hạnh diện vì ông có một người cha tuyệt vời như thế.

Bởi vì Áp-ra-ham lo nghĩ đến thế hệ tương lai và ông chuẩn bị mọi điều cho chúng. Y-sác, Gia-cốp và toàn bộ tuyển dân được nhận lãnh phước hạnh từ đức tin của Áp-ra-ham. Xa hơn nữa bạn và tôi có Cứu Chúa và quyền Kinh Thánh. Chúng ta biết “Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp”.

Studdard Kennedy cũng đã viết: “Đức tin thật vượt qua những tình huống khó khăn, đi trước thời đại và không sợ chết. Đức tin thật là sống bởi đức tin vào lời hứa của Đức Chúa Trời”. Và chúng ta có thể ôn lại câu này của ông: “Đức tin là không tin vào những điều sai trật bất chấp những bằng chứng; Đức tin là vâng lời Đức Chúa Trời bất chấp những hậu quả.”

Bài 9

SA-RA

Hãy nghĩ đến tổ người là Áp-ra-ham, cùng Sa-ra, là người đã sanh sản các người;

Ê-sai 51:2

Khi Đức Chúa Trời đổi tên Áp-ram thành Áp-ra-ham, Ngài cũng đổi tên Sa-rai thành Sa-ra. Sa-ra có nghĩa là công chúa (Sáng 17:15-16). Cái tên này xuất hiện bốn mươi một lần trong Cựu Ước, và xuất hiện năm mươi tám lần trong toàn bộ Kinh Thánh. Tên của sứ đồ Giăng không được nhắc đến nhiều như thế. Đức Chúa Trời hứa rằng Sa-ra sẽ trở nên mẹ của các vua trên đất, vì vậy Ngài gọi tên bà là công chúa. Chỉ có một lần duy nhất tên của Sa-ra được nhắc đến trong Cựu Ước bên ngoài sách Sáng thế ký là Ê-sai 51:2. Tôi chọn câu Kinh Thánh này làm câu gốc cho bài viết sau đây.

Chúng ta thấy gì khi nhìn vào đời sống Sa-ra?

ÁP-RA-HAM NHÌN SA-RA VÀ BẮT GẶP MỘT TÌNH YÊU

Áp-ra-ham và Sa-ra lớn lên tại U-rơ thuộc Cha-ran, một thành phố thờ hình tượng. Đức Chúa Trời vinh hiển đã hiện ra cùng Áp-ra-ham, khi ông còn ở tại Mê-sô-bô-ta-mi (Công 7:1) và phán bảo ông phải đi ra khỏi quê hương, đến một vùng đất mới mà Ngài sẽ chỉ cho. Đức Chúa Trời đã bỏ qua những người khác trong một thành phố rộng lớn, nhưng Ngài bày tỏ chính Ngài cho Áp-ra-ham. Đây quả thật là ân điển diệu kỳ!

Sa-ra đã trả lời Áp-ra-ham như thế nào khi Áp-ra-ham thông báo cho bà biết các hình tượng mà cư dân thành phố đang thờ phượng là sai lầm, và ông chuẩn bị ra khỏi thành phố quê hương? Sa-ra có lẽ đã hỏi chồng mình: “Chúng ta sẽ đi đâu?” Áp-ra-ham trả lời: “ta cũng không biết, vì Đức Chúa Trời không cho biết rõ ràng nơi sẽ đến.” Phản ứng của Sa-ra trước tình huống này? Kinh Thánh cho chúng ta biết Sa-ra là một phụ nữ có đức tin (Ê-bơ-rơ 11:1), vì vậy bà đã từ bỏ các hình tượng, đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời và đi theo Áp-ra-ham. Bà thuận phục chồng mình giống như thuận phục Chúa (Ê-phê-sô 5:21-33), trong khi Áp-ra-ham yêu thương, che chở vợ như chính bản thân mình. Sa-ra bước theo Áp-ra-ham, từ bỏ quê hương thực hiện một chuyến đi rủi ro, nguy hiểm đến một nơi chưa biết trước.

Vợ chồng Áp-ra-ham lên đường ra khỏi U-rơ. Tha-rê, cha của Áp-ra-ham và Lót người cháu trai đi cùng họ. Tha-rê qua đời tại Cha-ran (Sáng 11:31-32). Lót là người sau này gây ra lăm nan đề tiếp tục cuộc hành trình với Áp-ra-ham về miền đất hứa. Áp-ra-ham và Sa-ra có thể đã nói cho những người bà con của mình về một Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, và rồi họ đã ra đi ra khỏi quê hương bỏ lại phía sau những mối quan hệ họ hàng thân thiết. Ông nổi bật là người dẫn đường có đức tin, không cần bản đồ, la bàn hay bất cứ dụng cụ nào. Nhưng Áp-ra-ham cần Sa-ra, và ông biết điều đó. Tác giả James Strahan đã viết trong sách Hebrwe Ideals, “Sa-ra là công chúa - mẹ của nhiều vua. Bà hiểu sự kêu gọi thiên thượng của chồng mình, cùng chia sẻ khát vọng của ông, và song hành với ông trên mọi nẻo đường.” Không có gì ngạc nhiên khi sứ đồ Phi-e-rơ nói về Sa-ra, “Sa-ra vâng phục Áp-ra-ham, gọi người là chúa mình; nếu các chị em làm điều lành, không sợ chi hết mà rỗi trí, thì trở nên con gái của Sa-ra vậy.” (1 Phi-e-rơ 3:1-6). Sa-ra là một tấm gương tốt cho những người nữ theo Chúa trong suốt mọi thời đại.

Bởi vì Sa-ra yêu mến chồng mình, bà cùng chịu trách nhiệm với Áp-ra-ham về lời nói dối được ghi trong Sáng thế ký 20:11-13. Áp-ra-ham đã nói rằng Sa-ra là em gái trong họ hàng thay vì nói cô ấy vừa là em gái vừa là vợ của tôi. Lời nói một nửa sự thật này của Áp-ra-ham đã che chở cho ông và gia đình, nhưng nó chắc chắn đem nguy hiểm đến cho sự thuần khiết của Sa-ra, một người nữ mà qua đời sống của bà đứa con trai của lời hứa sẽ đến.

Đức tin chân thật không nên gắn kết với mưu đồ riêng. Áp-ra-ham đã hai lần không nói rõ về thân phận của Sa-ra. Điều này đã làm cho ông và người vợ gặp rắc rối sau đó.

Y-SÁC NHÌN VÀO SA-RA VÀ THẤY ĐỨC TIN

Đức tin của Áp-ra-ham và Sa-ra đã đem Y-sác, đứa con của lời hứa thành hiện thực. Bản Kinh Thánh NIV dịch câu Kinh Thánh Hê-bơ-rơ 11:11, “Cũng bởi đức tin mà Sa-ra dẫu có tuổi còn có sức sanh con cái được, vì người tin rằng Đấng hứa cho mình điều đó là thành tín.” Sa-ra đã vượt qua giới hạn của tuổi sinh con, vì vậy khi nghe tin một đứa con trai theo lời hứa sẽ được sinh ra từ chính mình, Sa-ra và Áp-ra-ham đã cười. Nhưng Đức Chúa Trời của sự trông cậy ban cho họ “đầy đầy mọi điều vui vẻ và mọi điều bình an” (Rô-ma 15:13), và không bao lâu sau đó nụ cười hoài nghi của họ đổi thành nụ cười thánh thiện khi mà những gì bất khả thi trong chuyện sinh nở của Sa-ra lại trở thành hiện thực. Họ đã vui hưởng món quà Chúa ban cho và qui tất cả vinh hiển về cho Ngài. Bạn có thể giải thích những gì đã xảy ra chỉ là sự tình cờ và không có bàn tay của Chúa trong đó? Hay là bạn không thể giải thích những gì đã xảy ra và thừa nhận là Chúa đã làm như vậy, khi ấy tất cả chúng ta sẽ vui mừng ca ngợi Chúa và cười thỏa vui trước ân ban của Ngài.

Ê-SAI NHÌN VÀO SA-RA VÀ THẤY HY VỌNG

Bây giờ chúng ta tập chú vào những câu Kinh Thánh chỉ ra tính cách đặc trưng của đời sống Sa-ra. Những câu này nằm ở phần thứ hai của sách Ê-sai (từ chương 40 đến chương 66). Ê-sai đề cập đến khoảng thời gian người Israel bị lưu đày ở Ba-by-lôn. Họ chịu cảnh phu tù trong bảy mươi năm (Giê-rê-mi 25:8-14; Đa-ni-ên 9:1-3) rồi được phép về lại quê hương, nhưng không có nhiều người trở về. Đế quốc Ba-by-lôn đã khiến cho dân tộc Israel suy tàn, thành phố Giê-ru-sa-lem và đền thờ tại đó bị phá hủy. Tổng số dân Do Thái giảm xuống không còn như trước. Không có gì dễ chịu khi tuyển dân trở về từ Ba-by-lôn trong một cuộc hành trình gian khổ. Chỉ còn lại một ít người trở về khôi phục thành phố và đền thờ. Nhóm người Do Thái lưu đày trở về đối diện với muôn vàn khó khăn khi phải thực hiện những công việc bất khả thi.

Nhưng Ê-sai biết cách khích lệ tuyển dân. Đầu tiên ông bảo họ hãy nhìn chung quanh và vui hưởng sự vĩ đại của Đức Giê-hô-va (Ê-sai 40). Đời sống con người trên đất chóng qua như hoa sớm nở tối tàn, nhưng các công trình sáng tạo của Chúa vẫn được bảo tồn theo thời gian bằng một quyền năng siêu việt. Không người nào có thể lớn hơn Đức Chúa Trời. Tuyển dân Israel đã nhiều lần quay lưng lại với Đức Chúa Trời và đi theo các thần tượng khác. Và đó là lý do mà họ bị trừng phạt tại Ba-by-lôn. Mặc dù tuyển dân phản bội giao ước nhưng Đức Chúa Trời vẫn là Chúa của họ và Ngài sẽ hoàn thành mục đích đời đời của Ngài trên cuộc đời họ.

Đức Chúa Trời vẫn còn yêu thương tuyển dân bất luận họ thế nào? Họ đã bất tuân ý chỉ của Chúa và làm cho tấm lòng Ngài tan vỡ. Tiên tri Ê-sai khích lệ tuyển dân hãy nhìn lên để thấy cánh tay yêu thương của Đức Chúa Trời vẫn đang chăm sóc họ, “Ngài sẽ chấn bầy mình như người chăn chiên; thâu các con chiên con vào cánh tay mình và ẩm vào lòng; từ từ dắt các chiên cái đương cho bú.” (Ê-sai 40:11). Ông nhắc lại điệp khúc: “Đừng sợ” (41:10, 13, 14; 43:1-2) cho tuyển dân vốn luôn có tâm lý bất an. Đức Chúa Trời sẽ thay mặt họ để chinh chiến với kẻ thù, vì vậy hãy lắng nghe lời Ngài, và công bố những lời hứa của Chúa. Hãy nhìn lên!

Trong Ê-sai 51:2, tiên tri của Đức Chúa Trời khích lệ tuyển dân hãy nhìn lui về đời sống của Áp-ra-ham và Sa-ra. Tuyển dân Israel không phải xuất phát từ thiên đàng rồi đi xuống trần gian trên những đám mây, nhưng họ đã được sinh ra từ một người nam đã bảy mươi lăm tuổi và vợ của ông ta đã sáu mươi lăm tuổi. Theo lẽ thông thường, đôi vợ chồng này không còn khả năng sinh đẻ nữa. Họ đã già rồi khó có thể có con! Nhưng Đức Chúa Trời ban cho họ một lời hứa kỳ diệu, đó là dòng dõi họ sẽ đông như sao trên trời, như cát bờ biển (Sáng 13:14-17; 15:5). Nếu Đức Chúa Trời có thể xây dựng một quốc gia từ đôi vợ chồng già Áp-ra-ham, thì tại sao Ngài không thể tái lập quốc gia Israel từ những người yếu đuối mất hết tinh thần sau một thời gian dài chịu cảnh lưu đày? Đức Chúa Trời đã giữ lời hứa với Áp-ra-ham và bây giờ Ngài cũng sẽ làm như vậy với dòng dõi của ông.

Khi tuyển dân ra khỏi cảnh phụ tù trở về xây dựng lại đền thờ. Đền thờ này dường như không bằng đền thờ nguy nga tráng lệ mà Sa-lô-môn đã xây dựng trước đó. “Nhiều thầy tế lễ, người Lê-vi, trưởng tộc, tức là những người già cả đã thấy đền thờ trước, bèn khóc tiếng lớn trong khi người ta xây nền của đền mới ...” (E-xơ-ra 3:11-13; A-ghe 2:3). Đức Chúa Trời đã sai tiên tri Xa-cha-ri đến hỏi họ: “ai là kẻ khinh dễ ngày của những điều nhỏ mọn?” (Xa-cha-ri 4:10). Hãy nhìn về quá khứ để thấy Áp-ra-ham và Sa-ra là những người đầu tiên đặt nền tảng cho tuyển dân. Đức Chúa Trời có thể làm những điều kỳ diệu bất chấp những nghĩ suy “bất khả thi” của con người. Từ một đôi vợ chồng già đã sản sinh ra một dân tộc lớn mạnh hùng cường để qui vinh hiển về cho Ngài. Những lời này dành cho những ai đã mất hết hy vọng: “Ấy chẳng phải là bởi quyền thế, cũng chẳng phải là bởi năng lực, bèn là bởi Thần ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.” (Xa-cha-ri 4:6). Lời tuyên hứa này của Chúa vẫn còn có hiệu lực đến hôm nay!

HÔM NAY DÂN SỰ CỦA CHÚA NHÌN VÀO SA-RA VÀ THẤY TỰ DO

Sứ đồ Phao-lô đã nghiên cứu về câu chuyện của Sa-ra và A-ga trong Sáng thế ký 16 và 21. Ông giải thích ý nghĩa hình bóng của hai người nữ này trong Ga-la-ti 4:21-31. Hội thánh tại Ga-la-ti lúc bấy giờ đang lẩn lộn giữa luật pháp của Mô-i-se với Phúc Âm của Chúa Giê-su Christ. Phao-lô giải thích:

A-ga, người nữ nô-lệ đại diện cho luật pháp (Giê-ru-sa-lem dưới đất).

Sa-ra, người nữ tự chủ đại diện cho ân điển (Giê-ru-sa-lem trên trời).

Ích-ma-ên, con trai người nữ nô lệ được sinh ra trong xác thịt.

Y-sác, con trai người nữ tỳ chủ được sinh ra bởi ân điển và quyền năng của Đức Chúa Trời.

Áp-ra-ham không bao giờ có ý định ăn nằm với A-ga. Tuy nhiên trong một phút yếu lòng ông đã nghe theo lời của Sa-ra, đồng nghĩa là ông bất tuân mạng lệnh của Chúa. Ông đã đi theo xác thịt. Từ ngày thứ sáu của công cuộc sáng tạo, Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên A-đam và Ê-va. Ngài đã sáng tạo mọi vật trên căn bản của ân điển. Và điều này tiếp tục khi Ngài đối xử với Nô-ê, Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp và Giô-sép. Đức Chúa Trời ban những lời hứa – đó là ân điển. Dân sự của Chúa tin cậy, vâng phục Ngài và Ngài chúc phước cho họ. Luật pháp đã được đặt thêm (Ga-la-ti 3:19), nó vốn không có từ buổi bình minh sáng tạo. Lời hứa và ân điển của Chúa đã song hành cùng nhau và giải phóng quyền năng của Đức Chúa Trời. Luật pháp và những nỗ lực cá nhân sánh vai cùng nhau và khếch lệ công việc của xác thịt. “Sức mạnh tội lỗi là luật pháp” (1 Cô-rin-tô 15:56). Sa-ra đã sai lầm khi đưa ra một kế hoạch riêng làm cho chồng mình có con với A-ga, nhưng Sa-ra đã đúng khi đề nghị Áp-ra-ham đuổi A-ga và con trai nàng ra khỏi nhà. Ân điển ban cho chúng ta sự tự do, nhưng luật pháp biến chúng ta thành nô lệ. Luật pháp cho chúng ta biết rằng chúng ta cần ân điển, và ân điển làm cho chúng ta có khả năng vâng theo luật pháp bởi quyền năng Đức Thánh Linh (Rô-ma 8:3). Ngày hôm nay người tín hữu không giống như Ích-ma-ên nhưng giống như Y-sác (Ga-la-ti 4:28). Chúng ta được sinh ra bởi quyền năng Đức Chúa Trời và có thể đáp ứng những lời hứa của Ngài. Chúng ta được sinh ra trong hoàng tộc, và chúng ta được tự do. Nếu Sa-ra đại diện cho ân điển và Áp-ra-ham là hình ảnh của đức tin thì Y-sác được sinh ra bởi ân điển, nhờ đức tin (Ê-phê-sô 2:8-9). Áp-ra-ham và Sa-ra không thể sinh con lúc đã vượt qua tuổi giới hạn, họ không thể phá bỏ luật tự nhiên trong sinh đẻ. Nhưng với Đức Chúa Trời thì mọi sự đều có thể. Và đó chính là ân điển!

Đức Chúa Trời không muốn Áp-ra-ham có một “gia đình pha trộn” giữa: luật pháp và ân điển; tự chủ và nô lệ; quyền năng của Đức Chúa Trời và nỗ lực của con người. Con người trong sáng tạo cũ cần luật pháp, nhưng con người mới trong Chúa được giải phóng khỏi những đòi hỏi của luật pháp: “Đấng Christ đã buông tha chúng ta cho được tự do; vậy hãy đứng vững, chớ lại để mình dưới ách tội mọi nữa” (Ga-la-ti 5:1). Vì vậy chúng ta vui hưởng sự tự do trong Christ và dâng vinh hiển cho Đức Chúa Trời.

NHỮNG NGƯỜI VỢ TIN KÍNH NHÌN VÀO SA-RA VÀ THẤY VẺ ĐẸP CỦA MỘT TÁM GƯƠNG

Áp-ra-ham tìm đến Ai-cập khi vùng đất hứa đối diện với nạn đói kém. Ai-cập là nơi mà dòng dõi ông bị vấp phạm nhiều lần sau đó (Xuất 16:1-3; 17:1-3; Dân 14:1-4; Ê-sai 30:1-5; 31:1-3; Giê 37:1-10). Khi vào trong đất Ai-cập Áp-ra-ham không muốn Sa-ra trở nên một góa phụ (ông sợ bản thân bị vua Ai-cập giết chết để chiếm đoạt Sa-ra) vì vậy ông nhắc nàng về bí mật trong mối quan hệ giữa hai người. Những người Ai-cập nhìn thấy Sa-ra là một phụ nữ xinh đẹp, và các viên chức triều đình cũng thấy như thế. Họ trầm trồ về nhan sắc của Sa-ra trước mặt vua Pha-ra-ôn, và thế là Sa-ra được mời vào hậu cung (Sáng 12:10-16). Câu chuyện này cũng được lặp lại lần nữa trong Sáng thế ký 20. Chúng ta biết được những thỏa thuận ngầm giữa đôi vợ chồng Áp-ra-ham từ hai câu chuyện này. Sứ đồ Phi-e-rơ cũng đề cập đến Sa-ra trong thư tín, ông không lên án

cho hành động của Áp-ra-ham mà lại còn tán dương Sa-ra là người phụ nữ mẫu mực đáng nên tôn trọng (1 Phi-e-rơ 3:1-6). Sa-ra trở thành tấm gương cho những người vợ tín kính khác.

Một số chị em trong hội thánh vào thời của sứ đồ Phi-e-rơ đang cố gắng chinh phục người chồng chưa được cứu của mình qua vẻ đẹp bề ngoài và theo đuổi những tiêu chuẩn của văn hóa đương thời. Nhưng sứ đồ Phi-e-rơ khuyên bảo họ hãy tìm kiếm “sự trang sức bề trong giấu ở trong lòng, tức là sự tinh sạch chẳng hư nát của tâm thần dịu dàng im lặng” (1 Phi 3:4). Phi-e-rơ khích lệ họ hãy bắt chước những phụ nữ tín kính trong Kinh Thánh, đặc biệt là Sa-ra. Không cần thiết cho các chị em phải tìm kiếm các trang sức bên ngoài như: “gióc tóc, đeo đồ vàng, mặc áo quần lòe loẹt”. Những phụ trang ấy không kéo người chồng của họ đến với Đấng Christ. Vẻ đẹp thực sự của phụ nữ phải đến từ bên trong. Những tố chất Cơ đốc bên trong là điều làm Chúa vui lòng.

Những chị em này có thể sẽ e ngại vì họ không “hấp dẫn bề ngoài” so với các phụ nữ ngoại bang, có thể họ sợ chồng của họ sẽ không thích phong cách khác người như vậy. Ở đây Phi-e-rơ khuyên họ phải vâng phục chồng mình trong tình yêu và đức tin. Giống như “Sa-ra gọi Áp-ra-ham là chúa mình” (1 Phi 3:5), và bà đã vâng phục chồng giống như vâng phục Chúa. Sa-ra làm được điều đó vì bà yêu mến Áp-ra-ham và sẵn lòng vâng phục ông. Không có sự sợ hãi hay dao động nào trong tâm lòng của bà với chồng mình. Ngay cả khi Sa-ra già đi, bà vẫn luôn luôn là “người vợ xinh đẹp” của Áp-ra-ham.

Mỗi thời đại đều có những xu hướng thời trang mới và nó bày tỏ ra “đẳng cấp” của từng giới. Loài người xem bề ngoài, nhưng Chúa có cái nhìn khác (1 Sa-mu-ên 16:7). Cơ đốc nhân có thể không “thời trang và hấp dẫn” như người ngoại bang, nhưng chúng ta có bông trái của Đức Thánh Linh (Ga-la-ti 5:22-23). Sách Châm Ngôn là tiêu chuẩn của các chị em chúng ta: “Duyên là giả dối, sắc lại hư không; Nhưng người nữ nào kính sợ Đức Giê-hô-va sẽ được khen ngợi” (Châm 31:30).

Chúng ta cần trưởng thành trong tình yêu, đức tin, hy vọng, sự tự chủ và vẻ đẹp chân thật bên trong. Chúng ta sẽ được giúp đỡ mỗi khi nhìn vào Công Chúa Sa-ra, mẹ của những người tín kính.

Bài 10

Y-SÁC

Đức Giê-hô-va sẽ có sẵn sẵn.

Sáng. 22:14

Giê-hô-va Di-rê, nghĩa là “Đức Giê-hô-va sẽ có sẵn sẵn.” là một trong những danh xưng của Chúa được tìm thấy trong Cựu Ước. Tại nơi Áp-ra-ham chuẩn bị giết con trai mình để dâng của lễ thiêu, Đức Giê-hô-va đã sẵn sẵn một con chiên đực để thay thế cho Y-sác. Nhưng mệnh đề “Đức Giê-hô-va sẽ có sẵn sẵn.” không chỉ là diễn tả trải nghiệm của cha con Áp-ra-ham trên núi Mô-ri-a, mà còn là kinh nghiệm cá nhân trong suốt cuộc đời của Y-sác.

Y-sác là con của một người cha trứ danh, đồng thời ông cũng là cha của một người con nổi tiếng. Y-sác có những vinh quang và mạo hiểm như của Áp-ra-ham và Gia-cốp? Chúng ta thử nhìn việc này qua cuộc đời ông. Y-sác sống được 180 năm (Sáng. 28-29) hơn hẳn cả cha Áp-ra-ham và con trai Gia-cốp của ông. Tuy nhiên thời gian trên đất của ông không có nhiều sự kiện quan trọng. G. Campbell Morgan đã bình luận, “Chúng ta cho rằng đời sống của Áp-ra-ham thú vị hơn Y-sác, và đời sống của Gia-cốp thì có nhiều sự kiện ấn tượng hơn Y-sác, nhưng với cái nhìn của Đức Chúa Trời thì khác.” Sứ đồ Phao-lô dạy, “chúng ta cũng như Y-sác, là con của lời hứa.” (Gal. 4:28). Và một trong những lời hứa lớn nhất là, “Đức Chúa Trời tôi sẽ làm cho đầy đủ mọi sự cần dùng của anh em y theo sự giàu có của Ngài ở nơi vinh hiển trong Đức Chúa Giê-su Christ.” (Phil. 4:19). Vì vậy danh xưng thần thánh “Giê-hô-va đĩ-rê” cũng diễn tả kinh nghiệm của chúng ta – là những người bước đi bởi đức tin ngày hôm nay.

ĐẲNG CUNG ỨNG CHO Y-SÁC

Khi Y-sác bước đi bởi đức tin, Đức Chúa Trời cung ứng cách chính xác những nhu cầu cho ông. Bắt đầu cho việc này, Chúa đã cung ứng cho ông một di sản. Áp-ra-ham xây dựng cơ nghiệp của mình trong nhiều năm. Gia-cốp cũng vậy. Nhưng Y-sác thì khác, ngay khi sinh ra ông đã là người giàu có. Sa-ra đã chuẩn bị một cơ nghiệp cho Y-sác, bà nói với chồng mình sau khi A-ga sinh Ích-ma-ên, “Hãy đuổi con đòi với con nó đi đi, vì đứa trai của con đòi này sẽ chẳng được kế nghiệp cùng con trai tôi là Y-sác đâu.” (Sáng. 21:10). Áp-ra-ham sau đó cưới thêm Kê-tu-ra, người vợ thứ hai. Dòng dõi của Kê-tu-ra nhận được những tiền của từ Áp-ra-ham, nhưng hết thảy gia tài của ông là dành cho Y-sác (Sáng. 25:1-6). Điều này cũng được Ê-li-ê-se, quản gia của Áp-ra-ham xác nhận trong Sáng thế ký 24:35-36, “Đức Giê-hô-va đã ban phước cho chủ tôi bội phần, trở nên thịnh vượng; Ngài cho chủ tôi chiên bò, bạc, vàng, tôi trai tớ gái, lạc đà và lừa. Vả, Sa-ra, vợ chủ tôi, trở về già, có sanh một con trai cho người; người đã giao gia tài mình lại hết cho con trai đó.” Y-sác cũng được Chúa ban phước bội phần trong nông nghiệp và chăn nuôi. Sáng-thế-ký 26:12-14 ghi lại: “Y-sác gieo hạt giống trong xứ đó; năm ấy gặt được bội trăm phần; vì Đức Giê-hô-va đã ban phước cho. Người nên thịnh vượng, của cải càng ngày càng thêm cho đến nỗi người trở nên rất lớn. Người có nhiều bầy chiên, bầy bò và tôi tớ rất đông; bởi có ấy, dân Phi-li-tin đem lòng ganh ghét.” Rõ ràng Y-sác đã tin cậy vào danh xưng của Đức Chúa Trời “Đức Giê-hô-va sẽ có sẵn.” Và ông đã kinh nghiệm điều này.

Lưu ý rằng bài học từ Y-sác không có nghĩa là Chúa sẽ làm cho mỗi con cái của Ngài trở nên giàu có trong đời sống vật chất. Đôi khi chuyện đó không xảy ra. Những sự đầu tư của Cơ đốc nhân vào tài chánh và đất đai không phải lúc nào cũng mang lại kết quả nhân bội. Tuy nhiên Đa-vít đã viết trong Thi thiên 37:25 sự quan sát của ông: “Trước tôi trẻ, rày đã già. Nhưng chẳng hề thấy người công bình bị bỏ. Hay là dòng dõi người đi ăn mày.” Chúng ta nhận được sự ban phước thuộc linh trong Christ, “Ngôi khen Đức Chúa Trời, Cha Đức Chúa Giê-su Christ chúng ta, Ngài đã xuống phước cho chúng ta trong Đấng Christ đủ mọi thứ phước thiêng liêng ở các nơi trên trời.... soi sáng con mắt của lòng anh em, hầu cho biết điều trông cậy về sự kêu gọi của Ngài là thể nào, sự giàu có của cơ nghiệp vinh hiển Ngài cho các thánh đồ là làm sao.” (Eph. 1:3, 18)

Chúng ta nhìn thấy con chiên đực mà Chúa dự bị để chết thay cho Y-sác. Cũng vậy Đức Chúa Trời cung ứng Chúa Giê-su Christ – Con Ngài để chết thay cho chúng ta. Điều này thuyết phục Cơ đốc nhân tin rằng Đức Chúa Trời đã ban Chúa Giê-su – là món quà tốt nhất cho chúng ta. Bây giờ có điều gì mà chúng ta chưa nhận được trong Chúa Giê-su? Hay là Đức Chúa Trời từ chối không cho chúng ta những phước hạnh khác? Rô-ma 8:32 nói gì? “Ngài đã không tiếc chính

Con mình, nhưng vì chúng ta hết thảy mà phó Con ấy cho, thì Ngài há chẳng cũng sẽ ban mọi sự luôn với Con ấy cho chúng ta sao?” Vậy thì, khi chúng ta có Chúa Giê-su Christ, còn điều gì nữa mà chúng ta chưa nhận lãnh?

Khi Y-sác bốn mươi tuổi, Đức Chúa Trời dự bị một người vợ đúng nhu cầu cho ông. Điều quan trọng là Y-sác đã có một người vợ trong chương trình của Chúa. Ông và Rê-be-ca đều liên quan đến lời hứa về Đấng Mê-si sẽ đến.

Trong Sáng thế ký 26:12-31, các người láng giềng của Y-sác đã tạo ra các nan đề về giếng nước. Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sác sự khéo léo và khôn ngoan để ông tránh khỏi các cuộc xung đột, và cuối cùng tình hữu nghị giữa hai bên đã thắng. Nhưng sau đó Ê-sau, con trai của Y-sác cưới hai người vợ ngoại bang. Chuyện này đã làm cho tâm lòng của Y-sác và Rê-be-ca đau khổ (Sáng, 26:34-35).

Điều tốt đẹp nhất trong cuộc đời Y-sác là Đức Chúa Trời đã ban cho ông sự bảo đảm về một cơ nghiệp trên thiên đàng. Những tổ phụ sống và chết bởi đức tin nhìn thấy trước một quê hương tốt hơn mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn cho họ. Họ “trông thấy và chào mừng những điều đó từ đấng xa, xưng mình là kẻ khách và bộ hành trên đất...” (Hêb. 11:13-16). Ngày hôm nay chúng ta đang sống trong một thế giới đầy rủi ro và biến động, nhưng bất luận điều gì xảy ra, chúng ta biết rằng chúng ta đã có một ngôi nhà đời đời trên thiên đàng. Chúa Giê-su đang ở thiên đàng, và Ngài đã sắm sẵn một chỗ cho dân sự của Ngài (Giăng 14:1-6). Và khi giờ G đến, hội thánh sẽ được cất lên để gặp Ngài trong vinh hiển. Tương lai của chúng ta đã được Chúa bảo đảm.

SỰ CUNG ỨNG THÔNG QUA CHÚA GIÊ-SU.

Trong sách Phức Âm Giảng, Chúa Giê-su phán với những người lãnh đạo tôn giáo chống đối Ngài: “Cha các ngươi là Áp-ra-ham đã nức lòng nhìn thấy ngày của ta; người đã thấy rồi, và mừng rỡ.” (Giăng 8:56).

Đối với những người này, lời Chúa phán như thế là phạm thượng, vì vậy họ lấy đá để ném vào Ngài. Nhưng những lời Chúa nói không hề có ý phạm thượng nào, vì trong đôi mắt đức tin Áp-ra-ham đã nhìn thấy những ngày của Chúa Giê-su.

Đối với người nhạy cảm thuộc linh như Áp-ra-ham, thì những sự kiện trong cuộc đời ông đã chỉ ông đến với lời hứa về một Đấng Mê-si. Điều này được bao hàm trong câu chuyện về sự sinh ra của Y-sác, dâng Y-sác lên bàn thờ – chấp nhận mất đi đứa con trai yêu quý. Nhưng cuối cùng không phải mất, nhưng Áp-ra-ham lại nhận được con mình (Hêb. 11:19). Còn nữa, Rê-be-ca cũng là một phép lạ trong ân sủng (Sáng. 24). Ngày hôm nay, nhờ Thánh Linh chúng ta nhận ra lời hứa về Đấng Mê-si đến qua những chuỗi sự kiện này. Nhưng Áp-ra-ham đã trải nghiệm những điều đó cách đây nhiều thế kỷ, trong một ý nghĩa ông đã nhìn vào tương lai và thấy Chúa Giê-su!

“Cha yêu Con, và đã giao hết mọi vật trong tay Con.” (Giăng 3:35). Câu này nhắc chúng ta nhớ đến Sáng thế ký 24:35-35 và 25:5. “Đức Giê-hô-va đã ban phước cho chủ tôi bội phần, trở nên thanh vượng; Ngài cho chủ tôi chiên bò, bạc, vàng, tôi trai tớ gái, lạc đà và lừa. Và, Sa-ra, vợ chủ tôi, trở về già, có sanh một con trai cho người; người đã giao gia tài mình lại hết cho con trai đó.... Áp-ra-ham cho Y-sác hết thảy gia tài mình.” Lễ thật này được nhắc lại một lần nữa trong Giăng 13:3 và 16:15. “Đức Chúa Giê-su biết rằng Cha đã giao phó mọi sự trong tay mình.... Mọi sự Cha có, đều là của ta;” Không giống như Y-sác, Chúa Giê-su sinh ra trong khó nghèo. Tân Ước mô tả về Ngài: “Cáo có hang, chim trời có tổ, song Con Người không có chỗ gối đầu.”

Trong suốt chức vụ, Chúa Giê-su đã phải mượn: chiếc thuyền của Phi-e-rơ, bữa ăn trưa của một bé trai, con lừa của một môn đồ vô danh. Và sau khi chết Ngài được chôn trong một cái mộ

mượn của người khác. Nhưng Con Người vô sản đó đã làm giàu cho biết bao người trên thế giới. “Vì anh em biết ơn của Đức Chúa Giê-su Christ chúng ta, Ngài vốn giàu, vì anh em mà tự làm nên nghèo, hầu cho bởi sự nghèo của Ngài, anh em được nên giàu.” (2 Côr. 8:9) Không có Chúa Giê-su, nhân loại có thể giàu có trong thế giới hiện tại, nhưng nghèo khó trong đời hầu đến. Nhưng khi có Chúa Giê-su, người ta có thể nghèo khó trong đời này, nhưng chắc chắn sẽ giàu có ở đời sau (Lu-ca 6:20-23), hoặc thậm chí giàu có trong đời này và đời sau cũng vậy (1 Tim. 6:17-19). Cơ đốc nhân là những đường ống dẫn nước, không phải hồ chứa nước. Đức Chúa Trời ban phước cho chúng ta để chúng ta có khả năng ban phước cho người khác. “Vì sự đầy đầy của bốn thánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình. Anh em lại nhờ Ngài mà có được đầy đầy mọi sự, vì Ngài là đầu của mọi quyền cai trị và mọi thể lực.” (Côl. 2:9-10). Y-sác sinh ra đã là người giàu có, và khi chúng ta được tái sinh trong Christ – chúng ta cũng giàu có như Y-sác. Chúng ta trở nên giống như Chúa Giê-su và các sứ đồ: “ngó như buồn rầu, mà thường được vui mừng; ngó như nghèo ngặt, mà thật làm cho nhiều người được giàu có; ngó như không có gì cả, mà có đủ mọi sự!” (2 Côr. 6:10). Thật là một nghịch lý, nhưng đó là thực tế sinh động của đặc quyền đời sống Cơ đốc!

ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI CHO SỰ CUNG ỨNG

Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng trách nhiệm của con cái Chúa là làm vui lòng Ngài theo đường lối của Ngài. Trong lúc tuổi vị thành niên Y-sác đã làm vui lòng cha Áp-ra-ham, thậm chí dâng nộp đời sống mình cho cha. Nhưng khi về già ông đã xoay xở làm theo ý riêng (Sáng. 27). Thay vì chúc phước cho Gia-cốp là người con xứng đáng hơn Ê-sau (Ê-sau trước đó đã cưới hai người vợ dân Ca-na-an), thì ông đã thiên vị Ê-sau và định tâm chỉ chúc phước cho Ê-sau mà thôi. Vì thế mới xảy ra câu chuyện lừa đảo của hai mẹ con Rê-be-ca và Gia-cốp sau đó. Cuối cùng Chúa đã dùng sự thiên vị của Y-sác dành cho Ê-sau mà chuyển phước hạnh đến Gia-cốp. Đúng là “trong lòng loài người có nhiều mưu kế, nhưng chỉ có Ý Chúa mới thành tựu.” Bài học nào ở đây? Y-sác đã có một khởi đầu tốt, nhưng kết thúc lại không tốt. Trong suốt 20 năm dài sau hôn nhân, Y-sác và Rê-be-ca chờ đợi sinh hạ một đứa con. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Y-sác cầu khẩn Đức Giê-hô-va về chuyện này, và Chúa đã trả lời sự cầu nguyện của ông. Chúng ta đọc Sáng. 25:21-23: “Y-sác khẩn cầu Đức Giê-hô-va cho vợ mình, vì nàng son sẻ. Đức Giê-hô-va cảm động lời khẩn cầu đó, nên cho Rê-be-ca thọ thai. Nhưng vì thai đôi làm cho đụng nhau trong bụng, thì nàng nói rằng: Nếu quả thật vậy, có sao điều này xảy đến làm chi? Đoạn, nàng đi hỏi Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va phán rằng: Hai nước hiện ở trong bụng ngươi, và hai thứ dân sẽ do lòng ngươi mà ra; dân này mạnh hơn dân kia, và đứa lớn phải phục đứa nhỏ.”

Lịch sử lặp lại ở đây! Đức Chúa Trời “đảo ngược” phước hạnh của đứa con thứ nhất sang đứa con thứ nhì.

A-bên là em, không phải Ca-in; Sem và Gia-phết nhỏ hơn, không phải là Cham; Gia-cốp chứ không phải Ê-sau. A-bên, Sem, Gia-phết và Gia-cốp là những con thứ, không phải trưởng nam. Đứa con thứ nhì là kế hoạch của Chúa. Đấng Mê-si sẽ đến không qua dòng dõi Ê-sau là con trưởng nam, nhưng là Gia-cốp – đứa con thứ nhì. Có phải kế hoạch giành lấy phước lành mà Y-sác chúc cho Ê-sau, của hai mẹ con Rê-be-ca và Gia-cốp là không đúng đắn? Làm sao để có thể thay đổi tâm trí của Y-sác vào lúc đó? Đức Chúa Trời đã cho phép hai mẹ con thành công trong kế hoạch hoán đổi Gia-cốp thành Ê-sau, nhưng đổi lại Gia-cốp phải ra đi sau đó không còn gặp lại mẹ của mình nữa. Và cuộc đời ông sau này cũng bị các con trai lừa dối trong việc bán Giô-sép qua xứ Ê-díp-tô. Tuy nhiên, Y-sác là nguyên nhân của rắc rối trong gia đình khi ông thiên vị Ê-sau và định tâm

chúc phước cho con trai trưởng. Ông chúc phước cho Ê-sau vì nghĩ rằng mình sắp chết, nhưng thực ra sau đó ông còn sống thêm 40 năm nữa. Tổng cộng ông đã sống trên đất 180 năm. Những năm cuối đời thay vì sống theo ý Chúa, ông đã sống theo ý riêng. Ông tùy thuộc vào cảm xúc, đụng chạm, nếm thức ăn ...thay vì tùy thuộc vào sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời trong việc bị Gia-cốp đánh lừa. Khi biết rằng Gia-cốp đã dùng mảnh khố lấy đi phước lành của Ê-sau, Y-sác xúc động mãnh liệt và ông biết mình đã phạm sai lầm (Sáng. 27:33). Đức Chúa Trời tế trị mọi biến cố xảy ra. Ngài không cho phép con người hoàn thành kế hoạch của họ. Câu cổ ngữ này vẫn còn đúng: “Đức Chúa Trời ban điều tốt nhất cho những ai Ngài đã chọn.”

Bài 11

RÊ-BE-CA

Mẹ đáp rằng: Con ơi! Xin sự rửa sã đó để cho mẹ chịu; *hãy cứ nghe lời mẹ*, ra bắt hai dê con.

Sáng thế ký 27:13

Trước khi chết, Áp-ra-ham đã ban tất cả gia tài cho con trai Y-sác. Ông cũng ra lệnh cho Ê-li-ê-se, người quản gia trung tín nhất trong nhà đi tìm một người vợ cho Y-sác: “Người không cưới một cô nào trong bọn con gái của dân Ca-na-an, tức giữa dân ấy ta trú ngụ, làm vợ cho con trai ta. Nhưng hãy đi về quê hương ta, trong vòng bà con ta, cưới một người vợ cho Y-sác, con trai ta” (Sáng 24:3-4). Chuyện tình duyên của Y-sác và Rê-be-ca khởi đầu trong vui mừng hạnh phúc, nhưng kết thúc lại là một câu chuyện buồn. Tuy nhiên Đức Chúa Trời tế trị mọi biến cố xảy ra và hoàn thành mục đích của Ngài.

SỰ HƯỚNG DẪN

Từ providence (sự dự phòng) trong Tiếng Anh đến từ hai từ Latin: pro và video. Hai từ này ghép lại có nghĩa là nhìn thấy trước. Các nhà thần học gọi sự dự phòng thần thượng từ trước là kế hoạch của Đức Chúa Trời dành cho con người để hoàn thành ý muốn của Ngài. Là những con cái vâng lời Chúa thì những gì xảy ra cho chúng ta không phải là ngẫu nhiên tình cờ, nhưng đó là kế hoạch thiên thượng mà Chúa đã lập trình. Sáng thế ký chương 24 là minh họa tốt nhất cho điều này.

Vâng lời Áp-ra-ham, “người đầy tớ bắt mười con lạc đà trong bầy của chủ mình, đem theo đủ các tài vật của chủ đã giao, rồi đứng dậy đi qua xứ Mê-sô-bô-ta-mi, đến thành của Na-cô” (câu 10) bắt đầu cuộc hành trình tìm vợ cho Y-sác. Trước đó Áp-ra-ham nhận được một lời hứa từ Đức Chúa Trời, “Ta sẽ cho dòng dõi ngươi xứ này!” và ông truyền lệnh cho người quản gia trung tín, “Chính Chúa sẽ sai thiên sứ đi trước ngươi, và nơi đó ngươi hãy cưới một vợ cho con trai ta” (câu 7). Người quản gia Ê-li-ê-se đã lập lại điều này khi ông bước vào trong gia đình của Rê-be-ca (câu 40). Trong ơn thần hựu (chúng ta có thể xem là tình cờ) người quản gia trung tín

đến đúng nơi chốn và cũng đúng thời điểm mà Rê-be-ca xuất hiện bên giếng nước. Ông hỏi nàng, “Cô là con gái của ai?” Đối với chúng ta ngày nay câu này cũng có nghĩa là: Bạn là con của Đức Chúa Trời hay là con cái của thế gian?

Ngay trong tình huống đầu tiên Rê-be-ca xuất hiện và trở thành người nữ mà Đức Chúa Trời đã chọn cho Y-sác. Rê-be-ca cũng như Sa-ra là những người nữ xinh đẹp, tài năng, tin kính trong Kinh Thánh. Y-sác còn có thể mong ước điều gì hơn thế!

QUYẾT ĐỊNH

Rê-be-ca là mẫu người phụ nữ mạnh dạn đưa ra quyết định và thể hiện điều đó theo cách cô ấy chào đón người quản gia, chăm sóc ông cùng những con lạc đà của ông, và đưa ông đến nhà cô. Câu chuyện đầy kịch tính khi La-ban là anh trai của Rê-be-ca nhìn thấy “khoanh vàng và đôi xuyên nơi tay em gái”. La-ban đã nói với Ê-li-ê-se, “Hỡi người đã được Đức Giê-hô-va ban phước! Xin mời vào. Sao đứng ngoài này vậy? Tôi đã sửa soạn nhà và dọn dẹp một nơi cho mấy con lạc đà rồi” (câu 31). Rất hiếu khách và lịch sự! Đây cũng chính là La-ban, người mà sau đó đã cố gắng loại bỏ Gia-cốp khỏi mọi thứ anh ta kiếm được và sẽ thành công nếu Chúa không can thiệp. Như chúng ta sẽ thấy, bên dưới ân sủng và vẻ đẹp tuyệt vời của Rê-be-ca, người nữ này có thể nhận ra tính cách và bản chất của anh trai mình.

Trong thế giới hiện nay, tình bạn giữa hai người khác phái có thể dẫn đến tình yêu. Tình yêu gắn kết sẽ dẫn đến hôn nhân. Điều này không giống với thời đại của Rê-be-ca. Lúc đó hôn nhân đến trước, rồi tình yêu mới phát triển sau đó. Rê-be-ca và Y-sác phải học tập để yêu nhau. Việc cưới xin từ phía nhà trai phụ thuộc vào cha mẹ cô dâu hoặc người giám hộ đồng ý hay không. Vì vậy chúng ta thấy câu chuyện ở đây, người quản gia bước vào trong nhà của Rê-be-ca, trình ra các sính lễ, trình bày câu chuyện và chờ đợi sự quyết định từ phía gia đình người nữ.

Đến đây chúng ta bắt đầu phát hiện các vấn đề của gia đình? Bê-tu-ên là cha của Rê-be-ca vẫn còn sống (Sáng. 24:50), nhưng Rê-be-ca “chạy về, thuật chuyện này (chuyện đã gặp Ê-li-ê-se) lại cho nội nhà mẹ mình” (câu 28). Những phụ nữ thời đó sống trong những căn lều tách biệt, và có phải bất cứ chuyện gì xảy ra Rê-be-ca cũng thuật lại cho mẹ mình trước tiên? Chỉ có người quản gia của Áp-ra-ham đã đến mang theo những món quà quý giá. Có phải trực giác nữ tính của Rê-be-ca đã nói với cô ấy rằng đó là một lời cầu hôn được thực hiện, hay việc con gái chia sẻ tin tức đặc biệt trước với mẹ là điều tự nhiên? Rõ ràng là mẹ của Rê-be-ca theo cách tự nhiên sẽ bảo con gái mình thuật lại câu chuyện với cha và anh trai. Và tình huống xảy ra tiếp theo có vẻ như La-ban là người chịu trách nhiệm thay mặt gia đình giải quyết vấn đề. Cha của Rê-be-ca dường như không đóng vai trò chính trong những quyết định của gia đình mà thay vào đó là mẹ và anh trai. Trong câu 55 chúng ta thấy điều này: “Nhưng anh và mẹ nàng nói rằng: Hãy cho người gái trẻ ở lại cùng chúng tôi ít ngày nữa, độ chừng mười bữa, rồi nó sẽ đi: (câu 55). Bê-tu-ên nắm giữ một vai trò mờ nhạt hơn trong câu chuyện này, ông cũng nhận biết chuyện tình duyên của con gái bởi Đức Chúa Trời mà đến (câu 50) nhưng sự quyết định các chi tiết khác nằm trong quyền hạn của vợ ông và con trai. Có gợi ý ở đây rằng Rê-be-ca được thừa hưởng khả năng quyết định mạnh

mẽ từ mẹ? Sau đó nàng đưa ra một quyết định “tôi sẽ đi” với người quản gia của Áp-ra-ham, và không có ai thảo luận hay ngăn cản nàng chuyện này.

TÌNH YÊU

Những sự kiện xảy ra trong cuộc hành trình dài của Rê-be-ca không được đề cập đến. Một lần nữa chúng ta thấy bàn tay tế nhị của Đức Chúa Trời trong việc Y-sác chuẩn bị đón rước Rê-be-ca. Khi Rê-be-ca đến từ đàng xa, Y-sác đang đi dạo suy ngẫm trên cánh đồng. Y-sác “nhường mắt lên, kìa ngó thấy lạc đà đâu đi đến” (Sáng. 24:63) và rồi cô dâu xuất hiện. Không cần giấy phép hoặc nghi lễ đặc biệt nào được bày ra để Y-sác nhận Rê-be-ca làm vợ. “Y-sác bèn dẫn Rê-bê-ca vào trại của Sa-ra, mẹ mình, lấy làm vợ, và yêu mến nàng” (Then Isaac brought her into his mother Sarah’s tent; and he took Rebekah and she became his wife, and he loved her) (câu 67). Điều này được mọi người mặc nhiên chấp nhận vào thời điểm đó.

Y-sác yêu mến người vợ xinh đẹp Rê-be-ca và nỗi buồn vì mẹ Sa-ra qua đời phai nhạt dần theo năm tháng. Trong một chừng mực nào đó nhiều người vợ phải “làm mẹ” cho chồng của họ. Và ở đây Y-sác hiện ra như một người đàn ông nhiều cảm xúc và sống nội tâm. Nhưng nếu mẹ chồng của Rê-be-ca luôn hiện diện trong trái tim và ký ức của chồng, thì nàng liệu có dành được một chỗ nào trong tâm lòng của Y-sác? Chúng ta biết rằng Y-sác yêu mẹ mình và cảm thấy đau buồn sâu sắc trước cái chết của bà, nhưng giờ đây ông đã có một người vợ yêu quý xinh đẹp, và Rê-be-ca xứng đáng với tất cả tình cảm của ông dành cho nàng.

SỰ PHÂN CHIA

Cặp đôi hạnh phúc Y-sác và Rê-be-ca phải chờ đợi hai mươi năm trước khi Chúa ban cho những đứa con đầu tiên. Ngay trước khi hai đứa con sinh đôi chào đời, đã có sự xung đột của hai đứa trẻ trong lòng mẹ. “Nhưng vì thai đôi làm cho đụng nhau trong bụng, thì nàng nói rằng: Nếu quá thật vậy, có sao điều này xảy đến làm chi? Đoạn, nàng đi hỏi Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va phán rằng: Hai nước hiện ở trong bụng ngươi, và hai thứ dân sẽ do lòng ngươi mà ra; dân này mạnh hơn dân kia, và đứa lớn phải phục đứa nhỏ” (Sáng. 25:19-34). Bản Kinh Thánh Tiếng Anh NKJ ghi: “bọn trẻ chống lại nhau (the children struggled together within her. V 22). Điều này có nghĩa từ khi còn trong bụng mẹ, hai anh em Ê-sau và Gia-cốp đã húc hặc với nhau.

Khi hai trẻ sinh đôi này lớn lên, Kinh Thánh ghi: “Ê-sau trở nên một thợ săn giỏi, thường giông ruồi nơi đồng ruộng; còn Gia-cốp là người hiền lành cứ ở lại trại. Y-sác yêu Ê-sau, vì người có tánh ưa ăn thịt rừng; nhưng Rê-bê-ca lại yêu Gia-cốp” (câu 27-28). Chúng ta thấy rằng Y-sác là mẫu người suy ngẫm sống nội tâm trong khi Rê-be-ca là người hướng ngoại thích các hoạt động bên ngoài. Thông thường cha mẹ cố gắng truyền đạt cho con cái phong cách sống mà họ mong muốn nhưng khó có thể đạt được. Đôi khi con cái sống theo cách đối lập với cha mẹ chúng.

Cả hai người Y-sác và Rê-be-ca đều biết rằng Chúa đã làm cho Gia-cốp thành đứa con đầu lòng mặc dù là người sinh ra sau Ê-sau, điều đó có nghĩa là Gia-cốp sẽ nhận quyền trưởng nam và các

phước lành. Lẽ ra Y-sác nên lãnh đạo gia đình quyết đoán hơn và dành thời gian chuẩn bị Gia-cóp cho vai trò là người kế thừa, nhưng ông tập trung sự chú ý của mình vào Ê-sau. Y-sác có hai đứa con trai chuẩn bị xung đột trong nhà. Rắc rối đã đến.

SỰ LỪA DỐI

Hầu hết mọi gia đình đều có một người biết “lắng nghe và thấu hiểu” mọi chuyện trong nhà, và trong gia đình của Y-sác, người đó là Rê-be-ca. Rê-be-ca đã nghe những lời chồng mình nói, khi Y-sác cố tình không vâng lời Chúa và chuẩn bị ban cho Ê-sau phước lành của con trưởng nam. Mọi người trong nhà đều biết rằng Ê-sau là một người đàn ông không tin kính, anh ta kết nghĩa với người Hê-tít và thậm chí kết hôn với hai phụ nữ Hê-tít. Điều này đem lại đau buồn cho vợ chồng Y-sác (Sáng thế ký 26:34-35). Điều chắc chắn là Y-sác nhớ lời phán của Đức Chúa Trời, “đứa lớn phải phục đứa nhỏ” (Sáng. 25:23; Rô-ma 9:10-12), nhưng ông đã phớt lờ điều này.

Nếu bạn biết mình sắp chết, bạn sẽ làm gì? Đọc Kinh Thánh? Cầu nguyện với bạn hữu và gia đình? Ngợi khen Chúa bằng một bài thánh ca? Y-sác đã làm gì trong gia đình này? Ông “gọi Ê-sau, con trưởng nam, mà rằng: Hỡi con! Ê-sau thưa rằng: Có con đây. Người bèn nói rằng: Này, cha đã già rồi, chẳng biết ngày nào phải chết; vậy bây giờ, cha xin con hãy lấy khí giới, ông tên và cung con, ra đồng săn thịt rừng cho cha, dọn một món ngon tùy theo cha sở thích; rồi dâng lên cho cha ăn, dâng linh hồn cha chúc phước cho con trước khi chết.” (Sáng. 27:2-4). Ở đây Y-sác chỉ muốn ăn một món ngon theo sở thích. Dường như lúc này ông không còn một nguyện vọng thuộc linh nào! Rê-be-ca biết lời tỏ bày của chồng dành cho Ê-sau, và bà đã lên một kế hoạch đánh tráo hoàn hảo. Rê-be-ca lừa dối Y-sác trong khi thực hiện kế hoạch hoán đổi Gia-cóp giả dạng thành Ê-sau. Rê-be-ca muốn chắc chắn rằng phước lành từ Y-sác sẽ được chuyển giao cho Gia-cóp, chứ không cho phải Ê-sau. Và kế hoạch lừa đảo này đã thành công. Triết lý mà Rê-be-ca theo đuổi có từ xa xưa trong một câu cổ ngữ: “chúng ta chấp nhận làm điều xấu, và điều tốt có thể đến” (Rô-ma 3:8). Một nhà thần học người Đức là Hermann Busebaun (1650) bình luận về hành động “muru trí” của Rê-be-ca, “nếu kết thúc được thừa nhận, thì phương tiện cũng được cho phép.” Trong ngôn ngữ hiện đại điều này có nghĩa là: Mục đích biện minh cho phương tiện.

Chúng ta làm thế nào để hiểu động cơ bên trong tâm lòng của Rê-be-ca? Rê-be-ca yêu Gia-cóp và biết rằng phước lành từ chồng của mình sẽ được chuyển giao cho Gia-cóp. Nhưng bà không có đủ sự mạnh dạn để đối diện với Y-sác trong vấn đề này. Đức Chúa Trời ở về phía với Rê-be-ca. Và lời hứa về một Đấng Mê-si sẽ ra từ dòng dõi của Y-sác. Nhưng Rê-be-ca không có đức tin để rút cánh tay của mình ra, và để cho Đức Chúa Trời làm công việc của Ngài. Bà đã can dự vào một sự lừa dối con trai và chồng của mình. Khi hỏi thúc Gia-cóp đánh tráo thân phận, Rê-be-ca nói, “hãy cứ nghe lời mẹ” (Sáng. 27:13). Điều này được xem là dùng sức riêng để giành lấy ơn phước. Về sau này liệu Rê-be-ca có nhận ra rằng mình đang “vẽ đường cho hươu chạy” với những đứa cháu của mình thực hiện cùng một mảnh khước dối cùng Gia-cóp và khiến ông đau lòng suốt hai mươi hai năm vì nghĩ rằng Giô-sép đã chết!

Kế hoạch của Rê-be-ca thành công, và Gia-cốp nhận được phước lành từ cha Y-sác, nhưng hầu hết mọi thứ khác sụp đổ. Ê-sau định tâm tìm cách giết Gia-cốp vì đã cướp phước lành quyền trưởng nam của mình. Rê-be-ca phải đứng ra dàn xếp cho Gia-cốp chạy trốn, bà nói với con trai, “Này, Ê-sau, anh con, toan giết con để báo thù. Vậy, bây giờ, hỏi con, hãy nghe lời mẹ, đứng dậy, chạy trốn qua nhà La-ban, cậu con, tại Cha-ran, và hãy ở cùng người ít lâu, cho đến lúc nào con giận của anh con qua hết” (Sáng. 27:42-44). Từ biến cố đó Y-sác sống thêm bảy năm nữa. Khi ông qua đời mỗi thâm thù của Ê-sau đối cùng Gia-cốp cũng nhạt phai, và họ đã làm hòa với nhau (Sáng. 33), sau đó cùng đứng ra lo chôn cất cha. Tuy nhiên Rê-be-ca không bao giờ gặp lại Gia-cốp nữa sau biến cố hai mẹ con lường gạt Ê-sau và Y-sác. Gia-cốp đi qua xứ Pha-đan A-ram đến nhà cậu La-ban (Sáng. 28:5) và rồi lấy vợ, khởi nghiệp tại đó. Cuối cùng trong Sáng thế ký 49, chúng ta đọc thấy Y-sác và Rê-be-ca được mai táng chung trong hang đá của đồng bằng Mặc-bê-la: “Ấy nơi đó, người ta đã chôn Áp-ra-ham và Sa-ra, vợ người; Y-sác và Rê-be-ca, vợ người.” (Câu 31).

“Vì, ai biết ý tưởng Chúa, ai là kẻ bàn luận của Ngài?” (Rô-ma 11:34). Cả Y-sác và Rê-be-ca đều biết ý muốn của Đức Chúa Trời liên quan đến Gia-cốp. Nhưng Y-sác không đồng tình với ý muốn của Ngài, còn Rê-be-ca thì dùng sức riêng của mình để “trợ giúp” Đức Chúa Trời hoàn thành kế hoạch của Ngài. George McDonald đã viết, “Trong bất cứ điều gì con người thực hiện và để Chúa qua một bên, người đó sẽ thất bại thảm hại, hoặc thành công nhưng lại chuốc lấy sự đau khổ hơn.” Rê-be-ca đã thành công trong kế hoạch của mình, nhưng phần đời còn lại bà đã phải sống trong sự ngậm ngùi.

“Hãy cứ nghe lời mẹ” hay “chỉ cần làm theo lời mẹ” (Sáng. 27:13) là một lời nói quyết đoán có hiệu quả. Ngày nay người ta có thể gọi đó là sự sắp xếp và lãnh đạo thông minh. Tuy nhiên những gì thực hiện mà không có Đức Chúa Trời trong đó là nguy hiểm, và hậu quả của nó có thể ảnh hưởng đến thế hệ kế tiếp.

Bài 12

Ê-SAU

Hãy coi chừng, cho trong anh em chớ có ai gian dâm, cũng đừng có ai khinh lờn như Ê-sau, chỉ vì một món ăn mà bán quyền con trưởng.

Hê-bơ-rơ 12:16

Lời khuyên này trong tiếng Hê-bơ-rơ rất rõ ràng và dứt khoát: đừng để những người như Ê-sau trong hội chúng của bạn, nếu không họ sẽ làm ô uế hội chúng và sự ô uế đó sẽ lây lan.

Vâng phục mệnh lệnh này là một điều khó khăn. Bởi vì những người như Ê-sau thường làm cho người khác vui vẻ khi ngồi bên cạnh. Ê-sau đầy những câu chuyện hay về những trải nghiệm ngoài trời hay trong xã hội, rất phóng khoáng và làm cho người khác tin tưởng. Loại người như

Ê-sau thường là những đầu bếp khá giỏi. Họ là người rất giỏi khi nấu các bữa ăn sáng hoặc đi săn bắn, hoặc câu cá thích hợp với cánh đàn ông. Và những người phụ nữ theo mẫu của Ê-sau sẽ làm tốt trong việc nội trợ, pha cà phê... trong gia đình. Tuy nhiên trong Sáng thế ký 25 chúng ta đọc thấy, “Một ngày kia, Gia-cốp đang nấu canh, Ê-sau ở ngoài đồng về lấy làm mệt mỏi lắm; liền nói cùng Gia-cốp rằng: Em hãy cho anh ăn canh gì đó đó với, vì anh mệt mỏi lắm. - Bởi có ấy, người ta gọi Ê-sau là Ê-đôm” (Sáng. 25:29-30). Ê-đôm có nghĩa “đỏ”. Tuy nhiên, không phải bất cứ ai có biệt danh Ê-đôm đều là người xấu.

Lưu ý rằng những người như Ê-sau cũng rất nguy hiểm vì họ “không tin kính”. Ngày hôm nay từ “không tin kính” cũng có nghĩa là lấy danh Chúa làm chơi – hay không tôn kính danh Chúa. Nhưng đây không phải là ý nghĩa chính khi bản Kinh Thánh Tiếng Anh King James được dịch cách đây bốn thế kỷ. Ngày nay các bản dịch Tiếng Anh hiện đại dịch từ này là “vô thần, không tôn giáo, bất kính và thậm chí không quan tâm gì đến Chúa.” Tôi thích dịch sát nghĩa từ này theo tiếng Latin có nghĩa là “ở bên ngoài đền thờ”.

Vậy thì “ở bên ngoài đền thờ” có nghĩa gì? Nó có nghĩa là người thường, thể tục, cởi mở với mọi thứ và mọi người. Nó cũng có nghĩa là không có ranh giới hay bức tường nào ngăn cản tính “tự do” của một con người. Trong Tân Ước từ này liên quan đến “cánh cửa mở” của tiếng Hy-lạp. Nó mở ra với tất cả mọi người. Ai cũng có thể bước vào. Những từ này diễn tả về tính cách của Ê-sau và những ai đi theo ông. Nhóm người này thuộc về thể gian, không có bất kỳ phẩm chất thuộc linh nào trong nếp sống của họ.

Chúng ta đọc tiếp câu chuyện trong gia đình Y-sác.

“Y-sác đã già, mắt lòa chẳng thấy được nữa, bèn gọi Ê-sau, con trưởng nam, mà rằng: Hỡi con! Ê-sau thưa rằng: Có con đây. Người bèn nói rằng: Này, cha đã già rồi, chẳng biết ngày nào phải chết; vậy bây giờ, cha xin con hãy lấy khí giới, ống tên và cung con, ra đồng săn thịt rừng cho cha, dọn một món ngon tùy theo cha sở thích; rồi dâng lên cho cha ăn, dâng linh hồn cha chúc phước cho con trước khi chết” (Sáng 27:1-4).

Y-sác tỏ vẻ ngạc nhiên khi biết rằng Ê-sau đi săn và tìm được thú rừng cách nhanh chóng và cũng nhanh chóng nấu món ăn dâng lên cho người cha già. “Y-sác hỏi rằng: Sao con đi săn được mau thế?” Gia-cốp đã hóa trang thành Ê-sau thưa rằng: “Ấy nhờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của cha xui tôi gặp mau vậy” (Sáng. 27:20). Câu nói này làm cho Y-sác nghi ngờ vì ông thừa biết rằng Ê-sau không bao giờ tin cậy nơi Đức Chúa Trời bất cứ điều gì. Mọi người trong gia đình đều biết Ê-sau chẳng bao giờ nói ra được một lời nói mang ý nghĩa thuộc linh. Trong ý tưởng trần tục của Ê-sau, anh ta thích hợp với lời này: “Chẳng có Đức Chúa Trời: kia là tư tưởng của hèn” (Thi thiên 10:4).

Con cái thật của Chúa tương phản với mẫu người của Ê-sau. Cơ đốc nhân là người đã được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời và sống vì sự vinh hiển Ngài. Thân thể của tín nhân là đền thờ của Đức Thánh Linh. Cơ đốc nhân sẽ không cho phép bất cứ ai tự do đi vào tấm lòng hoặc xâm

chiếm các khu vực thiêng liêng trong tâm trí của mình. Tín nhân không mở cửa cho tất cả mọi điều của thế gian tràn vào ngôi nhà của mình. Họ không phải là người “ở bên ngoài đền thờ,” nhưng ở bên trong. Họ là những người ở trong nơi kín đáo của Đấng Chí cao (Thi thiên 91:1).

Nhận ra mình đã mất quyền trường nam và các phước lành (Sáng. 25:29-34), Ê-sau trở nên giận giữ và đe dọa sẽ giết Gia-cốp. Đó là lý do Gia-cốp phải đi lánh nạn tại nhà của người cậu La-ban. Ê-sau định cư ở phía nam vùng đất thánh ở núi Seir và thành lập quốc gia mà chúng ta gọi là Ê-đôm. Mặc dù Ê-sau đã từ bỏ lòng thù hận với em trai và dường như trở nên hòa giải với Gia-cốp, nhưng Gia-cốp vẫn nghi ngờ và thận trọng khi gặp anh mình (Sáng. 32-33). Theo như Kinh văn ghi lại, cuối cùng hai anh em đã cùng nhau có mặt lo hậu sự cho Y-sác khi người cha già qua đời (Sáng. 35:27-29). Tại đây chúng ta hy vọng họ hòa hợp nhau, ít nhất là vì Y-sác đã ra đi.

Bất cứ điều gì Ê-sau làm đều có liên quan đến Gia-cốp và con cháu của Gia-cốp. Hậu duệ của Ê-sau đã tiếp tục xung đột với dòng dõi Gia-cốp. Người Ê-đôm là kẻ thù vĩnh viễn của Israel và tận dụng mọi cơ hội để gây chiến và tấn công tuyền dân. Các tiên tri đã nhiều lần chỉ ra điều này (Giê-rê-mi 49:7-22; Ê-xê-chi-ên 25:12-14; A-mốt 1:11-12; Áp-đia 1:10-14). Trong khoảng thời gian đế quốc Ba-by-lôn tấn công Giê-ru-sa-lem, người Ê-đôm đã cổ vũ và kêu gọi quân đội Ba-by-lôn tấn công Giê-ru-sa-lem. “Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy nhớ lại các con cái Ê-đôm; Trong ngày Giê-ru-sa-lem (bị tấn công), chúng nó nói rằng: Hãy hủy hoại, hãy hủy hoại!” (Thi thiên 137:7). Giê-rê-mi đã cảnh báo rằng Ê-đôm sẽ bị trừng phạt bởi vì phạm tội chống lại anh em mình (Ca thương 4:21).

Theo tiên tri Ma-la-chi, những lời các tiên tri khác công bố về sự phán xét của Đức Chúa Trời trên Ê-đôm đã ứng nghiệm (Ma-la-chi 1:1-5). Những hành vi bạo lực của họ chống đối tuyền dân sẽ đổ lại trên đầu họ. Và du khách đến Thánh địa ngày nay có thể thực hiện chuyến đi đầy gian nan đến Petra và các địa điểm khác ở Ê-đôm, nhưng họ sẽ không được các hậu duệ của Ê-sau chào đón.

Chúng ta đọc trong sách của Ma-la-chi: “Đức Giê-hô-va có phán: Ta yêu các ngươi; và các ngươi nói rằng: Chúa yêu chúng tôi ở đâu? Đức Giê-hô-va phán: Ê-sau há chẳng phải là anh Gia-cốp sao? Nhưng ta yêu Gia-cốp, mà ghét Ê-sau, ta làm cho những núi nó nên hoang vu, và phó sản nghiệp nó cho những chó nơi đồng vắng” (Ma-la-chi 1:2-3). Và sứ đồ Phao-lô viết lại lần nữa trong Rô-ma 9:13, “như có chép rằng: Ta yêu Gia-cốp và ghét Ê-sau.” Đây là sự tể trị của Đấng toàn năng – Ngài đảo ngược sự chúc phước dành cho đứa con thứ nhất chuyển sang đứa con thứ nhì. Và Ma-la-chi đã công bố sự đoán phạt của Chúa trên Ê-đôm là con cháu của Ê-sau, không phải trên con người Ê-sau. Đức Chúa Trời yêu thương tội nhân và sẽ cứu bất cứ ai kêu cầu Ngài. Ê-sau đã cố gắng nhận lãnh phước lành từ Y-sác, nhưng không có bằng chứng nào tỏ ra Ê-sau ăn năn tội lỗi (Hê-bơ-rơ 12:17).

Ê-sau đã dụng ý giết Gia-cốp nếu có cơ hội sau khi lui ra khỏi hiện diện của cha mình! Đây có phải là bằng chứng của sự ăn năn! Ê-sau đã bị Đức Chúa Trời từ chối theo cùng một cách của

Ca-in: tâm lòng của anh ta sai trật trước mặt Chúa. Và bây giờ đến lượt dòng dõi của Ê-sau cũng bị loại ra vì họ bước đi theo dấu chân của người đã lập nền tảng là Ê-sau.

Bất cứ ai nhấn mạnh đến sự tiền định, sự tể trị của Đức Chúa Trời như một lời xin lỗi về việc họ phải đi địa ngục phải nhớ rằng: “Chúa không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn” (2 Phi-e-rơ 3:9). Theo Ma-thi-ơ 25:34-41, chúng ta thấy sự phán xét của Chúa căn cứ trên thái độ, cách sống, cách ứng xử của chúng ta dành cho những người khác. Và địa ngục được dự bị cho ma quỷ, các đồng minh của nó – không phải dành cho dân sự của Chúa. “Hồi kẻ bị rửa, hãy đi vào nơi lửa cháy đời đời dành cho ma quỷ và những quỷ sứ của nó” (câu 41). Tiến sĩ Donald Grey Barnhouse đã từng nói, “Mọi người đều có thể lên thiên đàng theo đường lối của Chúa hoặc xuống địa ngục theo con đường riêng của họ.”

Phương cách của Đức Chúa Trời là duy nhất: tin nhận Chúa Giê-su Christ để vào thiên đàng. “Chúng ta lại đã thấy và làm chứng rằng Đức Chúa Cha đã sai Đức Chúa Con đang làm Cứu Chúa thế gian.” (1 Giăng 4:14)

Bài 13

GIA-CÓP

Ngươi đã có vật lộn cùng Đức Chúa Trời và người ta; ngươi đều được thắng.

Sáng thế ký 32:28

Winton Churchill đã phát biểu trên đài phát thanh của Anh vào năm 1939, “Tôi không thể dự báo cho mọi người biết hành động của Nga, đó là một câu đố bí ẩn được gói bên trong một bí ẩn.” Khi đọc lại câu này tôi liên hệ nó với nhân vật Gia-cốp trong Kinh Thánh.

Trong phần bình luận về nhân vật Gia-cốp, một tác giả viết, “Gia-cốp là một tên vô lại gian trá trong những năm đầu đời.” Có lẽ điều đó không sai. Nhưng tại sao Kinh Thánh nói về “Đức Chúa Trời của Gia-cốp,” và không có điều gì tôn trọng hơn điều đó? Đức Chúa Trời phán bảo Gia-cốp trong Sáng thế ký 28, và cũng chỉ dạy ông trong thời gian lao tác tại nhà người cậu La-ban (Sáng. 31:10-13). Đức Chúa Trời vật lộn với ông tại Phê-ni-ên khi ông chuẩn bị gặp Ê-sau, người anh của mình (Sáng. 32). Ngài hiện ra với ông tại Bê-tên (Sáng. 35:9-15) và nói chuyện với ông tại Bê-e-sê-ba khi ông chuẩn bị đi Ai-cập để gặp Giô-sép (Sáng. 46:1-4). Đức Chúa Trời dành cho Gia-cốp một sự ưu ái đặc biệt! Gia-cốp là tổ phụ của mười hai chi phái Israel, và tất cả các chi phái dành cho ông sự kính trọng, và xuyên qua họ mà Cứu Chúa Giê-su đã nhập thể làm người. Đó là một vinh dự lớn lao cho Gia-cốp!

Khi nghiên cứu về Gia-cốp, Watchman Nee đã viết trong tác phẩm *Đền Tạm Trong Đồng Vắng*:

“Cho đến khi Chúa bắt đầu xử lý chúng ta, chúng ta có khuynh hướng sử dụng các mưu mẹo cao hơn những kế hoạch của Gia-cốp, nhưng khi chúng ta bắt đầu chạm trán với những suy nghĩ lệch lạc của chính mình, chúng ta sớm nhận ra bản chất thật của con người. Hãy nhớ những gì đã thay

đôi cuộc sống của Gia-cốp từ hư không thành phước lành không gì khác hơn là sức mạnh của ân điển Chúa.”

Nói một cách khác, nan đề của Gia-cốp có thể là nan đề của mỗi chúng ta. Mỗi chúng ta có những “câu đố bí ẩn được gói bên trong một bí ẩn”. Kinh Thánh nói về điều này: “Lòng người ta là dối trá hơn mọi vật, và rất là xấu xa: ai có thể biết được?” (Giê-rê-mi 17:9). Từ Hê-bơ-rơ dịch từ *dối trá* liên hệ đến từ *gót chân*. Và cả hai từ này tạo thành từ Gia-cốp (kẻ nắm gót). Khi nói về Gia-cốp, Ê-sau bình luận: “Có phải vì người ta gọi nó là Gia-cốp mà nó hai lần chiếm lấy vị tôi rồi chẳng? Nó đã chiếm quyền trưởng nam tôi, và lại bây giờ còn chiếm sự phước lành của tôi nữa” (Sáng. 27:36). Từ chỗ này chúng ta có thể dịch Giê-rê-mi 17:9, “tâm lòng con người giống như tâm lòng Gia-cốp”. Và chúng ta hãy nhìn vào trong chính tấm gương soi là Kinh Thánh để tra xét chính mình.

Nhiều thế kỷ sau đó, tiên tri Ô-sê đã nói với dân sự của vương quốc phía bắc Israel, hướng họ trở lại với tên của họ là Gia-cốp, “Đức Giê-hô-va cũng có sự kiện cáo với Giu-đa, và Ngài sẽ phạt Gia-cốp theo đường lối nó; Ngài sẽ báo trả nó theo việc nó làm. Vừa lúc ở trong lòng mẹ, Gia-cốp nắm gót chân anh mình; và đến tuổi trưởng thành, hưởng đặc quyền nơi Đức Chúa Trời” (Ô-sê 12:3-4). Mặc dù có nhiều nhược điểm - và tất cả chúng ta đều có chúng - Gia-cốp có một tâm lòng hướng về Chúa và mong muốn những phước lành mà chỉ một mình Ngài có thể ban tặng. Ê-sau thì không giống như thế.

Bởi vì tất cả chúng ta giống Gia-cốp, chúng ta phải học tập từ con người vĩ đại này phương cách xử lý những thách thức của đời sống để tiến về phía trước: vật lộn với con người và các tình huống, chưa hết chúng ta còn vật lộn với Đức Chúa Trời và cuối cùng chiến thắng chính bản thân chúng ta.

ĐẤU TRANH VỚI CON NGƯỜI VÀ CÁC HOÀN CẢNH

Ngay trước khi sinh ra, Gia-cốp đã tranh đấu với anh mình là Ê-sau, và sự đấu tranh này kéo dài xuyên suốt cuộc đời ông. Sau đó dòng dõi của Ê-sau là người Ê-dôm tiếp tục tranh đấu chống nghịch dòng dõi Gia-cốp mỗi khi có cơ hội đến. Gia-cốp cũng tranh đấu với La-ban, ông cậu vợ nhiều mưu mẹo. Gia-cốp phải mất mười bốn năm lao tác cực nhọc trong nhà La-ban để cưới được Ra-chên và Lê-a. Và ông còn phải làm việc thêm sáu năm nữa để gầy dựng bầy gia súc của riêng mình. Trong suốt những năm đó Gia-cốp chịu đựng những mệt mỏi, gian lao trên đồng cỏ và bị người cậu La-ban thay đổi tiền lương mười lần.

Sau hai mươi năm khó khăn, cuối cùng Gia-cốp rời khỏi vùng đất Paddan Aram. Ông và La-ban đưa ra một điểm đánh dấu ranh giới gọi là Mizpah (có nghĩa là tháp canh) giữa hai vùng đất và thề rằng sẽ mỗi người không vượt qua nó và tấn công người kia. Hai cậu cháu cam kết, “Đức Chúa Trời sẽ theo dõi chúng ta.” Điều này có nghĩa là “Đức Chúa Trời nhìn thấy những gì mỗi người đang làm, vì vậy hãy cẩn thận.” Hai cậu cháu không nhận ra rằng họ đã cam kết về một thỏa thuận ngừng bắn vũ trang tạm thời nhưng không phải là chấm dứt chiến tranh hoàn toàn.

Tuy nhiên những tranh đấu trong cuộc đời Gia-cốp vẫn chưa hết. Gia-cốp không chỉ đấu tranh với La-ban và các con trai mình, ông còn phải chịu đựng sự xung đột giữa vòng bốn người nữ: hai người vợ Ra-chên và Lê-a, và hai cô hầu gái của hai người vợ này. Khi Gia-cốp mệt mỏi trở về nhà sau những ngày dài với cừu và dê trên thảo nguyên, ông không biết người vợ nào sẽ đòi hỏi được ở bên ông. Thêm vào đó là việc quản lý mười một đứa con trai và chúng ta có thể thấy rằng Paddan Aram không phải dễ chịu như Disneyland, nhưng Gia-cốp kiên nhẫn chịu đựng tất cả.

Gia-cốp đã làm những gì? Ông nói ra bí mật của mình với La-ban trong Sáng thế ký 41:42, “Nhưng Đức Chúa Trời của cha cháu tức Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời đáng kính sợ của Y-sác đã phù hộ cháu. Nếu không cậu đã đuổi cháu đi hai tay không rồi. Ngài thấy nỗi khổ và công việc nhọc nhằn của cháu nên đem qua Ngài đã chinh cậu.” Gia-cốp đã dạy chúng ta một bài học quan trọng: Khi con người gây khó khăn, làm hao mòn chúng ta và tưởng chừng không thể chịu đựng được, hãy trao tất cả cho Chúa và tin cậy Ngài làm cho ta trưởng thành và cuối cùng ban cho sự thịnh vượng. Sự tấn công từ con người và những tình huống đau khổ có thể huấn luyện nâng cấp hoặc hủy hoại chúng ta, và chúng ta phải đưa ra lựa chọn. Hai mươi năm yên lặng, thuận phục và nhọc nhằn của Gia-cốp đã nung đốt ông thành một con người có thể dâng vinh hiển về cho Chúa.

Trong tác phẩm *Đường Ít Người Đi* – một quyển sách bán chạy nhất, tác giả W. Scott Peck đã viết trong chương mở đầu, “một khi chúng ta thực sự biết rằng cuộc sống thật khó khăn, một khi chúng ta thực sự hiểu và chấp nhận nó - thì cuộc sống không còn khó khăn nữa.” Nhà thơ William Blake cũng nói ý tương tự cách đây hai thế kỷ, “Con người được tạo ra cho niềm vui và sự đau khổ / và khi chúng ta biết chính xác điều này / chúng ta đi qua thế giới cách an toàn.” Đức Chúa Trời đã sử dụng những con người và những hoàn cảnh khó khăn để huấn luyện Gia-cốp, và chuẩn bị ông xây dựng quốc gia Israel. Người ta nói rằng những gì cuộc sống làm cho chúng ta phụ thuộc vào những gì cuộc sống tìm thấy trong chúng ta. Và đối với Gia-cốp, cuộc sống đầy những nhiều khê đã tìm thấy nơi ông đức tin và sự kiên nhẫn. Gia-cốp làm việc, chịu đau khổ, chờ đợi và khi Chúa bày tỏ ý muốn Ngài, ông vâng lời.

VẬT LỘN VỚI ĐỨC CHÚA TRỜI

Ô-sê viết về Gia-cốp, “Gia-cốp vật lộn cùng Đức Chúa Trời.” (12:3)

Phần Kinh Thánh trong Sáng thế ký 32:22-32, và ngữ cảnh ở đây sử dụng từ “đấu tranh” hay “vật lộn” (các câu 24, 25, 28). Khi Gia-cốp chuẩn bị gặp anh trai mình là Ê-sau, và ông hỏi hợp chưa biết điều gì sẽ xảy ra! Nhưng Gia-cốp đang ở trong một cuộc chiến với những người khác, và với chính mình bởi vì ông đang ở trong một cuộc chiến với Đức Chúa Trời. Và các trận đánh đó được lập trình trước để chuẩn bị cho ông có thể đối diện với Sau-lơ trên đường trở về nhà cha sau hai mươi năm lánh nạn tại nhà La-ban. (Đọc phần bình luận sách Gia-cơ 4:1-10, về ba cuộc chiến với: chính bản thân, những người khác và Đức Chúa Trời). Lúc bấy giờ, Gia-cốp là người

lập kế hoạch cẩn thận, ông tách gia đình ra ngay lập tức và đặt họ ở một nơi an toàn, và sau đó ông đứng ra bảo vệ họ, chờ đợi điều tiếp theo xảy ra.

Khi Gia-cốp ở một mình tại Phê-ni-ên ông bị một người lạ tấn công, người này vật lộn với ông cho đến hừng sáng. Người này là một thiên sứ đã hiện ra trong hình dạng của một con người, hay là Con Trai của Đức Chúa Trời? Các câu 28 và 30 đối chiếu với Ô-sê 12:3 dường như chỉ ra rằng Con Trai của Đức Chúa Trời đã xuống vật lộn với Gia-cốp để huấn luyện ông giành chiến thắng. Gia-cốp đã tranh đấu với Ê-sau là anh của mình, với La-ban và gia đình của ông này, và với những người vợ. Nhưng bây giờ Gia-cốp phải tự bảo vệ mình bằng cách vật lộn với Đức Chúa Trời!

Khi hừng sáng, Gia-cốp phát hiện ra rằng ông có thể nhận phước lành từ người bí ẩn tại núi Phê-ni-ên (Sáng. 32), vì vậy ông đã ôm lấy người này và giữ chặt. "Khi năm tháng trôi qua," F. B. Meyer nói, "chúng ta bắt đầu bám víu vào người/nơi mà chúng ta đã từng vật lộn." Vì sao bám? Bởi vì Gia-cốp muốn người lạ ban phước cho ông, và ông không để cho người này đi cho đến khi ông nhận được điều thỉnh cầu. Gia-cốp nhận ra rằng ông đã vật lộn cùng Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên Đức Chúa Trời có thể đánh bại Gia-cốp ngay tức khắc, nhưng điều quan trọng là Gia-cốp nhận ra rằng đã đến lúc phải dừng trận đấu và qui phục Đức Chúa Trời. John Calvin đã nói, "Chúa chiến đấu chống lại chúng ta bằng tay trái của Ngài và chiến đấu cho chúng ta bằng tay phải của Ngài." Vua Đa-vít đã biết điều bí mật này khi ông viết, "Với người trong sạch, Ngài là Đáng trong sạch. Với người xảo quyệt, Ngài sẽ đối xử nghiêm minh." (Thi. 18:26). Đức Chúa Trời sẽ dừng lại không sử dụng cánh tay trái của Ngài khi chúng ta thuận phục ý muốn Ngài. Vì vậy hãy tiếp tục giữ đức tin vào Ngài, cầu xin Ngài ban phước. "Lạy Cha, nếu Cha muốn, xin cất chén này khỏi Con! Dầu vậy, xin đừng theo ý Con, nhưng xin ý Cha được nên!" (Lu-ca 22:42)

Đây là yếu tố dẫn đến sự chiến thắng. "Đức Chúa Trời không thể ban phước đầy trọn cho một người, cho đến khi Ngài chinh phục người đó." A. W. Tozer đã nói như thế.

VƯỢT QUA THẤT BẠI

"Gia-cốp vật lộn với thiên sứ và thắng cuộc. Ông khóc lóc và xin thiên sứ ban phước; Đức Chúa Trời gặp Gia-cốp tại Bê-tên, và phán dạy ông tại đó." (Ô-sê 12:4).

Chúng ta biết rằng, Chúa Giê-su Christ, Con của Đức Chúa Trời là Đáng thực sự chiến thắng. Khi chúng ta được Đức Chúa Trời chinh phục, lúc đó chúng ta có thể chiến thắng chính bản thân và các hoàn cảnh. Gia-cốp phải ở trong cuộc chiến với chính bản thân và những người khác trong cuộc sống, bởi vì ông đang ở trong một cuộc chiến với Đức Chúa Trời. Và khi Gia-cốp dừng trận đánh với Đức Chúa Trời, ông đã bám lấy Ngài cầu xin sự ban phước. Khi đó ông chuyển sự thất bại thành chiến thắng. Giống như ông nội Áp-ra-ham trong Sáng thế ký 15, Gia-cốp kinh nghiệm "đêm tối của linh hồn" nhưng điều này làm cho ông trở nên một con người mới.

Điều đầu tiên, Gia-cốp được ban cho một *sự yếu đuối mới*. Điều này nghe có vẻ lạ lùng. Nhưng để giúp đỡ một con người đi tới thành công, người đó cần điều này. Theo Phao-lô, "Vì khi tôi

yếu đuối (trong chính mình), ấy chính là lúc tôi mạnh mẽ (trong Đức Chúa Trời)” (2 Cô-rin-tô 12:10). Đức Chúa Trời “đụng vào khớp xương hông của Gia-cốp làm trật xương hông” (Sáng. 32:26). Chúng ta thử hình dung, khi Gia-cốp trở về nhà, mọi người nhìn thấy ông trong tình trạng “ra khỏi Phê-ni-ên lúc trời rạng đông, ông đi khắp khênh vì trật khớp xương hông” và rồi gạn hỏi ông về điều đó. Gia-cốp phải trình bày với gia đình ông đã gặp Đức Chúa Trời và được thay đổi.

Gia-cốp được ban cho *một tên mới*. Tại Phê-ni-ên, Gia-cốp được người bí ẩn hỏi, “tên ngươi là gì? Đáp rằng: Gia-cốp. Người liền bảo: Tên ngươi không phải là Gia-cốp nữa, nhưng bây giờ là Y-sơ-ra-ên vì ngươi vật lộn với Đức Chúa Trời và người ta, ngươi đều thắng cả!” Trước đó Gia-cốp đã từng nói dối cha mình cách trắng trợn, khi được cha hỏi: Con là đứa nào. Gia-cốp trả lời: Con là Ê-sau, con trưởng nam của cha (Sáng. 27:32).

Còn bây giờ Gia-cốp nói ra sự thật trần trụi: Tôi là Gia-cốp (là kẻ nắm gót đối trá). Gia-cốp đã vượt qua sự thất bại để dám nhìn thẳng vào con người của mình.

Đức Chúa Trời cho ông một tên mới: Y-sơ-ra-ên! Các học giả tiếng Hê-bơ-rơ không đồng ý với nhau về nghĩa gốc của từ Y-sơ-ra-ên. Một số cho rằng nó có gốc từ là *sarah* nghĩa là tranh đấu. Một số cho rằng rằng gốc từ của nó là *sar* có nghĩa trở nên một hoàng tử. G. Cambell Morgan ghép cả hai ý nghĩa này lại, và ông gọi trải nghiệm của Gia-cốp là “kẻ khắp khênh được đội vương miện”. Đức Chúa Trời phán bảo Gia-cốp, “Tên ngươi không phải là Gia-cốp nữa, nhưng bây giờ là Y-sơ-ra-ên vì ngươi vật lộn với Đức Chúa Trời và người ta, ngươi đều thắng cả!” Gia-cốp nhận lãnh chiến thắng nhờ ơn Chúa và giờ đây ông có thể trở nên một người chiến thắng cho Đức Chúa Trời. Một số người còn cho rằng Y-sơ-ra-ên có nghĩa là “một người đàn ông được Chúa làm chủ”. Kinh Thánh luôn đề cập đến các tổ phụ của tuyến dân Do Thái, và danh từ Y-sơ-ra-ên được dùng hơn 2500 lần trong Kinh Thánh.

Đức Chúa Trời ban cho Gia-cốp phước hạnh mới, bởi vì ông đã cầu xin điều này từ nơi Chúa trong đức tin. Ngài đã ban phước cho ông tại Bê-tên lúc khởi đầu cho một chuyến đi nhiều trắc trở (Sáng. 28). Và bây giờ ông lại được ban phước tại Phê-ni-ên để chuẩn bị cho ông đối diện với những gánh nặng trong quãng đời còn lại. Ông đã đối mặt với Đức Chúa Trời, và bây giờ Gia-cốp với tên mới là Y-sơ-ra-ên đi khắp khênh trở về với gia đình. Một bình minh mới đến trên cuộc đời Gia-cốp. Chúng ta cũng vậy.

Sự nghiệp của Gia-cốp bắt đầu như một kẻ chạy trốn khỏi nhà. Lúc ấy ông trở nên như một người khách lạ, xa gia đình trong suốt hai mươi năm lao tác tại nhà người cậu. Nhưng bây giờ ông như một người lữ khách hành hương trở lại vùng đất của cha mình. Ngay cả khi ông chuẩn bị bước vào thành phố thiên đàng, ông vẫn còn là người lữ khách “dựa trên gậy mình mà thờ lạy” (Hê-bơ-rơ 11:21).

Cuộc vật lộn kết thúc. “Phước cho người nào có Đức Chúa Trời của Gia-cốp giúp đỡ. Và biết trông cậy nơi CHÚA, Đức Chúa Trời mình.” (Thi. 146:5)

Bài 14

RA-CHÊN

Hãy cho tôi có con, bằng không, tôi sẽ chết.

Sáng thế ký 30:1

Khi Gia-cốp nhìn thấy Ra-chên dẫn bảy súc vật của La-ban đến bên giếng nước, ông đã yêu nàng ngay từ cái nhìn đầu tiên. Ông muốn nói chuyện với Ra-chên cách riêng tư, và làm hết sức mình để thuyết phục những người chăn cừu đang chờ đợi lấy nước cho cừu của họ và di chuyển đi, nhưng họ quan tâm đến người lạ và hiếu kỳ muốn xem những gì sắp xảy ra. Gia-cốp có nhớ lại người hầu của ông nội Áp-ra-ham cũng đã gặp mẹ Rê-be-ca ở giếng không? Lịch sử luôn luôn tái diễn!

Vâng, Ra-chên sẽ chuẩn bị kết hôn với Gia-cốp, nhưng cô sẽ không được như Rê-be-ca là người vui hưởng đời sống của một người vợ giàu có và quyền lực.

Trong suốt bảy năm Gia-cốp phải lao tác vất vả trong gia đình của người cậu La-ban để mong lấy được nàng Ra-chên xinh đẹp. Nhưng điều diễn ra sau đó lại là những nỗi thất vọng của Ra-chên.

RA-CHÊN THẤT VỌNG VỚI CHA CỦA MÌNH

Lần đầu tiên khi gặp Ra-chên, Gia-cốp đã bày tỏ ra danh tính của mình là anh em họ với Ra-chên. Ra-chên thuật lại điều này với cha La-ban, và người nhanh chóng đi ra gặp Gia-cốp. La-ban biết rằng mẹ của Gia-cốp đã kết hôn với một người giàu có, và vì vậy có thể ông ta cũng trông mong nhìn thấy một đàn lạc đà với những lễ vật quý giá của gia đình Gia-cốp khi đi cưới vợ cho chàng trai này, giống như ông đã nhìn thấy trước đây trong trường hợp của cô em gái Rê-be-ca. Nhưng điều đó không xảy ra. Gia-cốp không sở hữu gia tài giàu có của cha, và tất cả những gì ông có hiện giờ là “chỉ có cây gậy” (Sáng thế ký 32:10) thế thôi! Một chàng trai đang đi lánh nạn để tránh sự trả thù của Ê-sau thì có thể mang theo được gì? Có lẽ chúng ta muốn nhìn xem biểu hiện của La-ban như thế nào vào lúc đó! La-ban chuyển sang kế hoạch B.

La-ban là người nhiều mưu mẹo. Trong suốt những tháng đầu tiên khi Gia-cốp là khách ở trong nhà, mọi người chú ý đến các biểu cảm và sự liên hệ thân mật của cặp đôi Gia-cốp/ Ra-chên. Vì vậy La-ban quyết định tận dụng ưu thế mà ông có. Ông ta biết rằng Gia-cốp hiện giờ chỉ là một chàng trai với hai bàn tay trắng không thể có bất cứ lễ vật truyền thống quý giá nào để cưới Ra-chên. Vì vậy cách tốt nhất là yêu cầu Gia-cốp làm việc cho ông xem như là cái giá phải trả để lấy vợ. La-ban đã rất khôn ngoan. La-ban cho rằng ông ta sẽ nhận Gia-cốp làm công với một giá rất hời. Ông ta có thể điều chỉnh tiền lương trả cho Gia-cốp theo ý muốn, và đó là một thỏa thuận làm ăn cũng không tệ. La-ban sẽ không cần phải chia sẻ tiền bạc với con gái của mình khi có được Gia-cốp làm công. Gia-cốp chấp nhận làm việc cho La-ban để có thể lấy được Ra-chên. Và cũng để cho người anh Ê-sau có thời gian phối phai dần mối cảm hờn với đứa em xảo trá.

Đó là một hợp đồng lao động giữa La-ban và Gia-cốp, nhưng nó có một lỗ hổng. Sau đám cưới, Gia-cốp sẽ đưa vợ về nhà mình, nơi mà sự giàu có của cha Y-sác đang chờ ông, vì vậy La-ban phải nghĩ ra cách để giữ con rể lâu hơn. Chúng ta không biết rõ các chi tiết về việc La-ban đánh tráo Lê-a thay cho Ra-chên như thế nào trong ngày hôn lễ, nhưng Lê-a chắc chắn biết rõ kế hoạch của cha mình. Lúc đó Ra-chên ở đâu trong trò chơi ú tim này? Có phải La-ban đã hứa hẹn và thỏa thuận với hai cô con gái của mình? Chúng ta không biết hết các chi tiết này. Và vì vậy mọi suy đoán cũng chỉ là suy đoán. Nàng dâu phải che mặt trong ngày cưới và Gia-cốp rõ ràng là không biết chuyện gì đang xảy ra với cô dâu của mình. Lê-a có thể đã giả giọng nói giống như của Ra-chên khi đôi vợ chồng mới đến với nhau trong ngày cưới. Dù thế nào đi nữa kế hoạch hôn nhân được La-ban đạo diễn đã thành công. Gia-cốp không chạy đi đâu được.

Hai mươi năm sau đó, Lê-a và Ra-chên đã nói lên suy nghĩ của mình về người cha La-ban của họ. Kinh Thánh ghi: “Ra-chên và Lê-a đáp cùng Gia-cốp mà rằng: Chúng tôi còn một phần chi hay là cơ nghiệp chi nơi nhà cha chúng tôi chẳng? Vì người đã gả bán chúng tôi và ăn xài hết tiền bạc bán nữa, há người chẳng đãi chúng tôi như người dưng ư? Các tài vật mà Đức Chúa Trời đoạt nơi tay cha chúng tôi tức là của chúng tôi và của con cái chúng tôi. Vậy bây giờ, chàng hãy làm theo mọi lời Đức Chúa Trời đã phán dạy” (Sáng thế ký 31:14-16). Và đây là lời giải bày của Gia-cốp với La-ban: “Kìa, đã hai mươi năm tôi ăn ở nơi nhà cậu, chiêm cùng dê cậu nào có sáo thai, và tôi chẳng hề ăn thịt chiêm đực của bầy cậu bao giờ; cũng chẳng hề đem về cho cậu một con nào bị xé; bằng có, chính tôi chịu đền đó thôi. Cậu cứ đòi luôn những con bị ăn cắp ban ngày và ăn trộm ban đêm. Ban ngày tôi chịu nắng nóng, ban đêm chịu lạnh lùng, ngủ nào có an giấc được đâu. Đó trong hai mươi năm tôi ở tại nhà cậu là thế; trong mười bốn năm giúp việc, để được hai con gái cậu, và sáu năm đứng lãnh lấy bầy súc vật của cậu, mà cậu lại còn thay đổi mười lần công giá tôi. Nếu Đức Chúa Trời của cha tôi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, là Đấng mà Y-sác kính sợ, không phù hộ tôi, chắc bây giờ cậu đuổi tôi ra tay không. Đức Chúa Trời đã xem thấy nỗi đau khổ tôi cùng công việc hai tay tôi làm, nên đêm qua Ngài đã xét công bình rồi đó” (Sáng. 31:38-42). Lưu ý rằng La-ban không phải là người giàu có khi Gia-cốp vào ở trong nhà của ông, nhưng Đức Chúa Trời của Gia-cốp đã chúc phước cho chàng trai này khi làm việc cho người cậu vợ. Kết quả là La-ban trở nên thịnh vượng, và chính ông đã thừa nhận điều này với Gia-cốp: “Ước gì cậu được nhờ ơn cháu! Cậu cũng đoán rõ ràng Đức Giê-hô-va đã vì cháu mà ban phước cho cậu vậy” (Sáng. 30:27). La-ban không phải là người thờ phượng Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, nhưng ông sẵn lòng để cho Gia-cốp là một thanh niên tin kính vào làm việc cho mình, và mang phước lành của Đức Chúa Trời vào trong gia đình ông.

Khi Ra-chên tháp tùng theo Gia-cốp thẳng tiến về xứ Ca-na-an, cô đã bí mật lấy đi “các pho tượng thờ trong nhà của cha mình” (Sáng. 31:30-35) và nói dối với La-ban về điều đó. Suy cho cùng La-ban cũng là người lấy đi các phúc lợi vật chất từ Ra-chên, vậy thì tại sao Ra-chên không tìm cách lấy lại? Theo tôn giáo của La-ban thì một người thờ nhiều thần tượng sẽ thành công trong cuộc sống và thừa hưởng được tài sản của gia đình. Gia-cốp đã làm cho La-ban trở nên giàu có, sở hữu một tài sản lớn. Lẽ ra tài sản này phải được chia sẻ với Lê-a và Ra-chên nữa. Ra-

chén tin cậy Đức Chúa Trời hay các hình tượng? Việc đánh cắp các pho tượng vàng nói lên điều gì, hay đơn giản chỉ là một hành động trả thù?

RA-CHÊN THẤT VỌNG VỚI GIA-CỐP

Khi Gia-cốp khám phá điều mà La-ban và Lê-a đã làm trong ngày cưới, tại sao ông không làm lớn chuyện? Tại sao ông chấp nhận đề nghị của La-ban, khi ông có thể mặc cả về điều đó? Gia-cốp chỉ có một mình ở nhờ nhà cậu vợ, vì vậy không có ai đứng ra bên vực ông trong câu chuyện bí hài này. Gia-cốp không phải là người kém thông minh, và ông phải đấu trí với La-ban. Cho dù điều gì sẽ xảy ra, Gia-cốp không muốn đánh mất Ra-chên vì đã phải lòng nàng. Tuy nhiên tương lai của Ra-chên nằm trong tay của một người cha lắm mưu mẹo. Gia-cốp yêu Ra-chên hơn bất cứ điều gì khác trong đời, vì vậy ông chấp nhận trước đề nghị của La-ban đó là phải làm việc thêm cho cha vợ thêm bảy năm nữa để lấy được nàng Ra-chên (khoảng thời gian dài như vậy đủ để cho Ê-sau quên đi nỗi uất hận với người em trai ranh mãnh). Ra-chên biết rằng Gia-cốp yêu nàng hơn Lê-a, và vì vậy Gia-cốp kiên nhẫn chịu đựng người cha vợ xảo trá.

Có thể còn một yếu tố thứ hai nên xét đến trong câu chuyện này. Lương tâm của Gia-cốp đã nhắc nhở ông rằng ông đã lừa dối cha mình bảy năm trước? Lê-a là con đầu lòng đã đóng giả là đứa con thứ hai, và Gia-cốp là đứa con thứ hai đã hóa trang thành đứa con đầu lòng. Gia-cốp là kẻ lừa dối cha mình bây giờ bị cha vợ lừa dối lại. Kẻ cắp gặp bà già! Tội lỗi của Gia-cốp trước đây bị chỉ ra? Và giờ đây Gia-cốp phải chấp nhận kỷ luật từ Đức Chúa Trời. Gia-cốp trưởng thành qua phương cách mà Đáng Kiểm Soát mọi hoàn cảnh dạy dỗ ông.

Nhưng sự thất vọng lớn nhất của Ra-chên không phải là bà chưa sinh ra được đứa con nào vào lúc gia đình trông đợi. Và vì điều này bà đổ lỗi cho Gia-cốp: “Hãy cho tôi có con, hoặc là tôi sẽ chết”. Ra-chên biết rằng Gia-cốp yêu nàng hơn Lê-a, nhưng tình yêu ấy cũng không thể bù đắp cho sự thiếu hụt những đứa trẻ mà chính nàng sinh ra (xem 1 Sa-mu-ên 1:8). Lúc bấy giờ Lê-a đã có bốn đứa con trai, còn Ra-chên chưa có đứa nào, vì vậy bà yêu cầu với Gia-cốp: “Này con đòi Bi-la của tôi, hãy lại cùng nó, hầu cho nó sanh đẻ thay cho tôi, đừng phẫn tôi bởi nó cũng có con nữa. Vậy, Ra-chên đưa Bi-la làm hầu Gia-cốp, và người đi lại cùng nàng. Bi-la thọ thai, sanh một con trai cho Gia-cốp. Ra-chên rằng: Đức Chúa Trời đã xét tôi công bình, nhậm lời tôi, nên cho tôi một con trai; vì có ấy, nàng đặt tên đứa trai đó là Đan. Bi-la, con đòi của Ra-chên, thọ thai nữa, và sanh một con trai thứ nhì cho Gia-cốp. Ra-chên rằng: Tôi đã hết sức chống cự với chị tôi, và tôi được thắng; vì có ấy, nàng đặt tên đứa trai này là Nép-ta-li” (Sáng thế ký 30:3-8).

Chúng ta đọc Sáng thế ký 30 ghi lại các việc sinh đẻ của Lê-a và Ra-chên:

“Nhằm mùa gặt lúa mì, Ru-bên đi ra đồng gặp được những trái phong gi, đem về dâng cho Lê-a, mẹ mình. Ra-chên bèn nói cùng Lê-a rằng: Xin chị hãy cho tôi những trái phong già của con chị đó. Đáp rằng: Cướp chồng tao há là một việc nhỏ sao, nên mày còn muốn lấy trái phong già của con trai tao nữa? Ra-chên rằng: Ừ thôi! Chồng ta hãy ở cùng chị tối đêm nay, đổi cho trái phong già của con chị đó. Đến chiều, Gia-cốp ở ngoài đồng về, thì Lê-a đến trước mặt người mà nói rằng: Chàng hãy lại cùng tôi, vì tôi đã dùng trái phong già của con tôi chịu thuê được chàng; vậy,

đêm đó người lại nằm cùng nàng. Đức Chúa Trời nhậm lời Lê-a, nàng thụ thai và sanh cho Gia-cốp một con trai thứ năm. Nàng rằng: Đức Chúa Trời đã đền công tôi, vì cơ tôi đã trao con đời cho chồng; vậy, nàng đặt tên đứa con trai đó là Y-sa-ca....

Đức Chúa Trời nhớ lại Ra-chên, bèn nhậm lời và cho nàng sanh sản. Nàng thụ thai, sanh một con trai, mà rằng: Đức Chúa Trời đã rửa sự xấu hổ cho tôi rồi; bèn đặt tên đứa trai đó là Giô-sép; lại nói rằng: Cầu xin Đức Giê-hô-va thêm cho một con trai nữa!” (Sáng. 30:14-24). Sau khi Giô-sép chào đời, Ra-chên còn sinh thêm được Bên-gia-min (Sáng. 35:18) rồi qua đời.

RA-CHÊN THẤT VỌNG VỚI GIA ĐÌNH CỦA MÌNH

Ra-chên và Lê-a đều biết rằng cha La-ban là một kẻ mưu mô và đối xử với họ như những tôi tớ, sử dụng hai chị em cho mục đích ích kỷ của ông. Ước muốn của hai chị em là được kết hôn và rời khỏi gia đình sớm nhất có thể. Nhưng luôn luôn có một số trở ngại. Mười bốn năm hai chị em và Gia-cốp phải ở lại trong nhà của cha mình. Chưa hết Gia-cốp phải làm việc thêm sáu năm nữa để tạo lập riêng cho mình một bầy gia súc. Trong hai mươi năm đó, Ra-chên thất vọng với cha của mình, cả hai chị em Ra-chên mơ ước được về sống trong gia đình của chồng để vui hưởng sự giàu có của Y-sác và Rê-be-ca.

Thật khó khăn để hình dung ra không khí trong gia đình gồm một ông cha, bốn bà mẹ và mười một đứa con. Đặc biệt hơn nữa khi hai bà mẹ là hai chị em, và hai cô hầu gái của hai chị em cũng được xem là vợ của Gia-cốp. Trong ngữ cảnh đó làm thế nào để tránh những xung đột (Châm ngôn 30:21-23)! Tất cả bọn họ đều ở dưới quyền lực của một La-ban vô tâm, người có tham vọng chính là làm giàu - bằng bất cứ giá nào. Những dòng chảy ngầm của những mưu mô, đố kỵ và ganh đua liên quan đến bốn người phụ nữ chắc sẽ rất mạnh mẽ, và rõ ràng tất cả những điều này đã ảnh hưởng đến con cái của họ. Trong bối cảnh đó, không có gì lạ khi Gia-cốp phải ở lại với bầy gia súc trên thảo nguyên ngày và đêm (Sáng. 31:40).

Commented [P1]: 2

RA-CHÊN THẤT VỌNG VỚI CUỘC SỐNG

Cuối cùng Gia-cốp và La-ban đã đi tới một thỏa thuận: “Nước sông không còn phạm đến nước giếng”. Gia-cốp được trở về quê hương Ca-na-an của mình cùng với các người vợ và đàn gia súc. Trong cuộc hành trình đó Ra-chên đã qua đời gần Bết lê-hem sau khi sinh được Bên-gia-min trong sự đau đớn (Sáng. 35:16-20). Điều này làm tấm lòng Gia-cốp tan vỡ, vì ông rất yêu thương Ra-chên. Nhiều năm sau đó, chúng ta đọc thấy Gia-cốp nói với Giô-sép trước khi qua đời, “Khi cha ở Pha-đan trở về xứ Ca-na-an, thì Ra-chên chết dọc đường có mặt cha, gần Ê-phơ-rát; cha đã chôn người ở bên con đường đi về Ê-phơ-rát (tức là Bết-lê-hem).” (Sáng. 48:7). Nếu Ra-chên không chết, bà có thể đã sinh thêm các con trai khác, vì vậy Gia-cốp đã thu nhận hai cậu con trai của Giô-sép để bù đắp cho sự mất mát này. Trong Sáng thế ký 48:5 Gia-cốp bảo Giô-sép, “Bây giờ, hai đứa con trai đã sanh cho con tại xứ Ê-díp-tô trước khi cha đến, là Ép-ra-im và Ma-na-se, cũng sẽ thuộc về cha như Ru-bên và Si-mê-ôn vậy.” Trong sáng thế ký chương 49 ghi lại lời chúc tiên tri của Gia-cốp dành cho các con trai mình, trong đó Giô-sép là con trai đầu của Ra-chên nhận được phước lành đầy trọn từ cha (câu 22-26).

Có một vài điều cần suy nghĩ về lời nói cuối cùng của Ra-chên trước khi qua đời. Khi bà đặt tên cho đứa con trai thứ hai là *Bê-nô-ni* có nghĩa là *đứa con trai của sự đau khổ* hay *đứa con của những rắc rối*. Hãy thử hình dung nếu như đứa trẻ này lớn lên với cái tên như vậy, thì điều gì sẽ xảy ra? Mỗi khi có ai đó gọi tên nó như vậy nó sẽ nhớ lại câu chuyện sinh nở của mẹ nó, vì khi hạ sinh Bê-nô-ni /Bên-gia-min, Ra-chên phải chịu nhiều đau đớn. Và sau khi sinh thì Ra-chên trút linh hồn. Ra-chên đã trải nghiệm bảy năm vui mừng khi cô dự định kết hôn với Gia-cốp, nhưng những năm đó đã kéo theo mười ba năm rắc rối trước khi Gia-cốp trở thành một người hành hương trở về lại Bê-tên. Họ đã vượt thoát khỏi sự trả thù của Ê-sau, nhưng Đì-na bị hãm hiếp tại Si-chem. Điều này dẫn đến hậu quả là Si-mê-ôn và Lê-vi dùng gươm tàn sát những người đàn ông của thành phố đó.

Ra-chên muốn có một đứa con trai khác sau khi sinh Giô-sép, và Đức Chúa Trời đã ban cho nhưng bà phải trả một giá rất cao. “Hãy cho tôi có con, nếu không tôi sẽ chết.” (Sáng. 30:1) là một yêu cầu khẩn thiết. Chúng ta tự hỏi liệu những lời cuối cùng của Ra-chên trước khi qua đời phản ánh tương lai của bản thân – rắc rối và đau khổ, khi bà đặt tên cho đứa con thứ hai tên là Bê-nô-ni. Gia-cốp khôn ngoan đã đổi tên Bê-nô-ni thành Bên-gia-min. Tên này mang ý nghĩa “con trai của cánh tay phải tôi”. Trong văn hóa thời đó, cánh tay phải tượng trưng cho sự tôn trọng và quyền lực. Gia-cốp bấy giờ đã có mười hai người con. Tất cả họ trở thành tộc trưởng của mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên. Bên-gia-min là đứa con duy nhất của Gia-cốp được sinh ra trong vùng đất thánh.

Người Do Thái tôn kính Ra-chên và Lê-a là “hai người nữ đã dựng nên nhà Y-sơ-ra-ên!” (Ru-tơ 4:11). Tiên tri Giê-rê-mi nói đến Ra-chên: “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Tại Ra-ma nghe có tiếng than thở, khóc lóc đắng cay. Ra-chên khóc con cái mình, mà không chịu yên ủi về con cái mình, vì chúng nó không còn nữa!” (Giê-rê-mi 31:15). “Những đứa con trai và con gái của sự đau khổ tôi” được tái hiện khi vua Hê-rốt truyền lệnh “giết hết thầy con trai từ hai tuổi sắp xuống ở thành Bết-lê-hem và cả hạt” (Ma-thi-ơ 2:16-18) trong thời điểm Chúa Giê-su Christ giáng sinh. Bên-gia-min hay Bê-nô-ni nhắc chúng ta nhớ đến Chúa Giê-su trong sự thống khổ (Bê-nô-ni) và sự vinh hiển của Ngài (Bên-gia-min). Trước tiên là đau khổ rồi mới vào trong vinh hiển. Thứ nhất là thập tự giá, thứ hai mới là vương miện. Chúng ta nên ghi nhớ lễ thật này trong lần tới khi chúng ta đi đến kết luận rằng cuộc sống chỉ là một chuỗi các trận chiến đau đớn.

Điều an ủi lớn nhất dành cho Ra-chên: Hai người con trai Giô-sép và Bên-gia-min được Đức Chúa Trời sử dụng để hoàn thành mục đích lớn lao của Ngài cho thế giới. Giô-sép trở thành người cứu sống cho cả một dân tộc Y-sơ-ra-ên khi đem họ đến định cư và che chở họ trong vùng đất màu mỡ của Ai-cập. Giô-sép cũng thêm lên cho Y-sơ-ra-ên các chi phái Êp-ra-im và Ma-na-se. Từ chi phái Bên-gia-min đã cho ra đời sứ đồ Phao-lô, người đã thiết lập nền thần học của Tân Ước.

Vậy thì Ra-chên, tại sao bà phải khóc?

Bài 15

GIÔ-SÉP

Các anh toan hại tôi, nhưng *Đức Chúa Trời lại toan làm điều ích cho tôi*

Sáng thế ký 50:20

Mặc dù Giô-sép đã sống tại Ai-cập trong phần lớn cuộc đời của mình, nhưng có thể xem ông là người đại diện tốt nhất cho những người Do Thái sống tại quê hương. Ông có một đời sống thanh sạch và một tấm lòng thuần khiết, nhưng phải chịu đau khổ từ những điều mà người khác làm cho ông. Cha Gia-cốp yêu thương Giô-sép, nhưng ông bị các anh em trong gia đình ghen ghét và rồi âm mưu với nhau bán đứng ông như bán một tên nô lệ. Bị đem đi tới Ai-cập, làm đầy tớ trong nhà của quan thị vệ Phô-ti-pha, ông bị nữ chủ nhân vu cáo tội quấy rối tình dục và bị tống vào tù. Lúc đó không ai còn nhớ đến tên Giô-sép ngoại trừ Đức Chúa Trời. Trước giả Thi thiên viết về Giô-sép, “Người ta cột chân người vào cùm, làm cho người bị còng xiềng.” (Thi thiên 105:18). Sách cầu nguyện Anh giáo phiên bản năm 1877 ghi, “Xiềng xích đi vào linh hồn người.” Chúng ta thấy rằng Giô-sép chịu đựng các loại đau khổ khác nhau. Thật là một người nam kiên cường của Đức Chúa Trời.

Người ta đã nói rằng những gì cuộc sống làm cho chúng ta phụ thuộc vào những gì cuộc sống tìm thấy trong chúng ta, và sự thật này được biểu lộ trong cuộc đời Giô-sép. Trong bài viết này, chúng ta tập chú vào các điểm chính, và những phản ứng của Giô-sép trước những hoàn cảnh mà Đức Chúa Trời cho phép xảy ra. Chúng ta cũng tìm hiểu thái độ của cha Giô-sép và mười người anh em của ông.

CÁC ANH EM: “ĐỨC CHÚA TRỜI ĐÃ LÀM GÌ CHO CHÚNG TA ĐÂY?”

Sau khi gặp “người làm chúa tại Ai-cập”, các anh em của Giô-sép vừa nói với nhau, vừa run, mà rằng: “Đức Chúa Trời đã làm chi cho chúng ta đây?” (Sáng thế ký 42:48). Họ ngạc nhiên xen lẫn sợ hãi không biết điều gì đang xảy ra khi nhìn thấy tiền bạc của họ được để lại trong những bao lương thực. Mỗi người tự vấn lương tâm của mình. Họ có thể nghĩ đến sự phán xét của Đức Chúa Trời dành cho họ vì họ đã đối xử tệ với Giô-sép trước đây! Lẽ ra họ đã không nên làm điều đó.

Khi trở về đến nhà các anh em Giô-sép tìm thấy tất cả tiền bạc của họ còn nằm y nguyên trong những bao lương thực. Họ trình bày với với người cha già Gia-cốp câu chuyện bên Ai-cập và giải thích tại sao Si-mê-ôn đã bị giữ lại làm con tin. Vị tể tướng của Ai-cập sẽ chỉ phóng thích cho Si-mê-ôn nếu trong lần tới họ mang theo Bên-gia-min.

Hiển nhiên, Giô-sép vẫn còn nhớ trong giấc mơ của mình là tất cả mười một anh em sẽ phải quì trước mặt ông (Sáng thế ký 37:5-11), do đó ông giữ Si-mê-ôn lại và yêu cầu các anh em phải đem Bên-gia-min tới.

Khi còn ở chung trong một gia đình, hành vi xấu xa của các anh em được thể hiện khi họ cư xử với Giô-sép bằng thái độ thù địch. Gia-cóp, Giô-sép và Bên-gia-min yêu thương nhau, nhưng các anh em còn lại làm cho đời sống họ trở nên khổ sở khi ganh tị với Giô-sép. Theo Sáng thế ký 50, các anh em đã làm điều sai, đối xử tệ với Giô-sép (câu 15, 17). Họ có ý định giết chết Giô-sép (câu 20). Bất chấp Giô-sép van xin, họ đã tàn nhẫn ném người em trai xuống một cái hố, rồi sau đó kéo lên bán cho lái buôn như bán một tên nô lệ (Sáng. 42:21-22).

Các anh em đã cư xử cách độc ác với Giô-sép. Sau đó họ nói dối cha mình là Giô-sép đã chết và nguy tạo bằng chứng để cho Gia-cóp được thuyết phục. Walter Scott đã nói đúng, “Một mạng lưới rối rắm sẽ được dệt nên khi lần đầu tiên chúng ta đánh lừa một ai đó.” Gia-cóp đã không còn thấy đứa con trai yêu dấu trong suốt hai mươi năm. Tấm lòng ông tan nát vì cho rằng nó đã chết. Đây rõ ràng là một tội ác mà các anh em đã làm trên người cha già của họ. Có phải Gia-cóp đã phải trả giá vì trước đây ông cũng đã từng nói dối cha mình là Y-sác! Và điều đó có làm cho ông tha thứ cho các con trai mình vì sự dối trá và độc ác của họ?

Đức Chúa Trời đang làm gì? Ngài đang đem mọi thành viên trong gia đình vào trong lễ thật: ăn năn, xưng tội và nhận sự tha thứ. Đức Chúa Trời sử dụng Giô-sép để giải quyết vấn đề với các anh em trong sự khôn ngoan và kiên nhẫn.

GIA-CÓP – “ĐỨC CHÚA TRỜI KHÔNG LÀM GÌ!”

Gia-cóp không nói rằng Đức Chúa Trời không làm gì, nhưng đây là cách mà ông cảm thấy trong tấm lòng. Gia-cóp nói với các con trai độc ác, “Bay làm mất các con tao; Giô-sép đã mất biệt, Si-mê-ôn cũng mất biệt; mà bây giờ, lại muốn dẫn Bên-gia-min đi nữa sao! Các nông nổi này đều đổ lại cho tao hết!” (Sáng. 42:36). Trong câu này ông muốn nói rằng: Mọi sự đang chống lại tôi. Và ông nhìn thấy các hoàn cảnh xảy ra theo chiều hướng đó.

Hãy nhìn lại những gian truân của Gia-cóp. Một nạn đói xảy ra trên vùng đất hứa. Các con trai của ông phải xuống Ai-cập để tìm nguồn thực phẩm cho một đại gia đình. Gia-cóp cho rằng đứa con trai yêu dấu là Giô-sép đã chết, và bây giờ Si-mê-ôn lại bị bắt làm con tin tại Ai-cập. Tình hình càng tồi tệ hơn khi vị tể tướng Ai-cập thông báo rằng Si-mê-ôn chỉ được phóng thích khi các con trai đem Bên-gia-min đến trình diện trong chuyến đi kế tiếp. Cả Bên-gia-min và Giô-sép là hai con trai của Ra-chên. Gia-cóp rất yêu mến người vợ này. Ông không muốn mất thêm Bên-gia-min nữa. Trong tình thế bất khả kháng, Gia-cóp đành phải để cho Bên-gia-min đi mà không biết điều gì xảy ra. Gia-cóp phải đưa ra một quyết định khó khăn. Gia-cóp có thể đang tự hỏi, Đức Chúa Trời đang ở đâu?

Gia-cóp đã quên đi lời hứa của Chúa dành cho ông tại Bê-tên nhiều năm trước, “Này, ta ở cùng ngươi, ngươi đi đâu, sẽ theo gìn giữ đó, và đem ngươi về xứ này; vì ta không bao giờ bỏ ngươi cho đến khi ta làm xong những điều ta đã hứa cùng ngươi” (Sáng thế ký 28:15). Khi Gia-cóp bỏ trốn khỏi nhà La-ban, Đức Chúa Trời phán với ông, “Hãy trở về xứ của tổ phụ ngươi, chốn bà con ngươi, ta sẽ phù hộ ngươi” (Sáng. 31:3). “Ta không bao giờ bỏ ngươi” là câu phù định. “Ta sẽ phù hộ ngươi” là một lời xác định. Cả hai lời hứa đều bảo đảm rằng Chúa ở cùng Gia-cóp.

Trong đêm tối Gia-cốp đã vật lộn với Đức Chúa Trời, sau đó Ngài đổi tên ông từ Gia-cốp thành Y-so-ra-ên. Sau khi vật lộn với Đức Chúa Trời, bây giờ ông là người chiến thắng – ông trở thành hoàng tử của Đức Chúa Trời. Chắc chắn cái chân khập khiễng của ông sẽ gợi nhớ nơi ông một lẽ thật: “Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?” (Rô-ma 8:31)

Sẽ không quá khó khăn cho Gia-cốp trong cơn đói kém, cuối cùng ông nhận được sự trợ giúp cho gia đình của mình. Chúng ta đều biết điểm kết thúc của câu chuyện này. Và điều đó làm cho chúng ta dễ chịu với trích dẫn được liên hệ trong Rô-ma 8:28, “Gia-cốp ơi, không phải mọi sự đang chống lại ông, mà là chúng hiệp lại để làm điều tốt nhất cho ông.” Tuy nhiên Gia-cốp không biết đến Rô-ma 8:28, chính điều này làm cho tấm lòng ông tan vỡ trong đau khổ. Nếu đặt mỗi chúng ta vào trường hợp của Gia-cốp, có thể lắm chúng ta cũng sẽ tự hỏi: Đức Chúa Trời đang ở đâu, Ngài có chăm sóc tôi không? Tạ ơn Chúa, ngày nay chúng ta có thể hiểu rõ hơn về những cảm xúc của Gia-cốp và tìm thấy bài học cho mình.

Commented [P2]: Xúc của Gia-cốp.

GIÔ-SÉP – “ĐỨC CHÚA TRỜI CÓ Ý ĐỊNH LÀM ĐIỀU TỐT CHO TÔI.”

Ít nhất là năm lần chúng ta đọc thấy trong Kinh Thánh “Đức Chúa Trời ở cùng Giô-sép” (Sáng. 39:2, 3, 21, 23; Công vụ. 7:9). Điều này có nghĩa Chúa kiểm soát mỗi biến cố, mỗi sự kiện xảy ra trong cuộc đời Giô-sép và gia đình ông để bày tỏ ra ý muốn tốt đẹp của Ngài và danh Ngài được vinh hiển. Điều quan trọng cần ghi nhớ là Chúa làm việc theo ý định tốt đẹp của Ngài xuyên suốt mọi hoàn cảnh trong toàn bộ mọi trải nghiệm của Giô-sép, chứ không phải chỉ ở giai đoạn cuối cùng. Rô-ma 8:28 không nói rằng, “Cuối cùng Chúa sẽ làm mọi việc tốt đẹp”. Chúa làm tất cả mọi việc trong mọi thời gian đều do ý định tốt đẹp của Ngài, bất luận chúng ta cảm thấy như thế nào.

Điều tốt đẹp quan trọng nhất mà Đức Chúa Trời đã hoàn thành là thông qua Giô-sép Ngài bảo tồn tuyển dân Israel, để từ đó Ngài ban cho thế giới quyền Kinh Thánh và Con của Ngài. Giô-sép là một đầy tớ được chọn để che chở tuyển dân và cứu một thế giới đang hư mất. Đức Chúa Trời đã “sai một người đi trước Y-so-ra-ên, là Giô-sép bị bán làm tôi mọi.” (Thi thiên 105:17)

Những điều đã xảy ra là tốt đẹp cho Gia-cốp và các con trai của ông. Gia-cốp chắc nhận thức rằng ông đã gặt các quả đắng từ một số hạt giống của sự lừa dối mà ông đã gieo ra nhiều năm trước. Các anh em của Giô-sép cuối cùng đã được đưa đến nơi mà miệng họ phải ngậm lại và họ đã không còn nói dối và bào chữa cho mình. Giu-đa thừa với Giô-sép là người đang làm “chúa tại Ai-cập”: Chúng tôi sẽ nói cùng chúa làm sao? Sẽ phân lại làm sao? Sẽ chữa mình chúng tôi làm sao? Đức Chúa Trời đã thấu rõ điều gian ác của tôi tớ chúa rồi. Nay, chúng tôi cùng kẻ đã bị bắt được chén nơi tay đều làm kẻ tôi tớ cho chúa (Sáng. 44:16). Các anh em gian ác (ngoại trừ Bên-gia-min) rơi vào tình cảnh “miệng nào cũng phải ngậm lại” (Rô-ma 3:3:19), không thể bào chữa tội lỗi của mình. Phải mất hai mươi hai năm, tội lỗi của các anh em mới bị chỉ ra. Giô-sép tha thứ cho họ và bảo đảm sự cấp dưỡng dành cho họ và con cái của họ. Vài năm sau đó Giô-sép có đưa con đầu tiên, ông đặt tên là Ma-na-se – “quên” – điều này có nghĩa là Giô-sép không còn nắm giữ bất kỳ một mối căm thù nào với các anh em mình. F. W. Robertson đã nói, “sự trả thù

duy nhất của Cơ đốc nhân là trả thù bằng sự tha thứ.” Làm thế nào Giô-sép có thể ghét anh em mình khi ông nhận thức rằng Chúa luôn luôn tể trị mọi biến cố và làm mọi việc đều có ý định tốt cho ông?

Có lẽ bản thân Giô-sép là người đã nhận nhiều điều tốt đẹp hơn bất cứ một ai khác. Thi thiên 105:17 ghi, “Ngài sai một người đi trước Y-sơ-ra-ên, là Giô-sép bị bán làm tôi mọi.” Giô-sép lúc bị các anh em bán đứng chỉ là một thiếu niên mười bảy tuổi. Vào thời điểm đó Giô-sép đã có hai giấc mơ, nhưng cậu thiếu niên này chưa được huấn luyện trong “trường kỷ luật” của Chúa. Hai giấc mơ đẹp, nhưng sau đó lại trở thành cơn ác mộng vì các anh em ghen ghét “thằng nằm mộng.” Vì thế Chúa đã gửi đến một bài học kỷ luật khác để rèn đúc nên Giô-sép và huấn luyện ông trở thành người mà có thể làm vinh hiển danh Ngài trong mọi hoàn cảnh.

Giô-sép trải nghiệm nỗi đau khi bị bán làm nô lệ và phải rời xa gia đình thân yêu. Ông bèn chịu trong sự nhẫn nhục, làm việc cực nhọc trong tư cách của một “tên nô lệ Hê-bơ-ro” trên đất khách quê người. Đối diện với những cám dỗ, bị vu oan, bị tống vào tù và bao nhiêu nghịch lý khác, Giô-sép vẫn chiếu ra ân điển và sự thương xót của Chúa mà không một lời oán than! Từ một thiếu niên nô lệ rồi được cất nhắc lên làm người cai trị - nhân vật quyền lực thứ hai tại Ai-cập, Giô-sép đã chứng minh rằng ông là một người trung tín trong những việc nhỏ nhất, vì vậy Đức Chúa Trời đã ban cho ông dư dật mọi điều (Ma-thi-ơ 25:11).

Tôi cho rằng Kinh Thánh ghi lại bảy lần Giô-sép khóc. Ông đã khóc khi bị anh em mình quăng xuống hố (Sáng thế ký 42:21-21). Ông khóc khi các anh em mình xưng nhận tội với nhau (Sáng. 42:24). Ông khóc khi nhìn thấy Bê-nê-gia-min (Sáng. 43:30). Giô-sép cũng khóc lớn khi hòa giải với các anh em (Sáng. 45:2, 14-15), và khóc khi nhìn thấy cha mình sau hơn hai mươi năm (Sáng. 46:29). Cũng như với bất kỳ một người con trai nào, ông khóc khi cha qua đời (Sáng. 50:1). Khi Giô-sép nghe lời trần tình của các anh em cầu xin từ nơi ông sự tha thứ, ông đã khóc, và bảo đảm với họ rằng ông sẵn lòng tha thứ. Các anh em lúc đó chỉ muốn được làm nô lệ cho ông, nhưng ông bảo đảm rằng họ vẫn là anh em với ông. Điều này có giống như trong Lu-ca 15:19-21?

Các bài học kỷ luật trong đời sống Giô-sép, cộng với đức tin kiên định của ông nơi Đức Chúa Trời đã biến đổi và hình thành nên một nhân cách sáng chói vĩ đại trong Kinh Thánh. Ông rất giống với Chúa Giê-su Christ! Giống như Chúa Cứu thế, Giô-sép là Con của cha Gia-cóp bị chính anh em mình ghét bỏ rồi phản bội. Ông đã bị anh em bán đứng một cách bất hợp pháp, bị vu cáo tội quấy rối tình dục rồi bị kết án tù. Giô-sép từ trong nhà tù được đem ra để nhận lãnh ngôi cai trị, từ đau khổ lên ngai vinh hiển và cung ứng lương thực cho thế giới (Giô-sép bảo tồn sự sống, Chúa Giê-su ban cho sự sống.) Giô-sép tha thứ cho các anh em mình và ban cho họ nhà để ở với thực phẩm đầy tràn. Giô-sép còn làm nhiều hơn thế! Tôi hy vọng rằng bạn có thể thấy bài học này: khi chúng ta chịu đau khổ vì có Chúa Giê-su, chúng ta sẽ trở nên giống như Ngài càng hơn. Chúng ta đọc lại câu này: “chúng ta biết rằng mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu mến Đức Chúa Trời, tức là cho kẻ được gọi theo ý muốn Ngài đã định. Vì những kẻ Ngài đã biết trước, thì Ngài cũng đã định sẵn để nên giống như hình bóng Con Ngài” (Rô-ma 8:28-29)

Giữa muôn vàn khổ đau và phiền muộn, hãy có đức tin nơi Chúa để có thể nói được: “Các anh toan hại tôi, nhưng Đức Chúa Trời toan làm điều ích cho tôi.” Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời có ý định làm điều tốt cho chúng ta ngay cả trong những tình huống tồi tệ nhất. Khi chúng ta nhận thức rõ ý định của Ngài, chúng ta biết rằng Chúa cho phép những hoàn cảnh nghiệt ngã xảy ra để biến đổi chúng ta trở nên giống như Con của Ngài.

Giữa trùng đau thương Đa-vít nói, “Nhưng tôi đã tin cậy nơi sự nhân từ Chúa. Lòng tôi khoái lạc về sự cứu rỗi của Chúa. Tôi sẽ hát ngợi khen Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã làm ơn cho tôi.” (Thi thiên 13:5-6).

Giô-sép nói, “Chúa có ý định làm điều tốt cho tôi.” Chúng ta có thể phản hồi, “Chúa là tốt lành trong mọi lúc, mọi nơi, mọi hoàn cảnh!”

Bài 16

GIÓP

Đức Giê-hô-va lại hỏi Sa-tan rằng: Ngươi có nhìn thấy Gióp, tôi tớ của ta chăng; *nơi thế gian chẳng có người nào giống như nó*, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác?

Gióp 1:8

Một người bạn và tôi lái xe xuyên qua bang Pennsylvania, chúng tôi liên tục nhìn thấy các biển báo “coi chừng đá rơi!” Chúng tôi thích thú vì đó là một cảnh báo tốt, nhưng làm thế nào để thực hành điều này? Nếu chúng ta nhìn thấy một vài khối đá lớn từ trên đồi cao rơi xuống, có nên dừng xe ngay và điều này có thể gây tai nạn? Hay là chúng ta tăng tốc độ và cố gắng không trở thành mục tiêu của khối đá? Hay là chúng ta “tỉnh thức và cầu nguyện” và tin cậy Đức Chúa Trời giữ các tảng đá không rơi xuống? Bạn chọn cách nào?

Các tảng đá đã rơi xuống trên chiếc xe của Gióp, và ông đã không nhìn thấy là nó đang rơi. Ông đau khổ như một số người phải chịu. Vào một ngày kia tất cả tài sản to lớn của ông bị lấy đi và mười đứa con đều chết hết. Wow! Rồi thì một căn bệnh bí hiểm ung độc tấn công ông từ bàn chân tới đỉnh đầu làm ông vô cùng ngứa ngáy khó chịu. “Gióp lấy một miếng sành đặt gài mình, và ngồi trong đồng tro” (Gióp 2:8). Ông rời khỏi nhà và ngồi bên ngoài thành trên đồng tro tàn nơi rác được thu gom. Ở đó ông than khóc, suy ngẫm, nói chuyện với các bạn hữu và chờ đợi Đức Chúa Trời giúp đỡ.

Hãy lưu ý là Đức Chúa Trời phán rằng Ngài không tìm thấy một lỗi lầm nào trong Gióp. Ngài đánh giá về ông: “*nơi thế gian chẳng có người nào giống như nó*, vốn trọn vẹn và ngay thẳng”. Lời khen ngợi từ Đức Chúa Trời dành cho Gióp tốt hơn bất cứ nhận xét nào từ phía con người hay ma quỷ hoặc thiên sứ. Gióp sống ở xứ Uz vào khoảng thời gian các tộc trưởng người Do Thái

hành hương về Ca-na-an. Ông là một con người nhận được ơn phước dư dật từ nơi Chúa, tuy nhiên dường như ông cũng là một người hứng chịu sự thiệt hại lớn lao từ Ngài.

Tất cả chúng ta đều muốn một đời sống xuôi chèo mát mái. Chúng ta muốn nhìn thấy các biển báo chỉ đường loại “Hãy thư giãn. Không có đá rơi!” Chúng ta không muốn chuyển bay của chúng ta bị trì hoãn hay bị một thế lực nào can thiệp. Chúng ta không muốn bị rơi vào tình huống khẩn cấp hay gặp phải điều không mong đợi. Tuy nhiên cuộc sống không luôn đi theo những mong muốn đó. Đời sống được dệt nên bằng những điều phiền toái không miễn trừ cho bất cứ ai bên cạnh những điều may mắn khác. Và chúng ta không thể kiệt kê hết những trải nghiệm đau buồn của mỗi chúng ta. Vì vậy hãy vui hưởng những giây phút bình an khi gió yên biển lặng, và cảnh giác rằng giông bão có thể nổi lên vào bất cứ một ngày đẹp trời nào đó.

Các điểm chính của sách Gióp liên quan đến Đức Chúa Trời, Gióp, ba bạn hữu của Gióp và một người bạn trẻ tuổi tên là Ê-li-hu. Tuy nhiên câu chuyện cũng liên quan đến mỗi chúng ta. Đây là Lời của Đức Chúa Trời và chúng ta không thể phớt lờ. Khi nhìn vào các chi tiết trong mỗi tình huống. Quan điểm và phản ứng của chúng ta sẽ như thế nào?

NHỮNG GÌ ĐỨC CHÚA TRỜI NHÌN THẤY

Đức Chúa Trời nhìn xem Gióp và Ngài thấy Gióp khác biệt với mọi người trên thế giới vào thời đó. Đức Chúa Trời bảo Sa-tan rằng: “...*nơi thế gian chẳng có người nào giống như Gióp*, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác?” Gióp đã mở tấm lòng mình ra với Chúa (6:21) và thừa nhận rằng mình không phải là người hoàn hảo (7:21), nhưng ông là một con người chính trực, thực hành sự công bình và thương xót người khác. Ông thuộc loại người mà Cựu Ước gọi là “người công bình,” và không có ai trên thế gian giống như ông. (Nhiều thế kỷ sau đó tiên tri Ê-xê-chi-ên đồng ý với điều này. Đọc Ê-xê-chi-ên 14:14, 20.)

Chúng ta rất dễ dàng phạm lỗi khi đánh giá về một người nào đó, nhưng Đức Chúa Trời thì không. “Đức Giê-hô-va chẳng xem điều gì loài người xem; loài người xem bề ngoài, nhưng Đức Giê-hô-va nhìn thấy trong lòng” (1 Sa-mu-ên 16:7). Chúa biết điều bí mật của tấm lòng con người (Thi. 44:21), vì vậy Gióp không thể đánh lừa Chúa và chúng ta cũng vậy. Lẽ thật này vừa khích lệ vừa cảnh báo mọi người. Con người có thể đánh giá sai về chúng ta, ma quỷ có thể cáo buộc chúng ta, nhưng Chúa biết tấm lòng chúng ta như thế nào. Vì vậy các bạn và tôi không có gì để sợ hãi. Nếu tấm lòng chúng ta gian dối với Chúa và người khác, khi ấy chúng ta sẽ gặp rắc rối.

Khi đọc sách Gióp chúng ta ghi nhận rằng Gióp luôn luôn giữ gìn sự chính trực của ông trước mặt Chúa. Gióp không cố gắng làm vui lòng các bạn hữu khi lắng nghe các quan điểm thần học của họ về vấn nạn đau khổ của ông (Gióp 2:9; 6:29; 13:15; 27:5). Họ cho rằng mức độ tội lỗi mà Gióp phạm phải sẽ đòi hỏi một mức độ đau khổ cân bằng? Quan điểm này có phù hợp với chúng ta không?

Danh tiếng là điều con người đề tâm tới, nhưng nhân cách mới là điều Đức Chúa Trời tìm kiếm nơi chúng ta. Bạn có thể hủy hoại uy tín hay danh tiếng trong một phút chốc, nhưng phải tốn nhiều năm để xây dựng một nhân cách tốt, và Chúa quan tâm đến chuyện này. Ngay từ đầu sách, Chúa phán dạy rõ rằng Ngài không trừng phạt Gióp vì tội lỗi của ông. Và cuối sách Chúa xác nhận rằng Gióp đã nói về Ngài một cách đúng đắn (42:7), trong khi các bạn hữu đã nói không đúng về Đức Chúa Trời và đánh giá sai về Gióp. Tất cả các khổ đau không đến từ tội lỗi của Gióp, bởi vì Đức Chúa Trời có một mục đích cao hơn.

NHỮNG GÌ SA-TAN THỈNH CẦU ĐƯỢC THẤY

Sa-tan có nghĩa là *kẻ thù*. Ma qui có nghĩa là *kẻ kiện cáo*. Ma qui lúc đầu là một thiên sứ, nó sa ngã thành qui sứ chống lại Đức Chúa Trời và con cái của Ngài (Khải. 12:7-12). Chúng ta cần hiểu rằng Sa-tan không biết tất cả mọi thứ cũng như không có mặt ở tất cả mọi nơi. Một vật thọ tạo không thể ngang bằng với Đấng sáng tạo – là Đấng biết mọi điều và có hiện diện khắp mọi nơi. Trong thời đại hiện nay, Sa-tan đến trước ngôi của Chúa và kiện cáo các đầy tớ của Ngài (Xa-cha-ri 3:1-7). Tuy nhiên ma qui cần phải được sự cho phép của Đức Chúa Trời trước khi tấn công dân sự của Ngài (Gióp 1:12; 2:6). Chúng ta được khích lệ khi biết rằng Sa-tan không thể đụng đến chúng ta khi Đức Chúa Trời không cho phép. Và nếu Đức Chúa Trời cho phép ma qui tấn công chúng ta, Ngài có một mục đích đặc biệt để hoàn thành nơi chúng ta, và Ngài ban cho chúng ta quyền năng để đắc thắng ma qui (Lu-ca 22:31-32).

Sa-tan “trải qua đây đó trên đất và dạo chơi,” tìm kiếm các nạn nhân của nó (Gióp 1:7). Nó có thể hiện ra trong hình dạng một con rắn để lừa dối (2 Cô-rin-tô 11:3). Nó giống như một sư tử rống đi rình mò chung quanh (1 Phi-e-rơ 5:8-9), và có thể hiện ra như một thiên sứ sáng láng để lừa gạt (2 Cô-rin-tô 11:13-15). Rõ ràng là nó cố gắng tấn công Gióp từ trước, nhưng Chúa đã bảo vệ đầy tớ của Ngài. Sa-tan theo dõi Gióp vì ông là một người có ảnh hưởng lớn và uy tín trên cộng đồng. Và nếu Gióp từ bỏ Đức Chúa Trời sau khi bị Sa-tan tấn công, thì sẽ dẫn theo có nhiều người khác từ bỏ đức tin của họ nơi Chúa. Lúc đó Sa-tan sẽ rất hài lòng.

Sa-tan không thể làm gì cho đến khi Đức Chúa Trời cho phép nó thử thách Gióp. Chúng ta tự hỏi liệu Chúa có thể chỉ ra cho chúng ta cách sử dụng đức tin và sự trung tín cá nhân để khóa miệng kẻ kiện cáo. Ghi nhớ là Gióp không biết gì về cuộc đối thoại giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan trên trời. Gióp không biết rằng thân thể ông lại trở thành một cuộc chiến chống lại ông. Có những trải nghiệm không thể giải thích được trong thế giới hữu hình mà nó nảy sinh từ những xung đột trong thế giới vô hình. Vì vậy chúng ta phải sẵn sàng tín thác vào Chúa và các lời hứa của Ngài. Lưu ý là chúng ta bước đi bởi đức tin chứ không phải bởi mắt thấy hay cảm xúc.

Sa-tan biện luận với Đức Chúa Trời, “Gióp há kính sợ Đức Chúa Trời luống công sao? Chúa há chẳng dựng hàng rào bình vực ở bốn phía người, nhà người, và mọi vật thuộc về người sao? Chúa đã ban phước cho công việc của tay người, và làm cho của cải người thêm nhiều trên đất. Nhưng bây giờ hãy giờ tay Chúa ra, đụng đến hại các vật người có, ắt là người sẽ phi báng Chúa trước mặt” (Gióp 1:9-11).

Đây là chủ đề trung tâm của sách Gióp. Mặc dù sách Gióp không trực diện với câu hỏi: Tại sao người công nghĩa chịu đau khổ? Sa-tan đang cáo buộc với Đức Chúa Trời rằng sở dĩ Gióp có đời sống công nghĩa như thế vì Chúa đã ban phước cho. Nếu bây giờ Chúa không ban phước nữa, Gióp sẽ thay đổi theo một hướng tiêu cực. Đồng thời Sa-tan cũng đang cáo buộc rằng Đức Chúa Trời không xứng đáng với sự thờ phượng và vâng lời của con người, và đó là lý do tại sao Ngài phải thương cho những người thờ phượng Ngài. Nếu Ngài không ban thương cho Gióp, ông sẽ không còn thờ phượng Ngài nữa. Thâm ý của Sa-tan là như thế. Nói một cách khác, câu hỏi lớn không phải là: Tại sao người công nghĩa chịu đau khổ? nhưng là: Có phải Đức Chúa Trời xứng đáng với sự đau khổ của chúng ta? Chúng ta chịu đau khổ vì Ngài ban thương cho chúng ta hay vì Ngài xứng đáng cho chúng ta chấp nhận sự đau khổ?

Chúa biết rõ tấm lòng của con người. Sa-tan và những ác linh của nó theo dõi các phẩm chất bên ngoài của chúng ta. Và chúng ta cần phải được kiểm tra các động cơ bên trong tấm lòng. Sa-tan đã sai khi nhận xét về Gióp nhưng nó có thể đúng cùng với một nhận xét đó về con người chúng ta.

NHỮNG GÌ CÁC BẠN HỮU CỦA GIÓP CẦN PHẢI THẤY

Các tin tức xấu thường lan truyền nhanh hơn những tin tốt. Cùng một lúc tai vạ ập xuống cho Gióp từ nhiều phía. Ông bị mất con cái, mất tài sản và mất sức khỏe cùng một lúc. Ba người bạn lớn tuổi của Gióp (Gióp 15:10) nghe tin và cùng đến để an ủi, chia sẻ với Gióp. Thoạt đầu chúng ta khâm phục những người này, Kinh Thánh nói về họ: “Ba bạn hữu của Gióp, là Ê-li pha người Thê-man, Bình đất người Su-a, và Sô-pha người Na-a-ma, hay được các tai nạn đã xảy đến cho người, mỗi người bèn hẹn nhau từ xứ mình đi đến để chia buồn và an ủi người. Ba bạn hữu ở xa ngược mắt lên thì chẳng nhận biết người, bèn cất tiếng lên khóc, mỗi người xé áo mình, hất bụi lên trời mà vãi trên đầu mình. Đoạn, ba bạn ngồi xuống đất với người trong bảy ngày bảy đêm, chẳng ai nói một lời với người, vì thấy sự đau đớn người lớn lắm” (Gióp 2:11-13). Nếu tình hình vẫn như vậy, họ có thể đã an ủi Gióp, nhưng khi Gióp bắt đầu diễn tả về những đau khổ của mình nhưng dường như thiếu mất mục đích cho sự đau khổ đó, thì các bạn hữu bắt đầu đưa ra quan điểm của họ. Họ thấy rằng họ không đồng tình với suy nghĩ của Gióp và buộc tội Gióp. Sau cùng Ê-li-hu một người trẻ tuổi tham gia vào cuộc tranh luận và hầu như đứng về phía với ba bạn hữu.

Nhưng Gióp không đồng tình với các bài diễn văn dài dòng của nhóm bạn hữu. Ông gọi họ là những “dòng khe cạn nước” (Gióp 6:14-21), là những “thầy thuốc không ra gì hết” (13:4). Cuối cùng Gióp kết luận họ là “kẻ an ủi bực bội.” (16:2). Spurgeon nói rằng những người an ủi này đã đổ thêm giấm vào vết thương của Gióp và làm cho ông đau đớn thêm lên gấp mười lần.

Các bạn hữu của Gióp cần thấy rằng những lời gọi là an ủi của họ đã không giúp được gì cho Gióp, mà còn làm cho người đang đau khổ tổn thương thêm. Gióp bị ung độc từ bàn chân đến đỉnh đầu (2:7-8), ngủ thấy ác mộng (7:13-14), sụt cân (19:20), rón cả óc và thịt (21:6), trần trọc

không an nghỉ (30:27). Hình dạng Gióp thay đổi đến nỗi “bạn hữu ở xa ngược mắt lên thì chẳng nhận biết người” (2:12). Gióp còn đau khổ vì ông mất hết con cái và tài sản. Ông cũng không còn người thân yêu nào có thể ở bên để chăm sóc ông và người vợ của ông. Gióp cũng không còn tiền bạc để thuê mướn một ai đó làm điều này. Tình huống của ông xem như bị phá sản vật chất và tinh thần hoàn toàn.

Và khi tình huống trở nên tồi tệ nhất, đức tin của ông nơi Đức Chúa Trời cũng bị tấn công. Ông phải tranh đấu với những câu hỏi: *Tôi đã làm những gì đến nỗi phải chịu những đau khổ này? Tại sao Đức Chúa Trời ban cho tôi mười đứa con, rồi bây giờ chỉ cần một trận bão lớn là chúng đã vĩnh viễn rời xa tôi? Tại sao Ngài đã ban cho tôi giàu có, bây giờ Ngài lại lấy đi tất cả? Nếu tôi quá xấu xa, tại sao Chúa không cảnh báo tôi, và cho tôi có cơ hội để ăn năn?* Ngày và đêm những câu hỏi này tấn công tâm trí Gióp.

Các bạn hữu của Gióp đã làm gì? Họ đưa ra những quan điểm thần học và cố gắng chứng minh Gióp là người giả hình. Lô-gíc lý luận của họ theo chiều hướng này: (1) Đức Chúa Trời là thánh, vì vậy Ngài phải trừng phạt tội lỗi. (2) Đức Chúa Trời đang trừng phạt Gióp. (3) Từ đó suy ra Gióp là tội nhân. Nhưng họ quên rằng Đức Chúa Trời cũng là Đấng yêu thương, kiên nhẫn, đầy ân sủng và sẵn sàng tha thứ tội lỗi. Ngài là Đấng khôn ngoan và đường lối làm việc của Ngài chúng ta không thể luôn luôn hiểu được. Các bạn hữu của Gióp đã hành động như thể họ là cố vấn cho Đấng toàn năng.

Không cần qui chụp các quan điểm về thần học là sai. Ghi nhớ rằng chúng ta không sống trên những lời giải thích nhưng trên lời hứa của Chúa. Khi một bác sĩ chuyên khoa về X-ray chỉ cho tôi xem các tổn thương bên trong cơ thể qua phim chụp, điều này không làm cho cơ thể tôi trở nên tốt hơn. Nhưng khi vị bác sĩ nói rằng tôi cần điều trị qua một ca phẫu thuật, và vết thương bên trong sẽ lành sau một tuần điều trị - điều này (lời hứa của bác sĩ) làm cho tôi cảm thấy an tâm và được khích lệ. Chúng ta sống trên những lời hứa của Chúa, không phải trên những sự giải thích. Những lời hứa của Chúa là phương thuốc chữa lành bệnh lý, con người bên trong của chúng ta. Nhưng các bạn hữu của Gióp không có lời hứa nào của Chúa để chia sẻ. Tất cả bọn họ chỉ đưa ra những quan điểm, triết lý cá nhân. Những điều này giống như các lưỡi dao cắt sâu vào vết thương đang rỉ máu của Gióp.

Tại sao các bạn hữu làm điều này? Có thể suy đoán rằng: họ cần những lý lẽ đó để đảm bảo với bản thân là những phiên não như vậy không bao giờ có thể xảy ra với họ vì họ là người công chính trước mặt Chúa và Ngài phải ban phước cho họ. Đó chính là thần học của họ: Đức Chúa Trời làm điều tốt cho người công nghĩa và trừng phạt những kẻ ác. Nhưng Chúa Giê-su phán rằng, “Đức Chúa Trời khiến mặt trời mọc lên soi kẻ dữ cùng kẻ lành, làm mưa cho kẻ công bình cùng kẻ độc ác” (Ma-thi-ơ 5:45). Các bạn hữu của Gióp không phải là người công nghĩa trong ánh sáng của Chúa, họ chỉ là những người cậy sự công bình riêng. Vì vậy họ cần một nền tảng thần học sai lầm để củng cố, tăng cường cho quan điểm của mình. Họ muốn hàm ý với Gióp rằng: “Điều đau khổ xảy ra với ông sẽ không xảy đến cho chúng tôi.”

Vào cuối phần đối thoại, Đức Chúa Trời phán dạy Ê-li-pha: “Con thanh nộ ta nổi lên cùng người và hai bạn hữu người; bởi vì các người không có nói về ta cách xứng đáng, y như Gióp, kẻ tôi tớ ta, đã nói. Vậy bây giờ, hãy bắt bảy con bò đực và bảy con chiên đực đi đến Gióp, kẻ tôi tớ ta, mà vì các người dâng lên một của lễ thiêu; rồi Gióp, kẻ tôi tớ ta, sẽ cầu nguyện cho các người; vì ta sẽ nhậm lời người, kéo e ta đãi các người tùy theo sự ngu muội của các người; vì các người không có nói về ta cách xứng đáng, như Gióp, kẻ tôi tớ ta, đã nói” (42:7-8). Các bạn hữu của Gióp đã không có được một căn bản thần học đúng đắn. Thần học của họ không có sự thông cảm và tình yêu. Lẽ ra họ phải làm chứng về tình yêu và ân điển của Đức Chúa Trời, nhưng thay vào đó họ trở thành luật sư và thẩm phán trong câu chuyện bị thương của Gióp.

NHỮNG GÌ GIÓP MUỐN NHÌN THẤY

Khi đọc những bài diễn văn dài dòng trong sách Gióp, chúng ta thấy rằng câu chuyện của Gióp trở thành một tòa án phổ biến các kiến thức luật pháp. Sách Gióp chứa đầy các thuật ngữ luật pháp. Các bạn hữu muốn nhìn thấy Gióp xưng nhận tội lỗi và làm điều đúng đắn với Đức Chúa Trời, vì vậy họ tiếp tục lặp lại các cáo buộc dành cho Gióp. Nhưng Gióp không đồng tình với các nền tảng thần học sai trật từ các bạn hữu, và ông cũng không xưng nhận những tội lỗi mà ông không vi phạm. Gióp không bao giờ công bố mình vô tội, nhưng ông là một con người chính trực khi ông nói về Đức Chúa Trời và chính mình (42:8). Nhưng Gióp không biết làm cách nào để nhờ Đức Chúa Trời làm nhân chứng cho ông. Gióp không nghe thấy Chúa nói câu này với Satan: “Người có nhìn thấy Gióp, tôi tớ của ta chăng; nơi thế gian chẳng có người nào giống như nó, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác” (1:8).

Đọc kỹ các lời phát biểu, chúng ta thấy Gióp bày tỏ sự ước ao của mình là gặp Đức Chúa Trời mặt đối mặt để đưa Ngài ra tòa và yêu cầu Ngài trình bày bằng chứng về tội lỗi của ông. Ông muốn “tranh biện với Ngài” – điều này có nghĩa bước vào nơi kiện tụng trước tòa để cãi cho ra lẽ, và ép Chúa phải đứng ra trả lời hay làm chứng cho sự chính trực của ông (9:3). Ông muốn tự bào chữa cho chính mình (13:18-19), nhưng không có cách nào để xác lập một thời gian và nơi chốn là chỗ mà Đức Chúa Trời và ông có thể tranh biện cùng nhau (13:3).

Bởi vì Gióp muốn gặp Đức Chúa Trời và bênh vực chính mình, nên Đức Chúa Trời đoái đến hoàn cảnh của ông và nói chuyện cùng ông (Gióp 38:1-40:2). Nhưng khi Chúa bắt đầu đưa ra các câu hỏi cho Gióp, thì Gióp không có gì để nói! Ông đặt tay của mình trên miệng và nói, “Tôi vốn là vật không ra gì, sẽ đáp chi với Chúa? Tôi đặt tay lên che miệng tôi. Tôi đã nói một lần, song sẽ chẳng còn đáp lại” (Gióp 39:37-38). Giải pháp cho vấn đề của Gióp không phải là một lời giải thích uyên thâm từ Đức Chúa Trời, nhưng là một tiết lộ riêng tư của Đức Chúa Trời. Bác sĩ chuyên khoa tâm thần Paul Toumier đã viết, “Đối với câu trả lời của Thiên Chúa (cho nhu cầu của con người) thì không phải là một ý tưởng hay một đề xuất; Nó giống như kết luận của một định lý: đó là chính Ngài. Ngài bày tỏ chính Ngài cho Gióp; Gióp tìm thấy một mối liên hệ cá nhân với Ngài.”¹ Đứa con bị tổn thương vì tể xe không muốn nghe một bài diễn thuyết về an

toàn xe đạp; nó muốn nhận cảm giác từ vòng tay và nụ hôn yêu thương của người mẹ, và nghe được giọng nói khích lệ của cha. Thần học thì quan trọng, nhưng chỉ khi lẽ thật của nó đem chúng ta đến gần Cha thiên thượng.

Một tác giả viết lời thánh ca, “Bên ngoài những bài thuyết giáo, tâm linh tôi khao khát Ngài.” Gióp chưa bao giờ hát những lời này, nhưng ông thực sự đã kinh nghiệm nội dung được diễn tả trong bài ca. Những gì Gióp muốn nhìn thấy là – một Vị Thảm Phán công bình mà ông chưa bao giờ thấy trước đây. Nhưng bây giờ ông đã gặp được một Đức Chúa Trời kỳ diệu, yêu thương là Đấng giải quyết các nan đề, trả lời cho các câu hỏi chỉ bằng cách Ngài ở đó. Tác giả Christopher Morley đã viết, “Tôi có hàng triệu câu hỏi gửi đến Đức Chúa Trời, nhưng khi tôi gặp Ngài, tất cả chúng đều trốn khỏi tâm trí tôi, và dường như không còn vấn đề gì để hỏi.”² Với Gióp cũng vậy, khi ông gặp Chúa, miệng ông đóng lại nhưng tâm lòng ông mở ra và kinh nghiệm sự chữa lành từ Chúa.

NHỮNG GÌ CƠ ĐỐC NHÂN NGÀY HÔM NAY PHẢI NHÌN THẤY

Chúng ta hãy bắt đầu với nhu cầu của mình, và rồi tiến về phía trước để có thể đáp ứng nhu cầu của người khác.

Đầu tiên chúng ta phải nhìn thấy rằng sự đau khổ là một phần tất yếu của cuộc sống. Là những con người san ngã, sống trong một thế giới sa ngã, Đức Chúa Trời không bao giờ hứa rằng hành tinh này sẽ luôn luôn là một nơi thân thiện đáng sống. Trong khi sự đau khổ của nhân loại là hậu quả tội lỗi của A-đam; sự đau khổ đến với chúng ta không phải lúc nào cũng là do lỗi lầm của chính mình. Thịnh thoảng điều này có xảy ra. Khi chúng ta không vâng lời Chúa, và Ngài phải thi hành kỷ luật, bởi vì Ngài yêu chúng ta. Nhưng ma quỷ muốn tín nhân nghĩ rằng Đức Chúa Trời đang trừng phạt tội lỗi của con cái Ngài, bởi vì nó là kẻ kiêu cáo Đức Chúa Trời và dân sự của Ngài. Những gì chúng ta nghĩ là "đau khổ không đáng có" có thể chính xác, tuy nhiên chúng ta cũng cần chuẩn bị cho sự diễn giải tiếp theo. Giô-sép và Đa-vít đã đi qua những kinh nghiệm bi thương này.

Vì vậy khi bị đá rơi, hay khi phải ở trong vườn Ghết-sê-ma-nê, phản ứng của chúng ta phải là:

“Không phải theo ý con, nhưng là ý Cha.” Hãy nhớ rằng ý muốn của Đức Chúa Trời đến từ tấm lòng yêu thương của Ngài (Thi thiên 33:11) và câu chuyện của chúng ta luôn bày tỏ ra tình yêu của Ngài. Khi Ngài đem chúng ta vào trong lò lửa, mắt Ngài để trên công tác điều chỉnh nhiệt độ và tay Ngài canh chừng đồng hồ hẹn giờ. Chúa kiểm soát nhiệt độ và thời gian, Ngài biết lúc nào và bằng cách nào ban sự giải cứu cho chúng ta. Vì vậy hãy nhìn xem Chúa Giê-su và yên nghỉ trên lời hứa của Ngài. Spurgeon nói rằng, “Chúng ta chắc chắn sẽ bước vào trong sự rối rắm ngay khi chúng ta bắt đầu dạy giáo lý về Chúa và đặt câu hỏi tại sao?” Đức Chúa Trời sẽ biến những dấu hỏi thành dấu chấm than khi chúng ta tập trung vào Ngài trong tất cả ân sủng và sự vĩ đại của Ngài.

Thình thoảng Đức Chúa Trời cho phép chúng ta chịu đau khổ hầu cho chúng ta có thể khích lệ, yên ủi người khác. “Ngài yên ủi chúng tôi trong mọi sự khốn nạn, hầu cho nhân sự yên ủi mà Ngài đã yên ủi chúng tôi, thì chúng tôi cũng có thể yên ủi kẻ khác trong sự khốn nạn nào họ gặp!” (2 Cô-rin-tô 1:4). Phao-lô không nói rằng để yên ủi người khác chúng ta phải trải nghiệm cách chính xác những gì họ đã trải nghiệm. Điều này là không thể được. Vì sứ đồ hàm ý rằng Chúa ban ân sủng cho chúng ta trong tình huống khó khăn, ân sủng ấy có thể tràn qua chúng ta và đem đến sự yên ủi cho người khác trong tình huống họ đối diện (2 Cô-rin-tô 1:5). Chúng ta không phàn nàn khi chịu trong cơn thương khó. Cuối cùng hãy nhớ rằng Chúa Giê-su chịu đựng thống khổ vạ hơn mỗi chúng ta. Ngài bằng lòng chấp nhận sự đau khổ vì Ngài yêu thương chúng ta. Từ đó Ngài có thể ban sự cứu rỗi trọn vẹn cho chúng ta.

Nhưng chúng ta không đi theo các tấm gương xấu của những bạn hữu Gióp. Bất luận là con người có thể lầm bầm, kháng cự với sự đau khổ, chúng ta phải yêu thương và chia sẻ lời hứa của Chúa dành cho họ. Khi họ tiếp nhận, ân sủng của Chúa sẽ chữa lành. Chúng ta đừng làm việc cho Sa-tan, hay đứng ra làm người buộc tội. Đức Chúa Trời đang tìm kiếm những người có khả năng yên ủi người khác. Hãy xem những người bị đau khổ là những người mà Chúa Giê-su đã vì họ chết thay. Tình yêu và động cơ của Cơ đốc nhân phải làm nên sự khác biệt (2 Cô-rin-tô 5:14), bởi vì tình yêu không bao giờ thất bại (1 Cô-rin-tô 13:8). Ghi nhớ lời dạy này, “Quả thật, ta nói cùng các ngươi, hễ các ngươi đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn mọn này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy.” (Ma-thi-ơ 25:40)

Có quá nhiều người phải chịu đau khổ chung quanh chúng ta, và chúng ta phải cẩn thận không xét đoán hay cô lập họ. Nói chuyện về đạo lý không bao giờ có thể thay thế cho chức vụ hy sinh (Gia-cơ 2:14-17; 1 Giăng 3:16-20). Mỗi người chúng ta cần trở nên giống Chúa Giê-su càng hơn trong lối sống, hầu cho có thể giới thiệu Ngài đến với những người đang ở trong cơn khủng hoảng. Họ có thể gặp Ngài trong những tình huống khó khăn nhất – đôi khi chúng là một cơ hội để họ tiếp nhận ân sủng và sự chữa lành từ Chúa, mà không phải là những cơ hội thuận tiện khác.

-
1. Paul Tourmier, *Guilt and Grace* (New York: Harper and Row, 1962), 46
 2. Christopher Morley, *Inward Ho!* (Garden City, N. Y.: Doubleday, Doran and Co. 1931), 9.

Môi-se thưa rằng: Tôi xin Ngài *cho tôi xem sự vinh hiển của Ngài!*

Xuất Ê-díp-tô ký 33:18

Vào thời điểm Môi-se cầu xin được thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, ông đang ở trên núi Sinai cầu thay cho tuyển dân Israel. Ông cầu xin Chúa không từ bỏ dân sự đang phạm tội cùng Ngài, nhưng đồng đi với họ trong cuộc hành trình. Và Đức Chúa Trời phán, “Ta sẽ làm điều người cầu xin ta, vì người được ơn trước mặt ta, và ta biết người bởi danh người vậy” (Xuất. 33:17). Lúc đó Môi-se có thể cầu xin bất cứ điều gì, nhưng ông chỉ xin “*cho tôi xem sự vinh hiển của Ngài!*”

Những gì mọi người cầu nguyện là một dấu hiệu cho thấy họ sống vì cái gì, những cái đó thật sự quan trọng đối với họ. Cao hơn mọi nhu cầu, Môi-se cầu xin được ngắm *xem sự vinh hiển của Đức Chúa Trời!* Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời là một chủ đề được tái diễn trong đời sống Môi-se, ông là một đầy tớ trung tín của Đức Chúa Trời. Tôi cho rằng sự tập chú vào điều này của Môi-se là một trong những tố chất đặc trưng của Môi-se, khiến ông có thể lãnh đạo tuyển dân bất chấp những phiền toái từ phía họ. Ông đã không có một sự kêu gọi dễ dàng, có những lúc ông cảm thấy muốn bỏ cuộc nhưng tập chú vào sự vinh hiển Đức Chúa Trời làm cho ông gia tăng thêm sức mạnh và tiếp tục bước tới.

Chúng ta đáng phải tìm kiếm sự vinh hiển này, và áp dụng nó vào đời sống hầu cho có thể bền bỉ trong cuộc đua và hoàn thành sự kêu gọi của Chúa trong niềm vui.

BỤI GAI CHÁY (Xuất. 3)

Đối với người Israel, lửa là một trong những biểu hiện của Giê-hô-va Đức Chúa Trời. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người như một đám lửa thiêu cháy” (Phục truyền 4:24; Hê-bơ-rơ 12:29). Khi lửa giáng xuống từ trời và thiêu đốt của lễ thiêu trên bàn thờ - điều này có nghĩa là Chúa chấp nhận của lễ và Ngài đẹp lòng với người thờ phượng. Môi-se đã nhìn thấy bụi gai cháy không tàn từ đằng xa, và ông bị thu hút. Lúc ấy ông khám phá Đức Chúa Trời đang ở đó, và ông chờ đợi nghe Ngài phán dạy.

Có phải bụi cây cháy tượng trưng cho Môi-se, một người khiêm nhu nhưng là một đầy tớ mạnh mẽ khi được Chúa đốt cháy? Hay bụi gai cháy là hình ảnh của Israel, một dân tộc bé nhỏ nhưng được Chúa sử dụng như một ngọn đèn để chiếu soi vinh hiển của Ngài ra cho thế giới? Có lẽ bụi gai cháy tượng trưng cho cả hai điều này. Môi-se đã phân trần với Chúa nhiều lý do để nói rằng ông không phải là người tốt nhất đảm nhận công tác Chúa giao. Nhưng Chúa đã kiên trì thuyết phục Môi-se, và cuối cùng ông đồng ý. Lúc đó ông là một người chần chừ đã tám mươi tuổi đang trong thời gian chạy trốn khỏi Ai-cập là nơi ông đã giết chết một người. Môi-se không nghĩ rằng ông có khả năng để giải cứu tuyển dân Israel ra khỏi Ai-cập, nhưng ông tin vào quyền năng giải cứu của Đức Chúa Trời.

Trong lần tới nếu chúng ta nói với Chúa, Ngài đã phạm sai lầm khi kêu gọi chúng ta, hãy nhớ lại trường hợp của Môi-se và bụi gai cháy. Có thể chúng ta thấy mình chỉ là những ngọn nến lung linh, nhưng Chúa nhìn thấy chúng ta là những bụi gai cháy, và cháy không hề tàn. Đời sống thi hành mục vụ luôn luôn là một chuỗi các

phép lạ. Tiến sĩ Bob Cook, chủ tịch của King's College đã từng nói, “nếu bạn có thể giải thích những gì đang xảy ra, thì Chúa đã không làm điều đó.”

TRỤ MÂY TRỤ LỬA (Xuất. 13:21-22)

Đức Chúa Trời giải cứu Israel ra khỏi Ai-cập. “Đức Giê-hô-va đi trước dân sự, ban ngày ở trong một trụ mây, để dẫn đường đi; ban đêm trong một trụ lửa, để soi sáng cho chúng, hầu cho được đi luôn ngày và đêm. Ban ngày trụ mây chẳng bao giờ cách xa dân sự, trụ lửa ban đêm cũng vậy” (Xuất. 13:21-22). Tuyển dân không có bản đồ, la bàn hay thuê người hướng dẫn trong đồng vắng. Đức Giê-hô-va là “Đấng đi trước dẫn Israel trên đường, để tìm cho họ một nơi đóng trại; ban đêm trong đám lửa, ban ngày trong đám mây, đặt chỉ con đường họ phải đi” (Phục truyền 1:33). Di chuyển trong ban đêm nơi sa mạc không phải là một việc dễ dàng, đặc biệt là với những người cao tuổi và những em bé. Nhưng dân sự biết họ đang đi theo lập trình của Đấng giải cứu. Họ không cần phải sợ hãi các kẻ thù nghịch tấn công, bởi vì Chúa hướng dẫn và bảo vệ họ. Thiên sứ Đức Chúa Trời đã giải cứu họ ra khỏi Ai-cập cũng tiếp tục dẫn dắt họ trong đồng vắng (Xuất. 14:19-20).

Khi Môi-se thiết lập đền tạm tại khu vực trung tâm các lều trại thì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời đầy đầy đền tạm, “đền đồ Môi-se vào chẳngặng, vì ánh mây bao phủ ở trên và sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy đầy đền tạm. Và, trong các sự hành trình của dân Y-sơ-ra-ên, khi nào ánh mây từ đền tạm ngự lên thì họ ra đi; còn nếu ánh mây không ngự lên thì họ cũng không đi, cho đến ngày nào ánh mây ngự lên. Vì trong các sự hành trình của dân Y-sơ-ra-ên, thì ánh mây của Đức Giê-hô-va ở trên đền tạm ban ngày, và có lửa ở trên đó ban đêm hiện trước mặt cả dân Y-sơ-ra-ên” (Xuất 40:35-38). Israel là dân tộc duy nhất trên đất mà sự vinh hiển của Chúa ở cùng họ giữa các lều trại (Rô-ma 9:4). Các dân tộc khác có những chỗ thờ phượng tôn nghiêm, nhưng chúng trống vắng không có gì. Giê-hô-va Đức Chúa Trời ở với tuyển dân là một đặc ân và cũng là trách nhiệm to lớn cho họ!

Là con cái Chúa, chúng ta có thể công bố lời này, “Ngài bỏ lại linh hồn tôi, dẫn tôi vào các lối công bình, vì có danh Ngài” (Thi thiên 23:3). Ngày hôm nay chúng ta không nhìn thấy trụ mây trụ lửa, nhưng Chúa vẫn đi trước chúng ta trong cùng một nguyên tắc khi chúng ta hết lòng tìm kiếm ý muốn Chúa và vâng phục Ngài. Chúa Giê-su đi trước và chúng ta bước theo Ngài, “Khi người [Chúa Giê-su] đã đem chiên ra hết, thì đi trước, chiên theo sau, vì chiên quen tiếng người” (Giăng 10:4).

Tân Ước dạy rằng, “Anh em há chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong anh em” (1 Cô-rin-tô 6:19). Và Cơ đốc nhân “là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh Đức Chúa Trời ở trong anh em sao? Ví có ai phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ phá hủy họ; vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, mà chính anh em là đền thờ” (1 Cô-rin-tô 3:16-17). Hội thánh hoàn vũ là một đền thờ thánh, nơi Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự giữa dân sự Ngài (Ê-phê-sô 2:19-20).

NÚI SINAI RỰC LỬA (Xuất. 19:16-19)

Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời gia tăng! Môi-se lần đầu tiên nhìn thấy một bụi gai đang cháy, và rồi sau đó ông chứng kiến trụ mây trụ lửa được Chúa ban cho để dẫn dắt và bảo vệ tuyển dân. Và bây giờ Israel đang đóng trại chung quanh một ngọn núi Sinai rực lửa. “Khắp núi Si-na-i đều ra khói, vì Đức Giê-hô-va ở trong lửa giáng lâm nơi đó; khói ra khác nào khói của lò lửa lớn kia, và cả hòn núi đều rung động cách kịch liệt” (Xuất. 19:18).

Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời giáng xuống trên núi, và “cảnh trạng của sự vinh quang Đức Giê-hô-va nơi đỉnh núi, trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, khác nào như đám lửa hừng” (Xuất.24:17). Phục truyền 5:23-24 chép, “Và, trong khi cả núi phát lửa, các người vừa nghe tiếng từ giữa nơi tối tăm phán ra, thì những quan trưởng của các chi phái, và những trưởng lão các người đến gần ta mà nói rằng: Kìa, Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi đã tỏ ra sự vinh hiển và sự oai nghiêm Ngài cho chúng tôi, và chúng tôi có nghe tiếng Ngài từ giữa lửa phán ra; ngày nay chúng tôi thấy rằng Đức Chúa Trời có phán cùng loài người và loài người vẫn còn sống.” Trong tình huống kinh khiếp này Môi-se thừa nhận, “tôi thật sợ sệt và run rẩy cả người” (Ê-xê-ki-ên 11:21).

Tại sao Đức Chúa Trời lại đưa lên màn trình diễn đáng sợ này của lửa, khói, sấm sét và những tiếng kèn lớn? Hãy nhớ rằng tuyển dân Israel là một dân tộc đang trong thời kỳ sơ khai của đức tin, và họ cần phải học biết tôn kính, nghe theo tiếng phán của Chúa và vâng lời Ngài trong một đường lối thực tiễn. Tại núi Sinai họ học biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, họ là tuyển dân của Ngài, và Ngài đang ban các mạng lệnh cho họ. Họ bắt đầu được Thiên Chúa dạy cho các luật pháp kỳ diệu, và học biết, “kính sợ Đức Giê-hô-va, ấy là khởi đầu sự khôn ngoan; Sự nhìn biết Đấng Thánh, đó là sự thông sáng” (Châm ngôn 9:10). Thông qua việc nhận lãnh luật pháp, Đức Chúa Trời đã biệt riêng Israel ra làm dân được chọn của Ngài. Và nếu Israel vâng theo luật pháp, họ sẽ vui hưởng sự chúc phước từ Ngài. Cơ đốc nhân ngày hôm nay là công dân của thành phố thiên đàng (Ê-xê-ki-ên 12:18-24), chúng ta phải tôn trọng ý chỉ thánh của Chúa và tìm kiếm sự vinh hiển nơi Ngài. “Anh em hãy giữ, chớ từ chối Đấng phán cùng mình; vì nếu những kẻ kia cự Đấng truyền lời báo cáo ở dưới đất, còn không tránh khỏi thay, huống chi chúng ta, nếu cự Đấng truyền lời báo cáo từ trên trời, thì càng không tránh khỏi được. ... vì Đức Chúa Trời chúng ta là đám lửa hay thiêu đốt” (Ê-xê-ki-ên 12:25, 29)

DIỆN MẠO RẠNG RỠ (Xuất. 34:29-35; 2 Cô-rin-tô 3)

Môi-se nhìn thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời tại bụi gai cháy, trong trụ mây trụ lửa, và trên ngọn núi thánh rực lửa khói, nhưng ông không thể nhìn thấy sự vinh hiển chói sáng trên chính khuôn mặt của ông.

Khi giao tiếp với Chúa, Môi-se đã được trộn lẫn với một số vinh quang thiên thượng, và chúng tỏa ra từ khuôn mặt của ông, nhưng sau một thời gian chúng biến mất. Phao-lô giải thích điều này cho chúng ta trong 2 Cô-rin-tô 3:13-18, “chúng ta chẳng làm như Môi-se lấy màn che mặt mình, hầu cho con cái Y-sơ-ra-ên không trông thấy cuối cùng của sự sáng láng phải qua. Nhưng lòng họ đã cứng cỏi; vì đến ngày nay, khi họ đọc Cựu ước, cái màn ấy vẫn còn chưa cất khỏi, bởi chưng ấy là trong Đấng Christ mà màn đó biến đi. Ấy vậy, cho đến ngày nay, mỗi lần người ta đọc sách Môi-se cho họ, cái màn ấy vẫn còn ở trên lòng họ. Khi họ sẽ trở lại cùng Chúa, thì màn ấy mới cất khỏi. Và, Chúa tức là Thánh Linh, Thánh Linh của Chúa ở đâu, thì sự tự do cũng ở đó. *Chúng ta ai nấy đều để mặt trần mà nhìn xem vinh hiển Chúa như trong gương, thì hóa nên cũng một ảnh tượng Ngài, từ vinh hiển qua vinh hiển, như bởi Chúa, là Thánh Linh.*” Không phải vì dân sợ hãi mà vì vinh hiển nơi khuôn mặt Môi-se đang mờ dần. Có ai muốn đi theo một người lãnh đạo mà vinh hiển của người đó đang phai mờ dần? Phao-lô nhìn thấy đây là một sự tương phản giữa chức vụ của luật pháp và chức vụ của ân điển. Trong thời của Phao-lô vinh hiển của luật pháp đang phai mờ dần, và chẳng bao lâu sau chính đền thờ sẽ bị phá hủy. Nhưng vinh hiển của ân điển từ Chúa Giê-su Christ đang gia tăng. Thông điệp dành cho chúng ta không phải là “Vâng theo Môi-se” nhưng là, “Tin theo Chúa Giê-su Christ, và người sẽ được cứu!”

Phao-lô không giải thích thêm nữa để đưa ra một áp dụng cá nhân (2 Cô-rin-tô 3:18). Môi-se đã dành thời gian ở với Chúa, và rồi ông đi ra phản chiếu vinh quang của Chúa trên khuôn mặt ông. Khi chúng ta dành thời gian ở với Chúa trong Lời Ngài, Đức Thánh Linh sẽ làm lộ ra vinh hiển của Chúa Giê-su trong chúng ta, bởi vì Ngài là giáo sư dạy chúng ta hiểu biết Lời và bày tỏ Chúa Giê-su cho chúng ta. Chúng ta đọc lại câu 18 ở trên: *Chúng ta ai nấy đều để mặt trần mà nhìn xem vinh hiển Chúa như trong gương, thì hóa nên cũng một ảnh tượng Ngài, từ vinh hiển qua vinh hiển, như bởi Chúa, là Thánh Linh.* Môi-se phải leo lên hòn núi thánh, dành thời gian ở với Đức Chúa Trời, còn chúng ta có thể đến với Chúa bất cứ lúc nào vào bất cứ thời gian nào và kinh nghiệm sự hiệp thông vinh hiển đó. Thì giờ của chúng ta dành ra để suy ngẫm Lời Chúa dẫn đến kết quả là một tấm lòng bùng cháy (Lu-ca 24:32), một khuôn mặt rạng rỡ, và vươn tới sự trưởng thành để trở nên giống như Chúa Giê-su Christ càng hơn.

Một trong những mục đích mà Chúa cứu con người là để chúng ta được biến đổi trở nên giống như hình bóng Con Ngài (Rô-ma 8:29). Vâng, “Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì sẽ thấy Ngài như vốn có thật vậy” (1 Giăng 3:2), nhưng chúng ta không nên đợi đến lúc đó. Chúng ta phải “lo biệt giờ nên thánh ra” và cho phép Đức Thánh Linh biến đổi chúng ta trở nên giống như Chúa Giê-su ngay hôm nay. Từ được dịch là “hóa nên [biến đổi]” mà Phao-lô dùng trong 2 Cô-rin-tô 3:18 có ý nghĩa tương tự với từ “biến hóa” được dùng trong Ma-thi-ơ 17:2. Nó có nghĩa là một sự biến đổi được thể hiện bên ngoài nhưng xuất phát từ bên trong. Từ này cũng được dùng trong Rô-ma 12:2, “Đừng làm theo đời này, nhưng hãy biến hóa bởi sự đổi mới của tâm thần mình, để thử cho biết ý muốn tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thể nào.” Chúng ta có thể kinh nghiệm sự biến đổi này từng ngày thông qua việc suy ngẫm và áp dụng Lời Chúa.

“Sự hóa hình” đem chúng ta đến kinh nghiệm thứ năm của Môi-se về sự vinh hiển Đức Chúa Trời.

TRÊN NÚI THÁNH (Ma-thi-ơ 17:1-8; 2 Phi-e-rơ 1:16-18)

Có bao giờ bạn nghĩ rằng chức vụ của Môi-se đã kết thúc trong nỗi buồn? Môi-se đã dạy cho thế hệ tiếp theo về luật pháp trong sách Phục truyền luật lệ ký, và truyền bảo họ chinh phục miền đất hứa, vui hưởng các phước lành. Ông cảnh báo họ những điều tệ hại sẽ xảy ra nếu họ không vâng lời Chúa (Phục. 32), và rồi ông chúc phước cho họ (Phục. 33). Tuyền dân theo dõi ông rồi lều trại, trèo lên núi Nebo và họ không còn thấy lại ông nữa. Không có bữa tiệc chia tay, không quà tặng, thậm chí không một cáo phó dài liệt kê các thành tích của Môi-se. Ông chết trên núi và Đức Chúa Trời chôn ông trong một ngôi mộ bí mật mà không ai có thể tìm ra. Cái chết của Môi-se hoàn toàn không giống với cái chết của “những người lãnh đạo vĩ đại” khác. Không có truyền hình trực tiếp, không có lăng mộ hoành tráng! Ông đi vào cõi đời đời một cách im lặng!

Nếu có ai xứng đáng với một lễ tang hoành tráng, người đó phải là Môi-se. Ông đã hy sinh phục vụ tuyền dân trong suốt bốn mươi năm. Ông đã chịu đựng sự căm rằn, phản nghịch của tuyền dân và cầu thay cho tội lỗi của họ. Chưa hết, ông là người nhận lãnh luật pháp của Đức Giê-hô-va và truyền dạy lại cho tuyền dân. Và còn biết bao nhiêu mục vụ mà ông đã làm vì Chúa và Israel. Trong hai trường hợp, Đức Chúa Trời đề nghị hủy diệt tuyền dân và hình thành một dân tộc khác xuất phát từ Môi-se, nhưng ông nói ‘không’ với Chúa chuyện này (Xuất. 32:9-10; Dân số ký 14:10-12). Môi-se còn thỉnh cầu được chết để cho tuyền dân được sống (Xuất. 32:30-32; Thi. 106:23). Nhưng cuối đời Môi-se không được vào đất hứa vì tội lỗi của ông. Tất cả những gì ông có thể làm là nhìn thấy miền đất hứa từ xa trên ngọn núi Nebo (Dân số ký 20:1-12).

Nhưng cuối cùng Môi-se cũng đã đến được miền đất hứa! Ông và Ê-li đến từ thiên đàng ở trên ngọn núi hóa hình (có thể là núi Hermon) và hai người hầu chuyện với Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 17:1-8). Môi-se đã nhìn thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời trong nhiều phương diện khác nhau, và bây giờ ông nhìn thấy sự khải thị lớn nhất của “vinh hiển Đức Chúa Trời soi sáng nơi mặt Đức Chúa Giê-su Christ” (2 Cô-rin-tô 4:6). Tất cả vinh quang khác phai mờ dần khi so sánh với vinh hiển của Chúa Giê-su.

Sự trở lại của Môi-se trên núi hóa hình đem đến sự khích lệ cho bất cứ ai đã từng đi qua những thất vọng trong cuộc sống. Giống như Môi-se bạn có thể gặp những tình huống tương tự trong mục vụ, bạn đã hết sức cố gắng nhưng tình hình chung quanh là không như mong đợi và dường như bạn thất bại vào cuối cuộc đua. Có thể bạn cũng sẽ không được công nhận, hay nhận các chiếc cúp (trophy) cho công khó của mình. Đừng lo lắng! Khi bạn gặp Chúa Giê-su mặt đối mặt, một quyển sách sẽ được mở ra tường trình lại tất cả những gì bạn làm. Sẽ không có lời khen ngợi nào tốt hơn lời khen ngợi của Chúa Giê-su dành cho bạn vào lúc đó.

Những điều nói trên có nghĩa là hôm nay chúng ta phải tìm kiếm và cầu xin: “*cho tôi xem sự vinh hiển của Ngài!*” Khi mục vụ dường như quá khó khăn hãy nhớ đến các bài học từ chức vụ của Môi-se. Giống như Môi-se và Ê-tiên (Công vụ. 6:15) phản chiếu vinh hiển của Chúa Giê-su nơi khuôn mặt mình, cầu xin Đức Chúa Trời thương xót hầu cho chúng ta không rơi vào tình trạng đau thương đánh mất sự vinh hiển như trong 1 Sa-mu-ên 4:21-22, “Nàng đặt tên cho đứa trẻ là Y-ca-bốt [nghĩa là thiếu sự vinh hiển], vì nàng nói rằng: Sự vinh hiển đã lia khỏi Y-sơ-ra-ên; nàng nói ngụ ý về sự mất hòm của Đức Chúa Trời, về sự chết của ông gia và chồng mình. Nàng lại tiếp: Thật, sự vinh hiển của Y-sơ-ra-ên đã mất rồi, vì hòm của Đức Chúa Trời đã bị cướp lấy.”

Khi suy nghĩ về Môi-se và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, chúng ta cần ghi nhớ rằng Môi-se đã sống tại Ai-cập, một đế quốc dẫn đầu thế giới thời đó cho đến khi bốn mươi tuổi. Ông học được sự khôn ngoan (Công vụ. 7:22) và hưởng thụ những tiện nghi vật chất ở đó, nhưng vì có Chúa ông bằng lòng từ bỏ những lợi thế của mình để đồng chịu số phận của một người Israel khi mà dân tộc của ông dường như không có tương lai tại Ai-cập. Động cơ nào đã khiến Môi-se từ bỏ những vinh quang tạm thời tại Ai-cập để tìm kiếm sự vinh hiển duy nhất của Đức Chúa Trời?

Chúng ta sẽ không quên người mẹ đã nuôi dưỡng Môi-se tên là Jochebed. Tên của bà có nghĩa “Giê-hô-va là sự vinh hiển.” Có ai phủ nhận ảnh hưởng của người mẹ này lên Môi-se? Sự vinh hiển của con người hay của một quốc gia rồi sẽ phai tàn như hoa cỏ ngoài đồng, nhưng sự vinh hiển của Đức Chúa Trời là trường tồn, mãi mãi, bất diệt. Đó là sự vinh hiển mà chúng ta phải tìm kiếm.

Bài 18

Trong trại quân họ ganh ghét Môi-se và A-rôn, là người thánh của Đức Giê-hô-va.
Thi thiên 106:16

A-rôn được ghi nhớ là một người anh em của Môi-se, giống như Anh-rê được nhớ là anh em với Si-môn Phi-e-rơ. Trong các sách Ngũ kinh, Đức Chúa Trời phán, “A-rôn người anh em của Môi-se” mười một lần. A-rôn lớn hơn Môi-se ba tuổi, vì vậy đáng lẽ phải là người nổi bật hơn so với

Mô-i-se, nhưng cũng như Gia-cốp và Ê-sau, Thiên Chúa đã ra chỉ ra rằng người lớn tuổi phải ở dưới uy quyền người trẻ hơn. Chúng ta không biết làm thế nào A-rôn chấp nhận với sự sắp xếp này. Trong hầu hết các trường hợp, A-rôn dường như chấp nhận điều đó là ý muốn của Đức Chúa Trời.

Nhưng có một vài lần A-rôn phải đối diện với vấn đề sử dụng uy quyền. Bởi vì thực hành điều này trong đời sống và chức vụ rất quan trọng. Chúng ta sẽ học bài này từ chức vụ của A-rôn.

SỬ DỤNG UY QUYỀN

A-rôn vẫn ở lại A-cập trong suốt thời gian bốn mươi năm Mô-i-se chăn bầy gia súc cho người cha vợ tại Midian.

Sau đó ông tham gia cùng với Mô-i-se trong sự lãnh đạo tuyển dân, và với sự trợ giúp của Đức Chúa Trời họ trở thành người giải cứu tuyển dân ra khỏi A-cập. Mô-i-se nhận một mục vụ khó khăn ở phía trước và cần một người trợ giúp. “Hai người hơn một.” (Truyền đạo 4:9). Điều này giải thích tại sao Đức Chúa Giê-su sai các môn đồ đi từng đôi thực hành rao giảng Phúc âm (Mác 6:7). Khi hai anh em đi cùng nhau, A-rôn có thể giúp cho cho Mô-i-se là em trai của mình cập nhật về tình hình tuyển dân và các sự kiện tại Ai-cập.

Một số sinh viên trường Kinh thánh cho rằng A-rôn đã làm cho chức vụ của Mô-i-se gặp rắc rối nhiều hơn là trợ giúp. Nhưng chúng ta phải cẩn thận để đánh giá vấn đề này thật khách quan. Đức Chúa Trời đã kêu gọi A-rôn giống như Ngài kêu gọi Mô-i-se, và dĩ nhiên họ có uy quyền thần thượng từ sự kêu gọi này. Có một sự thực là trước khi Đức Chúa Trời kêu gọi Mô-i-se, Ngài đã nhắc nhở A-rôn phải rời Ai-cập và đến gặp người em của mình trong đồng vắng (Xuất. 4:14, 27). Đức Chúa Trời không sai phái Mô-i-se độc hành tới Ai-cập. Ngài sai phái “Mô-i-se và A-rôn đi cùng nhau” (Giô-suê 24:5; Thi. 77:20; 105:26; Mi-chê 6:4). Mô-i-se là người lãnh đạo chính, ông và A-rôn chia sẻ uy quyền thần thượng để dẫn dắt tuyển dân Israel.

A-rôn cũng được ủy quyền để nói thay cho Đức Chúa Trời. Mô-i-se đã thưa với Chúa rằng ông không phải là một người có tài ăn nói, và Chúa đã dự bị A-rôn trở thành người phát ngôn của Mô-i-se (Xuất. 4:16; 6:12; 7:1). A-rôn và Mô-i-se nói chuyện với các trưởng lão Israel (Xuất. 4:29), và rồi họ cùng nói chuyện nhiều lần với Pha-ra-ôn. Bên cạnh Mô-i-se, A-rôn cũng bày tỏ các quyền năng dấu lạ để chứng minh rằng cả hai người đều là sứ giả của Đức Giê-hô-va. Cuối cùng Mô-i-se khám phá rằng ông có thể công bố sứ điệp của Chúa một cách thông suốt, vì vậy A-rôn đã đứng sang một bên. A-rôn có lẽ không cảm thấy bị xúc phạm hay bị “giáng chức” khi điều này xảy ra. Với tư cách là thầy tế lễ hàng đầu của tuyển dân, ông vẫn là người quan trọng trong hội chúng Israel.

A-rôn cũng có uy quyền chung với Mô-i-se để can thiệp cho dân sự. Khi tuyển dân hỏi xin lương thực, A-rôn và Mô-i-se đã đến trước mặt Chúa cầu xin sự trợ giúp (Xuất. 16). Trong khi Giô-suê chiến đấu chống lại kẻ thù A-ma-léc, A-rôn và U-rơ đã nâng đỡ cánh tay cầu nguyện của Mô-i-se để bảo đảm cho sự chiến thắng của Giô-suê (Xuất. 17:8-16). Mô-i-se và A-rôn cùng phối hợp với nhau cầu thay và làm lễ chuộc tội cho tuyển dân, để tránh sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va (Dân số ký 16:41-50). A-rôn đã “đứng giữa kẻ chết và kẻ sống”. Điều này đòi hỏi đức tin và sự can đảm. Trong Dân số ký chương 14, trước khi Giô-suê và Ca-lép chinh phục miền đất hứa, tuyển dân dấy loạn cùng Mô-i-se và A-rôn. Trước những lời cảm ràm vô tín từ phía tuyển dân, Mô-i-se cầu xin Đức Chúa Trời bày tỏ sự thương xót (Dân số ký 14:1-19).

Khi ở bên cạnh Môi-se, A-rôn thực hành uy quyền theo một cách khôn ngoan, nhưng khi không có Môi-se ở bên, ông đã phạm sai lầm nghiêm trọng. Bi kịch đúc tượng và thờ lạy bò con vàng (Xuất. 32) là hành động thiếu hiểu biết của A-rôn.

SỰ LẠM QUYỀN

Đức Chúa Trời bày tỏ quyền năng và sự vinh hiển vĩ đại của Ngài trên núi Sinai, và Ngài truyền bảo Môi-se phải lên núi, trong khi dân sự phải ở dưới núi giữ một khoảng cách nhất định với Môi-se (Xuất. 19:16-19; 20:21). Đức Chúa Trời ban cho Môi-se quyền sách của giao ước (Xuất. 20-23) và truyền lệnh ông phải đến với Ngài trên núi. Ông phải đi cùng với A-rôn, hai con trai của A-rôn và bảy mươi trưởng lão Israel (Xuất 24:1). Ở đó họ có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời và ngay cả ăn và uống trong hiện diện của Ngài (Xuất. 24:9-11). Môi-se và Giô-suê đi lên cao hơn để tương giao với Đức Chúa Trời trong khi những người khác trở về trại của mình. Môi-se truyền bảo A-rôn và U-rơ phải giải quyết các sự việc của Israel (Xuất. 24:13-14) trong khi ông vắng mặt.

Những người không ở dưới uy quyền thuộc linh không nên thực thi uy quyền, bởi vì hành động độc lập là bước đầu tiên để lạm dụng uy quyền của mình trên người khác và phạm tội chống lại Đức Chúa Trời. Đó là cách các nhà cai trị độc tài bắt đầu sự nghiệp của họ. A-rôn đã ở dưới uy quyền của Môi-se, và cả hai người này đều ở dưới uy quyền của Đức Chúa Trời. Vì vậy sự vắng mặt của Môi-se sẽ không tạo nên sự khác biệt cho thái độ và hành vi của A-rôn. Đức Chúa Trời đang quan sát dân sự khi Môi-se vắng mặt. Đây là cơ hội để A-rôn dâng vinh hiển lên cho Đức Chúa Trời như Môi-se đã thường xuyên làm điều đó.

Môi-se đã ở với Đức Chúa Trời trên núi bốn mươi ngày đêm (Xuất. 24:18). Ông nhận lãnh các hướng dẫn của Đức Chúa Trời về việc xây dựng đền tạm và thiết lập thể chế tế lễ thánh. Bởi vì A-rôn là thầy tế lễ hàng đầu, nên những gì Môi-se nhận lãnh từ Chúa được Môi-se trực tiếp truyền đạt và áp dụng cho A-rôn. Vì vậy khi A-rôn phạm tội, ông đã làm tổn thương chính mình và các con trai cùng làm việc với ông. A-rôn đã chế tác ra một bò con vàng và cho phép dân sự thờ phượng nó khi Môi-se vắng mặt.

Có ba lần trong Kinh văn cho chúng ta biết tuyên dân Israel đã “phạm tội nặng/ phạm một tội rất trọng” (Xuất. 32:21, 30, 31). Tại sao gọi là phạm tội trọng? Bởi vì dân sự đã làm điều đó tại ngọn núi của Đức Giê-hô-va, là nơi mà họ đã mục kích quyền năng và vinh quang của Ngài, và nơi đó họ đã ba lần hứa nguyện vâng phục Chúa (Xuất. 19:8; 24:3, 7). Những gì họ đã nghe trong luật pháp rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật. Khi làm hình tượng, thờ lạy nó, rồi dâm dục, chè chén say sưa thì tuyên dân đã phá vỡ bốn điều trong mười điều răn. Thực ra chỉ cần vi phạm một điều răn là xem như đã vi phạm toàn bộ luật pháp.

Đức Chúa Trời đã phán với A-rôn, “Ta biết ngươi có tài ăn nói” (Xuất. 4:14), và rồi những gì A-rôn nói với Môi-se để bào chữa cho mình bày tỏ rằng ông là một người trình bày câu chuyện trôi chảy. A-rôn đáp cùng Môi-se, “Xin chúa tôi đừng nổi giận, chúa biết rằng dân này chuyên làm điều ác! Họ có nói cùng tôi rằng: Hãy làm các thần đi trước chúng tôi; vì về phần Môi-se này, là người đã dẫn chúng tôi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, chúng tôi chẳng biết có điều chi xây đến cho người rồi. Tôi bèn nói cùng chúng rằng: Ai có vàng hãy lột ra! Họ bèn đưa cho tôi, tôi bỏ vào lửa, và bởi đó thành ra bò con này” (Xuất. 32:22-24). Đầu tiên ông qui lỗi cho tuyên dân chuyên làm điều ác, rồi sau đó ông nêu ra lý do Môi-se đã ở trên núi quá lâu. Những yếu tố này dẫn ông đến việc đúc bò con vàng cho dân sự thờ lạy. Tuyên dân góp phần trong bi kịch này, nhưng Đức Chúa Trời kết án A-rôn đã đúc bò con vàng (Xuất. 32:35). Thầy giảng Tin Lành Billy Sunday

vào thế kỷ hai mươi đã nói rằng một lý có là vỏ ngoài của một sự biến hộ được nhồi nhét bằng một lời nói dối. Ông đã nói đúng. Môi-se phải trở lại với Đức Chúa Trời trên núi để cầu thay cho dân sự, và đặc biệt là cho A-rôn là người mà Chúa muốn tiêu diệt (Phục. 9:20). Nhưng tội lỗi của tuyên dân phải bị xử lý. Kinh văn ghi lại: “Và, Môi-se thấy dân sự buông lung, vì A-rôn để họ buông lung, đến nỗi bị sỉ nhục trong vòng các thù nghịch, thì người đứng nơi cửa trại quân mà nói rằng: Ai thuộc về Đức Giê-hô-va, hãy đến cùng ta đây! Hết thấy người Lê-vi đều nhóm lại gần bên người. Người truyền cho họ rằng: Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, có phán như vậy: Mỗi người trong các ngươi hãy đeo gươm bên mình, đi qua đi lại trong trại quân, từ cửa này đến cửa kia, và mỗi người hãy giết anh em, bạn hữu, và kẻ lân cận mình. Dân Lê-vi bèn làm y như lời Môi-se; trong ngày đó có chừng ba ngàn người bị chết. Và, Môi-se đã truyền rằng: Ngày nay mỗi người trong vòng các ngươi hãy dâng tay mình cho Đức Giê-hô-va, chẳng sợ chi đến con trai hay là anh em mình, hầu cho các ngươi được ơn phước vậy” (Xuất. 32:25-29). Đức Giê-hô-va thi hành kỷ luật trên dân sự, vì họ phạm tội về tượng bò vàng mà A-rôn đã làm ra (Xuất. 32:35).

Không có gì làm xói mòn và phá hủy uy quyền bằng cách cho phép dân sự đi theo ý riêng họ muốn thay vì làm theo những gì họ cần. Khi một chức vụ thuộc linh trở nên xu hướng theo thị trường và văn hóa số đông theo phương châm: “Hãy tặng cho khách hàng những gì họ muốn,” lúc đó chức vụ trở nên bị thương mại hóa, và bất luận có bao nhiêu khách hàng bước vào cánh cửa của “doanh nghiệp,” sự vinh hiển của Đức Chúa Trời sẽ lìa khỏi.

THỬ NGHIỆM UY QUYỀN

Theo thời gian, các nhà lãnh đạo phải được kiểm tra để nhắc nhở họ về uy quyền của họ có giá trị và được bảo vệ như thế nào, và A-rôn đã tham gia vào ba thử nghiệm như vậy. Bài trắc nghiệm đầu tiên tại núi Sinai, khi Môi-se trao uy quyền lại cho A-rôn để đi lên núi. A-rôn đã phạm một lỗi lầm là đúc bò con vàng và dẫn dân sự vào sự thờ phượng hình tượng. Bài trắc nghiệm thứ hai đó là A-rôn và Mi-ri-am đã chỉ trích Môi-se khi ông cưới một người vợ mới (Dân số ký 12). Thử nghiệm thứ ba là khi Cô-rê, Đa-than, A-bi-ram và 250 trưởng lão của dân sự đồng chống lại Môi-se cùng A-rôn, thách thức uy quyền của hai người này. Cô-rê là một người Lê-vi muốn có đặc ân của chức vụ tế lễ trong khi những người khác muốn có uy quyền giống như Môi-se. Những người đầy loạn này tuyên bố rằng “cả hội chúng đều là thánh” (Dân. 16:3), vì vậy họ cũng muốn có cùng một đẳng cấp giống như Môi-se. Họ quên rằng Đức Chúa Trời đã bổ nhiệm người lãnh đạo, và trông đợi tuyên dân phải đi theo người lãnh đạo này giống như là đi theo Ngài.

Môi-se đã cố gắng giải thích với họ, nhưng chỉ lãng phí thời gian. Ông thậm chí còn đề nghị tiến hành một thí nghiệm để xem Chúa có chấp nhận 250 người tham dự vào thể chế tế lễ hay không. Và khi Đức Chúa Trời tuôn đổ phán xét của Ngài trên dân sự, thì Môi-se và A-rôn sấp mặt xuống đất cầu xin sự thương xót của Chúa (Dân. 16:22), nhưng đã quá trễ. Những người đầy loạn đã bị Chúa xử lý. “Môi-se bèn nói rằng: Nhờ điều này các ngươi sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va có sai ta đặt làm các điều này, và ta chẳng làm sự chi tự ta. Nếu các kẻ đó chết như mọi người khác chết, nếu họ đồng chịu số phận chung như mọi người, thì Đức Giê-hô-va không có sai ta. Nhưng nếu Đức Giê-hô-va làm một sự thật mới, nếu đất há miệng ra nuốt họ và mọi món chi thuộc về họ, nếu họ còn đương sống mà xuống âm phủ, thì các ngươi sẽ biết rằng những người này có khinh bỉ Đức Giê-hô-va.

Vừa khi Môi-se nói dứt các lời này, đất ngay dưới chân họ bèn nứt ra, há miệng nuốt họ, gia

quyền và hết thảy phe Cô-rê cùng tài sản của chúng nó. Các người đó còn đương sống và mọi vật chi thuộc về họ đều xuống âm phủ; đất lấp lại và chúng nó bị diệt khỏi hội chúng. Cả Y-sơ-ra-ên ở xung quanh nghe tiếng họ la, đều chạy trốn, vì nói rằng: Chúng ta hãy coi chừng, kéo đất nuốt chúng ta chẳng! Rồi một ngọn lửa từ Đức Giê-hô-va lòe ra thiêu hóa hai trăm năm mươi người (những kẻ dấy loạn) đã dâng hương” (Dân. 16:28-35). Qua biến cố này, Đức Chúa Trời xác nhận Môi-se và A-rôn là những người lãnh đạo mà Ngài đã chọn.

Tuy nhiên một số dân sự không tiếp nhận sứ điệp này, và chỉ hôm sau họ lại dấy loạn cùng Môi-se và A-rôn lần nữa. Một lần nữa, họ bị Đức Chúa Trời trừng phạt. “Sự thanh nộ của Đức Giê-hô-va đã nổi lên, và tai vạ đã phát khởi” (Dân. 16:46). Có mười bốn ngàn bảy trăm người chết vì tai vạ này sau vụ Cô-rê và bè đảng dấy loạn. Sẽ có nhiều người chết hơn, nếu như A-rôn không lấy lư hương của mình và can đảm “đứng giữa kẻ chết và kẻ sống” để tai vạ ngừng lại (Dân. 16:41-50). Môi-se theo chỉ thị của Đức Chúa Trời kiên nhẫn đưa ra cho tuyển dân một bài trắc nghiệm khác trong Dân số ký chương 17. “Kể đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên và biểu rằng: Mỗi chi phái của họ phải đem nộp cho người một cây gậy; nghĩa là mười hai cây gậy bởi các quan trưởng của mỗi chi phái. Người phải đề tên mỗi người trên cây gậy của mình, và đề tên A-rôn trên cây gậy của Lê-vi; vì phải có một cây gậy cho mỗi trưởng tộc. Người phải để các gậy đó trong hội mạc, trước hòm báng chứng, là nơi ta gặp người. Hễ người nào ta chọn lấy, thì cây gậy người đó sẽ trở hoa; vậy ta sẽ làm cho nín đi trước mặt ta những lời lảm bầm của dân Y-sơ-ra-ên đã phát ra đối nghịch cùng các người” (câu 1-5). Kết quả của câu chuyện này là cây gậy của A-rôn trở hoa: nó có nứt nứt, sanh hoa và trái hạnh nhân chín. Điều này bày tỏ rõ ràng sự lựa chọn của Đức Chúa Trời dành cho A-rôn. Còn những người khác không thể chiếm lấy chức vụ đó. Chúng ta thấy rằng hầu hết người Israel không bao giờ hiểu được cái giá mà Môi-se và A-rôn phải trả để trở nên người lãnh đạo của họ. Cả hai người này phải chịu đựng sự bất tuân, cảm râm và phản loạn từ phía tuyển dân. Nếu các người lãnh đạo có nguy cơ trở nên tự hào, thì có đủ những rắc rối phiền phức bao quanh để làm cho họ trở nên khiêm nhường.

Hãy nhớ rằng thách thức uy quyền của các nhà lãnh đạo tin kính đang phục vụ Chúa cách trung tín là một vấn đề nghiêm trọng trong mọi thời đại.

Bài 19

MI-RI-AM

Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy giữ miệng tôi.
Và canh cửa môi tôi.
Thi thiên 141:3

Mi-ri-am, A-rôn và Môi-se là những anh chị em trong gia đình có cha mẹ tin kính. Song thân của họ đặt đức tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cóp (Ê-bơ-rơ 11:23). Amram và Jochebed kính sợ Đức Chúa Trời hơn là sợ quyền lực của Pha-ra-ôn, và họ huấn luyện con cái họ đi theo đường lối này (Ê-bơ-rơ 11:23).

Ba lần trong Kinh thánh cho biết Mi-ri-am – là một người quyết đoán, biết sử dụng từ ngữ một cách hiệu quả. Ngay cả khi còn ấu thơ, Mi-ri-am đã không ngần ngại tiếp cận con gái của Pha-ra-ôn và đề nghị giới thiệu một vú nuôi cho bé trai đang khóc trong một cái rương mây. Xuất Ê-díp-tô ký 15:20 gọi Mi-ri-am là một nữ tiên tri, một danh xưng cùng với chín người phụ nữ khác trong Kinh Thánh: Deborah (Các quan xét 4:4), Huldah (2 Các vua 22:14), Noadiah (Nê-hê-mi 6:14), vợ của Ê-sai (Ê-sai 8:3), Anna (Lu-ca 2:36), bốn cô con gái của thầy giảng tin lành Phi-líp (Công vụ. 21:9). Chức danh nói tiên tri ban cho Mi-ri-am đặc ân là người công bố lời Đức Chúa Trời cách chính thức.

Tuy nhiên những người có khả năng ăn nói tốt và uy quyền để làm điều đó phải luôn luôn cảnh giác. Châm ngôn 18:21 cảnh báo, “Sống chết ở nơi quyền của lưỡi.” và Gia-cơ 3:8 mô tả, “cái lưỡi, không ai trị phục được nó; ấy là một vật dữ người ta không thể hãm dẹp được: đầy đầy những chất độc giết chết.” Nói một cách khác, lời nói của con người có thể là “thực phẩm và thuốc” giúp chữa lành những tâm lòng tan vỡ (Châm. 10:11, 21; 12:18; 15:4, 23). Chúng ta có thể học biết từ Mi-ri-am phải thận trọng và cảnh giác với lời nói của mình nhờ vào ân sủng Chúa.

NHỮNG LỜI KHÔN NGOAN (Xuất. 2:1-10)

Những người chị gái thường có một mối liên kết đặc biệt với những đứa em trai nhỏ hơn. Mi-ri-am là chị của Môi-se, và gia đình đều biết rằng Môi-se là một đứa trẻ xinh tốt khác thường (Công vụ. 7:20; Hê-bơ-rơ 11:23).

Khi Jochebed đặt Môi-se trong một cái rương mây rồi đem để trong đám lau sậy nơi mé sông – một nơi đã được suy tính trước, cô phải bà và Mi-ri-am đã cầu nguyện xin Đức Chúa Trời của Israel cứu giúp đứa trẻ? Tôi cho rằng hai mẹ con đã cầu nguyện cho Môi-se và theo dõi chuyện gì sẽ xảy ra. Hãy hình dung công chúa của Pha-ra-ôn đi tắm nơi khúc sông đặc biệt đó đúng lúc Môi-se cất tiếng lên khóc. “Lòng các vua ở trong tay Đức Giê-hô-va” (Châm. 21:1) và tấm lòng của cô công chúa này cũng vậy. Cô không thể cưỡng lại sự thương xót dành cho đứa trẻ – và chúng ta đều biết câu chuyện đã diễn ra như thế nào. “Công chúa mở rương ra, thấy đứa trẻ, là một đứa con trai nhỏ đương khóc, bèn động lòng thương xót mà rằng: Ấy là một đứa con của người Hê-bơ-rơ. Người chị đứa trẻ bèn nói cùng công chúa rằng: Tôi phải đi kêu một người vú trong bọn đàn bà Hê-bơ-rơ dâng cho đứa trẻ bú chớ? Công chúa đáp rằng: Hãy đi đi. Người gái trẻ đó đi kêu mẹ của đứa trẻ. Công chúa nói rằng: Hãy đem đứa trẻ này về nuôi bú cho ta; ta sẽ trả tiền công cho. Người đàn bà ẵm đứa trẻ mà cho bú. Khi lớn khôn rồi, người bèn dẫn nó vào cho công chúa, nâng nhận làm con, và đặt tên là Môi-se.” (Xuất 2:6-10).

Chúng ta thấy sự khôn khéo của Mi-ri-am. Cô thiếu nữ này không bày tỏ cô chính là chị của đứa trẻ. Rồi Mi-ri-am đưa ra lời đề nghị với công chúa là sẽ đi gọi một người vú nuôi cho em bé bú. Người vú đó thực ra là Jochebed – mẹ của Môi-se. Sự sắp đặt của hai mẹ con đã thành công mỹ mãn trong sự kiểm soát của Đấng toàn tri. Đức Chúa Trời đã sử dụng hai người phụ nữ, một bé gái nhỏ, và một bé trai đang khóc trong câu chuyện này là bước đệm đầu tiên để đánh bại đạo quân hùng mạnh của Ai-cập và giải phóng tuyến dân sau đó. Phao-lô viết, “Đức Chúa Trời đã chọn những sự đại ở thế gian để làm hổ thẹn những kẻ khôn; Đức Chúa Trời đã chọn những sự yếu ở thế gian để làm hổ thẹn những sự mạnh.” (1 Cô-rin-tô 1:27).

Làm thế nào mà một bé gái như Mi-ri-am biết cách nói chuyện với công chúa Pha-ra-ôn? Có phải Jochebed đã huấn luyện cô con gái nhỏ của mình hay Đức Chúa Trời đã đặt những lời khôn ngoan vào miệng của Mi-ri-am? “Việc toan liệu của lòng thuộc về loài người. Còn sự đáp lời của

lưỡi do Đức Giê-hô-va mà đến.” (Châm. 16:1). Những lời nói của Mi-ri-am được Đức Chúa Trời sử dụng để bảo tồn sự sống của một em bé trai, mà từ nó sẽ đem tới sự giải phóng cho tuyền dân và khai sinh một quốc gia. Trong chức vụ mục sư của mình, không phải lúc nào tôi cũng biết cách nói chuyện với mọi người, nhưng chính Chúa đã ban cho tôi những lời khôn ngoan khi tôi cần chúng. Nếu tâm lòng của chúng ta được chuẩn bị, chúng ta cũng sẵn sàng lắng nghe những gì Đức Chúa Trời muốn nói.

Tâm lòng của chúng ta được chuẩn bị như thế nào? Đó là thông qua việc đọc Lời Chúa, ghi nhớ Lời, suy ngẫm Lời, vâng phục theo Lời và áp dụng Lời ấy mỗi ngày. Nếu cầu nguyện, bước đi trong Đức Thánh Linh, đầu phục Chúa bởi đức tin, khi ấy Chúa có thể làm việc bên trong tâm lòng và môi miệng của chúng ta để dâng vinh hiển về cho Ngài.

NHỮNG LỜI NGỢI KHEN (Xuất. 15:1-21)

Mi-ri-am xuất hiện lần đầu tiên trong Kinh Thánh khi là cô bé gái đứng trên bờ sông Nile của Ai-cập, là nơi mà bé trai Mô-i-se được công chúa Pha-ra-ôn cứu ra khỏi nước. Lần thứ hai Kinh Thánh nói đến Mi-ri-am, bà đứng trên bờ Biển đỏ khi Mô-i-se và tuyền dân vượt qua Biển thoát khỏi sự truy sát của đạo quân Ai-cập. Kể từ đêm tuyệt vời đó, tuyền dân tổ chức kỷ niệm lễ vượt qua hàng năm và ghi nhớ sự kiện ra khỏi Ai-cập nhờ ân sủng Chúa. Hãy hình dung cảnh tượng người Israel vượt qua biển như đi trên đất khô. Chúa Giê-su cũng đã dự lễ vượt qua với các môn đồ trước khi Ngài lên thập tự giá. Tại đó, Chúa cứu thế truyền dạy một bức tranh thuộc linh “ra khỏi Ai-cập” cho những ai tin cậy Ngài. (Xem Lu-ca 9:31)

Trở lại câu chuyện sau khi vượt biển đỏ, tuyền dân đã hát ngợi khen Đức Chúa Trời. Mô-i-se hướng dẫn những người nam trong khi Mi-ri-am hướng dẫn những người nữ trong sự thờ phượng. Họ có lý do để cất tiếng ngợi khen Đức Giê-hô-va. Trước đó họ phải chịu cảnh phu tù tại Ai-cập, nhưng bây giờ họ được tự do! Pha-ra-ôn đã từng ra lệnh chìm các bé trai của người Israel dưới nước, và bây giờ cả đạo quân hung hãn của Ai-cập bị chết chìm trong lòng biển đỏ! Đó là một chiến thắng cho Israel! Sự ngợi khen chân thật không thuộc về chúng ta. Nó thuộc về Đức Chúa Trời. “Ngài quở Biển đỏ, nó bèn khô. Ngài dẫn Y-so-ra-ên đi ngang qua vực sâu như ngang đồng vắng. Ngài giải cứu họ khỏi tay kẻ ghen ghét. Chuộc họ khỏi tay kẻ thù nghịch. Nước chụp phù những kẻ hà hiếp họ. Chẳng còn lại một người. Bây giờ họ mới tin lời của Ngài. Bèn hát ngợi khen Ngài.” (Thi thiên 106:9-12)

“Đức Giê-hô-va là sức mạnh và sự ca tụng của tôi: Ngài đã trở nên Đấng cứu tôi. Ngài là Đức Chúa Trời tôi, tôi ngợi khen Ngài.” (Xuất. 15:2). Câu này cũng được tìm thấy trong Thi thiên 118:14 và Ê-sai 12:2. Tất cả các phân đoạn Kinh Thánh này nhấn mạnh đến sự vĩ đại của Đức Chúa Trời và quyền năng siêu việt của Ngài trong hành động giải cứu tuyền dân. Trong Xuất Ê-díp-tô ký chương 1, Đức Chúa Trời được tôn cao trong sự chiến thắng (câu 1-10), trong các thuộc tính vinh hiển của Ngài (câu 11-16) và trong các lời hứa kỳ diệu của Ngài dành cho Israel (câu 17-18). Ngài đem họ ra khỏi Ai-cập, và Ngài đem họ vào đất hứa (câu 17).

Bài ca ngợi này được gọi là “Bài ca của Mô-i-se” và nó được tái hiện trong Khải huyền 15:3, Sứ đồ Giăng nhìn thấy “biển bằng pha lê lộn với lửa” – không phải là biển đỏ, và ông nghe tiếng của các thánh đồ chiến thắng ngợi khen Đức Chúa Trời bằng bài ca của Mô-i-se. Quang cảnh này được liên tưởng đến lễ vượt qua, bởi vì bài hát của họ cũng là “bài ca của Chiến Con” chính là Chúa Giê-su Christ. Mô-i-se và Mi-ri-am dẫn dắt tuyền dân ngợi khen Đức Chúa Trời. Họ là những người thi hành sự phán xét trên Ai-cập với những tai vạ đến từ Đức Chúa Trời đáng kính

sợ, nhưng quang cảnh trong Khải huyền chương 15 xảy ra trước khi Chúa cho phép các tai và đến trên địa cầu. Và những tai và này tương đồng với các tai và mà Chúa đã đổ xuống trên Ai-cập.

Sự thờ phượng Đức Chúa Trời là mục vụ cao nhất mà chúng ta có thể phục vụ Chúa, và nó cũng là đặc quyền lớn nhất cho trải nghiệm của tín nhân. Tuy nhiên, trong nhiều nhà thờ hiện nay, nơi thờ phượng trở nên một hí viện và tại đó những người hướng dẫn thờ phượng là những người trình diễn được đánh bóng. Giáo đoàn trở thành khán giả và những gì đã từng được tôn thờ bây giờ giống như trò giải trí nông cạn. Lúc đó thước đo của sự thành công không phải là hiện diện thánh khiết của Đức Chúa Trời mà được đánh giá bằng số đông người tham dự cùng sự nhiệt tình và tiếng vỗ tay của họ. Hội chúng đã quên những tháng ngày nô lệ trong ngục tù Ai-cập, quên đi sự chết của Chiên Con, quên đi sự cứu rỗi vĩ đại của Đức Chúa Trời – và trở thành những người bại trận.

NHỮNG LỜI GANH TỊ (Dân số ký 12)

Tuyển dân đến Kadesh Barnea, chuẩn bị vào miền đất hứa và công bố cơ nghiệp của họ. Trong lịch sử Kinh Thánh, những người lãnh đạo được Đức Chúa Trời lựa chọn thường bị đe dọa bằng những cáo buộc sai trật ngay trước khi họ đối mặt với một cơ hội lớn. Trong trường hợp này, là trước khi tuyển dân vào Ca-na-an. Chúng ta không biết Zipprorah là vợ của Môi-se đã chết vào lúc nào, và bây giờ Môi-se đã kết hôn lần nữa. Điều này làm cho Mi-ri-am không thích người nữ mà Môi-se đã chọn. Vấn đề không phải là chủng tộc hay màu da của người vợ mới của Môi-se, mặc dù phiên bản King James đã dịch sai từ này thành “người Ethiopia” (những người Cushite sống ở nơi mà ngày nay chúng ta gọi là Sudan.) Vấn đề của Mi-ri-am với người vợ mới của Môi-se không phải là chủng tộc hay màu da của người nữ này, hay là lỗi của Môi-se. Nếu Mi-ri-am kiểm soát được tình cảm của chính mình, bà có thể đã không gây ra quá nhiều rắc rối, nhưng bà đã thuyết phục A-rôn theo quan điểm của mình, và điều đó làm chuyện này trở thành một mối quan tâm chính thức của gia đình.

Vấn đề thực sự là quyền lực; nó là một vấn đề của lãnh đạo và uy quyền, như câu hỏi của Mi-ri-am và A-rôn trong Dân số ký 12:1-2, “Mi-ri-am và A-rôn nói hành Môi-se về việc người nữ Ê-thi-ô-bi mà người đã lấy; vì người có lấy một người nữ Ê-thi-ô-bi làm vợ. Hai người nói rằng: Đức Giê-hô-va há chỉ dùng một mình Môi-se mà phán sao? Ngài há không dùng chúng ta mà phán nữa sao?” Có phải người vợ mới của Môi-se đã ảnh hưởng xấu lên chức vụ của ông? Có phải Mi-ri-am đã mất đi một số quyền lực mà bà cảm thấy là chỉ nên có một mình bà nắm giữ sau khi Môi-se lấy vợ. Mi-ri-am được đề cập trước A-rôn trong câu này, và vì vậy chúng ta có thể cho rằng bà là người khởi xướng vấn đề. Trong Xuất Ê-díp-tô ký chương hai, Mi-ri-am đã bảo vệ Môi-se, nhưng bây giờ bà tấn công người em trai và làm cho chức vụ của Môi-se gặp khó khăn. Người đối nghịch có thể khởi phát ngay trong chính gia đình. Giô-sép, Đa-vít và ngay cả Chúa Giê-su cũng đều đối diện nan đề này.

Môi-se là một người khiêm hòa, ông không tự bảo vệ mình, nhưng để việc đó cho Đức Chúa Trời. Trong câu 4 của Dân số ký 12, chúng ta đọc, “Thình lình Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, A-rôn và Mi-ri-am rằng: Cả ba hãy ra đến hội mạc. Cả ba đều đi.” Trong câu này thứ tự của những người lãnh đạo tuyển dân lần lượt là Môi-se, A-rôn, Mi-ri-am. Sau đó Đức Chúa Trời đã giải thích ý định của Ngài và xử lý kỷ luật trên Mi-ri-am vì tội nói hành Môi-se. Mi-ri-am bị phung trắng như tuyết và phải ở tách biệt ngoài trại quân trong bảy ngày. Sau đó được nhìn nhận

đã sạch phung và cho vào lại trại quân. Là thượng tế, A-rôn phải giám sát việc kiểm tra bệnh phung của Mi-ri-am và ra lệnh cách ly, và điều này hẳn đã khiến ông bối rối vô cùng.

Đồ kỵ giữa vòng tuyên dân giống như một ung nhọt tội lỗi, và những lời ganh tị chống lại đầy tớ của Đức Chúa Trời làm tổn thương tâm lòng Ngài. Mỗi người trong chúng ta phải vui mừng nhận lãnh các ân tứ và sử dụng chúng để dâng vinh hiển về cho duy nhất Đức Chúa Trời. Không có sự cạnh tranh giữa các mục vụ, mỗi người chúng ta phải chịu trách nhiệm tính sổ trước mặt Chúa (Rô-ma 1:29). Thế gian đầy đầy mọi sự không công bình, độc ác, tham lam, hung dữ; chan chứa những điều ghen ghét, giết người, cãi lầy, dối trá, giận dữ (Rô-ma 1:29). Những tội lỗi này không nên tồn tại giữa vòng con cái Chúa. Sứ đồ Phi-e-rơ viết, “anh em đã từ bỏ mọi điều độc ác, mọi điều gian xảo, mọi thứ giả trá, lòng ghen ghét và sự nói hành” (1 Phi. 2:1).

Ganh tị có nghĩa là khốn khổ khi nhìn thấy người khác thành công, và có tánh hiềm độc là vui vẻ khi thấy người khác thất bại. Cả hai đặc tính này đều dẫn đến những hậu quả xấu xa khôn lường. Tín nhân phải nhận thức rõ ràng về những tội lỗi này, xưng chúng ra và từ bỏ.

Khi Mi-ri-am chỉ trích/nói hành Môi-se, bà đã không nhận thức rằng tội lỗi của mình được ghi lại vào sách để các thế hệ kế tiếp đều đọc được. Bà không biết rằng Đức Chúa Trời sẽ dùng bà như một tấm gương xấu cho mọi người. “Hãy nhớ lại điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi làm cho Mi-ri-am dọc đường, khi các ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô.” (Phục truyền. 24:9). Lời nhắc này được đưa ra liên quan đến các luật về bệnh phung, nhưng nó cũng là một cảnh báo liên quan đến những tội lỗi ghê tởm và các cáo buộc sai trật. Chúa Giê-su cũng dạy, “Hãy nhớ lại vợ của Lót.” (Lu-ca 17:32). Đây là những cảnh báo mà chúng ta phải chú ý.

Trong lần tới, nếu bị cám dỗ để sinh lòng đồ kỵ/lòng ghen ghét, chúng ta không chỉ nhớ lại trường hợp của Mi-ri-am, nhưng cũng nhớ đến trường hợp của những kẻ chống đối Chúa Cứu thế, “vì lòng ghen ghét nên chúng đã nộp Ngài” (Ma-thi-ơ 27:18).

Bài 20

GIÔ-SUÊ

Giô-suê lấy lười guom đánh bại...

Xuất Ê-díp-tô Ký 17:13

Đây chính là những lời ghi chép đầu tiên về chiến thắng quân sự của Giô-suê. Trên hành trình từ Ai Cập đến Si-nai, quân A-ma-léc đã tấn công Y-sơ-ra-ên, và với sự cầu thay của Môi-se, A-rôn và Hu-rơ, Giô-suê đã đánh bại quân địch. Những lời trên cũng mô tả chính xác về cả cuộc đời của Giô-suê, vì trong mọi lĩnh vực ông đều là người chiến thắng.

Ban đầu tên gọi của ông là Hô-sê, nghĩa là “sự cứu rỗi,” nhưng với cái nhìn của một tiên tri, Mô-i-se đã đổi tên cho ông thành Giô-suê, nghĩa là “Giê-hô-va là sự cứu rỗi” (Dân. 13:8, 16). Trong tiếng Hy Lạp, tên của ông là Giê-su (Ma-thi-ơ 1:21). Với tên gọi này, con trai của Nun có thể là gì khác hơn ngoài sự đắc thắng?

Tuy nhiên, để trở thành một người chiến thắng, bạn chắc chắn phải đối diện với những rào cản và vượt qua chúng. Giô-suê đã vượt qua những rào cản nào, và làm thế nào những chiến thắng đó khích lệ chúng ta trở nên những người chiến thắng hôm nay?

NHU CẦU CẦN CÓ LÃNH ĐẠO

Tuyển dân Y-sơ-ra-ên biết rằng Chúa đã chọn Giô-suê để kế tục Mô-i-se. Khi còn trẻ, ông bắt đầu là một người giúp việc khiêm tốn của Mô-i-se (Xuất. 24:13; 33:11; Dân. 11:28; 27:15-23; Phục. 31:1-8; 34:9; Giô-suê 1:1), vì khi Chúa muốn xây dựng một lãnh đạo, Ngài đều bắt đầu với một người đầy tớ (Ma-thi-ơ 25:21). Kinh Thánh viết rằng: “Về sau, trong Y-sơ-ra-ên không còn đầy lên tiên tri nào giống như Mô-i-se” (Phục. 34:10). Hãy tưởng tượng được đi theo một lãnh đạo như ông! Mô-i-se là một người có đức tin lớn, dũng cảm và lòng tin quyết, một người lãnh đạo thực thi những phép lạ vĩ đại, một tiên tri được trò chuyện mặt đối mặt với Đức Chúa Trời và ban phát lời Chúa cho dân sự.

Nhưng Giô-suê đủ thông minh để nhận ra rằng dù tất cả các lãnh đạo đều phải tin cậy và vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, nhưng không phải họ đều như nhau. Người lãnh đạo mới thường phải thách thức và dẫn dắt một thế hệ mới, và nhiệm vụ của Giô-suê chính là đem thế hệ mới này tiến vào miền Đất Hứa. Giô-suê có được sự hướng dẫn qua năm tháng cùng đi với Mô-i-se, sự khích lệ từ lời hứa của Chúa (Giô-suê 1:1-9), và sự hiện diện của Chúa để vừa giúp cho ông, chính vì thế Giô-suê đã được trang bị cho những trận chiến ở phía trước.

Đã ba lần Chúa phán cùng Giô-suê rằng: “Hãy vững lòng bền chí” (Giô-suê 1:6, 7, 9), và một lần Chúa ban mệnh lệnh cho Giô-suê không được run sợ (c.9), bởi vì nếu không có sự can đảm, ông sẽ run sợ trước kẻ thù và thất bại. Nhà truyền giáo D. L. Moody nói rằng: “Can đảm là điều rất cần thiết cho công tác Cơ đốc. Tôi chưa từng thấy một ai dễ dàng nản chí lại có thể đóng góp được gì ở bất cứ nơi đâu.” Tuyển dân Y-sơ-ra-ên thường làm nhụt chí Mô-i-se, nhưng ông vẫn cứ tiếp tục bước đi và vâng theo Chúa, và Giô-suê cũng noi theo tấm gương đó. Khi bạn nhận biết Đức Chúa Trời kêu gọi bạn vào nhiệm vụ của mình, khi ấy bạn đang đứng ở bên thắng cuộc.

ẢNH HƯỞNG XẤU CỦA AICẬP

Nếu bạn nghĩ rằng mọi người Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ai Cập đều được thánh hóa thì bạn đang mắc một sai lầm lớn. Đức Chúa Trời đã phán cùng họ rằng: “Các ngươi ai nấy khá quăng xa mình những sự gớm ghiếc của mắt các ngươi, và chớ làm ô uế mình với các thần tượng của Ê-díp-tô” (Exe 20:7). Họ có vâng lời Ngài không? Không! “Nhưng mà chúng nó dấy loạn nghịch cùng Ta, và không muốn nghe Ta; ai nấy không ném bỏ những sự gớm ghiếc của mắt mình, và không lìa bỏ các thần tượng của Ê-díp-tô (Ê-xê. 20:8). Hãy đọc Ê-xê-chi-ên 23 và lưu ý bao nhiêu lần từ

“hành dân” được nhắc đến, đây là từ để chỉ về sự thờ phượng tà thần thay vì thờ phượng Đức Giê-hô-va (c. 3, 8, 18, 19, 21, 27, 29, 35).

Sau khi cùng dân sự băng qua sông Giô-đanh, Giô-suê đã dựng mười hai hòn đá tại Ghinh-ganh để nhắc dân sự nhớ rằng chính Đức Chúa Trời đã phân rẽ nước và đem họ vào đất hứa cách bình an (Giô-suê 4). Thế hệ trước đó đã trải nghiệm một hành trình ra khỏi Ai Cập, nhưng thế hệ mới này thì kinh nghiệm một hành trình ra khỏi nơi đồng vắng và những thất bại. Sau đó Giô-suê làm phép cắt bì cho tất cả những người nam, tái khẳng định giao ước của Đức Chúa Trời đối với dân sự, qua đó “sự xấu hổ của xứ Ê-díp-tô” được cất khỏi họ. Dân tộc này đang có một khởi đầu mới. Ai Cập không còn quyền thống trị trên họ.

Tuy vậy, nếu có ai thờ phượng thần tượng của Ai Cập thì họ vẫn chưa được tự do, họ vẫn còn là nô lệ; và Giô-suê biết rằng dân chúng dễ có xu hướng âm thầm thờ lạy các tà thần. Trong bài diễn văn chia tay, Giô-suê cảnh báo dân sự rằng: “Vây bây giờ, hãy kính sợ Đức Giê-hô-va, và phục sự Ngài cách thành tâm và trung tín; hãy bỏ xa các thần mà tổ phụ các ngươi hầu việc bên kia sông, và tại xứ Ê-díp-tô; phải phục sự Đức Giê-hô-va” (Giô-suê 24:14). Giô-suê cùng các trưởng lão của ông chắc hẳn đã làm rất tốt các mục vụ, bởi vì trong những năm dưới sự lãnh đạo của họ và những năm sau đó dưới sự lãnh đạo của các trưởng lão mà họ đã huấn luyện, dân sự đã trung tín hầu việc Chúa; nhưng đến thế hệ thứ ba, dân sự đã từ bỏ đức tin và quay về với sự thờ lạy hình tượng (Các. 2:6-23).

Trong thời gian phân chia đất và khiến cho dân sự cư ngụ yên ổn trong xứ, khó khăn lớn nhất của Giô-suê không phải là việc dân sự so sánh ông với Mô-i-se. Vấn đề lớn nhất của ông chính là họ có xu hướng so sánh miền Đất Hứa với Ai Cập! Tội lỗi bị che giấu của xứ Ai Cập vẫn được nuôi dưỡng trong tâm lòng của một số người. Mô-i-se đã đem người Do Thái ra khỏi Ai Cập; nhưng trong miền đất mới, Đức Chúa Trời đã phải đem Ai Cập ra khỏi người Do Thái.

QUÂN ĐỊCH

Đức Chúa Trời hứa rằng Ngài sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên sự chiến thắng trên các dân tộc ngoại quốc tại Ca-na-an. Chủ đề được lặp lại nhiều lần đó là: “Ta sẽ đuổi kẻ thù ra khỏi ngươi” (Xuất 23:20-33; 33:1-2; 34:10-14; Lê-vi-ký 18:24-25; 20:23-24; Dân. 33:50-56; Phục 4:35-38; 7:17-26; 9:1-6).

Đức Chúa Trời giữ lời hứa Ngài, Giô-suê đánh bại ba mươi một vua và chiếm lấy xứ (Giô-suê 12).

Điều đáng buồn là một số bản nhạc thánh ca với giai điệu ba-lát đồng quê và thậm chí một số bản thánh ca xưa đã dùng hình ảnh dân Y-sơ-ra-ên băng sông Giô-đanh để ví sánh về sự chết và sự cất lên thiên đàng của người tin Chúa, bởi vì miền đất Ca-na-an đầy dẫy tội lỗi và chiến tranh không phải là hình ảnh của thiên đàng. Tuy nhiên miền đất này biểu trưng cho cơ nghiệp thuộc linh mà chúng ta được thừa hưởng trong Đấng Christ và sự đắc thắng trên Sa-tan và thế lực của nó là những kẻ luôn muốn cho chúng ta đi lang thang trong hoang mạc mà không bao giờ đến

đích. Chúng ta không chiến đấu *giành* sự chiến thắng bởi sức riêng; nhưng chúng ta chiến đấu *từ* sự chiến thắng mà Đức Chúa Giê-su đã đắc thắng qua sự chết và phục sinh của Ngài. “Ngài đã trút bỏ các quyền cai trị cùng các thế lực, dùng thập tự giá chiến thắng chúng nó, và nộp ra tỏ tường giữa thiên hạ” (Cô-lô-se 2:15). Hãy lấy đức tin công bố điều này!

Bốn chương đầu sách Hê-bơ-rơ công bố cơ nghiệp thuộc linh của chúng ta trong Đấng Christ, và trước giả của sách đã nhắc nhở chúng ta rằng không phải Môi-se nhưng chính Giô-suê là người đem dân Y-sơ-ra-ên vào phần cơ nghiệp của họ. Có hai lý do cho việc thay đổi lãnh đạo này. Đầu tiên, Môi-se phạm tội vì không dâng cho Chúa sự vinh hiển (Dân. 20), nên Chúa đã cho phép ông được nhìn thấy vùng đất hứa chứ không cho phép ông được bước vào. Nhưng lý do thứ hai, Môi-se được xem như là luật pháp, và chúng ta không nhận phần cơ nghiệp của mình bằng việc vâng theo luật lệ và thực hiện các nghi thức tôn giáo. Chính Đức Chúa Giê-su là Giô-suê của chúng ta, đã làm trọn luật pháp thay cho chúng ta và đóng đinh luật pháp trên cây thập tự của Ngài. Vậy chúng ta nhận lấy phần cơ nghiệp của mình bởi đức tin khi chúng ta đi theo Đấng Christ. Trải nghiệm của dân Y-sơ-ra-ên ở tại Ai Cập lẫn trong đồng vắng đều là sự trói buộc và vô ích, nhưng tại miền Đất Hứa, họ được hưởng sự tự do và trọn vẹn.

LỖI LÀM CỦA GIÔ-SUÊ

Giô-suê 7-9 ghi lại hai lần Giô-suê đã không chờ đợi, cầu nguyện và bước đi bởi đức tin nhưng ông đã đi trước Chúa. Sau chiến thắng vĩ đại tại Giê-ri-cô, dân Y-sơ-ra-ên thất bại và bị sỉ nhục tại A-hi (Giô-suê 7-8); và khi người Ga-ba-ôn lừa Giô-suê để khiến ông nghĩ rằng họ đến từ một đất nước xa xôi, ông đã lập giao ước cùng với họ (Giô-suê 9; Phục 20:10-15). Đức Chúa Trời đã khích lệ Giô-suê phải “vững lòng bền chí” (Giô-suê 1:6-7), nhưng để có được sự can đảm, con người phải chờ đợi trước Chúa và nhận lệnh từ Ngài. “Hãy trông đợi Đức Giê-hô-va; Hãy vững lòng bền chí! Phải, hãy trông đợi Đức Giê-hô-va” (Thi 27:14). Nếu chờ đợi trước Chúa, Giô-suê chắc hẳn đã có thể biết về việc A-can trộm cắp và sự lừa dối của dân Ga-ba-ôn.

Bởi vì lãnh đạo đều là con người, nên họ sẽ mắc phải những sai lầm. Nhưng cách họ giải quyết những sai lầm đó sẽ thể hiện con người thật của họ. Họ có đổ lỗi cho người khác không? Họ có che giấu sai lầm không? Họ có bào chữa không? Khi Giô-suê làm sai, ông tìm đến Chúa để cầu xin sự tha thứ và khôn ngoan, và rồi ông khiến những lỗi lầm đó phục vụ cho mình! Thất bại trước thành A-hi nhỏ bé đã biến thành một kế hoạch phục kích thông minh để quét sạch quân địch. Đối với những người Ga-ba-ôn thông minh, Giô-suê đã bắt họ phải phục dịch dân Y-sơ-ra-ên (Giô-suê 9:22-27). Thật ông đã biến lỗi lầm trở thành điều ích lợi cho mình.

Người không phạm lỗi thường chẳng làm được gì. Người phạm lỗi rồi từ bỏ là những người nhu nhược, nhưng những ai tận dụng được những lỗi lầm của mình mới là những người chiến thắng. F. W. Robertson nói rằng: “Cuộc sống cũng giống như chiến tranh, là một chuỗi những lỗi lầm, và người phạm ít lỗi lầm nhất không phải là Cơ đốc nhân vĩ đại nhất cũng không phải là một vị tướng tài giỏi nhất. Người giỏi nhất là người giành được nhiều chiến thắng huy hoàng nhất bằng

việc sửa chữa những lỗi lầm. Hãy quên những lỗi lầm đi; và hãy giành lấy sự chiến thắng từ những sai lầm.”¹

KHÔNG CÓ NIỀM TIN

Giô-suê khám phá chìa khóa cho sự chiến thắng chính là khi ông tin vào lời hứa của Chúa, hành động dựa trên những lời hứa ấy, và trở thành người chiến thắng. “Bởi đức tin, các tường thành Giê-ri-cô đổ xuống” (Hê. 11:30). “Sự thắng hơn thế gian, ấy là đức tin của chúng ta” (1 Giăng 5:4)

Trong bài phát biểu cuối cùng của Giô-suê, ông không nhận bất kỳ sự tôn vinh nào cho chính mình nhưng nhắc nhở các lãnh đạo và dân sự rằng ông chỉ tin vào lời hứa của Chúa. “Hãy hết lòng hết ý nhận biết rằng trong các lời lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi đã phán về các ngươi, chẳng có một lời nào sai hết, thấy đều ứng nghiệm cho các ngươi; thật chẳng một lời nào sai hết” (Giô-suê 23:14; và xem 21:45). Chắc chắn đã có những thời điểm Giô-suê cảm thấy mệt mỏi và nản lòng (xem Giô-suê 7:6-9), tuy nhiên ông luôn luôn giao phó những ưu tư của mình cho Chúa và công bố lời hứa Ngài. Điều này cũng rất đúng đối với Mô-i-se, trên nhiều phương diện ông đã đối mặt với thử thách lớn hơn cả Giô-suê. Khi chúng ta tin vào lời hứa của Chúa, Ngài sẽ ban cho chúng ta ân điển mà chúng ta cần để thực hiện công tác.

Trong sứ điệp của Chúa dành cho bảy Hội Thánh tại vùng Tiểu Á, Ngài thách thức các tín hữu trong mỗi một Hội Thánh trở nên người chiến thắng (Khải. 2:7, 11, 17, 26; 2:5, 12, 21). Ngài vẫn tiếp tục thách thức chúng ta ngày nay. Chúng ta sẽ là người chiến thắng – hay chiến bại? Chúng ta sẽ là những người thắng cuộc hay là nạn nhân? Tất cả đều phụ thuộc vào thái độ của chúng ta đối với những lời hứa của Đức Chúa Trời.

Bài 21

RA-HÁP

Sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến.

Giăng 4:22

Ngay khi đọc đến Giô-suê chương 2, rất có thể bạn sẽ nhớ về thảm bại tại Ca-đe Ba-nê-a (Dân 13-14) và nghĩ rằng: “Thất bại sẽ lặp lại đây!” Nhưng đừng vội kết luận. Nếu lịch sử trong Kinh Thánh dường như được lặp lại tại Giô-suê 2, bạn hãy đọc kỹ hơn để khám phá điều diệu kỳ đang xảy ra.

Gần bốn thập kỷ trước khi câu chuyện trong Giô-suê chương 2 xảy ra, Mô-i-se đã sai mười hai thám tử đi do thám xứ Ca-na-an, tất cả đều được nêu tên trong Dân số ký 13; Ngược lại, Giô-suê

¹ Frederick W. Robertson, *Sermons*, First Series (London: Kegan Paul, Trench, Trubner and Co., 1900), 66.

chỉ sai hai người vô danh để do thám thành Giê-ri-cô. Mười hai thám tử đi thăm dò Ca-na-an trong bốn mươi ngày, và mười người trong số họ quyết định rằng dân Y-sơ-ra-ên không thể chiếm lấy vùng đất này. Hai thám tử mà chúng ta đọc thấy trong Giô-suê 2 đã nhanh chóng thăm dò Giê-ri-cô và thấy rằng tâm lòng của người Ca-na-an tan chảy vì khiếp sợ dân Y-sơ-ra-ên. Sự nản lòng mà mười thám tử đem lại khiến cho dân Y-sơ-ra-ên phải lang thang trong đồng vắng cho đến khi cả một thế hệ đã qua đi; nhưng sự khích lệ mà hai thám tử đem lại giúp cho Giô-suê và dân sự một lần nữa biết chắc rằng họ cần phải chiếm lấy Giê-ri-cô.

Không, lịch sử không lặp lại – nhưng hơn thế nữa. Mười hai thám tử do Mô-i-se sai đi trở về đem theo những quả nho, quả sung, và lựu, nhưng hai thám tử của Giô-suê quay trở về để thông báo rằng họ đã gặp một kỳ nữ, người đã đặt lòng tin nơi Đức Chúa Trời chân thật hằng sống! Nếu đó không phải là vì người Giu-đa thì tên Ra-háp sẽ không được tìm thấy trong bốn sách của Kinh Thánh, kể cả gia phả của Đức Chúa Giê-su Christ và danh sách các anh hùng đức tin trong Hê-bơ-rơ 11.

Hãy khám phá Ra-háp đã chịu sự ảnh hưởng của người Do Thái như thế nào và làm sao bà được tôn lên vị trí cao trọng trong lịch sử Kinh Thánh. Hãy tìm hiểu làm thế nào “sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến.”

BÀ GẶP THÁM TỬ NGƯỜI GIU-ĐA (Giô-suê 2:1-7)

Ra-háp được gọi là “kỳ nữ” trong Giô-suê 2:1 và 6:17, 22 và 25, nhưng có những người muốn giảm nhẹ tình tiết này thì nói rằng trong tiếng Hê-bơ-rơ, từ này cũng có nghĩa là “chủ nhà trọ.” Điều này đúng, nhưng Hê-bơ-rơ 11:31 và Gia-cơ 2:25 gọi bà là “kỳ nữ,” và đây chính là nghĩa trong tiếng Hy Lạp. Có thể bà có cả hai vai trò.

Khi các thám tử tiến vào thành, có thể Ra-háp đang thơ thẩn trên đường gần cổng thành để tìm kiếm khách (Châm 7:10-13). Nhưng tại đó cũng có các lính gác nhìn thấy những khách lạ tiến vào nhà của bà, và đây là tình tiết gây khả nghi. Các thám tử liều mạng sống mình để tiến vào thành, nhưng Ra-háp đã đặt cược mạng sống của mình khi bà mời các thám tử vào nhà, che giấu họ và rồi nói dối để bảo vệ các thám tử.

Tuy nhiên chúng ta hãy suy nghĩ đến cuộc gặp gỡ trong ngôi nhà ấy. Hai người nam gặp một người nữ. Hai người Do Thái gặp một người ngoại. Hai người tin Chúa gặp một người mà họ tin chắc rằng người ấy không có niềm tin nơi Chúa. Nhưng Đức Chúa Trời hiện diện tại đó! Hai người khách sớm khám phá ra rằng Ra-háp đã đặt niềm tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống chân thật, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, và điều đó đã thay đổi trọn vẹn hoàn cảnh. Giờ đây không còn người Giu-đa hay dân ngoại, nam hay nữ, bạn hay thù, nhưng họ là một trong niềm tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống. Ra-háp đã liều mạng sống của bà để cứu các thám tử, và giờ đây các thám tử sẽ liều mạng sống họ để cứu bà cùng những người thân yêu của bà đã có niềm tin nơi Chúa. “Sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến.”

BÀ XUNG NHẬN ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA NGƯỜI DO THÁI (Giô-suê 2:8-11)

Với địa thế chiến thuật của mình, Giê-ri-cô là nơi nghỉ chân lý tưởng cho lũ khách, và du khách đem lại cho dân bản địa có cơ hội kiếm tiền lẫn cơ hội nghe ngóng thông tin từ “bên ngoài.” Ra-háp đề cập đến hai mẫu tin tức không thể quên được mà bà đã nghe được về người Do Thái – Biển Đỏ rẽ ra bốn mươi năm trước và gần đây là chiến thắng trước vua Si-hôn và vua Ốc người A-mô-rít khi dân Y-sơ-ra-ên tiến về sông Giô-đanh. Dẫu người khác có lý giải về những sự kiện này như thế nào, Ra-háp nhìn thấy đó là bằng chứng Đức Chúa Trời của người Do Thái chính là “Đức Chúa Trời ở trên trời cao kia, và ở dưới đất thấp này” (Giô-suê 2:11). Bài hát mà người Y-sơ-ra-ên đã hát bên bờ Biển Đỏ xa xôi thật sự đã xảy ra!

Các dân tộc nghe biết việc này đều run sợ,

Con kinh hãi áp hãm dân xứ Pha-lê-tin.

Các quan trưởng xứ Ê-đôm bèn lấy làm bối rối;

Mấy mặt anh hùng nơi Mô-áp đều kinh hồn;

Cả dân Ca-na-an đều mất vía

Sự hoảng hốt kinh hãi giáng cho chúng nó;

Hỡi Đức Giê-hô-va! vì quyền cao nơi cánh tay Ngài,

Chúng nó đều bị cầm như đá,

Cho đến chừng nào dân Ngài vượt qua;

Cho đến khi dân mà Ngài đã chuộc, vượt qua rồi.

Xuất Ê-díp-tô ký 15:14-16

Đức Chúa Trời đã phán cùng Mô-i-se rằng: “Ta sẽ sai sự kinh khiếp ta đi trước, hễ ngươi đến dân nào, ta sẽ làm cho dân ấy vỡ chạy lạc đường, và cho kẻ thù nghịch ngươi xây lưng trước mặt ngươi” (Xuất. 23:27). “Ngày nay, ta khởi rải trên các dân tộc trong thiên hạ sự sợ hãi và kinh khủng về danh ngươi, đến nỗi khi nghe nói về ngươi, các dân tộc đó sẽ run rẩy và bị sự kinh khủng áp hãm trước mặt ngươi” (Phục. 2:25).

Thật vậy, sự kính sợ Đức Giê-hô-va là khởi đầu sự khôn ngoan, chí ít là trong tâm lòng của Ra-háp. Nhờ người Do Thái, bà đã có niềm tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật.

BÀ LẬP GIAO ƯỚC VỚI HAI NGƯỜI DO THÁI (Giô-suê 2:12-24).

Ra-háp biết rằng Y-sơ-ra-ên sẽ chiếm lấy Giê-ri-cô và sẽ không còn ai sống sót. Họ sẽ đối đãi với Giê-ri-cô như cách mà họ đã đối đãi với các thành của dân A-mô-rít, bởi vì Đức Chúa Trời đã truyền lệnh cho họ tiêu diệt tất cả mọi vật có hơi thở (Xuất. 23:20-23; Phục. 20:16-18). Chính vì vậy, điều bà lo lắng nhất chính là tính mạng của bà và của cả gia đình. Đức tin của bà rất thực

tế: bà bảo vệ các thám tử (Hê-bơ-rơ 11:31; Gia-cơ 2:25), nhưng bà cũng có gánh nặng cho những người thân yêu. Chắc chắn Gia-cơ đã dùng bà làm hình mẫu cho đức tin chân thật.

Các thám tử kết ước bằng chính mạng sống của họ để bảo vệ mạng sống của Ra-háp và gia đình của bà. Hãy lưu ý các thám tử đã nói rằng: “Khi nào chúng ta vào xứ,” họ không nói “nếu Chúa ban cho chúng tôi xứ này,” bởi vì họ biết chắc chắn sẽ giành được chiến thắng. Họ chỉ đòi hỏi bà nhóm hiệp người thân vào căn nhà của mình và đánh dấu ngôi nhà ấy bằng sợi chỉ điều treo nơi cửa sổ. Bởi vì ngôi nhà nằm trên tường thành, quân binh Do Thái sẽ biết bà đang ở đâu mà bảo vệ cho bà và người thân. Song, các thám tử không biết kế hoạch chiếm lấy thành Giê-ri-cô sẽ như thế nào hoặc thậm chí họ cũng không biết khi nào sẽ tấn công.

Những dân ngoại bang như Ra-háp “bị ngoại quyền công dân trong Y-sơ-ra-ên, chẳng dự vào giao ước của lời hứa” (Ê-phê-sô 2:12), nhưng đức tin của Ra-háp đã khiến bà trở nên một đối tác trong giao ước với người Do Thái và cuối cùng đã cho bà có đầy đủ quyền công dân của Y-sơ-ra-ên. Đây chính là hành động ân điển mà Đức Chúa Trời đáp lại với đức tin của Ra-háp. Điều này nhắc chúng ta nhớ về thập giá nơi Đức Chúa Giê-su đem lại sự hòa giải giữa tội nhân (bao gồm người Do Thái và tất cả những ai đặt niềm tin nơi Chúa) và Đức Chúa Trời.

BÀ ĐƯỢC MỘT TƯỚNG LÃNH NGƯỜI DO THÁI GIẢI CỨU (Giô-suê 6:15-27)

Khi Giô-suê ra lệnh cho các binh sĩ của ông vào ngày thứ bảy, ông đã nhắc họ không lấy bất kỳ chiến lợi phẩm nào từ thành phố này và không để cho một ai được sống trừ “Ra-háp là kỳ nữ” với hết thầy người ở cùng nàng trong nhà sẽ được sống (Giô-suê 6:17-19). Sau khi đi vòng quanh thành bảy lần trong ngày hôm ấy, các thầy tế lễ thổi kèn, dân sự la lớn tiếng, và tường thành đổ xuống – ngoại trừ phần tường thành có ngôi nhà của Ra-háp, là ngôi nhà có sợi chỉ điều treo trên cửa sổ. Người của Giô-suê đã cứu Ra-háp và gia đình bà và đưa họ về nơi an toàn bên ngoài trại. Vậy, Ra-háp và gia đình bà được Giô-suê cứu, “Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi.” Đây chính là sự cứu rỗi mà về sau được thực hiện qua Đức Chúa Giê-su. “Người khá đặt tên là Giê-su, vì chính con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội” (Ma-thi-ơ 1:21).

BÀ CUỐI MỘT NGƯỜI DO THÁI

Ra-háp cưới một người Do Thái tên là Sanh-môn, được nói đến trong Ru-tơ 4:20-21; 1 Sử ký 2:11; Ma-thi-ơ 1:4-5; và Lu-ca 3:32. Dĩ nhiên, Sanh-môn và những người nam khác trong gia đình đều đã được cắt bì và được tiếp nhận vào vương quốc Y-sơ-ra-ên như là những người con của giao ước. Sanh-môn và Ra-háp có một người con tên Bô-ô là người đã cưới Ru-tơ. Bô-ô và Ru-tơ có con tên Ô-bết, Ô-bết có con tên Y-sai. Y-sai có con tên Đa-vít. Đức Chúa Giê-su được sinh tại thành Đa-vít bởi vì Ngài thuộc về dòng dõi Đa-vít.

BÀ ĐƯỢC GHI TÊN VÀO HAI GIA PHẢ DO THÁI (Ma-thi-ơ 1:4-5; Lu-ca 3:32)

Cả hai gia phả đều thuộc về Đức Chúa Giê-su Christ, con vua Đa-vít, Con của Đức Chúa Trời! Ra-háp là một trong bốn phụ nữ được nhắc đến trong gia phả được ghi trong sách Ma-thi-ơ, đây

là một điều bất thường, bởi vì người Do Thái chỉ tập trung vào người cha chứ không phải là người mẹ.

Một người nữ khác là Ta-ma, bà đã giả làm kỹ nữ để nằm cùng cha chồng của mình là Giu-đa (Sáng 38). Một người nữ khác là Ru-tơ người Mô-áp. Hãy nhớ là không người Mô-áp nào được tiếp nhận vào hội người Do Thái, dù đến thế hệ thứ mười (Phục 23:3), nhưng cũng giống như Ra-háp, bà đã cưới một người Do Thái. Người nữ cuối cùng là Bát-sê-ba (Ma-thi-ơ 1:6), và có lẽ bạn đã biết câu chuyện giữa bà và vua Đa-vít (2 Sa-mu-ên 11-12). Ra-háp được đề cập, đầu bà là một kỹ nữ người ngoại. Bốn người phụ nữ, bốn tội nhân, bốn người bị xã hội và tôn giáo ruồng bỏ - song họ được kể vào trong gia đình của Đức Chúa Giê-su Christ!

Đó chính là ý nghĩa của câu Kinh Thánh: “Và, ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu... là sự ban cho của Đức Chúa Trời” (Ê-phê-sô 2:8).

Bài 22

ĐÊ-BÔ-RA

Ta là Đê-bô-ra chỗi dậy như một người mẹ trong Y-sơ-ra-ên.

Các Quan Xét 5:7

Khi nhìn vào dân tộc Y-sơ-ra-ên, Mô-i-se thấy một đội quân. Khi dân tộc này rời khỏi Ai Cập trong đêm của Lễ Vượt Qua, Mô-i-se thấy họ như là “các quân đội của Đức Giê-hô-va,” họ điểu hành trong sự chiến thắng (Xuất 6:26; 12:17, 41, 51). Đa-vít nhìn dân tộc của ông và thấy một đàn chiên (2 Sa-mu-ên 24:17), còn A-sáp là trưởng đàn nhạc thì nhìn thấy dân tộc này là một cây nho sai trái (Thi 80:8). Nhưng quan xét Đê-bô-ra nhìn thấy dân Y-sơ-ra-ên là một gia đình – và bà là người mẹ.

Thời kỳ các quan xét là một thời kỳ khó khăn trong lịch sử Do Thái. Các lãnh đạo tin kính được Giô-suê và các trưởng lão của ông đào tạo đều đã qua đời, và một thế hệ mới xuất hiện chối bỏ truyền thống và hướng về các tà thần của các dân tộc xung quanh họ (Các. 2:10-23). Để hình phạt tội lỗi của dân sự, Chúa dùng các dân tộc ngoại bang đến đàn áp và cướp phá đất. Khi ấy người Do Thái kêu cầu Chúa và Ngài sẽ đẩy lên các quan xét ở nhiều nơi khác nhau để giải cứu dân sự khỏi những kẻ áp bức. Các quan xét này là những lãnh đạo địa phương, họ không cai trị trên cả đất nước và họ không làm việc cùng nhau bởi vì họ cai quản ở những thời điểm khác nhau. Chu kỳ phạm tội, chịu phạt, ăn năn và giải cứu được lặp đi lặp lại ít nhất sáu lần và Đức Chúa Trời đã đẩy lên Ô-t-ni-ên, Ê-hút, Đê-bô-ra, Ghê-đê-ôn, Giép-thê và Sam-sôn để giải cứu dân tộc. Người nữ duy nhất trong số các quan xét đó là Đê-bô-ra, một người mẹ trong Y-sơ-ra-ên.

NHƯ MỘT NGƯỜI MẸ, BÀ THÁO GỖ NHỮNG KHÁC BIỆT (Các quan xét 4:4-5)

Y-sơ-ra-ên không có nhà nước tập trung cho đến khi vua Sau-lơ được bổ nhiệm, chính vì thế họ phải đi đến một quan xét gần nhất để giải quyết các tranh chấp. Tòa án của Đê-bô-ra tọa lạc dưới cây chà là giữa khoảng Bê-tên thuộc chi phái Ép-ra-im và Ra-ma thuộc chi phái Bên-gia-min. Bà biết luật pháp Đức Chúa Trời và có khả năng lắng nghe các vấn đề và đưa ra những quyết định khôn ngoan dựa trên luật pháp Chúa. Lãnh đạo trong xã hội thời bấy giờ rất trọng nam giới, và việc một phụ nữ giữ cương vị cao là điều bất thường, tuy nhiên Đê-bô-ra là một con người nổi trội, một con người được Đức Chúa Trời lựa chọn và sử dụng.

NHƯ MỘT NGƯỜI MẸ, BÀ THÁCH THỨC DÂN SỰ LÀM HẾT SỨC MÌNH (Các quan xét 4:6-10)

Gia-bin, một trong số các vua Ca-na-an, là một kẻ áp bức vào thời đó. Đức Chúa Trời đã phán cùng Đê-bô-ra rằng Ngài muốn giải cứu dân sự của Ngài. Thay vì một mình thực hiện nhiệm vụ đó, bà sai gọi Ba-rác và thách thức ông hãy chiêu mộ binh sĩ. Ba-rác đến từ chi phái Nép-ta-li ở miền bắc, vậy ông không chỉ mời gọi được các binh sĩ từ chi phái của ông mà còn có những người từ hai chi phái lân cận là Sa-bu-lôn và Y-sa-ka. Trận chiến chống lại Gia-bin sẽ xảy ra gần núi Tha-bô, là biên giới của Y-sa-ka, Sa-bu-lôn và Nép-ta-li. Đê-bô-ra đã chiêu mộ được binh sĩ từ các chi phái ở miền trung gồm: Ép-ra-im (chi phái của bà), Bên-gia-min, và Ma-na-se ở bờ tây sông Giô-đanh. Ba-rác sẽ không lãnh đạo cuộc tấn công nếu Đê-bô-ra không đi cùng ông, chính vì thế bà bàn giao quân đội của mình cho một lãnh đạo vô danh và đi cùng Ba-rác.

Một lãnh đạo thực thụ thì thách thức người khác và khiến họ phát huy được điều tốt nhất. Việc đi lại và liên lạc thời bấy giờ rất khó khăn, nhưng Đê-bô-ra đã sắp xếp để huy động một đội quân lớn.

NHƯ MỘT NGƯỜI MẸ, BÀ KHÍCH LỆ HỌ TIN CẬY CHÚA (Các quan xét 4:11-16)

Đức Chúa Trời ban cho Đê-bô-ra kế hoạch tác chiến, và bà đã làm theo kế hoạch đó. Ba-rác sẽ nhóm hiệp đội binh của ông tại núi Tha-bô, nơi đó miền đất cuộn cuộn sẽ ngăn cản đường tiến công của xe quân địch. Khi quân đội phương nam xuất hiện, một số xe của Gia-bin sẽ đi đến miền đồng bằng sông Ki-sôn. Khi ấy Đức Chúa Trời sẽ ban mưa lớn khiến cho miền đồng bằng trở nên bùn lầy, khiến cho các xe của quân địch không thể di chuyển được (Các. 5:4-5, 20-22). Đức Chúa Trời sẽ ban cho Y-sơ-ra-ên sự chiến thắng trên người Ca-na-an.

“Hãy đứng dậy, vì này là ngày Đức Giê-hô-va phó Si-sê-ra vào tay ngươi” (Các. 4:14). Nương trên lời hứa ấy, Đê-bô-ra, Ba-rác và đội quân của họ đã chiến thắng Gia-bin, Si-sê-ra và đội quân Ca-na-an. Các xe mà Si-sê-ra nghĩ rằng sẽ đem lại sự chiến thắng lại trở nên vô dụng, nặng nề trong mưa lớn và bùn, và khi sông Ki-sôn ngập trong lũ và các dòng nước đổ trên núi Tha-bô, quân đội Ca-na-an trở nên bất lực.

NHƯ MỘT NGƯỜI MẸ, BÀ QUỠ TRÁCH NGƯỜI LƯỜI BIẾNG (Các quan xét 5:15-17)

Bốn chi phái không tham gia vào đội quân này. Ru-bên và Gát (Ga-la-át) nằm ở bờ đông sông Giô-đanh nên không cảm nhận sự áp bức của Gia-bin nhiều như Đan và A-se là hai chi phái nằm dọc theo bờ biển Địa Trung Hải, tất cả họ đều không tham chiến. Dân sự của thành Mê-rô thuộc chi phái Nép-ta-li cũng không tham gia (Các. 5:23; xem 5:18). Không tham chiến, những con người này đã quên những người anh em Do Thái của họ và cũng quên Chúa nữa.

NHƯ MỘT NGƯỜI MẸ, BÀ NHƯỜNG CÔNG LAO CHO NGƯỜI KHÁC (Các quan xét 4:17-24; 5:24-31)

Một lãnh đạo thực thụ không quan tâm ai nhận lời khen, miễn là Đức Chúa Trời được tôn vinh, và Đê-bô-ra khép lại bài ca của mình bằng việc hướng về Chúa. “Ôi, Đức Giê-hô-va! Nguyên hết thấy kẻ cừ địch Ngài đều hư mất như vậy! Nguyên những kẻ yêu mến Ngài được giống như mặt trời, khi mọc lên rực rỡ!” (Các. 5:31). Thất bại hoàn toàn của kẻ thù (Các. 4:16) đồng nghĩa với một bình minh mới dành cho người Y-sơ-ra-ên.

Đê-bô-ra dành một lời khen ngợi đặc biệt cho Gia-ên, người đã giết Tướng Si-sê-ra trong trại của mình. Vào thời đó, việc một người nam đơn thân đi vào lều trại của một người nữ là điều rất bất thường, chính vì thế đây sẽ là một nơi hoàn hảo để ẩn náu. Gia-ên thuộc một chi phái chung dung, thân thiện với Gia-bin, và lời mời của bà có vẻ rất chân thành. Bà cho ông uống sữa, và chờ cho đến khi ông ngủ say thì lấy một cây cọc trại mà đóng qua đầu. Ba-rác đến nơi đúng lúc nhìn thấy cái xác được bọc trong một chiếc áo choàng. Vâng, Gia-ên lừa dối, nhưng đây là một cuộc chiến và Si-sê-ra là kẻ thù.

Quả là lạ khi cả Đê-bô-ra lẫn Gia-ên đều không được nhắc đến trong Hê-bơ-rơ 11:32, trong khi tên Ba-rác được nhắc đến cùng với Ghê-đê-ôn, Sam-sôn, Giép-thê, Đa-vít và Sa-mu-ên. Nếu không nhờ Đê-bô-ra và Gia-ên, Ba-rác chắc hẳn sẽ không có được chiến thắng vĩ đại. Dĩ nhiên, câu chuyện này đã được ghi lại trong Các quan xét 4-5, nhưng lý do vì sao trước giả sách Hê-bơ-rơ đã bỏ sót hai người nữ vĩ đại này vẫn là một câu hỏi chưa có lời giải đáp. Đức Chúa Trời đã sử dụng hai người phụ nữ can đảm và một trận mưa bão để chiến thắng, nhưng Ba-rác thì được công nhận.

Đê-bô-ra là một người mẹ của Y-sơ-ra-ên và sẵn lòng nhường công lao của mình cho người khác. Đó chính là cách cư xử của một người mẹ.

Bài 23

GHÊ-ĐÊ-ÔN

Hỡi người đồng sĩ! Đức Giê-hô-va ở cùng ngươi.

Các Quan Xét 6:12

Bất cứ khi nào người Do Thái trong Cựu Ước muốn tá vế một chiến thắng vĩ đại thì đều so sánh chiến thắng đó với chiến thắng của Đức Chúa Trời trên Ai Cập trong hành trình ra khỏi Ai Cập

hoặc cuộc chinh phục của Ghê-đê-ôn đối với dân Ma-đi-an trong thời Các Quan Xét. Quả thật “ngày của Ma-đi-an” là một trải nghiệm đầy vinh quang trong lịch sử Do Thái, và họ không bao giờ quên ngày ấy (Thi 83:9, 11; Ê-sai 9:4; 10:26). Trước giả sách Các Quan Xét dành một phần đáng kể của sách để viết về Ghê-đê-ôn, và trước giả Hê-bơ-rơ 11 đã tôn vinh Ghê-đê-ôn khi liên tưởng ông với những anh hùng vĩ đại như Sa-mu-ên và Đa-vít (Hê-bơ-rơ 11:32).

Tuy nhiên, Ghê-đê-ôn không có khởi đầu của một “người đồng sĩ,” và không ai trong chi phái Ma-na-se nghĩ về ông như một chiến binh. Chúng ta có ấn tượng rằng gia đình Ghê-đê-ôn là một gia đình khá giả với ít nhất mười đầy tớ (Các 6:27), và Ghê-đê-ôn là người con út trong gia đình (Các. 6:15). Rất có thể cha của ông là một trong số các lãnh đạo của nhóm người thờ tà thần Ba-anh, song dường như Ghê-đê-ôn biết Đức Chúa Trời và những công việc của Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên trong quá khứ (Các. 6:13). Làm thế nào Đức Chúa Trời đã biến đổi Ghê-đê-ôn từ một chàng trai trẻ đầy sợ hãi trở thành một “người đồng sĩ,” người đã cứu Y-sơ-ra-ên? Ngài đã đối đãi với ông cùng một cách mà Ngài sẽ đối đãi với chúng ta khi Ngài muốn chúng ta hầu việc Ngài.

ĐỨC CHÚA TRỜI THÁCH THỨC CHÚNG TA (Các Quan Xét 6:1-14)

Nhiều học giả tin rằng thiên sứ của Chúa hiện ra cho Ghê-đê-ôn chính là ngôi hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Giê-su Christ. Người viếng thăm được gọi là “Đức Giê-hô-va” (Các 6:14, 16, 18) và thậm chí người đã tiếp nhận sự thờ phượng (c. 17-22), điều mà không thiên sứ nào dám nhận. (Chúng ta tìm thấy một cảnh tượng tương tự trong Các quan xét 13.) Nhưng dù chính Đức Chúa Trời hay một thiên sứ đặc biệt nào của Ngài đã đến thăm Ghê-đê-ôn, việc một sứ giả xuất hiện tại đây là vô cùng ý nghĩa. Nó có nghĩa là Đức Chúa Trời có một công tác đặc biệt cho Ghê-đê-ôn.

Đức Chúa Trời biết chàng trai trẻ này là ai – người nhỏ tuổi nhất trong một gia đình nông dân khá giả; Ngài biết ông đang ở đâu – nấp tại một bàn ép nho để đập lúa mạch. Ông đang lẩn trốn! Song Đức Chúa Trời gọi Ghê-đê-ôn là “người đồng sĩ” và khẳng định Đức Chúa Trời ở cùng ông. Ngài đã gọi ông là một đồng sĩ! Tuy nhiên Đức Chúa Trời không dùng mẹo tâm lý rẻ tiền để cải thiện hình ảnh cá nhân của Ghê-đê-ôn. Đức Chúa Trời biết tiềm năng bên trong của Ghê-đê-ôn, và Ngài đang hành động để khai phóng tiềm năng đó. Đức Chúa Giê-su đã nói điều tương tự với Si-môn Phi-e-rơ: “Ngươi là Si-môn, con của Giô-na; ngươi sẽ được gọi là Sê-pha (nghĩa là Phi-e-rơ)” (Giăng 1:42). Cả Phi-e-rơ và Sê-pha đều có nghĩa là “hòn đá.” Đó chính là cách Đức Chúa Trời thách thức chúng ta: “Bạn chính là – người mà bạn sẽ trở thành.” Và quả thật Phi-e-rơ đã trở nên một hòn đá, và Ghê-đê-ôn trở thành một người đồng sĩ.

Cũng như Ghê-đê-ôn, chúng ta thường có xu hướng tranh luận và cố gắng thuyết phục Chúa rằng khẳng định của Ngài về tiềm năng của chúng ta đã bị phóng đại quá mức. Môi-se đã làm điều đó khi Đức Chúa Trời kêu gọi ông (Xuất. 3-4), và chàng trai trẻ Giê-rê-mi cũng thế (Giê-rê-mi 1); tuy nhiên cuối cùng họ đều thuận phục và đầu phục ý muốn Chúa. Mừng cho họ vì đã làm thế, bởi vì nhờ đó mà họ mới trở thành người mà Chúa muốn họ trở thành. “Vì, ai biết ý tưởng Chúa,

ai là kẻ bần luận của Ngài?” (Rô-ma 11:34) Vì có khi nào Đức Chúa Trời cần chúng ta cung cấp cho Ngài thông tin gì về chính mình? Sau hết, từ trước khi chúng ta sanh ra, Đức Chúa Trời đã có kế hoạch cho từ cung một người mẹ sẽ hoài thai chúng ta, Ngài trang bị chúng ta để hoàn thành ý muốn Ngài (Thi 139:1-16). Ý muốn của Đức Chúa Trời chính là tình yêu của Ngài dành cho chúng ta (Thi 33:11), vậy chúng ta hãy tiếp nhận lời phán của Chúa và cho phép Ngài hành động.

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀM VỮNG CHẮC ĐỨC TIN CỦA CHÚNG TA (Các quan xét 6:16-7:14)

Dù Ghê-đê-ôn có nghĩ về chính mình như thế nào, nhưng Đức Chúa Trời phán rằng ông sẽ trở nên một dũng sĩ. Lời hứa và sự hiện diện của Chúa đảm bảo cho sự thành công với điều kiện Ghê-đê-ôn phải tin cậy và vâng lời. Đức Chúa Trời ban mệnh lệnh thì Ngài cũng ban cho năng lực, bởi vì đó chính là ý nghĩa của việc sống bởi đức tin. Song đức tin Ghê-đê-ôn rất yếu, chính vì thế Chúa đã bắt đầu làm vững chắc đầy tớ của Ngài để thực hiện nhiệm vụ Ngài giao.

Ít nhất mười hai lần Đức Chúa Trời đã phán cùng Ghê-đê-ôn trong chương các chương 6 – 7, bởi vì đức tin thật đến từ việc lắng nghe “lời đức tin” và tiếp nhận lời ấy vào lòng (Rô-ma 10:8, 17). Đức Chúa Trời cũng bày tỏ sự vinh hiển và quyền năng Ngài cho Ghê-đê-ôn khi Ngài dùng gậy chạm đến của dâng hiến và lửa từ hòn đá bốc lên thiêu hóa chúng. Sau đó người đưa tin biến đi khỏi mắt người! Đầu tiên chúng ta nghe và tin, sau đó đức tin được xác nhận bởi mắt thấy. Đáp lại, Ghê-đê-ôn xây một bàn thờ cho Chúa. Khi bạn tin cậy Đức Chúa Trời, bạn sẽ muốn thờ phượng Ngài.

Nhưng đó chỉ mới là bài học đầu tiên về đức tin. Bước tiếp theo Đức Chúa Trời truyền lệnh cho Ghê-đê-ôn phải phá dỡ bàn thờ thần Ba-anh tại nhà cha của mình và đánh hạ hình tượng nữ thần A-sê-ra ở trên đó. Sau đó ông phải dâng con bò đực thứ nhì của cha ông trên bàn thờ mà ông đã lập cho Đức Giê-hô-va. Đức tin không trưởng thành ngay tức khắc, chính vì thế chúng ta đừng nên chỉ trích Ghê-đê-ôn vì đã thực hiện những mệnh lệnh ấy trong đêm. Sáng hôm sau, các người nam trong thành muốn giết Ghê-đê-ôn vì việc ông đã làm, nhưng cha của ông đã chỉ ra rằng thật ngu muội khi thờ một thần không thể tự bảo vệ chính mình. Sau cuộc tranh cãi này, tất cả những gì Ghê-đê-ôn nhận được đó là biệt danh – Giê-ru-ba-anh, nghĩa là “địch thù của Ba-anh.” Trước tiên Đức Giê-hô-va đã thử thách Ghê-đê-ôn tại nhà, bởi vì nơi đó phải là nơi đức tin bắt đầu.

Sau đó Đức Chúa Trời làm vững chắc đức tin của Ghê-đê-ôn khi đổ đầy ông bằng quyền năng của Đức Thánh Linh. Đức tin nghĩa là sống không bởi mưu kế, cũng không bởi nỗ lực hay kinh nghiệm cá nhân. Giờ đây khi đã có một lãnh đạo đầy đầy Đức Thánh Linh, Chúa đem lại một đội quân 32.000 người tình nguyện từ A-bi-ê-xê-rít thuộc chi phái Ma-na-xe (chi phái của Ghê-bê-ôn) cũng như những người tình nguyện từ chi phái A-se, Sa-bu-lôn và Nép-ta-li (Các 6:34). Nhưng làm thế nào 32.000 người có thể chiến đấu với một đội quân đông như châu chấu trong thung lũng còn lạc đà của họ thì như cát bờ biển (Các 7:12)? Có lẽ Ghê-đê-ôn đang nhụt chí.

Tuy nhiên bài học thứ ba chính là: Đức Chúa Trời đã thông cảm cho sự yếu đuối của Ghê-đê-ôn và thực hiện những yêu cầu của ông đối với bộ lông cừu (Các 6:36-40). Khi Cơ Đốc Nhân nói về việc “để ngoài sân bộ lông cừu,” nghĩa là họ đang thú nhận sự nghi ngờ và sợ hãi chứ không phải đức tin. Ghê-đê-ôn biết lời hứa của Chúa (Các 6:36), nhưng ông muốn Ngài chứng minh lời hứa đó. Quả thật Đức Chúa Trời giàu ân điển, “Vì Ngài biết chúng tôi nấn nèn bởi giống gi, Ngài nhớ lại rằng chúng tôi bằng bụi đất” (Thi 103:14).

Ghê-đê-ôn thử Chúa, vậy nên Ngài tiếp tục thử thách Ghê-đê-ôn bằng việc loại bỏ 99 phần trăm quân đội của ông! Con số giảm từ 32.000 xuống còn 300! Đức Chúa Trời muốn Ghê-đê-ôn phải tin cậy Ngài chứ không tin cậy vào con người, vũ khí hay chiến thuật. Phục truyền luật lệ ký 20:1-9 ghi lại chỉ dẫn của Chúa để chuẩn bị một đội quân chiến đấu, và tại đó không có chỗ cho những binh lính nhút nhát. Tôi không nhận thấy ý nghĩa sâu xa nào sau phần thử thách uống nước bên bờ sông. Đó chỉ là phương cách của Chúa để nhanh chóng tìm ra cho Ghê-đê-ôn 300 người mà Chúa đã chọn. Một lần nữa, Đức Chúa Trời hứa với Ghê-đê-ôn rằng Ngài sẽ đánh bại kẻ thù (Các. 7:7).

Bởi ân điển, Chúa đã ban cho Ghê-đê-ôn sự khích lệ cuối cùng khi cho phép ông lắng nghe cuộc trò chuyện và bàn mòng của các lính canh Ma-đi-an (Các. 7:9-15). Lúa mạch là một loại hạt rẻ tiền và thường được người nghèo sử dụng, chính vì vậy thật chẳng ngoa khi ví sánh Ghê-đê-ôn với một chiếc bánh lúa mạch. Chúa muốn nhắc ông rằng nếu ông tin cậy nơi Đức Chúa Trời thay vì tin vào chính mình, thì ông sẽ nhận được phần thắng. Nếu lính canh của kẻ thù tin rằng Ghê-đê-ôn sẽ thắng thì tại sao Ghê-đê-ôn lại nghi ngờ về điều đó? Nhưng Ghê-đê-ôn không được tôn mình lên, bởi vì ông chỉ là một chiếc bánh lúa mạch!

ĐỨC CHÚA TRỜI BAN PHƯỚC KHI CHÚNG TA VẮNG LỜI (Các quan xét 7:15-8:35)

Chắc chắn 300 quân lính đều được trang bị vũ khí, song họ bắt đầu tấn công bằng những cái bình không, kèn và đuốc. Đức Chúa Trời vẫn sử dụng những điều ngu muội và yếu đuối để làm xấu hổ những điều “vĩ đại” trong thế gian này (1 Cô-rinh-tô 1:26-31), bởi vì đó chính là cách mà Ngài được tôn vinh nhiều nhất. Ghê-đê-ôn đã có thể tổ chức một cuộc họp lãnh đạo xuyên đêm và bàn cãi về chiến thuật của Chúa, nhưng đó chỉ là một sự lãng phí thời gian đầy nguy hại. Ánh sáng bất ngờ bùng lên, tiếng kèn thổi, và tiếng la lớn của đội quân khiến cho người Ma-đi-an bất ngờ, kẻ thù bắt đầu đâm chém lẫn nhau và chạy trốn. Ghê-đê-ôn kêu gọi tiếp viện, vậy số còn lại của quân đội cùng những tình nguyện viên mới (thật dễ tham gia tình nguyện khi ta đã biết một đội quân đang thắng cuộc), và họ đuổi theo quân địch và giết 120.000 người (Các 8:10).

Cách Ghê-đê-ôn giải quyết vấn đề với người Ép-ra-im (Các. 8:1-3) cho thấy ông biết cách dùng lời đáp êm nhẹ như thế nào (Châm. 15:1; 17:14), và cách ông trừng phạt người Su-cốt (Các 8:4-21) cho thấy ông có sự khôn ngoan sáng suốt. Người Ép-ra-im có lời phàn nàn cá nhân với Ghê-đê-ôn, nhưng người Su-cốt thì chống lại người chỉ huy của Chúa. Trong chiến lược “càn quét” của Ghê-đê-ôn, ông biết cần phải tha cho ai và cần phải phạt ai. Tuy nhiên điều rõ ràng đó là Đức

Chúa Trời đã làm điều kỳ diệu theo một cách vượt trội nhất, và Ghê-đê-ôn đã hành động bởi đức tin.

Nếu câu chuyện kết lại tại đây ắt hẳn sẽ tốt hơn rất nhiều cho Ghê-đê-ôn và dân Y-sơ-ra-ên: Ghê-đê-ôn thắng một trận chiến nhưng gặt lấy thất bại sau đó. Andrew Bonar đã phát biểu rằng: “Hãy cẩn trọng trước lúc bước vào cuộc chiến cũng như sau khi đã chiến thắng,” nhưng Ghê-đê-ôn không biết hoặc không lưu tâm đến lời cảnh báo ấy. Ông tỏ vẻ thuộc linh khi từ chối ngôi vương và nói rằng: “Đức Giê-hô-va sẽ quản trị các ngươi” (Các 8:23), nhưng trong lòng ông lại muốn thu về cho mình những hoa lợi mà đất nước tạo ra. Ông không làm vua, nhưng ông đã sống những năm cuối đời như một vị vua! Sau khi giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi sự trói buộc do sự thờ lạy hình tượng gây ra, Ghê-đê-ôn đã dẫn dân sự quay trở về với chính sự thờ lạy hình tượng mà tay họ tự tạo nên!

Ghê-đê-ôn đã bỏ lỡ cơ hội quý báu để dẫn đất nước quay trở về với Đức Chúa Trời và luật pháp Môi-se. Đánh bại kẻ thù vẫn chưa đủ; họ phải đầu phục Chúa và sống làm đẹp lòng Ngài. Ngay khi Ghê-đê-ôn qua đời, dân sự đã quay trở về với thần Ba-anh. Thân thể của họ được giải phóng khỏi trói buộc, nhưng tâm lòng họ vẫn là nô lệ cho hình tượng. Nhờ đức tin, “người dùng s” đã đưa Y-sơ-ra-ên đến chiến thắng, nhưng vì kiêu ngạo và tham lam, ông đã dẫn dân sự về với sự thất bại.

Bài 24

SAM-SÔN

Ấy là một người phân tâm, phạm lầm việc gì đều không định.

Gia-cơ 1:8

Sam-sôn thường bị đánh giá là một người “không dứt khoát,” tuy nhiên nhận định trên không chính xác. Ông đã có những quyết định rất dứt khoát, song những quyết định đó thường không đúng đắn. Từ khi còn trẻ, ông đã quyết định phục vụ cho hai chủ - là chính ông và Chúa – và quyết định này đã khiến ông sụp đổ. Charles Spurgeon đã phát biểu rằng: “Cuộc đời của Sam-sôn đầy dẫy những phép lạ và những hành động đại dột. Sam-sôn không có gì ngoài một chút ân điển của Chúa và dễ dàng đầu hàng trước cám dỗ. Ông bị dụ dỗ và đi lạc lối. Dù thường bị sửa phạt, nhưng rồi Sam-sôn lại cứ tái phạm.”² Đức Chúa Giê-su dạy rằng chớ làm tôi hai chủ (Ma-thi-ơ 6:24), nhưng cũng như nhiều người khác, Sam-sôn làm tôi hai chủ.

Sam-sôn đã có một khởi đầu tuyệt vời, song khởi đầu tốt không đảm bảo cho một cái kết có hậu. Ông có cha mẹ tin kính, và thiên sứ của Chúa đã thông báo về sự chào đời của ông. Sam-sôn được Đức Chúa Trời kêu gọi đặc biệt, Ngài cho ông cơ hội làm quan xét dân Y-sơ-ra-ên (Các 16:31) và chinh phục người Phi-li-tin (Các. 13:5). Cả Sam-sôn và Đa-vít đều hoàn thành nhiệm vụ của mình. Sam-sôn là một người Na-xi-rê, người được biệt riêng cho Đức Chúa Trời (Dân. 6),

² Spurgeon, *Metropolitan Tabernacle Pulpit*, vol. 4, 474.

và “Đức Giê-hô-va ban phước” cho ông (CÁC. 13:24). Trong Hê-bơ-rơ 11:32, Sam-sôn được tôn vinh về đức tin chứ không phải về sự trung tín, bởi vì ông không phải là đầy tớ trung tín. Ông được phú cho sức mạnh thiên thượng và chiến đấu chống lại cả một đội quân, song khi bị một người nữ cám dỗ, ông trở nên yếu đuối và dao động như nước.

Giả dụ như lý do chúng ta cần phải thận trọng đó là vì chúng ta không có toàn bộ câu chuyện về hai mươi năm làm quan xét của Sam-sôn, tuy nhiên chính cuộc sống ngắn ngủi của ông cũng đủ minh chứng mạnh mẽ cho việc con người thường dễ quên đi quyết định của mình, nhưng những quyết định đó không bao giờ quên chúng ta. Hãy đưa ra những quyết định đúng đắn trong cuộc sống; bởi vì cuối cùng, ý muốn Chúa sẽ được hoàn thành và số phận của chúng ta sẽ bị định đoạt.

CHỌN ĐỨC THÁNH LINH, KHÔNG CHỌN XÁC THỊT

Sách CÁC quan xét ghi lại bốn lần Đức Thánh Linh hành động trong đời sống Sam-sôn (CÁC. 13:25; 14:6, 19; 15:14), và chắc chắn còn rất nhiều lần khác nữa; tuy nhiên được Đức Thánh Linh *ban năng lực* và được Ngài *tôn quý* là hai trải nghiệm khác nhau. Trải nghiệm thứ nhất nói về sự phục vụ, trải nghiệm thứ hai nói về phẩm chất con người, và Đức Chúa Trời quan tâm đến cả hai điều trên. Khi chúng ta muốn hoàn thành mục đích của Chúa cho thế giới này, nếu chúng ta hoàn toàn đầu phục Chúa và không có hai lòng thì bước đi của chúng ta với Chúa sẽ hòa hợp với sự phục vụ dành cho Ngài và phẩm chất Cơ Đốc sẽ được xây dựng.

Sam-sôn muốn Đức Thánh Linh giúp ông tiêu diệt kẻ thù nhưng lại không muốn Ngài tiêu diệt dục vọng của mình, những thèm khát xác thịt đang kiểm soát và hủy hoại chính ông. “Vậy tôi nói rằng: Hãy bước đi theo Thánh Linh, chớ hề làm trọn những điều ưa muốn của xác thịt” (Ga. 5:16). Người hai lòng tự chia cuộc sống của họ thành nhiều phần, đa phần là sống cho chính mình và thỉnh thoảng phục vụ Chúa, tuy nhiên thái độ hai lòng không gây dựng phẩm chất tín kính, cũng không giúp cho sự phục vụ được dài lâu.

CHỌN LÀM THEO Ý CHÚA, KHÔNG CHỌN SỰ THỎA MÃN CÁ NHÂN

Trong số các dân tộc mà Đức Chúa Trời dùng để sửa phạt tội lỗi người Y-sơ-ra-ên, dân Phi-li-tin là lâu dài nhất – bốn mươi năm (CÁC. 13:1) – và họ tự lập mình làm chủ của người Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời đẩy lên Sam-sôn để “chọc tức” người Phi-li-tin và cũng để nhắc người Y-sơ-ra-ên rằng những con người thờ phượng hình tượng này chính là kẻ thù của họ. Sam-sôn không đẩy lên một đạo quân và cũng không xua đuổi những kẻ xâm lược ra khỏi xứ; đó không phải là sự kêu gọi của ông. Nhiệm vụ của ông đó là chọc tức người Phi-li-tin và khiến họ xao nhãng việc tấn công người Y-sơ-ra-ên. Đáng buồn thay, người Y-sơ-ra-ên đã quen với việc làm nô lệ, họ không muốn Sam-sôn khuấy động “sự yên bình” đó. Thậm chí họ còn sẵn sàng giao nộp ông cho kẻ thù (CÁC. 15)!

Tuy nhiên vấn đề của Sam-sôn đó là ông muốn làm theo ý mình. Đối với ông, điều quan trọng nhất đó là thỏa mãn bản thân, và ông muốn cha mẹ vâng theo ý mình. Sam-sôn bị “cuốn theo

dòng chảy,” bởi vì khi ấy “mọi người cứ làm theo ý mình tưởng là phải” (Các. 17:6; 21:25). Chúng ta không thấy Sam-sôn cầu hỏi sự hướng dẫn của Chúa. Là một người Na-xi-rê, Sam-sôn cần phải sống đẹp lòng Chúa, nhưng dường như đây không phải là điều quan trọng nhất đối với ông. Ông ăn mật ong ô ử lấy từ xác sư tử, mặc dù người Na-xi-rê không được chạm vào xác chết (Các. 14:8-9; Dân. 6:6, 9). Thậm chí ông còn dựng một câu chuyện đùa với cái xác sư tử đó (Các. 14:14). Ban ngày Sam-sôn chiến đấu trận chiến của Chúa, nhưng ban đêm thì viếng thăm kỹ nữ.

Nhưng ngay cả khi Sam-sôn làm theo ý Chúa, ông cũng không có động cơ ngay thẳng. Thậm chí khi chiến đấu cuộc chiến của Chúa, Sam-sôn hành động vì sự trả thù hơn là vì sự công bình. Sam-sôn nói cùng người Phi-li-tin sau khi họ đã giết vợ và cha vợ của ông rằng: “Nếu các ngươi làm như vậy, thì ta quyết hẳn báo thù các ngươi rồi mới chịu an nghỉ” (Các. 15:7). Lần cuối cùng cầu nguyện, ông xin Chúa cho ông có thể giết người Phi-li-tin vì họ đã làm cho ông mù lòa chứ không phải vì họ là kẻ thù của Đức Chúa Trời (Các. 16:28). Cứ cho là Sam-sôn đã nhiều lần bị người Phi-li-tin lừa gạt, nhưng ông cũng tự khiến mình rơi vào những hoàn cảnh ấy và vì thế ông phải hứng chịu hậu quả. Bạn có những gì mình muốn từ cuộc sống, nhưng bạn phải trả giá. Alexander Whyte viết rằng: “Cũng như Sam-sôn, bạn đi ra chống lại kẻ thù của Đức Chúa Trời và của Hội Thánh, tuy nhiên khi thực hiện, bạn đều biến chiến dịch của mình thành một dịp cho cảm xúc, sự giận dữ, sự trả thù và báo thù của cá nhân.”³ Sự sốt sắng trong tôn giáo và thậm chí là lòng yêu nước cũng có thể che đậy rất nhiều tội lỗi.

CHỌN SỐNG BỞI ĐỨC TIN, KHÔNG BỞI MẮT THẤY

Sam-sôn không chỉ gặp vấn đề với “cái tôi” nhưng cũng gặp vấn đề với “đôi mắt.” Ông nhìn thấy một người nữ tại Thim-na và một mực đòi cha mẹ cưới nàng cho mình (Các. 14). Ông nhìn thấy một kỹ nữ tại Ga-xa và ông đã nghỉ đêm cùng bà (Các. 16:1-3). Ông nhìn thấy Đa-li-la tại trũng Sô-réc và ông đã để cho bà dụ dỗ mình không vâng lệnh Chúa. Tham dục của mắt và tham dục của xác thịt kết hợp cùng nhau. Sau khi bắt được Sam-sôn, người Phi-li-tin móc đôi mắt của ông để ông không thể gây thêm rắc rối được nữa. Dù mất đôi mắt nhưng chắc chắn Sam-sôn phải nhận lãnh hậu quả đau buồn từ cái nhìn đầy dục vọng của mình.

Sam-sôn có đức tin để nhờ cậy nơi quyền năng của Chúa khi nhìn thấy sự nguy hiểm thể lý, song ông thiếu nhận thức để nhìn thấy sự nguy hiểm thuộc linh. Sống bởi đức tin không giống như việc tùy ý bật hay tắt một chiếc ra-đi-ô; nhưng đó là điều mà chúng ta phải luôn luôn sống với. Khi bạn sống bởi đức tin, việc cầu nguyện và ngợi khen Chúa trở nên một sinh hoạt bình thường cũng giống như hơi thở hoặc rửa tay, tuy nhiên đối với Sam-sôn, chúng ta chỉ đọc thấy hai lần ông cầu nguyện (Các. 15:18; 16:28) và một lần ông ngợi khen Chúa (Các. 15:18). Người sống bởi đức tin thì không tin cậy nơi sự khôn ngoan của họ nhưng học cách nương dựa nơi Chúa (Châm. 3:5-6).

³ Alexander Whyte, *Bible Characters from the Old and New Testaments* (Grand Rapids, Mich.: Kregel. 1990), 198.

Hãy xem bản đồ Y-sơ-ra-ên, bạn sẽ thấy Sam-sôn không ngu trong Miền Đất Hứa nhưng lang thang nơi biên giới Phi-li-tin và thậm chí ông đã tiến vào lãnh thổ của kẻ thù để tìm khoái lạc. Nhà của ông ở tại Xô-rê-a, cách Thi-ma chừng tám ki-lô-mét, gần biên giới Phi-li-tin. Gát nằm ngay khu vực biên giới. Ách-ca-lôn cách Thim-na chừng bốn mươi ki-lô-mét. Khi đã bắt đầu nhận thấy kẻ thù ở gần như thế nào, chúng ta buộc phải gặp họ. Chúng ta có ấn tượng rằng Sam-sôn không hề đặt nặng vấn đề tội lỗi và có lẽ đã quá tin tưởng vào sức mạnh bản thân.

CHỌN SỰ SÁNG, KHÔNG CHỌN BÓNG TỐI

Tên Sam-sôn có nghĩa là “năng,” song ông chết trong bóng tối. Trong Kinh Thánh, sự sáng là ẩn dụ về Đức Chúa Trời và sự thánh khiết (Giăng 8:12; Ê-phê-sô 5:3-14; 1 Giăng 1:5-10), khi chúng ta bước đi theo Đức Chúa Giê-su, Ngài là sự sáng của thế gian, nên chúng ta bước đi trong sự sáng của cuộc sống; tuy nhiên nếu chúng ta bước vào trong sự tối tăm của việc không vâng phục, khi ấy chúng ta đang đi trên con đường sự chết chứ không phải con đường sự sống.

Hết đêm này đến đêm khác, Sam-sôn viếng thăm Đa-li-la, nuông chiều tội lỗi, tự đưa bản thân vào sự nguy hiểm, và cuối cùng là sập bẫy. Ông đánh mất dấu chỉ sự biệt riêng chính là chiếc vương miện của người Na-xi-rê (Dân. 6:7), và vì thế ông đánh mất sức mạnh của mình. Ông đánh mất sự tự do, đánh mất thị giác, đánh mất lời chứng, và cuối cùng ông đánh mất sự sống mình. Ông nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ giải cứu ông như Ngài đã từng làm trước đó, song “người chẳng biết rằng Đức Giê-hô-va đã lia khỏi mình” (Các. 16:20). Trước đó, ông vẫn là một con người đặc biệt, thậm chí là một con người độc nhất; song giờ đây ông trở nên yếu ớt như bất kỳ người nam nào khác. Thay vì là một quan xét cho dân Y-sơ-ra-ên, Sam-sôn cuối cùng trở thành một kẻ mua vui cho kẻ thù. Charles Spurgeon đã viết rằng: “Bởi vì thật đáng thương thay cho người canh gác của Đức Chúa Trời trở thành người mua vui của thế gian.”⁴

Mặc dù động cơ của Sam-sôn là để trả thù chứ không nhằm tôn vinh Đức Chúa Trời, nhưng ông đã dửng dưng hy sinh để giáng một đòn cuối cùng lên kẻ thù. Các lãnh đạo quan trọng nhất của người Phi-li-tin đều hiện diện nơi buổi tiệc, và khi họ bị tiêu diệt, đất nước hứng chịu thiệt hại nặng nề. Chỉ ít không có một người Phi-li-tin nào ngăn cản thân nhân đến nhận xác Sam-sôn và thực hiện một lễ tang trang trọng cho ông. Ông được chôn tại “giữa Xô-rê-a và Ê-ta-ôn” gần nơi mà khi trước Đức Chúa Trời đã bắt đầu hành động trong đời sống ông (Các. 16:31; 13:25). Sam-sôn đã đi hết chu kỳ của mình.

Cái chết của Sam-sôn và sự sụp đổ của cái đền khiến ta liên tưởng đến Châm ngôn 25:28: “Người nào chẳng chế trị lòng mình, khác nào một cái thành hư nát, không có vách ngăn.” Trước khi cái đền của người Phi-li-tin bị sụp đổ, Sam-sôn đã để cho bước tường của sự biệt riêng ra thánh và bức tường của sự tiết độ tự đổ nát trong chính đời sống ông, và cũng giống như một cái thành không có vách ngăn, bất cứ điều gì cũng có thể bước vào hoặc đi ra khỏi cái thành đó. Ông

⁴ Spurgeon, *Metropolitan Tabernacle Pulpit*, vol. 37, 87.

không để lại một điều gì lâu dài. Y-sơ-ra-ên không hẳn đã trở nên khá hơn; dân sự vẫn làm điều mà họ cho là phải, và họ bằng lòng chịu ách cai trị của kẻ thù.

Tuy nhiên nơi nào có nhiều tội lỗi thì nơi đó ân điển lại càng dư dật; và nhìn chung, Sam-sôn đã hoàn thành công tác Chúa giao: ông chọc tức kẻ thù và khiến cho họ xao nhãng việc áp bức người Do Thái. Những người khác sẽ lãnh phần việc còn lại đó là tiếp tục chạm trán kẻ thù và cuối cùng giải phóng người Y-sơ-ra-ên.

Không nhiều người được kêu gọi để trở thành những vị tướng chỉ huy, tuy nhiên mỗi một chúng ta đều có thể làm phần việc của mình để góp công cho sự chiến thắng của một Sam-sôn hay một Đa-vít nào đó trong tương lai.

Bài 25

RU-TƠ

Nàng là một người đàn bà hiền đức.

Ru-tơ 3:11

Mỗi khi đọc đến sách Ru-tơ, bạn hãy nhớ đến hai điều quan trọng. Thứ nhất, đây là câu chuyện đẹp xảy ra trong những ngày khó khăn và nguy hiểm, đó là thời gian mà các quan xét cai quản dân sự và Đức Chúa Trời luôn phải sửa phạt họ. Thời gian đó rất khó khăn. Thế giới của chúng ta ngày nay có thể rất đau buồn, nhưng tình yêu thương của Đức Chúa Trời vẫn hằng còn, và một ngày trong tương lai Chúa sẽ tiếp nhận nàng dâu của Ngài. Sự thù oán và ích kỷ của thế gian không thể ngăn cản Chúa thực hiện công việc yêu thương, và đây chính là điều khích lệ tôi.

Thứ hai, quyển sách này nói về những con người bình thường với những hoạt động bình thường trong cuộc sống. Không có phép lạ nào xảy ra, ngoại trừ phép lạ về sự dẫn dắt và thời điểm của Chúa, và ngày nay phép lạ này vẫn tiếp diễn trong đời sống của những con dân vâng lời Chúa. Khi cuộc sống đổ vỡ và không còn tồi tệ hơn được nữa, Đức Chúa Trời đã làm trọn kế hoạch của Ngài cho Ru-tơ và Na-ô-mi và mọi việc trở nên trọn vẹn. Ru-tơ, Na-ô-mi và Bô-ô đều trải nghiệm câu Kinh Thánh Rô-ma 8:28 trước khi Phao-lô viết câu Kinh Thánh này. Ngày nay chúng ta vẫn có thể công bố sự đảm bảo này.

Câu chuyện của Ru-tơ mở đầu với ba đám tang và kết lại khi một em bé được chào đời –đó không phải là một đứa trẻ tầm thường, bởi vì con của Bô-ô và Ru-tơ chính là tổ tiên của vua Đa-vít, và từ dòng dõi vua Đa-vít, Đức Chúa Giê-su đã vào đời.

Ru-tơ được tả là “một người đàn bà hiền đức,” và đây cũng chính là cụm từ diễn tả “người vợ hoàn hảo” của Sa-lô-môn (Châm. 31:10, 29). Tài đức là điều mọi người đều cần và đều có thể có được nếu chúng ta đầu phục ý muốn của Chúa và cho phép Ngài sử dụng những công cụ của Ngài trong cuộc sống của chúng ta.

ĐAU KHỔ CÁ NHÂN

Mô-áp và Am-môn là hai dân tộc bắt nguồn từ mối quan hệ loạn luân giữa Lót và hai người con gái (Sáng 19:30-38), chính vì vậy người Y-sơ-ra-ên là họ hàng xa của người Mô-áp. Tuy nhiên, mặc dù là họ hàng xa, họ là kẻ thù của nhau. Người Mô-áp và người Am-môn không được phép vào hội người Y-sơ-ra-ên “dầu đến đời thứ mười cũng chẳng hề bao giờ được” (Phục. 23:2-6), nghĩa là “không bao giờ được.” Khi người Do Thái hồi hương sau thời gian bị lưu đầy tại Ba-by-lôn, các lãnh đạo đã phải kỷ luật những người nam cưới phụ nữ Mô-áp (Ê-xơ-ra 9; Nê-hê-mi 13:23). Song tại đây Na-ô-mi trở về Bết-lê-hem, đem theo cô con dâu người Mô-áp.

Không chỉ là một người Mô-áp, hơn thế nữa, Ru-tơ là một quả phụ trẻ không có hy vọng cưới được một người đàn ông Do Thái tại Bết-lê-hem. Đức Chúa Trời truyền lệnh cho người Do Thái phải bày tỏ lòng tốt đối với “khách lạ, kẻ mồ côi và người góa bụa” (Phục. 24:19-21; 26:12-13), và Ru-tơ thuộc cả ba đối tượng trên. Nhưng bà đến từ Mô-áp! Vậy người Do Thái có buộc phải bày tỏ lòng tốt đối với bà hay không?

Có một sự thật từ ngàn xưa và gần như đã trở thành một câu nói kinh điển đó chính là sự đau khổ hoặc sẽ giúp chúng ta thành công hoặc sẽ khiến chúng ta thất bại nặng nề. Ru-tơ đã có thể từ chối Đức Chúa Trời của Na-ô-mi và nuôi dưỡng sự cay đắng của mình, song ân điển Chúa đã thay đổi tấm lòng của Ru-tơ, và chính tình yêu và tấm gương của Ru-tơ đã dần thay đổi Na-ô-mi. Khi chúng ta tin cậy Chúa, những điều phiền muộn sẽ hóa thành ích lợi chứ không phải trở ngại. “Vì sự hoạn nạn nhẹ và tạm của chúng ta sanh cho chúng ta sự vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng vô biên” (2 Cô-r. 4:17). “Biết rằng hoạn nạn sanh sự nhịn nhục, sự nhịn nhục sanh sự rèn tập, sự rèn tập sanh sự trong cậy” (Rô-ma 5:3-4).

ĐỨC TIN CỨU RỜI

Tại sao Na-ô-mi không muốn đem hai cô con dâu cùng đi với mình đến Bết-lê-hem? Cả ba cùng khởi hành, song Na-ô-mi bỗng dừng lại và nài khuyên Ôt-ba và Ru-tơ hãy quay trở về quê hương và thần của họ và để bà ra đi một mình. Phải chăng Na-ô-mi không muốn đem về Bết-lê-hem bằng chứng con của bà đã lấy phụ nữ ngoại quốc? Ôt-ba vâng lệnh Na-ô-mi và trở về nhà, nhưng Ru-tơ thì trung thành với mẹ chồng bởi vì bà đã tin cậy nơi Đức Chúa Trời hằng sống chân thật. “Dân sự của mẹ, tức là dân sự của tôi; Đức Chúa Trời của mẹ, tức là Đức Chúa Trời của tôi” (Ru. 1:16). Người đặt lòng tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ chính là “công việc Đức Chúa Trời làm ra,” Ngài hành động cho họ, trong họ và qua họ để khiến họ trở nên theo ý Ngài (Ê-phê-sô 2:8-10; Phi-líp 2:12-13).

Khi nghĩ đến hoàn cảnh của Ru-tơ, việc bà có một niềm tin mạnh mẽ nơi Đức Chúa Trời của người Y-sơ-ra-ên đó quả thật là một điều đáng kinh ngạc. Bà sống trong một gia đình Do Thái có ít đức tin nơi Đức Chúa Trời mà họ hầu việc. Cuối cùng, khi nạn đói xảy ra, gia đình này đã rời khỏi Bết-lê-hem để tìm kiếm sự giúp đỡ từ kẻ thù của họ. Họ đã không thể tin cậy nơi Đức Chúa Trời sao? Và Đức Chúa Trời là ai mà đã cho phép ba người đàn ông qua đời và để lại ba quả phụ bất lực trong thế giới? Na-ô-mi rất cay đắng và không phải là một gương mẫu cho Ru-tơ noi

theo. Hãy nhớ rằng, Na-ô-mi muốn hai người con dâu của bà quay trở về với quê hương và thần của họ. Bất chấp mọi ảnh hưởng tiêu cực đau thương này, bởi ân điển Chúa, Ru-tơ trở thành một người tin Chúa với một đức tin mạnh mẽ đến nỗi Na-ô-mi đã nhờ cậy nơi Ru-tơ!

Bô-ô đã có một phát biểu tuyệt vời khi nói về Ru-tơ trên cánh đồng: “Nguyện Đức Giê-hô-va báo đáp điều nàng đã làm; nàng đã đến núp dưới cánh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên; cầu xin Ngài thương cho nàng cách trọn vẹn” (Ru. 2:12). Khi nói đến từ “cánh,” chúng ta thường nghĩ đến hình ảnh gà mẹ bảo vệ con mình, nhưng tôi tự hỏi có phải Bô-ô đang chỉ về đôi cánh của Chê-ru-bim trong Nơi Chí Thánh (xem Xuất. 25:17-22; Thi. 36:7-7; 61:4). Theo Ê-phê-sô 2:11-12, Ru-tơ là người ngoài không có phẩm chất thuộc linh, là người không được nhận ân phước thuộc linh của người Do Thái, song nhờ đức tin, bà không chỉ được nhận vào cộng đồng người Y-sơ-ra-ên mà còn có mối liên hệ với Đức Chúa Trời! Nói một cách thuộc linh, thay vì phải đứng ở ngoài trong sự chối bỏ, bà được ở trong Nơi Chí Thánh cùng Đức Chúa Trời.

SỰ CHĂM SÓC TẬN TỤY

Trong Ru-tơ 1, chúng ta thấy Ru-tơ đặt Đức Chúa Trời lên hàng đầu và không thay đổi quyết định của mình nhưng cứ đi theo Na-ô-mi. Trong Ru-tơ 2, bà thương yêu chăm sóc cho Na-ô-mi và đi mót lúa ngoài đồng để có thức ăn. Mùa lúa mạch bắt đầu từ giữa tháng Tư, còn mùa lúa mì rơi vào đầu tháng Sáu, vậy Na-ô-mi và Ru-tơ đã trở về Bết-lê-hem đúng vào mùa gặt. “Đức Giê-hô-va báo hộ khách lạ, nâng đỡ kẻ mồ côi và người góa bụa” (Thi. 146:9). Tuy nhiên, đây không phải là bằng chứng duy nhất cho sự chu cấp của Đức Chúa Trời, bởi vì Ngài đã dẫn dắt cho Ru-tơ đi mót lúa tại cánh đồng của Bô-ô, là người độc thân thích hợp nhất tại Bết-lê-hem. Và Bô-ô đã xuất hiện ngay khi bà đang mót lúa!

Bô-ô hỏi rằng: “Người gái trẻ này là con của ai?” Dường như câu hỏi này minh chứng cho một tiếng sét ái tình vừa xảy ra. Cũng như bao người khác tại Bết-lê-hem, Bô-ô hay biết sự khó nhọc của Na-ô-mi tại Mô-áp và ông biết được người con dâu là Ru-tơ đã tìm đến đức tin nơi Chúa ra sao và tính cách của cô thế nào. Bằng hành động sắp mình dưới chân chủ mùa gặt, bà bày tỏ sự hạ mình đầy tình tế khiến cho Bô-ô rất ấn tượng.

Nếu Ru-tơ chỉ ngồi ở nhà than khóc, bà sẽ không bao giờ gặp được Bô-ô và trở thành vợ ông. Bạn có nhận thấy Đức Chúa Trời ban phước lớn cho những ai làm việc chăm chỉ không? Đức Chúa Trời kêu gọi Mô-i-se khi ông đang chăn bầy chiên của Giê-trô, và Ngài kêu gọi Ghê-đê-ôn khi ông đang đập lúa. Đa-vít vâng lời cha mình đi đến doanh trại của người Y-sơ-ra-ên, và tại đó Đức Chúa Trời đã dùng ông để giết gã khổng lồ Gô-li-át. Đức Chúa Giê-su kêu gọi Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ, và Giăng khi họ đang đánh cá, và Ngài kêu gọi Ma-thi-ơ khi ông đang làm việc thu thuế. Chiếc xe sẽ không chạy nếu người lái không vào số. Hãy giúp đỡ người khác, và Chúa sẽ dẫn dắt bạn.

Có những công việc lạc hậu nhưng làm sáng tỏ tâm trí, làm ấm lòng và xây dựng nhân cách. Tiến sĩ Bob Cook phát biểu rằng: “Công việc nặng nhọc sẽ trở nên sự xúc động và vui mừng khi bạn làm việc ấy trong ý muốn Chúa” và ông đã nói đúng. Công việc của Ru-tơ không chỉ khó

nhọc, nhưng cũng rất bề mặt, bởi vì khi đi mót lúa, bà thể hiện mình là người nghèo thiếu và không nơi nương tựa. Người mót lúa sống nhờ vào sự dư thừa của người khác, nhưng bà không quan tâm. Bà đang sống trong Nơi Chí Thánh, ẩn nấp dưới bóng cánh của Đức Giê-hô-va, và Ngài hành động thay cho bà.

THUẬN PHỤC TRONG SỰ YÊU THƯƠNG

Trong khi chờ đợi tại nhà, Na-ô-mi góp công qua việc cầu nguyện và lên kế hoạch cho tương lai tốt đẹp của con dâu. Na-ô-mi biết rằng Bô-ô là họ hàng gần và Ru-tơ được quyền đến với Bô-ô và cầu xin sự che chở, chăm sóc của ông với cương vị của một người chồng. Tại cánh đồng, Ru-tơ đã từng sấp mình dưới chân và cảm ơn Bô-ô về lòng tốt mà ông dành cho bà (Ru-tơ 2:10), tuy nhiên lần này Ru-tơ sẽ đến nơi chân Bô-ô để nhận ông là bà con gần có quyền chuộc sản nghiệp của bà (Ru-tơ 3:5-8).

Đất đai thuộc về Đức Chúa Trời và Ngài cho phép người Do Thái được sinh sống và hưởng lợi từ đất. Nếu một người Do Thái rơi vào hoàn cảnh khó khăn đến nỗi phải bán đất thì một người họ hàng gần có quyền cứu người bà con của mình mà mua lại mảnh đất ấy. Cũng vậy, nếu chủ đất qua đời còn vợ của anh ta giờ đây là góa phụ trở nên nghèo thiếu thì một họ hàng gần có quyền mua lại mảnh đất ấy nếu anh ta đồng ý cưới người đàn bà góa kia. Việc này được giải thích trong sách Lê-vi 25:23-55. Vì biết Lời Chúa nên Na-ô-mi mới có thể kể cho Ru-tơ chính xác việc gì cần phải làm. Ru-tơ vâng phục Na-ô-mi, và Đức Chúa Trời đã làm phần việc còn lại. Luật pháp về họ hàng gần có quyền chuộc sản nghiệp chính là hình ảnh tuyệt vời về những việc Đấng Christ đã làm cho chúng ta. Chúng ta là những người nghèo thiếu trong tâm linh và đã đánh mất sản nghiệp mình, song Ngài đã trở nên “họ hàng gần” và dùng chính mạng sống Ngài để mua chuộc sản nghiệp cho chúng ta. Thật tình yêu Ngài vĩ đại biết bao!

Bô-ô rất sợ hãi khi thức dậy và phát hiện một người nữ đang ở dưới chân ông, nhưng khi nhận ra đó là ai thì lòng đầy vui mừng. Ru-tơ xin rằng: “Xin đắp mền ông trên kẻ tớ gái ông” (Ru-tơ 3:9), theo luật pháp, câu nói này hàm ý rằng: “Em tuyên bố anh là họ hàng gần có quyền chuộc sản nghiệp và là chồng của em.” Trong Ru-tơ 3:9 từ “đắp mền” chính là từ “đôi cánh” đã được dịch trong Ru-tơ 2:12. Ru-tơ không chỉ ẩn nấp dưới bóng cánh của Đức Giê-hô-va bởi đức tin, nhưng bà cũng ở dưới bóng cánh của Bô-ô bởi vì sự vâng phục yêu thương của bà. Một lần nữa, Ru-tơ ở nơi chân của chúa mùa gặt.

KIÊN NHẪN CHỜ ĐỢI

Na-ô-mi khuyên Ru-tơ: “Hỡi con gái ta, hãy ở đây, để đợi xem cho biết công việc thế nào; vì nếu ngày nay việc này chưa rồi, thì người ấy chẳng nghỉ đâu” (Ru-tơ 3:18). Vậy Ru-tơ chờ đợi. Trẻ nhỏ và người lớn có tính trẻ con thường có tiếng là hay làm bực mình và chạy trước Chúa. “Hãy yên lặng và biết rằng ta là Đức Chúa Trời” (Thi. 46:10). Trong câu Kinh Thánh này, động từ “yên lặng” có nghĩa là “hãy bỏ tay ra; hãy để công việc xảy ra như vậy.” Có những lúc chúng ta lập tức vâng lời Chúa, nhưng cũng có những lúc chúng ta phải bỏ tay ra khi Chúa đang làm việc.

Đối với nhiều người, kiên nhẫn chờ đợi là một thách thức khó khăn, dù đó là khi chúng ta phải chờ đợi trong phòng khám của bác sĩ hay khi bị kẹt xe giữa đường. Nhưng Đức Chúa Trời không bao giờ vội vã, thời điểm của Ngài không bao giờ trễ. Có câu nói rằng: Chúa chậm trả lời không có nghĩa là Ngài từ chối. Ru-tơ biết Bô-ô yêu bà và sẽ trả bất cứ giá nào để cưới bà làm vợ. “Một người bà con gần khác” từ chối cưới Ru-tơ bởi vì ông sợ rủi ro cho sản nghiệp của mình; song Đức Chúa Giê-su không chỉ tiếp nhận chúng ta mà Ngài còn khiến chúng ta trở nên một phần sản nghiệp của Chúa!

Bô-ô đã mua lại tài sản, cưới Ru-tơ làm vợ và thu xếp mọi việc một cách nhanh chóng. Ông có thể tự tin nói rằng: “Việc đã xong!” Từ cái kết có hậu này, Ô-bết đã được sanh ra, và Ô-bết chính là cha của Y-sai, Y-sai là cha của vua Đa-vít. Đây chính là lý do Ru-tơ, một người nữ Mô-áp, một người ngoại bang, được kể tên trong gia phả của Đấng Mê-si (Ma-thi-ơ 1:5-6), cùng với những khác bị chối bỏ như Ta-ma, Ra-háp và Bát-sê-ba.

Ngợi ca Chúa từ ái ban ơn lạ lùng.
Đời tôi vốn tràn những lệ đắng.
Tôi đã hư mất bao ngày, lảm than trong nơi tội đầy.
Mà ơn Chúa thương xót khoan nhon.

John Newton

Bài 26

HÊ-LI

Các người... không để lòng dâng sự vinh hiển cho danh Ta.

Ma-la-chi 2:2

Đối tượng để Ma-la-chi viết: “các người... không để lòng dâng sự vinh hiển cho danh Ta” chính là các thầy tế lễ của Y-sơ-ra-ên. Họ đang thi hành chức vụ trong ngôi đền thờ mới tái thiết vào giai đoạn người Do Thái được hồi hương sau cuộc lưu đầy, song các thầy tế lễ đã không thờ phượng với thái độ tin kính Chúa. Mặc dù vậy, lời răn dạy của Ma-la-chi vẫn có thể được áp dụng cho những thầy tế lễ không trung tín vào bất kỳ thời điểm nào trong lịch sử Do Thái và thậm chí câu Kinh Thánh này có thể được áp dụng cho bất kỳ Cơ Đốc Nhân nào đang cần nhận lời cáo trách. Đặc ân của Cơ đốc nhân là “làm chức tế lễ thánh... là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh” (1 Phi 2:5, 9), và nhiệm vụ cao cả của họ chính là hầu việc Đức Chúa Trời với cương vị của thầy tế lễ.

Từ *kabod* trong tiếng Hê-bơ-rơ chính là từ khóa của cả câu chuyện về Hê-li. Từ này có nghĩa là “nặng nhọc” hoặc “nặng nề,” và được dùng trong 1 Sa-mu-ên 4:18 để diễn tả Hê-li “già yếu và nặng nề.” Một ý nghĩa khác của từ này đó là “vinh quang,” như trong 1 Sa-mu-ên 4:19-22 đưa trẻ mới sanh được đặt tên là Y-ca-bốt, nghĩa là “thiếu sự vinh hiển” hoặc “sự vinh hiển đã rời

khỏi.” Trong 2 Cô-rinh-tô 4:17, Phao-lô liên kết hai khái niệm về sự vinh quang và sự nặng nề trong một câu Kinh Thánh: “Vì sự hoạn nạn nhẹ và tạm của chúng ta sanh cho chúng ta sự vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng vô biên.” Từ này cũng nghĩa là “sự tôn trọng” bởi vì những người đáng kính “mang lấy gánh nặng” và thường có nhiều của cải.

Chủ đề “sự tôn kính Chúa” đã được thể hiện qua đời sống và chức vụ của Hê-li như thế nào?

ĐỨC CHÚA TRỜI TÔN QUÝ HÊ-LI

Bắt đầu câu chuyện, Đức Chúa Trời trong sự tể trị của Ngài đã sắp đặt cho Hê-li được sinh ra là một người Do Thái. Điều này nghĩa là ông được biết về một Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp; rằng ông là con của lời hứa; và ông có được đặc quyền thuộc linh mà chỉ người Do Thái có được (Rô-ma 9:1-5). Khi Đức Chúa Giê-su đến thế gian và hoàn thành công tác cứu chuộc, các đặc quyền trên được mở rộng cho người ngoại quốc nào tin nhận Chúa (Ê-phê-sô 2:11-22). Là một người Do Thái đã là một đặc ân, nhưng được làm một thầy tế lễ cả để phục vụ nơi bàn thờ lại càng là đặc ân vĩ đại. Hê-li là hậu tự của Y-tha-ma, là con thứ tư của A-rôn.

Tiếp theo, Đức Chúa Trời tôn quý Hê-li qua việc ban cho ông một người vợ, người đã sinh cho ông ít nhất hai người con. Các cặp gia đình tại Y-so-ra-ên rất muốn có con, đặc biệt là con trai để nối dõi và bảo vệ sản nghiệp của gia đình. Trong gia đình của thầy cả thượng phẩm thì điều này lại càng quan trọng bởi vì con trai sẽ tiếp tục chức vụ của cha.

Song, có lẽ điều tôn quý lớn nhất mà Đức Chúa Trời đã ban cho Hê-li đó là cơ hội được dạy dỗ chàng trai trẻ Sa-mu-ên và chuẩn bị chàng trai này cho công tác phục vụ dân tộc Y-so-ra-ên. Sa-mu-ên là người sẽ xức dầu cho Đa-vít trở thành vua của Y-so-ra-ên, và Cứu Chúa sẽ ra từ dòng dõi vua Đa-vít. Thật vậy, Hê-li là người được Đức Chúa Trời tôn quý. Trong đêm Sa-mu-ên lắng nghe giọng nói, Hê-li đã đủ sáng suốt để nhận biết đó là tiếng Chúa. Sa-mu-ên không được sống với một gia đình tin kính nhất trong dân Y-so-ra-ên, song Đức Chúa Trời đã bảo vệ và chuẩn bị ông để thực hiện chức vụ của mình. Cha mẹ đã dâng Sa-mu-ên cho Chúa, và Ngài chăm lo cho ông. Vậy chẳng phải ngày nay Đức Chúa Trời cũng có thể chăm lo cho con cháu của chúng ta khỏi mọi tác động không tin kính tại trường học hay sở làm hay sao?

HÊ-LI KHÔNG TÔN KÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI

Đức Chúa Trời tôn quý Hê-li, nhưng lòng Hê-li không tôn kính Chúa. Câu chuyện đi từ ân sủng sang ghét bỏ. “Con trai tôn kính cha mình, đầy tớ tôn kính chủ mình. Vậy nếu ta là cha, nào sự tôn kính thuộc về ta ở đâu? Và nếu ta là chủ, nào sự kính sợ ta ở đâu?” (Ma-la-chi 1:6). Vì già cả và đôi mắt hóa mù, Hê-li giao công việc chức vụ cho hai người con, song Hê-li đã không giám sát con mình theo luật pháp. Họ đã không dâng của lễ theo luật pháp Môi-se và làm điều đúng đắn. Họ đã coi thường của lễ thánh của Đức Chúa Trời và “vỗ béo chính mình” với những phần ngon nhất của thú vật được dâng hiến (xem 1 Sa-mu-ên 2:12-17; 29; Ma-la-chi 1:8-9).

Tệ hơn thế nữa, hai người con trai này đã ngủ với những người phụ nữ hầu việc tại cửa hội mạc (1 Sa-mu-ên 2:22; cũng xem Xuất. 38:8). Chúng ta không rõ những người nữ này làm công tác gì, nhưng các con trai Hê-li đã ăn nằm cùng họ và vi phạm luật pháp Chúa. Họ hành xử như các thầy tế lễ của các tà thần ngoại quốc xung quanh họ là những người thực hiện các nghi lễ bản thiêu với các kỵ nữ trong đền thờ (Phục 23:17-18). Đây quả thật là một hành động đáng xấu hổ đối với các thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va!

Hê-li biết các việc ấy, nhưng ông không kỷ luật con trai mình, ngược lại, sự quở trách nhẹ nhàng của ông không hề khiến hai người con trai thay đổi hành vi (1 Sa-mu-ên 2:22-25). Thậm chí Đức Chúa Trời đã sai một tiên tri vô danh đến để cảnh báo Ê-li mà nói rằng khi bỏ qua việc ác của con trai, Hê-li đã phạm trọng tội cũng như con trai mình và họ sẽ bị Đức Chúa Trời trừng phạt (1 Sa-mu-ên 2:27-36). Đại từ “các người” trong câu 29 chỉ về số nhiều, nghĩa là cả Hê-li lẫn hai con của ông. Hê-li vị nể con mình hơn là tôn kính Chúa, điều này nghĩa là ông làm ô danh Chúa và phải trả giá cho hành động của mình.

Khi quân đội Y-sơ-ra-ên thất bại trong cuộc chiến đầu tiên với đội quân Phi-li-tin, họ đã quyết định đem hòm giao ước ra khỏi lều tạm để đến chiến trường và xem hòm giao ước như một “bùa hộ mệnh” (1 Sa-mu-ên 4:1-11). Quân lính biết rằng chiếc hòm đại diện cho ngôi của Đức Chúa Trời và sự hiện diện của Đức Chúa Trời giữa dân sự Ngài, hơn thế nữa chiếc hòm thường đem lại chiến thắng cho người Y-sơ-ra-ên trong quá khứ (xem Dân 10:33-36; Giô-suê 6:6-27; Thi 80:1). Nhưng con trai của Hê-li là Hóp-ni và Phi-nê-a là những thầy tế lễ ô uế, họ không phải là những lãnh đạo tín kính Chúa giống như Mô-i-se và A-rôn; và để lấy được chiếc hòm giao ước, hai người phải tiến vào nơi chí thánh của đền tạm! Đặc quyền ấy chỉ được ban cho thầy tế lễ thượng phẩm, và chỉ một lần mỗi năm vào ngày Đại Lễ Chuộc Tội. Cả hai thầy tế lễ trần tục này đã tiếm quyền và hành động một cách không kính sợ Chúa, nhưng Hê-li không kêu cầu Chúa để dừng họ lại, hoặc ông cũng không tự mình ngăn cản họ.

Dù chúng ta nhìn vào hoàn cảnh này như thế nào, Hê-li đều thể hiện mình là một thầy tế lễ vô tâm và không vâng lời Chúa, ông đã không dạy hai con trai mình trong sự kính sợ Đức Chúa Trời. Ma-la-chi tả về thầy tế lễ hoàn hảo của Đức Chúa Trời trong Ma-la-chi 2:5-6: “Giao ước của ta với Lê-vi vốn là sự sống và sự bình an mà ta đã ban cho nó, hầu cho nó kính sợ ta; thì nó đã kính sợ ta, và run rẩy trước danh ta. Luật pháp của sự chân thật đã ở trong miệng nó, trong môi miêng nó chẳng có một sự không công bình nào; nó đã bước đi với ta trong sự bình an và ngay thẳng, làm cho nhiều người xây bỏ khỏi sự gian ác.”

ĐỨC CHÚA TRỜI HẠ THẤP HÊ-LI

“Phàm ai tôn kính ta, ta sẽ làm cho được tôn trọng, còn ai khinh bỉ ta, tất sẽ bị khinh bỉ lại” (1 Sa-mu-ên 2:30). Từ “bị khinh bỉ lại” nghĩa là “bị rửa sã, bị hạ thấp, bị coi khinh.” Thầy tế lễ là những người chúc phước cho dân sự và họ là một nguồn phước, nhưng Hê-li và các con của ông đã khinh bỉ Chúa, luật pháp và của tế lễ của Chúa, và đây chính là thời điểm Chúa sẽ đoán xét họ.

Mỗi một ngày Hê-li đều chịu sự đoán phạt. Đầu tiên, quân đội Phi-li-tin chiến thắng quân đội Y-so-ra-ên và đoạt lấy hòm giao ước, là ngôi Đức Chúa Trời. Sau đó cả Hóp-ni và Phi-nê-a đều bị giết, còn vợ của Phi-nê-a thì qua đời trong cơn sinh nở. Bà đặt tên con trai mình là Y-ca-bốt, nghĩa là “sự vinh hiển đã rời khỏi.” Khi Hê-li nghe tin từ chiến trường, ông đã đột quy, bị ngất đi, ngã người ra sau, gãy cổ mà chết, tệ hơn nữa, tất cả những điều này xảy ra là do cơ thể nặng nề của ông.

Nhưng đó chưa phải là hết: Đức Chúa Trời xóa bỏ chức tế lễ khỏi nhà Hê-li. Trong thời vua Sau-lơ, các thầy tế lễ bị thảm sát tại Nóp đều là hậu tự của Hê-li (1 Sa-mu-ên 22:18-19), và chính Sa-lô-môn đã truất phế thầy tế lễ cuối cùng của nhà Hê-li là A-bia-tha vì đã đứng về phe A-đô-ni-gia mà âm mưu chiếm ngôi vua (1 Các vua 2:26-27). Xa-đốc được lập làm thầy tế lễ thay cho A-bia-tha (1 Các vua 2:35), vậy lời tiên tri do người của Đức Chúa Trời công bố cho Hê-li và gia đình ông đã được ứng nghiệm (1 Sa-mu-ên 2:30-36).

Bị kịch khủng khiếp nhất không phải là khi Hê-li mất con, mất con dâu, cũng không phải là ông mất chính mạng sống mình, nhưng thảm kịch chính là Hê-li đã khinh thường danh Chúa và đánh mất đi đặc quyền được hầu việc Chúa trong cương vị thầy tế lễ, và hậu tự của ông cũng vậy. Những ai còn trẻ thì sẽ phải chết mà không có cơ hội được làm thầy tế lễ, còn những ai được sống lâu hơn thì đều bị loại bỏ bởi vì những thiếu sót cá nhân.

ĐỨC CHÚA TRỜI MUỐN TÔN QUÝ CHÚNG TA

Đức Chúa Trời hứa rằng: “Phàm ai tôn kính ta, ta sẽ làm cho được tôn trọng,” chúng ta có thể nương dựa nơi lời hứa này. Cứu Chúa của chúng ta đã sống và chết để tôn vinh Đức Chúa Cha, Ngài chính là tấm gương để chúng ta noi theo. “Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (Giăng 17:4). Đây là những lời cầu nguyện của Đức Chúa Giê-su trong lúc Ngài “báo cáo” cho Đức Chúa Cha trước khi đi đến khu vườn mà tại đó Ngài sẽ bị bắt, bị tra hỏi, bị kết tội và bị đóng đinh. Dù người ta đã nói về Ngài như thế nào tại các phiên tòa hoặc họ đã nói gì với Ngài khi Ngài bị treo trên cây gỗ, Đức Chúa Giê-su biết Ngài đã trung tín tôn vinh Đức Chúa Cha và làm theo ý muốn Đức Chúa Trời.

Hãy cầu nguyện để đời sống chúng ta sẽ khép lại với sự đảm bảo vui mừng, và hãy sống làm vui lòng Đức Chúa Cha để Ngài tôn quý chúng ta. Điều này có nghĩa chúng ta phải chú ý đến những bài học thiết yếu sau:

- Sự cầu nguyện – Thi thiên 50:15 và 91:15
- Sự cảm tạ - Thi thiên 50:23
- Lòng rộng rãi – Châm ngôn 3:9-10
- Sự vâng phục – Thi thiên 84:11
- Tận tâm phục vụ - Giăng 12:23-26

Hãy đọc và suy ngẫm các câu Kinh Thánh trên.

Con người có tôn trọng chúng ta hay không điều đó không thật sự quan trọng, bởi vì sự ca ngợi của con người chỉ là tạm thời hoặc là sự ca ngợi rẻ tiền. Nếu chúng ta tôn kính Chúa thì chúng ta đang xây dựng đời sống và mục vụ của mình bằng “vàng, bạc và đá quý”, nhưng nếu chúng ta chỉ sống và làm việc để nhận được sự ca ngợi của người khác thì chúng ta chỉ sống vì “gỗ, rom rạ” (1 Cô-rinh-tô 3:12). Sự tôn quý và ca ngợi của con người sẽ bị đốt cháy như gỗ, rom rạ. Nhưng vàng, bạc và ngọc quý sẽ được làm thành một chiếc vương miện đầy vinh hiển mà chúng ta sẽ dâng lên cho Đức Chúa Giê-su, bởi vì chỉ một mình Ngài xứng đáng với mọi sự tôn quý và ngợi khen. Khi chúng ta đặt chiếc vương miện của mình nơi chân Ngài, chúng ta sẽ hòa cùng thiên đàng trong bài hát: “Chiên Con đã chịu giết đáng được quyền phép, giàu có, khôn ngoan, năng lực, tôn quý, vinh hiển và ngợi khen!” (Khải. 5:12).

Bài 27

AN-NE

Sự khóc lóc đến trọ ban đêm. Nhưng buổi sáng bên có sự vui mừng.

Thi thiên 30:5

An-ne lại trải qua một ngày buồn. Chuyến thăm đền thờ mỗi năm của gia đình luôn luôn là thời gian đầy buồn bã đối với An-ne, dù bà có một người chồng thuộc linh đã hết mực yêu thương mình. An-ne hiếm muộn, còn Phê-ni-na, người vợ thứ của chồng, thì không ngừng châm chọc vào nỗi đau ấy. An-ne không ham thích và cũng không thể hòa nhập với niềm vui của kỳ lễ này. Bà rời khỏi bàn ăn và đến trước lều tạm mà cầu nguyện, nhưng thậm chí tại đây bà cũng không tìm được sự đồng cảm. An-ne khóc mà thầm nguyện xin một đứa con trai, nhưng thầy cả thượng phẩm Hê-li thì nghĩ bà đã say nên quở trách bà. Đức Chúa Trời nhìn thấy tấm lòng, lắng nghe lời cầu nguyện của An-ne và Ngài bảo đảm sẽ đáp lời cầu nguyện của bà.

Tên An-ne trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “ân điển” hoặc “ân huệ.” Vì giàu lòng ân huệ đối với An-ne Đức Chúa Trời sẽ ban cho bà điều bà ước ao, đem đau buồn sẽ hóa ánh sáng vui mừng. Vào đúng thời điểm, An-ne thọ thai, sanh một con trai và đặt tên là Sa-mu-ên – “Đức Chúa Trời nhậm lời.” Qua kinh nghiệm này, Đức Chúa Trời đã ban cho An-ne mọi điều bà cầu xin, và Ngài cũng sẽ làm điều tương tự cho chúng ta.

CHÚA BAN CHÚNG TA SỰ NHẪN NẠI ĐỂ CHỊU ĐỰNG

Kinh Thánh gọi Phê-ni-na là “kẻ phân bì” với An-ne (1 Sa-mu-ên 1:6-7), trong tiếng Hê-bơ-rơ từ này gần nghĩa với từ *gây cho người khác đau buồn, gây cho người khác đau khổ, thù địch, và chống đối*. Khi tìm hiểu các từ ngữ mô tả về thái độ và hành vi của Phê-ni-na, chúng ta dễ thấy An-ne không hề có thời gian dễ dàng ở tại nhà. Bằng hành động khiêu khích và chọc tức, Phê-ni-na khiến An-ne trở nên cay đắng trong lòng và chỉ có thể khóc (1 Sa-mu-ên 1:6-7, 10). An-ne nói với thầy tế lễ Hê-li rằng: “tôi vốn một đàn bà có lòng buồn bực” bởi vì bà “đau đớn và ưu phiền

quá độ” và chỉ có thể “giải bày lòng [tôi] ra trước mặt Đức Giê-hô-va” (1 Sa-mu-ên 1:15-16). Hãy tưởng tượng cảnh sống trong áp lực cảm xúc như thế mỗi ngày! “Ồ trước mặt Ngài tôi tuân đồ sự than thờ tôi, bày tỏ sự gian nan tôi” (Thi 142:2). Đó chính là cảm xúc mỗi ngày của An-ne.

Cũng như bao phụ nữ Hê-bơ-rơ sau khi đã lập gia đình, An-ne muốn có con cái, đặc biệt là một người con trai để mang họ cha; tuy nhiên dường như Đức Chúa Trời vẫn chưa thấy đúng thời điểm để từ cung bà chịu thai. An-ne đang trong cảnh ngộ giống như Sa-ra, Rê-bê-ca và Ra-chên, những người phụ nữ hiếm muộn mà cuối cùng Chúa sẽ ban những đứa con cho họ. Sau khi hoàn thành công việc mỗi ngày, chắc hẳn An-ne đã dành nhiều thời gian cầu nguyện xin Đức Chúa Trời ban cho bà điều mà Ngài đã ban cho các phụ nữ trên – đó là một đứa con.

Trong cuộc sống, chúng ta dễ gặp những người gây cho người khác tổn thương và chúng ta cảm thấy rất khó để sống hay làm việc với họ. Phê-ni-na không nhìn thấy tấm lòng tan vỡ của An-ne; bà nhìn An-ne như một người phân bì, một người tranh giành tình yêu thương của Ên-ca-na. Trong gia đình, Phê-ni-na dùng An-ne để tôn mình lên và thổi phồng cái tôi của bà. Phê-ni-na phải là số một. Bà không quan tâm và cũng chẳng muốn chia sẻ điều gì với người khác. Nếu yêu thương Ên-ca-na, chắc hẳn Phê-ni-na sẽ không chất thêm cho chồng mình một gánh nặng. Tuy nhiên, An-ne có thể chịu qua những ngày khó khăn này là bởi ân điển của Đức Chúa Trời.

CHÚA BAN CHÚNG TA ĐỨC TIN ĐỀ CẦU XIN

Ên-ca-na nhìn thấy An-ne thay đổi thái độ nên ông dâng lời cảm tạ. An-ne kể cho Ên-ca-na rằng bà đã cầu nguyện xin một người con, đứa con ấy sẽ hầu việc Đức Chúa Trời, và Chúa đảm bảo rằng Ngài sẽ đáp lời cầu nguyện của bà. Ên-ca-na đồng ý với quyết định của An-ne nên họ hiệp lòng cầu xin Chúa ban cho họ một người con (1 Phi-e-rơ 3:7). Tại đây, từ “Đức Giê-hô-va vạn quân” hay “Đức Giê-hô-va của vạn quân” xuất hiện lần đầu tiên trong Kinh Thánh (1 Sa-mu-ên 1:3, 11). Đức Giê-hô-va vạn quân nghĩa là Chúa của các đạo binh trên trời và dưới đất, là Vua của cả hoàn vũ. “Đức Giê-hô-va vạn quân ở cùng chúng tôi” (Thi. 46:7, 11), và Ngài có thể làm những việc vĩ đại!

Phải chăng An-ne đã mặc cả với Chúa? Tôi không nghĩ thế. Nếu đây là một sự mặc cả thì bà không được hưởng lợi nhiều từ cuộc trao đổi này, bởi vì bà không được giữ đứa con mà phải dâng đứa con ấy cho Chúa. Tôi cho rằng An-ne và Ên-ca-na đã rất lo lắng cho tình trạng thuộc linh của đất nước và họ đã cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ dùng người con đặc biệt của họ để đem Y-sơ-ra-ên trở về với Chúa. Mọi người đều biết việc ác của hai con trai của Hê-li, nhưng Đức Chúa Trời sẽ sử dụng con trai của Ên-ca-na và An-ne để thay đổi mọi việc.

Chúng ta không thể dùng công việc để tạo ra đức tin; nhưng Đức Chúa Trời ban đức tin để chúng ta biết rằng Ngài đẹp lòng với lời cầu xin của chúng ta. Đức tin thật được củng cố bởi lời hứa của Đức Chúa Trời khi Đức Thánh Linh bày tỏ cho chúng ta qua Kinh Thánh. Khi cầu nguyện, chúng ta sẽ càng tin chắc trong lòng bởi vì Kinh Thánh nói rằng: “mọi điều vui vẻ và mọi điều bình an trong đức tin” (Rô-ma 15:13). Khi Ên-ca-na và An-ne cùng hiệp lòng cầu nguyện xin

một điều mà họ biết rằng Chúa đẹp lòng ban cho, khi ấy họ nhận ra rằng Đức Chúa Trời sẽ làm điều diệu kỳ cho dân sự của Ngài.

KHI CHÚA ĐÁP LỜI, NGÀI BAN CHÚNG TA NIỀM VUI ĐỂ NGỢI KHEN NGÀI

Bài ca của An-ne được ghi lại trong 1 Sa-mu-ên 2 là một sự ngợi khen thờ phượng đáng chú ý. Nhiều thế kỷ sau, Đức Thánh Linh đã hướng dẫn mẹ Đức Chúa Giê-su hát lên bài ca ngợi khen dựa trên kiểu mẫu bài ca của An-ne (Lu-ca 1:46-55). Chia tay đứa con trai yêu dấu, song An-ne có thể ngợi khen và tôn vinh Đức Chúa Trời! Vâng, hằng năm An-ne có thể đến thăm Sa-mu-ên tại đền thờ, nhưng làm sao có thể bằng việc nuôi dưỡng cậu bé tại nhà, dạy dỗ, ôm ấp và nhìn cậu bé lớn lên hằng ngày. Cả An-ne và Ma-ri đều trải qua nỗi đau buồn sâu sắc, song họ đều ngợi khen Đức Chúa Trời. An-ne hát rằng: “Đức Giê-hô-va khiến lòng tôi khắp khởi vui mừng,” nhiều thế kỷ sau, Ma-ri hát rằng: “Linh hồn tôi ngợi khen Chúa, tâm thần tôi mừng rỡ trong Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa tôi” (Lu-ca 1:46-47).

Hơn thế nữa, An-ne đã để đứa con thơ dại của mình nơi hang trộm cướp, một nơi mà những con người gian ác không tỏ lòng tôn kính Chúa và lợi dụng dân sự. Họ sẽ làm gì với con của bà? Và nếu Hê-li không thể dạy hai đứa con của ông, làm thế nào ông có thể dạy Sa-mu-ên nên người? Khi tôi và vợ đưa bốn đứa con đến trường công lập mỗi ngày và rồi nhìn chúng đi học đại học, chúng tôi giao phó chúng cho Chúa bảo vệ; và giờ chúng tôi cũng cầu nguyện điều tương tự cho những đứa cháu. Đức Chúa Trời thật đã giữ gìn Sa-mu-ên có tính tình trong sạch và hành động vâng phục thay vì noi theo gương xấu quanh ông, và Ngài cũng có thể làm điều tương tự cho con cháu của chúng ta ngày nay.

Bài ca của An-ne và Ma-ri nhấn mạnh đến ân điển của Đức Chúa Trời: ân điển ấy làm đảo ngược mọi điều! Những ông vua kêu gọi bị truất ngôi, nhưng người khiêm nhường nhận được của cải. Người thiếu thốn sẽ được no đủ, nhưng người giàu có sẽ ra đi trống không. Thật là một thế giới lạ kỳ? Đó chính là thế giới ân điển của Đức Chúa Trời, bởi ân điển luôn luôn lật đổ sự khôn ngoan và sự phân chia giai cấp của con người.

CHÚA BAN CHÚNG TA TÌNH YÊU ĐỂ DÂNG MÓN QUÀ TRỞ LẠI CHO NGÀI

Ên-ca-na và An-ne cầu nguyện rằng: “Nếu Chúa ban cho chúng tôi một đứa con trai, chúng tôi sẽ dâng đứa con ấy cho Ngài.” Và họ đã làm như lời hứa. Tình yêu của họ đối với Chúa lớn hơn tình yêu của họ dành cho đứa con trai quý báu của mình. Cũng như Đức Chúa Cha, họ đã giao phó đứa con trai duy nhất của mình.

Một nguyên tắc cơ bản trong đời sống Cơ Đốc đó là chúng ta sẽ đánh mất điều mình cố nín giữ cho riêng mình, nhưng chúng ta sẽ không đánh mất điều mình dâng hiến cho Chúa. Đức Chúa Trời ban cho Áp-ra-ham và Sa-ra một đứa con trai, và rồi Ngài yêu cầu Áp-ra-ham phải dâng đứa trẻ trên bàn thờ. Bởi vì vâng lời nên Áp-ra-ham được lại đứa con của mình; nếu Áp-ra-ham không vâng lời thì ông đã đánh mất người con ấy rồi. Đức Chúa Giê-su phán rằng: “Ai yêu sự sống mình thì sẽ mất đi, ai ghét sự sống mình trong đời này thì sẽ giữ lại đến sự sống đời đời”

(Giăng 12:25). Chàng trai trẻ giàu có không từ bỏ sự giàu có của mình để đi theo Đức Chúa Giê-su, và như chúng ta biết, ông đã đánh mất Ngài, đánh mất sự giàu có và chính mạng sống mình. Ông đã được gì? “Vì ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất; còn ai vì có ta và đạo Tin lành mà mất sự sống, thì sẽ cứu” (Mác 8:35).

Một điều nguy hiểm khi lời cầu nguyện được đáp lời đó là chúng ta để cho món quà trở nên quan trọng hơn Đấng ban tặng món quà ấy, và đây chính là sự thờ phượng hình tượng. Bất cứ điều gì Đức Chúa Trời ban cho chúng ta đều phải được đặt trên bàn thờ để dâng hiến cho Ngài, nếu không điều ấy sẽ trở thành một vật cản trong đời sống mình. Cuộc sống, kế hoạch, những người thân yêu, bạn bè, tài sản, cơ hội, thành tích, khả năng – tất cả sự vinh quang và những điều quý báu trên. Như những hạt giống, chúng ta cần phải được chôn và trải qua sự chết trước khi sản sinh ra bông trái (Giăng 12:24), bởi vì khi cái tôi chết đi thì chúng ta mới khám phá sự sống cho những người khác.

Lời hứa của Đức Chúa Trời đó là “buổi sáng bên có sự vui mừng.” Có thể đó là buổi sáng sau đêm bạn cầu xin Chúa trong giọt lệ. Hoặc đó cũng có thể là buổi sáng sau đêm dài tranh chiến và hiến dâng, khi bạn đặt tất cả lên bàn thờ cho Chúa sử dụng. Tuy nhiên, sự vui mừng đó sẽ được trọn vẹn trong buổi sáng phục sinh đầy vinh quang. Cứu Chúa của chúng ta trở lại và chúng ta sẽ nhìn thấy Ngài như vốn có. Trong hiện tại chúng ta vẫn có những buổi sáng vui mừng, vậy hãy vui lên và đừng từ bỏ. “Sự khốc lóc đến trọ ban đêm, nhưng buổi sáng bên có sự vui mừng.”

Đức Chúa Trời phán điều đó – và Ngài biết rõ mọi điều!

Bài 28

SA-MU-ÊN

Ta đã đi trước đầu các người từ khi ta còn thơ ấu cho đến ngày nay.

1 Sa-mu-ên 12:2

Một dấu hiệu bày tỏ một người là đầy tớ chân thật của Đức Chúa Trời đó là người ấy thường bị chống đối, bị lợi dụng và có lúc bị giết. Sau khi đã chôn cất người, dân chúng sẽ đau buồn và tôn vinh người đầy tớ ấy.

Sa-mu-ên là một mẫu mực tuyệt vời. Từ khi còn trẻ cho đến lúc già, Sa-mu-ên đã trung tín hầu việc Đức Chúa Trời và người Y-sơ-ra-ên, song chính trong giờ phút cần ông nhất thì tuyển dân đã loại bỏ ông!

Mọi người đều thừa nhận đời sống và mục vụ của Sa-mu-ên là trọn vẹn, nhưng họ vẫn loại bỏ ông! Tại sao? Lý do không phải là vì những người con của Sa-mu-ên không đủ phẩm chất để kế nghiệp cha, nhưng lý do thật sự là vì Y-sơ-ra-ên muốn có một vị vua để họ trở nên giống như những dân tộc khác. Họ không còn muốn Đức Chúa Trời là Đấng cai trị họ nữa. Họ muốn có một

siêu anh hùng bằng xương bằng thịt để họ có thể đi theo và khoe khoang với các dân ngoại. Mọi quốc gia khác đều có vua, và đối với dân sự của Đức Chúa Trời, họ cảm thấy xấu hổ vì không theo kịp các nước khác. Tuy nhiên khi dân sự của Chúa trở nên như bao dân tộc khác, họ thường không đi theo ý muốn Chúa. Dân sự của Đức Chúa Trời cần phải khác biệt.

Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên điều họ cầu xin: một chàng trai trẻ tên Sau-lơ, tuy nhiên người này chỉ khiến cho đất nước lâm nguy. Đôi khi Chúa đoán xét các quốc gia (bao gồm Hội Thánh và cá nhân) bằng cách đem đến cho họ điều họ đáng phải nhận. Sa-mu-ên đã than khóc suốt cả phần đời còn lại của mình bởi vì Sau-lơ và quyết định của dân sự.

Khi các lãnh đạo lớn tuổi, tin kính và có kinh nghiệm bị thế hệ trẻ cho ngưng công tác và thế hệ trẻ bắt đầu làm mọi việc khác đi, các lãnh đạo lớn tuổi ấy sẽ phải làm gì? Họ nên làm theo gương của Sa-mu-ên.

VÂNG PHỤC ĐỨC CHÚA TRỜI

Nếu có lớp học về bài học cuộc sống qua những trải nghiệm đau thương thì Y-sơ-ra-ên sẽ là thành viên đứng nhất lớp. Họ hiếm khi nghe và vâng theo Lời Chúa; ngược lại, họ thường thỉnh cầu Chúa một sự thay thế khác. Thông thường Chúa sẽ cho phép họ đi theo con đường của mình, và hậu quả là họ sẽ gặp rắc rối và rồi kêu cầu sự giúp đỡ của Chúa. Ngày nay, có nhiều con dân Chúa cũng như thế.

Sa-mu-ên cầu hỏi ý Chúa muốn ông phải làm gì, và Chúa phán cùng ông rằng hãy cho dân sự điều họ muốn. Hình phạt lớn nhất của Đức Chúa Trời đó là để cho tuyển dân đi theo con đường của họ. Ngài để họ nhận lấy hậu quả của tội lỗi (Rô-ma 1:24, 26, 28). Chúa phán cùng Sa-mu-ên hãy cảnh báo dân Y-sơ-ra-ên về cuộc sống khi có một vị vua sẽ ra thế nào, nhưng khi Sa-mu-ên cảnh báo thì dân sự không tin. Dân sự trả lời rằng: “Không, phải có một vua trên chúng tôi,” và Chúa phán rằng: “Hãy nghe theo tiếng chúng nó và ban cho chúng nó một vua” (1 Sa-mu-ên 8:19-22).

Thời thế thay đổi và ông già Sa-mu-ên biết điều đó. Ông sẽ là vị quan xét cuối cùng (Công vụ 13:20). Xung khắc xảy ra giữa hai thế hệ và nhiệm vụ của Sa-mu-ên đó là giúp cho sự chuyển tiếp giữa các thế hệ diễn ra dễ dàng nhất cho dân sự. Ralph Waldo Emerson viết trong tiểu luận “Giáo dục” của mình rằng: “Hiển nhiên thế hệ kế tiếp và thế hệ già nua sắp qua đi hiếm khi hiểu nhau,” và nhận định của ông vẫn còn đúng đắn. Sa-mu-ên biết về quá khứ và học được từ đó; dân sự thì quên đi và không cần lắng nghe các bài học trong quá khứ. Tuy nhiên người không biết về quá khứ thì khó hiểu được hiện tại và không thể chuẩn bị tốt cho tương lai. Một số Hội Thánh ngày nay cũng đang ở trong tình trạng ấy.

Nếu thế hệ trẻ không cần đến bạn, hãy cứ trung tín với Chúa và vâng lời Ngài. Họ không chối bỏ bạn; nhưng họ chối bỏ Chúa. Trong Tân Ước, Y-sơ-ra-ên sẽ lại một lần nữa chối bỏ Đức Chúa Giê-su mà la lên rằng: “Chúng tôi không có vua khác, chi Sê-sa mà thôi.” (xem Giăng 19:15).

CẦU NGUYỆN VỚI CHÚA

Sa-mu-ên được sinh ra bởi vì cha mẹ của ông biết cách cầu nguyện. Khi An-ne đem con trai mình dâng lên cho Chúa, bà đã nói với Hê-li rằng: “Ấy vì đứa trẻ này mà tôi cầu nguyện” (1 Sa-mu-ên 1:27). Tên mà An-ne đã đặt cho con trai có nghĩa là “Đức Chúa Trời nhậm,” chính vì thế từ thuở nhỏ, Sa-mu-ên đã học biết tầm quan trọng của sự cầu nguyện mỗi khi ông được mẹ gọi tên. “Trong vòng các thầy tế lễ Ngài có Mô-i-se và A-rôn; Trong vòng các người cầu khẩn danh Ngài có Sa-mu-ên” (Thi 99:6). Tiên tri Giê-rê-mi đã viết rằng: “Dầu Mô-i-se và Sa-mu-ên đứng trước mặt ta, nhưng lòng ta cũng chẳng hướng về dân này” (Giê 15:1). Đó chính là danh tiếng của Sa-mu-ên trước mặt Chúa, vậy tại sao phải lo con người suy nghĩ về mình như thế nào? Nếu Sa-mu-ên cầu nguyện thì thời tiết sẽ thay đổi. Nếu ông cầu nguyện một lần nữa thì các đạo quân sẽ bại trận.

Dân tộc này đang chối bỏ người lớn tuổi, cầu xin người trẻ tuổi thay thế, nhưng họ đã quên Đấng hằng sống đời đời. Họ đã quên lời Mô-i-se: “Lạy Chúa, từ đời này qua đời kia Chúa là nơi ở của chúng tôi” (Thi 90:1). Đức Chúa Trời lắng nghe lời Sa-mu-ên cầu xin cho: Y-sơ-ra-ên, vua Sau-lơ, chàng trai trẻ Đa-vít, và cho thế hệ mới. Và vào đúng thời điểm Chúa sẽ đáp lời theo cách của Ngài. Trong bài diễn văn chia tay, Sa-mu-ên nói rằng: “Còn ta đây, cũng chẳng phạm tội cùng Đức Giê-hô-va mà thôi cầu nguyện cho các người” (1 Sa-mu-ên 12:23). Thế hệ mới có lẽ không muốn Sa-mu-ên lãnh đạo, nhưng họ không thể khiến ông ngưng cầu nguyện.

Mục vụ vĩ đại nhất mà thế hệ đi trước có thể làm cho thế hệ mới đó là cầu nguyện cho họ. Việc này không phải là một sự lựa chọn nhưng là bắt buộc.

DẠY DỠ LỜI CHÚA

Sa-mu-ên không ngừng cầu nguyện; ông nói thêm rằng: “Ta sẽ dạy các người biết con đường lành và ngay” (1 Sa-mu-ên 12:23). Điều này khiến chúng ta nhớ đến thứ tự ưu tiên của các sứ đồ: “Còn chúng ta sẽ cứ chuyên lo về sự cầu nguyện và chức vụ giảng đạo” (Công 6:3-4). Hai điều thiết yếu này không bao giờ được tách rời. Đức Chúa Giê-su phán rằng: “Ví bằng các người cứ ở trong ta, và những lời ta ở trong các người, hãy cầu xin mọi điều mình muốn, thì sẽ được điều đó” (Giăng 15:7). Người ấy phải hiệp nhất trong Lời Chúa và trong sự cầu nguyện.

Chủ đề về Lời Chúa và sự cầu nguyện gắn liền với nhau xuyên suốt trong Kinh Thánh. Mô-i-se lên núi để cầu thay cho người Do Thái và rồi ông xuống núi để chia sẻ Lời Chúa cho dân sự. Đa-ni-ên học lời của các tiên tri và cầu nguyện về những lễ thật mà ông được học (Đa-ni-ên 9). Phao-lô giao phó các trưởng lão Ê-phê-sô cho Chúa – đây là lời cầu nguyện – “và cho đạo của ơn Ngài” (Công vụ 20:32); và khi mô tả về các khí giới của người tin Chúa, ông đã liên kết gươm Thánh Linh – Lời Chúa – với sự cầu nguyện (Ê-phê-sô 6:17-18). Đức Chúa Giê-su dạy sớm về cầu nguyện, và sau đó Ngài đi ra giảng dạy Lời Chúa (Mác 1:35-39). Có Kinh Thánh nhưng không có sự cầu nguyện cũng giống như có sự sáng nhưng không có năng quyền. Cũng vậy, cầu nguyện nhưng không có Kinh Thánh cũng giống như sự sốt sắng nhưng không có kiến thức; chính vì thế chúng ta cần phải cân bằng giữa Lời Chúa và sự cầu nguyện.

Khi bị loại bỏ khỏi chức vụ, Sa-mu-ên đã làm một điều tuyệt vời: ông mở “trường tiên tri” và dạy cho thế hệ tiên tri tiếp theo phương cách để hầu việc Chúa. Ngôi trường của Sa-mu-ên được mở ra tại Ra-ma chính là quê hương của ông (1 Sa-mu-ên 19:18-24) và tại Ghi-bê-a chính là quê hương của Sau-lơ (1 Sa-mu-ên 10:5-7). Về sau, các ngôi trường khác được mở ra tại Ghinh-ganh, Bê-tên và Giê-ri-cô (2 Các vua 2; và xem 1 Các vua 20:25). Clovis Chappel viết rằng: “Vị tiên tri khôn ngoan này đặc biệt quan tâm đến thế hệ trẻ trong thời đại của ông. Một người đã già nhưng bên trong vẫn còn tươi trẻ thì không có dấu hiệu nào rõ ràng hơn việc người đó chuẩn bị cho thế hệ trẻ... bởi vì họ mà ông đã mở các trường thần học.”⁵ Nói một cách đơn giản, Sa-mu-ên vâng theo Lời Chúa, bởi vì Đức Chúa Trời truyền lệnh cho thế hệ đi trước phải dạy dỗ thế hệ trẻ đường lối Chúa và Lời Ngài (xem Phục truyền 11:18-21; 32:46; Thi 34:11-14; 78:1-8; và ghi chú tại 2 Ti-mô-thê 2:2).

ĐAU BUỒN TRƯỚC CHÚA

“Sa-mu-ên chẳng còn thấy Sau-lơ nữa cho đến ngày mình thác; vì người buồn bực về việc Sau-lơ; còn Đức Giê-hô-va hối tiếc đã lập Sau-lơ làm vua của Y-sơ-ra-ên” (1 Sa-mu-ên 15:35). Sa-mu-ên là một người hợp với tấm lòng của Chúa. Cả ông và Chúa đều buồn bực.

Vấn đề tại đây không phải là việc phóng đại “những ngày tốt đẹp xưa kia” như cách mà một số người lớn tuổi thường nói. Có người nói rằng “những ngày tốt đẹp xưa kia” thường là sự kết hợp giữa những kỷ niệm xấu và sự mơ tưởng về điều tốt đẹp, và nhận định này đôi khi rất đúng. Không, Sa-mu-ên buồn bực vì tình trạng thuộc linh suy bại của dân sự và sự ngu ngốc của Sau-lơ khi đánh mất cơ hội hầu việc Chúa và dựng xây đất nước. Giô-na-than, con của Sau-lơ, thậm chí đã nói rằng: “Cha ta làm rối cho xứ” (1 Sa-mu-ên 14:29). Một vấn đề mà Hội Thánh ngày nay đang đối diện đó là người trẻ không muốn hòa nhập với “các ông già cổ hủ” để học sự khôn ngoan và cái nhìn thuộc linh từ họ. Đa-vít là một trường hợp ngoại lệ: ông tìm đến Sa-mu-ên để được hướng dẫn (1 Sa-mu-ên 19:18). Sa-mu-ên chính là cố vấn của vị vua tiếp theo.

Ngày nay, đâu là những mảnh vỡ đau buồn còn sót lại, là điều nắm giữ tương lai của chúng ta? Cũng như Sa-mu-ên, chúng ta nên than khóc, cầu nguyện, dạy dỗ và khích lệ, dù chúng ta có phải thi hành chức vụ “bên ngoài tổ chức.” Giê-rê-mi ao ước có thể được khóc nhiều hơn nữa trong khi cầu nguyện cho dân sự sa ngã của Đức Chúa Trời (Giê-rê-mi 9:1-6). Ông lớn tiếng nói rằng: “Khốn nạn cho tôi vì vết thương tôi! Vết tôi là đau đớn!” (Giê-rê-mi 10:19). Trong thời Ê-xê-chi-ên, Đức Chúa Trời đặt một dấu trên trán dân sự tại Giê-ru-sa-lem, “những người nào than thở khóc lóc về mọi sự gớm ghiếc đã phạm giữa thành này” (Ê-xê. 9:4), và Ngài truyền cho Ê-xê-chi-ên phải kêu rên trước dân sự “với tấm lòng tan vỡ và sự cay đắng buồn bực” (Ê-xê. 21:6). Đức Chúa Giê-su khóc cho thành Giê-ru-sa-lem bởi vì họ không nhận biết tình trạng đáng buồn của mình và sự đoán xét sẽ đến (Lu-ca 19:41-44).

Song, cũng như trong thời đại của Giê-rê-mi, ngày nay nhà của Chúa tràn đầy tiếng cười, và dân sự của Đức Chúa Trời muốn được giải trí chứ không muốn được khai trí. Nhà thờ đã trở thành

⁵ Clovis Chappel, *More Sermons on Biblical Characters* (New York: Richard Smith, 1930), 32.

một khán phòng và bục giảng trở thành sân khấu để cho “các chuyên gia thờ phượng” trình diễn và đảm bảo rằng chương trình được chạy theo đúng kế hoạch. Không giống như ngày xưa, Đức Chúa Trời không cho phép Chúa Giê-su Christ đến thanh tẩy đền thờ, dẹp tan mọi việc sai trật ở đó! Các thánh đồ ngày nay cần phải lắng nghe lời của Gia-cơ: “hãy cảm biết sự khốn nạn mình, hãy đau thương khóc lóc; hãy đổi cười ra khóc, đổi vui ra buồn. Hãy hạ mình xuống trước mặt Chúa, thì Ngài sẽ nhắc anh em lên” (Gia-cơ 4:9-10). Gần đây bạn có được nghe thông điệp này hay không? Có lẽ không!

Cầu nguyện là đầu tư cho tương lai. Vâng, Sa-mu-ên cầu nguyện cho Sau-lơ được giải phóng khỏi sự kêu ngao và giả tạo, nhưng ông cầu nguyện cho Đa-vít là người ông đã xúc dầu, để Đa-vít trở thành vị vua tiếp theo. Sa-mu-ên cầu nguyện cho những người trẻ trong trường học của ông để họ trung tín với Chúa trong những ngày điều tàn ác. Ông cầu nguyện cho chính mình để ông có thể kết thúc một cách tốt đẹp – và đúng là như thế.

Một câu châm ngôn của người Hy Lạp nói rằng: “Chim đại bàng già hơn chim sẻ non.” Sa-mu-ên chính là đại bàng. Ông có thể dạy chúng ta, những con chim sẻ biết cách bay trên không trung.

Bài 29

SAU-LƠ

Vậy thì, ai tưởng mình đứng, hãy giữ kéo ngã.

1 Cô-rinh-tô 10:12

Người Do Thái luôn luôn đòi hỏi những điều mà họ không nên có, những điều khiến cho họ lâm vào rắc rối.

Khi Mô-i-se nán lại quá lâu trên núi Si-nai, dân sự đã nài xin A-rôn rằng: “Nào! hãy làm các thần để đi trước chúng tôi đi” (Xuất 32:1). Chúng ta biết rõ hậu quả của ý tưởng ngu ngốc trên là gì. Về sau, khi không được tiến vào xứ Ca-na-an, tại Ca-đe Ba-nê-a tuyển dân đã nói rằng: “Chúng ta hãy lập lên một quan trưởng, và trở về xứ Ê-díp-tô đi” (Dân 14:4). Nếu Mô-i-se không cầu thay cho dân sự thì Đức Chúa Trời đã xóa sạch cả dân tộc này và hình thành một dân tộc mới bắt đầu từ Mô-i-se. Hậu quả là Đức Chúa Trời khiến dân sự lang thang trong đồng vắng suốt ba mươi tám năm cho đến khi cả một thế hệ đều ngã chết trong đồng vắng.

Và giờ đây, nhiều năm sau sự kiện trên, họ tiếp tục gây áp lực cho Sa-mu-ên: “xin hãy lập trên chúng tôi một vua để đặng đoán xét chúng tôi, y như các dân tộc khác đã có rồi” (1 Sa-mu-ên 8:5). Lần này Đức Chúa Trời đã đáp ứng yêu cầu của họ, nhưng không lâu sau, chính dân tộc thông minh này đã hối hận với yêu cầu của mình.

MỘT VỊ VUA

Sa-mu-ên biết rõ luật pháp Mô-i-se và ông không lạ với ý tưởng đất nước có một vị vua. Đức Chúa Trời phán cùng Áp-ra-ham và Sa-ra rằng dòng dõi của họ sẽ ra nhiều vua (Sáng 17:6, 16), và Gia-cốp trước lúc chết đã nói cùng các con rằng ngôi vua thuộc về chi phái Giu-đa (Sáng thế ký 49:10). Vị tiên tri Ba-la-am đã nhìn thấy các vị vua tương lai của Y-sơ-ra-ên (Dân 24:7, 17-19), và trong Phục truyền luật lệ ký 17:14-20 Mô-i-se đã viết các luật lệ dành cho các vua tương lai của Y-sơ-ra-ên. Sa-mu-ên đã đọc các luật lệ này cho Sau-lơ và dân sự nghe khi Sau-lơ lên ngôi làm vua (1 Sa-mu-ên 10:25).

Điểm mấu chốt trong việc tuyển dân chúng đòi hỏi một vị vua đó là đòi hỏi này đến từ dân sự chứ không đến từ Chúa, và động cơ của họ đầy ích kỷ. Họ muốn trở nên giống như bao dân tộc khác trong khi Đức Chúa Trời muốn họ phải là một dân tộc khác biệt (Dân 23:9). Hơn thế nữa, họ muốn có một vua để bảo vệ họ khỏi kẻ thù (1 Sa-mu-ên 12:12), nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên không có đức tin sống động nơi Đức Chúa Trời. Họ không chối bỏ Sa-mu-ên; nhưng họ đang chối bỏ Đức Chúa Trời (1 Sa-mu-ên 8:6-9). Đức Giê-hô-va đã chăm lo cho dân Y-sơ-ra-ên kể từ ngày Ngài kêu gọi Áp-ra-ham và Sa-ra, song dân Y-sơ-ra-ên không tin cậy nơi Chúa. Họ đòi hỏi: “Hãy ban cho chúng tôi một vua!”

Yếu tố thứ ba đó là người Y-sơ-ra-ên mong muốn dân tộc thống nhất, đây có thể là điều giúp họ đánh bại các kẻ thù nguy hiểm. “Đương lúc đó, không có vua trong Y-sơ-ra-ên; ai nấy làm theo ý mình lấy làm phải” (Các 21:25). Tuy nhiên, điều chắc chắn đó là Đức Chúa Trời và hòm giao ước luôn ở giữa dân sự, họ có luật pháp Chúa để dẫn dắt, và họ có tiên tri Sa-mu-ên. Sự phân rẽ giữa các chi phái đến từ việc họ không vâng lời Chúa chứ không phải đến từ thể chế chính quyền. Thật chúng ta rất dễ có xu hướng chấp vá bộ máy lãnh đạo trong khi trọng tâm của vấn đề chính ở trọng tâm của con người.

Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một vị vua cho người Y-sơ-ra-ên, một chàng trai tin kính tên Đa-vít, song vẫn chưa đến lúc để ông được lên ngôi. Đức Chúa Trời đưa Sau-lơ lên làm vua như một giải pháp tạm thời, ông thuộc hình mẫu siêu anh hùng mà dân chúng hằng mong mỏi. Đức Chúa Trời không kỳ vọng Sau-lơ sẽ thiết lập một vương triều tại Y-sơ-ra-ên bởi vì ông đến từ chi phái Bên-gia-min, không phải chi phái Giu-đa. Đức Chúa Trời sử dụng Sau-lơ để dạy cho dân sự của Ngài biết việc cố gắng suy đoán ý Chúa là nguy hiểm thế nào. Khi Sau-lơ kết thúc triều đại của mình, người Y-sơ-ra-ên đã được chuẩn bị để đón nhận Đa-vít, sự lựa chọn đầu tiên của Đức Chúa Trời cho ngôi vua. “Ta đã nhân cơn giận mà ban cho ngươi một vua, và đã nhân cơn giận mà cất đi” (Ô-sê 13:11).

VỊ VUA

Suốt nhiều năm, Sa-mu-ên làm lãnh đạo thuộc linh của người Do Thái, tuy nhiên không phải Sau-lơ mà chính là người hầu của Sau-lơ là người nhận biết Sa-mu-ên. Sự thiếu hiểu biết này chắc chắn không phải là dấu hiệu của một người thuộc linh. Lần đầu tiên Sau-lơ và Sa-mu-ên gặp nhau là tại Ra-ma, quê hương của Sa-mu-ên, và tại đó Sa-mu-ên đã xức dầu cho Sau-lơ làm

vua Y-sơ-ra-ên. Đó là lúc mặt trời mọc, như thể Đức Chúa Trời muốn công bố sự khởi đầu của một ngày mới (1 Sa-mu-ên 9:26-10:1).

Khi Sau-lơ rời Sa-mu-ên để trở về nhà tại Ghi-bê-a, Đức Chúa Trời “bèn đổi lòng người ra khác” (1 Sa-mu-ên 10:9-10). Tôi không cho rằng đây là một sự chuyển biến trong tâm linh, mặc dù Đức Thánh Linh thật đã đến trên Sau-lơ trong năng quyền và ông được liệt vào hàng các con trai tiên tri ngợi khen Đức Chúa Trời. Theo Ma-thi-othew Henry, “tấm lòng mới” nghĩa là Sau-lơ không còn suy nghĩ và cảm nhận mình là một nông dân tầm thường nhưng là một chính khách, một vị tướng.⁶ Alexander Whyte phát biểu rằng: “Thánh Linh của Đức Chúa Trời đến trên Sau-lơ cho những hành động bề ngoài thuộc về đất này, nhưng không vì sự thay đổi tấm lòng bên trong của ông... Ngay từ ban đầu, tấm lòng của Sau-lơ không khá hơn một người ngoại đạo.”⁷

Charles Spurgeon phát biểu rằng: “Tôi không cho rằng trong sâu thẳm tấm lòng của Sau-lơ, ông đã nhận biết Chúa. Sau khi được Sa-mu-ên xức dầu, Sau-lơ ‘đã trở nên một con người khác,’ tuy nhiên đó không phải là một con người mới; và cảm nhận về sự hiện diện của Đức Chúa Trời mà Sau-lơ có được không thể so sánh với sự hiện diện của Đức Chúa Trời mà các thánh chân chính vui hưởng.”⁸

John Henry Newman đã bình luận rằng:

Một số người có những hành động trái ngược nhau, ví dụ như Sam-sôn, hoặc Hê-li, song họ đã sống bởi đức tin, dù đó là đức tin yếu đuối. Những người khác phạm phải sai lầm bất chợt, giống như Đa-vít. Một số người lầm lạc vì của cải, giống như Sa-lô-môn. Nhưng khi nói về Sau-lơ, chúng ta không thể tìm thấy nơi ông có bất kỳ nguyên tắc tôn giáo vững chắc nào; đúng hơn, đây là một điều đáng sợ, khi câu chuyện của ông là một bài học cho chúng ta: khi “tấm lòng của một người không tin Chúa” có thể tồn tại trước mặt Đức Chúa Trời, và tấm lòng ấy cai trị một con người mặc dù người đó có nhiều tính cách tốt đến đâu, dù người ấy có những điều đạo đức, đáng ngưỡng mộ và đáng khen.⁴

Những lời trên đáng để đọc lại và suy ngẫm.

Sa-mu-ên nhóm họp dân sự tại Mích-ba, nơi mà trước đó họ đã nhóm lại để xưng tội và cầu xin sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời (1 Sa-mu-ên 7:5-13). Tại đó ông đã điểm danh các chi phái và chọn lựa chi phái Bên-gia-min; sau đó ông chọn họ Mát-ri; kể đến ông tập trung vào gia đình Kịch và gọi tên Sau-lơ lên làm vua. Tuy nhiên hành động đầu tiên của Sau-lơ đó là lẩn trốn trong đồng đồ đạc! Đồng đồ đạc này có nghĩa là những trang thiết bị hỗn tạp được cất ở mép trại. Đôi chút bối rối, Sa-mu-ên phải cầu hỏi Chúa vị vua đang ở đâu. Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn cho Sa-mu-ên và người ta đã phải đem ông ra – và đây là câu quan trọng nhất: “người cao hơn cả chúng từ vai trở lên (1 Sa-mu-ên 10:23). Ông cao, nhưng về sau vấp ngã.

⁶ Ma-thi-othew Henry, *Commentary on 1Sa-mu-ênuel 10:9*

⁷ Whyte, *Bible Characters*, 231.

⁸ Spurgeon, *Metropolitan Tabernacle Pulpit*, vol 48, 521.

G. Campbell Morgan nói rằng: “Nếu Đức Chúa Trời kêu gọi một người lên làm vua thì người đó không có quyền lẩn trốn... nếu người đó vì cảm thấy mình khiêm nhường mà trốn tránh và chối từ nhiệm vụ thì đây chính là bằng chứng đầu tiên nói lên người đó yếu đuối. Sau-lơ là một người như thế.”⁵ Tôi đồng ý, bởi vì tôi có cảm giác việc Sau-lơ lẩn trốn không phải là một sự khiêm nhường, đó là sự giả hình, một sự khiêm nhường giả tạo che giấu sự kiêu ngạo như một khối u ác tính. Vào ngày ấy, Sau-lơ là một sự giả tạo lớn, sự giả vờ và diễn xuất đã làm suy bại tính cách và làm lụn bại cuộc sống của ông.

Đứng trước Sa-mu-ên và dân sự, Sau-lơ có nhiều ưu thế, ngoài cơ thể khỏe mạnh và vẻ ngoài đẹp đẽ. Sau-lơ được Đức Chúa Trời kêu gọi, được Sa-mu-ên xức dầu, và được dân sự chấp nhận khi họ hô lên rằng: “Nguyện vua vạn tuế!” (Họ đã nghe dân ngoại nói như thế). Ông được sinh ra trong một gia đình lãnh đạo (1 Sa-mu-ên 9:1). Sau-lơ có một người bạn tuyệt vời đó là Sa-mu-ên, một người con được lựa chọn là Giô-na-than. (Về sau, ông có một người con rể đầy tài năng là Đa-vít). Sau-lơ được Đức Thánh Linh giúp đỡ, và được một nhóm người đồng sĩ tình nguyện đi theo ông (1 Sa-mu-ên 10:26). Đức Chúa Trời đã ban cho ông một cơ hội đầy vinh quang để đánh bại các kẻ thù của Y-sơ-ra-ên và biến một dân tộc bao gồm các chi phái sống rải rác trở nên một quốc gia thống nhất.

Song Sau-lơ đã không làm được những điều Đức Chúa Trời đã truyền cho ông. Sau-lơ đứng cao hơn người khác trong lễ đăng quang, nhưng đã kết thúc đầy ô nhục trên chiến trường.

VỊ VUA PHẠM LỖI LẦM

Sau-lơ có khởi đầu tốt khi ông tập hợp các đội quân và giải cứu thành Gia-be. Trước đó, Sa-mu-ên đã dặn Sau-lơ phải đến Ghinh-ganh và không được làm gì cho đến khi Sa-mu-ên có mặt tại đó (1 Sa-mu-ên 10:8). Tại đây, Sau-lơ bộc lộ bản tính bốc đồng, tính hay bào chữa và đổ lỗi cho người khác. Khi nhìn thấy quân đội Phi-li-tin đông đảo, Sau-lơ trở nên sợ hãi, chính vì vậy ông đã dâng của tế lễ cho Đức Chúa Trời với hy vọng việc đó sẽ cảm động lòng Đức Chúa Trời và Ngài sẽ ban sự chiến thắng trên kẻ thù (1 Sa-mu-ên 13). Một lần nữa, đây chỉ là một phản tính cách của Sau-lơ.

Sau-lơ đã thay thế vị trí của Sa-mu-ên làm người lãnh đạo đất nước; giờ đây ông lại thay thế Sa-mu-ên với cương vị là thầy tế lễ của Đức Chúa Trời. Song chính Giô-na-than và người vác binh khí của ông mới là người khởi sự tấn công quân Phi-li-tin, và Đức Chúa Trời đã làm phản việc còn lại. Sau-lơ chỉ hoàn toàn đứng nhìn. Thêm phần giả tạo vào vẻ bề ngoài thuộc linh giả dối của mình, Sau-lơ lập một lời thề ngu muội nghe có vẻ là thuộc linh nhưng hoàn toàn không thực tế và Giô-na-than gần như phải trả giá mạng sống mình cho lời thề đó. Đức Chúa Trời không được nhắc đến trong lời thề.

Bước ngoặt xảy ra khi Sau-lơ không vâng lời Chúa trong trận chiến chống lại quân A-ma-léc (1 Sa-mu-ên 15). Ông đã không tiêu diệt dân A-ma-léc, và đã tha mạng cho vua A-ga – và đã nói dối về điều ấy! Sau-lơ tranh luận rằng: “Tôi thật có nghe theo lời phán của Đức Giê-hô-va” (1 Sa-mu-ên 15:20), nhưng Sa-mu-ên không nghe và bỏ đi. Sau-lơ chắc hẳn đã cúi xuống rất thấp

để nắm lấy vạt áo tôi của Sa-mu-ên và làm rách áo. Nhưng điều ấy chỉ đem lại cho Sa-mu-ên một đề tài bài giảng cho Sau-lơ: “Ấy ngày nay Đức Giê-hô-va xé nước Y-sơ-ra-ên khỏi người là như vậy, dâng ban cho kẻ lân cận người, xứng đáng hơn người. (1 Sa-mu-ên 15:28).

Giờ đây khi Sau-lơ nài xin thì sự thật mới được phơi bày: “Song xin hãy tôn trọng tôi trước mặt các trưởng lão của dân sự tôi, và trước mặt Y-sơ-ra-ên” (1 Sa-mu-ên 15:30). Sau-lơ lo lắng đến tiếng tăm của mình – sự nổi tiếng – hơn là nhân cách, ông lo cho chính mình hơn là làm theo ý muốn Chúa. Sa-mu-ên miễn cưỡng cùng ông đi đến bàn thờ và dâng một của lễ và rồi trở về nhà. Cho đến lúc chết, Sa-mu-ên không còn gặp Sau-lơ một lần nào nữa.

VỊ VUA SA NGÃ

Từ thời điểm đó, Sau-lơ trượt dốc – ông sợ Đa-vít và cố gắng giết Đa-vít nhưng bất thành; bệnh hoang tưởng của ông ngày một trầm trọng khi ông cho rằng mọi người đều muốn bắt ông; ông hối lộ cho những lãnh đạo vô dụng là những người chỉ biết bợ đỡ và nịnh nọt. Đỉnh điểm là khi ông đến nhà bà bóng trong đêm để xin bà cầu hỏi Sa-mu-ên. Tuy nhiên, chính Đức Chúa Trời đã cho phép Sa-mu-ên trở lại; bà bóng vô cùng bất ngờ và sợ hãi bởi vì bà không liên quan đến việc này. Lúc ấy, Sau-lơ sắp mình xuống đất mà lạy (1 Sa-mu-ên 28:14) và rồi đứng lên mà lắng nghe thông điệp của Sa-mu-ên. Khi nghe rằng Y-sơ-ra-ên sẽ bại trận, Sau-lơ và con trai sẽ chết, Sau-lơ một lần nữa ngã xuống đất trong sự sợ hãi. Tuy nhiên, ông không có lối thoát. Sau-lơ phải lãnh đạo đội quân Y-sơ-ra-ên chống lại người Phi-li-tin, bởi vì đó là điều dân sự kỳ vọng ở ông (1 Sa-mu-ên 28:18).

Ba người con của Sau-lơ đã tử trận, và rồi Sau-lơ trúng một mũi tên chí mạng của người Phi-li-tin. Chàng trai trẻ vác binh khí của vua không dám giết vua để chấm dứt sự đau đớn cho vua, thế nên Sau-lơ đã ngã vào grom của mình mà chết (1 Sa-mu-ên 31). Sau-lơ từng bày mưu để Đa-vít phải chết trên chiến trường (1 Sa-mu-ên 18:25), song Đức Chúa Trời có một kế hoạch khác – chính Sau-lơ mới là người phải ngã xuống nơi chiến trường. Khi Đa-vít nghe tin, ông đau buồn và ba lần than khóc cho Sau-lơ và Giô-na-than. “Nhân sao các kẻ anh hùng này bị ngã chết?” (2 Sa-mu-ên 1:19, 25, 27).

Một thanh niên người A-ma-léc đã đem tới cho Đa-vít một sự tin tức lừa dối (2 Sa-mu-ên 1). Chàng trai này nghĩ mình có thể lấy lòng Đa-vít khi tuyên bố anh chính là người đã giết kẻ thù của Đa-vít, nhưng ngược lại anh đã đánh mất mạng sống mình. Tuy nhiên, một sự thật đau lòng đã xảy ra: người ta đã lấy đi vương miện của Sau-lơ. Điều này khiến chúng ta nhớ đến lời cảnh báo mà Đức Chúa Giê-su Christ đã gửi cho Hội Thánh Phi-la-đen-phi:

Ta đến mau kíp; hãy giữ lấy điều người có, hầu cho không ai cất lấy mũ triều thiên của người.

Khải huyền 3:11

Nhân sao các kẻ anh hùng này bị ngã chết?

2 Sa-mu-ên 1:19, 25, 27

Vậy thì, ai tưởng mình đứng, hãy giữ kéo ngã.

1 Cô-rinh-tô 10:12

Và, nguyên Đấng có thể gìn giữ anh em khỏi vấp phạm và khiến anh em đứng trước mặt vinh hiển mình cách rất vui mừng, không chỗ trách được,

Giu-đe 1:24

Bài 30

ĐA-VÍT

Người chặn giữ họ theo sự thanh liêm lòng người,

Và lấy sự khôn khéo tay mình mà dẫn dắt họ.

Thi thiên 78:72

Quả là một điều đáng tiếc khi tác giả thư tín Hê-bơ-rơ đã không có đủ thời gian để tả về đời sống đức tin của Đa-vít. Tác giả viết rằng: “Vì nếu ta muốn nói về Ghê-đê-ôn, Ba-rắc, Sam-sôn, Giép-thê, Đa-vít, Sa-mu-ên và các đấng tiên tri, thì không đủ thì giờ” (Hê. 11:32), mặc dù có những thắng lợi được kể đến trong câu 33 và 34 là của Đa-vít.

Và cũng thật là một điều đáng tiếc khi có quá ít người nhận ra sự đóng góp thuộc linh mà Đa-vít đã đem lại cho Hội Thánh ngày nay. Khi nhắc đến tên “Đa-vít,” một người đọc Kinh Thánh bình thường sẽ nghĩ ngay đến “Gô-li-át” hoặc “Bát-sê-ba.” Song ở nơi vị vua vĩ đại nhất của Y-sơ-ra-ên này còn có rất nhiều điều đáng kể trong nhân cách và mục vụ hơn chỉ là một chiến thắng vang dội thời niên thiếu và một thất bại phải trả giá đắt vào tuổi trung niên. Khi xem xét kỹ lưỡng những trải nghiệm phong phú của Đa-vít với Đức Chúa Trời, bạn sẽ sớm nhận thấy Đa-vít là một trong những vị anh hùng đức tin đích thực vĩ đại trong Kinh Thánh, một người mà chúng ta sẽ muốn dành thời gian để học hỏi.

Phao-lô đã từng nhắc nhở những người Giu-đa nhóm lại tại nhà hội rằng Đa-vít “lúc còn sống, làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời” (Công vụ 13:36). Phao-lô đã không có đủ thời gian (hoặc không dành thời gian) để giải thích rằng Đa-vít không chỉ phục vụ cho thể hệ của ông, nhưng cũng phục vụ mọi thể hệ đến sau ông! Đa-vít đã để lại cho Sa-lô-môn kế hoạch xây dựng đền thờ cũng như mọi vật liệu xây dựng cần thiết. Ông đã tổ chức nhân sự đền thờ, sắp đặt nghi thức tế lễ, sáng chế nhạc cụ cho các nhạc công và viết các Thi thiên cho ban hát. Ngày nay, chúng ta vẫn còn đọc và hát các bài Thi thiên ấy, hơn thế nữa, Kinh Thánh Tân Ước chứa đựng hơn bốn trăm trích dẫn từ Thi Thiên.

Cuộc đời của Đa-vít được ghi lại trong Kinh Thánh đã đem lại sự hướng dẫn và truyền cảm hứng cho dân sự của Đức Chúa Trời qua nhiều thế kỷ. Điều quan trọng nhất, Đa-vít đã thiết lập một vương triều mà qua đó Đức Chúa Giê-su Christ đã giáng sinh vào thế giới này để trở nên Đáng Cứu Rỗi của chúng ta. Đức Chúa Trời đã thiết lập một giao ước không bao giờ thay đổi với Đa-vít, Ngài hứa với ông về một vương quốc đời đời (2 Sa-mu-ên 7), và giao ước ấy được làm trọn qua Đức Chúa Giê-su Christ, Con vua Đa-vít. “Chúa, là Đức Chúa Trời, sẽ ban cho Ngài ngôi Đa-vít là tổ phụ Ngài. Ngài sẽ trị vì đời đời nhà Gia-cóp, nước Ngài vô cùng” (Lu-ca 1:32-33).

HÃY CÙNG TÌM HIỂU VỀ ĐA-VÍT!

Cũng như tác giả sách Hê-bơ-rơ, tôi không có đủ thời gian để kể đến mọi tình tiết trong hành trình đức tin của Đa-vít, và điều đó cũng không cần thiết. Đối với tội lỗi của ông, Đức Chúa Trời đã xóa bỏ mọi điều ấy và chúng ta sẽ không bàn đến vấn đề này. Nếu bạn cảm thấy mình xứng đáng, hãy là người đầu tiên ném đá ông. Ngược lại, tôi muốn khám phá bốn hình ảnh qua tuyên ngôn đời sống của Đa-vít. Những hình ảnh này giống như bốn khung cửa sổ mà từ đó chúng ta có thể nhìn thấy con người vĩ đại này và học được từ ông làm thế nào để có một tâm lòng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

CON CHIÊN

Các tác giả Cựu Ước xem dân Y-sơ-ra-ên như một đàn chiên, và Đức Chúa Trời là người chăn. Đức Giê-hô-va chính là “Đấng chăn giữ Y-sơ-ra-ên” (Thi thiên 80:1). Đây chính là lý do vì sao thầy soạn nhạc trong đền thờ A-sáp đã diễn tả hành trình xuất Ai Cập như sau: “Đoạn Ngài đem dân sự Ngài ra như con chiên, dẫn dắt họ trong đồng vắng như một bầy chiên” (Thi thiên 78:52). Chính Đa-vít đã cầu nguyện rằng: “Xin hãy cứu dân Chúa, và ban phước cho cơ nghiệp Ngài; cũng hãy chăn nuôi và nâng đỡ họ đời đời” (Thi thiên 28:9). Trong những lúc nguy khó, A-sáp đã hỏi Đức Chúa Trời rằng: “Nhân sao con giận Chúa nổi phùng cùng bầy chiên của đồng cỏ Chúa? (Thi thiên 74:1); và khi đất nước gánh chịu sự đoán phạt của Đức Chúa Trời, Đa-vít đã thưa với Chúa rằng: “Ấy chính tôi đã phạm tội, tôi là kẻ có tội; còn các con chiên kia có làm chi?” (2 Sa-mu-ên 24:17). Ngày nay, cả Cơ Đốc Nhân lẫn người Do Thái đều hát thờ phượng Đức Chúa Trời rằng: “Chúng tôi là dân sự Ngài, là bầy chiên của đồng cỏ Ngài. (Thi thiên 100:3).

Đức Chúa Giê-su nhìn thấy dân sự trong thời của Ngài giống như một bầy chiên tan lạc, như chiên không có người chăn (Ma-thi-ơ 9:36), một hình ảnh gợi nhớ đến thời Môi-se, chính Môi-se đã từng là một người chăn (Dân 27:17). Hội Thánh đã tiếp thu hình ảnh này và gọi lãnh đạo thuộc linh của họ là “mục sư,” nghĩa là “người chăn” (Ê-phê-sô 4:11), và hội chúng được hiểu là bầy chiên của Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 5:1-4). Phao-lô khuyên dạy các trưởng lão Ê-phê-sô rằng: “Anh em hãy giữ lấy mình, và luôn cả bầy mà Đức Thánh Linh đã lập anh em làm kẻ coi sóc, để chăn Hội thánh của Đức Chúa Trời, mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình” và ông cảnh báo họ rằng “muồng sói” sẽ xen vào trong vòng Hội Thánh và “chẳng tiếc bầy đâu” (Công vụ 20:28-29).

Việc dân sự của Đức Chúa Trời được ví sánh như bầy chiên không khiến chúng ta bất ngờ nếu chúng ta thành thật với chính mình. Con chiên là một con vật không có khả năng tự vệ, một con vật không có thị lực tinh nhạy như các con vật khác. Chúng phải được người khác dẫn dắt, bảo vệ, nếu không chúng sẽ bị thương, đi lạc đàn hoặc bị thú săn mồi giết. Chiên là động vật khá hữu dụng, chúng cung cấp sữa, len, sanh con, và có thể được làm thịt. Của lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời chính là chiên con và chiên trưởng thành, chính vì thế Cơ Đốc Nhân ngày nay được khuyến dạy phải trở nên “của lễ sống” (Rô-ma 12:1), hoàn toàn phó thác cho Chúa.

Đức Chúa Giê-su phán cùng các môn đồ rằng: “Kìa, ta sai các ngươi đi khác nào như chiên vào giữa bầy muông sói” (Ma-thi-ơ 10:16), và kể từ đó, vị thế của chúng ta trong xã hội vẫn không thay đổi. Con cháu Cô-rê đã viết rằng: “Thật vì Chúa mà hằng ngày chúng tôi bị giết, chúng tôi bị kẻ như con chiên dành cho lò cạo” (Thi thiên 44:22). Phao-lô đã trích dẫn câu Thi Thiên trên trong Rô-ma 8:36 và nhắc nhở chúng ta rằng “trái lại, trong mọi sự đó, chúng ta nhờ Đáng yêu thương mình mà thắng hơn tội phạm.” Những con chiên đắc thắng! Chiên con đã trở thành sư tử!

Mặc dù là một vị vua – một người chăn được Đức Chúa Trời lựa chọn, nhưng Đa-vít không bao giờ quên rằng ông vẫn là một con chiên trong bầy của Chúa, chính vì thế ông đã viết rằng: “Đức Giê-hô-va là Đáng chăn giữ tôi” (Thi thiên 23:1). Khi Đa-vít quên lẽ thật quan trọng này, Đức Chúa Trời sẽ đem đến những thử thách hoặc khó khăn xảy đến trong đời sống ông và nhắc cho ông nhớ đến sự yếu đuối của mình. Giê-rê-mi đã nói rằng: “tôi biết đường của loài người chẳng do nơi họ, người ta đi, chẳng có quyền dẫn đưa bước của mình” (Giê-rê-mi 10:23), và lẽ thật này được áp dụng cho cả vua chúa lẫn thường dân. Chúng ta đều cần có Đức Chúa Giê-su là Người Chăn, song nhiều người vẫn đang theo sai người chăn.

NGƯỜI CHĂN

Một số nhân vật quan trọng nhất trong lịch sử Kinh Thánh đã từng là người chăn, trong đó có A-bên là người từ đạo đầu tiên, ngoài ra cũng có Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, Mô-i-se và trên hết là Đa-vít. Trong thế giới cổ đại, những người cai trị được gọi là người chăn bởi vì người ta mong muốn người cai trị đó sẽ yêu thương, chăm sóc và lãnh đạo dân chúng một cách khôn ngoan. Tiếc thay, nhiều người chăn đã lạm dụng chức quyền và sát hại bầy chiên. Ê-xê-chi-ên đã kêu lên rằng: “Khốn nạn cho kẻ chăn của Y-sơ-ra-ên, là kẻ chỉ nuôi mình! Há chẳng phải những kẻ chăn nên cho bầy chiên ăn sao?” (Ê-xê-chi-ên 34:2). Toàn bộ chương Kinh Thánh này là một bản cáo trạng của Đức Chúa Trời lên án những người lãnh đạo ích kỷ đã ngược đãi bầy chiên của Chúa mặc dù đó là bầy chiên của chính họ.

Trong thời Tân Ước, hình ảnh người chăn không phải là một hình ảnh đẹp đẽ; trong thực tế, người chăn thuộc tầng lớp thấp trong xã hội, cùng với họ là quả phụ, kỳ nữ và những người mắc bệnh phong. Vì đêm ngày ở ngoài đồng mà không thể về nhà, nên những người chăn không thể tham gia vào các hoạt động tôn giáo của đền thờ và nhà hội, và bởi vì họ phải làm việc với thú vật cho nên họ thường không thanh sạch theo luật pháp. Mặc dù vậy, chính những người chăn

ngoài đồng là những người đầu tiên được lắng nghe tin tức Đức Chúa Giê-su giáng sinh (Lu-ca 2), và Đức Chúa Giê-su gọi chính Ngài là “người chăn hiền lành” (Giăng 10:11).

Trong chương Kinh Thánh trên, Đức Chúa Giê-su nêu ra ba loại người và xác định mối liên hệ giữa họ với bầy chiên. Người chăn biết tên chiên mình và con chiên thì biết tiếng người chăn, chính vì thế chiên đi theo người chăn, còn người chăn thì chăm sóc cho bầy chiên. Vì lòng yêu thương, người chăn sẵn sàng phó mạng sống mình vì đàn chiên. Những người chăn thuê thì ngược lại: họ làm việc chỉ vì đồng lương. Khi nguy hiểm ập đến, họ bỏ chạy mà không màng đến bầy chiên sẽ ra sao. Trộm cướp muốn làm cho bầy chiên tan lạc, giết chóc và cướp đi từ bầy chiên những gì chúng muốn. Quốc gia Y-sơ-ra-ên đã có rất nhiều lãnh đạo tôn giáo và lãnh đạo đất nước là những người thuộc hạng người chăn thuê và trộm cướp, và hỗ trợ cho họ đó là các tiên tri giả. Hoàn cảnh ngày nay có khác xưa không?

Chiên cần người chăn, và Hội Thánh – bầy chiên của Đức Chúa Trời cũng vậy. Mỗi một mục sư, mỗi một lãnh đạo Hội Thánh cần phải thường xuyên đọc và lưu tâm bài diễn văn của Phao-lô trong Công vụ 20:18-35, đặc biệt là lời của Đức Chúa Giê-su mà Phao-lô đã trích dẫn trong câu 35: “Ban cho thì có phúc hơn là nhận lãnh.” Đây chính là tuyên ngôn đời sống của mỗi một người chăn chân thật.

Người chăn làm gì cho bầy chiên? Họ đi trước và dẫn dắt bầy chiên; họ không đi sau để lèo lái. Họ dẫn bầy chiên tránh xa nguy hiểm để đến những đồng cỏ xanh tươi, mé nước bình tĩnh (những con chiên không thích dòng nước chảy.) Họ xem trong đồng cỏ có những tảng đá hay hầm hố nào mà chiên có thể bị thương không, và họ phải trông chừng các con thú săn mồi. Họ phải quan sát và đi tìm những con chiên nào lơ đãng đi lạc đàn. Người chăn rửa sạch và lấy dầu xoa dịu vết thương của chiên. Họ đặc biệt chú ý đến những con chiên non là những con cần phải học hỏi nhiều điều. Chăn chiên không phải là công việc theo giờ hành chánh cho những kẻ biếng nhác; nhưng đó là công việc toàn thời gian cho những ai biết làm việc và hy sinh.

Đa-vít chính là người chăn như thế. Để bảo vệ đàn chiên của cha, Đa-vít đã giết một con sư tử và một con gấu; và để đem vinh quang cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, ông đã giết kẻ khổng lồ to mồm và cắt đầu của hắn. Đã bao lần Đa-vít liều mạng sống mình trên chiến trường, những khi kêu cầu Chúa để chiến thắng kẻ địch và đem lại vinh quang cho danh Ngài? Mỗi ngày, Đa-vít phải đưa ra những quyết định khó khăn, những quyết định không thể đi theo tấm lòng mọi người, nhưng ông vẫn đi theo Chúa, Đấng chăn dắt ông. Nơi duy nhất mà Đa-vít không trung tín chăn dắt đó chính là gia đình của ông, và hậu quả là Ta-ma, con gái, bị cưỡng bức, và các con trai là Am-nôn, Áp-sa-lôn và A-đô-ni-gia đều bị giết. Khi người chăn đi trên con đường sai, ông cũng kéo theo những người khác đi lạc đường.

Chăn dắt dân sự của Đức Chúa Trời là một sự kêu gọi cao cả, thánh khiết xứng đáng để chúng ta dâng lên Chúa những điều tốt nhất, và Đấng Chăn Nhân Lành sẽ theo đó mà ban thưởng cho chúng ta (1 Phi-e-rơ 5:1-4).

TÁM LÒNG

Những người tin kính như Sa-mu-ên thậm chí phải được Đức Chúa Trời chỉnh sửa khi ông đến thành Bết-lê-hem để xức dầu cho vị vua tiếp theo. Khi bảy người con của Y-sai đi qua trước Sa-mu-ên, Đức Chúa Trời đã nhắc nhở ông rằng: “Chớ xem về bộ dạng và hình vóc cao lớn của nó... Đức Giê-hô-va chẳng xem điều gì loài người xem; loài người xem bề ngoài, nhưng Đức Giê-hô-va nhìn thấy trong lòng” (1 Sa-mu-ên 16:7). Chúa đã xem xét tấm lòng của Đa-vít và đức kết rằng: “Ta đã tìm thấy Đa-vít con của Gie-sê, là người vừa lòng ta” (Công 13:22; xem 1 Sa-mu-ên 13:13-14).

A-sáp dùng từ *liêm chính* để tả về tấm lòng của Đa-vít. Có một lần Đa-vít đã cầu nguyện với Chúa rằng: “Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy chỉ dạy cho tôi biết đường lối Ngài, thì tôi sẽ đi theo sự chân thật của Ngài; Xin khiến tôi một lòng kính sợ danh Ngài” (Thi thiên 86:11). Tấm lòng của Sau-lơ không trọn vẹn, và đó là người “phân tâm, phạm làm việc gì đều không định” (Gia-cơ 1:8). Đây là lý do vì sao Sau-lơ đã phá hỏng nhiều cơ hội dưới cương vị là vua của Y-sơ-ra-ên, tại sao ông phát biểu một điều nhưng lại làm một điều khác và nói dối về việc làm của mình. Một mặt, ông muốn vâng theo Chúa, nhưng đồng thời, ông cũng muốn đi theo lòng dân chúng và chính mình. Đó không phải là sự liêm chính; đó là tính hai lòng. Sa-lô-môn, con Đa-vít đã viết rằng: “Sự thanh liêm của người ngay thẳng dẫn dắt họ; Còn sự gian tà của kẻ bất trung sẽ hủy diệt chúng nó. (Châm ngôn 11:3). Đa-vít không phải là một người chưa từng phạm lầm lỗi nào – và không ai trên đời này không hề mắc sai phạm – nhưng trong tấm lòng, ông được kể là không chỗ trách được trước Chúa và trước người dân (Thi thiên 18:20-24).

Chúng ta gọi một số trọn vẹn là “số nguyên” và những con số bị chia lẻ là “phân số.” Tấm lòng của Đa-vít giống như số nguyên, còn tấm lòng của Sau-lơ giống như phân số. Tấm lòng của Đa-vít dành trọn cho Đức Chúa Trời, chính vì thế ông có sức mạnh và sự bền bỉ và Đức Chúa Trời trọng dụng ông. Đa-vít biết rằng Chúa không giúp đỡ những người không vâng lời nhưng giúp đỡ những ai “có tay trong sạch và lòng thanh khiết” (Thi thiên 24:4).

Đức Chúa Giê-su phán rằng chúng ta không thể phục vụ hai chủ (Ma-thi-ơ 6:24), Đức Chúa Trời và tiền tài, Đức Chúa Trời và sự theo đuổi danh vọng, Đức Chúa Trời và địa vị, Đức Chúa Trời và sự tận hưởng “hạnh phúc.” Tiền tài, danh phụng, địa vị và hạnh phúc là những hình tượng chiếm lấy vị trí của Đức Chúa Trời và những phước hạnh Chúa ban cho chúng ta bởi vì chúng ta xưng Đức Chúa Giê-su là Chúa nhưng những hình tượng trên vẫn chiếm một vị trí hợp pháp trong tấm lòng mình. “Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa” (Ma-thi-ơ 6:33).

Hai lòng – một tấm lòng không trọn vẹn – bắt đầu bằng sự giả hình. Giả hình có nghĩa là “diễn kịch,” lừa dối người khác, nhưng hai lòng nghĩa là lừa dối chính mình. “Vì bằng chúng ta nói mình không có tội chi hết, ấy là chính chúng ta lừa dối mình, và lẽ thật không ở trong chúng ta” (1 Giăng 1:8). Một người có tấm lòng không trọn vẹn rất giỏi lừa dối đến nỗi họ không nhận ra tình trạng của mình trầm trọng như thế nào. Bước tiếp theo là lừa dối Đức Chúa Trời. “Nhược bằng chúng ta nói mình chẳng từng phạm tội, ấy là chúng ta cho Ngài là kẻ nói dối, lời Ngài không ở trong chúng ta” (1 Giăng 1:10).

Thậm chí trong những năm Đa-vít chạy trốn khỏi Sau-lơ, ông vẫn vâng giữ luật pháp Chúa và giữ gìn đời sống thanh sạch. Trong bài thánh thi ca ngợi sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, Đa-vít đã viết rằng: “Vì các mạng linh Ngài đều ở trước mặt tôi, còn luật lệ Ngài, tôi nào bỏ đâu. Tôi cũng ở trọn vẹn với Ngài, giữ lấy mình khỏi ác” (Thi thiên 18:22-23). Dù ở đâu Đa-vít vẫn giữ một đời sống thánh khiết và giữ mình thanh sạch trước Chúa.

Trong những bài học trước, chúng ta thấy rằng các lãnh đạo vĩ đại thường thất bại ở điều họ mạnh mẽ nhất - Áp-ra-ham thất bại trong đức tin, Môi-se thất bại trong sự nhu mì, và giờ đây Đa-vít thất bại trong sự chính trực. Ngay khi tấm lòng của Đa-vít ham muốn Bát-sê-ba, ông trở nên hai lòng, tự lừa dối chính mình mà nói rằng: “Ta có thể tránh được điều này.” Ông đi từ giả hình đến hai lòng. Ông lập mưu để đưa U-ri, chồng Bát-sê-ba, vào bẫy, nhưng kế hoạch không thành. Sau đó, ông sắp đặt để U-ri phải chết trên chiến trường. Đa-vít lấy Bát-sê-ba để đưa con được sanh ra hợp pháp, và ông che đậy tội lỗi của mình suốt thời gian Bát-sê-ba mang thai, nhưng đứa con ấy chết. Cuối cùng Đa-vít thú nhận tội lỗi và Đức Chúa Trời tha thứ cho ông, nhưng ông phải trả một cái giá rất đắt.

Lời Đa-vít nói cùng Chúa: “Này, Chúa muốn sự chân thật nơi bề trong” (Thi thiên 51:6), ông đang nói về lương tâm và sự liêm chính. Kẻ thù muốn tấn công chúng ta trong những lĩnh vực mà chúng ta mạnh mẽ nhất, vì khi điều mạnh mẽ nhất thất bại thì những điều khác cũng thất bại theo. Đa-vít được phục hồi, và những năm tháng cuối đời, Đa-vít đã không phải sống trong sự đau buồn về quá khứ nhưng đầu tư cho tương lai. Ông chuẩn bị tất cả cho việc xây dựng đền thờ và khích lệ Sa-lô-môn hoàn thành công tác. Sa-lô-môn là con của Đa-vít và Bát-sê-ba. “Nhưng nơi nào tội lỗi đã gia thêm, thì ân điển lại càng dư dật hơn nữa” (Rô-ma 5:20).

ĐÔI TAY

Bàn tay và sự xúc dầu của Đức Chúa Trời luôn ở trên Đa-vít (Thi thiên 89:21), và bàn tay của Đa-vít luôn sẵn sàng để Đức Chúa Trời sử dụng. Hãy xem đôi tay của Đa-vít có những gì khi ông hầu việc Chúa.

Cây gậy của người chăn bầy. Đức Chúa Trời huấn luyện Môi-se và Đa-vít bằng cách khiến cho họ trở thành những người chăn. Cuối cùng, dân Y-sơ-ra-ên đã hành động như một đàn chiên, cũng như con người ngày nay! Từ khi còn là một chàng trai chăn chiên, Đa-vít hầu việc Đức Chúa Trời bằng cách phục vụ cha. Khi dẫn dắt bầy chiên đến đồng cỏ, suối nước, chăm sóc những con cừu cái và những con non, giết gấu và sư tử, Đa-vít không biết rằng Đức Chúa Trời đang chuẩn bị ông cho một mục vụ quan trọng hơn rất nhiều. Nguyên tắc này được phát biểu rõ ràng trong Ma-thi-ơ 25:21 – “người đã trung tín trong việc nhỏ, ta sẽ lập người coi sóc nhiều” – và Đa-vít đã làm được điều ấy.

Một cái tròng ném đá. Sau-lơ cho Đa-vít mượn áo giáp và gươm của mình, nhưng Đa-vít biết rằng ông không thể chiến thắng nếu sử dụng trang bị của người khác. Ông đem theo một cái tròng ném đá mà ông tin cậy, nhật năm hòn đá, và dùng một hòn đá để giết Gô-li-át (1 Sa-mu-ên 17:38-50). Sau đó ông lấy gươm của Gô-li-át và cắt đầu tên khổng lồ này. Đức Chúa Trời sử

dụng những công cụ kỳ lạ và thú vị để hoàn thành mục đích của Ngài – cái tranh ném đá của Đa-vít; cây gậy của Môi-se; chiếc hàm lừa của Sam-sôn; cây kèn, đuốc và bình đất của Ghê-đê-ôn; búa và cọc đóng trại của Gia-ên; bình dầu của người quả phụ; và thức ăn trưa của một bé trai.

Cây đàn hạc. Đa-vít là một nhà thơ và cũng là một nhạc công. Đức Chúa Trời sử dụng tiếng nhạc đàn hạc của ông để làm xoa dịu vua Sau-lơ khi vua đau buồn, và Ngài dùng văn thơ của Đa-vít trong sự thờ phượng và bày tỏ tín lý thần học qua các chương sách Thi thiên. Tiếc thay một số Hội Thánh đã từ bỏ những cách thờ phượng được tìm thấy trong Thi thiên mà bắt chước những người thuộc giới giải trí của thế gian thay vì làm theo “kẻ hát êm dịu của Y-sơ-ra-ên” (2 Sa-mu-ên 23:1).

Thanh gươm. Đa-vít trở thành một chiến binh hùng mạnh và một chiến lược gia quân sự vĩ đại, đến nỗi những người nữ đã hát khen ngợi Đa-vít nhiều hơn những lời ca dành cho Sau-lơ (1 Sa-mu-ên 18:6-9). Điều này khiến Sau-lơ không vui, kể từ đó, Sau-lơ luôn đề mắt tới Đa-vít. Chắc chắn, Đa-vít là một sự kết hợp đặc biệt của một người lính, một nhạc sĩ, một nhà thơ, một nhà quản trị, và một người thờ phượng Đức Chúa Trời. Thanh gươm của Đa-vít mở lối cho quân đội Y-sơ-ra-ên đánh bại kẻ thù, mở rộng bờ cõi quốc gia và đem an ninh cho đất nước. Đa-vít không sợ chiến trường, bởi vì ông biết Đức Chúa Trời sẽ ban cho ông chiến thắng.

Điều quan trọng cần phải nhớ đó là Đức Chúa Trời huấn luyện đôi tay của Đa-vít và ban cho ông sức mạnh để chiến đấu trận chiến của Chúa (Thi thiên 18:32-34). Đầu tiên là một con sư tử, sau đó là một con gấu, kể đến là một kẻ không lồ, rồi cuối cùng là các đội quân của kẻ thù. Đa-vít nói rằng: “Đáng ngợi khen Đức Giê-hô-va thay, là hòn đá tôi! Ngài dạy tay tôi đánh giặc, tập ngón tay tôi tranh đấu. (Thi thiên 144:1).

Một cốc nước. Một trong số những chương hay nhất trong cuộc đời Đa-vít xảy ra trong hang đá A-đu-lam (2 Sa-mu-ên 23:13-17). Đa-vít gần như chỉ thì thảo, ao ước có một cốc nước lạnh từ giếng gần công thành Bết-lê-hem nơi mà lúc còn nhỏ ông đã từng uống nước. Ba trong số các quan tướng đã nghe được điều này nên liều mạng sống họ đi lấy nước mà dâng cho vua. Đa-vít từ chối không hạ thấp chiến công đầy hy sinh này nếu uống nước ấy, bởi vì ông nhìn thấy huyết của các binh sĩ; chính vì thế ông đã đổ nước ra để dâng lên cho Đức Chúa Trời. Điều này nhắc cho tôi nhớ đến Đại tướng Robert E. Lee đã nói khi ông từ chối viết một quyển sách về Cuộc Nội Chiến: “Điều đó đánh đổi huyết của các binh sĩ của tôi.” Đa-vít là bậc thầy tạo nên những trải nghiệm vĩ đại từ những việc dường như nhỏ nhất, và đây là điều khiến ông được những người theo mình quý mến. George H. Morrison đã nói rằng: “Những việc lớn thể hiện khả năng, nhưng những việc nhỏ bày tỏ sự hiến dâng.”

Kế hoạch xây dựng đền thờ. Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se những hướng dẫn xây dựng đền tạm, và Ngài cũng ban cho Đa-vít những hướng dẫn tương tự cho đền thờ của Ngài (1 Sử ký 28:11). Đa-vít ước ao xây dựng một đền thờ cho Đức Chúa Trời hơn bất kỳ điều nào khác, song Chúa không cho phép. Chính vì thế Đa-vít đã làm điều tiếp theo: ông cầu xin đặc ân được tiếp nhận kế hoạch xây dựng đền thờ, và rồi ông chuyển giao cho con trai mình là Sa-lô-môn.

Vật liệu xây dựng đền thờ. Trong suốt sự nghiệp quân sự thành công của mình, Đa-vít đã lấy được nhiều chiến lợi phẩm và đưa vào nhà Chúa để được sử dụng xây dựng đền thờ (2 Sử ký 29:1-9). Sa-lô-môn không cần phải thuê người gây quỹ, ông cũng không cần phải tăng thuế khi xây dựng đền thờ.

Đa-vít liều mạng sống mình để dân sự của ông có một ngôi nhà vinh quang cho Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời hỏi mỗi một con cái của Ngài rằng: “Trong tay ngươi cầm vật chi?” (Xuất 4:2). Hãy dâng cho Ngài những gì bạn có và nhìn xem Ngài làm những điều kỳ diệu. Bất kỳ điều gì Chúa ban cho bạn, hãy học cách sử dụng chúng một cách thành thạo như Đa-vít đã làm, và hãy dâng cho Chúa đôi bàn tay, tấm lòng, công cụ và kỹ năng của bạn.

Có một bức tượng Đa-vít cao năm mét của Michelangelo được đặt tại quảng trường Piazza Signoria tại Florence, Ý vào năm 1504. Kể từ đó, bức tượng luôn bị những người phản đối ném đá và bị sét đánh. Một cánh tay của bức tượng bị bể khi một người bạo loạn đã ném một ghế dài ra khỏi cửa sổ nhưng không ai màng tu sửa bức tượng. Những người có thiện chí cố gắng lau rửa bức tượng bằng axit clohydric và bàn chải thép nhưng thật ra họ chỉ làm hỏng lớp bảo vệ bên ngoài của bức tượng. Một người điên đã dùng búa tấn công bức tượng, và bức tượng không được bảo vệ ấy đã đứng dưới những cơn mưa lạnh cóng trong nhiều thế kỷ. Cuối cùng người ta quyết định đã đến lúc phải phục hồi bức tượng để thể hiện lòng tôn kính nhân kỷ niệm bức tượng được năm trăm năm vào năm 2004, và chi phí cho việc này lên đến 500.000 USD.

Dù việc gì có xảy đến cho bức tượng thì chàng trai Đa-vít, người được mô tả trong Kinh Thánh, vẫn sẽ hiên ngang, mạnh mẽ và đáng nhận được sự tôn trọng của chúng ta. Nguyên xin Chúa đẩy lên nhiều người giống như Đa-vít!

Bài 31

GIÔ-NA-THAN

Bằng hữu thương mến nhau luôn luôn;

Và anh em sanh ra để giúp đỡ trong lúc hoạn nạn.

Châm ngôn 17:17

Chuyên gia tâm thần học Paul Tournier viết, “Không ai trên thế giới này có thể tự phát triển và tìm thấy một cuộc sống trọn vẹn mà không cần được một ai đó hiểu mình,” Mục sư người Anh Charles Spurgeon nói, “Tình bạn là niềm vui ngọt ngào nhất của cuộc sống. Qua những thử thách, chắc hẳn nhiều người đã thất bại vì đắng cay nếu họ không tìm được một người bạn.”

Bằng hữu rất cần thiết cho mỗi một chúng ta, đặc biệt đối với những người Đức Chúa Trời đặt để trong vị trí lãnh đạo. Chỉ những người lãnh đạo mới hiểu được sự cô đơn khi đứng trong vị trí

này. Nhưng tình bạn đem lại sức mạnh và sự yên ủi giúp khích lệ người lãnh đạo tiếp tục vượt qua những khó khăn. Dù vị trí của chúng ta trong cuộc sống là gì, nếu có thể chia sẻ nỗi lòng với một người bạn và cùng nhau cầu nguyện thì chúng ta sẽ có được cái nhìn về vấn đề của mình dựa trên những điều Đức Chúa Trời đã ban sẵn cho chúng ta trong Đức Chúa Giê-su Christ.

Tình bạn giữa Đa-vít và Giô-na-than được đánh giá cao hơn mọi tình bạn khác trong văn học và lịch sử. Vua Sau-lơ có bốn người con trai, trong đó Giô-na-than là con cả nên có quyền thừa kế ngôi vua (1 Sứ ký 8:33). Tại Do Thái, người nam ít nhất phải trên hai mươi tuổi mới được nhập ngũ (Dân 1:3), còn Giô-na-than thì chịu trách nhiệm cai quản một trăm binh lính (1 Sa-mu-ên 13:2), vì vậy rất có thể ông lớn hơn Đa-vít mười tuổi. Song sợi dây gắn kết họ với nhau vững chắc hơn cả tuổi tác hoặc cấp bậc, và thậm chí hơn cả sự chết.

HỌ YÊU THƯƠNG NHAU

Giô-na-than và Đa-vít gặp nhau sau khi Gô-li-át bại trận, và hai người lập tức trở nên “lòng của Giô-na-than khế hiệp cùng lòng Đa-vít” (1 Sa-mu-ên 18:1-2). Khi chiến thắng kẻ khổng lồ, Đa-vít đã thể hiện những phẩm chất mà Giô-na-than ngưỡng mộ và chia sẻ - đức tin nơi Đức Chúa Trời, sự can đảm, sự khiêm nhường, một khao khát tôn vinh Chúa, và sự sẵn sàng mạo hiểm. Giô-na-than không hề tìm thấy một phẩm chất nào kể trên ở nơi cha mình, và chúng ta cũng không thấy rằng các anh của Giô-na-than có những phẩm chất ấy. Một hoàng tử không thể kết bạn với tất cả mọi người, nhưng Đa-vít là người mà Giô-na-than có thể gần bó và yêu thương một cách chân thành. Tấm lòng của họ được gắn kết với nhau.

Song kết bạn với Đa-vít là một bước đi mạo hiểm đối với Giô-na-than. Trước đó Sa-mu-ên đã xức dầu cho Đa-vít trở thành vị vua tiếp theo của Y-sơ-ra-ên (1 Sa-mu-ên 16), và Thánh Linh của Đức Chúa Trời hành động trong đời sống ông. Cha và các anh đã chứng kiến lễ xức dầu cho Đa-vít, nhưng chúng ta không biết bao nhiêu người hiểu ý nghĩa của lễ ấy. Ba người anh của Đa-vít đều phục vụ trong quân đội của Sau-lơ (1 Sa-mu-ên 17:13-15), nhưng dường như các anh không hề khoe khoang gì về người em út của họ. Ê-li-áp, anh cả của Đa-vít còn nói sai về Đa-vít “có tánh kiêu ngạo và sự độc ác” (1 Sa-mu-ên 17:28). Về sau, Sau-lơ trở nên ganh tị với tài năng quân sự và sự nổi tiếng của Đa-vít nên tìm nhiều cách để giết ông. Cuối cùng, Sau-lơ đã bàn đến vấn đề Đa-vít sẽ lên ngôi làm vua với Giô-na-than (1 Sa-mu-ên 20:30-31).

Chắc chắn trong những cuộc trò chuyện thầm kín với nhau, Đa-vít đã giải bày lòng mình cho Giô-na-than và khiến cho Giô-na-than hiểu rằng chính Đức Chúa Trời là Đấng dẫn dắt cuộc đời Đa-vít. Tuy nhiên điều này chỉ có thể làm tình bạn của họ thêm sâu sắc và một trong hai người sẽ không bị đe dọa. “Tình yêu thương chẳng ghen tị, chẳng khoe mình, chẳng lên mình kiêu ngạo” (1 Cô-rinh-tô 13:4). Các binh sĩ khác dường như rất ủng hộ Giô-na-than và nhận ra ông không hề giống cha mình. Thậm chí người vác binh khí cho Giô-na-than đã sẵn lòng chết cùng ông (1 Sa-mu-ên 14:7).

Trong bài diếu văn tiễn biệt Sau-lơ và Giô-na-than (2 Sa-mu-ên 1:17-27), Đa-vít công khai thừa nhận: “Hỡi Giô-na-than, anh tôi! Lòng tôi quần thảo vì anh. Anh làm cho tôi khoái dạ; nghĩa bầu

bạn của anh lấy làm quý hơn tình thương người nữ” (2 Sa-mu-ên 1:26). Việc thêm một thanh âm đầy gọi cảm vào bài điệu văn này là một điều lỗi bịch, thậm chí đáng bị lên án. Sau-ơ đã cố tìm cách giết cả Đa-vít lẫn Giô-na-than, và nếu vua nghi ngờ tình bạn này đang vi phạm luật pháp Chúa, chắc hẳn vua đã tìm ra chứng cứ cần thiết để giết họ. Không, tình bạn giữa Giô-na-than và Đa-vít hoàn toàn trong sáng và lành mạnh, giống như sự hiến dâng mà một người vợ khi rời cha mẹ trung thành với chồng.

HỌ GẮN BÓ VỚI NHAU BẰNG MỘT GIAO ƯỚC

Giô-na-than bí mật kết ước cùng Đa-vít rằng trọn đời họ sẽ là những người bạn trung thành với nhau, và Giô-na-than ấn chứng cho giao ước ấy bằng việc tặng cho Đa-vít áo bào hoàng gia và vũ khí của mình (1 Sa-mu-ên 18:3-4). Về sau, giao ước giữa họ bao gồm hai vấn đề quan trọng: khi Đa-vít lên làm vua, ông sẽ không tiêu diệt gia đình Giô-na-than (1 Sa-mu-ên 20:14-17, 23, 42), và Giô-na-than sẽ trị vì cùng Đa-vít và sẽ trở thành tể tướng của Đa-vít (1 Sa-mu-ên 23:17). Đa-vít bày tỏ lòng nhân từ phi thường đối với Mê-phi-bô-sét, người con bị bại liệt của Giô-na-than (2 Sa-mu-ên 9), nhưng Đa-vít không thể ban cho Giô-na-than chức vụ nào bởi vì Giô-na-than đã hy sinh trên chiến trường cùng với cha mình và ba người anh trai (1 Sa-mu-ên 31:1-6).

Khi nghĩ về giao ước tình bạn đẹp đẽ này, tôi suy ngẫm về giao ước mà Đức Chúa Giê-su đã lập với những ai tin cậy Ngài. Đa-vít và Giô-na-than là hai người ngang hàng với nhau, một người là hoàng tử, còn người kia là vị vua tương lai, nhưng khi Đức Chúa Giê-su mời tôi bước vào giao ước với Ngài, tôi là một người thất bại, một tội nhân bị lên án. Dù vậy, Ngài yêu tôi, và tình yêu đó lớn hơn bất cứ tình yêu nào của con người, thậm chí tình yêu vợ chồng. Giô-na-than cho Đa-vít áo choàng hoàng gia của mình, nhưng Đức Chúa Giê-su đã ban cho tôi chiếc áo của sự công chính và Ngài tha thứ mọi tội lỗi của tôi. Hơn thế nữa, Đức Chúa Giê-su chịu chết vì tôi và trả cái giá của tội lỗi. Ngài không khiến tôi ngồi ghế “tể tướng” nhưng mời tôi đồng ngồi trên ngai cùng với Ngài và “trị vì đời đời” (Rô-ma 5:17; Ê-phê-sô 2:6). Giô-na-than cầu xin cha mình ban cho Đa-vít ân huệ, nhưng Sau-ơ chưa từng giữ lời hứa. Đức Chúa Giê-su chính là Thầy Cả Thượng Phẩm và là Đấng bênh vực cho chúng ta, Ngài sẽ đại diện cho chúng ta ở trước ngai và ban cho chúng ta những ơn phước từ Đức Chúa Cha. Khi Giô-na-than chết, giao ước giữa ông và Đa-vít chấm dứt, song giao ước cứu rỗi trong Đức Chúa Giê-su với chúng ta sẽ không bao giờ chấm dứt, bởi vì Ngài sống lại “theo quyền phép của sự sống chẳng hay hư hay hết” (Ê-phê-sô 7:16). Đa-vít và Giô-na-than là bằng hữu trong vài năm, nhưng Đức Chúa Giê-su khiến chúng ta trở nên bằng hữu với Ngài mãi mãi (Giăng 15:13-15).

Giô-na-than không từ bỏ cha mình, cũng không từ bỏ đội quân của mình khi ông lập giao ước với Đa-vít, nhưng nhiều lần ông đã giúp đem lại chiến thắng cho Y-sơ-ra-ên. Vua cha đã không làm gì để tấn công kẻ thù, chính vì thế Giô-na-than đã tấn công một đồn quân Phi-li-tin và tiêu diệt tướng chỉ huy. Điều này khiến cho người Phi-li-tin thêm phần giận dữ nên họ đã điều binh vào lãnh thổ Y-sơ-ra-ên và đe dọa dân Do Thái. Đây chính là điều Giô-na-than mong muốn, bởi vì ông có cơ hội tấn công kẻ thù, và ông đã thành công, Đức Chúa Trời ban cho Y-sơ-ra-ên thắng lớn (1 Sa-mu-ên 13-14). Khi nghe lời Giô-na-than nói với người vác binh khí của mình, không ai

không ngưỡng mộ đức tin của ông: “Đức Giê-hô-va khiến cho số ít người được thắng cũng như số đông người vậy” (1 Sa-mu-ên 14:6). Giô-na-than có nhận thức thuộc linh và biết điều Chúa muốn ông hành động. Khi ấy Sau-lơ đang ngồi dưới một cái cây để lên kế hoạch cầu hỏi Chúa muốn ông làm gì. Dù Giô-na-than được xếp thứ hai nhưng ông đã làm công tác của một đại tướng hang đầu, còn Sau-lơ thì được tán thưởng.

HỌ KHÍCH LỆ LẦN NHAU

Tôi tự hỏi có phải Giô-na-than đã dạy Đa-vít tài dùng gươm và bắn cung hay không. Trước khi gặp Giô-na-than, Đa-vít biết sử dụng tránh ném đá và đã giết được sư tử, gấu và một kẻ khổng lồ. Còn Giô-na-than, là một người thuộc chi phái Bên-gia-min, chắc hẳn rất ngưỡng mộ tài sử dụng tránh ném đá của Đa-vít (1 Sử ký 12:1-2). Song chúng ta không tìm thấy bằng chứng nào thể hiện Đa-vít được huấn luyện sử dụng cung và gươm. Dĩ nhiên, chính Đức Chúa Trời đã huấn luyện đôi tay của Đa-vít cho chiến trận, và Ngài ban cho ông cánh tay khỏe mạnh để dùng gươm và giương cung (Thi thiên 18:34). 1 Sa-mu-ên 20 nói rằng Đa-vít và Giô-na-than thường luyện tập bắn cung với nhau, và có lẽ họ cũng đã luyện kiếm chung với nhau.

Tình bạn của họ vượt qua bao thử thách bởi vì họ yêu kính và tin cậy Chúa cũng như yêu mến và tin cậy lẫn nhau. Chắc hẳn Đa-vít đã rất đau lòng khi phải bất đồng với người bạn của mình về những dự định của Sau-lơ, nhưng Giô-na-than còn cảm thấy đau đớn hơn nữa khi biết điều Đa-vít nói là đúng, rằng Sau-lơ đang tìm giết Đa-vít và ngăn không cho Đa-vít lên ngôi vua Y-sơ-ra-ên (1 Sa-mu-ên 20). Thậm chí Sau-lơ đã từng cố giết Giô-na-than! Khi đứng về phía Đa-vít thì những người trong nhà của Giô-na-than sẽ trở thành kẻ thù của chính ông (Ma-thi-ơ 10:38).

Khi phải lần trốn vào đồng vắng, Đa-vít có hai người bạn không thể thiếu được chính là Giô-na-than và Sa-mu-ên (1 Sa-mu-ên 19:18-22), và ông đã học được rằng “anh em sinh ra để giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn” (Châm ngôn 17:17). Khi Đa-vít đang ở trong đồng vắng Xíp, Giô-na-than đã liều mạng sống mình mà đến với Đa-vít và “làm cho người vững lòng tin cậy nơi Đức Chúa Trời” (1 Sa-mu-ên 23:16). Một người bạn thật không chỉ nói với chúng ta rằng “hãy vững vàng” hoặc “hãy cố gắng” nhưng cũng phải hướng chúng ta đến với Chúa và khích lệ chúng ta tin cậy nơi lời hứa Ngài. Đây có lẽ là lần cuối cùng Đa-vít và Giô-na-than gặp nhau trên đất. Sau này, Đa-vít gặp hoạn nạn lớn tại Xiéc-lác và dân sự muốn ném đá ông, “nhưng Đa-vít được sức mạnh nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình” (1 Sa-mu-ên 30:6). Đây là điều mà Giô-na-than đã giúp đỡ Đa-vít. Chúng ta không biết đâu là lần cuối cùng chúng ta gặp mặt những người bạn của mình, vậy hãy đem lại sự khích lệ cho họ.

HỌ QUÝ TRỌNG NHAU

Giô-na-than tử trận trên núi Ghinh-bô-a cùng với vua cha và ba người anh của mình (1 Sa-mu-ên 31). Sa-mu-ên đã báo Sau-lơ rằng điều này sẽ xảy ra (1 Sa-mu-ên 28:16-19). Phải chăng hai người đi cùng với Sau-lơ đến nhà bà bóng cũng đã lắng nghe những lời ấy? Nếu vậy, liệu họ đã truyền tai nhau tin tức ấy? Sau-lơ có kể cho các con trai của mình không? Vậy tại sao họ lại ra

trận? Tại sao Sau-lơ không đầu hàng để cứu mạng sống mình và mạng sống của các con trai mình?

Y-sơ-ra-ên đã cầu xin một vị vua để ra trận (1 Sa-mu-ên 8:19-20), chính vì thế Sau-lơ không dám thoái lui, ông cũng không dám cho con của mình đi nơi khác. Làm sao có thể lãnh đạo một đạo binh ra trận khi bạn đã biết trước mình sẽ bại trận? Làm thế nào để thể hiện sự dũng cảm khi bạn biết một mũi tên sẽ bắn trúng bạn? Bạn sẽ cố gắng hết sức mình, và dù gì đi nữa, Sau-lơ vẫn luôn là một người giỏi đóng kịch.

Tuy nhiên tại sao Đức Chúa Trời lại cho phép một Giô-na-than có lòng tin kính phải chịu chết cùng một người cha bội đạo? Không phải bởi vì ông là một tội nhân vĩ đại, nhưng bởi vì Đức Chúa Trời không định cho dân Y-sơ-ra-ên phải có hai vua từ hai chi phái khác nhau. Giô-na-than sẵn lòng là người đứng sau Đa-vít, và Đa-vít bằng lòng với cách sắp xếp này, song đó không phải là điều Chúa muốn. Vị vua phải đến từ chi phái Giu-đa (Sáng 49:10), và Đa-vít chính là vị vua đó.

Đa-vít không chỉ tôn kính Sau-lơ và Giô-na-than qua bài điệu văn của mình, nhưng ông cũng an táng xác họ một cách trọng thể. Người Phi-li-tin đã cắt đầu Sau-lơ và treo bốn xác con trai ông trên tường thành Bết-san và rồi họ đem đầu của Sau-lơ mà đi điều hành khắp xứ, khoe khoang về thành tích vĩ đại của họ. Những người đồng sĩ tại Gia-be trong xứ Ga-la-át đã liêu minh đến gỡ lấy xác của Sau-lơ và các con trai ông, thiêu đốt các thầy đó và chôn tro cốt tại Gia-be. Đa-vít đã đòi tro cốt của họ đến mộ của gia tộc tại Bê-ni-min (2 Sa-mu-ên 21:12-14).

Bài ca thương trong 2 Sa-mu-ên 1:17-27 là sự bày tỏ tấm lòng của Đa-vít dành cho cả Sau-lơ lẫn Giô-na-than. Ông đã không đề cập gì đến sáu lần Sau-lơ đã cố giết mình, ông cũng không nói Sau-lơ là một bạo chúa hoang tưởng, một người áp bức dân sự, hay Đa-vít cũng không nói rằng Sau-lơ thậm chí đã muốn giết chết Giô-na-than bởi vì Giô-na-than là bạn của Đa-vít. Ông gọi họ là “Kẻ danh vọng [của Chúa]” (c. 19), “kẻ anh hùng” (c. 19, 25, 27), “yêu nhau đẹp nhau... lạ hơn chim ưng... mạnh hơn con sư tử” (c. 23). Đa-vít có thể chọn trở thành kẻ thù của Sau-lơ, nhưng ông không xem Sau-lơ là kẻ thù. Đa-vít có một tấm lòng vị tha cao cả!

Chúng ta tự hỏi Giô-na-than nghĩ gì trước khi ngã xuống trong trận chiến tại núi Ghinh-bô-a. Có lẽ ông đã nói rằng: “Lạy Chúa, con đã trung thành với Ngài, với cha của con, với Y-sơ-ra-ên, và với Đa-vít. Con cảm ơn Ngài vì đây vẫn chưa phải là kết thúc. Kẻ tôi tớ Ngài là Đa-vít sẽ chiến thắng kẻ thù, thống nhất dân tộc và cai trị vì sự vinh quang của Ngài. Lạy Chúa, với hơi thở cuối cùng này, con cầu nguyện xin Ngài hãy ban phước cho Đa-vít, bạn con, một người con yêu quý, và dẫn dắt người đến chiến thắng.”

Tên Giô-na-than nghĩa là “Đức Giê-hô-va đã ban cho.”

“Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va (Gióp 1:21). Trong mọi việc, Giô-na-than không phạm tội nghịch cùng Chúa.

Bài 32

SA-LÔ-MÔN

Chớ chi họ khôn ngoan và hiểu được.

Ước gì nghĩ đến sự cuối cùng vẫn đợi họ!

Phục truyền luật lệ ký 32:29

Dù cho Đa-vít đã kiêng ăn và cầu nguyện, nhưng đứa trẻ sanh ra từ mối quan hệ ngoại tình giữa ông và Bát-sê-ba chỉ có thể sống được một tuần và không có tên. Tuy nhiên, đứa con thứ hai mà Bát-sê-ba sanh cho Đa-vít được đặt hai tên. Cha mẹ đặt cho đứa trẻ tên Sa-lô-môn, nghĩa là “bình an,” còn Đức Chúa Trời đặt tên Giê-đi-đia, nghĩa là “Đức Giê-hô-va yêu mến.” (Tên Đa-vít nghĩa là “được yêu mến). Hiển nhiên ngay từ đầu Đức Chúa Trời đã đặc biệt yêu thương Sa-lô-môn và Ngài ban cho ông những nhiệm vụ đặc biệt. Sau vấp phạm đầy đau thương của mình, Đa-vít hạnh phúc vì một lần nữa Đức Chúa Trời khẳng định tình yêu thương của Ngài đối với ông.

T. S. Eliot đã mở đầu bài thơ “Chân dung một quý cô” bằng câu thơ “Khởi đầu không biết được kết thúc,” và điều này đặc biệt đúng với Sa-lô-môn. Nếu trên đời này có một người được sinh ra với đầy đủ mọi đặc quyền đặc lợi và có đầy đủ mọi ân tứ tốt đẹp nhất của Đức Chúa Trời thì đây chính là Sa-lô-môn. Ông đã khởi đầu đầy hứa hẹn khi còn trẻ nhưng kết thúc khác xa với những gì ông đã bắt đầu. Clarence McCartney, một mục sư người Mỹ, đã nói rằng: “Sa-lô-môn có thể được mô tả là một người ngu muội khôn ngoan nhất (the wisest fool) trong Kinh Thánh.” Điều này nghĩa là Sa-lô-môn chưa từng thật sự tiến bộ trong trường đời nhưng cứ học lại cùng một lớp – một người “ngu muội khôn ngoan.” Điều này cũng hàm ý rằng Sa-lô-môn không nhận thức rằng bản thân ông không biết tất cả (không có đủ trình độ học vấn để nhận ra các giới hạn về kiến thức của mình).

Hãy cùng xem xét bốn bức chân dung về Sa-lô-môn, mỗi một hình ảnh thể hiện một giai đoạn trong cuộc đời của ông và dạy cho chúng ta một bài học quan trọng.

CON NGƯỜI THUỘC LINH, HẦU VIỆC ĐỨC CHÚA TRỜI

Những năm đầu của Sa-lô-môn đem đến điều tốt đẹp cho dân sự và dâng vinh quang về Đức Chúa Trời, mặc dù triều đại của ông đã bắt đầu với những mưu đồ và đổ máu trong cung. Đa-vít gần qua đời, mọi người đều biết Đức Chúa Trời đã lựa chọn Sa-lô-môn làm vị vua tiếp theo, tuy nhiên A-đô-ni-gia thách thức vua cha cùng người anh cùng cha khác mẹ của mình và tuyên bố chính ông là vua. A-đô-ni-gia phải trả giá bằng cái chết, và đại tướng Giô-áp, tòng phạm, cũng chung số phận. Tên Sa-lô-môn nghĩa là “bình an,” nhưng ông biết phải giải quyết những kẻ phá rối như thế nào. Có lẽ Sa-lô-môn đã chứng kiến hậu quả đau buồn của sự khoan dung mà Đa-vít dành cho Am-nôn và Áp-sa-lôn và cương quyết phải hành động một cách ngay thẳng nhưng dứt

khoát. Trong những năm đầu trị vì, Sa-lô-môn không chịu nhượng bộ để được hòa bình bằng bất cứ giá nào.

Chúng ta cảm thấy ấn tượng với lời cầu xin đầy khiêm nhường của Sa-lô-môn rằng Đức Chúa Trời ban cho ông sự khôn ngoan để lãnh đạo đất nước. Chúng ta cũng cảm thấy ấn tượng với lòng rộng rãi của Đức Chúa Trời khi ban cho Sa-lô-môn cả sự khôn ngoan mà ông cầu xin lẫn những điều mà con người bình thường khác đều mong muốn. Đây chính là minh họa trong Cựu Ước cho câu Kinh Thánh Ma-thi-ơ 6:33, “Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các ngươi mọi điều ấy nữa.” Vào lúc này, Sa-lô-môn đã đặt đúng thứ tự ưu tiên.

Sa-lô-môn là một hình mẫu tốt cho dân sự. Ông trung tín vâng giữ sự thờ phượng mà Môi-se đã thiết lập và mỗi năm đều giữ Lễ Vượt Qua, Lễ Ngũ tuần và Lễ Đền Tạm (1 Các vua 9:25; Xuất. 23:14-17) và dùng chính sự giàu có của mình để cung cấp hàng ngàn của hiến tế cho các lễ lớn của quốc gia. Nói tóm lại, ông chứng tỏ là một con người thuộc linh.

Đức Chúa Trời đã hai lần hiện ra cho Sa-lô-môn (1 Các vua 3:5 và 9:2) và “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ở cùng Sa-lô-môn, và làm cho người rất thanh vượng” (2 Sử ký 1:1). Nhà vua phải tự chép một bản sao sách Luật pháp cho riêng mình – có lẽ là sách Phục truyền luật lệ ký – và suy ngẫm luật pháp ấy (Phục. 17:14-20). Chấn hấn Sa-lô-môn đã vâng theo lời dạy này, bởi vì khi đọc lời cầu nguyện của ông tại lễ cung hiến đền thờ (1 Các vua 8), chúng ta có thể nói rằng Sa-lô-môn quen thuộc với các giao ước mà Đức Chúa Trời đã thiết lập với Y-sơ-ra-ên. Thật đáng buồn khi về sau, ông dần dần phớt lờ lời Chúa đến mức hoàn toàn không vâng phục Ngài.

Năm thứ tư trị vì, Sa-lô-môn bắt đầu xây dựng đền thờ, một công việc cần đến 200.000 nhân công và mất bảy năm để hoàn thành. Đa-vít đã chuẩn bị bản thiết kế xây dựng, vật tư và tài chính, vì thế Sa-lô-môn không phải lập chiến dịch gây quỹ. Trong ngân khố đã có 3.750 tấn vàng, 37.500 tấn bạc, ngoài ra còn có kim loại, gỗ và đá với giá trị không thể tính hết được. Công nhân không phải là người Y-sơ-ra-ên sẽ phải làm công việc nặng nhọc, nhưng vua gọi 30.000 người nam Do Thái đến Li Băng để chặt cây, cứ ba tháng thực hiện công việc một lần. Đây là một cái giá rất đắt mà dân sự phải trả, nhưng công tác này là vì Đức Chúa Trời và vì Đa-vít. Sau khi Sa-lô-môn qua đời, dân sự đã than phiền về công tác nặng nhọc này với vua Rô-bô-am, song vị vua mới không thấu hiểu (1 Các vua 12:1-10).

CON NGƯỜI THẾ TỤC, BẮT CHƯỚC THẾ GIAN

Sa-lô-môn là người có nhiều sở thích. Ông rất quan tâm đến sự khôn ngoan – có lẽ ngày nay chúng ta sẽ gọi là nó là “triết học.” Trong đời của mình, Sa-lô-môn đã viết 3.000 câu châm ngôn. Ông là một nhạc sĩ và đã sáng tác hơn một nghìn bài hát. Với đầy am hiểu về thực vật học, sinh vật học và động vật học, Sa-lô-môn được những khách phương xa tìm đến để đặt cho ông những câu hỏi. Riêng việc trả lời cho những câu hỏi trên cũng đủ khiến Sa-lô-môn trở thành một người dẫn chương trình truyền hình trực tiếp tài năng.

Khi đền thờ được hoàn thành, Sa-lô-môn lao ngay vào kế hoạch mở rộng khiến cho dân chúng không kịp thở – và gần như khánh kiệt. Ông đã dành bảy năm để xây dựng đền thờ; và giờ đây dành mười ba năm để xây một khu phức hợp ba tầng có tên là “cung rừng Li-ban” (1 Các vua 7:2-5). Cung này bao gồm hoàng cung, một hậu cung cho người vợ Ai Cập, một nơi đặt ngai vua, và “hiên cửa có trụ.” Cung điện nằm giữa “khoảng sân lớn” gắn liền với khoảng sân chung quanh đền thờ. Vì thế khi dân sự đến thành Giê-ru-sa-lê-m, họ sẽ không biết kiến trúc nào hoành tráng hơn, là đền thờ của Đức Chúa Trời hay là “cung rừng Li-ban.”

Sa-lô-môn cũng tham gia vào lĩnh vực xuất nhập khẩu. Ông lập một đội tàu biển và tuyển dụng những thủy thủ có kinh nghiệm từ các quốc gia khác (vì người Do Thái không nổi tiếng về tài đi biển) và sai họ đi đến những vùng đất xa xôi để bán những sản vật của Y-sơ-ra-ên và mua những hàng hóa ở nước ngoài về lại. Sa-lô-môn lập khế ước với các quốc gia khác để được nhập khẩu hàng hóa của họ, nhờ vậy, nhà vua và đất nước rất được thịnh vượng.

Dĩ nhiên, các công việc kinh doanh đất đỏ này cần được bảo vệ, chính vì thế Sa-lô-môn xây dựng một đội quân thường trực, củng cố tường thành Giê-ru-sa-lem và xây dựng công sự tại Hát-so, Mê-gi-đô, và Ghê-xe, đảm bảo biên giới quốc gia được bảo vệ an toàn. Làm trái lời Chúa đã truyền trong Phục truyền luật lệ ký 17:16-17, nhà vua đã nhập khẩu các xe ngựa và ngựa từ Ai Cập (ông đã quên lời cha mình đã viết trong Thi thiên 20:7; 33:16-17) và lấy bảy trăm phi tần là những người có “nguồn gốc hoàng tộc,” trong số đó có con gái của Pha-ra-ôn. Ông cũng có ba trăm nàng hầu. Sa-lô-môn cũng bắt chước các vua dân ngoại là những người cho rằng càng có nhiều phi tần thì càng chứng minh sự giàu có và tôn trọng. Trong số các cung phi, nhiều người chỉ có ý nghĩa đảm bảo cho các hiệp ước mà Sa-lô-môn thiết lập với các vua nước khác, đảm bảo sự hòa bình và hợp tác giữa các nước khác và Y-sơ-ra-ên. Dù gì đi nữa, cha vợ của bạn sẽ không tuyên bố chiến tranh hoặc ngăn chặn con đường giao thương với nước của bạn nếu như con gái của ông ấy đang được bạn che chở. Tuy nhiên, theo giới răn của Chúa, người Y-sơ-ra-ên không được kết thông gia với các nước khác, và đây chính là căn nguyên đẩy Sa-lô-môn đến sự sụp đổ.

Bên cạnh những thành tựu đắt giá của Sa-lô-môn, chúng ta có thể thấy lượng thực phẩm không lồ mà cung điện của ông tiêu thụ hằng ngày (1 Các vua 4:22-28), tất cả chỉ có một từ để tả - xa hoa. Dĩ nhiên, khi bạn có một trăm bà vợ ở trong nhà, cộng với nhân viên và tùy tùng, bạn sẽ phải cần rất nhiều lương thực. Nhà vua đã lấy lương thực từ đâu? Sa-lô-môn vẽ ra một tấm bản đồ mới và chia thành mười hai huyện, mỗi một huyện cung cấp thức ăn cho một tháng (bao gồm thức ăn cho đàn ngựa của Sa-lô-môn.) Ông cũng đánh thuế người dân cách nặng nề (xem 1 Các vua 4:7; 12:1-19) và hằng năm tiếp nhận các vật triều cống từ các vua lân bang, những vùng đất mà Đa-vít, cha của ông đã chinh phục.

Dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên “ăn uống và vui chơi” (1 Các vua 4:20). Song không phải tất cả đều tốt lành, bởi vì sự hào nhoáng và quyến rũ bên ngoài chỉ có thể che đậy sự mục nát ở bên trong. Như Alexander Whyte đã nói: “Con sâu bí mật... đang gặm nhấm cây phù việt mà Sa-lô-môn

đang có.”⁹ Nhà thơ người Anh Oliver Goldsmith đã nói lên điều này rất xuất sắc trong bài thơ “Ngôi làng hiu quạnh” (The Deserted Village):

Thù hằn vi không nhiều thù thách.

Khi thịnh vượng, dễ đắm chìm.

Dường như đất nước Y-sơ-ra-ên đang rất hùng cường, nhưng thực tế lại từ từ mục nát bởi vì họ không đặt Chúa lên trên hết.

Người Do Thái không được phép trở nên giống như các quốc gia khác, và Sa-lô-môn biết điều này. Trong lễ khánh thành đền thờ, ông đã cầu nguyện rằng: “Chúa đã phân cách họ khỏi các dân tộc trên đất, để họ làm cơ nghiệp Chúa” (1 Các vua 8:53). Khi học về luật pháp Môi-se, chắc hẳn nhà vua đã đọc Dân số ký 23:9, “Tôi nhìn người: Kìa, là một dân ở riêng ra, sẽ không nhập sổ các nước.” Và chắc hẳn nhà vua cũng đã đọc những lời cảnh báo mà Đức Chúa Trời dành cho dân Y-sơ-ra-ên rằng họ không được bắt chước dân Ca-na-an. Song Sa-lô-môn đã phớt lờ những chỉ dẫn từ Chúa mà xây dựng một quốc gia và một thủ đô mà các dân tộc khác phải đổ kỵ, và các dân từ phương xa đã đến để chiêm ngưỡng những kỳ quan tại Y-sơ-ra-ên. Tất cả mọi người trên đất đều cảm thấy ấn tượng, ngoại trừ Đức Chúa Trời.

Trước khi nhận xét về vị vua cổ đại, xin hãy nhìn lại đời sống, Hội Thánh mà mình đang sinh hoạt để thấy phải chăng ngày nay chúng ta cũng đang phạm phải cùng sai lầm giống như ông? Phải chăng Hội Thánh cũng bắt chước thế gian trong những nỗ lực để thu hút thế gian? Có phải chúng ta thờ phượng Đức Chúa Trời hay chỉ dàn dựng một màn biểu diễn? Liệu người khác có nhìn thấy chúng ta kính sợ Chúa và phản chiếu ra những mỹ đức tuyệt vời của Ngài? Phải chăng một nhà thờ đông người là dấu hiệu của sự chúc phước hay là dấu hiệu của sự thỏa hiệp? Có ai trong hội chúng cảm thấy bị cáo trách về tội lỗi? Đây là những câu hỏi rất hệ trọng không thể phớt lờ. Có lẽ con sâu đã gặm nhấm bên trong rồi.

CON NGƯỜI NGHĨ NGỜ, CHÁN GHÉT SỰ SỐNG

Thế giới cổ đại không có luật bản quyền, cũng không có ngày xuất bản, chính vì thế chúng ta không biết Sa-lô-môn đã viết các sách Châm ngôn, Truyền đạo và Nhã ca vào giai đoạn nào trong đời sống của ông. Tôi luôn cho rằng sách Nhã ca, một quyển sách tán dương tình yêu con người, được sáng tác vào thời kỳ đầu trong chức vụ của Sa-lô-môn. Quyển sách nhấn mạnh đến tình yêu của một người nam dành cho một người nữ. Sách Châm ngôn được Sa-lô-môn sáng tác suốt quãng đời của mình và sau khi ông qua đời, người ta đã tập hợp lại thành một sách (Châm ngôn 25:1). Nhưng sách Truyền đạo gần như chắc chắn là thuộc về những năm cuối đời khi Sa-lô-môn dừng lại để nhìn về quá khứ và đánh giá những gì đã xảy ra. Đó là một bản ký thuật những kế hoạch và thành công cá nhân, “những kinh nghiệm” của Sa-lô-môn về cuộc sống và những bài học mà ông đã phải trả giá.

⁹ Whyte, *Bible Characters*, 284.

Sách Truyền đạo ghi lại sự thất vọng của Sa-lô-môn đối với cuộc sống, không chỉ về cuộc sống của ông, nhưng cũng là cuộc sống của những người mà ông nhìn thấy ở chốn thương trường, và thậm chí là ở trong cung vua. Ông dùng từ *hư không* ba mươi tám lần trong quyển sách này; từ *hư không* được dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “phù phiếm, trống rỗng, hư ảo.” Sa-lô-môn đang đối diện với một khủng hoảng cuối đời, và tất cả sự suy ngẫm về triết lý của ông thể hiện một sự hoài nghi – gần như là yếm thế. Ông viết rằng: “Vậy ta ghét đời sống, vì mọi việc làm ra dưới mặt trời là cực nhọc cho ta, thấy đều hư không, theo luồng gió thổi” (Truyền đạo 2:17).

Sa-lô-môn khám phá ra rằng bạn có thể có quyền lực, giàu có, khôn ngoan và cơ hội – tất cả mọi điều được tóm gọn vào hai chữ: thành công – nhưng nếu bạn không có Đức Chúa Trời, cuộc sống sẽ không làm bạn thỏa mãn, hoặc thậm chí là vô nghĩa. Nói tóm lại, đây chính là thông điệp của sách Truyền đạo; và khi bạn đọc sách này, bạn sẽ không ngạc nhiên khi thấy Sa-lô-môn nhìn cuộc sống và trở nên hoài nghi, thậm chí là yếm thế. (Người hoài nghi nhướn mắt lên mà nói: “Bạn không thể chứng minh được điều đó!” Nhưng người yếm thế cười khinh bỉ mà cầu nhàu: “Dù nếu bạn có chứng minh được, thì cũng không đáng để làm!”) Sa-lô-môn đánh mất niềm tin vào con người, vào những thử thách của cuộc sống, vào những lạc thú, và vào chính sự giàu có và khôn ngoan của ông. Hơn thế nữa, dù có nhận ra hay không, Sa-lô-môn đang dần đánh mất niềm tin nơi Chúa. Ông không có gì để nương tựa khi cố gắng tìm kiếm phương hướng cho cuộc du hành cuối cùng của mình trong biển đời đầy phong ba.

Hãy nhớ rằng trước khi Sa-lô-môn đi đến kết cục này, ông đã có nhiều hành động xuất phát từ lòng tham vọng ích kỷ. Thực ra ông không cần đến công viên giải trí hay sở thú, hoặc những chiếc cốc bằng vàng và những loại thịt đắt tiền, và chắc chắn ông cũng không cần đến một trăm người nữ để vui chơi với họ. Đức Chúa Giê-su cảnh báo chúng ta rằng “sự lo lắng về đời này, và sự mê đắm về của cải” có thể bóp nghẹt Lời Chúa và khiến chúng ta không kết quả (Ma-thi-ơ 13:22). Sa-lô-môn đã quá chú tâm vào các công việc đời này mà bắt đầu phớt lờ Lời Chúa, và hậu quả đó là sự ngờ vực đã thế chỗ của đức tin.

Chính sự nghi ngờ này đã khiến cho Sa-lô-môn dễ dàng nhìn vào tôn giáo của các người vợ ngoại quốc của ông mà hỏi rằng: “Có lẽ họ sẽ có điều gì đó cho ta.”

CON NGƯỜI TỘI LỖI, QUAY MẶT KHỎI ĐỨC CHÚA TRỜI

Tôi không tin Sa-lô-môn là một người bội đạo, một người hoàn toàn từ bỏ Đức Chúa Trời của tổ tiên mình. “Trong buổi già yếu, các hoàng hậu của Sa-lô-môn dụ lòng người đi theo các thần khác: Đối cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, lòng người chẳng trọn lành như thể lòng của Đa-vít, là cha người” (1 Các vua 11:4). Nhà vua vẫn công khai thờ phượng Đức Chúa Trời cùng dân sự, song đó không phải là sự thờ phượng chân thành. Đa-vít là một người được đẹp lòng Chúa, song tấm lòng của Sa-lô-môn thì bị xé đôi, một nửa thuộc về Đức Chúa Trời là Đấng đã ban phước cho ông cách rộng rãi, còn nửa kia thì bị các bà vợ ngoại bang lôi kéo, họ đã dỗ dành nhà vua lúc tuổi già. Sa-lô-môn không có sức mạnh để kháng cự lại sự ảnh hưởng của những người vợ, vậy nên ông đã thỏa hiệp và rồi sa ngã. Trong ngày cung hiến đền thờ, nhà vua đã nói

cùng dân sự rằng: “Các ngươi khá lấy lòng trọn lành đối với Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta” (1 Các vua 8:61), nhưng giờ đây chính ông là người không vâng theo mệnh lệnh ấy.

Tôi cho rằng kẻ thù đã nhìn thấy kẻ hờ đầu tiên trên chiếc áo giáp hoàng gia, đó là khi Sa-lô-môn cưới công chúa Ai Cập làm vợ mặc dù truyền thống Do Thái kể lại rằng bà đã cải đạo và có niềm tin của người Do Thái. Các nơi cao của người ngoại giáo là điều cấm đối với người Do Thái, tuy nhiên các nơi cao dành để dâng hiến tế cho Đức Giê-hô-va thì được chấp nhận cho đến khi đền thờ được xây dựng (xem 1 Sa-mu-ên 9:11-25). Ít nhất Đức Chúa Trời đã không quở trách Sa-lô-môn khi ông thờ phượng Chúa trên một nơi cao tại Ga-ba-ôn (1 Các vua 3:4). Khi số các người vợ ngoại quốc của Sa-lô-môn càng gia tăng thì tâm lòng của ông cũng bắt đầu quay khỏi Chúa (1 Các vua 11:1-13). Những “năm tháng thế tục” đã chuẩn bị Sa-lô-môn cho bước đi này, đó là thời gian mà nhà vua đã cố gắng để làm cho các nước láng giềng và dân sự của ông ấn tượng nhưng lại không trau dồi tâm lòng yêu thương đối với Chúa.

Đức Chúa Trời vẫn yêu thương Sa-lô-môn mặc dù ông không thể tận hưởng tình yêu thương ấy, và bởi vì yêu thương nên Ngài sửa trị (Hê-bơ-rơ 12:4-11). Sa-lô-môn nhận biết những cảnh báo đến từ Chúa (2 Sa-mu-ên 7:14-15; 1 Các vua 3:14; 6:11-13; 9:3-9), song ông chọn phớt lờ các lời cảnh báo ấy. Đức Chúa Trời cho phép các kẻ thù nổi lên chống lại ông, và rồi Ngài thông báo rằng khi con trai của Sa-lô-môn lên ngôi, mười chi phái sẽ bị xé khỏi vương quốc mà giao cho một vua khác (1 Các vua 11:14-40). Bởi vì tình yêu thương dành cho Đa-vít, Đức Chúa Trời cho phép những người nối ngôi Sa-lô-môn trị vì một chi phái.

Đã bao giờ Sa-lô-môn nhìn vào hiện trạng mà quay về với Chúa? Tôi muốn nghĩ rằng ông đã từng có như thế. Tôi cảm thấy rằng có một ngày ông nhận ra mình đang sống dựa trên những điều thứ yếu – danh vọng, chứ không phải nhân cách; dục vọng, chứ không phải tình yêu thương; giá cả, chứ không phải giá trị; niềm tin vào chính mình, chứ không phải đức tin nơi Chúa; sự nghiệp, chứ không phải cuộc đời – và rồi ông ăn năn quay trở về với Chúa. Chỉ ít Truyền đạo 11:9-12:14 đã thể hiện chiều hướng ấy. Có lẽ nhà vua đã đọc lại sách Phục truyền luật lệ ký và bị bắt phục khi đọc đoạn 32 câu 29, “Chớ chi họ khôn ngoan và hiểu được. Ước gì nghĩ đến sự cuối cùng vẫn đợi họ!”

Đã đến lúc Sa-lô-môn trở nên một cụ già sức yếu và sự sống sẽ nhanh chóng kết thúc. Trong sách Truyền đạo, ông đã nhìn quanh và thấy đời sống không có Chúa thì phù phiếm là bao, chính vì thế ông đã nói cùng những độc giả của mình, đặc biệt là những người trẻ, và cho họ ba lời khuyên răn: hãy vui mừng (11:7-9), hãy vứt bỏ (11:10), và hãy nhớ (12:1-8). Cuối cùng, ông tóm lại trong đoạn 12 câu 13 rằng: “Khá kính sợ Đức Chúa Trời và giữ các điều răn Ngài; ấy là trọn phận sự của ngươi.” Ở đây không cần phải thêm từ “phận sự,” bởi vì từ “trọn vẹn của ngươi” đã thể hiện rất rõ ý nghĩa. Sa-lô-môn đã nhìn thấy nhiều mảnh ghép cuộc sống “dưới ánh mặt trời,” và thật khó để sắp đặt chúng lại với nhau. Điều ông cần – và cũng là điều ông khuyên chúng ta – đó là hãy nhìn cuộc sống từ cái nhìn của thiên đàng để có được bức tranh toàn cảnh.

Sách giáo lý Westminster giản lược đã nêu bậc vấn đề này: “Đâu là mục đích của đời người? Đó chính là làm vinh hiển Đức Chúa Trời và vui hưởng chính Ngài mãi mãi.”

Trong thời gian chúng ta còn sống trên đất này, Đức Chúa Trời “mỗi ngày ban mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng” (1 Ti-mô-thê 6:17). Chúng ta còn phải cầu xin điều gì?

Bài 33

RÔ-BÔ-AM

Rô-bô-am làm điều ác, vì không ráp lòng tìm cầu Đức Giê-hô-va.

2 Sử ký 12:14

Khi tìm hiểu về lịch sử nước Anh, bạn sẽ sớm nhận ra nhiều vị vua không chỉ có một con số gắn liền với tên mà họ còn có biệt danh. Richard đệ nhất còn được gọi là Richard Dũng Cảm, và William đệ nhất thì có biệt danh là William Nhà chinh phạt. Bạn nghe nói về Edward Từ vì đạo, Edward Người bị đầy ải, và Edward Người xưng tội. Tuy nhiên, nhà vua mà tôi chú ý đến đó là Ethelred đệ nhị, người đã cai trị Anh Quốc từ năm 978 – 1016 và được gọi là Ethelred Người Chưa sẵn Sàng. Từ “chưa sẵn sàng” này được dịch từ chữ *redeles* trong tiếng Anglo-Saxon có nghĩa là “không có sự cố vấn.” (Từ “ready” – sẵn sàng – trong tiếng Anh có nguồn gốc từ chữ *rede*.) Khi người Đan Mạch tấn công nước Anh, Ethelred đã không lắng nghe lời cố vấn từ những nhà quý tộc mà quyết định mặc cả với kẻ thù. Ông đã lập ra một loại thuế mới tại Nước Anh để bóc lột dân chúng và mua chuộc người Đan Mạch. Nhưng sự việc không thành. Các nhà quý tộc hai lần lật đổ nhà vua, và cuối cùng, người Đan Mạch xâm chiếm đất nước. Đáng lý Ethelred phải lắng nghe những cố vấn của mình để trở thành Ethelred Người sẵn sàng.

Câu chuyện lịch sử này khiến tôi nhớ đến vua Rô-bô-am, con Sa-lô-môn và cháu Đa-vít. Ông cũng là người đã bác bỏ lời khuyên của các trưởng lão mà lấy trộm các tài vật từ trong đền thờ của Đức Chúa Trời để mua chuộc Si-sắc, vua Ai Cập. Tôi không biết Rô-bô-am đã làm gì trong những năm tháng vua cha Sa-lô-môn đang trị vì, nhưng đến khi lên ngôi, Rô-bô-am đã không được chuẩn bị và không biết đưa ra các quyết định đúng đắn. Ông chính là Rô-bô-am Không Có cố vấn.

Với những trải nghiệm của “Rô-bô-am Không Có cố vấn” chúng ta hãy cùng xác định những điều cốt yếu cho sự lãnh đạo hiệu quả. Làm thế nào để trở nên một người sẵn sàng để Chúa sử dụng?

TÌM KIẾM CHÚA

Trước giả sách Sử ký đã khẳng định Rô-bô-am “không ráp lòng tìm cầu Đức Giê-hô-va” (2 Sử ký 12:14). Tìm cầu Chúa nghĩa là tin cậy Chúa, mong muốn có mối tương giao với Chúa và làm đẹp lòng Ngài trong mọi sự. Điều này đòi hỏi phải có sự cầu nguyện, sự thờ phượng và suy ngẫm

Lời Chúa. Nghĩa là chúng ta đói khát Chúa như khi chúng ta đói khát thức ăn và nước uống. Điều này sẽ dẫn chúng ta đến sự vâng phục và trải nghiệm cá nhân với Chúa một cách liên tục, khiến Chúa có thể uốn nắn và dẫn dắt chúng ta.

Khi đem hòm giao ước trở về Giê-ru-sa-lem, Đa-vít đã viết một Thi thiên đặc biệt để cảm tạ Đức Chúa Trời về sự kiện này. Bài thánh thi được chép lại trong 1 Sử ký 16 có đoạn: “Hãy lấy danh thánh Ngài làm vinh; phàm ai tìm cầu Đức Giê-hô-va, khá vui lòng! Phải tìm cầu Đức Giê-hô-va và sức mạnh Ngài, phải tìm mặt Ngài luôn luôn” (c. 10-11). Khi chuẩn bị cho Sa-lô-môn kế vị ngai vàng, Đa-vít đã nói rằng: “Vây bây giờ, hãy hết lòng hết ý tìm cầu Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi” (1 Sử ký 22:19). Đã có ai dạy cho Rô-bô-am biết về những sự kiện trên không? Đã có ai cố gắng dạy dỗ Rô-bô-am và nhận thấy ông không sẵn lòng lắng nghe? “Người nào tìm cầu Đức Giê-hô-va sẽ chẳng thiếu của tốt gì.” Đã bao giờ Rô-bô-am từng đọc những lời của Đa-vít trong Thi thiên 34:10?

Một người tìm cầu Chúa nghĩa là họ phải hướng lòng về Chúa và không hai lòng. Động từ “tìm cầu” trong 2 Sử ký 12:14 nghĩa là cố định, xác định, không phải là sự dao động. Đa-vít đã viết rằng: “Hỡi Đức Chúa Trời, lòng tôi vững chắc; Tôi sẽ hát, phải, linh hồn tôi sẽ hát ngợi khen. (Thi thiên 108:1). Sa-lô-môn biết những bài học cá nhân mà Đức Chúa Trời đã dạy dỗ cho Đa-vít bởi vì Đa-vít đã kể lại cho ông (1 Sử ký 28; 1 Các vua 8:15-21), nhưng đã có ai kể cho Rô-bô-am về di sản thuộc linh đồ sộ này? Mẹ của Rô-bô-am là một người Am-môn (1 Các vua 14:21, 31), bà có lẽ là một trong số các “bà vợ ngoại giao” của Sa-lô-môn, và có lẽ bà đã góp phần đẩy Sa-lô-môn vào việc thờ lạy hình tượng. Có lẽ Sa-lô-môn đã quá bận rộn với tất cả dự án và công việc nên không thể chuẩn bị con trai mình cho sự lãnh đạo. Song không nghi ngờ gì, đứa con này đã dành nhiều thời gian ở với người mẹ của mình. Bà có thể dạy cho con mình được điều gì tốt đẹp?

Người lãnh đạo phải là người rất nổi tiếng của công chúng, tuy nhiên điều quan trọng nhất trong đời sống người đó là Đức Chúa Trời nhìn thấy những gì. Và những điều Chúa mong muốn nhìn thấy thì Rô-bô-am không có. Quốc gia thay đổi, người lãnh đạo thay đổi, hoàn cảnh thay đổi, nhưng Đức Chúa Trời muôn đời không bao giờ thay đổi và Ngài muốn dân sự Ngài học biết: “từ đời này qua đời kia Chúa là nơi ở của chúng tôi” (Thi thiên 90:1).

VÂNG THEO Ý MUỐN CHÚA

Theo tục lệ, vị vua mới của Y-sơ-ra-ên sẽ nhắc lại giao ước với Chúa và dân sự trong lễ đăng quang, ông hứa sẽ trung tín vâng theo luật pháp Chúa và phục vụ quốc gia. Sa-lô-môn được xức dầu làm vua tại Ghi-hôn trên núi Si-ôn, tuy nhiên vì biết đất nước có sự chia rẽ, Rô-bô-am chọn đi đến Si-chem trong chi phái Ép-ra-im. Hành động này sẽ làm hài lòng mười chi phái phía bắc là những người đã mất bảy năm mới có thể chấp nhận Đa-vít, và giờ đây dưới sự dẫn dắt của Giê-rô-bô-am, họ đang đứng lên phản kháng chế độ cai trị nặng nề của Sa-lô-môn (1 Các vua 11:26-40). Dân sự đang đứng bên bờ vực của một cuộc khởi nghĩa để thành lập một vương quốc mới, ứng nghiệm lời tiên tri của A-hi-gia. Từ Ai Cập, Giê-rô-bô-am trở về để xin vua giám sát

gánh nặng thuế khóa, nghĩa vụ lao động và nghĩa vụ cung cấp lương thực cho hoàng tộc và ngựa của nhà vua. Rô-bô-am lắng nghe và hứa sẽ trả lời trong ba ngày. Phải chi ông tìm cầu Chúa, chắc hẳn ông đã có câu trả lời đúng đắn cho dân sự.

Vị vua mới cầu hỏi ý kiến của các quan chức trong cung, họ là những trưởng lão biết rõ các công việc quản trị nội bộ của vua Sa-lô-môn. Chúng ta có thể thấy nội các của Sa-lô-môn trước đây có sự chuẩn bị để làm việc với vị vua mới. Tuy nhiên, Rô-bô-am thay đổi cung cách làm việc. Thay vì nghe theo các trưởng lão, nhà vua đã quay lưng lại với họ. Ông muốn nghe các lời nói hợp với lỗ tai của mình từ những người trẻ tuổi.

Tôi có ấn tượng rằng Rô-bô-am dành nhiều thời gian chơi đùa cùng các bạn trẻ của mình hơn là dành thời gian học hỏi từ các trưởng lão khôn ngoan của đất nước. Đây không phải là vấn đề hai thế hệ khác nhau, nhưng chính là vấn đề thuộc linh. Tuổi tác không đảm bảo cho sự khôn ngoan, nhưng tuổi trẻ cũng không đồng nghĩa với sự ngu ngốc. Giô-sép, Đa-vít, Đa-ni-ên và những người bạn của ông là những người đã có những quyết định khôn ngoan khi còn trẻ. “Ai giao tiếp với người khôn ngoan, trở nên khôn ngoan; nhưng kẻ làm bạn với bọn điên dại sẽ bị tàn hại” (Châm ngôn 13:20). “Hãy nghe lời khuyên dạy, và tiếp nhận sự giáo huấn, để con được khôn ngoan trong lúc cuối cùng” (Châm ngôn 19:20). Những nguyên tắc trong Kinh Thánh không hề lỗi thời và hoàn toàn đúng đắn với mọi thế hệ, tuy nhiên Rô-bô-am đã phớt lờ.

CHĂM LO CHO DÂN SỰ CHÚA

Ba ngày sau, các phái đoàn đến gặp vua, Rô-bô-am chỉ quan tâm đến việc họ tôn trọng thẩm quyền và chấp nhận quyết định của vua. Ông quên (hoặc chưa từng học được) rằng lãnh đạo hiệu quả cần có *tâm vóc lẫn thẩm quyền*, còn Rô-bô-am chỉ là một người nhỏ bé, không phải là người khổng lồ. Đa-vít, ông nội của Rô-bô-am, đã đánh bại nhiều kẻ thù và chiếm được tấm lòng của dân sự, và thậm chí Sa-lô-môn cũng được cả đất nước tôn trọng vì sự khôn ngoan và những thành tựu ông đạt được, thế còn Rô-bô-am là ai? Thậm chí ông còn không có tiếng nói bởi vì ông chỉ là tiếng vọng của những người bạn mình. Vị vua này nghĩ rằng chế độ độc tài chuyên chính sẽ làm dân sự ấn tượng, nhưng không, chúng chỉ khiến họ thêm chống đối. Chẳng phải Sa-lô-môn đã từng viết về những lời nói khắc nghiệt sao? “Lời đáp êm nhẹ làm nguôi cơn giận; còn lời xằng xớ mồm trên thanh nộ thêm” (Châm ngôn 15:1). “Lời của miệng người khôn ngoan có ơn; nhưng môi của kẻ khờ dại lại nuốt lấy nó” (Truyền đạo 10:12).

Đa-vít nhìn thấy dân Y-sơ-ra-ên như một đàn chiên, và người chăn thì không đánh đuổi, cũng không đánh chiên bằng roi. Ông yêu thương và dẫn dắt dân sự. Sa-lô-môn cũng bắt đầu triều đại của mình bằng thái độ trên, nhưng sau khi hoàn thành đền thờ, thái độ của ông thay đổi, nhà vua bắt đầu “sử dụng” dân sự để hoàn thành những kế hoạch của mình. Tệ hơn nữa, Rô-bô-am đã không bắt chước tấm gương của ông nội mình.

Các trưởng lão đã cố vấn cho Rô-bô-am trở nên một người phục vụ (1 Các vua 12:7), nhưng nhà vua muốn người dân phục vụ hơn, còn mình thì chỉ đạo. Khi Con Trời đến thế gian, Ngài đã đến như một tôi tớ và Ngài đã làm gương cho chúng ta noi theo (Phi-líp 2:1-10). Khi chúng ta phục

vụ cho một người nhỏ nhất cũng có nghĩa là chúng ta đang phục vụ Chúa (Ma-thi-ơ 25:31-46). Trong gia đình của Đức Chúa Trời, chúng ta lãnh đạo bằng sự phục vụ và nhận lãnh bằng sự ban cho. Thế gian không hiểu điều này, nhiều người tuyên xưng là người tin Chúa cũng phớt lờ, nhưng đây vẫn luôn là phương cách mà Đức Chúa Trời hành động. Rô-bô-am không phục vụ dân sự nên hậu quả là ông phải hầu việc cho vua Ai Cập mà thậm chí ông phải trả tiền cho vua Ai Cập để được làm điều đó!

HÃY NHỚ SỨ MẠNG CỦA MÌNH

Đức Chúa Trời lựa chọn dân tộc Do Thái để trở nên đầy tớ của Ngài giúp đem lẽ thật vào thế gian – lẽ thật về một Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, lẽ thật Kinh Thánh, và Đấng Mê-si chính là lẽ thật. Mỗi một đặc ân mà Đức Chúa Trời ban cho dân tộc này chính là cách thức trong ân sủng Chúa để giúp họ hoàn thành trách nhiệm của mình. Họ là một dân biệt riêng khỏi thế gian và thậm chí bị thế gian bắt bớ, nhưng họ có một sứ mệnh quan trọng. Mỗi khi quên đi sự kêu gọi lớn và thánh, người lãnh đạo đất nước đã khiến cho chính mình và dân sự của ông lâm vào khủng hoảng, và Đức Chúa Trời buộc phải trừng phạt họ.

Ngài đã trừng phạt Rô-bô-am. Khi Rô-bô-am sai A-đô-ram, một quan chức lớn tuổi nhất và đáng tin cậy nhất của mình đi đàm phán với Giê-rô-bô-am và dân sự của ông, họ đã ném đá A-đô-ram đến chết, và đây chính là dấu hiệu của một cuộc khủng hoảng đang nổi ra. Như lời tiên tri A-hi-gia đã báo trước, đất nước bị chia cắt thành vương quốc Giu-đa và Bên-gia-min ở phía nam (1 Các vua 12:23) và vương quốc phía bắc bao gồm mười chi phái còn lại. Lẽ ra Rô-bô-am đã làm vua của một đất nước vĩ đại, nhưng kết cuộc, ông chỉ cai trị hai chi phái. Lẽ ra đất nước đã có được hòa bình, nhưng kể từ đó trở đi, giữa Y-sơ-ra-ên và Giu-đa luôn xảy ra chiến tranh và tranh chấp biên giới (1 Các vua 14:30).

Vương quốc Giu-đa có đền thờ và chức vụ tế lễ của người Lê-vi, tuy nhiên Rô-bô-am cũng cho phép dân sự lập các hình tượng ngoại giáo và ông thậm chí đã đến các nơi cao cùng với các người nam mại dâm phục vụ trong đền miếu (1 Các vua 14:22-24). Đến đây, chúng ta có nhìn thấy ảnh hưởng từ người mẹ ngoại bang của vua không? Năm thứ năm đời trị vì của vua Rô-bô-am, Chúa sai vua Ai Cập đến xâm lược và cướp đi những vật báu từ trong đền thờ, trong đó có các tấm khiên bằng vàng rất đắt giá của vua Sa-lô-môn (1 Các vua 10:16-17; 14:25-28). Sự việc này xảy ra không khiến cho Rô-bô-am hạ mình, ông không có điều gì thay đổi. Háo hức muốn giữ thể diện, Rô-bô-am đã dùng các tấm khiên bằng đồng để thay thế cho các tấm khiên đã mất, những lính bảo vệ sẽ vác các tấm khiên này khi vua vào đền thờ. Dần dần, mọi thứ trong vương quốc trở nên mất giá trị, và chỉ bởi giao ước giữa Đức Chúa Trời với Đa-vít mà Ngài không tận diệt vương quốc này.

Qua đây, có một thông điệp gửi đến cho Hội Thánh ngày nay. Đức Chúa Trời ban cho chúng ta sứ mệnh đặc biệt đó là đem tin mừng của Đức Chúa Giê-su Christ đến với thế giới hư mất, và những người lãnh đạo cần phải làm gương và khích lệ dân sự noi theo. Khi Hội Thánh trở nên giống như thế gian thì không thể đến với thế gian cách hiệu quả được. Phải chăng chúng ta vẫn

còn những tấm khiên bằng vàng, hay các khiên ấy được làm từ đồng thau hoặc giấy? Phải chăng chúng ta chỉ giữ thể diện của mình?

Rô-bô-am là thế hệ thứ ba bắt đầu từ Đa-vít, nhà sáng lập vương triều lẫn vương quốc, nhưng thường thì thế hệ này chính là thế hệ làm cho mọi thứ sụp đổ. Tôi đã nhìn thấy điều này xảy ra nơi thương trường, các mục vụ liên hệ phái, các tổ chức tình nguyện, và đặc biệt là ở các Hội Thánh. Đây chính là thế hệ người Do Thái thứ ba kể từ cuộc chinh phục xứ Ca-na-an (Các quan xét 2:6-15) cũng như là thế hệ thứ ba trong vương triều của nhà Đa-vít. Đã có nhiều Hội Thánh và các mục vụ liên hệ phái bắt đầu sụp đổ kể từ thế hệ lãnh đạo thứ ba. Nếu chúng ta không vâng lời dạy trong 2 Ti-mô-thê 2:2, điều này sẽ tiếp tục xảy ra: “Những điều con đã nghe nơi ta ở trước mặt nhiều người chứng, hãy giao phó cho mấy người trung thành, cũng có tài dạy dỗ kẻ khác.” Thành công hay thất bại đều phụ thuộc vào sự lãnh đạo, và người lãnh đạo cần được trang bị để lãnh đạo.

Sa-lô-môn viết trong Truyền đạo 2:18-19 rằng: “Ta cũng ghét mọi công lao ta đã làm ở dưới mặt trời, vì phải để lại cho người sau mình. Vả, ai biết rằng người ấy sẽ khôn ngoan hay là ngu dại?” Chúng ta biết rằng người con của Sa-lô-môn là ngu dại – và chúng ta cũng nên lưu ý không noi gương xấu của Rô-bô-am. Nếu chúng ta không biết về quá khứ và hiểu về thực tại thì chúng ta không thể lãnh đạo con người đi vào tương lai.

Bài 34

Ê-LI

Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên... tôi là kẻ tội tớ Ngài.

1 Các vua 18:36

Tên Ê-li có nghĩa là “Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của tôi.” Điều này rất quan trọng, hãy ghi nhớ.

Trong đời vua A-háp cùng với Giê-sa-bên là người vợ độc ác của vua cai trị, chỉ có Ê-li và bảy ngàn người Y-sơ-ra-ên khác mới có thể chân thành nói rằng: “Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của tôi.” Gần như cả vương quốc Y-sơ-ra-ên đều thờ thần Ba-anh. Hoàng hậu Giê-sa-lên là công chúa vua Si-đôn, người đã đem thần tượng Ba-anh đến Y-sơ-ra-ên khi kết hôn cùng A-háp, và bà yêu cầu dân Y-sơ-ra-ên phải thờ phượng thần tượng của bà. Bà giết các tiên tri chân thật của Đức Giê-hô-va và dùng ngân sách nhà nước để cung cấp cho hàng trăm thầy tế lễ và tiên tri giả của thần Ba-anh cùng nữ thần Át-tạt-tê. Đất nước Y-sơ-ra-ên chính thức bội đạo.

Tại sao dân sự lại muốn thờ lạy thần Ba-anh trong khi chính Giê-hô-va Đức Chúa Trời mới là Đấng họ cần? Ba-anh và Át-tạt-tê là những hình tượng do con người dựng nên, nhưng Đức Giê-hô-va mới chính là Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật. Câu chuyện của Ê-li là một câu

chuyện kể về Đức Chúa Trời, và từ những điều Ê-li nói và làm, chúng ta sẽ cùng khám phá Giê-hô-va Đức Chúa Trời thật sự là ai.

ĐỨC CHÚA TRỜI THÀNH TÍN VỚI GIAO ƯỚC NGÀI

Đất thuộc về Chúa, và dân sự được phép sống và hưởng lợi trên đất ấy miễn là họ tôn trọng các điều khoản của giao ước Chúa. Họ biết những điều khoản ấy là gì và Chúa sẽ làm gì nếu họ vi phạm các điều khoản ấy, chính vì thế việc dân sự thờ phượng thần tượng là không thể bào chữa được. Một điều khoản trong giao ước đó chính là Đức Chúa Trời sẽ không ban mưa nếu dân sự không thờ phượng một mình Ngài là Đức Chúa Trời. Nếu dân sự thờ lạy hình tượng, Đức Chúa Trời sẽ khiến hạn hán và đói kém xảy ra (xem Phục 11:8-21; 28:9-14, 23-24).

Chúa gọi Ê-li để ông kêu gọi dân sự chú ý đến sự vi phạm giao ước này và cảnh báo với họ rằng sự đoán phạt sắp xảy đến. Một ngày nọ Ê-li xuất hiện và nói cùng vua A-háp rằng Đức Chúa Trời sẽ giáng một cơn hạn hán và mưa sẽ không rơi cho đến chừng Ê-li nói. Gia-cơ 5:17 nói rằng Ê-li trước hết đã cầu nguyện về việc này, và trong Lu-ca 4:25 cho chúng ta biết rằng cơn hạn hán kéo dài ba năm rưỡi. Bởi vì người nông dân phải phụ thuộc vào những cơn mưa đầu mùa và cơn mưa cuối mùa, chính vì thế đây quả thật là một kỳ hạn hán lâu dài.

Đức Chúa Trời luôn luôn thành tín với lời hứa của Ngài, dù đó là phước lành hay sự sửa phạt. “Các đường lối Đức Giê-hô-va đều là nhân từ và chân thật cho kẻ nào giữ gìn giao ước và chứng cớ của Ngài” (Thi thiên 25:10). Người Do Thái giống như con trẻ, họ chỉ hiểu thưởng và phạt. Nếu họ vâng lời thì họ được thưởng; nhưng nếu họ không vâng lời thì họ chịu hình phạt. Còn bài học nào có thể đơn giản hơn thế nữa?

ĐỨC CHÚA TRỜI DẪN DẮT VÀ CHU CẤP

Ê-li không bao giờ thấy đồng xu hoặc nghiên cứu các ngôi sao để tìm biết Chúa muốn ông làm điều gì. Cụm từ “lời của Đức Giê-hô-va đến với Ê-li” xuất hiện sáu lần trong câu chuyện về cuộc đời của ông, và hai lần thiên sứ của Chúa truyền lệnh cho ông (2 Các vua 1:3, 15). Ba lần Ê-li nói với Ê-li-sê rằng: “Đức Giê-hô-va sai ta” (2 Các vua 2:2, 4, 6). Kể cả khi Ê-li không vâng theo ý muốn Chúa, Ngài vẫn phán cùng ông và giải quyết vấn đề với ông một cách đầy yêu thương (1 Các vua 19:9). Thần Ba-anh không thể hướng dẫn những người thờ phượng mình bởi vì đó là một thần chết, nó không thể nhìn thấy những người thờ phượng mình, cũng không thể nghe lời cầu nguyện của họ, và không thể phán cùng họ bởi vì nó có miệng nhưng không thể nói (Thi thiên 115:4-8).

Trong ba năm rưỡi hạn hán, Ê-li luôn có thức ăn và nước uống, vì ông tin cậy Chúa và vâng theo các mệnh lệnh của Ngài. Đây quả thực là một sự khích lệ lớn cho những đầy tớ trung tín của Chúa. “Này, các tôi tớ ta sẽ ăn, còn các ngươi thì đói; này, tôi tớ ta sẽ uống, còn các ngươi thì khát; này, tôi tớ ta sẽ được vui vẻ, còn các ngươi thì bị nhuốc nhơ” (Ê-sai 65:13). Những con chim quạ đem đến thức ăn cho Ê-li tại khe Kê-rít, và khi dòng nước trong khe đã cạn, Đức Chúa Trời sai Ê-li đi hàng trăm dặm đến Sa-rép-ta nơi một quả phụ chăm sóc cho ông. Sa-rép-ta nằm

trong quê hương của Giê-sa-bên, nhưng Ê-li không hề sợ hãi. A-háp ráo riết tìm kiếm Ê-li (1 Các vua 18:10), nhưng Đức Chúa Trời bảo vệ đầy tớ của Ngài. Nơi an toàn nhất trên thế giới đó chính là ở trong ý muốn của Đức Chúa Trời.

ĐỨC CHÚA TRỜI ĐÁP LỜI CẦU XIN

Chính Đức Chúa Trời, Đấng đã sai Ê-li đi ẩn mình (1 Các vua 17:3), giờ đây phán cùng ông rằng hãy đi ra mắt A-háp và nhóm họp dân chúng (1 Các vua 18:1). A-háp gọi Ê-li là “kẻ làm rối loạn Y-sơ-ra-ên” (1 Các vua 18:17), tuy nhiên chính A-háp cùng vợ mình là Giê-sa-bên mới là kẻ gây ra sự rối loạn. Cuộc đối đầu giữa Đức Giê-hô-va và Ba-anh tại núi Cạt-mên (biên giới giữa Y-sơ-ra-ên và Phê-ni-xi) không hề là một cuộc thi thố bởi vì Giê-sa-bên và các tiên tri giả của bà không hề có cơ hội để làm điều đó. Khi cuộc đối đầu này kết thúc, không ai nghi ngờ rằng Đức Giê-hô-va chính là Đức Chúa Trời và Ê-li là tôi tớ của Ngài.

Hiện diện tại cuộc đối đầu này đó chính là Ê-li, tiên tri của Đức Giê-hô-va, cùng với đại diện của mười chi phái Y-sơ-ra-ên và 850 tiên tri và thầy tế lễ của Ba-anh. Chúng ta không biết có bao nhiêu khán giả thuộc về nhóm những người trung tín, những người vẫn hằng tôn kính Đức Giê-hô-va, nhưng khi dân sự nhìn thấy lửa từ trời giáng xuống thiêu đốt của tế lễ, họ bèn sắp mình xuống đất mà la lên rằng: “Giê-hô-va là Đức Chúa Trời! Giê-hô-va là Đức Chúa Trời!” (1 Các vua 18:39). Kế đến, dân sự đã giúp Ê-li bắt tất cả các thầy tế lễ và tiên tri Ba-anh mà giết đi, đây cũng là một mệnh lệnh trong giao ước (xem Phục 13:13-18; 17:2-5).

Tuy vậy vẫn còn một nhiệm vụ mà tiên tri Ê-li phải thực hiện: ông phải cầu nguyện xin Đức Chúa Trời chấm dứt kỳ hạn hạn và ban mưa xuống. Đức Chúa Trời đáp lời cầu nguyện và ban một cơn mưa nặng hạt, một bằng chứng khác để thể hiện rằng chỉ duy Đức Giê-hô-va mới chính là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Ba-anh là thần giống tổ của xứ Phê-ni-xi, nhưng hẳn không thể khiến lửa để thiêu đốt của tế lễ hướng hồ sai mưa để chữa lành đất! Gia-cơ 5:16-18 dùng câu chuyện này để chứng minh rằng: “người công bình lấy lòng sốt sắng cầu nguyện, thật có linh nghiệm nhiều.”

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ ĐÁNG NHÃN NẠI

Gia-cơ 5:17 viết rằng: “Ê-li vốn là người yếu đuối như chúng ta,” và 1 Các vua 19 thì minh chứng cho điều ấy. Alexander Whyte phát biểu rằng: “Ê-li có một cái tên rất thiêng liêng, nhưng ông phải bắt đầu với chính bản chất trần tục của mình.”¹⁰ Giê-sa-bên có quyền sai một sát thủ thay vì một sứ giả đến với Ê-li, song mục đích thật của bà là để đe dọa tiên tri Ê-li và ngăn không cho ông tập hợp những người trung tín lại. Nếu Ê-li từ đạo, điều đó sẽ khiến cho dân chúng hiệp một và khuấy động họ tiếp tục cuộc chiến chống lại Ba-anh. Nếu Ê-li biến mất khỏi hiện trường, những người trung tín còn sót lại sẽ không có lãnh đạo, và Ê-li sẽ chỉ thắng cuộc chiến đấu nhưng không giành được thắng lợi. Cũng như bao lãnh đạo khác trong Kinh Thánh, Ê-li thất bại

¹⁰ Whyte, *Bible Characters*, 363.

ở điều mà ông mạnh mẽ nhất, và trong trường hợp này chính là sự can đảm. Sự hãi và đức tin không thể tồn tại trong cùng một tấm lòng.

Điều gì khiến cho vị tiên tri mạnh như bão tố này thất bại trong khi ông đang đứng ở ngưỡng cửa của một thắng lợi vĩ đại? Cuộc đối đầu tại núi Cạt-mên đã lấy đi của ông hết mọi sức lực; thần kinh căng thẳng, đói, khát và mệt mỏi. Ê-li đã có một quyết định tồi tệ nhất trong giờ phút yếu mệt nhất. Vị tiên tri này trải qua điều mà ngày nay chúng ta gọi là “kiệt sức,” và đây chính là giờ phút để kẻ thù nhân cơ hội tấn công. Khi Ê-li để tội tở của ông ở lại mà một mình ông trốn vào đồng vắng, ông đã khiến cho tình hình càng trở nên xấu hơn, bởi vì những người ở một mình là những người đặc biệt dễ bị tổn thương. Sa-lô-môn khuyên rằng: “hai người hơn một,” đây chính là lý do vì sao Đức Chúa Giê-su sai các môn đồ đi theo từng cặp. Trong những lúc sợ hãi và dường như thất bại, chúng ta cần một ai đó trò chuyện, cầu nguyện và cho chúng ta một cái nhìn rõ ràng về những gì đang xảy ra. Thậm chí Đức Chúa Trời đã ban cho Ê-li có một tình bạn với người kế vị của mình là Ê-li-sê, và mọi việc đã trở nên tốt hơn.

Ê-li đi một trăm dặm đến Bê-e-sê-ba và rồi hai trăm năm mươi dặm nữa đến núi Si-nai. Có lẽ Ê-li mong có được đôi chút tinh thần của Môi-se khi ông gặp mặt Chúa tại núi Si-nai sau bị kịch dân Y-sơ-ra-ên sa vào sự thờ lạy hình tượng (Xuất 32-34). Tuy nhiên thay vì cầu thay cho dân Y-sơ-ra-ên giống như Môi-se đã làm, Ê-li đắm chìm trong sự thương hại bản thân và thưa cùng Chúa rằng ông là người trung tín duy nhất còn lại. “Mọi người đều đã sa ngã, chỉ một mình con là đầy tớ trung tín của Ngài.” Trung tín? Sau khi từ bỏ chiến trận?

Đức Chúa Trời luôn luôn nhẫn nại và Ngài kiên nhẫn hành động để đem đầy tớ của Ngài quay trở về với thực tại. Suốt hành trình của Ê-li, Chúa đã sai một thiên sứ đem đến cho ông thức ăn, nước uống và bảo vệ khi ông ngủ. Khi Ê-li ẩn mình trong hang, Đức Chúa Trời bày tỏ nhiều quyền phép – gió bão, động đất, lửa – nhưng không một điều nào có thể lay động vị tiên tri này; và rồi Đức Chúa Trời lấy tiếng êm dịu nhỏ nhẹ mà phán, và Ê-li rời khỏi chiếc hang ấy. Chúa nhắc nhở đầy tớ của Ngài không nên đoán xét công việc thiên thượng bằng những chuẩn mực của con người chẳng hạn như quy mô hay tiếng ồn. Bão tố, động đất và lửa có thể là những điều rất vĩ đại, thậm chí gây kinh khiếp, tuy nhiên những điều ấy không thể thay đổi lòng người. Chỉ có tiếng nói êm dịu nhỏ nhẹ của Đức Chúa Trời mới làm thay đổi lòng người. Những điều hấp dẫn có thể thu hút một đám đông nhưng không thể tạo nên một con người tin kính.

Hãy dâng lời cảm tạ vì Đức Chúa Trời là Đấng nhẫn nại đối với con cái của Ngài và nhẹ nhàng phán với chúng ta khi chúng ta bỏ trốn và cảm thấy tổn thương. “Đức Giê-hô-va có lòng thương xót, hay làm ơn, chậm nóng giận, và đầy sự nhân từ” (Thi 103:8).

ĐỨC CHÚA TRỜI XÉT ĐOÁN TỘI LỖI

Đức Chúa Trời vẫn còn nhiều công tác dành cho tiên tri Ê-li. Ông phải kêu gọi Ê-li-sê làm người kế vị của mình (1 Các vua 19:19-21), và về sau Ê-li-sê phải xức dầu cho Ha-xa-ên và Giê-hu, và Giê-hu sẽ là người quét sạch sự thờ lạy Ba-anh ra khỏi Y-sơ-ra-ên. Ê-li còn phải gặp vị vua độc ác A-háp thêm một lần nữa để cáo trách ông đã cho phép Giê-sa-bên giết Na-bót để chiếm đất

của ông mà đem cho chồng bà. Kết cuộc A-háp đã bị giết trong trận chiến tại Ra-môt trong Ga-la-át, còn Giê-sa-bên thì bị đẩy ngã khỏi cửa sổ lầu hai mà chết, những con chó đến ăn xác và uống huyết của bà.

Có một sự khác biệt giữa cái cách và phần hưng thuộc linh. Việc phá hủy mọi thần tượng và giết các tiên tri giả là một việc quan trọng, nhưng điều quan trọng hơn đó là thay đổi tâm lòng của con người. Y-sơ-ra-ên là một quốc gia của giao ước, và Đức Chúa Trời hoàn toàn có quyền xét đoán tội lỗi dân sự, tuy nhiên nếu họ không hạ mình mà quay về với Chúa, họ sẽ sớm trở lại đường lối gian ác. Cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đều hầu việc Đức Chúa Trời nhưng cũng đồng thời thờ lạy hình tượng, và cả hai vương quốc đều bị diệt vong.

ĐỨC CHÚA TRỜI HÔM QUA NGÀY NGAY VÀ CHO ĐẾN ĐỜI ĐỜI

Chúa của chúng ta là Đức Chúa Trời đời đời, Đấng hôm qua, ngày nay và tương lai. “Đức Chúa Giê-su Christ hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi” (Hê-bơ-rơ 13:8). Ê-li đi thăm lại một số địa điểm lịch sử quan trọng trong xứ khiến ông và Ê-li-sê nhớ lại sự thành tín của Đức Chúa Trời trong quá khứ. Tại Ghinh-ganh, Chúa đã “đã cất khỏi các ngươi sự xấu hổ của xứ Ê-díp-tô” (Giô-suê 5:9); tại Bê-tên, Gia-cốp đã có một trải nghiệm với Chúa khiến thay đổi cuộc đời của ông (Sáng 28, 35); tại Giê-ri-cô, Giô-suê đã có được một thắng lợi vĩ đại (Giô-suê 6); và tại sông Giô-đanh, dân Y-sơ-ra-ên đã đi ngang qua dòng nước mà tiến vào Đất Hứa (Giô-suê 1-4). Hãy nhắc nhở chính mình rằng hằng năm Hội Thánh kỷ niệm những điều Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta trong quá khứ - Đức Chúa Giê-su giáng sinh, sống, chết, phục sinh và thăng thiên, và Đức Thánh Linh giáng lâm trong ngày Lễ Ngũ Tuần. Thật là những cột mốc lịch sử vĩ đại mà Chúa đã làm!

Tuy nhiên những sự kiện trong quá khứ cũng có thể tác động đến đời sống tâm linh của chúng ta ngày nay. Ê-li-sê học được rằng Chúa của Ê-li không chết nhưng Ngài có thể đem đầy tớ của Ngài về nhà trong vinh quang và năng quyền vĩ đại. Ê-li-sê chính là “người con thuộc linh” của Ê-li, chính vì thế mà Ê-li-sê đã cầu xin phần thừa kế gấp đôi, là quyền lợi của con trưởng nam (Phục 21:17) và ông đã nhận được. Đức Chúa Trời không chết và bất cứ nơi nào dân sự của Chúa có đức tin thì Ngài sẽ bày tỏ quyền năng vĩ đại của Ngài. Ê-li-sê tiến bước vào tương lai với lòng tin rằng Đức Chúa Trời ở cùng ông và công tác Chúa sẽ được tiếp tục.

Thật công tác Chúa đã được tiếp nối! Giảng Báp-tít đến trong “tâm thần quyền phép Ê-li” (Lu-ca 1:11-17; so sánh Ma-la-chi 4:5-6) và chuẩn bị con đường cho Đức Chúa Giê-su Christ. Ê-li gặp gỡ Đức Chúa Giê-su và Mô-i-se tại Núi Hóa Hình (Ma-thi-ơ 17:1-13), và họ đã bàn về sự chết của Đức Chúa Giê-su trên thập giá. Mọi việc phải được trọn như lời Kinh Thánh đã hứa!

Ê-li-sê hỏi rằng: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Ê-li ở đâu?” ông đập nước sông Giô-đanh thì dòng nước rẽ ra hai bên cho ông đi ngang qua. Tuy nhiên câu hỏi quan trọng ngày nay không phải là “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Ê-li ở đâu?” nhưng là “*Các Ê-li đang ở đâu?*” Đây là những người sẽ nói với Chúa rằng: “Ngài là Đức Chúa Trời... và con là tôi tớ Chúa” và tin cậy Ngài mà làm việc?

Bài 35

Ê-LI-SÊ

Hãy càng hơn nữa mà lấy lòng sợ sệt run rẩy làm nên sự cứu chuộc mình.

Phi-líp 2:12

Phao-lô viết cho Hội Thánh Phi-líp rằng: “hãy càng hơn nữa mà lấy lòng sợ sệt run rẩy làm nên sự cứu chuộc mình,” Phao-lô nài khuyên Hội Thánh Phi-líp hãy làm công tác mục vụ như thể Đức Chúa Trời đã truyền cho họ chứ không phải bắt chước các Hội Thánh khác. Tuy nhiên, vì Hội Thánh được hình thành từ những cá nhân nên lời khuyên răn của Phao-lô cũng được áp dụng cho từng người một, đồng thời lời khuyên dạy này cũng mô tả một cách tuyệt vời về đời sống và chức vụ của Ê-li-sê. Việc tiếp nối vị trí của một tiên tri lớn như Ê-li không hề dễ dàng, nhưng Ê-li-sê đã làm được. Không phải người kế nhiệm nào cũng thành công, chính vì thế chúng ta hãy cùng tìm hiểu về Ê-li-sê và khám phá những điều thiết yếu để thành công trong cuộc sống và mục vụ.

CHÚNG TA CẦN CÂN ĐAM ĐỀ LÀ CHÍNH MÌNH

Người thầy của Ê-li-sê, tiên tri Ê-li, là một người có tính cách mạnh mẽ, và bởi vì Ê-li-sê đã cùng sống và phục vụ thầy mình trong khoảng mười năm nên dù có tình hay vô ý Ê-li-sê rất dễ trở nên một tiên tri nóng cháy. Tuy nhiên ông chọn là chính mình. George W. Truett viết rằng: “Ê-li-sê có một tính cách khác biệt. Ông không phải một người bắt chước. Ông không phải là một tiếng vọng. Ông giữ vững cá tính không thay đổi của mình.”¹¹

Một điều rất đáng khích lệ đó là những tính cách trong Kinh Thánh rất đa dạng. Chúa là “Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp” (Xuất. 3:6) – ba người với những tính cách khác nhau nhưng đều là người tin Chúa và hầu việc Ngài. Khi Đức Chúa Giê-su chọn mười hai môn đồ, Ngài cố ý lựa chọn những con người khác nhau: Giăng với một tâm hồn nhạy cảm, Phi-e-rơ bốc đồng, Tho-ma nghi ngờ, và thậm chí là Giu-đa bất trung. Hãy nhìn quanh thế giới mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng và bạn sẽ tin rằng Ngài yêu thích sự đa dạng.

Những cộng đồng đức tin tuân thủ luật lệ một cách tuyệt đối đã sản sinh ra những Cơ Đốc Nhân giống hệt nhau, tuy nhiên nơi nào có Thánh Linh của Đức Chúa Trời hành động thông qua Lời Chúa thì nơi đó có sự hiệp một giữa những sự khác biệt. Ê-li là một người thích ở riêng một mình, nhưng Ê-li-sê là một người cần được ở cùng những người khác. Để lắng nghe tiếng Chúa, Ê-li đi vào một cái hang, còn Ê-li-sê thì gọi một người hát rong và chờ đợi Chúa phán cùng ông.

¹¹ George W. Truett, *The Prophet's Mantle* (Nashville, Tenn.: Broadman Press, 1948).

Ê-li từ già trần gian một cách đầy ấn tượng trong cơn gió lốc, nhưng Ê-li-sê đơn giản chỉ qua đời và được chôn cất (Về sau, người ta quăng một người chết vào mộ của Ê-li-sê và xác chết đã sống lại.) Cả Ê-li lẫn Ê-li-sê đều độc đáo, cá biệt, và cả hai đều hoàn thành công tác Chúa. Mục vụ của Ê-li gắn liền với bão tố, lửa từ trời và động đất, nhưng công tác của Ê-li-sê thì giống như tiếng nói nhỏ nhẹ.

Nếu chúng ta cùng bước đi với Đức Chúa Giê-su trong đức tin, chúng ta sẽ trở nên giống Ngài càng hơn, tuy nhiên chúng ta vẫn là chính mình và hoàn thành mọi công tác mà Ngài kêu gọi chúng ta thực hiện. Tại sao phải trở thành một bản sao trong khi chúng ta đều có thể là một bản gốc? Đức Chúa Trời tạo dựng mỗi một người đều khác biệt (Thi. 139:13-16), Ngài đã cứu mỗi một người trong chúng ta, và Ngài vẽ cho mỗi chúng ta một hành trình đức tin riêng (Ê-phê-sô 2:10). Hãy can đảm để trở thành chính mình, và cùng nhau chúng ta sẽ dâng vinh quang cho Đức Chúa Cha. Vâng, có những nguyên tắc, quy tắc thuộc linh áp dụng cho tất cả mọi người và chúng ta không muốn trở thành người nổi loạn kỳ dị, nhưng công tác mà Đức Chúa Trời muốn thực hiện trong và qua chúng ta đó là một công tác độc nhất cho mỗi một cá nhân.

CHÚNG TA CẦN VẮNG THEO SỰ KÊU GỌI CỦA CHÚA (1 Các vua 19:19-21)

Cũng như bao nhân vật khác trong Kinh Thánh chẳng hạn như: Mô-i-se, Ghê-đê-ôn, Đa-vít, Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng; Ê-li-sê được Đức Chúa Trời kêu gọi khi ông đang làm việc. Ê-li-sê là người cuối cùng của một nhóm gồm mười hai người đang cày ruộng của cha mình. Điều này cho chúng ta thấy cha của Ê-li-sê là một người khá giả và ông đã dạy con mình biết tầm quan trọng của việc chăm chỉ lao động. Các Ra-bi từng nói rằng: “Người nào không dạy con mình làm việc thì dạy cho chúng biết trộm cướp.” Các Ra-bi có được lời dạy trên là từ Châm ngôn 18:9: “Kẻ thả trôi trong công việc mình, cũng là anh em của kẻ phá hại.” Kinh Thánh không dành một lời tốt nào cho những kẻ lười biếng.

Khi được Đức Chúa Trời kêu gọi một cách đầy bất ngờ và đột ngột, Ê-li-sê đã hoàn toàn dừng lại những công việc trong quá khứ để đi theo Ê-li mà không hề có ý định thoái lui. Ngày nay chúng ta gọi hành động này là “qua sông đốt cầu,” Ê-li-sê đã đốt chiếc cầu của mình, ta cũng thấy hình ảnh tương tự khi các môn đồ đầu tiên của Đức Chúa Giê-su đã bỏ thuyền và lưới cá của họ lại để đi theo tiếng gọi của Chúa. Đức Chúa Giê-su phán rằng: “Ai đã tra tay cầm cày, còn ngoái lại đằng sau, thì không xứng đáng với nước Đức Chúa Trời” (Lu-ca 9:62).

Từ sự kêu gọi của Ê-li-sê trong 1 Các vua 19 đến sự rời đi đột ngột của Ê-li trong 2 Các vua 2, tên Ê-li-sê không được Kinh Thánh nhắc đến! Từ địa vị là con của một địa chủ giàu có, Ê-li-sê trở thành đầy tớ của một tiên tri kỳ quặc, còn tên của ông thì vắng bóng trong sách sử. Ê-li-sê khởi đầu là một đầy tớ nhưng kết thúc là một lãnh đạo (Ma-thi-ơ 25:21), đây là một khuôn mẫu mà Chúa thường dùng để huấn luyện những tôi tớ của Ngài. Tuy nhiên điều quan trọng đầu tiên đó là vâng theo tiếng gọi của Chúa.

CHÚNG TA CẦN TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ (2 Các vua 2:1-8)

Ê-li biết rằng mình sẽ được cất lên trời (2 Các vua 2:5) nên ông muốn gặp gỡ những người thuộc trường tiên tri do Sa-mu-ên sáng lập. Ê-li cho phép Ê-li-sê quyết định có đi theo thầy trong hành trình này hay không, và Ê-li-sê đã khôn ngoan đi theo người thầy của mình. Lãnh đạo mới có thể làm nhiều điều theo những cách mới, tuy nhiên có những điều không được thay đổi mà cần phải được giữ gìn. Lãnh đạo nào không giữ gìn những điều tốt đẹp trong quá khứ thì đánh đổ hiện tại và đe dọa đến tương lai. Ê-li-sê đã quan tâm và chăm sóc cho sinh viên của các trường tiên tri này.

Ngoài ra, mỗi một địa điểm mà hai vị tiên tri này đến thăm đều là một phần quan trọng trong lịch sử Y-sơ-ra-ên. Họ bắt đầu từ Ghinh-ganh là nơi Đức Chúa Trời “đã cất khỏi các ngươi sự xấu hổ của xứ Ê-díp-tô,” nơi mà dân sự đã làm mới lại giao ước với Đức Chúa Trời và kỷ niệm lễ Vượt Qua (Giô-suê 5:1-12). Phép cắt bì - dấu hiệu của giao ước, sự giải cứu khỏi Ai Cập và giao ước tại núi Si-nai là những tài sản quý báu của người Y-sơ-ra-ên, chính vì thế Ê-li-sê cần được nhắc nhở về những điều này.

Từ Ghinh-ganh họ đi đến Bê-tên là nơi thiêng liêng trong ký ức của Áp-ra-ham, Gia-cốp (Sáng 12:8; 13:3; 28:10-22; 35:1-8) và Sa-mu-ên (1 Sa-mu-ên 7:16; 10:3). Tuy nhiên trong đời tiên tri Ê-li-sê, Bê-tên là trung tâm thờ cúng hình tượng một con bò vàng mà vua Giê-rô-bô-am đã dựng ở đây và Đan (1 Các vua 12:26-33). Ê-li cùng tôi tớ của ông rất ghét sự thờ lạy hình tượng, nhưng họ không từ bỏ thành phố này và trong tương lai, vua Giô-si-a sẽ dỡ bỏ mọi hình tượng để kêu gọi dân sự trở về thờ phượng một mình Đức Chúa Trời mà thôi (2 Các vua 23:15-23).

Khi hai vị tiên tri cùng bước đi và trò chuyện với nhau lần cuối, họ đã đến Giê-ri-cô và sông Giô-đanh là nơi Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên đã kinh nghiệm phép lạ kỳ diệu của Đức Chúa Trời (Giô-suê 3:6). Cũng như Giô-suê, Ê-li tin cậy Đức Chúa Trời để Ngài rẽ đôi dòng nước mà ông và Ê-li-sê cùng đi ngang qua bờ bên kia. Ê-li sẽ được cất lên ở một địa điểm gần nơi mà nhiều thế kỷ trước dân Y-sơ-ra-ên đã tiến vào Miền Đất Hứa, và Ê-li-sê sẽ một lần nữa tiến vào vùng đất này như một Giô-suê thứ hai.

Trong thời cổ đại, một số vị vua bắt đầu thời trị vì của mình bằng cách quét sạch tên và những ký thuật về người tiền nhiệm của mình mà quên rằng người kế vị của họ cũng sẽ làm điều tương tự; nhưng Đức Chúa Trời thì không như thế. Quá khứ không phải là một chiếc neo giữ chân chúng ta ở lại nhưng là một bánh lái để dẫn dắt chúng ta, và lãnh đạo nào phớt lờ quá khứ sẽ được người ta nhớ đến là một kẻ thất bại. Có người nói rằng: “Phương pháp thì nhiều nhưng nguyên tắc thì ít; phương pháp luôn thay đổi nhưng nguyên tắc thì không.”

Đức Chúa Trời đã sử dụng Ê-li để chuẩn bị Ê-li-sê cho chức vụ của mình, và chính Đức Chúa Trời, Đấng đã ban phước cho Ê-li giờ đây cũng ban phước cho người kế nhiệm của ông.

CHÚNG TA CẦN ĐỨC TIN SỐNG ĐỘNG VÀO MỘT ĐỨC CHÚA TRỜI HẰNG SỐNG (2 Các vua 2:9-18)

Ê-li đã dốc toàn bộ cuộc sống của ông cho Ê-li-sê, và ông muốn để lại cho người kế nhiệm một món quà cuối cùng nữa, vậy nên Ê-li hỏi chàng trai trẻ này ước ao điều gì. Câu trả lời của Ê-li-sê thể hiện ông là một người thuộc linh có nhận thức sáng suốt. Cụm từ “thần của thầy cảm động tôi bội phần” không có nghĩa là gấp đôi Thánh Linh, bởi vì Đức Thánh Linh không được đo lường theo cách đó, và lời đề nghị này cũng không có nghĩa là gấp đôi sự nhiệt huyết của Ê-li. Ê-li-sê đang muốn nói về luật thừa kế của người Do Thái mà người con cả được gấp đôi phần tài sản (Phục. 21:17). Trọng tâm trong lời cầu xin của Ê-li-sê chính là: “xin hãy cho tôi trở thành người thừa kế thuộc linh của thầy và được vinh dự tiếp tục mục vụ của thầy trong quyền năng của Đức Chúa Trời.” Hơn bất cứ mọi điều, Ê-li-sê mong muốn được Đức Chúa Trời ban phước cho đời sống và chức vụ của ông. Tuy nhiên nếu muốn nhận được phước hạnh thì Ê-li-sê phải để mắt đến người thầy của mình. Khi Ê-li bất chợt được Đức Chúa Trời cất lên, Ê-li-sê đã trông thấy! Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu xin của ông!

Ê-li đã ra đi, nhưng Đức Chúa Trời của Ê-li vẫn ở trên ngai và Ngài là Đáng đáng để con người tin cậy. Trong 2 Các vua 2:12, Ê-li-sê ví sánh Ê-li với đạo quân Y-sơ-ra-ên, và hình ảnh này cũng được dành cho Ê-li-sê khi ông qua đời (2 Các vua 13:14). Vâng, mọi đầy tớ đều quan trọng đối với Đức Chúa Trời, và mỗi một chi thể trong thân đều cần thiết, tuy nhiên dù bạn có thích hay không thì vẫn có một số người quan trọng hơn và giữ công tác mang tính chiến lược hơn để phục vụ Chúa. Ê-li-sê tin cậy Đức Chúa Trời sẽ rẽ nước sông Giô-đan cho ông giống như Ngài đã làm cho Giô-suê và Ê-li, và quả thật Chúa đã ban thưởng cho đức tin của Ê-li-sê. Đức Chúa Trời sẽ thay đổi đầy tớ của Ngài, tuy nhiên mỗi một đầy tớ đều phải phục vụ bằng đức tin, tin cậy rằng Chúa sẽ dẫn dắt và ban cho năng lực. Ê-li-sê không cố gắng thực hiện một công tác nào vĩ đại hơn những công việc Ê-li đã làm. Ông chỉ bắt đầu mục vụ của mình tại nơi mà Ê-li đã ngưng nghỉ và dâng mọi vinh quang cho Đức Chúa Trời.

CHÚNG TA CẦN CHUẨN BỊ CHO SỰ CHỐNG ĐỐI (2 Các vua 2:23-25)

Không lâu sau khi bắt đầu chức vụ, kẻ thù đã xuất hiện và chế nhạo Ê-li-sê trước mặt dân chúng. Chúng ta không nên bất ngờ trước việc này bởi vì “hết thầy mọi người muốn sống cách nhân đức trong Đức Chúa Giê-su Christ, thì sẽ bị bắt bớ” (2 Ti-mô-thê 3:12), và điều này đặc biệt đúng với các lãnh đạo tin kính Chúa.

Những người chối bỏ Kinh Thánh thích dùng phân đoạn Kinh Thánh này để tranh luận rằng nếu Đức Chúa Trời giết chết bốn mươi hai đứa trẻ vô tội chỉ vì trêu ghẹo người thầy truyền đạo này thì Ngài là một bạo chúa xấu xa, tuy nhiên sự việc không như thế. Trước hết, những người này là những chàng trai trẻ có trách nhiệm chứ không phải là các cháu nhỏ. Từ “trẻ con” trong nguyên ngữ cũng được dùng cho Giô-sép, Y-sác và Sa-lô-môn. Những chàng trai trẻ này hiểu họ đang nói và làm gì, và họ đã cố ý làm điều ấy. Việc cùng một lúc có quá nhiều người xuất hiện và cùng nói một điều chứng tỏ đây có thể là một cuộc mít-tinh đã được một số người trưởng thành lên kế hoạch và tổ chức.

Tuy nhiên hãy cân nhắc những điều mà các chàng trai trẻ này đã làm. Đầu tiên, họ chế giễu đầy tớ Chúa bằng việc gọi ông là “lão trọc.” Họ cũng giễu cợt về việc Ê-li được cất lên trời. Chắc hẳn những người nhìn thấy phép lạ này đã kể lại cho những người khác, và các chàng trai trẻ này đã nghe được từ cha mẹ của chúng. Bê-tên là trung tâm của sự thờ lạy hình tượng, chính vì thế những con người này cần được nhìn thấy quyền năng của một Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật. Họ cũng cần được nhắc nhở về giao ước của Đức Chúa Trời với dân sự của Ngài là giao ước không thay đổi cũng không bị hủy bỏ (Lê-vi ký 26; Phục 28-30). Nếu dân sự không vâng giữ luật pháp Chúa thì Ngài hứa sẽ sửa trị họ bằng nhiều cách, kể cả việc sai thú hoang tấn công con cái của họ (Lê-vi ký 26:21-22).

Nếu Ê-li-sê phớt lờ một cuộc công kích công khai đầy trắng trợn của một băng nhóm côn đồ vô lễ này thì có nghĩa ông đã bắt đầu chức vụ của mình trong sự yếu đuối chứ không phải trong sự mạnh mẽ. Thâm quyền của một tiên tri ở đâu nếu cho phép những đứa trẻ tự phụ xác xược này gọi mình là “lão trọc”? Có những lúc chúng ta sẽ bỏ qua lời nói của người ngu muội, nhưng cũng có những lúc chúng ta cần phải thi hành thâm quyền mà quả trách người nói phạm đến Đức Chúa Trời và đầy tớ của Ngài. Tại Phi-líp, Phao-lô đã dùng quyền của cư dân La-mã để bảo vệ phúc âm và Hội Thánh mới thành lập tại đây (Công vụ 16:35-40).

CHÚNG TA CẦN TÂM LÒNG CỦA MỘT NGƯỜI ĐẦY TỐ (2 Các vua 2:19-8:6)

Ngoại trừ thời gian Ê-li đã quá sợ hãi mà cố gắng giải cứu mạng sống mình thì vị tiên tri này luôn là một tôi tớ cho dân Y-sơ-ra-ên, tuy nhiên Kinh Thánh cho biết Ê-li-sê còn phục vụ họ nhiều hơn thế nữa. Sau sự kiện nước sông Giô-đan rẽ ra hai bên, có ít nhất mười lăm phép lạ khác được quy cho Ê-li-sê, kể cả một phép lạ xảy ra tại mộ của ông sau khi vị tiên tri này đã chết (2 Các vua 13:20-21). Ông chữa lành nguồn nước tại thành Giê-ri-cô và nhờ đó phục hồi khả năng sinh sản của đất. Ông cung cấp nước cho quân đội và thú vật của nhà vua và cũng qua đó giúp họ đánh thắng quân Mô-áp.

Cũng giống như tiên tri Ê-li, Ê-li-sê đã giúp đỡ cho một góa phụ nghèo bằng cách hóa ra nhiều dầu trong bình để bà đổ dầu ấy vào các bình khác, ngoài ra ông cũng chữa lành cho một phụ nữ hiếm muộn để bà sinh một con trai. Khi đứa con trai ấy chết, Ê-li-sê đã khiến cho đứa bé sống lại. Trong trường tiên tri tại Ghinh-ganh, ông đã chữa lành cho món thịt hầm bị nhiễm độc đồng thời hóa bánh và lúa mạch cho hàng trăm người ăn. Một phép lạ vĩ đại của Ê-li-sê đó là chữa cho Na-a-man được lành bệnh phong, tuy nhiên Ê-li-sê cũng đã khiến cho chính đầy tớ của mình là Ghê-ha-xi bị nhiễm bệnh phong bởi vì tội tham lam.

Một trong số các trường tiên tri phải mở rộng cơ sở và trong thời gian thi công một sinh viên đã đánh mất chiếc lưới riu mà người ấy đã mượn, nhưng Ê-li-sê đã khiến cho chiếc lưới riu ấy nổi lên mặt nước để có thể lấy lại được. Ông khiến quân đội A-ram bị mù lòa nhưng mở mắt cho người đầy tớ của mình để thấy các đạo quân thiên sứ đang bảo vệ ông. Ông không giết các binh lính bị bắt nhưng đã đổi đổi với họ đầy nhân từ và cho họ trở về nhà. Ê-li-sê dự báo về thời gian con đói kém sẽ kết thúc tại thành phố Sa-ma-ri lúc này đang bị vây hãm, và lời tiên tri này được

ứng nghiệm khi quân đội A-ram kinh hãi trước tiếng động từ trời mà bỏ trốn. Lúc sắp lia dùi, Ê-li-sê đã ban quyền phép để vua Giô-ách có được ba chiến thắng trước người A-ram (2 Các vua 13:14-19). Một xác chết đựng vào hài cốt Ê-li-sê trong mồ thì được sống lại!

Tất cả mọi điều này thể hiện một tấm lòng thương xót và sự quan tâm đến nhu cầu của người khác. Lãnh đạo cần hy sinh và phục vụ bởi vì đây chính là dấu hiệu của một lãnh đạo chân chính. Chúng ta cần trở nên những lãnh đạo phục vụ và là những người tôi tớ ở vị trí lãnh đạo. Có thể bạn và tôi không có năng quyền thì hành các phép lạ giống như các tiên tri và môn đồ, tuy nhiên chúng ta vẫn có thể dùng những khả năng và nguồn lực của mình để phục vụ người khác và chúng ta có thể cầu nguyện. Trong các cấp bậc lãnh đạo của Hội Thánh ngày nay có quá nhiều người nổi tiếng nhưng lại có quá ít đầy tớ. Đức Chúa Giê-su phán rằng: “Ta ở giữa các người như kẻ hầu việc vậy” (Lu-ca 22:27), và Ngài chính là gương mẫu để chúng ta noi theo (Phi-líp 2:1-12).

Bài 36

GIÊ-SA-BÊN

Ai phạm tội lỗi là tôi mọi của tội lỗi.

Giăng 8:34

Không phụ huynh nào muốn con của họ bị gọi là Giê-sa-bên hoặc Giu-đa. Cả hai cái tên này đều quá ô nhơ đến nỗi không một ai muốn đặt cho con trẻ cái tên gọi đó – tên đầu tiên là của một hoàng hậu sát nhân và tên còn lại là của một môn đồ phản bội. Rất có thể quyền từ điển của bạn sẽ có từ vựng “Giê-sa-bên” với chú giải “vợ của vua A-háp, một người phụ nữ độc ác và vô liêm sỉ.” Từ điển chuyên đề của tôi có ba lần nhắc đến cái tên này, một lần thuộc nhóm “độc ác” và hai lần thuộc nhóm “dâm ô,” còn riêng tôi thì có thể liệt tên của bà vào một số nhóm từ vựng khác nữa. Nhưng trước khi kết tội bà và chồng của bà mà khoe khoang về chính mình, chúng ta hãy dừng lại để suy ngẫm một số bài học mà bà để lại, những bài học đầy nguy hại cũng giống như bản tính của bà. Sau hết, chúng ta cũng có thể nằm trong một số vùng nguy hiểm!

CON NGƯỜI CÓ THỂ CHỌN CÁI ÁC

Giê-sa-bên sinh ra trong một gia đình ngoại quốc, bà là con của Ết-ba-anh vua dân Si-đôn và cũng là thầy tế lễ cả của thần Ba-anh, nhưng đó không phải là điều khiến bà độc ác. Cũng giống như bao người khác, bà được sinh ra với bản tính tội lỗi, và bản tính ấy ngày một thể hiện rõ hơn khi bà lớn lên và bắt đầu có những quyết định. Quả thật, việc xuất thân trong một gia đình và một nền văn hóa tôn thờ một vị thần Ba-anh giả dối bản thiêu dễ khiến cho bà xuôi theo, tuy nhiên thậm chí ngay tại xứ Phê-ni-xi với đầy sự thờ cúng hình tượng, Đức Chúa Trời vẫn luôn bày tỏ về chính Ngài. Giê-sa-bên có thể nhìn thấy bàn tay của Đấng Sáng Tạo qua thế giới xung quanh, và chắc chắn bà đã biết những điều Đức Giê-hô-va đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên trong quá khứ. Tại

thành Giê-ri-cô Đức Chúa Trời đã giải cứu kỳ nữ Ra-háp, và Ngài cũng có thể giải cứu Giê-sa-bên, song bà chọn trở nên độc ác và không hối hận về quyết định của mình.

Khi Giê-sa-bên dời đến cung điện tại Sa-ma-ri, thủ đô của vương quốc phía bắc, bà đã đem theo 450 tiên tri Ba-anh và 400 tiên tri Ất-tạt-tê là vợ của thần Ba-anh, đồng thời hoàng hậu cũng đã dùng ngân sách triều đình để chu cấp cho các tiên tri này. A-háp xây một đền thờ cho Ba-anh và công bố tôn giáo mới này là quốc giáo của vương quốc. Dường như hầu hết thần dân Y-sơ-ra-ên đều chọn thờ cúng cho Ba-anh, bởi vì Chúa phán rằng chỉ có 7.000 người không quỳ gối xuống trước mặt Ba-anh (1 Các vua 19:18).

Đức Chúa Trời cho chúng ta có đặc ân được lựa chọn và đi cùng với đặc ân này đó là trách nhiệm to lớn. Mỗi một quyết định đều dẫn đến một kết quả, và một ngày trong tương lai Đức Chúa Trời sẽ đoán xét tất cả mọi quyết định và hậu quả của chúng ta. Chúng ta đừng nghĩ rằng ý muốn thiên thượng của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người chúng ta là hai kẻ thù đang chiến đấu với nhau, bởi vì đặc quyền được lựa chọn chính là một phần ảnh tượng mà chúng ta có nơi Đức Chúa Trời. Những Cơ Đốc Nhân tận hiến sẽ “nhờ một mình Đức Chúa Giê-su Christ mà cai trị” (Rô-ma 5:17), nghĩa là chúng ta đồng ngồi trên ngai cùng với Chúa, cùng đưa ra những quyết định và thi hành những quyết định ấy. Đức Chúa Giê-su hành động trong và qua chúng ta, Ngài không làm thay chúng ta, cũng không bắt chấp sự lựa chọn của chúng ta.

CHỦ TÂM CHỌN CÁI ÁC SẼ DẪN ĐẾN SỰ TRÓI BUỘC

A-háp, vua của vương quốc phía bắc, biết tính cách và đạo thờ cúng hình tượng của Giê-sa-bên, và đó chính là lý do ông chọn bà làm hoàng hậu. A-háp và Giê-sa-bên là đôi bạn có cùng tâm hồn và tội lỗi. Một lý do khác cho cuộc hôn nhân này đó là lý do chính trị: bởi vì cưới con gái của Êt-ba-anh. A-háp đóng ấn một hiệp ước hòa bình với dân Si-đôn và khiến họ trở thành đồng minh. Trước mặt Chúa, A-háp đã bán mình cho cái ác, và ảnh hưởng xấu xa của người vợ chỉ càng khiến ông trở nên nô lệ cho cái ác (1 Các vua 21:20, 25). Cả vua và hoàng hậu đã đưa Y-sơ-ra-ên lâm vào những ngày tháng đen tối nhất của niềm tin và sự vâng lời.

Kinh Thánh sử dụng nhiều hình ảnh để nói về tội lỗi – sự tối tăm, bệnh tật, nợ nần, sự ô uế và thậm chí là sự chết – nhưng hậu quả của tội lỗi chính là sự trói buộc. Giê-sa-bên và A-háp đã chủ tâm bán mình vào sự trói buộc, và càng chối bỏ lẽ thật trong luật pháp Đức Chúa Trời thì cảnh nô lệ của họ càng tệ hơn, nhưng họ lại nghĩ đó là tự do! Tội lỗi luôn hứa sự tự do nhưng cuối cùng lại dẫn đến cảnh nô lệ (2 Phi-e-rơ 2:19).

Một châm ngôn quen thuộc nói rằng:

Gieo một suy nghĩ gặt một hành động.

Gieo một hành động gặt một thói quen.

Gieo một thói quen gặt một tính cách.

Gieo một tính cách gặt một số phận.

Lịch sử thế tục và lịch sử Kinh Thánh đều minh chứng cho nguyên tắc trên, bất kể bạn xem xét tiểu sử của A-háp, Giê-sa-bên, Sam-sôn, vua Sau-lơ, vua Đa-vít hay của Giu-đa. “Kẻ hung dữ sẽ bị gian ác mình bắt phải, và bị dây tội lỗi mình vắn buộc lấy” (Châm. 5:22), và chỉ duy Đức Chúa Giê-su Christ có thể giải phóng chúng ta khỏi sự trói buộc của tội lỗi (Giăng 8:32, 36). Bởi đức tin mà nhận biết Đức Chúa Giê-su cách cá nhân, tiếp nhận và vâng giữ lẽ thật của Chúa chính là con đường chắc chắn duy nhất để chúng ta tránh khỏi cạm bẫy của Sa-tan. “Tôi cũng sẽ bước đi thông dong, vì đã tìm kiếm các giềng mối Chúa” (Thi. 119:45).

CÁI ÁC LAN TRÀN VÀ TÀN PHÁ

Trong vương quốc của A-háp có ba dạng thần dân: một là vui vẻ thờ cúng Ba-anh, hai là những người bề ngoài thì thờ cúng Ba-anh bên trong nhưng bí mật thờ phượng Đức Giê-hô-va, và thứ ba là những người công khai thờ phượng một mình Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài chính là Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật. Giê-sa-bên đã giết rất nhiều tiên tri của Chúa (1 Các vua 18:13), chính vì thế không còn nhiều lãnh đạo thuộc linh chân thật những người trung tín ít ỏi còn sót lại, song dù có nhiều khó khăn nhưng họ vẫn luôn trung tín. Qua câu chuyện A-háp có thể “sắp đặt” cho Na-bốt làm quan, khiến ông bị giết và rồi tịch thu vườn nho của ông (1 Các vua 21) chứng minh đa số người dân trong vương quốc phía bắc không thích vâng theo luật pháp Chúa. Cái ác lan từ người sang người và đem đến sự hủy phá.

Lần đầu tiên dân Y-sơ-ra-ên tiếp xúc với thần Ba-anh của người Ca-na-an tại Mô-áp, ở biên giới Ca-na-an. Khi ấy người Mô-áp mời người Do Thái cùng tham dự một bữa tiệc đặc biệt (Dân. 25). Thờ lạy Mô-áp là một hành động không vâng lời đầy trắng trợn của người Y-sơ-ra-ên đến nỗi Đức Chúa Trời đã khiến một tai vạ làm chết 24.000 người Do Thái, và lãnh đạo các chi phái đã đầy can đảm mà giết nhiều người đang thỏa sức làm điều vô luân và thờ lạy hình tượng. Khi nhớ về cơn khủng hoảng ấy lẽ ra dân sự trong thời Giê-sa-bên đã không đi theo thần Ba-anh. Ba-anh cũng xuất hiện trong thời các quan xét (Các. 2:11; 3:7; 8:33), và trước khi vương quốc được thành lập trong thời Sa-mu-ên, người Do Thái đã dẹp bỏ hình tượng Ba-anh (1 Sa-mu-ên 7:4). Từ thế hệ này đến thế hệ khác, các tiên tri đều phải kêu gọi dân Do Thái từ bỏ sự thờ cúng Ba-anh mà quay trở về với Đức Chúa Trời.

Ngày nay vấn đề trên có được cải thiện trong các Hội Thánh hay không? Giống như men trong đồng bột, những sự dạy dỗ sai lạc đã bí mật len lỏi vào Hội Thánh và ngấm ngấm phát triển cho đến một ngày trên bục giảng và trong các lớp học Kinh Thánh sự dối trá đã thay thế lẽ thật. Điều tệ hại hơn nữa đó là những đời sống giả dối. Những người đi thăm dò ý kiến đã phát biểu rằng nhiều Cơ Đốc Nhân tự xưng có những giá trị sai lầm và phạm những tội lỗi đáng kinh thường không khác gì con người thế gian. Giê-sa-bên đã chết nhiều thế kỷ trước nhưng niềm tin và hành động của bà thì vẫn còn ở với chúng ta và đầu độc Hội Thánh! Đức Chúa Giê-su cảnh báo Hội Thánh Thi-a-ti-rơ rằng có một Giê-sa-bên đang ở giữa họ và đang làm chính những công việc mà hoàng hậu Giê-sa-bên khi xưa đã làm: xúi giục tín hữu thỏa hiệp giữa đức tin với sự thờ lạy các

thần khác và sống vô luân (Khải 2:18-29). Chúa gọi những sự dạy dỗ đó là “điều sâu hiểm của quỷ Sa-tan” (c. 24). Hãy tưởng tượng một tín hữu tìm kiếm một “cuộc sống sâu xa hơn” với ma quỷ!

Chúng ta cần phải cẩn trọng không để Giê-sa-bên hoặc A-háp lên vào Hội Thánh địa phương mà làm ô uế Hội Thánh bằng những sự dạy dỗ sai trái và lối sống không kính sợ Chúa.

SỰ GIAN ÁC VÀ NHỮNG VIỆC LÀM CỦA CHÚNG SẼ BỊ ĐOÁN XÉT

Trong hai mươi hai năm trị vì của vua A-háp, có những lúc người trung tín trong vương quốc này đã nghĩ rằng đức tin thật sẽ biến mất mãi mãi, và đó là điều mà nhà thơ James Russell Lowell đã diễn tả trong bài thơ “Khủng Hoảng Hiện Tại” rằng: “Lẽ thật mãi mãi trên đoạn đầu đài, sai trái mãi mãi trên ngai.” Tuy nhiên Chúa không bao giờ từ bỏ dân sự của Ngài, rồi đến một ngày vua A-háp “vô tình” bị giết trên chiến trường (1 Các vua 22:29-38) còn hoàng hậu Giê-sa-bên thì bị ném ra ngoài cửa sổ và bị ngựa giẫm đạp đến chết (2 Các vua 9:30-37). Sau đó vua Giê-hu quét sạch hậu tự của vua A-háp cũng như các thầy tế lễ Ba-anh. Sự chết của A-háp cùng vợ mình và cả dòng họ của ông đều bị tiêu diệt đã được Ê-li (1 Các vua 21:17-26) và một tiên tri vô danh khác báo trước (2 Các vua 9:1-10, 30-37).

Đôi khi Đức Chúa Trời đoán phạt kẻ ác trong đời của họ, nhưng không phải lúc nào cũng thế. Rất nhiều người không tin kính Chúa và kiêu ngạo dường như được thoát khỏi luật pháp con người lẫn con thành nộ của Chúa mà qua đời một cách bình an, để lại gia sản giàu có cho con cái của họ. Song không tội nhân nào thoát được sự đoán xét sau cùng khi Quyền Sách được mở ra và công việc của họ sẽ bị đoán xét. Giống như những việc ác của A-háp và Giê-sa-bên, những công việc của tội nhân lạc mất sẽ gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến con người nhiều năm về sau, và người ta sẽ nhìn thấy tất cả hậu quả của tội lỗi trong ngày chung cuộc của thế gian khi thời gian không còn nữa. Nguyên tắc này cũng được áp dụng cho việc lành của con cái Chúa. Hạt giống mà dân sự của Đức Chúa Trời đã gieo qua nhiều thế kỷ sẽ tiếp tục kết quả và Đức Chúa Trời sẽ trọng thưởng cho đầy tớ của Ngài tại tòa án Đấng Christ. Bạn sẽ không bao giờ biết hết được mọi điều tốt lành mà bạn đang làm để hầu việc Đức Chúa Giê-su Christ, chính vì thế hãy bước đi và làm việc bởi đức tin chứ không bởi mắt thấy.

Còn đối với những A-háp và Giê-sa-bên trong thời hiện đại, chúng ta hãy giao phó họ cho Chúa, hãy nhìn xem Đức Chúa Giê-su Christ và đừng rời khỏi công tác mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi bạn bước vào.

Bài 37

GIÔ-NA

Tội lỗi các ngươi ngăn trở các ngươi được phước.

Giê-rê-mi 5:25

Có lẽ chúng ta sẽ nói về tiên tri Giô-na và hành động đại dốt của ông bằng những lời lẽ mà các môn đồ đã nói với Đức Chúa Giê-su khi Ma-ri dâng Ngài một món quà xa xỉ: “Sao phí của như vậy?” Hiển nhiên Giô-na là một tiên tri không nêu gương tốt, người đã làm mất giá trị bản thân khi không vâng lời Chúa và lãng phí những cơ hội Chúa ban cho ông. Tuy nhiên đó là điều sẽ xảy ra khi chúng ta chống nghịch Chúa và chọn đi theo ý riêng. Chúng ta sẽ phải trả một cái giá rất đắt.

Giô-na là thầy tế lễ của vua Giê-rô-bô-am đệ nhị, người cai trị vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên trong bốn mươi một năm. Giê-rô-bô-am đã mở rộng bờ cõi đất nước – theo như lời tiên tri Giô-na đã báo trước – nhưng ông cũng làm theo gương xấu của một vua cùng tên mà “làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va” (2 Các vua 14:23-24). Vương quốc Y-sơ-ra-ên có được sự an ninh về chính trị, thịnh vượng về kinh tế nhưng lại sụp đổ về thuộc linh. Vì dân sự không quan tâm đến đức tính xấu của nhà vua nhưng tập trung vào những thành tựu vĩ đại của ông cho nên họ không nhìn thấy được “sự thịnh vượng” của họ chỉ là một chiếc vỏ bọc mỏng manh che giấu một nền móng đang bị mục nát nhanh chóng.

Quay trở lại với Giô-na. A-si-ry là một thế lực đang lên trong thời của ông, và Đức Chúa Trời kêu gọi ông đi đến thành Ni-ni-ve, thành phố then chốt của A-si-ry, mà cảnh báo cho họ rằng trong bốn mươi ngày nữa Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt thành phố của họ. Chính vì biết rõ lòng thương xót của Đức Chúa Trời, đồng thời là một người giảng đạo nổi tiếng trong cung vua và là một người Do Thái yêu nước, Giô-na không muốn nhìn thấy thành Ni-ni-ve được tha thứ, và vì thế ông đã rời bỏ nhiệm vụ là một tiên tri mà đi con đường ngược lại để đến thành Ta-rê-si tại Tây Ban Nha. Trong những ngày sau đó, Giô-na đã lãng phí ba cơ hội tuyệt vời.

GIÔ-NA BỎ LỠ CƠ HỘI LÀM ĐẸP LÒNG CHÚA

Giô-na hành xử giống như người con trai hoang đàng ở đất nước phương xa: lãng phí tài sản thừa kế và làm đau lòng cha (Lu-ca 15:11-32). Đầu tiên Giô-na đã lãng phí sự kêu gọi lớn và thánh của một tiên tri của Đức Chúa Trời. Giô-na có đặc ân được đi cùng Chúa và học biết những sự kín giấu của Ngài, tuy nhiên ông đã từ bỏ đặc ân ấy mà lên tàu đi Ta-rê-si. Đức Chúa Trời đã không phán cùng Giô-na như trước nữa; ngược lại Ngài sai con bão khiến mọi người đều chú ý đến, ngoại trừ Giô-na bởi vì ông đang ngủ! Khi thức dậy Giô-na đã nhớ đến Thi thiên 29?

Tiếng Đức Giê-hô-va dội trên các nước;

Giê-hô-va Đức Chúa Trời vinh hiển sấm sét;

Trên các nước sâu...

Đức Giê-hô-va ngự trên nước lụt;

Phải, Đức Giê-hô-va ngự ngôi vua đến đời đời.

(Câu 3, 10)

Đức Chúa Trời không còn là Vua của Giô-na nhưng chính ông đang cai trị cuộc sống của mình. Quả là một ngày đáng buồn nếu tính bướng bỉnh khiến chúng ta không nghe thấy tiếng nói yêu thương của Đức Chúa Trời đến nỗi Ngài phải sai một con bão để đánh thức và làm cho chúng ta phải suy nghĩ. Giô-na đã đánh mất giá trị. Ông không còn là người của Đức Chúa Trời nhưng chỉ là một hành khách bình thường trên con tàu. Ông đánh mất tiếng nói của Đức Chúa Trời, đánh mất năng quyền trong sự cầu nguyện và sự làm chứng của ông cho Chúa.

Sự việc không chỉ dừng lại ở đó. Là một người Do Thái, Giô-na đáng ra phải là một nguồn phước bởi vì tuyên dân được dự phần trong giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham: “Ta sẽ ban phước cho ngươi... và ngươi sẽ thành một nguồn phước” (Sáng 12:1-3). Nhưng thay vì đem đến phước hạnh, Giô-na đã gây ra một cơn bão khiến chiếc tàu suýt chút nữa thì bị đắm. Đây là điều thường xảy ra khi dân sự chống lại ý muốn Chúa. Hãy nghĩ về Áp-ra-ham trong giai đoạn ông đến Ai Cập (Sáng 12:10-20), A-can trên chiến trường (Giô-suê 7), và gia đình của Đa-vít sau khi ông phạm tội cùng Bát-sê-ba và sắp đặt cho chồng của bà bị giết (2 Sa-mu-ên 11-18). Cái tên Giô-na có nghĩa là “chim bồ câu,” song chắc chắn nhân vật Giô-na không phải là điềm báo cho sự bình an.

Giô-na tiếp tục hạ thấp chính mình mà tự xem bản thân như một món hàng hóa trên tàu! Ông nói rằng: “Hãy bắt lấy ta; hãy ném ta xuống biển, thì biển sẽ yên lặng cho các anh” (Giô-na 1:12). Các thủy thủ người ngoại còn thương xót cho Giô-na nhiều hơn lòng thương xót mà ông dành cho họ cũng như dân chúng thành Ni-ni-ve! Nhưng sự việc ngày một xấu hơn, “món hàng có tên Giô-na” đã biến thành thức ăn cho cá – và cuối cùng biến thành một đồ nôn mửa! Một người có thể xuống thấp đến mực nào? Mọi việc bắt đầu từ khi nào? Sự việc bắt đầu khi Giô-na chối bỏ ý muốn Chúa mà quyết định đi theo con đường của riêng mình.

Một khía cạnh quan trọng nhất trong đời sống Cơ Đốc đó chính là mối liên hệ giữa chúng ta với ý muốn của Đức Chúa Trời. Trong bài cầu nguyện chung, lời cầu xin quan trọng nhất chính là “ý cha được nên ở đất như trời,” bởi vì đây là cầu nối giữa lời cầu nguyện về Danh và vương quốc của Đức Chúa Trời với những lời cầu xin cho cá nhân chúng ta (Ma-thi-ơ 6:9-13). Chúng ta có quyền gì mà cầu xin Đức Chúa Cha ban cho thức ăn, sự tha thứ và sự dẫn dắt nếu chúng ta không thật sự quan tâm đến ý muốn của Ngài? Thời điểm duy nhất Giô-na muốn ý muốn Chúa đó là khi ông cầu nguyện để được giải cứu khỏi cơn cá lớn (Giô-na 2), và cũng giống như Giô-na, nhiều người chỉ tìm kiếm ý muốn Chúa khi gặp nguy nan.

Ý muốn Chúa đến từ tấm lòng và là sự giải bày tình yêu thương của Ngài. “Muru của Đức Giê-hô-va được vững lập đời đời, ý tưởng của lòng Ngài còn đời này sang đời kia” (Thi thiên 33:11). Chính vì thế, phớt lờ hoặc cố tình không vâng theo ý Chúa là chối bỏ tình yêu thương của Ngài và làm Chúa buồn lòng. Đức Chúa Giê-su phán rằng: “Như Cha đã yêu thương ta thế nào, ta cũng yêu thương các ngươi thế ấy; hãy cứ ở trong sự yêu thương của ta. Nếu các ngươi vâng giữ

các điều răn của ta, thì sẽ ở trong sự yêu thương ta, cũng như chính ta đã vâng giữ các điều răn của Cha ta, và cứ ở trong sự yêu thương Ngài” (Giăng 15:9-10).

Vâng theo ý Chúa thì được tôn lên; bất tuân ý Chúa thì bị hạ thấp.

GIÔ-NA BỎ LỖ CƠ HỘI CA NGỢI ÂN ĐIỂN CHÚA

Bởi ân điển, Đức Chúa Trời đã giữ cho Giô-na được sống trong bụng con cá lớn, Ngài lắng nghe ông cầu nguyện xin sự cứu giúp và giải cứu ông khỏi sự chết. Giô-na nhớ lại lời hứa trong 1 Các vua 8:46-51, hướng về đền thờ Giê-ru-sa-lem (Giô-na 2:4) và cầu xin Chúa tha thứ. Giống như điều những người không vâng phục ý Chúa thường làm khi cầu xin Chúa giúp đỡ, Giô-na có những lời hứa nguyện với Chúa. Ông nói rằng: “Tôi sẽ trả sự tôi đã hứa nguyện” (Giô-na 2:10), con cá lớn mửa Giô-na ra trên đất khô. Mặc dù Kinh Thánh không ghi lại đã có ai trông thấy phép lạ này xảy ra hay không, nhưng nếu thật đã có người trông thấy phép lạ này thì họ sẽ nhanh chóng đem tin ấy đến thành Ni-ni-ve và thành phố này sẽ được chuẩn bị để nhìn thấy và lắng nghe từ một người lạ khác thường này. Có lẽ ngoại hình của Giô-na đã bị thay đổi bởi vì ông đã ở trong bụng cá suốt ba ngày đêm và chắc chắn điều này sẽ thu hút sự chú ý của người khác. Giô-na giống như một người chết sống lại. Đức Chúa Trời giàu lòng ân điển đã ban cho ông một mạng lệnh mới và một thông điệp để gửi đến thành phố này. Chúng ta cần lưu ý rằng chủ đề chính của quyển sách này không phải là Giô-na, cũng không phải là con cá lớn hoặc thành phố Ni-ni-ve, nhưng là về Đức Chúa Trời. Con cá lớn được nói đến bốn lần, thành Ni-ni-ve chín lần, còn Giô-na mười tám lần, nhưng Đức Chúa Trời thì được nhắc đến ba mươi tám lần. Đây chính là câu chuyện về ân điển và lòng thương xót của Đức Chúa Trời.

Trong Giô-na 1 và 2, vị tiên tri này cư xử giống như Người con trai hoang đàng mà bỏ trốn và lãng phí những gì ông có, nhưng trong chương 3 và 4, Giô-na lại cư xử giống như người anh của người con trai hoang đàng (Lu-ca 15:25-32). Đầu tiên, ông vâng ý Chúa và hầu việc Ngài *chỉ vì ông buộc phải làm vậy*. Sự vâng lời của ông không bắt nguồn từ tấm lòng vui mừng đầy yêu thương, cũng không đến từ ý muốn đầu phục Chúa. Giống như người anh trai, Giô-na chỉ làm điều mà ông được truyền phải làm song động cơ của ông không tinh sạch. Tất nhiên, Giô-na không muốn bị Đức Chúa Trời sửa trị một lần nữa, và có lẽ ông đang mong rằng thành phố Ni-ni-ve sẽ không nghe lời mà phải bị diệt vong. Vâng ý Chúa nghĩa là “lấy lòng tốt làm theo ý muốn Đức Chúa Trời” (Ê-phê-sô 6:6), và đây chính là điều Giô-na thiếu.

Thông báo mà Giô-na công bố chính là một lời cảnh báo: “Còn bốn mươi ngày nữa, Ni-ni-ve sẽ bị đổ xuống!” (Giô-na 3:4). Theo Kinh Thánh ghi lại, Giô-na không hề nói đến sứ điệp ân điển hoặc sự tha thứ, tuy nhiên Chúa đã dùng những lời của Giô-na để cáo trách tội lỗi thành Ni-ni-ve và họ đã ăn năn mà quay về với Chúa trong đức tin. Nếu Giô-na thật sự biết ơn ân điển của Đức Chúa Trời và có động lực từ tình yêu thương của Chúa thì Giô-na đã kể cho dân thành này biết những việc Chúa làm cho ông, nhưng chúng ta không đọc thấy lời làm chứng của ông. Giống như người anh trong câu chuyện người con trai hoang đàng, Giô-na chỉ làm công việc của mình, không hơn không kém.

Tuy vậy Đức Chúa Trời chấp nhận sự ăn năn và đức tin của thành Ni-ni-ve! Đó chính là ân điển! Có thể Giô-na đã kỳ vọng Đức Chúa Trời sẽ đòi hỏi dân thành này phải cải đạo mà trở nên giống như người Do Thái, phải hành hương đến đền thờ tại Giê-ru-sa-lem hoặc ít nhất phải có một phái đoàn các thầy tế lễ đến đây để dâng tế lễ. Một đầy tớ khác của Chúa đã được Ngài kêu gọi giảng đạo cho người ngoại đó là Phi-e-rơ lúc ông đang ở thành Giôp-bê, ông nhìn thấy một khái tượng: “có những thú bốn cẳng, đủ mọi loài, côn trùng bò trên đất, và chim trên trời. Lại có tiếng phán cùng người rằng: Hỡi Phi-e-rơ, hãy dậy, làm thịt và ăn. Song Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, chẳng vậy; vì tôi chẳng ăn giống gì dơ dáy chẳng sạch bao giờ.” (Công vụ. 10:13-14). Tuy nhiên khi Phi-e-rơ biết được rằng người ngoại quốc không cần phải trở nên giống như người Do Thái thì mới được làm Cơ Đốc Nhân, ông đã nói rằng: “Hết thảy các đẳng tiên tri đều làm chứng này về Ngài [Đức Chúa Giê-su] rằng hễ ai tin Ngài thì được sự tha tội vì danh Ngài,” và Cọt-nây, gia đình và bằng hữu của ông đều tin và được cứu (Công vụ 10:43-48).

Giô-na bị hẹp hòi và mù lòa, và cả hai điều này đều xa lạ với sứ điệp ân điển của Đức Chúa Trời. Là một người Do Thái yêu nước, Giô-na muốn nhìn thấy kẻ thù của Y-sơ-ra-ên phải bị tiêu diệt còn đất nước của ông thì được phước. Ông giảng một sứ điệp về sự đoán phạt sắp xảy đến, nhưng cả thành phố, dân chúng và thú vật đều ăn năn và quay về với Chúa. “Nơi nào tội lỗi đã gia thêm, thì ân điển lại càng dư dật hơn nữa” (Rô-ma 5:20).

GIÔ-NA BỎ LỠ CƠ HỘI TRƯỞNG THÀNH TRONG TÌNH YÊU THƯƠNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

“Bấy giờ Giô-na rất không đẹp lòng, và giận dữ” (Giô-na 4:1). Thay vì dành thời gian hướng dẫn các tân tín hữu có sự hiểu biết về Chúa, Giô-na đã bỏ rơi họ và ngồi dưới một cái chòi mà ông tự dựng lên cho mình ở phía đông thành phố. Có lẽ Giô-na hy vọng rằng Ni-ni-ve sẽ làm điều gì đó chọc giận Chúa và Ngài sẽ hủy diệt họ. Người anh trai trong câu chuyện ngụ ngôn của Đức Chúa Giê-su đã rất giận dữ bởi vì người em trai hoang đàng được chào đón và tha thứ khi trở về nhà, không những thế, đứa em còn có giày mới, nhẫn mới, chiếc áo tốt nhất của cha và một bữa tiệc linh đình được tổ chức. Người anh trai ngoan ngoãn vẫn luôn mong muốn có được bữa tiệc ấy nhưng giờ đây tiệc được tổ chức cho đứa em trai và bạn bè của nó.

Nếu Giô-na trung tín mà thi hành chức vụ cho dân thành Ni-ni- thì chắc hẳn ông đã có được cái nhìn sâu sắc hơn về tình yêu thương của Đức Chúa Trời đồng thời phát triển những đức tính tin kính Chúa. Thực ra, Giô-na cần Ni-ni-ve cũng như Ni-ni-ve cần ông. Nhờ chức vụ với Cọt-nây và gia đình của ông tại thành Sê-sa-rê, Phi-e-rơ đã học được những lẽ thật mới về Chúa và lớn lên trong tâm vóc thuộc linh, và lẽ ra Giô-na cũng đã được tăng trưởng như thế. Nhưng thay vì trở nên *giống như con trẻ* mà phục vụ người khác, Giô-na trở nên như *một đứa trẻ* mà bấu víu và phàn nàn. Ông tiếc nuối cho đây bầu bị héo úa và chết đi nhưng không tiếc cho hàng ngàn người trong thành – cùng bầy súc vật của họ - sẽ bị tiêu diệt khi Đức Chúa Trời phá hủy thành Ni-ni-ve. Thật Giô-na đã bỏ lỡ một cơ hội lớn là đường nào!

Nếu chúng ta vâng lời Chúa trong những việc khó thì chúng ta sẽ học được những lẽ thật tuyệt vời nhất mà Ngài muốn chúng ta học, cũng như tăng trưởng trong tâm linh và trở nên như giống như Đức Chúa Giê-su Christ. Đừng bỏ lỡ các cơ hội của mình. Chúng sẽ không quay trở lại một lần nữa.

Ma-thi-ơ 12:38-42 dùng một hình ảnh trong Cựu Ước đó là Giô-na được cứu khỏi con cá lớn để nói về sự phục sinh của Đức Chúa Giê-su. Giô-na minh họa cho hình ảnh Đức Chúa Giê-su là một Đầy tớ chịu đau khổ khi Ngài trải qua sự chết, chôn và phục sinh. Đây quả thật là ân điển Chúa! Chắc chắn Giô-na không xứng đáng để được chọn làm hình ảnh cho Con Đức Chúa Trời, nhưng Ngài vẫn chọn ông. Ma-thi-ơ 12 nói rằng Đức Chúa Giê-su là Đáng tôn trọng hơn Giô-na (c. 41), tôn trọng hơn đền thờ (c. 6) và tôn trọng hơn vua Sa-lô-môn (c. 42) bởi vì Ngài chính là Tiên tri, Thầy tế lễ và Vua.

Phi-e-rơ và các sứ đồ khác đã dùng dấu hiệu của Giô-na để giảng trong sách Công vụ các sứ đồ (2:22-26, 32; 3:15; 5:30-32; 10:39; 13:26-37), và đây cũng chính là trọng tâm của sứ điệp phúc âm (1 Cô 15:1-8).

Chắc chắn Đức Chúa Giê-su “tôn trọng hơn Giô-na” về thân vị, bởi vì muôn đời Ngài chính là Con Đức Chúa Trời, và về sứ điệp, bởi vì thông điệp của Đức Chúa Giê-su là thông điệp cứu rỗi, không phải thông điệp đoán phạt. Giô-na có một thông điệp cho một thành phố, nhưng thông điệp của Đức Chúa Giê-su dành cho cả thế gian. Giô-na không chết, nhưng Đức Chúa Giê-su đã chết, được chôn và sống lại từ cõi chết như lời Ngài đã hứa. Sự chết của Giô-na không thể giải cứu con người, nhưng Đức Chúa Cha đã ban Đức Chúa Con dâng làm Cứu Chúa thế gian (1 Giăng 4:14). Giô-na bằng lòng bị ném khỏi tàu và chết vì tội lỗi của mình, nhưng Đức Chúa Giê-su sẵn lòng chịu chết vì tội lỗi của thế gian – nhưng trong Ngài không hề có tội lỗi! Giô-na miễn cưỡng đến Ni-ni-ve, song Đức Chúa Giê-su tình nguyện rời thiên đàng đến thế gian để bày tỏ tình yêu thương và ân điển của Đức Chúa Trời cho chúng ta. Giô-na chỉ cầu nguyện cho riêng ông, nhưng Đức Chúa Giê-su cầu nguyện cho kẻ thù của Ngài: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (Lu-ca 23:34). Đức Chúa Trời dung thứ cho Giô-na nhưng không dung thứ cho Con một của Ngài. Ngược lại, Đức Chúa Trời đã ban Đức Chúa Giê-su để chết vì chúng ta (Rô-ma 8:32).

Vì lãng phí những cơ hội của mình, Giô-na ngày một trở nên hạ thấp xuống, nhưng Đức Chúa Trời vẫn sử dụng ông để làm hình ảnh cho chính Con Ngài trong sự chết, chôn và phục sinh! Ân điển Ngài vĩ đại làm sao!

Nếu tôi gửi đến nhà xuất bản một bản thảo giống như sách Giô-na, rất có thể họ sẽ trả lại sách mà hỏi rằng: “Kết thúc đâu?” Sách Giô-na kết lại bằng một câu hỏi của Đức Chúa Trời dành cho Giô-na, nhưng chúng ta không biết Giô-na trả lời ra sao. Có phải ông đã ăn năn và học được bài học quan trọng chính là Đức Chúa Trời có thể cứu người ngoại quốc cũng như những người Do Thái và họ không cần phải trở nên giống như người Do Thái để được cứu? (Đây là một vấn đề lớn gây tranh cãi tại giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem được ghi lại trong Công vụ 15.) Có phải Giô-na

đã ăn năn sự giận dữ và hẹp hòi của mình mà trở về quê hương với một tấm lòng yêu thương? Hy vọng là thế nhưng chúng ta không thể biết chắc. Chúng ta không thể tác động đến quyết định của Giô-na nhưng chúng ta có thể thay đổi quyết định của chính mình. Có phải những con người lạc mất khiến chúng ta cảm thấy phiền toái hay nặng lòng? Phải chăng chúng ta mong muốn Đức Chúa Trời hủy diệt họ, hay là chúng ta cầu nguyện để Ngài giải cứu họ? Chúng ta có tin rằng ân điển của Đức Chúa Trời đủ để cứu dù là những tội nhân tồi tệ nhất?

Chúa ... không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn.

2 Phi-e-rơ 3:9

Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa chúng ta... muốn cho mọi người được cứu rỗi và hiểu biết lẽ thật.

1 Ti-mô-thê 2:3-4

Giữa hai câu Kinh Thánh trên là khoảng trống cho tất cả mọi người. Đây là Ni-ni-ve của bạn, và bạn có sẵn lòng đi đến đó không?

Bài 38

Ê-SAI

Ê-sai nói điều đó, khi thấy sự vinh hiển của Ngài và nói về Ngài.

Giăng 12:41

Trong câu Kinh Thánh trên, sứ đồ Giăng muốn nhắc đến một trải nghiệm khiến cuộc sống của Ê-sai được thay đổi hoàn toàn. Trải nghiệm ấy được ghi lại trong Ê-sai 6 và ngay bây giờ chúng ta hãy dành thời gian để đọc chương Kinh Thánh quan trọng này.

Ê-sai là “con trai A-mốt,” điều này được nhắc đến mười ba lần trong Cựu Ước. Vậy cha của Ê-sai là một người có tiếng tăm trong cộng đồng Do Thái và rất có thể ông đã giữ một vị trí nổi bật trong chính quyền. Có lẽ vì thế mà Ê-sai đã dễ dàng tiếp xúc với các vị vua cùng những quan chức khác.

Tuy nhiên, người quan trọng hơn đó chính là Vị Vua mà Ê-sai đã nhìn thấy trong khái tượng về nước thiên đàng. Sứ đồ Giăng nói rất rõ rằng Ê-sai đã nhìn thấy Đức Chúa Giê-su, Con Đức Chúa Trời. Áp-ra-ham đã nhìn thấy Đức Chúa Giê-su là một khách bộ hành (Sáng 18), Gia-cóp nhìn thấy Ngài ở đầu một cái thang bắc từ dưới đất, đầu đến tận trời (Sáng 28:10-22; Giăng 1:51), và Giô-suê thì nhìn thấy Ngài là một tướng đạo binh (Giô-suê 5:13-15). Tuy nhiên, cũng giống như trải nghiệm của sứ đồ Giăng được ghi lại trong Khải Huyền 4-5, Ê-sai được phép nhìn thấy ngôi vinh quang trên thiên đàng và thấy Con Đức Chúa Trời đang cai trị đây vinh hiển.

Khung cảnh này bày tỏ bốn lẽ thật về Đức Chúa Trời: Ngài “ngự trên ngôi rất cao,” Ngài rất thánh khiết, Ngài rất vinh hiển, và Ngài tể trị. Tuy nhiên nếu Đức Chúa Trời được tôn lên rất cao thì làm thế nào chúng ta đến được với Ngài? Nếu Ngài là thánh khiết thì làm sao Chúa có thể tiếp nhận những tội nhân như chúng ta? Nếu Chúa rất vinh hiển thì tại sao Ngài lại quan tâm đến những điều thuộc về đất thấp và chẳng có sự vinh hiển này? Và nếu Đức Chúa Trời là Đấng tể trị thì Ngài cần gì ở những tạo vật yếu đuối như chúng ta? Đức Chúa Giê-su Christ là đáp án cho mọi câu hỏi trên.

ĐỨC CHÚA TRỜI NGỰ TRÊN NGÔI RẤT CAO, NHƯNG NGÀI ĐÃ ĐẾN VỚI CHÚNG TA QUA ĐỨC CHÚA GIÊ-SU CHRIST (Ê-sai 6:1-4)

Giăng đã viết rằng: “Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời; chỉ Con một ở trong lòng Cha, là Đấng đã giải bày Cha cho chúng ta biết. (Giăng 1:18), và Đức Chúa Giê-su đã phán rằng: “Ai đã thấy Ta, tức là đã thấy Cha” (Giăng 14:9). Duy nhờ Đức Chúa Giê-su chúng ta mới có thể đến được cùng Cha.

Đức Chúa Giê-su nhập thể làm người, Ngài đã đến với thế giới này trong hình hài một con người và sống như một tôi tớ để bày tỏ Đức Chúa Cha và chịu chết trên thập giá. Ê-sai đã viết về sự giáng sinh diệu kỳ của Ngài. “Này, một gái đồng trinh sẽ chịu thai, sanh ra một trai, và đặt tên là Em-ma-nu-ên [Đức Chúa Tri ở cùng chúng ta]” (Ê-sai 7:14; Ma-thi-ơ 1:23). “Vì có một con trẻ sanh cho chúng ta [nhân tính của Đức Chúa Giê-su], tức là một con trai ban cho chúng ta [thần tính của Đức Chúa Giê-su]” (Ê-sai 9:5). “Có một chồi sẽ nứt lên từ gốc Y-sai, một nhánh từ rễ nó sẽ ra trái. Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ngự trên Ngài” (Ê-sai 11:1-2).

Ê-sai cũng đã viết về chức vụ của Đức Chúa Giê-su bắt đầu từ chức vụ chứng đạo của Giăng Báp-tít. “Hãy mở đường trong đồng vắng cho Đức Giê-hô-va; hãy ban bằng đường cái trong đất hoang cho Đức Chúa Trời chúng ta!” (Ê-sai 40:3; Ma-thi-ơ 3:1-3). Ê-sai nhìn thấy Đức Chúa Giê-su là đầy tớ trung tín của Đức Chúa Trời: “Này, đây tớ ta đây, là kẻ ta nâng đỡ; là kẻ ta chọn lựa, là kẻ mà linh hồn ta lấy làm đẹp lòng... Người sẽ chẳng bẻ cây sậy đã giập, và chẳng dục tim đèn còn hơi cháy” (Ê-sai 42:1, 3; Ma-thi-ơ 12:18-21).

Ê-sai cũng đã viết về chức vụ giảng đạo của Đức Chúa Giê-su. “Thần của Chúa Giê-hô-va ngự trên ta; vì Đức Giê-hô-va đã xức dầu cho ta, đặt giăng tin lành cho kẻ khiêm nhường. Ngài đã sai ta đến đặt rịt những kẻ vỡ lòng, đặt rao cho kẻ phu tù được tự do, kẻ bị cầm tù được ra khỏi ngục; đặt rao năm ban ơn của Đức Giê-hô-va, và ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta; đặt yên ủi mọi kẻ buồn rầu” (Ê-sai 61:1-2). Đức Chúa Giê-su đã chọn phần Kinh Thánh này làm nền tảng cho sứ điệp của Ngài tại nhà hội thành Na-xa-rét, quê hương của Chúa (Lu-ca 4:16-21). Dân chúng ngưỡng mộ lời giảng dạy của Chúa nhưng họ lại chối bỏ Ngài và sứ điệp của Ngài. Chính Ê-sai cũng đã viết về điều này: “Ngài sẽ là nơi thánh, nhưng cũng là hòn đá vấp ngã, vầng đá vương mắc cho cả hai nhà Y-sơ-ra-ên” (Ê-sai 8:14). “Này, ta đặt tại Si-ôn một hòn đá để làm nền, là đá đã thử nghiệm, là đá góc quý báu, làm nền bền vững; ai tin sẽ chẳng gập rút” (Ê-sai 28:16; so sánh Thi thiên 118:22; Ma-thi-ơ 21:42-44; Rô-ma 9:33; 1 Phi-e-rơ 2:4-8).

Vâng, Đức Chúa Trời ngự trên ngôi rất cao, nhưng Đức Chúa Giê-su Christ chính là chiếc cầu bắc qua vực thẳm và khiến chúng ta có thể nhận biết và có mối thông công với Đức Chúa Cha. Con cái Đức Chúa Trời được mời gọi “đến gần ngôi ơn phước, hầu cho được thương xót và tìm được ơn để giúp chúng ta trong thì giờ có cần dùng” (Hê-bơ-rơ 4:16).

ĐỨC CHÚA TRỜI RẤT THÁNH KHIẾT, NHƯNG NGÀI THA THỨ TỘI LỖI CHO CHÚNG TA QUA ĐỨC CHÚA GIÊ-SU CHRIST (Ê-sai 6:5-7)

Ê-sai được lắng nghe các sê-ra-phim cùng nhau thờ phượng trước ngai Đức Chúa Trời rằng: “Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân!” Khi nền ngạch cửa rung động và đèn thờ đầy những khói, có lẽ tiên tri Ê-sai đã được gọi nhớ đến khung cảnh tại núi Si-nai khi Đức Chúa Trời ban cho Môi-se bảng đá luật pháp (Xuất 19:16-20; Hê-bơ-rơ 12:18-21). Kết quả là gì? Ê-sai tự thấy chính mình là một tội nhân mà la lên đầy sợ hãi rằng: “Khốn nạn cho tôi! Xong đời tôi rồi!” (Ê-sai 6:5).

Những sự kiện trong chương 6 xảy ra trước những sự kiện từ chương 1-5, chính vì thế Ê-sai nói rằng: “Khốn nạn cho tôi!” trước khi ông công bố các tai ương trong chương 5. Một nguyên tắc cần ghi nhớ đó là tiên tri Ê-sai đã phải đối diện với tội lỗi của chính ông trước khi đương đầu với dân sự về tội lỗi của họ. Khi đối diện với Đức Chúa Trời, cả Áp-ra-ham lẫn Gióp đều nhận rằng họ chỉ là “tro bụi” (Sáng 18:27; Gióp 42:6), còn Phi-e-rơ sau khi chứng kiến Đức Chúa Giê-su khiến lưới của ông đầy cá cách diệu kỳ thì nhận rằng ông là “người có tội” (Lu-ca 5:8).

Danh mà Ê-sai ưa thích xưng Đức Chúa Trời đó là “Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên,” Danh này xuất hiện hai mươi lăm lần trong sách của ông. Từ *thánh khiết* diễn tả ý tưởng về sự trong sạch, hiến dâng và biệt riêng (“khác biệt trọn vẹn”). Y-sơ-ra-ên phải trở nên một “dân tộc thánh” (Xuất 19:5-6), một dân tộc được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va và khác biệt với các dân tộc khác. Ê-sai biết rằng ông và dân tộc của ông không được thánh khiết, tuy nhiên còn hy vọng khác nào cho họ?

Vâng, vẫn còn hy vọng, bởi vì có một bàn thờ ở gần ngôi Đức Chúa Trời, và huyết của con sinh tể được đổ ra trên bàn thờ để chuộc tội lỗi con người. Vào ngày đại lễ chuộc tội hằng năm, thầy tế lễ thượng phẩm Do Thái sẽ lấy lư hương đầy than lửa đỏ trên bàn thờ trước mặt Đức Giê-hô-va và hương bột mà đem vào Nơi Chí Thánh của đền thờ, và ngọn khói hương sẽ bao phủ căn phòng. Kế đến thầy tế lễ thượng phẩm sẽ rảy huyết của con sinh tể trên nắp thi ân thì chính người sẽ được tinh sạch (Lê-vi ký 16:11-14). Sê-ra-phim từ ngôi Đức Chúa Trời lấy một hòn than lửa đỏ từ trên bàn thờ đặt vào miệng tiên tri Ê-sai thì ông được sạch và được tha tội. Cả đền thờ trở nên giống như Nơi Chí Thánh khi ngọn khói bao phủ đền thờ.

Tất cả mọi điều này đều chỉ về sự chết của Đức Chúa Giê-su Christ trên thập tự giá để chuộc tội lỗi thế gian, và Ê-sai đã viết rất nhiều về sự chết của Ngài. Vị tiên tri đã được mặc khải để mô tả sự thương khó, sự chết và làm nên vinh hiển của Đức Chúa Giê-su trên thập giá trong Ê-sai 52:13-53:12 trong “Bài ca của tôi tớ chịu đau khổ.” Cứu Chúa chúng ta chịu sỉ nhục và không có hình dung tốt đẹp (52:13-15), bị ghen ghét và chối bỏ (53:1-3), bị Đức Chúa Trời trừng phạt vì

tội lỗi chúng ta (53:4-6), nhưng Ngài đã vâng phục cho đến chết trên thập tự giá (53:7-9). Nhưng nhờ sự chết và phục sinh của Ngài, luật pháp thánh khiết của Đức Chúa Trời đã được thỏa mãn và tội nhân được xưng công bình!

Khi bạn kêu cầu sự cứu rỗi từ Đức Chúa Trời và tin cậy Đức Chúa Giê-su Christ, “lỗi người được bỏ rồi, tội người được tha rồi” (Ê-sai 6:7). Đức Chúa Trời rửa sạch mọi tội và khiến chúng ta “trở nên trắng như tuyết” (Ê-sai 1:18). Chúng ta được tha thứ tội lỗi (Ê-sai 33:24), Chúa đã ném mọi tội lỗi của chúng ta ra sau lưng Ngài (Ê-sai 38:17), Ngài không còn nhớ đến nữa (Ê-sai 43:25) và Ngài đã xóa tội lỗi của chúng ta như đám mây (Ê-sai 44:22). Ngài chính là “Chiên con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội lỗi thế gian đi” (Giăng 1:29).

ĐỨC CHÚA TRỜI ĐẦY VINH HIỂN, NHƯNG NGÀI ĐAU BUỒN VÌ THẾ GIỚI TỘI LỖI (Ê-sai 6:3b)

Thậm chí cho đến ngày hôm nay, các sê-ra-phim vẫn không ngừng kêu gọi nhau ngợi khen Đức Chúa Trời mà rằng: “Khắp đất đầy đầy sự vinh hiển Ngài!” *Đầy đầy* sự vinh hiển? Phải chăng đó là sự vinh hiển của Đức Chúa Trời? Có những thời điểm bạn và tôi sẽ cảm thấy những điều đang diễn ra trên trái đất thật không hề “đầy đầy sự vinh hiển Ngài” chút nào. Đường như chúng ta đang sống những ngày như thời Nô-ê, khi mà điều lớn lao của nhân loại chỉ là sự gian ác, và trái đất tràn đầy sự suy đồi và bạo lực (Sáng. 6:5-13). Trong thời tiên tri Ê-sai, Đức Chúa Trời buồn lòng khi nhìn thấy những con người có đạo đi đến đền thờ mang theo của tế lễ. Ngài thấy tay họ “đầy những máu” và cả thành phố chìm ngập trong sự bất công (Ê-sai 1:10-17). Rất nhiều người làm theo các hoạt động tôn giáo, nhưng ít ai quan tâm đến sự công chính của cá nhân và của đất nước. Đất nước Y-sơ-ra-ên được thịnh vượng, nhưng tâm linh của dân tộc thì nghèo thiếu, cả đất nước tràn đầy sự mê tín và thờ lạy hình tượng (Ê-sai 2:6-22). Có thật là “đầy đầy sự vinh hiển” không?

Những người thờ phượng trên thiên đàng không thể nói sai. Theo Rô-ma 1:18-20, “quyền phép đòi đòi và bổn tánh” của Đức Chúa Trời được bày tỏ rõ ràng qua sự sáng thế, và Đa-vít khẳng định rằng thiên nhiên công bố sự vinh quang của Đức Chúa Trời và ngày đêm rao truyền công việc của Ngài (Thi. 19:1-6). Điều này không có nghĩa Đức Chúa Trời không nhận biết điều gì đang xảy ra trên thế giới. “Đức Giê-hô-va ngự trong đền thánh Ngài; ngôi Ngài ở trên trời; con mắt Ngài nhìn xem, mí mắt Ngài dò con loài người” (Thi. 11:4). Con người tội lỗi không hề có sự vinh quang nhưng chỉ như hoa cỏ sống một thời gian ngắn rồi héo úa và chết đi (Ê-sai 40:6-8). Đức Chúa Trời tạo dựng chúng ta vì sự vinh hiển Ngài (Ê-sai 43:7), tuy nhiên “mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Rô-ma 3:23). Không ai là ngoại lệ.

Trong thời tiên tri Ê-sai, Đức Chúa Trời đau buồn vì tội lỗi của dân sự Ngài, còn ngày nay Ngài đau buồn vì tội lỗi của những người tự xưng là tín hữu, và Chúa cũng đau buồn về sự gian ác của thế giới. Đức Chúa Trời phán thông qua tiên tri Ê-sai rằng: “Người... lấy tội lỗi mình làm cho ta phiền, lấy sự gian ác làm cho ta nhọc” (Ê-sai 43:24). Đức Chúa Giê-su khóc cho thành Giê-ru-sa-lem, còn tấm lòng của Phao-lô thì tan vỡ vì sự mù lòa của người Y-sơ-ra-ên (Lu-ca 19:41-44;

Rô-ma 9:1-5). Tuy nhiên ngày nay có ai đau buồn vì thực trạng của xã hội và Hội Thánh? Nếu ngày nay Đức Chúa Trời sai một người như tiên tri Ê-xê-chi-ên để tìm kiếm có bao nhiêu người đang than khóc và đau buồn vì tội lỗi của dân sự Ngài, liệu ông sẽ tìm được bao nhiêu người (xem Ê-xê-chi-ên 9)?

Khi Đức Chúa Giê-su trở về cùng Đức Chúa Cha, Ngài không quay trở về với sự ngợi khen và vinh hiển của thiên đàng nhưng là để giúp dân sự của Ngài trên đất mở rộng vinh quang của Đức Chúa Trời qua việc chinh phục những người chưa tin và xây dựng Hội Thánh. Ngài ban Đức Thánh Linh đến với Hội Thánh để dạy dỗ chúng ta về Lời Chúa, ban năng quyền để chúng ta làm chứng và khiến chúng ta sống vì sự vinh quang của Đức Chúa Trời trong một thế giới đầy tội ác. Ngày nay, chính Đức Chúa Giê-su là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm được tôn cao đang trang bị cho các tông đồ của Ngài để làm theo ý muốn Chúa (Hê-bơ-rơ 13:20-21), và nếu không có Đấng Christ và Đức Thánh Linh thì chúng ta sẽ không thể làm được gì. Trong lời cầu nguyện của Đức Chúa Giê-su, điều đầu tiên Ngài cầu xin đó là: “xin làm vinh hiển Con, hầu cho Con cũng làm vinh hiển Cha” (Giăng 17:1). Khi Đức Chúa Giê-su trở lại, đó sẽ là một ngày vui mừng, “thế gian sẽ đầy đầy sự hiểu biết Đức Giê-hô-va, như các dòng nước che lấp biển” (Ê-sai 11:9).

Từ bây giờ cho đến khi ấy, chúng ta có một công việc phải làm đó là hầu việc Chúa.

ĐỨC CHÚA TRỜI NÂNG QUYỀN TỐI THƯỢNG, THÔNG QUA ĐỨC CHÚA GIÊ-SU CHÚNG TA CÓ THỂ HẦU VIỆC NGÀI (Ê-sai 6:8-13)

Có thể Ê-sai không ngạc nhiên khi lắng nghe các sê-ra-phim ngợi khen Đức Chúa Trời, bởi vì sự ngợi khen thờ phượng tràn ngập thiên đàng. Nhưng chắc hẳn ông đã kinh ngạc khi nghe tiếng Chúa hỏi rằng: “Ta sẽ sai ai đi? Ai sẽ đi cho chúng ta?” (Ê-sai 6:8). Phải chăng Đức Chúa Trời đầy quyền tể trị lại phải kêu gọi ai đó tình nguyện? Chẳng phải Ngài có quyền truyền lệnh để con người vâng theo ý chỉ của Ngài hay sao?

Khi Đức Chúa Giê-su thi hành chức vụ trên đất, Ngài đã sử dụng quyền năng thiên thượng và làm nhiều phép lạ. Gió và biển vâng lời Ngài, cá và chim vâng lời Ngài, bệnh tật và ma quỷ vâng lời Ngài, thậm chí sự chết cũng vâng lời Ngài. Nhưng đối với công việc chia sẻ Lời Chúa và mở rộng vương quốc Ngài, Đức Chúa Giê-su đã kêu gọi sự giúp đỡ từ những người tin và đi theo Ngài. Đức Chúa Giê-su mượn chiếc thuyền của Phi-e-rơ để giảng cho đám đông trên bờ biển. Những người phụ nữ hào phóng đã giúp của cải cho Chúa (Lu-ca 8:1-3). Phi-e-rơ câu một con cá, lấy một đồng tiền kim loại từ miệng nó để trả thuế đền thờ cho Chúa Giê-su. Một bé trai đã giúp Chúa giải thích ý nghĩa của sự khiêm nhường và phục vụ. Một người vô danh đã cho Chúa mượn con lừa của mình để Ngài cưỡi vào thành Giê-ru-sa-lem, và một người khác thì cho Ngài mượn căn phòng cao để dự lễ Vượt Qua. Một lũ khách từ xứ Sy-ren vác thập tự giá của Chúa, và một nghị viên tòa công luận đã chuẩn bị mộ phần cho thi hài Chúa.

Vâng, chính Đức Chúa Trời n đã hạ mình để cần sự giúp đỡ từ dân sự của Ngài. Chính Chúa của sự vinh hiển đã cho phép chúng ta giúp Ngài hoàn thành ý muốn và công việc Chúa trong thế gian này!

Tuy nhiên công việc Chúa không hề dễ dàng. Người nghe Lời Chúa không hiểu được thông điệp. Tầm lòng của họ đã chai sạn, đôi mắt họ mù lòa, và tai họ không nghe. Những lời tiên tri Ê-sai đã viết trong đoạn 6 câu 9-10 được Đức Chúa Giê-su trích dẫn lại trong Ma-thi-ơ 13:14-15; Mác 4:12 và Lu-ca 8:10; Giăng đã trích lại trong Giăng 12:39-41; và Phao-lô cũng đã trích lại trong Công vụ 28:25-27 và Rô-ma 11:8. Chúa không hứa với Ê-sai rằng đất nước sẽ được phồn hưng, nhưng ngược lại. Vương quốc Giu-đa sẽ suy tàn và dân sự sẽ bị bắt đi lưu đày, chỉ một số ít những người trung tín sẽ được ở lại. Nhưng dù số ít những người tin kính chỉ giống như gốc cây còn lại sau khi bị đốn (Ê-sai 6:13), từ gốc ấy sẽ ra một chồi, từ rễ nó sẽ ra một nhánh (Ê-sai 11:1). Đáng cứu rồi sẽ đến!

Ê-sai đã trung tín trong chức vụ của mình dù công tác của ông rất khó khăn và dễ nản lòng. Ông đã giảng Lời Chúa và viết một quyển sách tuyệt vời cho chúng ta ngày nay. Tương truyền Ê-sai đã từ đạo dưới thời vua độc ác Ma-na-se. Có lẽ Hê-bơ-rơ 11:37 nhằm nói đến sự kiện này. Vâng, Đáng cứu rồi đã đến! Ngài đã công khai đọc sách của tiên tri Ê-sai, Ngài lấy dẫn chứng từ trong sách ấy và Ngài đã làm trọn những lời tiên tri Ê-sai đã viết trước về sự giáng sinh, về chức vụ, về sự sống và sự chết của Ngài. Một ngày trong tương lai Chúa sẽ trở lại để hoàn thành lời tiên tri mà Ê-sai đã viết về vương quốc và sự vinh hiển của Ngài!

Ngày nay công tác Chúa vẫn rất khó khăn và người làm công trong nhà Ngài thì ít. Lòng người vẫn cứng cỏi và họ không muốn lắng nghe. Nhưng chúng ta phải trung tín.

Đức Chúa Cha chờ đợi chúng ta nói rằng: “Có tôi đây; xin hãy sai tôi.”

Bài 39

GIÊ-RÊ-MI

Ta sẽ nói và làm chứng cho ai, đừng họ nghe ta?

Giê-rê-mi 6:10

Năm 1936, khi ấy tôi chỉ mới học lớp hai nhưng vẫn có thể nhớ rõ nỗi lo âu từ trong gia đình và trên các mặt báo khi một cuộc chiến tranh đang âm ỉ tại Châu Âu. Vì tuổi quá nhỏ nên tôi không thể hiểu được tất cả mọi việc, tuy nhiên tôi vẫn có thể nghe được giọng nói đầy uy hiếp của Adolph Hitler phát ra từ chiếc radio hiệu Zenith đặt trong phòng khách và giọng người dẫn chương trình dịch lại phát biểu từ tiếng Đức sang tiếng Anh: “Hitler nói rằng: ...”

Cũng trong khoảng thời gian đó, một cuộc chiến đang diễn ra trong Quốc Hội Anh. Winston Churchill tranh đấu để các lãnh đạo đất nước hành động một cách hiệu quả hơn nhằm ngăn chặn Thế Chiến II xảy ra. Vào ngày 12 tháng 11 năm 1936, Churchill phát biểu: “Vậy họ [Quốc Hội Anh] cứ đi tiếp con đường nghịch lý lạ thường, họ quyết định rằng họ vẫn chưa nhất quyết, họ kiên quyết rằng họ vẫn đang phân vân, kỷ cương biến thành buông lỏng, cứng rắn biến thành

mềm yếu, và toàn quyền trở nên bất lực.” Kết quả sau đó là Churchill chiến thắng và quốc hội chấp nhận thông điệp của ông.

Tuy nhiên quay ngược về thế kỷ thứ sáu trước Công Nguyên, tiên tri Giê-rê-mi đã không được thành công như thế. Quân đội Ba-by-lôn hung bạo đã sẵn sàng đánh chiếm vương quốc Giu-đa, trong khi đó Giê-rê-mi đã nói cùng các lãnh đạo Do Thái về giải pháp của Đức Chúa Trời cho nan đề này đó là: hãy ăn năn tội lỗi, hạ mình quay về với Chúa và đầu hàng người Ba-by-lôn. Tuy nhiên các lãnh đạo đất nước đã do dự và rồi không nghe lời Giê-rê-mi. Nhà vua và nội các của ông tranh luận rằng: “Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ không để cho dân ngoại phá hủy thành thánh và đền thờ thánh của Ngài. Thật nực cười nếu đầu hàng người Ba-by-lôn bởi vì Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ tuyền dân của Ngài!” Thái độ lưỡng lự của họ chính là một quyết định và đây là một quyết định sai; chỉ trong vài năm, những điều mà các chính trị gia nói rằng sẽ không xảy ra thì đã xảy ra. Tại sao? Bởi vì họ không lắng nghe thông điệp từ tiên tri của Đức Chúa Trời.

Trong tiếng Hê-bơ-rơ, từ *Sa-mu-ê-na* nghĩa là “lắng nghe, nghe lời, vâng lời” và từ này xuất hiện gần hai trăm lần trong sách tiên tri Giê-rê-mi. Cũng giống như tiên tri Ê-sai, Giê-rê-mi nhanh chóng nhận ra rằng dân Giu-đa có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe (Giê 5:21; so sánh Êsai 6:9-10). Chắc chắn Giê-rê-mi đã kêu khóc mà rằng: “Ta sẽ nói và làm chứng cho ai, đừng họ nghe ta?”

Tuy nhiên Giê-rê-mi không bỏ cuộc. Trong bốn mươi năm, Giê-rê-mi đã trung tín công bố Lời Chúa cho dân tộc Giu-đa, một dân dui mù thuộc linh. Giê-rê-mi đã để lại một gương mẫu để chúng ta vâng theo ý Chúa mặc dù chúng ta không nhìn thấy được kết quả tích cực.

CHÚNG TA PHẢI LẮNG NGHE VÀ VÂNG LỜI KHI CHÚA PHÁN (Giê. 1)

Giê-rê-mi được sinh ra trong một gia đình thầy tế lễ tại thị trấn A-na-tốt, cách thành Giê-ru-sa-lem khoảng năm ki-lô-mét. Khi ông chuẩn bị bước vào tuổi trưởng thành và đã sẵn sàng để bắt đầu hầu việc Chúa với vai trò là một thầy tế lễ, nhưng Đức Chúa Trời kêu gọi ông trở thành một tiên tri. Ê-xê-chi-ên, Xa-cha-ri và Giăng Báp-tít cũng đều xuất thân từ chức tế lễ để trở thành tiên tri. So với tiên tri, chức vụ tế lễ khá dễ dàng bởi vì đã có các nghi thức và tất cả đều được giải thích trong các sách Mô-i-se. Công việc của một thầy tế lễ đó là bảo tồn quá khứ, trong khi nhiệm vụ của một tiên tri đó là thay đổi hiện tại để đảm bảo cho tương lai. Cả hai công tác trên đều quan trọng, nhưng công việc của thầy tế lễ thì dễ dàng hơn rất nhiều. Nhu cầu của các thầy tế lễ sẽ được đáp ứng bằng các của dâng hiến từ người dân, và họ sẽ không phải can thiệp vào chính trị hoặc phải đứng lên phát ngôn. Người dân tôn trọng thầy tế lễ nhưng thường chối bỏ, thậm chí giết các tiên tri. Trở thành người công bố sứ điệp của Đức Chúa Trời cho một dân tộc phản loạn là một thử thách đáng sợ cho một chàng trai trẻ đầy nhạy cảm, và không nghi ngờ gì, Giê-rê-mi đã bắt chước Mô-i-se mà kháng cự sự kêu gọi của Chúa.

Lần đầu tiên Đức Chúa Trời phán cùng ông, Giê-rê-mi lập luận rằng ông còn quá trẻ để đại diện Đức Chúa Trời trước dân sự. Dân chúng, đặc biệt là các lãnh đạo, sẽ không bao giờ nghe lời của một “con trẻ.” Tuy nhiên Đức Chúa Trời đảm bảo với Giê-rê-mi rằng trước khi ông được hoài

thai trong lòng mẹ, Ngài đã lập và trang bị để ông trở thành một tiên tri của Ngài. Ê-sai được một sê-ra-phim gấp viên than nóng đỏ lấy từ bàn thờ mà để vào miệng, nhưng chính Chúa đã chạm vào miệng Giê-rê-mi và ban cho ông lời để nói. Đức Chúa Trời cũng ban cho ông một lời hứa lớn: “Ta sẽ tinh thức, giữ lời phán ta đừng làm trọn. (Giê. 1:12). Giống như Sa-mu-ên, không lời nào của Giê-rê-mi rơi xuống đất và bị mất đi (1 Sa. 3:19). Lời nói của chúng ta chỉ như một luồng không khí cộng thêm một chút tiếng động, phát ra rồi nhanh chóng tan biến, nhưng khi chúng ta nói Lời Chúa thì không như thế. “Lời nói của ta cũng vậy, đã ra từ miệng ta, thì chẳng trở về luống nhưng, mà chắc sẽ làm trọn điều ta muốn, thuận lợi công việc ta đã sai khiến nó” (Ê-sai 55:11). Lời Chúa sẽ không qua đi.

Sứ điệp Đức Chúa Trời ban cho Giê-rê-mi không phải là tin tức vui mừng cho đất nước, bởi vì ông công bố rằng tai họa sẽ ập đến từ phương bắc. Quân đội Ba-by-lôn sẽ đánh chiếm Giu-đa, tàn phá đất đai, phá hủy đền thờ và thành Giê-ru-sa-lem, họ sẽ bắt hàng ngàn người lưu đầy sang Ba-by-lôn. Nếu người Do Thái ăn năn tội lỗi, từ bỏ hình tượng để quay về với Đức Chúa Trời và đầu hàng vua Nê-bu-cát-nét-xa thì thủ đô và đền thờ sẽ được giữ lại; tuy nhiên dân chúng tin vào sự giả dối của các tiên tri giả và mong chờ Đức Chúa Trời sẽ giải cứu Giu-đa khỏi kẻ thù.

Khi Đức Chúa Trời kêu gọi chàng trai trẻ Giê-rê-mi trở thành tiên tri, Ngài đã gọi ông trở thành một người phá hủy, người xây dựng, người gieo trồng (Giê 1:10), người thử nghiệm (Giê 6:27), bác sĩ (Giê. 8:21-22) và người chăn (Giê 13:17). Hãy suy ngẫm về các công việc trên liên hệ như thế nào đến mục vụ của một tiên tri. Các lãnh đạo sẽ chống đối và tấn công Giê-rê-mi, nhưng Chúa sẽ khiến ông nên một thành vững bền, trụ cột bằng sắt và tường bằng đồng (Giê. 1:18). Giê-rê-mi thấy mình giống như chiến con bị dắt đến lò mổ (Giê. 11:19) và là một kẻ gây rối mà ai cũng ghét (Giê. 15:10). Khi ông than phiền với Chúa và nghĩ đến việc thoái lui (9:2), Chúa đã phán cùng ông rằng công việc sẽ càng khó khăn hơn! “Nếu người chạy thì với kẻ chạy bộ, mà còn mỗi một, thì làm sao thì được với ngựa? Khi trong xứ yên lặng, người được an ổn, nhưng khi sông Giô-đan tràn, thì người sẽ làm thế nào?” (Giê. 12:5).

Điều gì giữ cho Giê-rê-mi tiếp tục chức vụ của mình? Ông đã lắng nghe Lời Chúa, được nuôi dưỡng nhờ Lời Chúa (Giê. 15:16), và mạnh dạn công bố lời Chúa cho dân sự. Ông biết rằng mình được Đức Chúa Trời kêu gọi và Chúa sẽ giữ lời hứa Ngài. Ngày nay công tác hầu việc Chúa vẫn diễn ra như thế. Đức Chúa Trời canh giữ Lời Ngài và hoàn thành ý muốn của Ngài dù chúng ta không nhìn thấy. Nhiệm vụ của chúng ta là lắng nghe tiếng Chúa và công bố lẽ thật của Ngài thì Ngài sẽ làm phần việc còn lại. Mục vụ của chúng ta là những công tác của đức tin, và “đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng” (Rô. 10:17).

CHÚNG TA PHẢI TIN CẬY CHÚA, BỞI VÌ NGÀI LẮNG NGHE CHÚNG TA

Nếu chúng ta lắng nghe cách nhanh chóng khi Chúa phán thì Ngài cũng lắng nghe cách nhanh chóng khi chúng ta cầu nguyện. Giê-rê-mi là một người cầu nguyện, ít nhất mười lăm lần chúng ta đọc thấy ông cầu nguyện cùng Chúa (Giê. 1:6; 4:10; 9:1-2; 10:23-25; 12:1-4; 14:7-9, 19-22;

15:10, 15-18; 16:19-20; 17:12-18; 18:19-23; 20:7-18; 32:16-25; 42:1-22). Quả hẳn Giê-rê-mi là một người cầu thay trung tín bởi vì ít nhất ba lần Đức Chúa Trời truyền cho ông thôi cầu thay cho đất nước (Giê. 7:16; 11:14; 14:11; và xem 15:1). Giống như các sứ đồ, Giê-rê-mi nhiệt thành cầu nguyện và giảng dạy Lời Chúa (Công. 6:4).

Có những thời điểm tâm linh của Giê-rê-mi giống như ở trên một đỉnh núi nhưng rồi bất chợt lao xuống thung lũng tuyệt vọng. Giê-rê-mi thưa cùng Đức Chúa Trời rằng: “Sao đường lối những kẻ ác được thanh vượng?” (Giê. 12:1-2), ông hỏi Chúa về những kẻ đã nói sai về ông và chống đối ông. Giê-rê-mi ngợi khen Chúa đã giải cứu ông nhưng ngay sau đó lại rủa sả ngày sinh của mình (Giê. 20:13-18). Tiên tri đặt câu hỏi với Chúa: “Có sao sự đau đớn của tôi cứ còn hoài? Có sao vết thương của tôi không chữa được và nó không chịu khỏi? Ngài đối với tôi hẳn như cái khe giả dối, cái suối tắt mạch hay sao?” (Giê. 15:18). Nhiều lần Giê-rê-mi cầu xin Chúa trả thù những kẻ bắt bớ ông (Giê. 11:20; 15:15; 20:12). Ông cầu nguyện rằng: “Xin kéo những người ấy như con chiên bị dắt đến chỗ giết” (Giê. 12:3). “Xin Ngài làm cho những kẻ bắt bớ tôi bị xấu hổ... cho họ kinh hoàng” (Giê. 17:18). Giê-rê-mi nhắc Đức Chúa Trời rằng vì Ngài mà ông chịu sỉ nhục (Giê. 15:15), bị tống giam (Giê. 20:1-6), bị bắt trái phép (Giê. 37:11-21), bị quăng xuống hố (Giê. 38:1-13), và bị nhà vua đốt cuộn sách tiên tri quý giá (Giê. 36:1-32).

Tuy nhiên qua mọi trải nghiệm trên, dù ông bị sỉ nhục hoặc tổn thương như thế nào nhưng Giê-rê-mi vẫn luôn cầu nguyện cùng Chúa và thành thật nói về cảm giác của mình. Giê-rê-mi rất mạnh mẽ trước dân sự nhưng tan vỡ trước Chúa, và đây là điều chúng ta phải noi theo. “Đức Chúa Trời là nơi nương náu và sức lực của chúng tôi” (Thi 46:1), chính vì thế chúng ta có thể chạy đến với Ngài, nương náu nơi Ngài và nhận được sức lực để quay trở về với chiến trận. Nương náu nơi Chúa không có nghĩa là được Ngài nuông chiều. Giê-rê-mi nói rằng: “Hỡi Đức Giê-hô-va, xin vì tôi ghé tai nghe những lời của kẻ cãi lầy với tôi! (Giê. 18:19), và Chúa đã lắng nghe và đáp lời. Ngài cũng sẽ lắng nghe và đáp lời cầu nguyện của chúng ta.

CHÚNG TA PHẢI LẮNG NGHE, THẤU HIỂU NHU CẦU CỦA CÁC THỜI ĐẠI

Tôi tớ kết quả của Chúa phải giống như con cháu Y-sa-ca “hiểu biết thì giờ, và việc dân Y-sơ-ra-ên nên làm” (1 Sứ 12:32). Hiểu biết Lời Chúa thôi vẫn chưa đủ; chúng ta cũng phải biết về các thời đại và có thể áp dụng Lời Chúa cho nhu cầu của dân sự. Các tiên tri giả trong thời Giê-rê-mi đã giảng rằng Đức Chúa Trời sẽ đánh bại Ba-by-lôn cùng giải cứu Giê-ru-sa-lem và dân sự, tuy nhiên tất cả những dự đoán của họ đều sai. Giê-rê-mi nói rằng: “Họ rít vít thương cho dân ta cách sơ sài mà rằng: Bình an! Bình an! mà không bình an chi hết” (Giê. 6:14; 8:11). Giê-rê-mi là vị bác sĩ trung thực, một người than khóc cho tổ quốc và dùng đúng phương thuốc để chữa lành cho dân sự. “Trong Ga-la-át há chẳng có nữ hươu sao? Há chẳng có thầy thuốc ở đó sao? Vậy thì làm sao mà bệnh con gái dân ta chẳng chữa lành?” (Giê. 8:22).

Các tầng trời mở ra, và ta xem những sự hiện thấy của Đức Chúa Trời.

Ê-xê-chi-ên 1:1

Năm 597 trước Công Nguyên, Ê-xê-chi-ên được hai mươi lăm tuổi thì bị đày sang Ba-by-lôn cùng với vua Giê-hô-gia-kin yếu đuối và khoảng 10.000 người có kỹ năng làm thợ (2 Các 24:14). Năm năm sau, thay vì để Ê-xê-chi-ên làm một thầy tế lễ, Đức Chúa Trời đã kêu gọi ông trở thành một tiên tri giữa vòng những người bị lưu đày tại Ba-by-lôn. Cũng vậy, Ngài đã kêu gọi Giê-rê-mi rồi bỏ chức vụ tế lễ mà làm tiên tri cho dân nghèo sót lại tại Giu-đa. Giống như Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên phải chăn dắt một dân tộc khó trị, cứng lòng và tâm trí u tối, tuy nhiên Đức Chúa Trời đã ban cho Ê-xê-chi-ên sự can đảm mà Ngài cần nơi ông.

Trước đó, Giê-rê-mi đã gửi một bức thư đến Ba-by-lôn để truyền cho người Do Thái hãy an cư tại đó, hãy xây nhà cửa, trồng vườn cây và cho con cái của họ lập gia đình bởi vì những người bị bắt đi lưu đày sẽ sống tại Ba-by-lôn trong bảy mươi năm (Giê-rê-mi 29:1-14). Nhiệm vụ của Ê-xê-chi-ên là giúp dân sự luôn luôn trung tín với Chúa bởi vì họ cần phải chuẩn bị cho thế hệ kế tiếp quay trở về Giu-đa và tái thiết đất nước. Tuy nhiên giống như ở Giê-ru-sa-lem, ở Ba-by-lôn cũng có các tiên tri giả, những con người gian dối này đã giảng dạy về sự giải cứu ngược lại với sứ điệp của Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã ban cho Ê-xê-chi-ên khái tượng về thành Giê-ru-se-lem để ông được biết về những việc đang xảy ra tại đó nhiều hơn cả những người đang sống tại Giu-đa!

Tại Ba-by-lôn, giữa những người ngoại quốc thờ lạy hình tượng, người Do Thái lắng nghe lời Chúa thông qua Ê-xê-chi-ên và Ngài đã nhắc họ hằng: “Ta là Đức Giê-hô-va!” (Tuyên bố này xuất hiện năm mươi chín lần trong sách của ông.) Ít nhất năm mươi lần Ê-xê-chi-ên viết rằng: “Có lời của Đức Giê-hô-va,” và ông đã trung tín công bố lời Chúa cho dân sự. Helen Keller đã viết rằng: “Người đáng thương nhất là người có thị lực nhưng không nhìn thấy.” Ê-xê-chi-ên là người vừa có thị lực vừa có tâm nhìn. Chúng ta sẽ xem xét ba khái tượng mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho Ê-xê-chi-ên và học cách trở nên đầy tớ trung tín của Đức Chúa Trời, hầu việc Ngài với một dân tộc khó khăn trong những nơi khó khăn vào những thời điểm khó khăn. Từ bỏ luôn là một quyết định vội vã.

KHÁI TƯỢNG ĐEM LẠI SỰ KHÍCH LỆ: ĐỨC CHÚA TRỜI NGỰ TRỊ ĐẦY VINH QUANG (Ê-xê. 1)

Ê-sai được kêu gọi bước vào chức vụ sau khi ông nhìn thấy vinh quang của Đức Chúa Trời trong đền thờ (Ê-sai 6), còn sự kêu gọi của Giê-rê-mi đi kèm với khái tượng về cây hạnh và nồi nước sôi (Giê. 1:13-19). Tuy nhiên có lẽ khái tượng ban cho Ê-xê-chi-ên là phức tạp hơn hết.

Ông nhìn thấy một cơn bão mãnh liệt đến từ phương bắc (Ba-by-lôn), với những đám mây cuộn cuộn cùng sấm chớp. Chính giữa cơn bão là một ngọn lửa dữ dội giống như kim loại nấu chảy, và bên trong ngọn lửa là bốn “vật sống” mà trong Ê-xê-chi-ên chương 10 xác định đó là các chê-ru-bim. Mỗi một chê-ru-bim có bốn cánh và bốn mặt – một mặt người, một mặt sư tử, một mặt

bò và một mặt chim ưng – và dưới mỗi chê-ru-bim là các bánh xe lấp lánh pha lê đan xen vào nhau, các bánh xe có sự sống, có đầy mắt và di chuyển bằng sức mạnh của chúng! Các con vật di chuyển giống như tia chớp còn các bánh xe đi theo chúng. Bởi vì các cặp bánh xe đan xen vào nhau nên chúng vừa có thể di chuyển tới lui, vừa có thể di chuyển trái phải mà không cần phải bẻ lái như ô tô ngày nay.

Ê-xê-chi-ên nhìn lên trên các con sinh vật cùng các bánh xe thì thấy một khoảng không pha lê rộng lớn, giống như đá lỏng lánh, và rồi ông nhận ra mình đang trông thấy xe ngựa của Đức Chúa Trời. Bởi vì ở phía trên khoảng không là một cái ngai bằng bích ngọc, và ngự trên ngai chính là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên! Đây chính là “ngôi” vinh quang của Đức Chúa Trời hiện ra cho đầy tớ của Ngài nơi đất khách. Dù tại Ba-by-lôn nhưng Đức Chúa Trời vẫn luôn hiện diện đầy vinh quang và Ngài tể trị! Ê-xê-chi-ên choáng ngợp mà xấp mặt xuống đầy kinh ngạc, và không chỉ lần này nhưng nhiều lần khác trong khi thi hành chức vụ Ê-xê-chi-ên đã ngã xấp mặt xuống (xem Ê-xê 1:28; 3:23; 9:8; 11:13; 43:3; 44:4).

Khải tượng không chỉ tạo nên cảm giác choáng ngợp nhưng còn là một thông điệp đem lại sự khích lệ. Ê-xê-chi-ên biết rằng thành Giê-ru-sa-lem sẽ bị phá hủy, đền thờ sẽ bị sụp đổ và dân Giu-đa sẽ tan lạc, tuy nhiên giờ đây điều ông nhìn thấy đó là Đức Chúa Trời vẫn ngự trên ngôi và cai trị đầy vinh quang! Ánh hào quang chung quanh ngai giống như cầu vồng (Ê-xê. 1:28), và cầu vồng thì nhắc chúng ta nhớ về giao ước của Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ không dùng nước lũ để hủy diệt sự sống trên trái đất một lần nữa (Sáng 9:8-17). Bốn gương mặt của mỗi một chê-ru-bim nghĩa là giao ước của Đức Chúa Trời đối với con người, với các tạo vật và với các con vật đã được thuần hóa (Sáng 9:10). Nô-ê nhìn thấy cầu vồng *sau* trận bão, nhưng Ê-xê-chi-ên nhìn thấy cầu vồng *trong* cơn bão và ông nhận được một thông điệp đó là mọi việc đều bình ổn. Dân sự của Đức Chúa Trời sẽ bị sửa phạt, nhưng đất nước sẽ không bị hủy diệt.

Chúng ta hãy suy nghĩ về câu nói của F. W. Robertson: “Sự vinh quang của Đức Chúa Trời tồn tại độc lập với mọi điều khác trong vũ trụ, nhưng con người muốn trở nên độc lập thì tự trở nên hổ thẹn. Đức Chúa Trời có mọi thứ do chính Ngài tạo ra – còn con người nhận lấy tất cả từ Ngài. Khi con người tự dứt khỏi Chúa thì họ cũng dứt khỏi mọi điều vĩ đại chân thật.”¹²

Sự vinh hiển của con người thì yếu ớt, tạm bợ, và phụ thuộc vào thế gian giống như hoa cỏ ngoài đồng (Ê-sai 40:6-8), nhưng sự vinh quang của Đức Chúa Trời thì trường tồn bất diệt, đầy năng quyền và không phụ thuộc vào bất kỳ ai hoặc bất kỳ điều gì. Duy Đức Chúa Trời là Đấng tể trị, Ngài cai trị đầy vinh quang. Các bánh xe trong Khải tượng nói về sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi và Ngài sẽ hành động cách nhanh chóng. Những con mắt trên bánh xe nhắc chúng ta nhớ rằng Đức Chúa Trời nhìn thấy và thấu hiểu mọi điều, còn cơn bão bày tỏ năng quyền vĩ đại của Chúa. “Sự vĩ đại chân thật” của chúng ta phải đầu phục ý muốn Chúa và chỉ

¹² Frederick W. Robertson, *Sermons*, Third Series (London: Kegan Paul, Trench, Trubner, and Co., 1898), 237.

nhằm tôn vinh Ngài mà thôi. Vậy khi bạn cảm thấy hoàn cảnh thật quá khó đối với mình, hãy nhớ đến khái tượng của Ê-xê-chi-ên và chấp nhận bằng đức tin.

KHÁI TƯỞNG VỀ SỰ ĐOÁN XÉT: ĐỨC CHÚA TRỜI CẤT ĐI SỰ VINH QUANG (Ê-xê. 7-11)

Trong Rô-ma 9:1-5, Phao-lô liệt kê tám phước lành tuyệt vời mà Đức Chúa Trời chỉ ban cho Y-sơ-ra-ên mà không ban cho dân tộc nào khác. Đầu tiên, Phao-lô đề cập đến “sự làm con nuôi,” nghĩa là Đức Chúa Trời chọn Áp-ra-ham và hậu tự của ông làm dân tộc thuộc riêng về Ngài. Phước hạnh thứ hai là “sự vinh hiển” (c. 4), nghĩa là Đức Chúa Trời hiện diện cùng dân tộc của Ngài trong đền thánh. Đức Chúa Trời cũng lập giao ước cùng Y-sơ-ra-ên, Ngài ban cho họ có luật pháp thiên thượng và hướng dẫn họ phương cách thờ phượng mà Ngài chấp nhận. Ngài ban cho họ những lời hứa, trước là cho các tộc trưởng, sau là cho các tiên tri. Tuy nhiên phước hạnh lớn nhất chính là Con Ngài đã đến thế gian thông qua quốc gia Y-sơ-ra-ên để hoàn thành lời hứa của Ngài và đem sự cứu rỗi đến với tội nhân lạc mất. Quả thật Y-sơ-ra-ên là một đất nước giàu có.

Trong tám phước lành kể trên, có sáu điều không thể thay đổi, nhưng có hai điều có thể thay đổi và đã được thay đổi: sự thờ phượng trong đền thờ (Giăng 4:19-24) và sự vinh quang của Đức Chúa Trời ở cùng dân sự của Ngài. Các nước khác cũng có đền thờ, có thầy tế lễ và phương cách hiến tế của riêng họ, tuy nhiên duy chỉ Y-sơ-ra-ên mới có sự vinh quang của Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật ngự trị. Khi Môi-se cung hiến đền tạm, sự vinh quang của Đức Chúa Trời đã ngự vào (Xuất. 40:34-38; Lê. 9:22-24) và đi cùng dân Y-sơ-ra-ên khi họ tiến về Đất Hứa. Nhưng nhiều thế kỷ sau, dân tộc này đã phạm tội và sự vinh hiển lìa khỏi họ (1 Sa. 4:12-22).

Khi Sa-lô-môn xây dựng đền thờ và cung hiến cho Chúa, một lần nữa, sự vinh hiển ngự cùng dân sự của Ngài (2 Sứ. 7:1-3). Tuy nhiên, một lần nữa dân Y-sơ-ra-ên lìa bỏ Chúa mà thờ lạy hình tượng, chính vì thế Đức Chúa Trời bày tỏ cho Ê-xê-chi-ên nhìn thấy đền thờ đã bị làm cho ô uế như thế nào (Ê-xê. 8). Đức Chúa Trời phán rằng: “Hỡi con người, ngươi có thấy sự những kẻ này làm, tức là những sự gớm ghiếc lớn mà nhà Y-sơ-ra-ên đã phạm tại đây, đặng làm cho ta xa nơi thánh ta chăng?” (Ê-xê. 8:6). Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời bèn đẩy lên khỏi chê-ru-bim trong Nơi Chí thánh, là nơi thường ngự, mà đến ngách cửa (Ê-xê. 9:3; 10:4) và đi về phía nam của đền thờ, nơi mà Ngôi của Đức Chúa Trời đang bay lơ lửng bên trên như được mô tả trong chương 1. Từ đó, sự vinh hiển của Đức Chúa Trời đi đến cổng phía đông đền thờ (Ê-xê 10:3; 18-19), và rồi chê-ru-bim, ngôi và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời thảy đều rời khỏi đền thờ để đi đến núi Ô-li-ve ở phía đông thành phố. Sự vinh quang của Đức Chúa Trời đã rời bỏ đền thờ! Đức Chúa Trời không còn ngự trong nhà do tay con người dựng nên (Công vụ 7:48-50).

Sự vinh quang của Đức Chúa Trời trở lại với trái đất này khi Đức Chúa Giê-su đến trong xác thịt. Đời sống và chức vụ của Ngài luôn tôn vinh Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (Giăng 1:14; 13:32; 17:4). Chúng ta đã làm gì với sự vinh hiển ấy? Chúng ta đã đóng đinh Chúa vinh hiển (1 Côr. 2:8)! Nhưng công tác cứu chuộc mà Đức Chúa Giê-su đã làm trên thập tự giá khiến sự vinh

quang của Đức Chúa Trời có thể ngự trị trong đời sống của những ai đặt lòng tin nơi Đức Chúa Giê-su. Nhờ Đức Thánh Linh, sự vinh quang của Đức Chúa Trời hiện diện trong mỗi một người tin Chúa, mỗi một Hội Thánh địa phương và trong Hội Thánh vô hình nói chung (1 Côr. 6:19-20; 3:16-17; Ê-phê-sô 3:21-22). Chúng ta chính là đền thánh của Đức Chúa Trời trong thế gian.

Đặc ân của Đức Chúa Trời thật quá lớn lao khi sự hiện diện đầy vinh quang của Ngài ở trong chúng ta và ở trong Hội Thánh của Ngài, tuy nhiên đây cũng là một trách nhiệm lớn lao dành cho chúng ta. Sự vinh quang của Đức Chúa Trời là khởi điểm tạm và đền thờ bởi vì dân sự của Chúa phạm tội, cũng vậy, ngày nay những tội lỗi của chúng ta sẽ làm buồn lòng Thánh Linh của Đức Chúa Trời và Ngài sẽ cắt khỏi chúng ta năng quyền và sự vinh quang của Ngài. Tôi nhớ A. W. Tozer đã nói rằng: “Nếu Đức Chúa Trời cắt Đức Thánh Linh khỏi thế gian này thì các Hội Thánh vẫn cứ tiếp tục công việc của họ mà ít ai nhận ra sự khác biệt.” Thật là một thảm họa!

Đức Chúa Trời có thể viết lên cánh cửa của rất nhiều mục vụ ngày nay rằng: “Y-ca-bốt, sự vinh hiển đã lìa khỏi.” Các buổi nhóm chung của chúng ta đầy sôi động và thú vị, nhưng sự vinh quang của Đức Chúa Trời ở đâu? Đức Chúa Trời có đẹp lòng với mục vụ của chúng ta hay không? Liệu rằng những tội nhân lạc mất sẽ sắp mình trước Chúa mà nói rằng: “Đức Chúa Trời thật đang ở giữa các bạn” (xem 1 Côr. 14:23-25)? Vance Hevner từng nhắc nhở chúng ta rằng lời cuối cùng Đức Chúa Trời đã phán cùng dân sự của Ngài không phải là “hãy đi dạy dỗ muôn dân” (Ma-thi-ơ 28:19-20) nhưng là lời cảnh báo trong Khải huyền chương 2 - 3: “hãy ăn năn, bằng chẳng!” Đức Chúa Trời cảnh báo rằng nếu chúng ta không dọn dẹp sạch sẽ và chuẩn bị đền thờ để sự vinh quang của Ngài quay trở lại thì Ngài sẽ cắt chân đèn và sự làm chứng khỏi chúng ta. Chúng ta cần suy ngẫm sứ điệp của Đức Chúa Giê-su dành cho bảy Hội Thánh để nhận biết những tội lỗi nào chúng ta cần phải xưng ra trước Chúa và cần phải thay đổi điều gì.

KHÁI TƯỢNG VỀ SỰ ỨNG NGHIỆM: CHÚA PHỤC HỒI SỰ VINH QUANG (Ê-xê. 40-48)

Ê-xê-chi-ên không kết lại quyền sách của mình bằng những dòng tiêu cực nhưng viết rằng sự vinh quang của Đức Chúa Trời sẽ quay trở về với đất nước và với đền thờ trong vương quốc tương lai. Đức Chúa Trời đã rời khỏi đền thờ qua cổng phía đông để đi đến Núi Ô-li-ve, nhưng Ê-xê-chi-ên nhìn thấy đám mây vinh hiển tiến vào đền thờ qua cổng phía đông và tràn ngập đền thờ (Ê-xê. 43:1-5). Trong các chương sau đó, Ê-xê-chi-ên mô tả chi tiết về đền thờ mới, về vùng đất được phục hồi, về sự thờ phượng thiên thượng và về thành thánh. Ê-xê-chi-ên nói rằng tên của thành thánh sẽ là Giê-hô-va Shamma “Đức Giê-hô-va ở đó” (48:35). Đức Giê-hô-va ở tại đâu? Ngài ở bất cứ nơi đâu dân sự của Ngài tôn vinh Ngài.

Ngày nay, dù dân sự của Chúa đang trải qua hoàn cảnh ảm đạm như thế nào thì Đức Chúa Trời vẫn muốn quay trở lại và chia sẻ sự vinh hiển của Ngài với chúng ta. Theo Ê-xê-chi-ên, sẽ có một ngày Đức Chúa Trời mãi mãi quay trở lại và đổ đầy sự vinh quang trên dân sự của Ngài. Tuy nhiên, từ bây giờ đến lúc ấy, Chúa muốn ngự cùng và ban phước cho đời sống và chức vụ của chúng ta để chúng ta tôn vinh Ngài. Chúng ta gọi đây là: “sự phục hưng” nghĩa là “đời sống mới.” Và khi chúng ta có đời sống mới, chúng ta cũng sẽ dâng lên Chúa sự vinh hiển mới.

Nhiều năm trước khi tôi còn hầu việc Chúa với tổ chức Youth for Christ International (YFCI), nhiều nhân sự tại hội sở chính đã ra đi vào những ngày cuối tuần để rao giảng trong các chiến dịch của YFCI và tại các Hội Thánh địa phương. Khi chúng tôi quay trở về văn phòng, những cuộc đối thoại vào buổi sáng trong giờ giải lao thường tập trung vào công việc Chúa làm trên cánh đồng. Một nhân sự truyền giáo luôn hỏi chúng tôi một câu hỏi: “Chúa có đến với buổi nhóm họp ấy không?” Thoạt tiên, tôi không hiểu ý của anh ấy, nhưng rồi tôi biết anh ấy muốn hỏi rằng: “Mục vụ có làm đẹp lòng Chúa không? Đức Chúa Giê-su có được tôn vinh không? Tội nhân có tin cậy Đức Chúa Giê-su không? Mọi người có thấy rõ sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong buổi nhóm không?” Điều quan trọng không phải là các băng ghế trong khán phòng có được lấp đầy hoặc tiền dâng hiến nhiều bao nhiêu, nhưng điều quan trọng đó là căn phòng có được đầy năng quyền và sự vinh quang của Chúa không và mọi người có nhận biết sự hiện diện của Đức Chúa Trời không?

Chúng ta không cần phải chờ đợi vương quốc trong tương lai, nhưng chính hôm nay chúng ta cũng có thể kinh nghiệm “vương quốc, quyền năng và sự vinh quang” nếu chúng ta chuẩn bị đền thờ để Ngài ngự vào.

Hãy ăn năn – bằng chẳng!

Bài 41

ĐA-NI-ÊN

Trái lại, trong mọi sự đó, chúng ta nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn bội phần.

Rô-ma 8:37

Khi đề cập đến Đa-ni-ên giữa vòng những người đọc Kinh Thánh, chúng ta có thể nghe những phản hồi khác nhau. Một số sinh viên nghiên cứu các sách tiên tri sẽ nói, “Đa-ni-ên là một người thông giải được Thần cảm.” Các doanh nhân nói, “ông ấy là một nhà quản trị hiệu quả.” Một mục sư trẻ tuổi nói, “một thanh niên mẫu mực,” và các chiến sĩ cầu nguyện nói về ông, “đừng quên rằng ông ấy là một người cầu thay trung tín.”

Tất cả các phát biểu trên đều đúng, nhưng Đa-ni-ên còn có một đặc điểm quan trọng nhất: ông là một người chinh phục. Sự thực là Đa-ni-ên còn hơn cả một người chinh phục, ông thuộc loại người hoàn toàn tin cậy Đức Chúa Trời và trở nên người chiến thắng. George Washington Carver đã nói rằng sự thành công không chỉ được đo lường ở chỗ vạch kết thúc mà còn là bằng cách nào họ đã vượt qua bao nhiêu trở ngại để đi đến đó. Đa-ni-ên đã đối diện và chiến thắng nhiều kẻ thù, vượt qua những trở ngại để tồn tại và tiếp tục phục vụ Chúa và tuyển dân trong một

quốc gia ngoại giáo. G. Campell Morgan đã nói, “Câu chuyện của Đa-ni-ên rất hấp dẫn, bởi vì nó cho thấy những điều người kính sợ Chúa thực hiện được giữa bối cảnh không tin kính.”¹

Đa-ni-ên là một thiếu niên khi được đưa tới đế quốc Ba-by-lôn rộng lớn vào năm 605 trước Công nguyên, và chàng trai này đã phục vụ thành công ít nhất là sáu mươi năm trải qua bốn triều đại. Trong khi Giê-rê-mi đang giúp đỡ những người Do Thái đáng thương còn sót lại ở Giu-đa và Ê-xê-chi-ên khích lệ những người lưu vong ở Ba-by-lôn, thì Đa-ni-ên được đem tới trung tâm quyền lực chính trị của một đế quốc ngoại giáo để bày tỏ một Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật của Israel. Đa-ni-ên đã hầu việc Đức Chúa Trời thông qua đời sống và lời chứng của mình với những người hư mất. Ông đưa ra lời khuyên cho các vua Ba-by-lôn, viết sách để dạy cho các thế hệ. Ông đã trung tín trong các mục vụ được giao, và nhận được sự tôn trọng, yêu mến từ Chúa.

Chúng ta cũng nên nhìn vào đời sống của mình thông qua các bài học từ cuộc đời Đa-ni-ên và khám phá phương cách mà ông đã trở nên người chiến thắng nhờ đức tin nơi Đức Chúa Trời.

CHÚNG TA ĐỐI DIỆN VỚI NHỮNG KẺ THÙ

Không dễ dàng để Đa-ni-ên và ba người bạn của ông được đế quốc Ba-by-lôn tuyển lựa để đào tạo thành những người phục vụ cho Ba-by-lôn. Kẻ thù đã chọn bốn thanh niên này là những người ưu tú nhất của dân tộc Do Thái. Họ là những thanh niên khôn ngoan, khỏe mạnh, đẹp trai. Họ có đủ những yếu tố để trở thành những người lãnh đạo tiềm năng. Kinh Thánh mô tả về họ, “Vua truyền cho Ất-bê-na, là người làm đầu các hoạn quan mình, lấy trong con cái Y-sơ-ra-ên, trong dòng vua, và trong hàng quan sang, mà đem đến mấy kẻ trai trẻ không có tật nguyên, mặt mày xinh tốt, tập mọi sự khôn ngoan, biết cách trí, đủ sự thông hiểu khoa học, có thể đứng chầu trong cung vua, và dạy cho học thức và tiếng của người Canh-đê.” (Đa-ni-ên 1:3-4). Hoàng đế Nê-bu-cát-nết-sa muốn họ được huấn luyện để phục vụ cho vương triều của ông. Điều này dẫn đến thế lực thù nghịch đầu tiên mà Đa-ni-ên và các bạn ông phải chiến thắng – thế giới ngoại giáo với những hình tượng, lừa dối, bạo lực và đầy kiên hãnh.

Nếu muốn, Đa-ni-ên và các bạn của mình có thể che giấu niềm tin để thỏa hiệp với kẻ thù, mà theo quan điểm của con người là bước đi khôn ngoan. Tuy nhiên trong cái nhìn của Đức Chúa Trời, thỏa hiệp trong hoàn cảnh này là phạm tội. Những người Do Thái hoài nghi có thể hỏi, “Chúng tôi là tuyển dân, đi theo lời Chúa. Tại sao Ngài cho phép kẻ thù đánh bại chúng tôi? Có lẽ các thần tượng của Ba-by-lôn quyền năng hơn Đức Chúa Trời?” Những người đàn ông Do Thái xa quê hương và chịu ảnh hưởng của văn hóa đương thời có thể nói, “Khi sống ở Ba-by-lôn, hãy hành động như người Ba-by-lôn” theo kiểu nhập gia tùy tục. Những thanh niên khác (số đông) thỏa hiệp với cung cách sống mới – tiếp nhận đồ ăn vua ban. Kinh Thánh ghi lại: “mười ngày ấy qua rồi, thấy mặt họ lại có vẻ xinh tươi đầy đặn hơn mọi kẻ trai trẻ khác đã ăn đồ ngon vua ăn” (Đa-ni-ên 1:15). Trong khi Đa-ni-ên và các bạn ông không giống như vậy. Tại sao? Họ có thể gia nhập với số đông ấy, hoặc có thể thỏa hiệp tiếp nhận nguồn thực phẩm đã bị ô uế bởi

hình tượng hay thuận phục quyền lực của Ba-by-lôn trong khi có thể bí mật giữ vững niềm tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống?

Các viên quan cận thân của Nê-bu-cát-nét-sa cung cấp thức ăn ngon để khích lệ những thanh niên Do Thái này tuân thủ các qui định của vương triều Ba-by-lôn. Những thanh niên này được ban cho các tên mới có liên hệ đến các thần tượng của người Ba-by-lôn. Chế độ ăn uống của họ cũng khác biệt với tuyến dân – là điều mà Đa-ni-ên và ba người bạn của ông không chấp nhận. Các thực phẩm của người Ba-by-lôn có thể đến từ các loài thú vật không thanh sạch, hoặc đã được dâng cho các hình tượng. Nếu có ai trong vòng tuyến dân ăn loại thức ăn đó thì đã phạm tội không vâng lời Đức Chúa Trời và xem như thỏa hiệp với hình tượng. Nhưng nếu Đa-ni-ên và các thanh niên này không ăn họ sẽ gặp rắc rối từ luật pháp của người Canh-đê.

“Và, Đa-ni-ên quyết định trong lòng rằng không chịu ô uế bởi đồ ngon vua ăn và rượu vua uống, nên cầu xin người làm đầu hoạn quan để đừng bắt mình phải tự làm ô uế. Đức Chúa Trời khiến Đa-ni-ên được ơn và thương xót trước mặt người làm đầu hoạn quan. Người làm đầu hoạn quan bảo Đa-ni-ên rằng: Ta sợ vua, là chủ ta, đã chỉ định đồ ăn đồ uống của các ngươi. Lễ nào vua sẽ thấy mặt mày các ngươi tiêu tụy hơn những kẻ trai trẻ khác đồng tuổi với các ngươi, và các ngươi nộp đầu ta cho vua sao? Đa-ni-ên bèn nói với Ham-mên-xa mà người làm đầu hoạn quan đã khiến coi sóc Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria, rằng: Tôi xin ông hãy thử những kẻ tôi tớ ông trong mười ngày, cho chúng tôi chỉ ăn rau uống nước. Sau đó, sẽ nhìn nét mặt chúng tôi với nét mặt những kẻ trai trẻ ăn đồ ăn ngon của vua; rồi ông sẽ làm cho những kẻ tôi tớ ông theo như điều ông đã thấy.

Ham-mên-xa nhậm lời họ xin, và thử họ trong mười ngày. Mười ngày ấy qua rồi, thấy mặt họ lại có vẻ xinh tươi đầy đặn hơn mọi kẻ trai trẻ khác đã ăn đồ ngon vua ăn. Vậy, Ham-mên-xa cất phần đồ ăn ngon và rượu của họ, và cho họ ăn rau” (Đa-ni-ên 1:8-16). Qua câu chuyện này chúng ta thấy Lời Chúa dạy trong Ma-thi-ơ 6:33 đã vận hành ngay trong Cự Uớc và còn mãi đến hôm nay.

Còn nhiều vấn đề tiếp theo. Các bạn trẻ Hê-bơ-rơ phải giải quyết các khó khăn trong cung vua. Họ cần sự khôn ngoan để xử lý các vấn đề xảy ra với vua Ba-by-lôn và các cố vấn của nhà vua. Các nhà cai trị phương Đông thường tự hào, độc tài. Họ nắm trong tay quyền lực của sự sống và cái chết đối với tất cả các đối tượng mà họ cai trị. Họ thường nóng tính và bốc đồng, và họ trông đợi các cố vấn của mình có thể giải thích những giấc mơ, giải thích những điều huyền nhiệm và đưa ra câu trả lời chính xác ngay lập tức. Còn xa hơn thế Nê-bu-cát-nét-sa cũng yêu cầu họ tường thuật lại giấc mơ mà ông đã quên và giải thích giấc mơ đó. Điều này làm bó tay các cố vấn, thuật sĩ người Ba-by-lôn. Nhưng với Đa-ni-ên là một cơ hội tốt. Trong Đa-ni-ên có Thần linh và ánh sáng của Đức Chúa Trời để giúp ông có thể nhìn thấu điều mà con người không biết. Sau khi cầu xin Đức Chúa Trời tỏ bày những điều bí mật trong lòng vua Nê-bu-cát-nét-sa, Đa-ni-ên đến trước mặt vua trả lời rằng: “Sự kín nhiệm mà vua đã đòi, thì những bác sĩ, thuật sĩ, đồng bóng, thầy bói đều không có thể tỏ cho vua được. Nhưng có một Đức Chúa Trời ở trên trời tỏ ra những điều kín nhiệm; và đã cho vua Nê-bu-cát-nét-sa biết điều sẽ tới trong những ngày sau rốt. Vậy, chiêm bao của vua và các sự hiện thấy của đầu vua đã thấy trên giường mình là như vậy:

...” (Đa-ni-ên 2:27-28). Sau đó Đa-ni-ên đã thuật lại điều vua thấy về pho tượng lớn và giải nghĩa nó ra. Sự giải thích này làm hài lòng vua. Đa-ni-ên đã vạch trần sự ngu ngốc và bắt tài của các nhà chiêm tinh ngoại giáo là những người có trong biên chế của nhà vua. “Bây giờ vua Nê-bu-cát-nét-sa sắp mặt xuống, lạy Đa-ni-ên, và truyền dâng lễ vật cùng đồ thơm cho người. Đoạn, vua cất tiếng nói cùng Đa-ni-ên rằng: Quả thật, Đức Chúa Trời các ngươi là Đức Chúa Trời của các thần, và là Chúa của các vua; chính Ngài là Đấng tỏ ra những sự kín nhiệm, vì ngươi đã có thể tỏ ra sự kín nhiệm này. Vua bèn tôn Đa-ni-ên lên sang trọng và ban cho người nhiều lễ vật trọng. Vua lập người cai trị cả tỉnh Ba-by-lôn, và làm đầu các quan cai những bác sĩ của Ba-by-lôn. Đa-ni-ên cầu xin vua, thì vua lập Sa-đơ-rắc, Mê-sác và A-bết-Nê-gô cùng cai trị tỉnh Ba-by-lôn, còn Đa-ni-ên thì châu nơi cửa vua” (Đa-ni-ên 2:46-49).

Nhưng sự kiện này dẫn đến một vấn đề khác: các cố vấn mưu sĩ của vua ganh tị, ghét Đa-ni-ên vì có sự chính trực, khôn ngoan thông sáng của ông, và họ tìm cách trả thù. Tôi có một người bạn bị mất việc bởi vì anh ấy đã làm việc rất tích cực chăm chỉ, và đồng thời cũng chỉ ra những sự lười biếng gian dối của những người cùng làm việc chung. Những người này họp lại, dựng chuyện và nói dối với quản đốc để đuổi việc người bạn tôi. “Không có gì là mới dưới ánh mặt trời.” Các cố vấn của Nê-bu-cát-nét-sa cũng đã làm điều này với Đa-ni-ên, nhưng Đức Chúa Trời minh oan cho ông.

Là Cơ đốc nhân, chúng ta phải chiến đấu với thế gian, xác thịt và ma quỷ. Hãy nhớ lời sứ đồ Phao-lô viết, “Vì chúng ta đánh trận, chẳng phải cùng thịt và huyết, bèn là cùng chủ quyền, cùng thế lực, cùng vua chúa của thế gian mờ tối này, cùng các thần dữ ở các miền trên trời vậy” (Ê-phê-sô 6:12). Chúng ta phải sống và làm việc với những con người. Ma quỷ có thể sử dụng những con người này để vu cáo và tấn công chúng ta trên nhiều lĩnh vực. Giô-sép khi còn trẻ đã ở trong trận tuyến này, Đa-vít cũng như vậy. Hội thánh đầu tiên đối diện với những điều này, và ngay cả Chúa Giê-su cũng đã có một môn đồ phục vụ cho ma quỷ.

Phao-lô bảo đảm cho tín nhân trong Rô-ma 8:37, “trong mọi sự đó, chúng ta nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn bội phần.” Mọi sự mà vị sứ đồ đã đề cập là: “hoạn nạn, khốn cùng, bắt bớ, đói khát, trần truồng, nguy hiểm, gươm giáo (Rô-ma 8:35). Chúng ta không chỉ chiến thắng tất cả những điều này, nhưng chúng ta cũng chiến thắng ma quỷ là kẻ sử dụng con người và những sự kiện xảy ra để nghịch lại Đấng Christ. Bởi đức tin Cơ đốc nhân đánh bại Satan và những liên minh của nó – và đó là một chiến thắng thực sự, một chiến thắng được Đấng Christ giành lấy và giao lại cho chúng ta.

CÁC NGUỒN LỰC MÀ CHÚNG TA SỬ DỤNG

Tâm điểm của các vấn đề nằm ở trong lòng, và một tấm lòng bị phân tâm sẽ kéo theo hậu quả là tấm lòng đó bị đánh bại. Vì vậy nguồn lực đầu tiên cho sự chiến thắng là một tấm lòng hoàn toàn dành trọn cho Chúa. “Đa-ni-ên quyết định trong lòng rằng không chịu ô uế bởi đồ ngon vua ăn và rượu vua uống” (Đa-ni-ên 1:8) đó là khởi điểm. Ba bạn người Hê-bơ-rơ của Đa-ni-ên là những thanh niên ưu tú, được dạy dỗ trong gia đình tín kính, họ biết điều này: “Khả cần thận giữ

tấm lòng của con hơn hết. Vì các nguồn sự sống do nơi nó mà ra.” (Châm ngôn 4:23). Bản dịch Kinh Thánh New Living Translation dịch câu này là: “Trên hết mọi điều phải giữ gìn tấm lòng của bạn, bởi vì nó sẽ ảnh hưởng đến tất cả những gì bạn làm.”

Trong Phúc Âm Mác 7:20, Chúa Giê-su dạy, “Hễ sự gì từ người ra, đó là sự làm dơ dáy người!” Vì vậy tấm lòng con người cần phải được ân sủng của Chúa làm cho thay đổi và trở nên tinh sạch. Trước giả Thi thiên viết, “Chúa muốn sự chân thật nơi bề trong; Chúa sẽ làm cho tôi được biết sự khôn ngoan trong nơi bí mật của lòng tôi.... Đức Chúa Trời ôi! Hãy dựng nên trong tôi một lòng trong sạch. Và làm cho mới lại trong tôi một thần linh ngay thẳng.” (Thi. 51:6, 10). Đa-vít đã có một lời cầu nguyện đúng đắn.

Tấm lòng của Đa-ni-ên phù hợp với tấm lòng của Chúa – ông là một người cầu nguyện. “Cứ một ngày ba lần, Đa-ni-ên quì gối xuống, cầu nguyện, xưng tạ trước mặt Đức Chúa Trời mình, như vẫn làm khi trước.” (Đa. 6:10). Điều này là nghịch lại với qui định của vua Ba-by-lôn. Vào thời điểm đó mọi người tại Ba-by-lôn không được cầu nguyện với bất kỳ một thần linh nào khác ngoại trừ vua. Thế nhưng mỗi ngày ba lần, Đa-ni-ên mở cửa sổ hướng về Giê-ru-sa-lem cầu nguyện với Đức Chúa Trời của mình bất chấp lệnh vua. Đa-ni-ên cầu xin sự khôn ngoan thiên thượng để có thể biết được và giải thích giấc mơ mà vua Nê-bu-cát-nét-sa đã quên (Đa. 2). Và Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu xin này. Lời cầu nguyện xưng tội của Đa-ni-ên được ghi lại trong chương 9, cùng với lời cầu nguyện của E-xơ-ra chương 9, Nê-hê-mi chương 9 là gương mẫu của những tấm lòng ăn năn và hạ mình trước mặt Chúa. Lời cầu thay của Đa-ni-ên cho tuyển dân được xếp hạng chung với lời cầu nguyện của Nô-ê và Gióp (Ê-xê-chi-ên 14:14, 20). Sứ đồ Phao-lô truyền dạy chúng ta phải mặc lấy mọi khí giới của Chúa và, “nhờ Đức Thánh Linh, thường thường làm đủ mọi thứ cầu nguyện và nài xin. Hãy dùng sự bền đỗ trọn vẹn mà tinh thức về điều đó, và cầu nguyện cho hết thảy các thánh đồ.” (Ê-phê-sô 6:18)

Tuy nhiên Đa-ni-ên cũng tùy thuộc vào Lời của Đức Chúa Trời. Chúa đã ban cho ông Lời của Ngài cách trực tiếp. Và ông viết lời đó ra để chúng ta có thể học được. Đa-ni-ên cũng đọc và hiểu những gì Giê-rê-mi đã viết (Đa-ni-ên 9:1-2; Giê-rê-mi 25:11-12), và điều này trợ giúp ông đứng ra bên vực cho tuyển dân. Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện phải luôn song hành với nhau (Giăng 15:7; Công. 6:4; Ê-phê-sô 6:17-18). Lời Chúa là ánh sáng hướng dẫn và bảo vệ chúng ta trong thế giới tối tăm (Ê-phê-sô 6:17; Hê-bơ-rơ 4:12). Đức Thánh Linh có thể hướng dẫn chúng ta sử dụng Lời để giành chiến thắng. Đa-ni-ên đã vâng theo lẽ thật của Chúa trong đời sống và mục vụ (Đa-ni-ên 6:4-5). Đức Chúa Trời tôn trọng tính cách này của Đa-ni-ên.

Nhưng tất cả những nguồn lực thuộc linh này sẽ không hiệu quả, nếu Đa-ni-ên không phải là người có đức tin. Khi Đa-ni-ên cầu nguyện, ông tin rằng Đức Chúa Trời sẽ trả lời, và quả thật Chúa đã trả lời. Khi Đa-ni-ên đọc sách Giê-rê-mi, ông tin cậy Chúa soi sáng tâm trí ông và thực hiện Lời Ngài hứa. Và Chúa đã làm điều đó. Đa-ni-ên tin thác vào Đức Chúa Trời để Ngài hướng dẫn ông. Đức tin vào Chúa thì không cần phải sử dụng đến kế hoạch khôn ngoan theo ý riêng. Đa-ni-ên cầu xin Chúa trực tiếp hướng dẫn ông. Ông trả lại những âm mưu của kẻ thù (những kẻ tìm cách ném ông vào hang sư tử) cho chúng. “Theo lệnh vua, những kẻ đã kiện Đa-

ni-ên ấy cùng con cái và vợ họ đều bị điệu đến quăng vào hang sư tử. Khi họ chưa đến dưới đáy hang, thì những sư tử đã vồ lấy và xé xương hết thấy” (Đa. 6:24). Khi Đa-ni-ên được đem lên khỏi hang, “và người ta không thấy một vết tích nào trên người, bởi người đã nhờ cậy Đức Chúa Trời mình” (Đa-ni-ên 6:23). Kẻ thù bị bẽ mặt, đức tin của Đa-ni-ên nơi Chúa được tưởng thưởng xứng đáng (Châm. 3:5-6)

NHỮNG PHƯỚC HẠNH MÀ CHÚNG TA NHẬN ĐƯỢC

Phước hạnh thứ nhất dành cho Đa-ni-ên và cũng cho tất cả chúng ta là đặc ân dâng vinh hiển về Đức Chúa Trời. Sự chinh phục của vua Nê-bu-cát-nét-sa trên quốc gia Israel dường như được một số người thừa nhận rằng các hình tượng của Ba-by-lôn có quyền năng hơn Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật của tuyển dân. Nhưng Đa-ni-ên đã làm đảo lộn nhận thức đó. Các cố vấn, thuật sĩ của Ba-by-lôn không thể thuật lại giấc mơ của vua thì làm sao có thể giải nghĩa được ý nghĩa của nó? Nhưng Đa-ni-ên thì khác, nhờ sự khôn ngoan thiên thượng, ông biết được giấc mơ của vua Nê-bu-cát-nét-sa và giải nghĩa nó ra (Đa-ni-ên 2). Điều này khiến cho vua tôn trọng Đa-ni-ên, nhà vua tuyên bố, “Quả thật, Đức Chúa Trời của Đa-ni-ên là Đức Chúa Trời của các thần, và là Chúa của các vua; chính Ngài là Đáng tỏ ra những sự kín nhiệm, vì Đa-ni-ên đã có thể tỏ ra sự kín nhiệm này” (Đa-ni-ên 2:47). Sau đó khi các bạn hữu của Đa-ni-ên được giải cứu kỳ diệu thoát khỏi lò lửa hực, vua tiếp tục công bố, “Đáng ngợi khen Đức Chúa Trời của Sa-đơ-rắc, Mê-sác và A-bết-Nê-gô! Ngài đã sai thiên sứ Ngài và giải cứu các tôi tớ Ngài nhờ cậy Ngài, họ đã trái mạng vua, và liều bỏ thân thể mình, hầu để không hầu việc và không thờ phượng thần nào khác ngoài Đức Chúa Trời mình” (Đa. 3:28).

Trong chương bốn Đa-ni-ên giải thích về một “cây cao lạ thường” mà vua Nê-bu-cát-nét-sa nhìn thấy trong giấc mơ. Và lời giải thích này trở thành hiện thực ngay sau đó. Nê-bu-cát-nét-sa phải sống như súc vật trong bảy năm, và rồi được phục hồi trở về với ngai vàng của mình. Kinh Thánh ghi lại: “Đến cuối cùng những ngày đó, ta đây, Nê-bu-cát-nét-sa, ngược mắt lên trời, trí khôn đã phục lại cho ta, và ta xưng tạ Đáng Rất Cao. Ta bèn ngợi khen và làm sáng danh Đáng sống đời đời, uy quyền Ngài là uy quyền còn mãi mãi, nước Ngài từ đời nọ đến đời kia....Bây giờ, ta, Nê-bu-cát-nét-sa, ngợi khen, tôn vinh, và làm cả sáng Vua trên trời; mọi công việc Ngài đều chân thật, các đường lối Ngài đều công bình; và kẻ nào bước đi kiêu ngạo, Ngài có thể hạ nó xuống” (Đa. 4:34, 37). Đây là một lời chứng tốt xuất phát từ một vua ngoại bang. Trong chương 6 của sách Đa-ni-ên, khi vua Đa-ri-út biết rằng Đa-ni-ên bình an vô sự trong hang sư tử, sự nhận thức của nhà vua đã thay đổi, “Bây giờ, vua Đa-ri-út viết cho hết thầy các dân, các nước, các thứ tiếng ở khắp trên đất rằng: Nguyên cho sự bình an các người được thêm lên! Ta ban chiếu chỉ rằng, trong khắp miền nước ta, người ta phải run rẩy kính sợ trước mặt Đức Chúa Trời của Đa-ni-ên; vì Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống và còn đời đời. Nước Ngài không bao giờ bị hủy diệt, và quyền Ngài sẽ còn đến cuối cùng. Ngài cứu rỗi và giải thoát, làm những dấu lạ sự lạ ở trên trời dưới đất, đã cứu Đa-ni-ên khỏi quyền thế sư tử.” (Đa. 6:25-27).

Chúng ta không thể có được vị trí cao trọng như Đa-ni-ên trong vương triều của Ba-by-lôn, nhưng chúng ta có thể sống, làm việc, làm chứng về quyền năng của Đức Chúa Trời cho các bậc

cầm quyền trên chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời đang trợ giúp chúng ta trên mọi lĩnh vực và điều này đáng vinh hiển về cho Ngài. Chúa Giê-su đã dạy trong Ma-thi-ơ 5:16, “Sự sáng các người hãy soi trước mặt người ta như vậy, để họ thấy những việc lành của các người, và ngợi khen Cha các người ở trên trời.”

Đa-ni-ên không chỉ dâng vinh hiển về cho Đức Chúa Trời, ông còn là một người được Chúa yêu mến. Thiên sứ Gáp-ri-ên từ thiên đàng xuống và truyền bảo Đa-ni-ên, “người được yêu quý lắm” (Đa. 9:23). Cụm từ này được lặp lại trong Đa.10:11, 19. Và tất cả các tín nhân ngày nay có thể vui hưởng tình yêu đặc biệt từ Đức Chúa Trời nếu họ làm theo những gì Đa-ni-ên đã làm: cầu nguyện, suy ngẫm Lời Chúa, kính yêu Chúa hết lòng và vâng phục Ngài. Chúa Giê-su dạy, “Ai có các điều răn của ta và vâng giữ lấy, ấy là kẻ yêu mến ta; người nào yêu mến ta sẽ được Cha ta yêu lại, ta cũng sẽ yêu người, và tỏ cho người biết ta.... Nếu ai yêu mến ta, thì vâng giữ lời ta, Cha ta sẽ thương yêu người, chúng ta đều đến cùng người và ở trong người” (Giăng 14:21, 23). Sách Giu-đe câu 21 tóm tắt lời dạy của Chúa cứu thế, “hãy giữ mình trong sự yêu mến Đức Chúa Trời.” Câu Kinh văn truyền tải sự sống mà tôi dành cho Đa-ni-ên là, “Trái lại, trong mọi sự đó, chúng ta nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn bội phần” (Rô-ma 3:31) nhắc nhở mỗi chúng ta có thể trở thành người chiến thắng nhờ vào Đấng đã yêu thương chúng ta.

Là một tôi tớ trung tín của Đức Chúa Trời, Đa-ni-ên có niềm vui khi giúp đỡ người khác. Ông chia sẻ đặc ân của mình với ba bạn hữu và nhìn thấy họ được thăng tiến trong vương triều của Ba-by-lôn (Đa. 2:49). Thông qua ân tứ giải thích các giấc mơ, Đa-ni-ên giúp cho các vua ngoại bang hiểu biết và nhìn thấy được kế hoạch của Đức Chúa Trời, mặc dù tâm trí họ vẫn còn những hạn chế nhất định với thông điệp của Đa-ni-ên. Đời sống và nhân cách của Đa-ni-ên trở thành niềm khích lệ và làm gương tốt cho tuyển dân Chúa trải qua nhiều thế kỷ. Cái nhìn sâu sắc của Đa-ni-ên về tương lai giúp chúng ta hiểu rõ hơn bản văn Kinh Thánh. Học biết về sách Đa-ni-ên là bước chuẩn bị tốt để hiểu rõ sách Khải huyền.

Giê-rê-mi giúp đỡ cho những người Do-Thái đáng thương còn ở lại Giu-đa, và Ê-xê-chi-ên dạy cho những người lưu đày ở Ba-by-lôn. Và rồi Đa-ni-ên mở ra một cánh cửa cho tuyển dân bị lưu đày trở về lại Giu-đa khi thời hạn phụ tù kết thúc. Ông hiểu thời khóa biểu và đồng hồ của Đức Chúa Trời khi suy ngẫm Giê-rê-mi 25:11-12, “Cả đất này sẽ trở nên hoang vu gở lạ, các nước này sẽ phục sự vua Ba-by-lôn trong bảy mươi năm. Đức Giê-hô-va phán: Khi bảy mươi năm ấy sẽ mãn, ta sẽ phạt vua Ba-by-lôn và dân người, vì có tội ác chúng nó. Ta sẽ phạt xứ người Canh-đê và biến thành một nơi hoang vu đời đời.” Chúng ta đọc thấy trong chương 9 của sách Đa-ni-ên, “Đa-ni-ên, bởi các sách biết rằng số năm mà lời Đức Giê-hô-va đã phán cùng đấng tiên tri Giê-rê-mi, để cho trọn sự hoang vu thành Giê-ru-sa-lem, là bảy mươi năm. Ta để mặt hướng về Chúa là Đức Chúa Trời, lấy sự khẩn nguyện, nài xin, với sự kiêng ăn, mặc bao gai, đội tro mà tìm” (Đa-ni-ên 9:2-3). Đa-ni-ên đã cầu nguyện và cầu với vua Si-ru về kế hoạch của Đức Chúa Trời. Kết quả là vua Si-ru đã ban chiếu chỉ cho pép dân Do thái được rời khỏi Ba-by-lôn trở về quê hương (Đa. 1:21; 2 Sử ký 36:22-23; E-xơ-ra 1:1-4). Trong số những gì còn sót lại đó đã xuất hiện một quốc gia được khôi phục và một ngôi đền được xây dựng lại, và từ khởi đầu nhỏ bé đó đã xuất hiện các tiên tri, Lời được viết và cuối cùng là Đấng cứu thế ra đời.

Cảm tạ Đức Chúa Trời.
Cảm ơn Đa-ni-ên, người được Chúa yêu!

Bài 42

Ê-XƠ-TÊ

Nhưng Đức Chúa Trời đã chọn những sự đại ở thế gian để làm hổ thẹn những kẻ khôn; Đức Chúa Trời đã chọn những sự yếu ở thế gian để làm hổ thẹn những sự mạnh

1 Cô-rin-tô 1:27

Đức Chúa Trời luôn luôn có những tôi tớ sẵn sàng chăm sóc cho tuyển dân của Ngài.

Sau khi đế quốc Ba-by-lôn đánh bại Giu-đa, Giê-rê-mi thi hành mục vụ cho những người Do Thái đáng thương còn ở lại quê hương. Ê-xê-chi-ên phục vụ cho những người bị lưu đày sang Ba-by-lôn. E-xơ-ra, Nê-hê-mi, A-ghê và Xa-cha-ri thi hành mục vụ cho 50 000 người Do Thái trở về quê hương. Còn một số người Do Thái không trở về vùng đất thánh thì sao? Vua Si-ru đã cho phép họ trở về, nhưng tại sao họ vẫn còn ở lại trong vùng đất bị lưu đày? Đây là một câu hỏi không dễ dàng để trả lời.

Đa-ni-ên và các bạn hữu đang ở trong tuổi vị thành niên khi bị lưu đày sang Ba-by-lôn. Vì vậy sau bảy mươi năm phu tù họ cũng đã là những người lớn tuổi. Liệu những người ở vào lứa tuổi này có còn muốn trở về quê hương hay không? Nhưng ít nhất hai thế hệ của tuyển dân – có thể là ba thế hệ đã được sinh ra trong khoảng thời gian bảy mươi năm phu tù. Vì vậy những người trẻ tuổi có thể đã trở về xây dựng lại quốc gia và đền thờ. Có lẽ những người trẻ tuổi khác quyết định ở lại cho đến khi ông bà hay cha mẹ họ qua đời trên phần đất của dân ngoại bang (Hãy để tôi chôn cha tôi trước đã - là điều ưu tiên của một số người trẻ), rồi sau đó sẽ trở về vùng đất thánh. Chúng ta không biết có bao nhiêu người ở lại. Tuy nhiên nhiều người đã ở lại vì những mối dây ràng buộc – có thể liên quan đến công việc làm ăn hoặc đơn giản là họ không muốn về.

Giữa vòng những người ở lại đó có Mạc-đô-chê và một cô gái xinh đẹp mồ côi là cháu họ mà ông nuôi dưỡng được gọi là Ê-xơ-tê. Tên Ê-xơ-tê có nghĩa là một ngôi sao. Kinh Thánh cho biết Mạc-đô-chê ngồi châu nơi cổng vua (2:21), nên chúng ta có thể xem như ông là một viên chức nhỏ trong triều đình. Chúng ta không nên đứng ở vị trí phán xét tại sao Mạc-đô-chê và Ê-xơ-tê không trở về quê hương. Bởi vì Đức Chúa Trời chắc chắn có một kế hoạch tốt đẹp cho họ theo đúng thời điểm của Ngài. Những nhân vật trong sách Ê-xơ-tê có thể chia làm hai nhóm: những người có đặc quyền và những người không có. Từ quan điểm này, thì rõ ràng những người dân bản địa của đế quốc mà vua A-suê-ru cai trị là nhóm người quan trọng, còn tuyển dân Israel ở lại là những người không quan trọng. Nhưng không bao lâu nữa, tình hình đó sẽ được đảo ngược.

SỰ HỢP LẠI CỦA NHÓM NGƯỜI CÓ ĐẶC QUYỀN (Ê-xơ-tê 1)

Sách Ê-xơ-tê bắt đầu với một bữa tiệc do hoàng đế A-suê-ru thiết đãi. Nhà vua “cai trị trên một trăm hai mươi bảy tỉnh, từ Ấn-độ cho đến Ê-thi-ô-bi, khi vua ngự ngôi vương quốc tại Su-sơ, kinh đô người, nhằm năm thứ ba đời trị vì mình, người bày ra một bữa tiệc yến cho hết thầy quan trưởng và thân tộc mình. Đạo binh nước Phe-rơ-sơ và Mê-đi, các bậc sang trọng cùng các quan cai của hàng tỉnh đều ở trước mặt người. Trong nhiều ngày, tức trong một trăm tám mươi ngày, người bày tỏ sự giàu có sang trọng của nước và sự oai nghi rực rỡ của người” (1:1-4). Đa-ni-ên đã tiên đoán rằng người Ba-by-lôn sẽ hiệp nhất thành công các đế quốc của người Medes và Persians (Đa-ni-ên 2:31-39; 7:5; 8:19-20). Điều này xảy ra khi Darius người Mede đại diện cho vua Cyrus tiến vào thành phố Babylon vào năm 539 trước Công nguyên, giết vua Belshazzar và tiếp quản vương quốc của người Babylon (Đa-ni-ên 5). Đế quốc Persians cai trị 300 năm rồi sau đó bị người Hy-lạp đánh bại (Đa-ni-ên 8:21). Ước chừng mười lăm triệu người Do Thái sống ở vùng đất của đế quốc Persians – đế quốc này trải dài từ sông Nile của Ai-cập đến Ấn Độ. Vua Darius, con trai của Xerxes vào năm 538 trước Công nguyên đã ra chiếu chỉ cho phép người Do Thái trở về xứ Palestine, kết thúc bảy mươi năm phu tù (Đa-ni-ên 9; Ê-xơ-ra 1; Giê-rê-mi 25:11-12; 29:10)

Chúng ta trở lại với bữa tiệc hoành tráng kéo dài nhiều ngày trong Ê-xơ-tê 1. Nơi đây tập hợp những khách VIP của hoàng đế A-suê-ru. Những người này duy trì quyền lực chính trị của họ thông qua các mưu đồ và sự dục vọng cá nhân. A-suê-ru đã triệu tập họ từ 127 tỉnh của đế quốc rộng lớn để thảo luận về các kế hoạch của nhà vua và chuẩn bị tuyên chiến với Hy-lạp. Nhà vua muốn các khách mời phải ấn tượng về quyền lực, sự giàu có của vương quốc mà ông cai trị và tất cả bọn họ đều đồng ý với các kế hoạch của ông. Không may là sau đó đế quốc Persians bị đánh bại trong cuộc chiến.

“Trong nhiều ngày, tức trong một trăm tám mươi ngày, vua A-suê-ru bày tỏ sự giàu có sang trọng của nước và sự oai nghi rực rỡ của người. Khi các ngày đó đã qua rồi, vua bày đãi hết thầy dân sự đương có ở tại kinh đô Su-sơ, hoặc lớn hay nhỏ, một cuộc tiệc yến bảy ngày, tại nơi hành lang của thượng uyển

Người ta uống rượu tùy theo lệnh truyền chẳng ai ép phải uống; vì vua đã truyền các thần tể cung điện hãy làm tùy ý của mỗi người muốn. ... Qua ngày thứ bảy, vua uống rượu hứng lòng rồi, bèn truyền cho Mê-hu-man, Bít-tha, Hát-bô-na, Biéc-tha, A-bác-tha, Xê-thạt và Cật-cách, tức bảy hoạn quan hầu cận vua A-suê-ru, dẫn hoàng hậu Vả-thi đến trước mặt vua, đội mão triều hoàng hậu, dâng tỏ ra phết lịch sự của bà cho dân sự và cho các quan trưởng xem thấy; vì tướng mạo bà rất tốt đẹp. Nhưng hoàng hậu Vả-thi không khứng đến theo mạng của vua truyền bởi các hoạn quan. Vua bèn nổi giận dữ, phát nóng nă trong lòng.” (Ê-xơ-tê 1:4-12)

Nhà vua bối rối vì hoàng hậu Vả-thi không đến (bà bất tuân lệnh vua). Lẽ ra hoàng hậu phải có mặt để nhà vua giới thiệu với các quan khách về đẹp của bà.

Các khách VIP đã ăn cao lương mỹ vị, uống các loại rượu ngon cả tuần lễ, và nhiều người trong số họ đã say. Nhà vua cũng sẽ không ngoại lệ. Trong bối cảnh đó, không có người phụ nữ đoan trang nào lại muốn xuất hiện để khoe ra vẻ đẹp của mình.

Me-mu-can là một quan trưởng của vua tâu lên: “Nếu đẹp ý vua, khá giáng chiếu chỉ, chép vào trong sách luật pháp của nước Phe-rơ-sơ và Mê-đi, chẳng hề thay đổi đăng, rằng Vá-thi sẽ chẳng còn vào đến trước mặt vua A-suê-ru nữa; vua khá ban vị hoàng hậu của Vá-thi cho một người khác tốt hơn nàng. Khi chiếu chỉ của vua làm đã được truyền khắp trong nước vua, vì nước thật rộng lớn, thì các người vợ tất phải tôn kính chồng mình, từ người sang trọng cho đến kẻ nhỏ hèn. Lời này đẹp ý vua và các quan trưởng; vua bèn làm theo lời của Me-mu-can đã luận bàn.” (1:19-21)

Hậu quả cho sự bất tuân của Vá-thi là bà bị phế truất khỏi vị trí hoàng hậu đương triều. Đoạn Kinh văn trên đây không giải thích nhà vua đã lên kế hoạch thực thi chiếu chỉ như thế nào, nhưng sắc lệnh ít nhất đã giúp ông thoát khỏi một tình huống xấu hổ. Nhà vua phát động chiến tranh sau đó và trở về trong sự thất bại. Nhưng tất cả hoạt động này – ăn uống tiệc tùng linh đình, phế truất ngôi hoàng hậu, ban hành sắc lệnh và thua cuộc trong chiến tranh - là một phần trong kế hoạch của Đức Chúa Trời để giải cứu tuyển dân khỏi sự hủy diệt. Nếu các đường lối của Chúa có vẻ như phức tạp khó hiểu, hãy nhớ lại sự hiện thấy về cái xe trong Ê-xê-chi-ên chương một. “Ôi! sâu nhiệm thay là sự giàu có, khôn ngoan và thông biết của Đức Chúa Trời! Sự phán xét của Ngài nào ai thấu được, đường nẻo của Ngài nào ai hiểu được!” (Rô-ma 11:33). Chúng ta không cần phải giải thích ý muốn của Đức Chúa Trời hay hiểu được nó, nhưng chúng ta phải vâng phục theo ý muốn Ngài.

MỘT NGƯỜI KHÔNG CÓ QUYỀN LỰC TRỞ THÀNH NGƯỜI CÓ QUYỀN LỰC (Ê-xơ-tê 2).

Khi vua A-suê-ru trở về sau những yến tiệc linh đình, không có hoàng hậu nào chào đón và chăm sóc các tổn thương của ông. Dĩ nhiên ông có toàn quyền lựa chọn một người nữ nào đó trong hoàng tộc hay bất kỳ một phụ nữ nào trong vương quốc để làm hoàng hậu. Một cuộc thi tuyển lựa hoàng hậu được các cố vấn của nhà vua tổ chức khắp đế quốc rộng lớn, những người chiến thắng vòng sơ tuyển sẽ được đưa về tại kinh đô Susa để hoàng đế trực tiếp chọn hoàng hậu. Ê-xơ-tê, một thiếu nữ người Do Thái xuất hiện trong bối cảnh này. Ê-xơ-tê không phải là người tình nguyện để được đưa vào cung vua. Cô gái này được chọn từ một ủy ban đặc biệt của nhà vua, và cô không thể từ chối. Nếu từ chối là vô hình trung chống lại sắc lệnh của vua, và sẽ gặp nguy hiểm.

Ê-xơ-tê là một cô gái mồ côi, được Mạc-đô-chê nuôi dưỡng. Mạc-đô-chê “bảo dưỡng Ê-xơ-tê con gái của cậu mình, vì nàng không có cha mẹ. Người thiếu nữ ấy là tốt tươi hình dạng, đẹp đẽ dung nhan. Vậy, khi cha mẹ nàng đã qua đời rồi, Mạc-đô-chê nhận nàng làm con gái mình” (Ê-xơ-tê 2:7). Cả hai người Ê-xơ-tê và Mạc-đô-chê đều là những người không có đặc ân, là người không quan trọng trong thể chế của vua A-suê-ru. Sau khi Ê-xơ-tê được chọn dự thi sơ tuyển các cô gái xinh đẹp khắp đế quốc, cả hai người đều nghĩ rằng cô sẽ trở về nhà ngay khi các sự xét tuyển sơ bộ kết thúc, nhưng họ đã sai. Đức Chúa Trời đã chọn Ê-xơ-tê làm một người tôi tớ đặc biệt để giải cứu tuyển dân khỏi sự chết. Sẽ không có ai trong vòng tuyển dân Israel có thể thành người quan trọng trong vương triều của vua A-suê-ru, trừ khi người đó trở thành hoàng hậu. Đức

Chúa Trời đã chọn một thiếu nữ yếu đuối – một người không có thể lực để đánh bại những người mạnh sức đầy quyền lực và mang vinh hiển về cho danh Ngài.

Danh của Đức Chúa Trời không được đề cập trong sách Ê-xơ-tê. Nhưng sự hiện diện và quyền tể trị kiểm soát, sự quan phòng của Ngài hiện diện ở đó từ đầu đến cuối. Nhà thần học Augustus Hopkins Strong gọi sự quan phòng của Chúa là “con mắt của Ngài ở khắp mọi nơi.”

Đức Chúa Trời toàn năng là Đức Chúa Trời của hoàn vũ. Vì vậy không có điều gì xảy ra trên cõi tạo vật là tình cờ. “Đất và muôn vật trên đất. Thế gian và những kẻ ở trong đó, đều thuộc về Đức Giê-hô-va” (Thi thiên 24:1). “Đức Giê-hô-va đã lập ngôi Ngài trên các tầng trời. Nước Ngài cai trị trên muôn vật” (Thi. 103:19)

Ê-xơ-tê không nói cho bất cứ ai biết rằng cô là một người Do Thái. Điều này có nghĩa Ê-xơ-tê ăn uống và sinh hoạt giống như một người ngoại bang bản xứ. Đây không phải là một trường hợp phù hợp với luật pháp của người Do Thái, nhưng Chúa vẫn làm việc bên trong và xuyên qua Ê-xơ-tê. Đức Chúa Trời chúc phước cho Đa-ni-ên và Ê-xê-chi-ên bởi vì hai người này vâng lời Chúa trong vấn đề ăn uống liên quan đến thực phẩm sạch và không sạch theo luật pháp tuyển dân, nhưng Ngài cũng chúc phước cho Ê-xơ-tê mặc dù cô không vâng lời Chúa trong nguyên tắc ăn uống của luật Do Thái. Nếu các quan chức đương triều biết Ê-xơ-tê là một người Do Thái, thì có thể họ đã đuổi cô ấy ra khỏi đất nước của họ. Trong hoàn cảnh đó Ê-xơ-tê phải giữ yên lặng, không bày tỏ nguồn gốc dân tộc của mình. Và Mạc-đô-chê cũng vậy. Ông là một viên chức nhỏ phục vụ trong vương triều của A-suê-ru, mặc dù có công trạng thông báo cho vua biết việc phản bội của hai viên hoạn quan (Ê-xơ-tê 2:21-23). Hai viên quan này bị xử tử treo trên cây mộc hình ngay sau đó, nhưng Mạc-đô-chê không được khen thưởng gì (trái lại Ha-man được thăng cấp, ông ta trở nên đầu của các quan trưởng). Không thành vấn đề. Mạc-đô-chê sẽ được công nhận sau đó vì vai trò của ông trong việc đồng công với Ê-xơ-tê để giải cứu tuyển dân khỏi bị tiêu diệt.

Sau khi Ê-xơ-tê được hoàng đế A-suê-ru trao vương miện hoàng hậu, Ha-man giận dữ với Mạc-đô-chê vì người Do Thái này không cúi lạy mình như những viên chức khác. Lòng căm giận khiến cho Ha-man tìm cách tiêu diệt Mạc-đô-chê và cả dân tộc Giu-đa. Vì lúc này Mạc-đô-chê đã công khai danh tính của mình là một người Do Thái. Ha-man âm thầm lên một kế hoạch tiêu diệt cả tuyển dân.

Trong Ê-xơ-tê chương bốn, chúng ta đọc, “Bấy giờ bà Ê-xơ-tê gọi Ha-thác, một hoạn quan của vua, mà vua đã đặt hầu chức Ê-xơ-tê, rồi biểu người đi đến Mạc-đô-chê hỏi cho biết có việc gì, và nhân sao đã có vậy. Ha-thác bèn đi ra đến Mạc-đô-chê tại nơi phố thành ở trước cửa vua” (câu 5-6). Mạc-đô-chê trình bày cho Ha-thác mưu đồ của Ha-man là tuyệt diệt mọi người Do Thái. Ha-thác thông báo lại những điều này với Ê-xơ-tê. “Bấy giờ bà Ê-xơ-tê nói với Ha-thác, và sai người nói lại với Mạc-đô-chê rằng: Các thần bộc và dân chúng các tỉnh của vua đều biết rằng hễ ai, bất luận nam hay nữ, vào cùng vua tại nội viện, mà không được lệnh với thì ai đó theo luật đã định tất phải bị xử tử đi, miễn là được vua gươm cây phù viết vàng ra, thì mới sống; nhưng đã ba

mười ngày rày tôi không được vồi vào cung vua.

Người ta thuật lại cho Mạc-đô-chê các lời của bà Ê-xơ-tê. Mạc-đô-chê biểu đáp lại cùng bà Ê-xơ-tê rằng: Chớ thăm tưởng rằng ở trong cung vua, người sẽ được thoát khỏi phải hơn mọi người Giu-đa khác; vì nếu người làm thình trong lúc này đây, dân Giu-đa hẳn sẽ được tiếp trợ và giải cứu bởi cách khác, còn người và nhà cha người đều sẽ bị hư mất; song nào ai biết rằng chẳng phải vì có cơ hội hiện lúc này mà người được vị hoàng hậu sao?” (4:10-14). Mạc-đô-chê đã nhắc Ê-xơ-tê phải nắm lấy cơ hội đặc biệt này. Còn nếu không Đức Chúa Trời có thể giải cứu tuyền dân bằng một phương cách khác.

Bài học ở đây là, chúng ta phải biết hợp tác và nắm lấy cơ hội từ Chúa. Đừng bao giờ can thiệp vào sự tể trị thần thượng của Đức Chúa Trời. Ngài có thời điểm và lý do để hành động. Và chúng ta phải học tập bước đi bởi đức tin. Đức tin vào Đức Chúa Trời thì không sống theo kế hoạch riêng. Trước giả Thi thiên viết, “Kỳ mạng tôi ở nơi tay Chúa; Xin giải cứu tôi khỏi tay kẻ thù nghịch, và khỏi tay kẻ bắt bớ tôi.” (Thi thiên 31:15)

MỘT NGƯỜI HÈN HẠ NGHĨ RẰNG ANH TA LÀ NGƯỜI QUAN TRỌNG (Ê-xơ-tê 3-6)

Ha-man được giới thiệu vào đầu chương ba của sách Ê-xơ-tê, người này được vua A-suê-ru thăng cấp, nhưng không có bất kỳ lời giải thích nào về lý do của chuyện này. Mạc-đô-chê đã cứu mạng vua thoát khỏi một âm mưu phản nghịch, nhưng không nhận được gì, còn Ha-man được thăng chức. Có thể Ha-man đã thăng tiến trên con đường của mình nhờ vào sự ưu ái của nhà vua và khéo léo ảnh hưởng đến vua trong công tác bổ nhiệm nhân sự, nhưng tất nhiên Chúa cũng đang làm việc để chuẩn bị cho Ha-man một hình phạt sau đó. “Sự kiêu ngạo đi trước, sự bại hoại theo sau. Và tánh tự cao đi trước sự sa ngã.” (Châm ngôn 16:18)

Mạc-đô-chê từ chối quỳ lạy tôn vinh Ha-man như lạy một vị thần. “Mạc-đô-chê không cúi xuống, cũng không lạy Ha-man” (3:2). Cúi xuống lịch sự trước một người khác không bị cấm đối với người Do Thái. Áp-ra-ham đã sấp mình xuống trước mặt các dân họ Hêch (Sáng thế ký 23:7); Gia-cốp và gia đình ông đã sấp mình xuống đất trước mặt Ê-sau (Sáng. 33), và Đa-vít đã sấp mình xuống trước mặt Sau-lơ (1 Sa-mu-ên 24:8). Để được hài lòng vua và muốn được thăng chức các viên quan tại công vua đều quỳ xuống trước mặt Ha-man. Nhưng Mạc-đô-chê không làm theo họ. Những người Do Thái có tri thức đều biết rằng Ha-man là một người A-ma-léc, và dân A-ma-léc là kẻ thù muôn đời của tuyền dân (Xuất. 17:8-16; Phục. 25:17-19; 1 Sa-mu-ên 15). Ngày nào Mạc-đô-chê còn phớt lờ Ha-man, thì sự thù ghét giận dữ của Ha-man với Mạc-đô-chê càng gia tăng. Vì căm thù Mạc-đô-chê là một người Do Thái, nên Ha-man không những chỉ muốn giết chết một mình Mạc-đô-chê mà ông ta còn lên một kế hoạch gian ác nhằm tiêu diệt toàn bộ người Do Thái trên khắp đất nước. “Ha-man tâu với vua A-suê-ru rằng: Có một dân tộc tàn ác, rải rác ra giữa các dân tộc trong những tỉnh của nước vua: luật pháp của chúng nó khác hơn luật pháp của các dân khác; lại chúng nó cũng không tuân theo luật pháp của vua; dung chúng nó chẳng tiện cho vua. Nếu điều đó vừa ý vua, khá giáng chiếu chỉ truyền tuyệt diệt chúng nó đi; rồi tôi sẽ cần mười ngàn ta lạng bạc phỏ vào tay những quan đốc tư để đem vào kho vua.” Nếu vua A-suê-ru cho phép Ha-man tiêu diệt tất cả người Do Thái (mặc dù Ha-man không

xác định được có bao nhiêu người Do Thái trong khắp đất nước), ông ta có thể tịch thu tài sản của họ và kết thúc cuộc tàn sát với số tiền thu được lớn hơn nhiều so với số tiền mà ông đã đóng góp vào kho của vua - và Mạc-đô-chê cùng tuyền dân sẽ biến mất khỏi đế quốc (3:8-9). Tuy nhiên, “trong lòng loài người có nhiều mưu kế; Song ý chí của Đức Giê-hô-va sẽ thành được” (Châm ngôn 19:21).

Ha-man chuẩn bị chu đáo cho kế hoạch của mình, ông lựa chọn một ngày phù hợp để tiến hành kế hoạch đen tối. Nhưng Ha-man không biết rằng: “Người ta bẻ thăm trong vạt áo; Song sự nhút nhát do nơi Đức Giê-hô-va mà đến” (Châm. 16:33)

Câu chuyện diễn tiến đầy kịch tính. Vua A-suê-ru phê chuẩn kế hoạch của Ha-man, cho phép ông đứng ra chuẩn bị tàn sát người Do-Thái. Nhưng gió đã đổi chiều! Trong chương bốn và năm của sách Ê-xơ-tê chúng ta đọc thấy hoàng hậu Ê-xơ-tê được ơn trước mặt vua. Với sự trợ giúp của Mạc-đô-chê, hoàng hậu chuẩn bị phản công mưu đồ đen tối của Ha-man.

Trong chương sáu tiếp theo, công trạng của Mạc-đô-chê trước đây trong việc trình tấu lên vua âm mưu làm phản của hai hoạn quan vốn không được ghi nhận, thì bây giờ A-suê-ru hiểu ra câu chuyện trong một đêm không ngủ được, vua bèn bày tỏ sự khen thưởng và tôn trọng Mạc-đô-chê vì đã có công cứu mình khỏi chết. “Vua nói với Ha-man rằng: Hãy mau mau đem áo triều và ngựa, y như lời người nói, mà mặc cho Mạc-đô-chê, người Giu-đa, đương ngồi tại nơi cửa vua; chớ bỏ qua gì hết về mọi điều người đã nói. Ha-man bèn lấy áo triều và ngựa, mặc cho Mạc-đô-chê, rồi dẫn người cỡi ngựa dạo qua các đường phố của thành nội, mà hô lên trước mặt người rằng: Người mà vua muốn tôn trọng được đãi như vậy!” (6:10-11). Như vậy Đức Chúa Trời đã khiến cho Mạc-đô-chê vốn là một viên chức nhỏ không quan trọng trước đây trở nên một quan chức được nhà vua tôn trọng bội phần. Lúc này thì Ha-man bắt đầu run rẩy.

Trong Ê-xơ-tê chương bảy, “vua và Ha-man đến dự tiệc rượu với hoàng hậu Ê-xơ-tê” (7:1). Ha-man không biết rằng đây sẽ là bữa tiệc cuối cùng của mình. Và điều gì đến cũng đã đến, Ê-xơ-tê vạch ra âm mưu đen tối của Ha-man với vua.

Thật dễ dàng để ghét và coi thường Ha-man vì sự kiêu ngạo và ác ý của ông, nhưng tôi sợ có một chút Ha-man trong tất cả chúng ta, và một số người bị tính cách của Ha-man điều khiển. Môi-se đã nhìn thấy tính cách của Ha-man trong Pha-ra-ôn. Đa-vít nhìn thấy điều này trong Sau-lơ. Chúa Giê-su nhìn thấy nó trong các môn đồ. Các môn đồ thường xuyên tranh luận: “ai trong chúng ta là người lớn nhất?” Gia-cơ và Giăng muốn gọi lửa từ thiên đàng xuống để thiêu đốt ngôi làng của người Sa-ma-ri. Sứ đồ Giăng phải xử lý một vấn đề nổi lên với Đi-ô-trếp là kẻ ủng hộ đứng đầu Hội thánh (3 Giăng 9). Và ngày hôm nay dường như có một Đi-ô-trếp trong mỗi hội thánh.

NHỮNG NGƯỜI YẾU THỂ GIÀNH CHIẾN THẮNG (Ê-xơ-tê 7-10)

Ê-xơ-tê mạo hiểm, đánh cược cả mạng sống của mình để cứu tuyền dân thoát khỏi âm mưu hiểm độc của Ha-man. Trong chương bốn chúng ta đọc, “Bấy giờ bà Ê-xơ-tê nói với Ha-thác, và sai

người nói lại với Mạc-đô-chê rằng: Các thần bộc và dân chúng các tỉnh của vua đều biết rằng hễ ai, bất luận nam hay nữ, vào cùng vua tại nội viện, mà không được lệnh vởi thì ai đó theo luật đã định tất phải bị xử tử đi, miễn là được vua gĩa cây phù viết vàng ra, thì mới sống” (câu 10-11). Hoàng hậu quyết định xuất hiện trước mặt vua, mặc dù không có lệnh vởi. Bà thông báo cho Mạc-đô-chê biết quyết định của mình: “Hãy đi nhóm hiệp các người Giu-đa ở tại Su-sơ, rồi hãy vì tôi kiêng cử ăn trong ba ngày và đêm, chớ ăn hay uống gì hết; tôi và các nàng hầu tôi cũng sẽ kiêng cử ăn nữa; như vậy, tôi sẽ vào cùng vua, là việc trái luật pháp; nếu tôi phải chết thì tôi chết” (câu 16). Đây là một hành động dũng cảm của Ê-xơ-tê. Tinh thần hy sinh này giống như lời mà Chúa Giê-su dạy trong Tân ước, “Vì ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất, còn ai vì có ta mà mất sự sống thì sẽ được lại” (Ma-thi-ơ 16:25). Vua A-suê-ru cũng giống như các nhà cai trị độc tài ở phương Đông là mẫu người không ai có thể đoán trước được các sắc lệnh của ông. Nếu nhà vua đã phê truất ngôi vị hoàng hậu của Vả-thi vì không vâng phục ông, thì ông cũng có thể làm gì đó với Ê-xơ-tê vì bà đã buộc tội quan chức cao cấp đương triều là kẻ giết người?

Trong chương bảy, Kinh Thánh ghi lại: “Ngày thứ hai, trong khi dự tiệc rượu, vua cũng nói với bà Ê-xơ-tê rằng: Hỡi hoàng hậu Ê-xơ-tê, người muốn xin sự gì, tất sẽ ban cho người; muốn cầu gì, dầu cho đến phân nửa nước, tất cũng ban cho. Hoàng hậu Ê-xơ-tê thưa lại rằng: Ôi vua! Nếu tôi được ơn trước mặt vua, và nếu vua vừa ý, xin vua hãy nhậm lời cầu khẩn tôi mà ban mạng sống cho tôi, và theo sự nài xin tôi mà ban cho tôi dân tộc tôi. Vì tôi và dân tộc tôi đã bị bán để hủy diệt, giết chết, và làm cho hư mất đi. Và, nếu chúng tôi bị bán để làm nô lệ, tất tôi đã nín lặng, mặc dầu kẻ thù nghịch chẳng bồi thường sự thiệt hại cho vua lại được. Vua A-suê-ru nói với hoàng hậu Ê-xơ-tê rằng: Kẻ dám toan lòng làm như vậy là ai, và nó ở đâu? Bà Ê-xơ-tê thưa: Kẻ cừu thù, ấy là Ha-man độc ác kia. Ha-man bèn lấy làm khiếp vía trước mặt vua và hoàng hậu. Vua nổi thanh nộ, đứng dậy khỏi bữa tiệc, đi ra nơi ngự viên” (câu 2-6). Nhà vua cần có thời gian để suy nghĩ khi ông đứng dậy khỏi bữa tiệc và đi ra vườn. Trong một thời gian khá nhanh, vua phải đưa ra quyết định sau lời giải bày của hoàng hậu. Trước đó ông không biết rằng hoàng hậu mà ông sùng ái là một người Do Thái, vì vậy ông đã phê chuẩn kế hoạch của Ha-man là tiêu diệt toàn bộ người Do Thái. Một người Do Thái khác tên là Mạc-đô-chê đã cứu mạng vua. Và Mạc-đô-chê cũng sẽ bị giết chết cùng với hoàng hậu nếu âm mưu của Ha-man được thực hiện. Vua A-suê-ru trở nên giận dữ sau khi nghe lời tấu trình của hoàng hậu về kế hoạch của Ha-man. Lúc này ông đã đưa ra một quyết định đúng để bênh vực hoàng hậu và tuyển dân. Nhà vua ra lệnh treo Ha-man lên cây mộc hình. Đây chính là cây mộc hình mà chính Ha-man đã chuẩn bị để xử tử Mạc-đô-chê. Đúng là “gậy ông đập lưng ông.” Đồng thời vua A-suê-ru nói với hoàng hậu Ê-xơ-tê và Mạc-đô-chê, người Giu-đa, rằng: “Nầy ta đã ban cho bà Ê-xơ-tê nhà của Ha-man, còn hần, người ta đã xử treo mộc hình, bởi vì hần đã tra tay ra làm hại người Giu-đa. Vậy, hai người cũng hãy nhân danh vua mà viết về dân Giu-đa điều gì vừa ý hai người, rồi lấy chiếc nhẫn của vua mà ấn dấu. Vì một tờ chiếu chỉ nào viết nhân danh vua và ấn dấu với chiếc nhẫn của vua không thể bãi được.” (Ê-xơ-tê 8:7-8) Mạc-đô-chê viết chiếu chỉ nhân danh vua A-suê-ru và ấn dấu bằng chiếc nhẫn vua; Chiếu chỉ ấy tỏ rằng, “vua ban phép cho dân Giu-đa ở trong các tỉnh các thành của nước A-suê-ru hiệp lại nội trong một ngày, là ngày mười ba tháng mười hai tức tháng A-đa, đặt binh vực sanh mạng mình, tuyệt diệt, đánh giết, và làm cho hư mất quyền năng

của dân cừu địch toan hãm hiếp mình, vợ và con cái mình, cùng cho phép đoạt lấy tài sản của chúng nó.” (Nhà vua không thể bãi bỏ luật cũ, nhưng ông có thể ban hành một sắc lệnh mới thay thế nó). Như vậy gió đã đổi chiều! Người Do Thái là một dân tộc đứng trước nguy cơ bị Ha-man tiêu diệt, bây giờ họ có thể đứng lên bảo vệ mình, đánh giết kẻ thù nghịch và nhận lấy tài sản của chúng. Lời này được ứng nghiệm: “Người công bình được cứu khỏi hoạn nạn; Rồi kẻ hung ác sa vào đó thể cho người.” (Châm ngôn 11:8).

Kẻ thù nghịch Ha-man không những bị tiêu diệt, mà mười đứa con của ông cũng bị giết chết cùng với những kẻ thù nghịch khác (9:6-7). Mạc-đô-chê từ một người không quan trọng trở thành người vĩ đại trong mắt của mọi người. Vua A-suê-ru thăng chức cho ông trở thành tể tướng đương triều. Nhiều người trong khắp đế quốc “nhập bọn với dân Giu-đa; bởi vì chúng nó bắt sợ hãi dân Giu-đa lắm” (8:17).

“Những dân Giu-đa khác ở trong các tỉnh của vua, bèn hiệp lại binh vực cho sanh mạng mình, hãm đánh kẻ thù nghịch mình, giết bảy mươi lăm ngàn người ghen ghét mình, nhưng họ không tra tay vào hóa tài. Việc ấy xảy ra nhằm ngày mười ba của tháng A-đa; còn ngày mười bốn tháng ấy, chúng an nghỉ, lập thành một ngày tiệc yến vui vẻ.” (9:16-17)

Lễ vượt qua của tuyển dân nhắc họ nhớ lại sự giải cứu ra khỏi Ai-cập. Kỳ lễ Hanukkah đánh dấu cho chiến thắng của Judas Maccabaeus trên người Syrian, và khôi phục đền thờ. Và Lễ Purim kỷ niệm sự đánh bại Ha-man và bảo tồn tuyển dân giữa một đất nước ngoại bang. Trong kỳ lễ Purim, sách Ê-xơ-tê được đọc trong nhà hội, và mỗi khi tên Ha-man được xướng lên, những người người tham dự sẽ hô vang: Nguyện danh của nó bị xóa sạch.

“Mạc-đô-chê ghi chép các điều này, và gọi thơ cho hết thầy dân Giu-đa ở trong các tỉnh của vua A-suê-ru, hoặc gần hay xa, để khiến cho họ hằng năm giữ ngày mười bốn và mười lăm của tháng A-đa, vì trong ngày và tháng ấy dân Giu-đa đã thoát khỏi kẻ thù nghịch mình và được bình an, sự đau đớn đổi ra mừng rỡ, và ngày buồn thảm hóa ra ngày lễ; lại bảo họ lập thành ngày tiệc yến và vui mừng, gọi cho lẫn nhau những lễ vật, và bố thí cho người nghèo khổ” (9:20-22).

Tuyển dân Israel nhiều lần bị kẻ thù tấn công, và câu chuyện ở đây cho thấy Đức Chúa Trời giải cứu dân sự Ngài thêm lần nữa. Đế quốc Ai-cập bắt tuyển dân làm phu tù, và tìm cách dìm chết các bé trai Do Thái được sinh ra. Tuy nhiên điều ngược lại đã xảy ra: đạo quân của Pha-ra-ôn bị dìm chết trong dòng nước, và tuyển dân được tự do thoát khỏi cảnh phu tù. Trong thời kỳ các quan xét, tuyển dân bị kẻ thù tấn công và xâm lược bảy lần, nhưng Đức Chúa Trời vẫn bảo vệ dân sự. Trong thời hiện đại, các dân tộc bất chước Nê-bu-cát-nét-sa cố gắng tiêu diệt các thanh niên ưu tú Do Thái trong lò lửa hực (Đa-ni-ên 3), nhưng Israel vẫn luôn được Chúa bảo tồn. Lời hứa trong giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham, “Ta sẽ ban phước cho người nào chúc phước người, rủa sả kẻ nào rủa sả người; và các chi tộc nơi thế gian sẽ nhờ người mà được phước” (Sáng thế ký 12:3) không bao giờ thay đổi.

Đức Chúa Trời có thể sử dụng một người nữ - không cần đến một đạo quân để giải cứu tuyển dân khỏi sự hủy diệt của kẻ thù. C. H. Spurgeon đã nói, “Đôi khi những điều kỳ diệu có thể xảy

ra, mà không cần một phép lạ vật lý nào.” Danh Đức Chúa Trời được che giấu trong sách Ê-xơ-tê, nhưng chúng ta có thể nhìn thấy bàn tay của Ngài trong từng trang sách. Nhiều người Do thái còn ở lại kinh đô Su-sơ có thể đã lãng quên các lời hứa của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài ban phước cho đức tin và lòng can đảm của Ê-xơ-tê cùng với người cha nuôi Mạc đô-chê. Đức Chúa Trời trả lời sự cầu nguyện của những người cầu nguyện cùng với Ê-xơ-tê. “Đức Chúa Trời đã chọn những sự yếu ở thế gian để làm hổ thẹn những sự mạnh” (1 Cô-rin-tô 1:27). Chúng ta cứ tiếp tục tin thác vào lời hứa của Ngài. Những người mạnh sức dường như có vẻ đang chiếm ưu thế, nhưng theo thời điểm của Chúa họ sẽ bị đánh bại. Những người yếu sức có thể trở nên mạnh mẽ vô địch khi họ bước theo Đức Chúa Trời của mình.

Bài 43

E-XƠ-RA

Vì E-xơ-ra đã định chỉ tra xét luật pháp của Đức Giê-hô-va, giữ làm theo, và dạy cho dân Y-sơ-ra-ên biết những luật pháp và giới mạng.

E-xơ-ra 7:10

E-xơ-ra là một học giả hàn lâm, đồng thời ông cũng là một nhà lãnh đạo lớn của tuyển dân Israel. Người Do-thái gọi ông là “Mô-i-se thứ hai” với hàm ý tôn trọng đặc biệt. Truyền thống Do thái nói rằng E-xơ-ra đã tập hợp các bản văn Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ và tổ chức nhà hội đầu tiên sau khi tuyển dân trở về quê hương kết thúc thời kỳ bị lưu đày. Một số người cho rằng người lãnh đạo thật sự không đến từ những tháp ngà học thuật hàn lâm nhưng là từ những chiến hào. Tuy nhiên E-xơ-ra đã chứng minh lời phát biểu này không đúng. Ông đã bày tỏ rằng sự thông thái và chức vụ lãnh đạo nối kết với nhau như hai người bạn. Mẫu người lãnh đạo đó cần một tâm trí uyên bác và “cơ bắp” rắn chắc.

E-xơ-ra được sinh ra trong thời gian tuyển dân bị phu tù ở Ba-tư. Khi trưởng thành ông trở nên một giáo sư hàng đầu của Israel. Trong E-xơ-ra 7:11, E-xơ-ra được giới thiệu là, “thầy tế lễ và văn sĩ, thạo biết những điều răn luật lệ của Đức Giê-hô-va đã truyền cho Y-sơ-ra-ên.” Đức Chúa Trời đã dùng ông lãnh đạo tuyển dân trở về quê hương và khôi phục đất nước đổ nát. Từ chương một đến chương sáu của sách, E-xơ-ra ghi chép lại cuộc hồi hương của khoảng 50 000 người lưu vong trở về vào năm 538 trước Công nguyên dưới sự lãnh đạo của Joshua và Zerubbabel. Và phần còn lại của sách chúng ta thấy làm thế nào mà E-xơ-ra có thể dẫn dắt 2000 người Do Thái trở về Giê-ru-sa-lem hỗ trợ tái thiết quốc gia và hồi sinh các di sản thuộc linh. Mối quan tâm hàng đầu của E-xơ-ra là khôi phục các mục vụ trong đền thờ và làm mới lại giao ước của Đức Chúa Trời với tuyển dân. E-xơ-ra tổ chức lại hệ thống các thầy tế lễ, người ca hát, người Lê-vi và những người phục vụ khác trong đền thờ. Ông cũng đem về theo một số lượng lớn vàng và bạc được nhà vua và những người Do Thái khác dâng hiến, và dĩ nhiên ông mang theo các cuộn sách Kinh văn là Lời của Đức Chúa Trời vốn là tài sản quý báu nhất của tuyển dân.

Điều gì khiến cho một người lãnh đạo được quần chúng đi theo? Chúng ta có bắt chước các khuôn mẫu lãnh đạo của thế giới và cầu nguyện cho họ sẽ làm việc trong đường lối Chúa? Chắc chắn là không. Chúa Giê-su đã dạy về lãnh đạo trong Ma-thi-ơ 20:25-28, “Các ngươi biết rằng các vua dân ngoại thì ép dân phải phục mình, còn các quan lớn thì lấy quyền thế mà trị dân. Trong các ngươi thì không như vậy; trái lại, trong các ngươi, kẻ nào muốn làm lớn, thì sẽ làm đầy tớ các ngươi; còn kẻ nào muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi mọi các ngươi. Ấy vậy, Con người đã đến, không phải để người ta hầu việc mình, song để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người.” Chúng ta có thể học tập có chọn lọc các nguyên tắc xử lý kinh doanh từ những người lãnh đạo của thế giới. Nhưng khi nói về lãnh đạo thuộc linh để ảnh hưởng tích cực lên người khác, chúng ta phải theo các nguyên tắc của Chúa Giê-su. Ở đây chúng ta có thể thấy các yếu tố liên quan sau đây làm cho E-xơ-ra trở nên một người lãnh đạo mạnh mẽ và thành công.

LỜI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Khi nghiên cứu đời sống của những người lãnh đạo ưu tú trong Kinh Thánh, chúng ta khám phá rằng họ đã hết lòng sốt sắng đi theo Lời của Chúa. Mô-i-se đã truyền lại Lời Đức Chúa Trời cho tuyển dân và thế hệ mới chuẩn bị vào đất hứa trong Phục truyền luật lệ ký. Đức Chúa Trời phán dạy Giô-suê bí quyết của sự thành công: “Quyển sách luật pháp này chớ xa miệng ngươi, hãy suy gẫm ngày và đêm, hầu cho cẩn thận làm theo mọi điều đã chép ở trong; vì như vậy ngươi mới được may mắn trong con đường mình, và mới được phước” (Giô-suê 1:8). Tình yêu của Đa-vít dành cho Lời Chúa được bày tỏ trong các Thi thiên. Chúng ta không biết chắc trước giả của Thi thiên 119 là ai, nhưng mỗi câu trong đó nhấn mạnh đến phước hạnh cho những ai vâng theo Lời Chúa.

Sứ đồ Phao-lô truyền báo Ti-mô-thê rằng hiểu biết và vâng theo Lời Chúa là phương cách của Đức Chúa Trời cho chúng ta khám phá và phát triển các ân tứ lãnh đạo. “Cả Kinh thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn, có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình, hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn và sẵn sàng để làm mọi việc lành.” (2 Ti-mô-thê 3:16-17)

Những sách vở khác có thể dạy làm thế nào để kiếm sống, nhưng Kinh Thánh dạy chúng ta làm thế nào để tạo ra một cuộc sống đáng sống khi phục vụ Chúa và dân sự của Ngài.

E-xơ-ra đã “dâng hiến chính mình” để học biết Lời Chúa. Động từ “dâng hiến” ở đây có nghĩa là cương quyết và thiết lập. Nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời là trọng tâm trong cuộc sống của chính E-xơ-ra. Điều này không phải là một hành động thỉnh thoảng ông thực hiện hay chỉ làm những khi nào thấy hứng thú. Những Cơ đốc nhân mà ưu tiên cho việc nghiên cứu Lời Chúa sẽ được Chúa sử dụng để hoàn thành mục đích Ngài. Nhưng nếu chỉ nghiên cứu Lời Chúa thì chưa đủ. Chúng ta cần phải giống như E-xơ-ra: vâng theo Lời Chúa. Sự vâng lời là yếu tố cần thiết cho sự nắm bắt, hiểu biết lẽ thật. Chúa Giê-su dạy, “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là ta nói theo ý ta” (Giăng 7:17)

Cùng với việc học biết và vâng theo Lời Chúa, chúng ta cũng phải chia sẻ Lời ấy mỗi khi có cơ hội. “Dạy” không đòi hỏi phải có một ngôi trường cố định. Chúng ta có thể dạy, hay chia sẻ Lời Chúa trong bất kỳ không gian và thời gian nào. Chúng ta là những kênh dẫn nước sống đến cho người khác, chứ không phải là những hồ chứa nước. Chúa Giê-su phán rằng: “Vì có ấy, mọi thầy thông giáo đã học thông đạo (đã học biết) về Lời Chúa, thì trở nên môn đồ (vâng phục Lời) của vương quốc thiên đàng giống như một người chủ nhà kia, đem những vật mới và cũ ở trong kho mình ra.” (Bản dịch NASB, Ma-thi-ơ 13:12). E-xơ-ra đã trung tín trong tất cả các việc này.

SỰ VINH HIỂN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Khi E-xơ-ra tiếp cận vua để trình bày về việc tuyển dân Israel chuẩn bị trở về vùng đất quê hương, ông theo đuổi một ý tưởng nổi bật: Đức Chúa Trời toàn năng phải được vinh hiển trước các uy quyền cai trị của người ngoại bang. Vì lý do đó, E-xơ-ra không cầu xin vua cho quân lính đi theo để bảo vệ tuyển dân trên hành trình trở về, nhưng thay vào đó ông học tập tin cậy nơi sự bảo vệ của Đức Chúa Trời. “Tại đó, gần bên sông A-ha-va, ta truyền kiêng cử ăn, để chúng ta hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời chúng ta, và cầu xin Ngài chỉ cho biết đường chính đáng chúng ta, con cái chúng ta, và tài sản mình phải đi. Và lại, ta lấy làm thẹn, chẳng dám xin vua một đạo quân và lính kỵ binh vực chúng ta khỏi kẻ thù nghịch trong lúc đi đường; vì chúng ta có nói với vua rằng: Tay của Đức Chúa Trời chúng tôi phù trợ mọi kẻ nào tìm kiếm Ngài; nhưng quyền năng và thanh nợ Ngài kháng cự những kẻ nào lìa bỏ Ngài. Ấy vậy, chúng ta kiêng cử ăn và cầu xin Ngài điều ấy; Ngài bèn nhậm lời chúng ta.” (E-xơ-ra 8:21-23). Đức tin mạnh mẽ của E-xơ-ra đến từ Lời Đức Chúa Trời (Rô-ma 10:17). Ông biết rằng Chúa luôn thành tín, Ngài không bao giờ quên lời hứa của Ngài. Vua Artaxerxes có thể là vua của các vua trên đất vào lúc đó (E-xơ-ra 7:12), nhưng Giê-hô-va Đức Chúa Trời là Vua của các vua trên trời, là Đấng cai trị cả hoàn vũ, bao gồm các tầng trời và trái đất (E-xơ-ra 7:12, 21, 23) và Ngài ban cho các vua trên đất quyền cai trị theo ý Ngài (E-xơ-ra 1:2).

Mỗi khi đối diện với các thách thức, các vấn đề hay có một cơ hội để hầu việc Chúa, chúng ta phải xin Chúa giúp đỡ để qui tất cả vinh hiển về cho Ngài. Xin Chúa hướng dẫn để chúng ta biết cách thực hiện các mục vụ như thế nào, tại sao phải làm mục vụ đó. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ở với dân sự Ngài là một phúc hạnh đặc biệt của tuyển dân. Phao-lô viết, “Y-sơ-ra-ên, là dân được những sự lành con nuôi, sự vinh hiển, lời giao ước, luật pháp, sự thờ phượng và lời hứa” (Rô-ma 9:4). Trong thời gian lang thang ở đồng vắng, đám mây vinh hiển đã dẫn dắt tuyển dân trên mỗi bước đi, khi họ cắm trại đám mây che phủ trên đền tạm. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ở ngay trung tâm của trại quân! Nếu Israel đi theo bất kỳ tuyến đường nào khác hoặc cắm trại ở nơi khác không theo hướng dẫn của Chúa sẽ là hành động nổi loạn chống lại Ngài.

Vì vậy, chúng ta là dân sự của Chúa ngày nay phải nhớ, “hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự chi khác, hãy vì sự vinh hiển Đức Chúa Trời mà làm” (1 Cô-rin-tô 10:31)

CÁNH TAY CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Giống như sứ đồ Phao-lô, E-xơ-ra quân bình giữa Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện (Công vụ 6:4), và khi ông cầu nguyện thì tay của Đức Giê-hô-va phù trợ ông. Các trưng dẫn sau đây cho thấy cánh tay của Đức Chúa Trời làm việc trong sách E-xơ-ra:

7:6. Vì tay của Đức Giê-hô-va phù trợ E-xơ-ra, nên vua ban cho người mọi điều người xin.

7:9. Nhờ tay nhân lành của Đức Chúa Trời phù trợ, E-xơ-ra đến Giê-ru-sa-lem ngày mồng một tháng thứ năm.

7:28. Vì tay của Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi phù trợ E-xơ-ra, và ông chiêu tập các trưởng tộc Y-so-ra-ên đồng đồng đi với mình.

8:18. Vì nhờ tay Đức Chúa Trời phù trợ, Ngài cung ứng những người có kỹ năng để thực hiện các mục vụ đặc biệt trong đền thờ.

8:22. Tay của Đức Chúa Trời chúng tôi phù trợ mọi kẻ nào tìm kiếm Ngài; nhưng quyền năng và thanh nộ Ngài kháng cự những kẻ nào lừa bô Ngài.

E-xơ-ra là một người cầu nguyện, và khi ông cầu nguyện thì Chúa hành động. Trước khi tuyển dân Israel khỏi sự cuộc hành trình dài về lại quê hương, họ đã kiêng ăn, cầu nguyện tìm kiếm Chúa (E-xơ-ra 21-23). Khi về đến nơi, E-xơ-ra khám phá rằng có một số người nam của tuyển dân đã lấy những phụ nữ ngoại bang làm vợ. Điều này phải được xử lý. E-xơ-ra kiêng ăn và cầu nguyện cho vấn nạn này (E-xơ-ra 9), và Đức Chúa Trời hướng dẫn ông và các trưởng lão giải quyết vấn đề theo giới răn của Chúa (E-xơ-ra 10). Lời cầu nguyện của E-xơ-ra trong chương thứ chín của sách có thể so sánh với lời cầu nguyện của Đa-ni-ên (Đa-ni-ên 9) và Nê-hê-mi (Nê-hê-mi 9). Cả ba người này đều hạ mình xuống và xưng tội trước mặt Chúa trên căn bản lời hứa của Ngài trong 2 Sử ký 7:14, “nhược bằng dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt ta, và trở lại, bỏ con đường tà, thì ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xứ họ khỏi tai vạ.”

Là một con người nghiên cứu Lời Chúa, E-xơ-ra cũng là con người của đức tin. Và bởi vì đức tin và lòng khao khát của ông là dâng vinh hiển về Đức Chúa Trời, ông có thể kêu cầu và trông đợi sự trả lời từ Chúa.

KÍNH SỢ ĐỨC CHÚA TRỜI

E-xơ-ra thất vọng biết bao khi về đến Giê-ru-sa-lem, ông khám phá rằng một số người Do Thái đã cưới vợ ngoại bang. Điều này trái nghịch với luật pháp của Chúa. “Sê-ca-nia, con trai Giê-hi-ên, cháu của Ê-lam bèn nói cùng E-xơ-ra rằng: Chúng ta phạm tội với Đức Chúa Trời chúng ta mà cưới những người nữ ngoại thuộc các dân tộc của xứ” (E-xơ-ra 10:2). Giải pháp duy nhất vào lúc này là thú nhận tội lỗi và tái khẳng định sự vâng phục của tuyển dân đối với giao ước của Chúa. “E-xơ-ra nói rằng: Các ngươi đã phạm tội, cưới vợ ngoại bang, và thêm nhiều lên tội lỗi của Y-so-ra-ên. Nhưng bây giờ, khá xưng tội lỗi mình cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, và làm điều đẹp ý Ngài: hãy phân cách khỏi các dân tộc của xứ và khỏi những người

vợ ngoại bang. Cả hội chúng bèn đáp lớn tiếng rằng: Phải, điều ông đã nói, chúng tôi phải làm theo.” (E-xơ-ra 10:10-12). Vì thế E-xơ-ra đứng ra giải quyết vấn đề này.

Thầy tế lễ E-xơ-ra không chỉ dâng hiến chính mình để học biết Lời Chúa, ông còn vâng theo Lời Chúa, truyền dạy lại Lời ấy cho dân sự. Ông thực hành áp dụng Lời Chúa cho chính mình và người khác. Ông có tấm lòng kính sợ Chúa, và biết rằng sự vâng theo Lời Chúa là chìa khóa dẫn đến các phước hạnh. Khi Phao-lô liệt kê các tội lỗi của người Do Thái và ngoại bang trong Rô-ma 3:9-20, ông nhấn mạnh, “chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời ở trước mặt chúng nó.” (3:18). Đây là loại tội lỗi khiến cho con người dễ vi phạm hơn các tội khác. Khi kính sợ Đức Chúa Trời, chúng ta không còn sợ bất cứ một chủ thể nào, vì Ngài ở về phía chúng ta. Ngược lại, khi con người không kính sợ Đức Chúa Trời thì họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn.

Bởi vì E-xơ-ra cống hiến chính mình cho Lời của Chúa, nên Lời đó chuẩn bị cho ông những mục vụ tốt đẹp mà Chúa ủy thác. Lời Đức Chúa Trời làm cho ông trở thành một người lãnh đạo, giáo sư và khiến ông có đức tin để tin cậy Đức Chúa Trời trong những tình huống khó khăn. Ông phục vụ Chúa vì sự vinh hiển của Ngài – không vì các tư lợi cá nhân. Khi ông cầu nguyện, cánh tay của Chúa phù trợ ở trên ông và dân sự. Kết quả là Đức Chúa Trời được vinh hiển trong tất cả những gì ông làm.

E-xơ-ra mời gọi chúng ta ghi danh vào Trường học của Đức Chúa Trời về thuật lãnh đạo. Không có Trường nào tốt hơn.

Bài 44

NÊ-HÊ-MI

Tôi sai sứ giả đến nói cùng chúng rằng: Ta mắc làm công việc lớn, xuống không đăng.

Nê-hê-mi 6:3

Nê-hê-mi không phải là một thầy tế lễ hàn lâm giống như E-xơ-ra. Ông cũng không phải là một tiên tri tài năng như Ê-xê-chi-ên hay Đa-ni-ên. Ngày hôm nay chúng ta có thể gọi ông là một “giáo dân” bình thường trong cộng đồng hội thánh. Là một viên quan nhỏ dâng rượu cho vua (quan tửu chánh) Artaxerxes Longmanus, ông có trách nhiệm trong công việc và vui hưởng sự thân mật với nhà vua. Nê-hê-mi phải bảo đảm các thức ăn và đồ uống của vua thật sự an toàn, và ông cũng có trách nhiệm liên quan đến việc quản lý cung điện. Ông là con người chính trực và có độ tin cậy cao. Nê-hê-mi được xem là một trong những người có năng lực được vua sử dụng. Ở rất gần nhà vua, Nê-hê-mi có thể sử dụng ảnh hưởng của mình để trục lợi cá nhân, nhưng ông không làm như thế. Là người của Đức Chúa Trời, ông lánh xa các mưu đồ chính trị thường thấy ở các cung điện và sống để phục vụ Đức Chúa Trời của mình.

Đức Chúa Trời kêu gọi Nê-hê-mi rời bỏ nếp sống dễ chịu trong cung để trở về quê hương xây dựng lại các tường thành và các cổng của Giê-ru-sa-lem. Sách của Nê-hê-mi là một cẩm nang

huấn luyện cho những người lãnh đạo tin kính. Trong năm mươi hai ngày, Nê-hê-mi và những người bạn đồng công đã vượt qua mọi trở ngại để hoàn thành các bức tường và làm mới giao ước của Chúa với dân sự.

Một trong những điều khiến Nê-hê-mi tiếp tục mục vụ của mình là nhận ra rằng cá nhân ông đã tham gia vào một công trình lớn. Hầu hết mọi người nghĩ rằng việc ông trở thành quan tử chánh cho nhà vua là một công việc lớn hơn nhiều so với việc xây lắp các viên đá vào tường thành Giê-ru-sa-lem. Nhưng Nê-hê-mi đã có một suy nghĩ khác biệt. Ông đi theo ý muốn của Chúa.

Nếu không nhận lãnh trách nhiệm từ sự ủy thác của Chúa như là một cơ hội để làm vinh hiển danh Ngài, cuối cùng chúng ta sẽ nản lòng và bỏ cuộc. Bất kỳ công việc nào Chúa giao cho chúng ta làm, thì đó là một công việc lớn. Cho dù công việc đó có thể là giữ nhà, chăm sóc trẻ, vận hành máy móc, lái xe tải hay xây dựng lại một thành phố bị chiến tranh tàn phá. Khi nhận thức rõ ràng điều này, chúng ta sẽ kiên định trong công việc của mình. Phao-lô viết cho những Cơ đốc nhân đang ở địa vị tôi tớ phục vụ chủ nhân, “Hãy làm việc gì, hãy hết lòng mà làm, như làm cho Chúa, chứ không phải làm cho người ta” (Cô-lô-se 3:23).

Từ “lớn” được sử dụng ít nhất hai mươi lần trong sách Nê-hê-mi, và nó là chìa khóa để chúng ta có thể trả lời cho câu hỏi: Làm thế nào để xác định là chúng ta đang làm “những việc lớn” cho Đức Chúa Trời? Chúng ta cần lập một bảng kiểm tra theo những câu hỏi sau đây trong sự thành thật với chính mình:

CHÚNG TA CÓ MỘT GÁNH NẶNG LỚN?

Nê-hê-mi không được chọn để đi đến thành phố đổ nát Giê-ru-sa-lem; ông tình nguyện để làm việc này. Nê-hê-mi tường thuật, “khi tôi đương ở tại kinh đô Su-sơ, có một người trong anh em tôi tên là Ha-na-ni với vài người Giu-đa đến, tôi hỏi thăm chúng về dân Giu-đa đã được thoát khỏi, tức những kẻ đã bị bắt làm phu tù còn sót lại, và hỏi luôn về những việc Giê-ru-sa-lem.” (1:1-2). Có thể Nê-hê-mi đã đọc sách tiên tri Giê-rê-mi trước đó, “Hỡi Giê-ru-sa-lem, ai sẽ thương xót ngươi được sao? Ai sẽ than tiếc ngươi? Ai sẽ xây lại mà hỏi thăm ngươi?” (Giê-rê-mi 15:5). Ha-na-ni đưa ra một câu trả lời khiến cho Nê-hê-mi ngỡ ngàng: “Những kẻ bị bắt làm phu tù còn sót ở lại trong tình, bị tai nạn và si nhục lắm; còn vách thành của Giê-ru-sa-lem thì hư nát và các cửa nó đã bị lửa cháy” (1:3).

Tuyển dân đang ở trong một vấn nạn nghiêm trọng. Họ xấu hổ trước các dân ngoại bang khi thành thánh bị hư nát, các cửa thành bị thiêu rụi. Giê-hô-va Đức Chúa Trời không được vinh hiển trong tình trạng này. Còn đâu nữa thành phố của Vua lớn? Tin xấu này ảnh hưởng đến quan tử chánh của nhà vua? Điều này làm tâm lòng của Nê-hê-mi tan vỡ. Kinh Thánh ghi lại: “Khi Nê-hê-mi nghe các lời ấy, bèn ngồi mà khóc, cư tang mấy ngày; cử ăn và cầu nguyện Đức Chúa của các tầng trời...” (1:4). Nê-hê-mi đã có một sự chọn lựa, ông quyết định đứng về phía tuyển dân, khóc than cho sự đổ nát của thành thánh và chuẩn bị cho những hành động tiếp theo. Nê-hê-mi có thể tiếp tục hưởng thụ nếp sống dễ chịu trong cung vua, và gọi tiền hay các nhu yếu phẩm về Giê-ru-sa-lem để trợ giúp tuyển dân. Ông có thể lý luận: từ kinh đô Su-sơ về Giê-ru-sa-lem xa

quá, cả hàng ngàn dặm đường, tôi không thể làm được gì. Nhưng không như vậy, Nê-hê-mi là một người có gánh nặng cho nhà của Chúa.

Khi Đức Chúa Trời muốn ban phước và làm chúng ta trở nên một nguồn phước cho người khác, Ngài thường đặt một gánh nặng bên trong chúng ta. Tôi cho rằng Nê-hê-mi đã suy nghĩ về tình trạng của Giê-ru-sa-lem và cầu nguyện cho thành thánh nhiều lần trước khi ông dò hỏi các tin tức về nó. Mặc dù đang hưởng thụ cuộc sống thoải mái trong cung điện của vua Persian, nhưng tấm lòng của ông hòa hiệp với những người Do Thái tin kính khác, “có lòng hướng về đường dẫn đến Si-ôn!” (Thi thiên 84:5). D. L. Moody đã nói về Nê-hê-mi, “nếu bạn có thể khoan một cái lỗ trên đầu ông, bạn sẽ tìm thấy dấu ấn Giê-ru-sa-lem trên não của ông. Nếu bạn có thể nhìn vào tấm lòng của ông, bạn sẽ tìm thấy Giê-ru-sa-lem ở đó.” Nê-hê-mi là một người gương mẫu trong Cựu Ước được Tân Ước mô tả, “ham mến các sự ở trên trời, đừng ham mến các sự ở dưới đất” (Cô-lô-se 3:2). Ông đứng chung với sứ đồ Phao-lô trong trải nghiệm, “Tôi buồn bực lắm, lòng tôi hằng đau đớn. Bởi tôi ước ao có thể chính mình bị dứt bỏ, lìa khỏi Đấng Christ, vì anh em bà con tôi theo phần xác, tức là dân Y-sơ-ra-ên, là dân được những sự làm con nuôi, sự vinh hiển, lời giao ước, luật pháp, sự thờ phượng và lời hứa” (Rô-ma 9:2-3)

Chúng ta có sẵn sàng làm việc cho Đức Chúa Trời vì gánh nặng Ngài đặt vào lòng chúng ta? Chúng ta sẵn sàng vâng lời Chúa và nhìn thấy gánh nặng đó được biến đổi thành nguồn phước?

CHÚNG TA NHÌN THẤY NHỮNG VIỆC LỚN?

Nê-hê-mi ngồi xuống và khóc, và rồi ông quỳ xuống cầu nguyện (Nê-hê-mi 1:4-11). Những gánh nặng và trận chiến được hoán đổi thành nguồn phước xuyên qua đức tin trong sự cầu nguyện. Khi Nê-hê-mi nhìn thấy tình cảnh của tuyền dân, ông không thấy đó là một thảm họa – ông nhìn thấy đó một cơ hội. Những điều đang xảy ra là những tin tức xấu cho tuyền dân, nhưng họ sẽ không cứ ở mãi trong tình trạng đó. Người Israel có một giao ước vĩnh cửu với Đức Chúa Trời, và Ngài sẽ hoàn thành lời hứa của Ngài trên họ (Nê-hê-mi 1:8-9; Phục truyền. 30:1-5). Nhờ vào sự nhơn từ lớn lao của Chúa (Nê-hê-mi 9:25, 35) những dân sót trở về sẽ trở thành những công nhân xây dựng và những chiến binh. Các bức tường và cổng của Giê-ru-sa-lem sẽ được phục hồi.

Từ ngữ mô tả cho kinh nghiệm này của Nê-hê-mi là “khải tượng.” Nê-hê-mi không phải là người ở trên mây sống với những giấc mơ hảo huyền. Ông là một con người của đức tin và Khải tượng. Là người mà “nhìn thấy những điều không thấy được, chọn lựa điều bất tử, và làm điều bất khả thi.” (nói theo cách của Vance Havner). Ông đánh giá vấn đề theo lăng kính và sự vĩ đại của Đức Chúa Trời – không phải bằng cái nhìn yếu đuối của con người. Khi nhìn thấy những khả năng và cơ hội được mở ra trong những tình huống khó khăn, chúng ta đang đứng trong đức tin cùng với Nê-hê-mi, Môi-se, Giô-suê, Đa-vít, Phao-lô và cả một đạo quân hùng hậu là những anh hùng đức tin trong lịch sử hội thánh đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời để góp phần thay đổi thế giới này.

TÔI CÓ TIN CẬY VÀO MỘT ĐỨC CHÚA TRỜI VĨ ĐẠI?

Nê-hê-mi là một người cầu nguyện² và ông cầu nguyện với một Đức Chúa Trời vĩ đại. “Ôi! Giê-hô-va Đức Chúa của các tầng trời, tức Đức Chúa Trời cực đại và đáng kinh, hay giữ lời giao ước

và lòng nhân từ cùng kẻ nào kính mến Ngài và vâng giữ các điều răn của Ngài!” (Nê-hê-mi 1:5). Có mười hai lời thành cầu trong sách của Nê-hê-mi, bao gồm lời cầu nguyện xưng tội và ăn năn trong chương chín đề cập đến sự thương xót (lòng nhơn từ) lớn lao của Chúa (câu 19, 27. Nê-hê-mi và những người lãnh đạo khác đã gọi Đức Chúa Trời là: “Đức Chúa Trời rất lớn rất quyền năng và đáng sợ, hằng giữ giao ước và sự nhân từ, xin chớ coi nhỏ mọn trước mặt Chúa các việc đau đớn cực nhọc đã giáng trên chúng tôi...” (Câu 32). Lưu ý rằng những lời cầu nguyện trong chương chín của các sách E-xơ-ra, Nê-hê-mi và Đa-ni-ên là những lời cầu nguyện xưng tội và khẩn xin sự thương xót của Chúa trên dân sự Ngài rất xứng đáng cho chúng ta áp dụng ngày hôm nay.

Điều đầu tiên trong lời cầu nguyện của Nê-hê-mi, ông xưng nhận tội lỗi của mình và tuyền dân. Sau đó ông nhắc Đức Chúa Trời nhớ lại giao ước của Ngài với Israel. Ông biết rằng ông không chỉ cầu xin sự trợ giúp từ Đức Chúa Trời (Nê-hê-mi 1:11). Ông khép lại lời cầu nguyện xin Chúa ban cho ông thành công trong việc trình bày với nhà vua, vì ông muốn xin nghỉ phép để ông có thể đi đến Giê-ru-sa-lem. Sau đó ông đã chờ đợi bốn tháng trước khi tâu trình lên nhà vua. Khi tin cậy vào một Đức Chúa Trời vĩ đại, chúng ta có thể yên lặng chờ đợi sự hướng dẫn của Ngài và không bối rối. Vì là một viên quan tể chánh, nên Nê-hê-mi sẽ gặp vua vào mỗi bữa ăn. Nhưng vào thời điểm ấy nhà vua có lẽ không ở trong kinh đô Su-sa, nên Nê-hê-mi phải chờ đợi vua trở về. Ông không thất vọng hay dao động đức tin vào Đức Chúa Trời của mình. Vì “kỳ mạng tôi ở trong tay Chúa” (Thi thiên 31:15)

Không ai được biểu lộ nỗi buồn hay sầu khổ trong hiện diện với vua Persian; việc đó có thể phải trả giá cho sinh mạng của họ. Nhưng nỗi u buồn của Nê-hê-mi về tình cảnh của Giê-ru-sa-lem đã phản ánh trên khuôn mặt ông, và rồi nhà vua đã hỏi về điều đó. Nê-hê-mi đã “cầu nguyện cùng Đức Chúa của các tầng trời, rồi tâu với vua rằng...” (2:4-5). Ông đã nhanh chóng thưa chuyện với Chúa trước (lời *cầu nguyện ngắn gọn*), rồi sau đó trình bày với vua. Và Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu nguyện của Nê-hê-mi. Dân sự của Chúa phải bước đi trong ánh sáng của lẽ thật và có thể dâng lời cầu nguyện vào bất cứ thời điểm nào – đặc biệt là trước những tình huống quan trọng. Hãy nhớ rằng bốn tháng cầu nguyện riêng tư của Nê-hê-mi chuẩn bị cho lời *cầu nguyện ngắn gọn* này được bắn ra như một mũi tên.

Là một người lãnh đạo khôn ngoan, Nê-hê-mi và những người đồng công luôn cảnh giác trước các sự tấn công từ phía kẻ thù. “Khi San-ba-lát, Tô-bi-gia, những người A-rập, dân Am-môn, và dân Ách-đốt hay rằng việc tu bổ vách thành Giê-ru-sa-lem tấn tới, và các nơi hư lũng hầu lấp lánh, thì chúng nó lấy làm giận dữ, bèn lập mưu với nhau hết thầy đặt đến hãm đánh Giê-ru-sa-lem và làm cho nó bị rối loạn. Nhưng chúng tôi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời chúng tôi, và lập kẻ ngày và đêm canh giữ họ” (Nê-hê-mi 4:7-9). Đôi khi chúng ta phải cầu nguyện với đôi mắt mở ra! (Mác 13:33; 14:38; Ê-phê-sô 6:18; Cô-lô-se 4:2-14)

TÔI ĐANG ĐỐI MẶT VỚI NHỮNG NẠN ĐỀ VÀ SỰ NGĂN TRỞ LỚN?

Bất kỳ ai muốn hoàn thành một mục vụ nào đó chọn Đức Chúa Trời sẽ phải vượt qua các nan đề và những trở ngại. Một ai đó đã định nghĩa “nan đề” là “những điều khó chịu mà bạn nhìn thấy khi bạn rời mắt khỏi mục tiêu.” Nê-hê-mi đã tập chú đôi mắt của ông vào mục tiêu: xây dựng lại các tường thành và cổng Giê-ru-sa-lem để danh Chúa được vinh hiển và thành thánh được vững chắc. Ông biết cách làm thế nào đối mặt với những trở lực, tin cậy sự trợ giúp từ Đức Chúa Trời và vượt qua chúng.

Thử thách đầu tiên của ông là vượt qua sự thờ ơ của mọi người. Nê-bu-cát-nét-sa đã hủy diệt Giê-ru-sa-lem vào năm 586 trước Công nguyên, và những người Do Thái lưu đầy đầu tiên trở về vào năm 538. Họ hoàn thành việc xây dựng đền thờ vào năm 516 và sau đó sửa chữa lại thành phố để có thể ở được. Nê-hê-mi trở về Giê-ru-sa-lem vào năm 444, điều đó có nghĩa là cư dân đã sống bên trong thành mà không có cổng và tường gần như trong 150 năm! Họ đã quen với tình cảnh này, và nếu có ai đề nghị một dự án xây dựng, họ sẽ không phản hồi tích cực. Nhưng Đức Chúa Trời đã sử dụng Nê-hê-mi đặt gánh nặng của ông vào lòng tuyển dân và họ đồng ý chung tay xây dựng lại tường thành (Nê-hê-mi 2:11-20).

Bất cứ khi nào dân sự của Chúa khởi sự hầu việc Ngài, kẻ thù sẽ tấn công và cố gắng ngăn trở công việc. “San-ba-lát, người Hô-rôn, Tô-bi-gia, kẻ tôi tớ Am-môn, và Ghê-Sa-mu-ên, người A-rập, được hay việc đó, bèn nhạo báng và khinh bỉ chúng tôi. Chúng nó nói rằng: Các ngươi làm chi đó? Các ngươi có ý phản nghịch vua sao? Tôi bèn đáp với chúng nó rằng: Đức Chúa của các tầng trời sẽ ban cho chúng ta sự hanh thông; vì vậy, chúng ta, là tôi tớ Ngài, sẽ chỗi dậy và xây sửa lại; nhưng các ngươi không có phần, hoặc phép, hoặc kỷ niệm trong Giê-ru-sa-lem.” (Nê-hê-mi 2:19-20). Và khi tiến trình công việc không bị đình trệ, kẻ thù lại chế giễu và cười nhạo về điều đó (Nê-hê-mi 4:1-3). Những người Israel cầu nguyện và tiếp tục phần việc của mình, đây là một khuôn mẫu tốt để chúng ta bước theo. Nhưng ba kẻ đối nghịch là San-ba-lát, Tô-bi-gia, Ghê-Sa-mu-ên không dễ dàng dừng lại, vì họ kêu gọi các đồng minh đe dọa tấn công Giê-ru-sa-lem. Nê-hê-mi kêu gọi trang bị vũ khí cho người Israel trong khi làm việc tái thiết tường thành. Mọi người cầu nguyện và quân thù thối lui. C. H. Supergeon đã từng nói, “nỗi sợ hãi có thể đánh thức nhưng không bao giờ được phép làm suy yếu chúng ta.”

Nếu kẻ thù không thể ngăn cản chúng ta bằng cách tấn công từ bên ngoài, chúng sẽ tấn công từ bên trong. Đầu tiên một số công nhân sẽ cảm thấy thất vọng và đưa ra quyết định sai lầm: “Người Giu-đa nói: Còn nhiều đồ hư nát, và sức lực của kẻ khiêng gánh đã yếu mỏi; chúng ta không thể xây cất vách thành được” (Nê-hê-mi 4:10). Sau đó những người Do Thái nghèo hơn đã kêu cứu. Tình hình kinh tế khó khăn và một số người Do Thái giàu có đã khai thác đồng bào của mình bằng cách cho vay tiền với lãi suất rất cao. Cây trồng đã không sai trái và nạn đói đang đến. Những người Do Thái nghèo hơn kêu cứu và Nê-hê-mi phải đứng ra giải quyết vấn đề này (Nê-hê-mi 5).

Nếu kẻ thù không tấn công cách trực diện, chúng sẽ tấn công nhiều phía khác. Đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời ban cho dân sự Ngài những người lãnh đạo tốt để nhìn thấy vấn đề, và kẻ thù luôn luôn tấn công những người lãnh đạo. San-ba-lát và Ghê-sem tìm cách làm hại Nê-hê-mi sau

khi các vách thành đã được xây sửa xong, nhưng Nê-hê-mi biết âm mưu của chúng (Nê-hê-mi 6:1-4). Khi ấy kẻ thù phao vu tin đồn rằng sinh mạng của Nê-hê-mi đang ở trong sự nguy hiểm và họ đề nghị ông gặp họ tại đền thờ để họ có thể bảo vệ ông, nhưng Nê-hê-mi trả lời: “một người như tôi đây sẽ chạy trốn ư?” (Nê-hê-mi 6:10). Trong tình huống này Nê-hê-mi chứng tỏ ông là một người chân tốt, không phải là một kẻ chăn thuê (Giăng 10:12-13)

Vấn đề tội tặc nhậ bên trong những người nam của tuyển dân là họ lấy vợ ngoại bang (trong đó có các thầy tế lễ và người Lê-vi). Điều này vi phạm luật của Chúa (Nê-hê-mi 13; E-xơ-ra 9-10). Giải quyết vấn đề này cần kiên nhẫn và thời gian. Chỉ những người lãnh đạo đúng đắn theo Lời Chúa mới có thể giải quyết vấn đề này. Hãy nhớ rằng, nếu không có nan đề, sẽ không có sự phát triển. Không ma sát, sẽ không có chuyển động. Sa-tan sẽ không bao giờ tấn công một xác chết.

TÔI CÓ DÁM HY SINH?

Những kẻ chăn thuê làm việc cho các lợi ích cá nhân, và sau đó chạy trốn thay vì đối mặt với kẻ thù để bảo vệ đàn chiên. Nhưng những người lãnh đạo tốt hy sinh và trả giá cho dân sự của Đức Chúa Trời. Tinh thần làm việc của Nê-hê-mi được mô tả: “Chúng tôi làm công việc là như vậy; phân nửa họ cầm cây giáo từ lúc rạng đông cho đến khi sao mọc. Trong lúc ấy, tôi cũng nói với dân sự rằng: Mỗi người hãy cùng tôi tớ mình ngủ đêm tại trong Giê-ru-sa-lem, để ban đêm chúng phòng giữ, và ban ngày làm công việc. Nào tôi, nào anh em tôi, nào các người đầy tớ tôi, nào những lính canh theo tôi, chẳng có ai cởi áo mình ra, mỗi người đều đeo binh khí nơi bên hữu mình.” (4:21-23). Ông không có bất kỳ đặc quyền điều hành nào. Sự thanh liêm và chính trực của Nê-hê-mi còn được thể hiện khi ông được lập làm tổng trấn trong xứ Giu-đa, ông đã không giống như những quan chức đương thời – là những người chỉ biết trục lợi cá nhân. Ông đã có cách hành xử khác biệt (Nê-hê-mi 5:14-19). Ông là một viên quan gương mẫu trong cung.

Trong một buổi nhóm cầu nguyện đêm khuya vào những năm 1950, tôi đã nghe một thánh đồ cầu nguyện, “Lạy Chúa, điều duy nhất chúng con biết về sự hy sinh là sẵn sàng chết vì Phúc âm mà không cần quan tâm là có ai biết chuyện đó không.”_Người này đã có một lời cầu nguyện đúng. Người anh trai và chị dâu của ông đã bị những kẻ thù của Cơ đốc giáo giết vào năm 1934 tại Trung Hoa. Theo khuynh hướng tự nhiên, nếu thỉnh thoảng công hiến, chúng ta sẽ nói cho mọi người biết về điều đó, nhưng Nê-hê-mi thì không, ông biết Đức Chúa Trời “chăm điểm” cho mỗi người. Những người lãnh đạo chân thật không đòi hỏi người khác phải tôn cao mình. Họ lấy chính mình làm gương mẫu cho hành động hy sinh và không cần nói cho ai biết về điều đó.

Chúa Giê-su đã nêu một tấm gương mẫu mực cho tất cả các nhà lãnh đạo, khi Ngài từ bỏ chính mình và chết trên thập tự giá. Đám đông tại đồi Calvary nhìn thấy sự khổ nạn của Chúa Giê-su và thách thức Ngài, “Hãy xuống khỏi thập tự giá đi thì chúng ta sẽ tin.” Chúa Cứu thế đáp lại trong tinh thần của Nê-hê-mi 6:3, “Ta mắc làm công việc lớn, xuống không được.”

Sách của Nê-hê-mi khởi đầu với những khó khăn lớn (1:3), nhưng đóng lại trong sự vui mừng lớn, bởi vì Đức Chúa Trời đã ban năng lực để Israel hoàn thành công việc của họ trong năm

mười hai ngày. “Trong ngày đó, chúng dâng những của lễ trọng thể và vui vẻ; vì Đức Chúa Trời đã khiến cho chúng vui mừng khắp khởi; các người đàn bà và con trẻ cũng vui mừng nữa; sự vui mừng của thành Giê-ru-sa-lem vang ra rất xa” (12:43). Tất cả những điều này khởi phát từ một người có gánh nặng để làm một điều gì đó cho Giê-ru-sa-lem.

Một người nam có thể làm được điều gì? Hãy đọc sách E-xơ-ra và Nê-hê-mi.

Một người nữ có thể làm được điều gì? Hãy đọc về Đê-bô-ra, Ê-xơ-tê, Ru-tơ.

Một đứa trẻ có thể làm được gì? Hãy đọc 2 Các vua 5:1-6 và Giăng 6:8-13

Trong những ngày sắp tới bạn có một gánh nặng, hãy thưa với Chúa về nó. Đức Chúa Trời có thể biến đổi gánh nặng của bạn thành một nguồn phước trong đời sống bạn và người khác.

Phần 2

Đời sống của các nhân vật trong Tân Ước và câu kinh văn diễn tả họ.

Nối Kết Giữa Cựu Và Tân Ước

Cựu Ước là sách của các dòng dõi A-đam (Sáng. 5:1), và kết thúc của nó là một ghi chú không được tốt, “ta đến lấy sự rửa sà mà đánh đất này.” (Ma-la-chi 4:6). Nhưng Tân ước là sách “Gia phả Đức Chúa Giê-su Christ” (Ma-thi-ơ 1:1). Và cuối Tân ước chúng ta đọc thấy, “Chẳng còn có sự nguyên rửa nữa.” (Khải. 22:3). Giê-su Christ là A-đam sau cùng đã được tôn lên làm Đầu của cội sáng tạo mới, và tất cả những ai tin cậy Ngài sẽ trở thành một phần trong phép lạ này: “Vây, nếu ai ở trong Đấng Christ, thì nấy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, nầy mọi sự đều trở nên mới.” (2 Côr. 5:17). Và một ngày kia sẽ sống trong trời mới và đất mới theo lời hứa của Chúa (Khải. 21-22)

Khi đến với Tân ước để học tập từ các câu Kinh văn bày tỏ đời sống của các nhân vật điển hình, chúng ta bắt đầu với Chúa Giê-su Christ. Bởi vì nếu không có Ngài sẽ không có giao ước mới. Nếu bạn có quan điểm sai lầm về Chúa Giê-su, bạn sẽ sai lầm trong các lẽ thật của Tân ước. Nếu bạn đứng đắn với Chúa Giê-su – có một mối liên kết cá nhân với Ngài, bạn sẽ nhận được sự tha tội, bạn thuộc về Ngài, và bạn sẽ kinh nghiệm sự sống dư dật mà Ngài đã hứa ban.

Bài 45

CHÚA GIÊ-SU CHRIST

Ngươi là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường.

Lu-ca 3:22

Một đám đông phấn khích tập trung trên bờ sông Giô-đanh để lắng nghe một con người đặc biệt đến từ đồng vắng. Người này không làm bất kỳ một phép lạ nào, nhưng thông điệp của ông rao giảng có một sức hút kỳ lạ đến mọi người, ngay cả những lãnh đạo Do Thái giáo thời bấy giờ cũng đến xem. Giữa Cựu Ước và Tân Ước có bốn trăm năm yên lặng. Và rồi Giảng Báp-tít xuất hiện, ông là nhà tiên tri cuối cùng và vĩ đại nhất của người Do Thái. Ông công bố vương quốc của Đức Chúa Trời đã đến gần. Nó không phải là một vương quốc chính trị như nhiều người Do Thái đang trông mong. Nó là một vương quốc thuộc linh trong đó có sự tha thứ tội lỗi và sự sống đời đời. Giảng đang báp-tem cho những ai ăn năn tội lỗi và tiếp nhận sứ điệp của ông. Chức vụ của ông nhấn mạnh, “phúc âm Chúa Giê-su Christ là Con Đức Chúa Trời” (Mác 1:1; Công vụ. 1:21-22; 10:37-38). Từ “phúc âm” có nghĩa là “tin tức tốt lành”. Và thực sự đó là một tin tốt. Vì Đấng Mê-si đã đến theo như các lời tiên tri đã được dự báo trong Cựu ước. Một kỷ nguyên mới đang đến.

Chúa Giê-su từ Na-xa-rét (nơi Ngài đã lớn lên trong gia đình của một người thợ mộc) đến sông Giô-đanh. Lúc đó Chúa ba mươi tuổi và là một người vô danh trong đế quốc rộng lớn. Chúa đến để chịu Giảng làm phép báp-tem chuẩn bị cho một chức vụ ba năm sắp tới. Khi Chúa Giê-su nhận báp-tem và ra khỏi nước, Đức Chúa Cha từ thiên đàng công bố: “Ngươi là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường.”

Mác ghi nhận rằng “Ngài thấy các tầng trời mở ra” (Mác 1:10). Và Đức Thánh Linh lấy hình chim bồ câu đậu xuống trên Ngài. Cảnh tượng đầy kịch tính này bày tỏ cho chúng ta biết Chúa Giê-su là ai, tại sao chúng ta phải tin cậy Ngài và nhận Ngài là Cứu Chúa của đời sống chúng ta.

GIÊ-SU LÀ CON CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Đức Cha công bố về Chúa Giê-su, “Ngươi là Con của Ta.” Điều này có nghĩa Chúa Giê-su Christ là một trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Khi các người lãnh đạo của Do Thái giáo đặt câu hỏi về Chúa Giê-su, Giảng Báp-tít trả lời: “Ta đã thấy và làm chứng về người này rằng, đây là Con Đức Chúa Trời.” Cảnh tượng đang ghi nhớ trong Lu-ca 3:22 bày tỏ chức vụ của Chúa Giê-su trong Đức Chúa Trời ba ngôi hiệp một: Đức Cha tuyên phán từ thiên đàng, Đức Con nhận lãnh báp-tem dưới sông Giô-đanh, và Đức Thánh linh ngự xuống từ thiên đàng trong hình chim bồ câu đậu trên Chúa Giê-su. Gần cuối của chức vụ, trước khi Chúa Giê-su lên thập tự giá, Đức Cha xác nhận một lần nữa về thân vị của Chúa Giê-su trên núi hóa hình, “Này là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường; hãy nghe lời Con đó!” (Ma-thi-ơ 17:5)

Tiên tri Ê-sai đã dự báo trước về Đấng Mê-si sẽ đến, “Này, đây tớ ta đây, là kẻ ta nâng đỡ; là kẻ ta chọn lựa, là kẻ mà linh hồn ta lấy làm đẹp lòng. Ta đã đặt Thần ta trên người, người sẽ tỏ ra sự công bình cho các dân ngoại” (Ê-sai 42:1; Ma-thi-ơ 12:18-21). Trong câu này, Đức Cha phán dạy về Đức Con. Đức Cha đặt Đức Thánh Linh trên Đức Con. Đây là khai thị về Đức Chúa Trời ba Ngôi hiệp một. Ngay cả Satan và những quỷ sứ của nó cũng nhận biết Thần tính của Chúa Giê-su Christ (Ma-thi-ơ 4:3; 8:29), và Sau-lơ người Tạt-sơ cải đạo trở thành sứ đồ Phao-lô cũng dạn dĩ công bố trong các nhà hội rằng: “Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời.” (Công vụ. 9:20).

Khi Chúa Giê-su hỏi các môn đồ Ngài là ai. Phi-e-rơ thưa rằng, “Thầy là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống” (Ma-thi-ơ 16:15-16). Và Chúa Giê-su không phủ nhận điều này. Sứ đồ Giăng viết, “Vì bằng có ai xưng Đức Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời ở trong người, và người ở trong Đức Chúa Trời” (1 Giăng 4:15). Giăng kết thúc lá thư thứ nhất của ông với một lời nhắc nhở: “Nhưng chúng ta biết Con Đức Chúa Trời đã đến, Ngài đã ban trí khôn cho chúng ta để chúng ta biết Đấng chân thật, và chúng ta ở trong Đấng chân thật, là ở trong Đức Chúa Giê-su Christ, Con của Ngài. Ấy chính Ngài là Đức Chúa Trời chân thật và là sự sống đời đời. Hỡi các con cái bé mọn, hãy giữ mình về hình tượng!” (1 Giăng 5:20-21). Nếu bạn không thờ phượng Giê-su là Con Đức Chúa Trời, khi đó bạn không thờ phượng Đức Cha. Chúa Giê-su phán, “Ai không tôn kính Con, ấy là không tôn kính Cha, là Đấng đã sai Con đến.” (Giăng 5:23)

Đây chính là lý do Giăng viết sách Phúc âm, trong đó ông giới thiệu Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời và khích lệ con người tiếp nhận Ngài để nhận lãnh sự sống đời đời. “Đức Chúa Giê-su đã làm trước mặt môn đồ Ngài nhiều phép lạ khác nữa, mà không chép trong sách này. Nhưng các việc này đã chép, để cho các người tin rằng Đức Chúa Giê-su là Đấng Christ, tức là Con Đức Chúa Trời, và để khi các người tin, thì nhờ danh Ngài mà được sự sống” (Giăng 20:30-31).

“Khi người Pha-ri-si nhóm nhau lại, thì Đức Chúa Giê-su hỏi họ rằng: Về Đấng Christ, các người nghĩ thế nào? Ngài là con ai?” (Ma-thi-ơ 22:41-42). Câu hỏi này vẫn còn là một câu hỏi quan trọng nhất của đời sống.

CHÚA GIÊ-SU LÀ CON YÊU DẤU

Lần đầu tiên chúng ta tìm thấy từ *yêu* trong Sáng thế ký 22:2, “Đức Chúa Trời phán rằng: Hãy bắt đứa con một người *yêu* dấu, là Y-sác, và đi đến xứ Mô-ri-a, nơi đó dâng đứa con làm của lễ thiêu ở trên một hòn núi kia mà ta sẽ chỉ cho.” Bây giờ chúng ta suy nghĩ đến Chúa Giê-su. Từ *yêu* được tìm thấy trong sách Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca. Trong khi Chúa Giê-su nhận phép báp-tem, Đức Cha phán, “Người là Con *yêu* dấu của ta.” Sự nhấn mạnh trong Sáng thế ký là tình yêu của cha Áp-ra-ham dành cho Y-sác con trai mình. Và sự nhấn mạnh trong Tân ước là tình yêu thiên thượng của Đức Cha dành cho Đức Con. Đây là một chủ đề mà chúng ta cần chú ý. Khi đọc Phúc âm Giăng, suy ngẫm câu 16, chương 3 chúng ta khám phá tình yêu thương của Đức Chúa Trời dành cho toàn thể nhân loại.

Điều quan trọng mà chúng ta cần thấy là mối quan hệ trong ba Ngôi Đức Chúa Trời là tình yêu. Giăng Báp-tít tuyên bố, “Cha yêu Con, và đã giao hết mọi vật trong tay Con” (Giăng 3:35). Và Chúa Giê-su tuyên phán với các lãnh đạo Do Thái giáo, “Cha yêu Con và tỏ cho mọi điều Cha làm” (Giăng 5:20). Sau đó Chúa cũng dạy, “Này, tại sao Cha yêu ta: Ấy vì ta phó sự sống mình, để được lấy lại” (Giăng 10:17). Chúng ta thường nghĩ về sự chết của Chúa trên đồi Gô-gô-tha như một minh chứng Đức Chúa Trời yêu tội nhân – và điều này là thực (Rô-ma 5:8). Nhưng đòi Sọ cũng là bằng chứng nói rằng Con yêu Cha. Chúa Giê-su xác nhận, “Nhưng thế gian phải biết rằng ta yêu mến Cha, và làm theo điều Cha đã phán dặn” (Giăng 14:31)

Tuy nhiên còn có thêm lễ thật ở đây. Chúa Giê-su yêu chính Ngài cũng giống như Cha yêu Con! Và Cha yêu chúng ta cũng giống như Ngài yêu Con. “Như Cha đã yêu thương ta thế nào, ta cũng yêu thương các ngươi thế ấy” (Giăng 15:9). Lời cầu nguyện của Cứu Chúa là: “Con ở trong họ và Cha ở trong Con, để cho họ toàn vẹn hiệp làm một, và cho thế gian biết chính Cha đã sai Con đến, và Cha đã yêu thương họ cũng như Cha đã yêu thương Con” (17:23). Chúa Giê-su bày tỏ: “Con đã tỏ danh Cha ra cho họ, Con lại sẽ tỏ ra nữa, để cho tình yêu thương của Cha dùng yêu thương Con ở trong họ, và chính mình Con cũng ở trong họ nữa” (17:26).

Cha yêu chúng ta cũng giống như Ngài yêu Con! Con yêu chúng ta cũng giống như Cha yêu Con! Cha đã ban ân điển vô điều kiện cho chúng ta trong Con yêu dấu của Ngài. Phao-lô viết, “bởi sự thương yêu của Ngài đã định trước cho chúng ta được trở nên con nuôi của Ngài bởi Đức Chúa Giê-su Christ, theo ý tốt của Ngài, để khen ngợi sự vinh hiển của ân điển Ngài đã ban cho chúng ta cách nhưng không trong Con yêu dấu của Ngài!” (Ê-phê-sô 1:5-6). Chúng ta được chấp nhận trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời.

GIÊ-SU LÀ CON VÂNG PHỤC

Tình yêu thương và sự hài lòng của Cha tập chú vào Con của Ngài. Và bởi vì chúng ta ở trong Con, nên Ba Ngôi Đức Chúa Trời tập chú vào chúng ta. Đức Cha phán dạy qua tiên tri Ê-sai: “Này, tôi tớ ta đã chọn. Là người mà ta rất yêu dấu, đẹp lòng ta mọi đàng. Ta sẽ cho Thánh Linh ta ngự trên người. Người sẽ rao giảng sự công bình cho dân ngoại” (Ma-thi-ơ 12:18; Ê-sai 42:1). Đức Cha phán với Con, “Ta đẹp lòng về ngươi.” Và Ngài cũng muốn nói như thế với chúng ta. Chúa Giê-su làm chứng về chính Ngài: “ta chẳng tìm ý muốn của ta, nhưng tìm ý muốn của Đấng đã sai ta” (Giăng 5:30). Và Ngài cũng nói, “Đấng đã sai ta đến vẫn ở cùng ta, chẳng để ta ở một mình, vì ta hằng làm sự đẹp lòng Ngài” (Giăng 8:29). Chúa Cứu thế phán, “Đồ ăn của ta tức là làm theo ý muốn của Đấng sai ta đến, và làm trọn công việc Ngài” (Giăng 4:34).

Bước vào năm ba mươi tuổi, Chúa Giê-su chưa tuyên giảng sứ điệp Phúc âm hay làm một phép lạ nào, nhưng Đức Cha đẹp lòng về Ngài. Chúa Cứu thế trưởng thành theo một cách quân bình. “Đức Chúa Giê-su khôn ngoan càng thêm, thân hình càng lớn, càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta. (Lu-ca 2:52). Khi đủ tuổi Ngài làm việc trong xưởng mộc với người cha phần xác Giô-sép (Ma-thi-ơ 13:55; Mác 6:3). Chúa Cứu thế vâng phục cha mẹ phần xác: “Ngài theo về thành Na-xa-rét và chịu lụy cha mẹ” (Lu-ca 2:51). Tại Na-xa-rét Cứu Chúa học và làm nghề thợ mộc với gia đình.

Khi một Cơ đốc nhân được hỏi làm thế nào để sống đẹp lòng Đức Chúa Trời, câu trả lời thường là cầu nguyện, dâng phần mười, suy ngắm Kinh Thánh hàng ngày và thi hành các mục vụ khác. Nếu tất cả những công việc này dâng vinh hiển về cho Đức Chúa Trời, khi đó chúng ta được Chúa đẹp lòng. Đức Chúa Trời cũng đẹp lòng khi con cái tôn kính cha mẹ và khi các công nhân hoàn thành công việc được giao cách tốt nhất. “Và, lúc trước anh em đương còn tối tăm, nhưng bây giờ đã nên người sáng láng trong Chúa. Hãy bước đi như các con sáng láng; vì trái của sự sáng láng ở tại mọi điều nhân từ, công bình và thành thật. Hãy xét điều chi vừa lòng Chúa” (Ê-

phê-sô 5:8-10). “Hỡi kẻ làm con, mọi sự hãy vâng phục cha mẹ mình, vì điều đó đẹp lòng Chúa” (Cô-lô-se 3:20)

Cha thiên thượng đẹp lòng với ba mươi năm đầu tiên trên đất của Con, và Ngài cũng đẹp lòng khi Con nhận báp-tem tại sông Giô-đanh. Tại sao? Bởi vì phép báp-tem là một hình ảnh về tương lai của Cứu Chúa phải chịu chết trên thập tự giá để đền tội cho nhân loại. Chúa Giê-su dạy, “Này, tại sao Cha yêu ta: Ấy vì ta phó sự sống mình, để được lấy lại” (Giăng 10:17). Trên đường đến Giê-ru-sa-lem, Chúa phán với các môn đồ, “Có một phép báp-têm mà ta phải chịu, ta đau đón biết bao cho đến chừng nào phép ấy được hoàn thành!” (Lu-ca 12:50)

Sách Giáo lý chính thức của Giáo hội Công Giáo ghi: “Phép báp têm, dấu hiệu nguyên thủy và đầy đủ là sự trảm mình trong nước, biểu thị cách hiệu quả cho Ki-tô hữu đi vào mồ mã chết vì tội lỗi với Chúa Ki-tô và rồi sống một đời sống mới.”¹ Martin Luther viết rằng phép báp-tem là biểu tượng của sự chết và sự phục sinh. Những ai nhận lãnh báp-tem phải hoàn toàn trảm mình trong nước.² John Calvin, nhà Thần học của Giáo hội Cải chánh viết trong sách Các Chủng Viện Của Cơ Đốc Giáo, “từ báp-tem có nghĩa là trảm mình, và rõ ràng nó là nghi thức ngâm mình trong nước đã được thực hành trong các hội thánh đầu tiên.”³ Trong phần chú giải Kinh Thánh, John Wesley nhà sáng lập giáo hội Methodist đã chú thích Rô-ma 6:4, “chúng ta được chôn với Chúa Giê-su qua nghi thức trảm mình.”⁴ Trong thực tế, sự thực hành của Wesley là trảm mình các trẻ sơ sinh ba lần trong nước.

Có vẻ như hiển nhiên là Giăng đã chôn Chúa Giê-su trong nước tại sông Giô-đanh và rồi đem Ngài ra khỏi nước là bức tranh về sự chết, sự chôn và sự phục sinh của Chúa. Hành động này tượng trưng cho phép báp-têm đau khổ của Chúa chúng ta trên thập tự giá khi những “con sóng và nước lớn” của cơn thịnh nộ Đức Chúa Trời chống lại tội lỗi đổ trên Ngài (Thi thiên 42:7). Lưu ý thú vị là Giô-na cũng trích dẫn Thi thiên 42:7 khi ông bị chìm xuống biển trong bụng của một con cá lớn (Giô-na 2:4). Và Chúa Giê-su đã dạy, “Ngài đáp rằng: Dòng dõi hung ác gian dân này xin một dấu lạ, nhưng sẽ chẳng cho dấu lạ khác ngoài dấu lạ của đấng tiên tri Giô-na. Vì Giô-na đã bị ở trong bụng cá lớn ba ngày ba đêm, cũng một thể ấy, Con người sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm. Đến ngày phán xét, dân thành Ni-ni-ve sẽ đứng dậy với dòng dõi này mà lên án nó, vì dân ấy đã nghe lời Giô-na giảng và ăn năn; mà đây này, có một người tôn trọng hơn Giô-na!” (Ma-thi-ơ 12:39-41). Các nhà lãnh đạo Do Thái giáo đương thời dạy rằng Giê-su người Na-xa-rét đã chết, nhưng bài giảng của Phi-e-rơ trong ngày lễ Ngũ Tuần nhấn mạnh đến sự phục sinh của Chúa Giê-su Christ, và “dấu lạ của tiên tri Giô-na” là dấu lạ duy nhất mà Chúa Giê-su ban cho Israel.

Nhưng đó không phải là tất cả. Khi Giăng Báp-tít phản đối làm phép báp-tem cho Chúa Giê-su. Chúa Cứu thế trả lời: “Bây giờ cứ làm đi, vì chúng ta nên làm cho trọn mọi việc công bình như vậy” (Ma-thi-ơ 3:15). Có phải đại từ “chúng ta” ở đây chỉ về Chúa Giê-su và Giăng? Tôi không nghĩ như vậy. Bởi vì một người thế hạ, tội lỗi như Giăng Báp-tít làm sao có thể hợp tác với Đức Chúa Trời để làm trọn mọi việc công bình? Tôi tin rằng từ “chúng ta” ở đây chỉ về Ba Ngôi Đức Chúa Trời: Cha phát ngôn từ thiên đàng, Con nhận lãnh báp-tem và Đức Thánh Linh đậu xuống

trên Chúa Giê-su trong hình chim bồ câu. Cả Ba Ngôi đều góp phần trong chương trình cứu chuộc vĩ đại. Cha thiên thượng hài lòng vì Con sẵn sàng chịu thống khổ và trả giá bằng sự chết để trở thành Cứu Chúa của thế gian. “Này, tại sao Cha yêu ta: Ấy vì ta phó sự sống mình, để được lấy lại” (Giăng 10:17). Cứu Chúa đã vâng phục cho đến chết thậm chí chết trên cây thập tự (Phi-líp 2:8).

Thêm một điều nữa. Đức Thánh Linh ngự xuống trong hình chim bồ câu, và tên Giô-na có nghĩa là bồ câu. Bồ câu làm chúng ta nhớ đến Nô-ê và chiếc tàu (Sáng. 8:6-12), và Phi-e-rơ nổi kết phép báp-tem với trận Đại hồng thủy và sự phục sinh của Christ (1 Phi-e-rơ 3:13-22). Hãy suy nghĩ đến những mối liên quan này.

GIÊ-SU LÀ CON CHIẾN THẮNG

Đức Thánh Linh đến trong hình chim bồ câu xác nhận Chúa Giê-su đã đến gặp Giăng Báp-tít (Giăng 1:32-34), và từ khi Chúa bước vào thế giới, thì Đức Thánh Linh làm vinh hiển Chúa Giê-su và bày tỏ Ngài cho những tâm lòng tìm kiếm nước trời. Chúa Giê-su dạy về Đức Thánh linh: “Ấy chính Ngài sẽ làm sáng danh ta, vì Ngài sẽ lấy điều thuộc về ta mà rao báo cho các ngươi” (Giăng 16:14). J. Sidlow Baxter đã nói, “Bất cứ điều gì bắt đầu với Đức Thánh Linh, thì luôn luôn dẫn tới Christ.” Thật là một lễ thật kỳ diệu! Đức Thánh Linh chỉ ra Chúa Giê-su hiện diện trong Lời và ban quyền năng để chúng ta làm chứng về Chúa Giê-su cho thế giới (Giăng 15:26-27). “Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các ngươi, thì các ngươi sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất” (Công vụ 1:8).

Chúa Giê-su bước đi và thi hành chức vụ trên đất trong quyền năng Đức Thánh Linh (Công vụ. 10:37-38), và chúng ta cũng phải như vậy. Tuy nhiên có nhiều tín hữu cho rằng vì Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời nên Ngài chỉ đơn giản vận dụng quyền năng siêu việt của Đấng Toàn năng. Những người này cũng lý luận rằng bởi vì họ không có cùng thần tánh như Chúa Giê-su nên Đức Chúa Trời không thể trông đợi nhiều nơi họ. Thực ra đó là một lối suy nghĩ sai. Khi Cứu Chúa ở trên đất, Ngài tùy thuộc vào Đức Thánh Linh, vào sự cầu nguyện, vào Lời. Và những nguồn năng lực thuộc linh đó có sẵn cho chúng ta hôm nay. Khi Satan cám dỗ Chúa Giê-su trong đồng vắng, sự cám dỗ đầu tiên của nó là thách thức Chúa Giê-su sử dụng quyền năng siêu nhiên để phục vụ chính Ngài, và không sống bởi đức tin vào ý muốn của Cha thiên thượng (Ma-thi-ơ 4:1-4). Khi tìm kiếm vinh quang qui về Đấng Christ, Đức Thánh Linh sẽ vận hành trong chúng ta – chúng ta được ở trong Christ, ở trong Lời Chúa và trong sự cầu nguyện.

Bắt đầu với sự thụ thai kỳ diệu bởi quyền năng Đức Thánh Linh (Lu-ca 1:26-28), toàn bộ công tác của Cứu Chúa Trên đất được khai phóng và kiểm soát bởi Đức Thánh Linh.

Sau trải nghiệm vinh hiển tại sông Giô-đanh, Cứu Chúa được Thánh Linh dẫn dắt vào trong đồng vắng chạm trán với ma quỷ và đánh bại nó. (Trong Cựu ước những người Do Thái vượt qua sông Giô-đanh vào trong đồng vắng, rồi tiến về miền đất hứa.) Khi Đức Thánh Linh đưa Chúa Giê-su trở về Na-xa-rét là nơi Ngài công bố sứ điệp đầu tiên trong nhà hội và bị giáo đoàn từ chối (Lu-

ca 4:14-30). Chức vụ rao giảng Phúc âm của Chúa cũng bao gồm chữa lành bệnh tật, đuổi quỷ, gọi kẻ chết sống lại, hay đào tạo các môn đồ. Tất cả các mục vụ này đều được thực hiện trong quyền năng Đức Thánh Linh. Đức Con qui vinh hiển về Đức Cha. Và Cha làm vinh hiển Con (Giăng 12:28; 13:31-32; 17:1). Mục vụ của Con được hoàn thành trong năng quyền Thánh Linh. Không có Ngôi nào tìm vinh hiển cho riêng mình.

Kết luận về bài học này khá rõ ràng: Nếu Con Đức Chúa Trời cần đến Đức Thánh Linh để hoàn thành ý chỉ Đức Chúa Trời, thì chúng ta ngày nay càng cần đến quyền năng Đức Thánh Linh là dường nào! Con người có thể làm nhiều việc tốt đẹp nhưng không dâng vinh hiển cho Chúa Giê-su vì không nhờ cậy Đức Thánh Linh hướng dẫn và ban quyền năng. Các hội chúng ngày hôm nay có quá nhiều bất động sản, các thiết bị công nghệ tinh vi, nhiều kiến thức về quan hệ công chúng, tài năng của con người và.... Nhưng hội chúng để Đức Thánh Linh ra bên ngoài. Con Đức Chúa Trời đang ngự bên hữu Cha thiên thượng khao khát được trao quyền năng chiến thắng của Ngài cho thân thể Ngài trên đất, nhưng chúng ta thích sống theo một cách khác. “Anh em tham muốn mà chẳng được chi; anh em giết người và ghen ghét mà chẳng được việc gì hết; anh em có sự tranh cạnh và chiến đấu; anh em chẳng được chi, vì không cầu xin” (Gia-cơ 4:2). Có bao nhiêu lời cầu nguyện của các thánh đồ xin Cha tuôn đổ quyền năng Thánh Linh Ngài trên Hội Thánh? Đây là chìa khóa cho nguồn năng lực vô biên của Hội Thánh đầu tiên? “Khi đã cầu nguyện, thì nơi nhóm lại rúng động; ai nấy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, giảng đạo Đức Chúa Trời cách dạn dĩ” (Công vụ 4:31).

Oswald Chambers đã viết, “Có một điều mà chúng ta không thể bắt chước - không thể bắt chước sự đầy dẫy Đức Thánh Linh.”

Nhưng chúng ta có thể tiếp tục đánh lừa người khác và chính chúng ta. Tuy nhiên chúng ta không thể đánh lừa Đức Chúa Trời.

Bài 46

XA-CHA-RI VÀ Ê-LI-SA-BÉT

Trong đời Hê-rốt, vua nước Giu-đê, có một thầy tế lễ, về ban A-bi-a, tên là Xa-cha-ri; vợ người là Ê-li-sa-bét, thuộc về chi phái A-rôn. *Cả hai đều là công bình trước mặt Đức Chúa Trời*, vâng giữ mọi điều răn và lễ nghi của Chúa một cách không chỗ trách được.

Lu-ca 1:5-6

Nhà sử học Arnold Toynbee phát biểu trong ngày sinh nhật tám mươi tuổi của ông, “tôi vui mừng vì đang sống những ngày cuối đời ở nước Anh. Người Mỹ đang hướng tới những cái mới và mới hơn nữa mà có thể tôi không theo kịp. Sẽ buồn chán khi sống ở Mỹ trong lúc tuổi già.”

Wow, thừa giáo sư Toynbee, chúng tôi là những người già ở Mỹ không quá buồn chán. Chúng tôi vui mừng về đời sống ở Mỹ, đặc biệt là khi nói đến các thành tựu của công nghệ, y học, và những điều khác. Nhưng phải thừa nhận rằng đôi khi chúng tôi đau buồn vì xã hội tôn vinh

người trẻ và có xu hướng phân loại người cao niên ra khỏi cuộc sống. Khi đọc Kinh Thánh chúng ta thấy rằng thế hệ trẻ của tuyển dân Israel dành một sự tôn kính và tìm kiếm lời tư vấn từ người lớn tuổi. Ước gì tại Mỹ cũng sẽ giống như thế.

Hãy lấy Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét minh họa cho điều chúng ta đang nói. Họ là những người được bác sĩ Lu-ca ghi, “cả hai đều cao tuổi” (Lu-ca 1:7). Người Lê-vi phục vụ Đức Chúa Trời từ năm hai mươi lăm tuổi cho đến năm mươi tuổi. Nhưng luật Do Thái không đề cập cụ thể đến tuổi của thầy tế lễ khi bắt đầu và kết thúc chức vụ. Và chúng ta cũng lưu ý là “tuổi già” trong Kinh Thánh có thể khác với tuổi già trong thời đại hôm nay. Không thành vấn đề, Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét là những thánh đồ cao niên. Nếu bạn chưa phải là những người cao tuổi, thì một ngày kia bạn cũng sẽ đi tới đó, vì vậy hãy suy nghĩ đến hai người đặc biệt ưu tú này.

CHÚNG TA KHÔNG BAO GIỜ QUÁ GIÀ ĐẾN NỖI ĐỨC CHÚA TRỜI KHÔNG THỂ SỬ DỤNG

Thiên sứ Gáp-ri-ên thu hẹp “khoảng cách thế hệ” khi viếng thăm người cao tuổi Xa-cha-ri ở Giê-ru-sa-lem rồi sau đó đến thăm trinh nữ Ma-ri trẻ tuổi ở Na-xa-rét. Thông điệp của Đức Chúa Trời đồng thời đến với người lớn tuổi và người trẻ tuổi. Giống như Áp-ra-ham và Sa-ra, thầy tế lễ Xa-cha-ri và vợ của ông đã vượt quá khả năng để có con, nhưng Chúa đã bỏ qua nan đề lớn tuổi của họ, thực hiện một phép lạ và ban cho họ một đứa con trai. Một đứa con trai kỳ diệu! Chúa Giê-su đã nói về Giăng Báp-tít là “trong những người bởi đàn bà sanh ra, không có ai được tôn trọng hơn Giăng Báp-tít” (Ma-thi-ơ 11:11). Giăng Báp-tít là niềm vui mừng lớn cho cha mẹ khi trưởng thành (Lu-ca 1:14), nhưng cha mẹ của Giăng có thể đã qua đời trước khi nhìn thấy chức vụ công khai của con trai mình.

Trở lại trong Cựu Ước, chúng ta thấy khi thụ thai chuẩn bị sanh Y-sác, Sa-ra đã tám mươi chín tuổi còn Áp-ra-ham chín mươi chín tuổi. Đây là một phép lạ. Khi Đức Chúa Trời chuẩn bị hoàn thành những điều kỳ diệu, Ngài thường bắt đầu với những điều “bất khả thi” của con người. Đức Chúa Trời hỏi Áp-ra-ham, “Có điều chi khó quá cho Ta chăng?” (Sáng thế ký 18:14). Và thiên sứ Gáp-ri-ên truyền bảo Ma-ri, “không việc chi mà Đức Chúa Trời không làm được.” (Lu-ca 1:37). Những lời này luôn nhắc nhở chúng ta, bất luận tuổi tác của chúng ta như thế nào.

Dân sự Chúa thường có khuynh hướng cho rằng các thánh đồ cao tuổi không nên tham gia vào các mục vụ quan trọng và thường xuyên của hội thánh như hướng dẫn cầu nguyện, tổ chức tang lễ, nấu các bữa ăn.... Một số mục sư còn thậm chí phớt lờ những thành viên lớn tuổi và quên rằng Chúa Giê-su đã truyền lệnh cho các môn đồ phải chăm sóc hội chúng như một bầy chiên (Giăng 21:16-17). Trong hầu hết các nhà thờ, người cao tuổi được đưa vào một lớp học Trưởng chủ nhật chuyên biệt. Mặc dù họ được cung cấp chỗ đậu xe gần lối vào nhà thờ, nhưng không phải lúc nào họ cũng cảm thấy gần với tâm lòng của hội chúng. Họ mong muốn được hát một số bài thánh ca vĩ đại của đức tin, và khao khát lắng nghe loại bài giảng tôn cao Chúa Giê-su và ân sủng của Ngài. Rốt cuộc, đối với người cao niên, thời gian không còn nhiều, họ muốn tận dụng tối đa để có thể dâng vinh hiển về cho Chúa và vui hưởng Ngài.

Những người lớn tuổi không bao giờ quá già đến nỗi Chúa không thể sử dụng, cho dù những người trẻ tuổi có đánh giá cao họ hay không. Trong hội thánh thời các sứ đồ, những thánh đồ lớn tuổi dạy cho các thánh đồ trẻ tuổi hơn cách làm việc nhà và cư xử trong giáo đoàn (Tít 2:1-8). Những người lãnh đạo hội thánh được gọi là các trưởng lão bởi vì rõ ràng là họ lớn tuổi hơn. Những người trẻ tuổi phải tôn trọng họ, học từ họ sự khôn ngoan và những bài học kinh nghiệm xương máu. Ngày hôm nay nhiều tín hữu trẻ tuổi nghĩ rằng không có gì mới xảy ra trước năm 1980 và mái tóc màu xám hoặc hói đầu là dấu hiệu của sự lão hóa. Nếu những người lãnh đạo trẻ tuổi của hội thánh biết phối hợp với các thánh đồ cao tuổi thay vì thương hại hay chịu đựng họ, hội thánh sẽ khám phá một nguồn năng lượng lớn của quyền năng thuộc linh.

Một trong những mục vụ dành cho người cao tuổi là dạy cho thế hệ kế tiếp – những người trẻ hơn, những gì Đức Chúa Trời đã làm trong quá khứ (Thi thiên 71:18), ngay cả khi thế hệ trẻ nghĩ rằng những gì thuộc về quá khứ không quan trọng. Giới trẻ học các bài học từ những người lớn tuổi trong một đường lối dễ dàng hoặc họ sẽ học các bài học đó qua những trải nghiệm khó khăn. Người cao niên “đến buổi già bạc, họ sẽ còn sanh bông trái. Được thanh mậu và xanh tươi” (Thi thiên 92:14). Chúng ta biết chắc sự chăm sóc đặc biệt của Đức Chúa Trời dành cho con dân Ngài luôn kéo dài từ lúc họ ấu thơ cho đến cuối cuộc đời, “cho đến chừng các ngươi già cả, đầu râu tóc bạc, ta cũng sẽ bông ảm các ngươi. Ta đã làm ra, thì sẽ còn gánh vác các ngươi nữa. Ta sẽ bông ảm và giải cứu các ngươi” (Ê-sai 46:4). Người cao niên không phải yếu đuối hay hèn nhát, họ vẫn còn được Chúa sử dụng. Sẽ không có chuyện nghỉ hưu ở đây.

CHÚNG TA KHÔNG BAO GIỜ QUÁ GIÀ ĐẾN NÖI KHÔNG THỂ CẦU NGUYỆN VÀ NHÌN THẤY ĐỨC CHÚA TRÖI HÀNH ĐỘNG

Trong ngữ cảnh của câu chuyện trên đây, Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét đã cầu nguyện xin Chúa ban cho họ có con. Nhưng câu trả lời chưa đến. Các cặp vợ chồng người Do Thái trông đợi Đức Chúa Trời ban cho họ con cái, đặc biệt là những thầy tế lễ khao khát có con trai để tiếp tục chức vụ tế lễ của họ. Đường lối của Chúa thì khác biệt với đường lối của con người (Ê-sai 55:8-9). Nhưng khi Ngài hành động để trả lời sự cầu nguyện, Ngài thường làm trở hơn những gì chúng ta cầu xin và suy tưởng.

Dâng hương tại bàn thờ trong nơi thánh là một kinh nghiệm tuyệt vời trong đời đối với thầy tế lễ, và ngày đó có nhiều ý nghĩa cho Xa-cha-ri. Cánh tay của Đức Chúa Trời làm việc trong một đường lối đặc biệt. Ngài sai thiên sứ Gáp-ri-ên đến thông báo cho Xa-cha-ri rằng lời cầu nguyện của ông đã được nhậm và vợ ông sẽ hạ sinh một con trai. Đứa trẻ này sẽ được Đức Chúa Trời ban phước cách đặc biệt. Nó sẽ hầu việc Chúa trong vị trí của một tiên tri, và trở thành người dọn đường cho Đấng Mê-si sẽ đến! Đức Chúa Trời chuẩn bị hoàn thành lời hứa của Ngài, Ngài sẽ sai Đấng Cứu chuộc đến trần gian. Chức vụ của Giăng, con trai Xa-cha-ri là: “chính người lại sẽ lấy tâm thần quyền phép Ê-li mà đi trước mặt Chúa, để đem lòng cha trở về con cái, kẻ loạn nghịch đến sự khôn ngoan của người công bình, để sửa soạn cho Chúa một dân sẵn lòng” (Lu-ca 1:17).

Vợ tôi và tôi có nhiều lý do để tạ ơn Đức Chúa Trời về những thánh đồ cao tuổi đã thường cầu thay cho chúng tôi. Người tôi chưa bao giờ gặp là ông nội của tôi, ông ấy đã cầu nguyện xin Chúa cho dấy lên một thầy giảng Phúc âm trong mỗi thế hệ của gia đình chúng tôi. Và Chúa đã nhậm lời.

Tôi có thể đã chết vào năm hai tuổi, nhưng lời cầu nguyện của ông tôi đã cứu tôi thoát chết. Tôi cũng được cứu thoát khỏi một tai nạn xe hơi nghiêm trọng khi một người lái xe say rượu tông vào xe tôi với tốc độ 80 miles/1 giờ. Nhiều thánh đồ đã cầu thay cho chúng tôi trong khoảng thời gian trên năm mươi năm thi hành chức vụ của tôi. Và bây giờ vợ tôi và tôi cầu thay cho những thế hệ trẻ hơn – là những người đang phục vụ Chúa trên khắp các lĩnh vực. Và họ cũng cầu thay cho chúng tôi!

CHÚNG TA KHÔNG BAO GIỜ QUÁ GIÀ ĐẾN NỖI THẤT BẠI TRONG MỤC VỤ

“Người Giu-đa đòi phép lạ” (1 Cô-rin-tô 1:22) và Xa-cha-ri cũng không ngoại lệ. Đức Chúa Trời nhân từ xử lý với sự nghi ngờ của Xa-cha-ri và cuối cùng mang sự bảo đảm đến. Chúng ta có thể đọc lại câu chuyện của Ghê-đê-ôn trong Các quan xét 6:36-40. Nhưng hãy nhớ rằng sự vô tín cũng là tội lỗi. Khi không tin vào Lời Chúa, chúng ta cho Ngài là kẻ nói dối.

Một thầy tế lễ đầy dẫy Lời Chúa trong tâm trí sẽ có đức tin lớn? Trước khi đề cập đến Xa-cha-ri, hãy nhìn vào chính chúng ta. Có bao nhiêu lần Lời Đức Chúa Trời bày tỏ cho chúng ta biết về ý chỉ của Ngài, rồi sau đó chúng ta nhìn vào chính mình thay vì đặt đức tin nơi Chúa? Xa-cha-ri là một người cao tuổi và vợ của ông cũng đã vượt qua lứa tuổi có khả năng sinh sản. Cũng giống như Áp-ra-ham và Sa-ra trong sách Sáng thế kỷ, nghĩ đến việc có con khiến cho Sa-ra phải cười thầm (Sáng thế kỷ 18). Nhưng khi Đức Chúa Trời phán rằng việc đó phải xảy ra, thì nó sẽ xảy ra.

Tôi đã viết về nhiều người lãnh đạo trong Kinh Thánh gặp thất bại trong một số lĩnh vực của đời sống. Sức mạnh của Áp-ra-ham phát xuất từ đức tin của ông, nhưng khi đối mặt với nạn đói tại Ca-na-an, ông phải di chuyển xuống Ai-cập để tìm kiếm sự trợ giúp (Sáng thế kỷ 12:10-20) và rồi tại đó ông đã phạm lỗi lầm. Môi-se là một người khiêm hòa, nhưng ông đã đánh mất đi phẩm chất này khi dùng cây gậy đập vào hòn đá trong sa mạc – một hành động để Lời Chúa qua một bên. Và vì điều này ông mất đi đặc ân đặt chân vào vùng đất hứa với Israel (Dân số ký 20). Đa-vít là một người chính trực, nhưng đã đánh mất phẩm chất này khi ông nói dối về tội lỗi của mình và tìm cách che giấu nó (2 Sa-mu-ên 11-12). Phi-e-rơ được biết là một sứ đồ can đảm, nhưng đã sợ hãi trong thời khắc khó khăn và chối Thầy mình đến ba lần (Ma-thi-ơ 26:69-75).

Xa-cha-ri đã lớn lên trong bối cảnh chung quanh ông có những người nam và nữ học biết về Lời Đức Chúa Trời và sống theo Lời ấy, và chế độ ăn kiêng ổn định của ông theo lẽ thật chắc chắn tạo ra đức tin trong ông (Rô-ma 10:17). Nhưng khi trực diện với cơ hội chuẩn bị nhìn thấy một phép lạ, ông đã không tin thông báo đến từ Chúa, và vì vậy ông bị cảm không nói được cho đến khi đứa con trai của ông được sinh ra. Đức tin làm chúng ta mở miệng ra ngợi khen Chúa (2 Cô-rin-tô 4:13), nhưng sự vô tín khiến chúng ta mở miệng ra đặt câu hỏi với Chúa. Trường hợp của Xa-cha-ri là miệng ông phải đóng lại khi ông không tin. Khi đã câm thì làm sao hát lời ngợi

khen? Trong khi Ê-li-sa-bét, Ma-ri và những người bà con vui mừng ngợi khen Chúa về những sự kiện vinh diệu sắp diễn ra, Xa-cha-ri vẫn yên lặng, nhưng ông viết một bài ca tụng tôn vinh Chúa trong tấm lòng của mình, và đến một ngày nào đó ông sẽ công bố nó.

Tiến sĩ William Cullertson, một trong những cựu chủ tịch của Học Viện Kinh Thánh Moody ở Chicago, đã từng cầu nguyện, “Xin Chúa cho con có một kết thúc tốt.” Khi trưởng thành theo năm tháng bước đi với Chúa, tôi cũng thường cầu nguyện như vậy. Giới trẻ phạm tội là một điều không vui, nhưng khi những người lớn tuổi đã trải qua các kinh nghiệm tuyệt vời với Chúa mà phạm tội sẽ là một thảm kịch. Nó sẽ hủy hoại nhiều điều mà người đó có được trong quá khứ. F. B. Meyer, thầy giảng Tin Lành Anh Quốc có lần nói với một người bạn, “Tôi hy vọng Cha thiên thượng cứ tuôn chảy dòng sông sự sống trong tôi cho đến khi cuộc sống trên đất tôi kết thúc. Tôi không muốn nó bị tắt nghẽn giữa đường.”

Lạy Chúa, xin giúp đỡ chúng con có một kết thúc tốt đẹp.

CHÚNG TA KHÔNG BAO GIỜ QUÁ GIÀ ĐẾN NỖI KHÔNG THỂ LÀM MỘT ĐIỀU GÌ MỚI

Nếu có người nào đó bám chặt vào truyền thống, thì đó là người Do Thái chính thống, và điều này áp dụng ngay cả với việc đặt tên cho trẻ em. Tên của một đứa trẻ gợi nhớ đến một sự kiện nào đó trong quá khứ hoặc với một số hành động hay thuộc tính đặc biệt của Thiên Chúa, và mối liên kết này cực kỳ quan trọng đối với một số người sống trong một quốc gia thường xuyên gặp nguy hiểm. Đôi khi một vài kinh nghiệm của người mẹ trong thời gian mang thai sẽ xác định tên của đứa bé (như trong trường hợp tên các con trai của Gia-cóp). Theo truyền thống, việc đặt tên cho con trai đầu lòng sẽ theo tên của cha mình, vì nếu cha chết, con trai sẽ giữ tên cha và ký ức về cha trong gia đình (Lu-ca 1:57-66).

Những người bà con và láng giềng với Ê-li-sa-bét và Xa-cha-ri đều trông đợi tên đứa con được sinh ra cho gia đình này sẽ là Xa-cha-ri (Lu-ca 1:59). Nhưng họ rất ngạc nhiên sau khi biết rằng tên đứa bé là Giăng theo sự đồng thuận của cha mẹ nó. Đây là cái tên mà thiên sứ Gáp-ri-ên đã thông báo cho Xa-cha-ri trước đó. “Nhưng thiên sứ nói cùng người rằng: Hỡi Xa-cha-ri, đừng sợ, vì lời cầu nguyện ngươi đã được nhậm rồi. Ê-li-sa-bét, vợ ngươi, sẽ sanh một con trai, ngươi khá đặt tên là Giăng” (Lu-ca 1:13). Tên Giăng có nghĩa “Chúa là nhân từ.”

Thế hệ trẻ thường chỉ trích thế hệ già vì những người lớn tuổi thường tôn vinh những gì đã cũ, từ chối những gì mới và muốn tìm lại “những ngày xưa tốt đẹp.” Những người trẻ nói với chúng ta rằng “những ngày xưa tốt đẹp” chỉ là sự kết hợp giữa trí nhớ tồi và trí tưởng tượng phong phú. Đây có vẻ là một tuyên bố rất thông minh nhưng không phải luôn luôn đúng. Vua Sa-lô-môn đã giải quyết vấn đề này khi viết, “Điều chi đã có, ấy là điều sẽ có; điều gì đã làm, ấy là điều sẽ làm nữa; chẳng có điều gì mới ở dưới mặt trời. Nếu có một vật chi mà người ta nói rằng: Hãy xem, cái này mới, vật ấy thật đã có rồi trong các thời đời trước ta. Người ta chẳng nhớ các đời trước, và các đời sau những người đến sau cũng sẽ chẳng nhớ đến nữa” (Truyền đạo 1:9-11). Sa-lô-môn chỉ ra rằng thế hệ trẻ có một trí nhớ tồi. Họ nói: “hãy nhìn kia, ở đây có một vài điều mới” chỉ

bởi vì họ không biết nhiều điều trong quá khứ. Những gì họ xem là mới thực ra chỉ là một sự tái hợp những gì đã cũ. Sa-lô-môn giải thích rằng chẳng có gì mới dưới ánh mặt trời. Tin tức trên các kênh truyền thông có thể tốt hơn và thú vị hơn, nhưng về bản chất chúng không thay đổi nhiều.

Mặc dù tuổi cao và theo truyền thống như Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét, nhưng họ đã can đảm đem một tên mới vào trong gia đình. Cái mới có thể là "hướng đến thời đại nhưng được neo vào Vàng Đá." Đây là phương châm của "Tuổi Trẻ Vì Christ" một tổ chức đã có từ lâu phát biểu. Bởi vì ân điển của Đức Chúa Trời là một thuộc tính bất biến của Ngài, tên Giăng rất xưa cũ nhưng nó cũng rất mới. (Thực tế, các trẻ em là một hữu thể xưa cũ, nhưng chúng cũng có một vài điều mới.) Chấp nhận mà không cần hỏi về tất cả mọi điều mà thế hệ trẻ nói và làm là nguy hiểm, nhưng từ chối những gì tốt và không khuyến khích điều đó là ngu ngốc. Phước cho sự cân bằng - và tư duy phân biệt đúng lẽ!

CHÚNG TA KHÔNG BAO GIỜ QUÁ GIÀ ĐẾN NỖI KHÔNG THỀ NGỢI KHEN

Nếu bạn bị cầm trong chín tháng rồi sau đó nói được, bạn sẽ nói gì? Được Thần cảm Xa-cha-ri đã công bố một bài ca tụng Chúa! Hầu hết mọi người không ai muốn nghe những người cao tuổi và một vài ca sĩ nổi danh đã nghỉ hưu hát đơn ca. Nhưng tôi muốn được ở trong ngôi nhà đó để nghe những lời ca ngợi của Xa-cha-ri. Trong sự vui mừng hoan hỉ, ông chắc chắn ca ngợi Chúa về phép lạ Chúa đã làm trong gia đình ông. Một phép lạ nối kết với lời hứa về Đấng Mê-si sẽ đến.

Bài ca ngợi của Xa-cha-ri trong Lu-ca 1 là một bài ca về sự cứu chuộc, vì Đứa Chúa Trời sẽ cứu dân Ngài thoát khỏi xiềng xích của tội lỗi như Ngài đã cứu chuộc họ ra khỏi xích xiềng của Ai-cập (câu 68-70). Đây cũng là một bài ca chiến thắng vì Chúa sẽ phù trợ dân Ngài chinh phục kẻ thù và giữ vững sự phục vụ Chúa (câu 77-79). Nhưng sâu sắc hơn, đó là bài ca về sự tha tội, vì các món nợ của tuyển dân sẽ bị hủy bỏ (câu 76-77). Năm hân hỉ - kỳ lễ kỷ niệm đặc biệt của tuyển dân đang đến (Lê-vi-ký 25:8-55; Lu-ca 4:14-21). Xa-cha-ri ca ngợi Con của Đức Chúa Trời nhiều hơn là con trai của ông! Thầy tế lễ cao niên này đã nhìn thấy một bình minh mới cho Israel (câu 78-79), bóng tối tăm và sự chết sẽ lùi xa, những tội nhân được tha thứ sẽ bước đi với Chúa trong sự bình an.

Chúng ta nhớ rằng Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét vui hưởng ân huệ và sự chúc phước của Đức Chúa Trời, vì Ngài bày tỏ sự thành tín và thương xót trên gia đình họ. "*Cả hai đều là công bình trước mặt Đức Chúa Trời.*" Xa-cha-ri có thể hòa lòng với trước già Thi thiên ngợi khen Chúa, "Hỡi người công bình, hãy vui vẻ và hớn hờ nơi Đức Giê-hô-va! Ở các người có lòng ngay thẳng, hãy reo mừng!" (Thi thiên 32:11)

MA-RI, MẸ CỦA CHÚA GIÊ-SU

Ma-ri bèn nói rằng:
Linh hồn tôi ngợi khen Chúa,

Lu-ca 1:46

Các nhà thần học chính thống Hy Lạp gọi Ma-ri là theotokos có nghĩa “người cưu mang Chúa.” Đó là vinh dự cao cả, thánh thiện mà Ma-ri đã chấp nhận với một đức tin khiêm nhường. Tuy nhiên nhiều tín hữu cho rằng vinh dự này đã nâng cao Ma-ri đến nỗi tấm gương của bà vượt xa mọi thứ chúng ta có thể hy vọng đạt được, và chúng ta không nên cố gắng làm điều đó. Với sự trợ giúp của Chúa, chúng ta hy vọng bước theo tấm gương tin kính nhiệt thành của Ru-tơ, hay tấm gương cầu nguyện của An-ne. Nhưng tấm gương cống hiến của Ma-ri thì nhiều tín hữu không thể đạt được.

Giữ quan điểm như trên đây là sai. Ma-ri không bao giờ tìm kiếm vinh hiển cho riêng mình, thay vì vậy, bà nói, “linh hồn tôi ngợi khen Chúa.” Ê-li-sa-bét ca ngợi, “Ngươi (Ma-ri) có phước giữa vòng những phụ nữ, thai trong lòng ngươi cũng được phước” (Lu-ca 1:42). Lưu ý, câu này không nói: ngươi có phước vượt lên trên tất cả những phụ nữ khác. Sự thụ thai của Ma-ri là phép lạ duy nhất, nhưng trong những phương diện khác Ma-ri cũng giống như bất kỳ phụ nữ nào ngày hôm nay tìm kiếm vinh hiển dâng về Chúa. Lời nói cuối cùng trong Tân Ước của bà là: “Hãy làm theo bất cứ điều gì mà Giê-su truyền bảo cho anh” (Giăng 2:5). Và lần xuất hiện cuối cùng của bà được ghi lại trong Công vụ. 1:12-15. Ở đó bà đang nhóm cầu nguyện chung với 119 tín hữu khác, để chờ đợi sự giáng lâm của Đức Thánh Linh. Nếu chúng ta muốn dâng vinh hiển về cho Đức Chúa Trời trong các mục vụ, thì Ma-ri là một tấm gương sáng. Dĩ nhiên Ma-ri có một vị trí độc nhất trong Kinh Thánh, và chúng ta có thể học được các bài học quý báu từ người phụ nữ đặc biệt này.

CHÚNG TA PHẢI NHẬN ÂN ĐIỂN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Ân điển là sự ban cho của Chúa đến với con người mặc dù con người không xứng đáng để nhận. Ân điển này ban xuống cho tất cả nhân loại. Thiên sứ Gáp-ri-ên nói với cô thôn nữ ở Na-xa-rét, “Hỡi người được ơn lớn, mừng cho ngươi; Chúa ở cùng ngươi. Ma-ri nghe nói thì bối rối, tự hỏi rằng lời chào ấy có nghĩa gì. Thiên sứ bèn nói rằng: Hỡi Ma-ri, đừng sợ, vì ngươi đã được ơn lớn trước mặt Đức Chúa Trời.” (Lu-ca 1:29-30). Điều này không có nghĩa phẩm hạnh và tư cách của Ma-ri quá tuyệt vời nên khiến cô nhận được ân ban từ Chúa. Bởi vì ân điển không thể giành lấy được. Ân điển là món quà mà Đức Chúa Trời ban cho những người không xứng đáng thừa nhận nhu cầu của họ và tiếp lấy món quà của Ngài bằng đức tin.

Lời chào mừng của thiên sứ, “ngươi đã được ơn lớn trước mặt Đức Chúa Trời” là cách chuyển ngữ từ tiếng Hy Lạp được sử dụng hai lần trong Tân Ước: Lu-ca 1:28 và Ê-phê-sô 1:6. Chúng ta

đọc thấy, "...để khen ngợi *sự vinh hiển của ân điển Ngài (His glorious grace)* đã ban cho chúng ta cách nhưng không trong Con yêu dấu của Ngài!" (Ê-phê-sô 1:6). Trong ngôn ngữ Hy Lạp lời chào mừng trên có nghĩa là "người được ban cho ân điển". Nói cách khác những lời thiên sứ nói với Ma-ri, thì Đức Chúa Trời cũng phán lời ấy với mỗi tín hữu. Tất cả chúng ta đều được "ban ơn bởi ân điển của Chúa". Weymouth dịch rõ nghĩa của Ê-phê-sô 1:6: "Ngài đã làm giàu cho chúng ta trong Con yêu dấu."

Trong trường hợp này, chúng ta có thể theo tấm gương của Ma-ri là người khao khát tôn vinh Chúa trong tất cả những gì cô ấy đã làm. Điều huyền nhiệm không phải là khả năng của tạo vật nhưng là ân sủng của Đấng sáng tạo. Ma-ri là một cô gái nghèo, nhưng dâng vinh hiển về cho Đức Chúa Trời thì không tùy thuộc vào của cải vật chất nơi con người. Cô thuộc về một chủng tộc không được coi trọng trong đế quốc Rô-ma, nhưng sự vâng lời không đòi hỏi quyền công dân đặc biệt. Ma-ri đến từ Na-xa-rét, một thị trấn mà ngay cả người Do Thái cũng coi thường, "há có vật gì tốt ra từ Na-xa-rét được sao?" (Giăng 1:46). Nhưng khi Đức Chúa Trời ban phước, Ngài không thiên vị một địa danh đặc biệt nào. Tất cả những điều mà mọi người trên thế giới yêu cầu là chúng ta phải có một số điều kiện nhất định để nhận được sự chấp thuận, ân sủng thì không phải như vậy.

Đọc lại bài ca ngợi của Ma-ri trong Lu-ca 1:46-55, và lắng nghe sứ điệp nó công bố: Ân sủng của Chúa đã đảo lộn mọi thứ trên thế giới này! Các đầy tớ khiêm nhường được ban phước và kẻ kiêu ngạo bị hạ xuống. Người yếu được ban cho sức mạnh đáng kinh ngạc, nhưng những kẻ có thể lực bị lật đổ khỏi ngai vàng và "những người vô danh" thay thế họ. Kẻ đầy đủ trở nên đói trong khi người đói được dư dật, và người giàu trở nên phá sản trong khi người nghèo được giàu. Đó là ân sủng! Theo Kathleen Norris, bài ca của Ma-ri tấn công vào hệ thống chính trị đương thời đến nỗi trong những năm 1980, chính phủ Guatemala đã cấm mọi người đọc hoặc học thuộc lòng nó. Bài ca ấy có "làm đảo lộn" cuộc sống của chúng ta?

Ân sủng của Đức Chúa Trời đã biến đổi một Gia-cốp gian manh trở nên tổ phụ của mười hai chi phái Israel. Ân sủng đó đã biến đổi một Ghê-đê-ôn nhát sợ trở nên một dũng sĩ đứng lên tiêu diệt kẻ thù. Ân sủng cũng khiến cho Ru-tơ một phụ nữ ngoại bang trở nên tổ mẫu của vua Đa-vít. Và từ dòng dõi vua Đa-vít, Đấng Mê-si đến trần gian. Ân sủng biến đổi Sau-lơ hung bạo khủng bố đạo Chúa trở thành sứ đồ Phao-lô – nhà truyền giáo quyền năng và thần học gia của hội thánh đầu tiên. Không có gì phải ngạc nhiên khi Robert Robinson đã viết:

Đến với ân sủng, tôi là một con nợ lớn

Lòng tốt của Ngài, giống như một sợi dây xích yêu thương

Cột chặt những suy nghĩ vẩn vơ của tôi vào Ngài

Ma-ri bày tỏ thái độ khiêm nhường khi nói với thiên sứ, “tôi đây là tôi tớ Chúa. Xin sự ấy xảy đến cho tôi như lời người truyền” (Lu-ca 1:38). Ma-ri tập chú đến Đức Chúa Trời và những gì Ngài sẽ làm. Không giống như thầy tế lễ Xa-cha-ri đặt câu hỏi với thiên sứ khi nghe thông báo về sự ra đời của Giăng Báp-tít: “Bởi sao tôi biết được điều đó? Vì tôi đã già, vợ tôi đã cao tuổi rồi.” (Lu-ca 1:18). Theo một tâm trí bình thường, thì làm sao một nữ đồng trinh lại có thể thụ thai và sinh con trai? Gáp-ri-ên giải thích cho Ma-ri biết, “Đức Thánh Linh sẽ đến trên ngươi, và quyền phép Đấng Rất Cao sẽ che phủ ngươi dưới bóng mình, cho nên con thánh sanh ra, phải xưng là Con Đức Chúa Trời.” (Lu-ca 1:35). Đây là một phép lạ, bởi vì “không có gì là không thể đối với Đức Chúa Trời” (Lu-ca 1:35-37). Weymouth đã dịch câu 37, “không có lời hứa nào từ Thiên Chúa mà không thể thực hiện được.” và tác giả giải thích rằng “không thể thực hiện” có nghĩa là “bất lực, không có quyền năng.” Trong một bản dịch của phiên bản American Standard Version năm 1901 dịch câu 37 là, “Không có một lời nào của Đức Chúa Trời sẽ mất hiệu lực.” Đức Chúa Trời phát ngôn và khai phóng quyền năng biến đổi trong mọi thời đại!

Đức Chúa Trời sáng tạo nên muôn vật, và giữ cho chúng đứng vững bởi Lời quyền năng Ngài. “Con là sự chói sáng của sự vinh hiển Đức Chúa Trời và hình bóng của bản thể Ngài, lấy Lời có quyền phép Ngài nâng đỡ muôn vật” (Hê-bơ-rơ 1:3). Và cũng Lời ấy, Chúa hoàn thành các phép lạ trong đời sống của các tôi tớ Ngài từ Môi-se đến Phao-lô. Đức Chúa Trời ban phát Lời Ngài. Ma-ri tin Lời ấy, và Chúa Giê-su được hoài thai bên trong cơ thể Ma-ri. Chúa Giê-su truyền lệnh bằng Lời biến nước thành rượu, dẹp tan cơn bão, chữa lành kẻ đau, kêu gọi người chết sống lại. Quyền phép của Đấng Rất Cao che phủ Ma-ri dưới bóng Ngài. Con Thánh được sinh ra từ một người nữ khiêm nhu. Cuộc đời Ma-ri phản chiếu ra vinh quang của Thiên Chúa.

Bài ca ngợi của Ma-ri với những từ ngữ xinh đẹp có những nét tương đồng với bài ca của An-ne trong Cựu ước (1 Sa-mu-ên 2:1-10). Không chắc là gia đình của Ma-ri sở hữu bất kỳ cuộn sách Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ nào, nhưng cô đã nghe những đoạn Kinh thánh này được đọc trong các nhà hội và chúng đã khiến nhiều người nhớ đến. Ma-ri có thể đã rất thích các Thi thiên, bởi vì cô đã ám chỉ đến các câu sau từ Thi thiên: 71:19; 89:10; 98:3; 111:9; 103:13, 17; và 107:9 trong bài ca của mình.

Khi chúng ta tin vào các lời hứa của Đức Chúa Trời và áp dụng các Lời ấy, Đức Thánh Linh sẽ hành động xuyên qua Lời, và khai phóng quyền năng của Ngài để hoàn thành mục đích Ngài trên cuộc đời chúng ta. Đức Thánh Linh viết Lời thành văn là Kinh Thánh để bày tỏ và làm vinh hiển Chúa Giê-su. Ngài hành động xuyên qua Lời khi chúng ta vâng phục và tin cậy Đức Chúa Trời hành động. Như Ê-li-sa-bét đã nói với Ma-ri, “Phước cho người đã tin, vì lời Chúa truyền cho sẽ được ứng nghiệm!” (Lu-ca 1:45). Nhưng hãy nhớ rằng sự ban phước của Chúa không chỉ dành cho Ma-ri, mà còn cho tất cả những ai tiếp nhận và áp dụng Lời Chúa.

CHÚNG TA PHẢI VÂNG PHỤC Ý MUỐN CỦA CHÚA

Ma-ri khiêm nhường tự nhận là “tôi tớ của Chúa” (Lu-ca 1:38, 48). Bản Kinh Thánh King James Version, dịch từ này *hầu gái hay tớ gái*. Có thể Ma-ri nhớ lại những lời của Ru-tơ nói với Bô-ô trong Cựu ước (Ru-tơ 3:9) hoặc là lời cầu nguyện của An-ne (1 Sa-mu-ên 1:11). Ma-ri có thể không hiểu tất cả các chi tiết xảy ra trong cuộc sống của mình, nhưng chắc chắn cô ấy đã nhận ra ý nghĩa của nó đối với cô và Giô-sép. Cô là một trinh nữ chưa kết hôn chính thức, nhưng bây giờ lại mang thai. Mọi người chung quanh sẽ nói sao về điều đó? Ma-ri phải chịu hiểu lầm, bị tổn thương, một thanh gươm sẽ đâm thấu tâm hồn cô sau này (một sự đau thương lớn) khi Chúa Giê-su bị đám đông chối bỏ và bị nhục hình trên thập giá (Lu-ca 2:35; Giăng 19:25-27)

Tình yêu thương của Chúa dẫn đến ý muốn Ngài cho mỗi đời sống chúng ta. Ý muốn của Chúa đến từ tấm lòng nhân ái của Ngài (Thi thiên 33:11). Chúa Giê-su tiếp nhận ý chỉ của Đức Chúa Trời như là một sự nuôi dưỡng dành cho Ngài, đó không phải là sự trừng phạt. Ngài tuyên bố với các môn đồ, “Đồ ăn của ta tức là làm theo ý muốn của Đấng sai ta đến.” (Giăng 4:31-34). Lời này khích lệ chúng ta làm theo ý muốn Chúa và dâng vinh hiển cho Ngài. Biết ý muốn của Chúa thì chưa đủ, chúng ta phải sẵn sàng làm theo ý muốn Ngài (Ê-phê-sô 6:6). Đức tin dẫn đến việc làm, và việc làm qui vinh hiển về cho Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 5:16).

Đôi khi vâng lời Chúa sẽ gặp nhiều khó khăn và đau đớn. Nhưng không vâng lời thì thậm chí còn đau đớn hơn. Khi vâng lời Chúa, những khó khăn là bài huấn luyện trắc nghiệm cho chúng ta, khi chúng ta không vâng lời Ngài, chúng sẽ chống lại chúng ta. Ý muốn của Đức Chúa Trời trở nên hoàn hảo khi chúng ta vâng lời Ngài. Hoặc là ý muốn đó kỷ luật chúng ta khi chúng ta từ chối Ngài. Nhưng dù bằng cách nào, Chúa thấy rằng ý muốn của

Ngài vẫn sẽ được thực hiện. Thật không dễ dàng cho Ma-ri khi nghe những người khác công kích Chúa Giê-su và nhìn thấy cách họ đối đãi với Ngài. Nhưng đó là một phần trong kế hoạch của Đức Chúa Trời.

Một ngày kia, trong khi Chúa Giê-su đang giảng dạy, một phụ nữ trong đám đông tuyên bố về Chúa Giê-su, “Phước cho dạ đã mang Ngài và vú đã cho Ngài bú!” (Lu-ca 11:27). Người phụ nữ này muốn nói đến Ma-ri. Chính Ma-ri cũng nhận biết bản thân là một người được phước. Trong bài ca ngợi của mình, Ma-ri nói, “từ rày về sau, muôn đời sẽ khen tôi là kẻ có phước” (Lu-ca 1:48). Đức Chúa Giê-su trả lời người phụ nữ trên đây: “Những kẻ nghe và giữ lời Đức Chúa Trời còn có phước hơn!” (Lu-ca 11:28). Ma-ri đã nghe và giữ Lời Chúa, và Đức Chúa Trời thực hiện phần còn lại. Chúng ta cũng phải theo gương mẫu của Ma-ri.

CHÚNG TA PHẢI TÙY THUỘC VÀO THÁNH LINH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Chúng ta chấp nhận ý muốn của Đức Chúa Trời và vâng phục Ngài bởi đức tin. Khi đó chúng ta sẽ khám phá rằng Đức Thánh Linh ban quyền năng để chúng ta hoàn thành mọi mạng lệnh của Đức Chúa Trời. “Bởi vì không việc chi Đức Chúa Trời chẳng làm được” (Lu-ca 1:37). Không có gì đáng ngạc nhiên khi Ma-ri vui mừng và hát rằng, “Đấng Toàn năng đã làm các việc lớn cho tôi. Danh Ngài là thánh” (Lu-ca 1:49). Đức Chúa Giê-su đã truyền bảo các môn đồ phải chờ đợi tại thành Giê-ru-sa-lem, cho đến khi được mặc lấy quyền phép từ trên cao (Lu-ca 24:49). Sách Công vụ các sứ đồ đã ghi lại những việc lớn lao mà Đức Thánh Linh đã làm trong hội thánh đầu tiên qua chức vụ của các sứ đồ, bởi vì họ đã tùy thuộc vào Đức Thánh Linh.

Nhiều hội chúng ngày hôm nay nỗ lực làm việc nhưng không có quyền phép Đức Thánh Linh. Các thành viên quá quen thuộc với “các hoạt động thường nhật” và họ nghĩ rằng tất nhiên chúng phải như vậy. Vì vậy họ tiếp tục sử dụng tiền bạc, các hình thức quảng cáo của hội thánh để lôi kéo con người. Hội chúng phớt lờ sự cầu nguyện, nói rất ít hoặc không nói về các ân tứ thuộc linh; làm việc rất ít để chia sẻ Phúc âm tại gia đình cũng như không quan tâm đến công tác truyền giáo hải ngoại. Sự phục hưng chỉ đến khi chúng ta thừa nhận mình không có khả năng phục vụ Chúa trong sự khôn ngoan riêng và rồi chúng ta tuyệt vọng quay về với Ngài để cầu nguyện tìm kiếm quyền năng của Đức Thánh Linh. A. W. Tozer đã viết trong tác phẩm *Sinh Ra Sau Nửa Đêm*: “Có thể nói mà không cần dè dặt rằng mỗi Cơ đốc nhân cần phải được đầy dẫy Đức Thánh Linh.”³ Chúng ta có thể thay thế “mỗi Cơ đốc nhân” bằng “mỗi hội thánh.” Lần gần đây nhất bạn có nghe ai đó cầu nguyện nhiệt thành xin Đức Thánh Linh đầy dẫy trên người giảng, người thờ phượng trong hội thánh là khi nào? Khi đã có tất cả các thiết bị công nghệ hỗ

trợ về âm thanh, ánh sáng, màn hình chiếu... và những chuyên viên, chúng ta có còn cần đến sự hỗ trợ của các thánh đồ trong lời cầu nguyện xin Thần của Chúa vận hành? Ma-ri đầu phục Đức Chúa Trời và được đổ đầy Đức Thánh Linh. Bài ca ngợi của bà lưu phát ra từ đó. Theo Ê-phê-sô 5:18-21, “Đừng say rượu, vì rượu xui cho lương tâm; nhưng phải đầy đầy Đức Thánh Linh.¹⁹ Hãy lấy ca vịnh, thơ thánh, và bài hát thiêng liêng mà đối đáp cùng nhau, và hết lòng hát mừng ngợi khen Chúa.²⁰ Hãy thường thường nhân danh Đức Chúa Giê-su Christ chúng ta, vì mọi sự tạ ơn Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta.²¹ Hãy kính sợ Đấng Christ mà vâng phục nhau.” Những câu 19, 20, 21 trong phân đoạn Kinh Thánh này là kết quả tất nhiên của sự đầy đầy Đức Thánh Linh.

Từ những cảnh báo trên đây chúng ta sẽ quan tâm đến tất cả những thách thức mà các hội thánh địa phương phải đối mặt ngày nay trong việc tiến cử một mục sư tin kính đến chia sẻ phúc âm với cộng đồng và thế giới ngoại bang.

Bài 48

HÊ-RỐT ĐẠI ĐẾ

Sự rửa sả của Đức Giê-hô-va giáng trên nhà kẻ ác.
Song Ngài ban phước cho chỗ ở của người công bình.

Châm Ngôn 3:33

William Penn, người lãnh đạo của American Quaker đã viết vào năm 1863, “Nếu không được Đức Chúa Trời cai trị, chúng ta sẽ bị các bạo chúa cai trị.” Ông đã đúng. Không có quốc gia nào minh họa tốt hơn cho điều này cho bằng tuyển dân Israel. Bởi vì tuyển dân thường xuyên không vâng phục Chúa, họ phải chịu đau khổ dưới ách cai trị của các bạo chúa cho đến khi Đức Chúa Trời giải phóng họ ra khỏi cảnh phụ tù. “Nhà Hê-rốt” cai trị người Do Thái trước khi Chúa Giê-su sinh ra và trải qua nhiều thập kỷ sau đó.

Người lập nền tảng cho “nhà Hê-rốt” là Hê-rốt Đại đế (73 trước C. N – 4 sau C. N). Đây là người tìm cách giết Chúa Giê-su. Những kẻ thù của Hê-rốt nhận xét về ông, “cướp ngai vàng như một con cáo, cai trị như một con hổ, và chết như một con chó.” Đó là một đánh giá không tồi. Chúa Giê-su đã gọi Hê-rốt Antipas là, “con chồn cáo” (Lu-ca 13:32). Hoàng đế Caesar của La mã nói rằng ông thà làm con lợn của Hê-rốt (hus) còn hơn là con trai của Hê-rốt (huios), và cách chơi chữ của ông xem như đã đánh trúng mục tiêu.

Hê-rốt sinh năm 73 trước Công nguyên, ông bắt đầu cai trị vùng Ga-li-lê vào năm hai mươi lăm tuổi. Và mười năm sau đó ông là vua của các xứ Ga-li-lê, Judea, Ituria và Traconitis. Ông là vua của người Do Thái, nhưng ông không nhận biết Đức Chúa Trời của Israel. Ông là một bạo chúa tìm mọi cách để bảo vệ bản thân, ngai vàng và bảo đảm sự thành công chính trị của gia đình. Sử gia Will Durant đã viết, “nhân cách của Hê-rốt là ví dụ điển hình của một thời đại sản sinh ra rất

hiều người có trí tuệ nhưng không có đạo đức; có khả năng và không có sự do dự khi làm điều ác; có can đảm nhưng không có danh dự.” Đó là một đánh giá tốt.

Nhưng phẩm chất vô thần của vua Hê-rôt có nguồn gốc lâu đời từ nhiều thế kỷ trước. Nếu muốn hiểu đầy đủ hơn về Hê-rôt và những hành vi độc ác của ông, chúng ta phải trở về với câu chuyện của hai anh em sinh đôi trong gia đình của Y-sác và Rê-be-ca. Trong khi nghiên cứu sâu hơn về điều này, chúng ta cũng sẽ có bài học cho chính mình.

HAI ANH EM THÙ NGHỊCH (Sáng thế ký 25:19-34)

Nếu giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham được thực hiện, thì điều cần thiết là Y-sác và Rê-be-ca phải sinh con cái để hình thành nên một gia đình. Nhưng sau hai mươi năm kết hôn, họ vẫn chưa có con. Đức Chúa Trời trả lời sự cầu nguyện của họ trong một đường lối họ không mong đợi. Cuối cùng thì Rê-be-ca mang thai song sinh hai bé trai, và hai đứa này xung đột với nhau từ khi còn trong bụng mẹ. Tiên tri Ê-xê-chi-ên đề cập đến một "sự thù địch cổ xưa" (Ê-xê-chi-ên 35:5) “Because you have had an *ancient hatred*, and have shed the blood of the children of Israel by the power of the sword at the time of their calamity, when their iniquity came to an end” (Ezekiel 35:5), và cứ thế lưu truyền mãi.

Hai đứa trẻ không giống nhau về cá tính. Gia-cóp thích sống yên lặng ở trong nhà giữa những lều trại, trong khi Ê-sau (người có nhiều lông) rong ruổi ngoài đồng săn bắn thú rừng. Gia-cóp thích nấu các món ăn và suy ngẫm về giao ước của Đức Chúa Trời đã thiết lập với ông nội Áp-ra-ham và với cha Y-sác của mình. Trong khi đó Ê-sau hoàn toàn không quan tâm gì đến các vấn đề thuộc linh, và rồi một ngày kia sẵn sàng bán quyền trưởng nam cho Gia-cóp để đổi lấy một tô canh.

Chúng ta đã học biết rằng Ê-sau là một người nam không tin kính, là một người sống bên ngoài đền thờ (xem Hê-bơ-rơ 12:6) và không lưu tâm đến những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Gia-cóp không phải là một chàng trai hoàn hảo nhưng ít nhất cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều các di sản thuộc linh từ Áp-ra-ham. Thiết kế của Đức Chúa Trời là, “đứa lớn (Ê-sau) sẽ phục vụ đứa nhỏ (Gia-cóp)” (Sáng. 25:23). Lỗi lầm của Rê-be-ca và Gia-cóp là dùng sức riêng cố gắng để thực hiện điều này thay vì trông đợi Chúa hành động (Sáng. 27).

Hai anh em trong câu chuyện trên minh họa cho chúng ta về sự xung đột giữa Thánh Linh và xác thịt trong đời sống của con cái Chúa. Ê-sau, người con đầu bị từ chối. Còn Gia-cóp, người con thứ hai được thừa hưởng phước lành. Bây giờ chúng ta đọc trong Tân ước, Chúa Giê-su phán dạy, “các ngươi phải sanh lại” (Giăng 3:7). Sứ đồ Phao-lô viết, “vì xác thịt có những điều ưa muốn trái với những điều của Thánh Linh, Thánh Linh có những điều ưa muốn trái với của xác thịt; hai bên trái nhau dường ấy, nên anh em không làm được điều mình muốn làm” (Ga-la-ti

5:17). Nếu tiếp tục nuông chiều xác thịt, chúng ta sẽ ở trong sự nguy hiểm mà Ga-la-ti 5:19-21 đã cảnh báo. Nhưng nếu sống theo Thánh Linh, chúng ta sẽ sản sinh ra các bông trái như trong Ga-la-ti 5:22-23. Bởi vì khi được sanh lại trong Christ Giê-su, đời sống cũ của chúng ta đã bị đóng đinh với Ngài và cùng chết với Ngài. Vậy nên khi bước đi cùng Thánh Linh, chúng ta sẽ có Christ hành động bên trong và sản sinh các bông trái cho Ngài (Ga-la-ti 5:24-26).

Kinh Thánh chỉ ra rằng vua Hê-rốt không có Thánh Linh kiểm soát và ông ta sống hoàn toàn theo xác thịt. “Thật thế, nếu anh em sống theo xác thịt thì phải chết; song nếu nhờ Thánh Linh, làm cho chết các việc của thân thể, thì anh em sẽ sống” (Rô-ma 8:13). Ông nội và cha của Hê-rốt là một người Ê-đôm, còn mẹ của vua là một người Ả-rập. Khi Hê-rốt tuyên chiến với hài nhi Giê-su, điều đó cũng giống như cuộc xung đột giữa Gia-cốp và Ê-sau tái diễn.

HAI QUỐC GIA CHIẾN TRANH

Hai đứa trẻ lớn lên, kết hôn và thành lập các quốc gia. Gia-cốp trở nên tổ phụ của mười hai chi phái Israel (Sáng. 46). Còn Ê-sau là người lập nền tảng cho nước Ê-đôm (Sáng. 36). Ê-sau có nghĩa là đỏ, và đó cũng là biệt danh trùng hợp với màu sắc của món canh đậu màu đỏ mà Gia-cốp đã bán cho Ê-sau để lấy quyền trưởng nam (Sáng. 25:29-30).

Israel và Ê-đôm luôn luôn có chiến tranh, và hai quốc gia này tiếp tục xung đột trong nhiều thế kỷ sau đó. Mặc dù trong Sáng thế ký, có hai thỏa thuận hòa bình: khi Gia-cốp và Ê-sau gặp nhau tại Mahanaim (Sáng. 32-33) và khi họ cùng chôn cất cha Y-sác tại Mamre (Sáng. 35:27-29). Các nước Israel và Ê-đôm sống trong sự thù địch lẫn nhau, và Ê-đôm làm hết sức mình để gây khó khăn cho Israel. Họ cổ xúy Ba-by-lôn hủy phá Giê-su-sa-lem và cư dân ở đó (Thi thiên 137). Người Ê-đôm sống trên các ngọn đồi cao, điều này làm cho họ mang ảo tưởng rằng không ai có thể đánh bại được họ (Áp-đĩa 8-10, 15). Nhưng các tiên tri của Chúa đã cảnh báo rằng một ngày nào đó Ê-đôm sẽ không còn nữa (Giê-rê-mi 49:7-22; Ca thương 4:21; Ê-xê-chi-ên 25:12-14; A-mốt 1:11-12)

Thật bi thảm khi một mối thù xa xưa trong gia đình đã phát triển thành một cuộc khủng hoảng cấp quốc gia, và mọi thứ càng trở nên tồi tệ hơn. Khi Hê-rốt xuất hiện trên sân khấu chính trị, ông có mười người vợ và mười bốn người con. Những người này đã tranh giành quyền lực với nhau và với cả Hê-rốt. Nếu có bất kỳ ai, ngay cả những thành viên trong gia đình biết được các kế hoạch bí mật của Hê-rốt, người đó sẽ bị vua Hê-rốt thủ tiêu ngay. Khi Chúa Giê-su sinh ra tại

Bết-lê-hem xứ Giu-đa, Hê-rôt tấn công Cứu Chúa. Trong một ý nghĩa Ê-sau đã tấn công Gia-cốp một lần nữa (Ê-đôm phát động chiến tranh với Israel.)

HAI VƯƠNG QUỐC ĐỐI NGHỊCH

Các bác sĩ trong câu chuyện tìm thờ Cứu Chúa ở Bết-lê-hem là những thầy tế lễ, nhà khoa học và chiêm tinh gia. Vua Hê-rôt không mong đợi một sự viếng thăm cấp nhà nước từ nơi xa, đặc biệt là từ Persia. Từ những lễ vật họ mang tới cho Ấu Chúa, nhiều người cho rằng họ có ba người. Nhưng Kinh Thánh không cho chúng ta biết phái đoàn của họ có bao nhiêu người. Khi họ đến Giê-ru-sa-lem, toàn thành phố và cả vua Hê-rôt đang ngồi trên ngai đều bối rối. Từ “bối rối” được Ma-thi-ơ 2:3 đề cập đến được dịch từ chữ “sợ hãi” trong Ma-thi-ơ 14:26, và nó nối kết với cụm từ “làm rối động” trong Công vụ 17:8. Tất cả mọi người tại Giê-ru-sa-lem trở nên hỗn loạn khi các nhà thông thái (bác sĩ) đến. Vua Hê-rôt không bị truất ngôi bởi vị Vua mới hạ sinh. Nhưng ở đây Ê-sau một lần nữa tấn công Gia-cốp, Ê-đôm tuyên chiến với Israel. Vương quốc tối tăm đang tấn công vương quốc sự sáng.

Hê-rôt nói dối với các bác sĩ khi tuyên bố rằng ông sẽ đến thờ lạy vị Vua mới. Ý định thực sự của ông là muốn giết Ấu Chúa. Hê-rôt không cần tiết lộ điều sâu hiểm của ông với các bác sĩ, vì ông là tôi tớ của Satan. Satan là một kẻ nói dối và giết người (Giăng 8:44). Chúa Giê-su là Lẽ Thật, còn Hê-rôt là một kẻ dối trá. Chúa Giê-su là Sự sống, còn Hê-rôt là công cụ của sự chết. Lịch sử luôn luôn tái diễn: Ê-sau muốn giết Gia-cốp, và Ê-đôm muốn quét sạch dân Do Thái ra khỏi Giê-ru-sa-lem.

“Nhà của Hê-rôt” được biết như là những kẻ giết người. Hê-rôt không chỉ tìm cách giết Chúa Giê-su, nhưng ông giết Mariamne là người vợ yêu quý của mình. Ông cũng giết ba người con trai, một bà mẹ vợ và một người anh trong họ hàng. Hê-rôt đã giết toàn bộ hội đồng Tòa Công Luận của người Do Thái chỉ chừa cho hai người còn sống. Ông cũng giết bốn mươi lăm người thuộc họ tộc của Maccabeans – là người anh hùng của Israel. Con trai của Hê-rôt là Hê-rôt Antipas đã chặt đầu Giăng Báp-tít (Ma-thi-ơ 14:1-12). Hê-rôt Agrippa đã giết sứ đồ Gia-cơ, ông này còn muốn giết Phi-e-rơ nhưng Đức Chúa Trời đã bảo vệ đầy tớ Ngài (Công vụ. 12). Satan là một kẻ nói dối và giết người, và vì vậy những đầy tớ của nó, và các con trai của những đầy tớ đó cũng thường xuyên đi theo khuôn mẫu của Satan.

Khi vua Hê-rôt biết rằng ông đã bị các bác sĩ đánh lừa, vua đã tức điên lên và ra lệnh tàn sát tất cả các bé trai từ hai tuổi trở xuống ở Bết-lê-hem và khu vực xung quanh. Lúc đó Chúa Giê-su vào khoảng một tuổi. Bết-lê-hem chỉ là một thị trấn nhỏ, chúng ta không thể biết chắc có bao nhiêu trẻ em bị giết (nhưng nếu chỉ giết một đứa thôi cũng đã là quá dã man!) Ê-sau đã tấn công Gia-cóp, nhưng một lần nữa Đức Chúa Trời của Gia-cóp không để cho Ê-sau thành công. Ngài đưa Con Ngài đến Ai-cập tị nạn chính trị cho đến khi Giô-sép và Ma-ri cảm thấy an toàn để đưa Cứu Chúa trở về quê hương. Ma-thi-ơ trích dẫn các phần Kinh Thánh Cựu ước trong Giê-rê-mi 35:15-17 và Ô-sê 11:1 để làm rõ các sự kiện này. Giê-rê-mi nhìn thấy Ra-chên là mẹ của Israel than khóc các con mình, và Ma-thi-ơ áp dụng điều này cho sự kiện các bé trai ở Bết-lê-hem bị vua Hê-rôt giết. Tiên tri Ô-sê nhìn ngược về quá khứ và nhắc nhở tuyển dân sự giải cứu ra khỏi Ai-cập mà Đức Chúa Trời đã thực hiện. Và Ma-thi-ơ áp dụng điều này cho Chúa Giê-su.

Thật đáng buồn khi các cố vấn của vua Hê-rôt biết nơi Chúa Giê-su sinh ra, nhưng họ không tìm đến để gặp Ngài. Trong khi các bác sĩ ngoại bang đi theo ngôi sao huyền nhiệm dẫn đường, tin vào Kinh Thánh và tìm đến thờ phượng Cứu Chúa của thế giới. Giới học giả của Do Thái giáo biết Kinh Thánh nhưng lại không thờ phượng Chúa vừa mới hạ sinh. Họ đã đánh mất cơ hội lớn nhất của đời sống.

Vua Hê-rôt không chỉ là một kẻ dối trá và giết người, mà ông còn là một nhà xây dựng lớn. Ông đã xây dựng cảng Casea cũng như Masa và cung điện Hê-rôt hào nhoáng. Ông đã xây dựng lại Sa-mu-ênaria và thêm một ngôi đền ngoại giáo dành riêng cho Augustus Caesar. Vua cũng xây dựng một nhà hát lớn Hy Lạp và quảng bá các môn thể thao, điền kinh, trò chơi Hy Lạp. Thành tựu kiến trúc đỉnh cao của ông là ngôi đền tại Giê-ru-sa-lem. Ông đã chọn tức những người Do Thái tin kính khi đặt một con đại bàng La Mã bằng vàng ở cổng vào của ngôi đền, nhưng ít nhất ông đã cho mọi người thấy tấm lòng của ông thực sự để ở đâu. Đền thờ ông xây dựng không phải để dành cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời; nó là đền thờ của Hê-rôt và của đế quốc Rô-ma. Người Rô-ma đã phá hủy nó khi họ chiếm được Giê-ru-sa-lem.

Mặc dù Hê-rôt là một nhà xây dựng lớn, ông cũng là một kẻ phá hủy những thứ quan trọng nhất. Có mười người vợ đẹp có ý nghĩa gì nếu bạn sống trong tham dục nhưng không có tình yêu, hoặc nhà lớn mà chỉ nếu bạn không có mái ấm gia đình, sự giàu có ý nghĩa gì nếu bạn không có những thứ mà tiền không thể mua được? Sa-lô-môn đã viết, “Sự công bình của người trọn vẹn ban bằng đường lối người;

Nhưng kẻ hung ác vì gian ác mình mà sa ngã....Người nhân từ làm lành cho linh hồn mình;
Còn kẻ hung bạo xui khổ cực cho thịt mình” (Châm 11:5, 17). Sự rửa rã của Đức Giê-hô-va chắc chắn giáng trên nhà của Hê-rốt, cũng như giáng trên nhà của những kẻ ác chối từ ân điển Chúa. Họ xuất hiện trong xã hội loài người với một diện mạo thành công hào nhoáng, nhưng cuối cùng phải chuốc lấy sự hổ nhục đời đời.

Vương quốc sự sáng vẫn còn đối lập với vương quốc tối tăm, nhưng vương quốc sự sáng của Đức Chúa Trời mãi trường tồn bất diệt. “Và thế gian với sự tham dục nó đều qua đi, song ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời” (1 Giăng 2:17).

Bài 49 SI-MÊ-ÔN VÀ AN-NE

Họ vẫn còn sanh bông trái dù tuổi đã cao
Thi thiên 92:14

Nhìn lại hơn năm mươi năm trong chức vụ, vợ tôi và tôi cảm tạ Đức Chúa Trời về những thánh đồ lớn tuổi đã khích lệ chúng tôi trong chức vụ. Bây giờ chúng tôi là những người lớn tuổi tiếp tục khích lệ thế hệ trẻ hơn. Chúng tôi đã bắt đầu chức vụ từ khi còn rất trẻ, và nếu không có những thánh đồ lớn tuổi như Si-mê-ôn và An-ne giúp đỡ, chúng tôi đã sớm kết thúc chức vụ mình. Chúng ta tìm thấy Si-mê-ôn và An-ne trong Lu-ca 2:25-38, khi họ gặp Giô-sép, Ma-ri và Ấu Chúa trong đền thờ. Cuộc gặp gỡ này không phải là một sự tình cờ; nó giống như một cuộc hẹn. Ma-ri và Giô-sép đang vâng lời Chúa (Lu-ca 2:22-24, 27, 39) và Đức Chúa Trời đang hướng dẫn họ (Châm ngôn 6:20-23).

Bác sĩ Lu-ca viết về An-ne là một góa phụ “đã cao tuổi lắm” (Lu-ca 2:36). Bản Kinh Thánh NIV ghi chú bên lề nói rằng bà là một góa phụ trong tám mươi bốn năm. Nếu như hầu hết các thiếu nữ Do Thái kết hôn từ tuổi mười lăm và bà An-ne cũng như vậy. Và nếu bà đã có bảy năm sống với chồng, thì khi gặp Ấu Chúa bà đã một trăm lẻ sáu tuổi, như vậy bà phải là một người “cao tuổi lắm.” Bản Kinh Thánh Tiếng Việt đề cập đến An-ne rõ ràng hơn: “bà tiên tri An-ne, con gái của Pha-nu-ên, về chi phái A-se, đã cao tuổi lắm. Từ lúc còn đồng trinh đã ở với chồng được bảy năm; rồi thì ở góa. Bây giờ đã tám mươi bốn tuổi, chẳng hề ra khỏi đền thờ, cứ đêm ngày hầu việc Đức Chúa Trời, kiêng ăn và cầu nguyện” (Lu-ca 2:36-27).

Đối với Si-mê-ôn, chúng ta không có nhiều thông tin về tuổi của ông, mặc dù nhiều người đều cho rằng ông cũng là một người cao niên. Truyền thuyết của người Do Thái nói rằng tuổi của ông là một trăm mười ba. Lời cầu nguyện của ông, “bây giờ xin cho tôi tớ Chúa được qua đời bình an” hàm ý rằng ông đã cao tuổi, vì một người trẻ tuổi hiếm khi cầu nguyện theo ý tưởng đó. Tôi có ấn tượng rằng Si-mê-ôn đã rất kiên nhẫn chờ đợi trong nhiều năm cho đến khi ông được diện kiến Vua của muôn vua. Và phong cách đó của ông làm chúng ta được thuyết phục rằng

ông là một thánh đồ lớn tuổi. Si-mê-ôn không phải là thầy tế lễ, nhưng lời cầu nguyện của ông giống như lời cầu nguyện của một trưởng lão tin kính.

Bất luận tuổi tác của hai người trên đây như thế nào, họ vẫn là những tấm gương tốt cho chúng ta noi theo. Những thánh đồ lớn tuổi, họ vẫn còn sanh bông trái. Kinh Thánh xác nhận: “Những kẻ được trồng trong nhà Đức Giê-hô-va. Sẽ trở bông trong hành lang của Đức Chúa Trời chúng ta. Dầu đến buổi già bạc, họ sẽ còn sanh bông trái. Được thanh mầu và xanh tươi” (Thi. 92:13-14). Nếu đi theo khuôn mẫu của Si-mê-ôn và An-ne, chúng ta cũng sẽ có những trải nghiệm phước hạnh tương tự giống như họ bất luận tuổi tác của chúng ta như thế nào.

SỐNG Ở THÌ TƯƠNG LAI

Khuynh hướng của những người lớn tuổi là hoài niệm về quá khứ, chúng ta gọi là nhớ về “những ngày xưa tốt đẹp.” Tôi có một quyển sách trong tủ có tựa đề “Những Ngày Xưa Tốt Đẹp Không Phải Là Tốt Hết.” Trong đó tác giả viết về hệ thống chăm sóc y tế, đường sá, truyền thông, chăm sóc người già để chứng minh cho quan điểm của ông. Đôi khi những lĩnh vực đó thật kinh hoàng so với ngày nay. Sự thật là có nhiều điều trong quá khứ đọng lại trong ký ức của chúng ta, nhưng cũng có nhiều điều hơn – chúng ta không còn nhớ. Chúng ta có thể học các bài học từ lịch sử và áp dụng những kinh nghiệm quý báu trong quá khứ, nhưng rõ ràng chúng ta không thể sống trong quá khứ.

Si-mê-ôn và An-ne không nhìn lui về quá khứ. Họ đang nhìn tới tương lai. Si-mê-ôn đang “trông đợi sự yên ủi dân Y-sơ-ra-ên” (Lu-ca 2:25) và bà An-ne thuộc về một nhóm nhỏ của những người “trông đợi sự giải cứu của thành Giê-ru-sa-lem” (Lu-ca 2:38). Tình trạng thuộc linh của tuyển dân rất nguội lạnh tại thời điểm đó. Nhưng vẫn có những con người thăm lắng tin vào lời hứa của Đức Chúa Trời và đang trông đợi Đấng Mê-si đến trong cuộc đời của họ. Đức Chúa Trời đã phán với Si-mê-ôn rằng ông sẽ thấy Đấng Christ trước khi chết. Đó là một lời hứa kỳ diệu!

Hy vọng là một trong những sức mạnh vĩ đại nhất trong tâm lòng con người. Hy vọng về một cuộc sống tốt hơn sẽ giúp cho các công nhân tiếp tục làm việc. Hy vọng hòa bình giữa các quốc gia giữ cho các nhà ngoại giao đàm phán. Hy vọng tìm ra vắc-xin chữa khỏi bệnh tật giúp các nhà khoa học trong phòng thí nghiệm tiếp tục nghiên cứu. Thế giới ngoại bang hy vọng vào triết học, giáo dục và nói rằng mọi thứ sẽ tốt hơn khi con người có nó, nhưng thực ra họ không có căn bản cho điều họ gọi là “hy vọng.” Là Cơ đốc nhân, hy vọng hay sự trông cậy của chúng ta ở trong Christ. “Đức Chúa Giê-su Christ là sự trông cậy chúng ta” (1 Ti-mô-thê 1:1). Si-mê-ôn và An-ne hy vọng vào sự hiện đến lần thứ nhất của Đấng Christ. Và niềm hy vọng đó đã nhận được phần thưởng. Chúng ta hiện nay đang hy vọng vào sự hiện đến lần thứ hai của Đấng Christ. Cơ đốc nhân “đương chờ đợi sự trông cậy hạnh phước của chúng ta, và sự hiện ra của sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Giê-su Christ” (Tít 2:13). Và lời hứa của Chúa không bao giờ mất hiệu lực. Vì vậy, chúng ta hãy sống trong thì tương lai.

Một trong những phương cách tốt nhất để chúng ta sống trong thì tương lai là đầu tư cho thế hệ trẻ và chia sẻ với chúng những gì Đức Chúa Trời đã dạy chúng ta. Khi đọc sách Thi thiên, hãy

chú ý đến cụm từ “dòng dõi sẽ đến” trong các Thi thiên 48:13; 71:18; 78:4, 6; 79:13; 102:18; và 145:4. Và đừng quên lời dạy của sứ đồ Phao-lô dành cho Ti-mô-thê là phải chuyển giao các giá trị thuộc linh cho thế hệ tiếp theo. “Những điều con đã nghe nơi ta ở trước mặt nhiều người chứng, hãy giao phó cho mấy người trung thành, cũng có tài dạy dỗ kẻ khác” (2 Ti-mô-thê 2:2)

Chúng ta cũng lưu ý rằng sống ở thì tương lai là nhìn về tương lai đến cõi đời đời, nhưng điều này không có nghĩa là bỏ quên những trách nhiệm trong thì hiện tại.

TIN CẬY VÀO NHỮNG LỜI HỨA CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Đức Chúa Trời hứa với Si-mê-ôn rằng ông sẽ không chết cho đến khi nhìn thấy Đấng Christ, và Si-mê-ôn đã công bố lời hứa đó. Chúa cũng bày tỏ cho góa phụ An-ne là Đấng Cứu Chuộc sẽ đến sớm, và bà đã cầu nguyện, thờ phượng trong đền thờ cho đến khi lời hứa của Chúa thành hiện thực. Các lời hứa của Chúa không phải là những phao cứu sinh chỉ được sử dụng trong các trường hợp khẩn cấp, nhưng đó là những tảng đá vững chắc để chúng ta bước lên đi qua những cồn cát của thế giới này từng ngày. Các lời hứa của Chúa đặt nền tảng trên các thuộc tính không thay đổi của Ngài, và chúng không bao giờ mất hiệu lực. Thầy giảng Tin Lành D. L. Moody đã từng nói, “Thiên Chúa không bao giờ ban cho một lời hứa quá xa vời đến nỗi nó không thể thành hiện thực.” Nếu chúng ta tin lời đó, hãy công bố nó và bước đi bởi đức tin cho đến khi lời hứa của Ngài trở thành hiện thực trong cuộc sống của chúng ta.

Nhiều tín hữu lớn tuổi có nhiều sự tin cậy vào bản tin dự báo thời tiết hơn là những lời hứa của Chúa, và họ dành nhiều thời gian để theo dõi các bản tin từ trung tâm khí tượng hơn là đọc Lời Đức Chúa Trời. Khi Chúa Giê-su làm Chủ, tương lai sẽ trở thành người bạn của chúng ta. Và chìa khóa đi đến tương lai là tin vào các lời hứa của Đức Chúa Trời. Vance Havner đã nói, “các lời hứa của Chúa là tấm ngân phiếu được đổi thành tiền mặt, không phải là câu châm ngôn treo trên tường.” Chúng ta có tin như vậy không?

TẬP CHÚ VÀO CHÚA GIÊ-SU CHRIST

Cả hai người Si-mê-ôn và An-ne đều dành thời gian thờ phượng, cầu nguyện trong đền thờ bởi vì họ đang chờ đợi để gặp Đấng Mê-si. Khi Si-mê-ôn nhìn thấy Ấu Chúa, ông bồng ẵm Ngài trên tay và dâng lên một bài ca ngợi. Khi An-ne nhìn thấy Ngài, bà tạ ơn Đức Chúa Trời và đi ra ngoài nói với các bạn hữu rằng Đấng Mê-si đã đến.

Hai vị thánh đồ cao niên này dễ dàng tập trung vào nỗi đau, sự thất vọng của họ với triều đại của Hê-rốt Đại đế độc ác, hay sự đau buồn của họ đối với tình trạng thuộc linh của chức tư tế và sự suy đồi của các chức vụ trong đền thờ. Thay vì vậy họ đã tập chú đôi mắt và tấm lòng của họ vào lời hứa về một Đấng Mê-si sẽ đến. Và Đức Chúa Trời đã không làm họ thất vọng. Các hội thánh và các mục sư không hoàn hảo (và sẽ không bao giờ hoàn hảo cho đến ngày Chúa đến), những đau nhức trong cơ thể nhắc những người lớn tuổi rằng họ đang trở nên già đi. Tình hình chính trị dường như càng ngày càng xấu đi, rồi dịch bệnh cũng lan ra, nhưng Đức Chúa Trời vẫn đang

ngồi trên ngai. Cơ đốc nhân phải tập chú vào: “Đức Chúa Giê-su, là cội rễ và cuối cùng của đức tin... hiện nay ngồi bên hữu ngai Đức Chúa Trời” (Hê-bơ-rơ 12:2).

Nếu các thánh đồ cao tuổi không còn hưng phấn với các bài giảng ngày hôm nay, có thể vì họ muốn nghe loại sứ điệp về Chúa Giê-su và thập tự giá. Trong những năm gần đây, tôi có nghe các bài giảng mà không hề đề cập đến Chúa Giê-su dù chỉ một lần. Tuy nhiên chúng vẫn được giảng ra, và các diễn giả thì cho rằng giảng như họ mới là chính thống. Tôi cũng nghe một số bài hát trong các nhà thờ mà lời của nó không nói gì đến mối liên hệ của hội thánh với Chúa Giê-su. Spurgeon đã từng nói, “Một bài giảng từ bắt đầu cho đến khi kết thúc không có Christ là một sai lầm trong quan niệm và là một tội ác trong mục vụ.” Tôi đồng ý với lời này.

TÔN VINH CHÚA TRONG MỖI TÌNH HUỐNG

Bài ca của Si-mê-ôn là bài ca thứ năm và cuối cùng mà bác sĩ Lu-ca đã ghi lại trong sách của ông. Tác giả bắt đầu với bài ca của Ê-li-sa-bét trong Lu-ca 1:41-45. Tiếp sau đó là bài ca của Ma-ri trong Lu-ca 2:46-55. Kế đến là bài ca của thầy tế lễ Xa-cha-ri trong Lu-ca 1:67-79. Và bài ca thứ tư là của các thiên sứ hiện ra với các người chăn chiên ngoài đồng trong đêm Cứu Chúa hạ sinh (Lu-ca 2:13-14). Các thánh lễ trước lễ giáng sinh nên được đồ đầy những bài ca ngợi khen này.

Bài ca của Si-mê-ôn truyền cảm hứng cho chúng ta trong giờ thờ phượng. Hãy bắt đầu với bài thánh ca tôn vinh Đức Chúa Trời tối cao trên hoàn vũ (Lu-ca 2:28-29). Si-mê-ôn nhìn biết chính bản thân là một tội tớ hèn mọn của một Đức Chúa Trời toàn năng, và điều này đem đến cho ông sự bình an và vui mừng. C. H. Spurgeon đã giảng cho hội chúng vào ngày 4 tháng 5 năm 1856, “Không có thuộc tính nào của Đức Chúa Trời đem tới sự khích lệ nhiều hơn đến dân sự Chúa cho bằng giáo lý về Quyền Tối Thượng Của Đức Chúa Trời.” Và rồi ông nói thêm, “Con người sẽ cho phép Thiên Chúa ở khắp mọi nơi, ngoại trừ trên ngai của Ngài.”²

Chúng ta gọi bài thánh ca này là bài ca Phúc Âm vì Si-mê-ôn đã nhìn thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Tên gọi Giê-su có nghĩa Đấng Cứu Rỗi. Giờ đây Si-mê-ôn sẵn sàng chết vì ông đã gặp Cứu Chúa. Con người sẽ không sẵn sàng để chết cho đến khi họ nhìn thấy Chúa Giê-su trong Kinh Thánh và tin cậy Ngài! Si-mê-ôn cũng hát một bài ca về truyền giáo, vì sự cứu rỗi này dành cho tất cả mọi người, không phân biệt người ngoại bang hay dân Israel (Lu-ca 2:31-32). Các quốc gia ngoại bang đang ở trong sự tối tăm (Ma-thi-ơ 4:15-16) trong khi tuyển dân Israel đánh mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Si-mê-ôn công bố lời tiên tri với Ma-ri: “Đây, con trẻ này đã định làm một cớ cho nhiều người trong Y-sơ-ra-ên vấp ngã hoặc dấy lên, và định làm một dấu gây nên sự cãi vả; còn phần ngươi, có một thanh gươm sẽ đâm thấu qua lòng ngươi. Ấy vậy tư tưởng trong lòng nhiều người sẽ được bày tỏ. (Lu-ca 2:34-35). Tầm lòng của con người sẽ bày ra khi tiếp xúc với lẽ thật. Một số người sẽ chống trả Chúa Giê-su, trong khi một số khác tin cậy Ngài. Khi Chúa Giê-su bị giết chết trên thập tự, một thanh gươm sẽ đâm thấu vào lòng của Ma-ri. Sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho con người đã được Chúa Giê-su hoàn tất bằng chính mạng sống của Ngài.

CHO PHÉP ĐỨC THÁNH LINH HƯỚNG DẪN CHÚNG TA

Si-mê-ôn có “Đức Thánh Linh ngự trên” ông (Lu-ca 2:25) và ông cũng được Thánh Linh tỏ cho biết ông sẽ sống cho đến khi nhìn Đấng Mê-si đến theo lời hứa (Lu-ca 2:26). Đức Thánh Linh hướng dẫn ông gặp Áu Chúa trong đền thờ (Lu-ca 2:27). An-ne là một tiên tri (Lu-ca 2:36). Điều này có nghĩa Đức Thánh Linh hiện diện và vận hành trong đời sống, chức vụ của bà. Được hướng dẫn bởi Đức Thánh Linh, An-ne cũng đến trong đền thờ đúng lúc Đấng Mê-si xuất hiện. Thánh Linh cũng ban cho bà sau đó làm chứng cho người khác về Đấng Christ đã đến (Lu-ca 2:38; Công vụ 1:8).

Có một lần tôi nghe J. Sidlow Baxter nói, “Bất cứ điều gì bắt đầu với Đức Thánh Linh luôn luôn dẫn tới Christ Giê-su.” An-ne và Si-mê-ôn đang tiếp tục bước đi trong Thánh Linh (Ga-la-ti 5:25) và vì vậy họ đến với Chúa Giê-su trong đền thờ. Nếu bước đi trong Thánh Linh, chúng ta sẽ nhìn thấy Chúa Giê-su trong Kinh Thánh, nhìn thấy Chúa Giê-su trong đời sống của dân sự Chúa, và thậm chí nhìn thấy Chúa Giê-su trong những trải nghiệm, hoàn cảnh khó khăn. Đức Thánh Linh cũng ban cho chúng ta quyền năng để làm chứng cho Phúc âm của Chúa Giê-su Christ, ngay cả khi con người không muốn nghe.

Sứ đồ Giăng khi tuổi đã cao viết, “nhằm ngày của Chúa, tôi được Đức Thánh Linh cảm hóa” (Khải. 1:10) và sau đó ông nhìn thấy các Khải tượng lớn về Chúa Giê-su! Thị lực của ông có thể bị mờ, tuy nhiên những gì ông thấy trong Khải tượng thì rất rõ ràng. Nhiều người đọc sách Khải huyền nhìn thấy các bày tỏ ẩn giấu liên quan đến các biến cố tương lai và sự vinh hiển của Chúa Giê-su. Càng hiểu biết về Chúa, chúng ta càng trở nên yêu mến Ngài và giống như Ngài. Lúc đó tự nhiên chúng ta thích chia sẻ Ngài cho người khác.

LÀM CHỨNG VỀ CHRIST CHO ĐẾN NGÀY CUỐI CÙNG

Nếu sự cứ rối bởi ân điển của Đức Chúa Trời dành cho tất cả mọi người (Lu-ca 2:30-31), khi đó chúng ta phải học tập bắt chước Si-môn và An-ne để nói cho nhiều người biết về Chúa Giê-su. Khi gặp nhau với một số bạn thân của chúng ta, hay khi chúng ta thảo luận về các đau đớn và những đơn thuốc, chúng ta hãy tìm cách nói ra một lời cho Chúa Giê-su. Khi nhóm lại chung với các thánh đồ, hãy “trở bông trong hành lang của Đức Chúa Trời..... đến buổi già bạc, vẫn còn sanh bông trái” (Thi thiên 92:13, 15). Không có ai đi đến nhà thờ rồi nói rằng “Chúa, Chúa” thì sẽ được tái sinh. Và lời chứng của chúng ta sẽ làm thức tỉnh một số người.

Người ta không biết chắc là An-ne và Si-mê-ôn có sở hữu bất kỳ tài sản nào hay không, nhưng nhiều quân gia lớn tuổi của Đức Chúa Trời đang vui hưởng sự an ninh về tài chính, và họ nên chia sẻ tài chánh của họ với các hội truyền giáo đang vươn ra tìm kiếm các linh hồn lạc mất. Chúng ta không thể hỗ trợ tất cả mọi người, vì vậy phải cầu hỏi Chúa để biết chức vụ nào mà Ngài muốn chúng ta hỗ trợ. Cầu nguyện để có sự khôn ngoan trong việc quản lý và phân phối của cải, bởi vì chúng ta không được lãng phí tiền bạc mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. “Di chúc và ý muốn cuối cùng” cũng là “lời chứng và chúc thư cuối cùng” của chúng ta. Vì vậy hãy bảo đảm rằng Chúa Giê-su cũng có phần trong chúc thư đó. Hãy giống như vua Đa-vít, khi

đã bảy mươi tuổi ông dâng hiến những gì ông có để chuẩn bị xây dựng một đền thờ cho thế hệ tương lai.

Bất luận bạn đang ở trong lứa tuổi nào, hãy dành thì giờ đọc Thi thiên 92:12-15, và tự hỏi chính mình: “Đây có phải là sự mô tả về đời sống Cơ đốc của tôi?”

Bài 50

GIĂNG BÁP-TÍT

Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống.

Giăng 3:30

Giăng Báp-tít là một người được sinh ra khi cha mẹ ông tuổi đã cao không còn có khả năng sinh sản. Điều này là một phép lạ. Ông là một tiên tri của Đức Chúa Trời, được Ngài chọn làm người dọn đường cho Chúa Giê-su Christ. Thông qua công tác giảng dạy và làm báp-tem Giăng chuẩn bị cho chức vụ của Chúa Giê-su và công bố “sự khởi đầu của phúc âm” (Mác 1:1; Công vụ. 1:21-22). Giăng giảng cho đám đông đến từ các sắc dân, và ngay cả các nhà lãnh đạo của Do thái giáo cũng cử người đến nghe để điều tra về ông. Họ muốn biết ông là ai. Lúc đó Giăng giảng về Chúa Giê-su nhiều hơn tự giới thiệu về bản thân. Khi một số môn đồ của Giăng trở nên lo lắng vì đám đông đi theo Chúa Giê-su đông hơn những người đi theo Giăng, Giăng đã không bối rối, ông giải thích với các môn đồ: “Ví chẳng từ trên trời ban cho, thì không một người nào có thể lãnh chi được. Chính các ngươi làm chứng cho ta rằng ta đã nói: Ấy không phải ta là Đấng Christ, nhưng ta đã được sai đến trước Ngài. Ai mới cưới vợ, nầy là chàng rể, nhưng bạn của chàng rể đứng gần và nghe người, khi nghe tiếng của chàng rể thì rất đổi vui mừng; ấy là sự vui mừng trọn vẹn của ta đó. Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống” (Giăng3: 27-30).

MỤC TIÊU CỦA CHỨC VỤ - NGÀI PHẢI DẤY LÊN

Tòa Công Luận của người Do Thái có quyền gọi các phái viên đến gặp Giăng Báp-tít để phỏng vấn, bởi vì họ là những người trông coi và bảo vệ luật pháp Do Thái. Họ điều tra xem Giăng Báp-tít là tiên tri giả hay là tiên tri thật đến từ Đức Chúa Trời (Phục truyền. 13). Giăng đã vượt qua thử nghiệm này, và sau đó Tòa công luận không còn gây khó khăn cho ông thêm nữa. Tuy nhiên những người lãnh đạo của họ không sẵn sàng vâng phục các sứ điệp của ông. Còn những người thường thì tin rằng chức vụ của Giăng đến từ Đức Chúa Trời (Lu-ca 20:1-8).

Giăng biết rằng chức vụ của ông chỉ là *người tiền trạm* trong một thời gian ngắn, vì vậy ông chỉ cho mọi người đến với Chúa Giê-su, và ông không xây dựng đội ngũ của mình. Lúc đầu Anh-rê và Giăng là những môn đồ của Giăng Báp-tít, nhưng sau đó hai người này đã đi theo Chúa Giê-su. Như vậy có khả năng là Giăng đã làm phép báp-tem cho mỗi người thuộc nhóm mười hai sứ

đồ (Công vụ 1:21-22). Giảng Báp-tít đã rất cẩn thận chỉ ra tính ưu việt thần thượng của Chúa Giê-su và hướng dẫn mọi người đến Ngài.

Chúa Giê-su là Lời, Giảng chỉ là một *người phát ngôn* cho Ngài (Giăng 1:1, 14, 23). Một phát ngôn nhân (một tiếng kêu) mà không có lời có thể gây ồn ào, gây chú ý nhưng không đưa ra được một hướng dẫn nào. Lời nói của chúng ta chỉ biểu lộ ra những gì có trong tâm trí và tấm lòng của chúng ta, nhưng Chúa Giê-su là Lời bày tỏ ra tâm trí và tấm lòng của Đức Chúa Trời đối với chúng ta. Ngài là, “Đấng trước hết, và là Đấng sau cùng” (Khải. 1:18; 21:6; 22:13), và Ngài công bố cho chúng ta những gì chúng ta cần biết về Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su phán với Phi-líp, “Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha. Sao người lại nói rằng: Xin chỉ Cha cho chúng tôi?” (Giăng 14:9). Giảng nhận biết ông là một tiếng kêu trong đồng vắng, là chứng nhân đến từ Đức Chúa Trời và sứ vụ chia sẻ thông điệp của Chúa ban cho ông là điều quan trọng nhất. Ông hướng về Giê-su và gọi Ngài là “Chúa, Chiên Con của Đức Chúa Trời, và Con của Đức Chúa Trời” (Giăng 1:23, 29, 34).

Chúa Giê-su là chàng rể, Giảng chỉ là người *bạn của chàng rể* (Giăng 3:26-30). Trong các đám cưới của người Do Thái, bạn của chàng rể sắp xếp các chi tiết trong đám cưới và chuẩn bị đem cô dâu đến với chàng rể. Chàng rể đến nhà của cô dâu và rước nàng về một ngôi nhà mới của họ, và khi bạn của chàng rể nghe tiếng của chàng rể từ đằng xa, anh ta sẽ vui mừng vì biết rằng chuyện hợp hôn sắp xảy ra. Trung tâm của sự chú ý là chàng rể đang đến với người yêu dấu của mình. Bạn của chàng rể không phải là đối tượng để mọi người quan tâm. Giảng là người tập trung các khách mời của đám cưới và ông muốn các học trò của ông đi theo Chúa Giê-su. Giảng là người giúp đỡ chuẩn bị cô dâu cho chàng rể.

Chúa Giê-su là sự sáng, Giảng chỉ là *đuốc đã thấp sáng* (Giăng 5:31-35). Kinh Thánh nói về Giảng, “Chính người chẳng phải là sự sáng, song người phải làm chứng về sự sáng” (Giăng 1:8). Sự sáng của Giảng chiếu sáng trong một không gian giới hạn ở vùng thung lũng sông Giô-đanh, nhưng Chúa Giê-su là “sự sáng của thế gian” (Giăng 8:12). Khi Chúa Giê-su bắt đầu chức vụ, tuyền dân Israel đang ở trong sự tối tăm (Mác 4:13-16). Lúc bấy giờ Giảng là “đuốc đã thấp sáng” và tuyền dân “bằng lòng vui tạm nơi ánh sáng của Giảng” (Giăng 5:35). Một ngọn đuốc để thấp lên ánh sáng, và tất cả con cái Đức Chúa Trời là người chiếu soi ánh sáng ra cho thế giới tối tăm (Ma-thi-ơ 5:14-16). Khi bước đi trong một ngôi nhà tối tăm vào buổi tối, chỉ cần một ánh sáng nhỏ lóe lên sẽ tạo nên sự khác biệt lớn. Vì vậy một tín hữu có thể tạo nên sự khác biệt lớn trong thế giới hôm nay.

Tất cả các hình ảnh trên đây về Giảng truyền tải một sứ điệp: Chúa Giê-su Christ là Người trời cao hơn cả mọi người khác. Mục tiêu chức vụ của Giảng: “Ngài (Chúa Giê-su) phải đẩy lên.” Một đầy tớ nhúm mục đích này sẽ hạ thấp chính mình để Con Đức Chúa Trời được tôn cao. Khi lớn lên trong ân điển và trong sự thông biết Chúa, chúng ta sẽ tập chú ngày càng nhiều hơn về Đức Chúa Trời, không phải tập chú vào các đầy tớ của Ngài.

CÁI GIÁ CỦA CHÚC VỤ - “TÔI PHẢI HẠ XUỐNG.”

Giăng không chỉ biết bản thân là ai, ông còn biết ông không phải là ai. Sự trung thực và khiêm tốn của ông xứng đáng để chúng ta bắt chước. Nếu sách Phúc âm Giăng 3:31-36 được tiếp tục ghi lại các lời của Giăng Báp-tít, thì nhiều nhà bình luận Kinh Thánh cho rằng Giăng Báp-tít sẽ công bố rõ ràng ông đến từ đất, không phải đến từ trời. Còn Chúa Giê-su đến từ thiên đàng đã trở thành Người trên trái đất, vì vậy Ngài cao trọng hơn tất cả mọi chủ thể khác. “Nhưng chúng tôi đứng của quý nầy trong chậu bằng đất, hầu cho tỏ quyền phép lớn dường ấy là bởi Đức Chúa Trời mà ra, chớ chẳng phải bởi chúng tôi” (2 Cô-rin-tô 4:7). Giăng là người được Đức Chúa Trời sai đến (Giăng 1:6) và ông biết điều đó.

Giăng không phải là Đấng Christ, cũng không phải là tiên tri vĩ đại mà Đức Chúa Trời gọi đến cho tuyển dân (Giăng 1:19-21; Phục. 18:14-18). Con người có khuynh hướng tôn cao các người lãnh đạo thuộc linh như những vị thần – điều này đã xảy ra với Phi-e-rơ (Công vụ. 10:24-26), Phao-lô và Ba-na-ba (Công vụ. 14:8-20). Nếu làm như vậy là sa vào bẫy thờ hình tượng, và phải chịu sự phán xét của Chúa. Mặc dù Giăng đến trong “tâm thần và quyền phép của Ê-li” (Lu-ca 1:17), nhưng ông cũng giải thích rõ ông không phải là Ê-li (Giăng 1:21; Ma-la-chi 4:5; Ma-thi-ơ 11:1-19; 17:10-13). Chúa Giê-su đã gọi Giăng là người được tôn trọng hơn tiên tri, bởi vì ông có đặc ân giới thiệu Cứu Chúa cho tuyển dân.

Giăng đến từ đất và ông không phải là Đấng Cứu thế, là tiên tri vĩ đại hay là Ê-li. Ông cũng không phải “cây sậy bị gió rung” (Ma-thi-ơ 11:7) và cố gắng làm vừa lòng mọi người. Văn hóa ngày nay được đánh dấu bằng “sống theo hiến pháp” trong đó nêu qui chuẩn; chúng ta không được xúc phạm mọi người bằng cách thách thức niềm tin cơ bản của họ. Giăng không biết gì về sự thỏa hiệp như vậy. Ông đến với “cái búa đã để rễ cây; vậy hễ cây nào không sanh trái tốt, thì sẽ phải đốn và chum.” Và Giăng giới thiệu một Đấng đầy quyền phép đến sau ông, tay Ngài sẽ “cầm nia mà để thật sạch sân lúa mình, và Ngài sẽ chứa lúa vào kho, còn rơm rạ thì đốt trong lửa chẳng hề tắt” (Ma-thi-ơ 3:1-12). Từ tiếng Anh *radical* của chúng ta có nguồn gốc từ tiếng Latin *radix*, có nghĩa là “gốc rễ.” Với cái búa trong tay, Giăng là một người cấp tiến, người đã tìm ra gốc rễ của vấn đề tội lỗi.

Giăng không phải là người mặc áo quần đẹp trong cung vua (Ma-thi-ơ 11:8), nhưng là một tù nhân trong ngục tối của vua (Ma-thi-ơ 14:1-12). Ông đã can đảm cảnh cáo vua Hê-rốt An-ti-pa về việc lấy vợ của Phi-líp là anh em của mình. Đây là một việc làm trái luật pháp, vì vậy nhà vua đã tống giam ông vào ngục. Ông bị mất tự do và cuối cùng mất luôn mạng sống – nhưng điều này không làm cho chức vụ của ông bị suy giảm. Ông đã hoàn thành tốt mục vụ của mình và công tác đó sẽ vẫn được tiếp tục. Giăng không có một cuộc sống và một mục vụ dễ dàng – điều này làm cho ông khác biệt với những người khác đang phục vụ Chúa Giê-su.

Cuối cùng, Giăng không phải là một người làm phép lạ. “Giăng chưa làm một phép lạ nào” (Giăng 10:40-42). Điều này khiến tôi lấy làm lạ, vì bản thân Giăng là một phép lạ khi được sinh ra, và được đầy đầy Đức Thánh Linh từ khi còn nằm trong lòng mẹ. Ông xuất hiện trong “tâm thần và quyền phép của Ê-li” (Lu-ca 1:17), và Ê-li thì thực hiện nhiều phép lạ. Chức vụ của Giăng chủ yếu là dành cho tuyển dân Israel, và “người Giu-đa đòi phép lạ” (1 Cô-rin-tô 1:22),

nhưng Giăng lại không làm phép lạ! Nếu đầy tớ của Đức Chúa Trời phải làm phép lạ, thì người đó phải là Giăng Báp-tít, nhưng ông đã không làm bất kỳ phép lạ nào. Tuy nhiên những gì ông giảng về Chúa Giê-su đã đem sự cứu rỗi đến cho những linh hồn hư mất, ngay cả khi ông đã chết đi. “Tại đó có nhiều người tin Chúa Giê-su” (Giăng 10:42). Giăng thật sự là một chứng nhân được đổ đầy quyền năng của Đức Thánh Linh!

PHÂN THUỞNG CỦA CHÚC VỤ - “SỰ VUI MỪNG TRỌN VẸN CỦA TA” (Giăng 3:29)

Cuộc sống của Giăng không hề dễ dàng. Có thể cha mẹ già của Giăng đã chết khi ông còn trong tuổi thiếu niên, nhưng họ đã trung tín dạy cho ông Lời của Đức Chúa Trời và làm thế nào để cầu nguyện (Lu-ca 11:1). Ông sống một cuộc sống cá biệt trong đồng vắng, tương giao với Đức Chúa Trời và chờ đợi thời điểm bước ra thi hành chức vụ. Sống ăn dật, “không ăn bánh, không uống rượu” (Lu-ca 7:33), ông là một tiên tri can đảm đã công bố sứ điệp của Đức Chúa Trời về sự ăn năn và sự cứu rỗi. Mặc dù đối diện với nhiều khó khăn, Giăng vẫn vui mừng.

Giăng mang niềm vui đến cho cha mẹ, những người bà con và các bạn hữu (Lu-ca 1:14, 58). Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét rất vui khi thấy Giăng sẵn lòng học tập Lời Đức Chúa Trời, và họ cũng vui mừng khi nhìn thấy con trai trưởng thành thuộc linh (Lu-ca 1:80). Khi còn trong bụng mẹ, Giăng đã vui mừng khi nghe giọng nói của Ma-ri (Lu-ca 1:39-45), và sau đó ông cũng vui mừng khi nghe tiếng nói của Cứu Chúa (Giăng 3:29). Chắc chắn Giăng rất hạnh phúc với đặc ân mà Chúa đã ban cho ông: giới thiệu Đấng Cứu chuộc là Chiên Con của Đức Chúa Trời cho mọi người. Giăng đã rất vui mừng khi nghe giọng nói của Chúa Giê-su và ông biết rằng sứ vụ mà Đức Chúa Trời ban cho ông đã hoàn tất.

Theo Kinh Thánh, lần duy nhất Giăng mất niềm vui là khi ông ở trong nhà tù của Hê-rốt và tự hỏi liệu Chúa Giê-su có thực sự là Đấng cứu thế đã hứa hay không (Ma-thi-ơ 11:1-19). Giăng là một người sống tự do ngoài trời, rồi bị giam cầm trong một nhà tù chật hẹp chắc chắn gây khó khăn cho ông, đặc biệt là ông phải ở đó vì vâng lời Chúa. Giăng được sinh ra để làm một thầy tế lễ theo gót người cha Xa-cha-ri, và giống như Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên và Xa-cha-ri ông còn được gọi là một tiên tri. Công tác của ông sẽ nhiều nguy hiểm và khó khăn hơn. Giăng đã rao giảng sứ điệp về sự phán xét, nhưng Chúa Giê-su đến bày tỏ ra lòng thương xót. “Khi Giăng ở trong ngục nghe nói về các công việc của Đấng Christ, thì sai môn đồ mình đến thưa cùng Ngài rằng: Thầy có phải là Đấng phải đến, hay là chúng tôi còn phải đợi đấng khác chăng?” (Ma-thi-ơ 11:2-3). Từ “đấng khác” ở đây có nghĩa là một “hạng người khác.” Giăng đang trông đợi một Đấng phán xét quyền năng, nhưng Chúa Giê-su tỏ mình ra như một Người chăn bầy đầy lòng thương xót. Giăng

đã quên tiếng phán từ thiên đàng và sự ngự xuống của chim bồ câu khi ông làm báp-tem cho Chúa Giê-su.

Giăng và môn đồ của mình đã không nghe những lời của Chúa Giê-su nói về ông trong Ma-thi-ơ 11:7-19. Tuy nhiên những lời này được ghi lại trong Kinh Thánh và chúng còn đến đời đời. Những gì Chúa Giê-su nhận xét về chúng ta thì quan trọng hơn đánh giá của bất cứ người nào, hay của chính chúng ta. Có lẽ Giăng nghĩ rằng ông đã thất bại trong chức vụ, nhưng điều đó không đúng chút nào. Ông đã thành công. Và sau đó Chúa Giê-su tiếp tục mục vụ của ông.

Trong những thời khắc ảm đạm và chán nản, một số người hầu việc Chúa nghĩ rằng họ đã thất bại, họ đánh mất niềm vui và muốn bỏ cuộc, trong số đó có Mô-i-se, Đa-vít, Ê-li, Giê-rê-mi. Nhưng rồi những người này đã quay trở về với Chúa và lấy lại sự vui mừng. Nhà truyền giảng Phúc âm George Morrison nói, “Đức Chúa Trời hiếm khi cho phép các đầy tớ Ngài thấy những gì họ đang làm là tốt đẹp.” Sẽ là không tốt cho bất cứ ai tự hào về mục vụ của mình. Chúng ta hãy tập chú đôi mắt của mình vào Chúa Giê-su và tin cậy Ngài.

Chúng ta biết rằng, giới lãnh đạo Do Thái giáo muốn cứu Giăng thoát khỏi bàn tay độc ác của Hê-rốt, nhưng vua đã chém đầu Giăng vì lời thề ngu muối của mình (Ma-thi-ơ 14:1-12). Một tiên tri tin kính bị giết, và một nhà vua gian ác tiếp tục sống! Thi sĩ James Russell Lowell viết, “Chân lý mãi mãi phải lên giàn giáo / Sự gian ác ngự trị trên ngai vàng mãi mãi.”

Không phải như vậy, khi đến thời điểm của Chúa, sự gian ác sẽ bị đánh bại và Chân Lý sẽ lên ngôi vĩnh viễn. Hãy nghe thiên sứ thông báo, “Từ nay nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời.” (Khải. 11:15). Chúa Giê-su Christ sẽ trở lại và đánh bại Hê-rốt của thế giới này. Ngài sẽ thành lập vương quốc vinh hiển của Ngài!

Đó là tương lai của chúng ta – xứng đáng cho chúng ta sống và chết vì Christ.

Bài 51

ANH-RÊ

Chớ ai tìm lợi riêng cho mình, nhưng ai nấy hãy tìm cho người khác.

1 Cô-rin-tô 10:24

Nếu có ai đó nghĩ về “người khác”, người đó là Anh-rê. Ông là sứ đồ đầu tiên đi theo Chúa Giê-su sau khi được Giảng Báp-tít giới thiệu ông và Giảng với Cứu Chúa. Và sau đó ông đã tìm gặp anh mình là Si-môn, và giới thiệu Si-môn với Chúa Giê-su (Giăng 1:29-42). Tân ước cho chúng ta bốn danh sách các sứ đồ (Ma-thi-ơ 10:1-4; Mác 3:16-19; Lu-ca 6:14-16; Công vụ. 1:13) và Si-môn Phi-e-rơ được đề cập đầu tiên trong danh sách. Không có ai trong vòng các sứ đồ hỏi rằng Phi-e-rơ có phải là người lãnh đạo nhóm mười hai sứ đồ hay không. Anh-rê là người thứ hai trong danh sách của Ma-thi-ơ và Lu-ca, và là người thứ tư trong các danh sách còn lại. Trong các sách Phúc âm, chúng ta quen với tên gọi Anh-rê là em của Si-môn Phi-e-rơ. Nhưng Anh-rê không quan tâm đến các thứ tự trong danh sách các sứ đồ hay mối liên hệ với Phi-e-rơ. Mối quan tâm lớn nhất của ông là những “người khác” – đặc biệt là ông đem những người khác này đến với Chúa Giê-su.

Ba sách Phúc âm đầu tiên không nói nhiều về Anh-rê, nhưng Phúc âm của Giảng cho chúng ta một bức tranh hấp dẫn về Anh-rê: đem người khác đến với Chúa Giê-su. Anh-rê quan tâm đến người khác, và ông tìm cách giới thiệu họ đến với Thầy của mình. Đó là lý do tôi chọn 1 Cô-rin-tô 10:24 làm câu gốc mô tả đời sống, chức vụ của Anh-rê.

ANH-RÊ ĐEM SI-MÔN, ANH CỦA ÔNG ĐẾN VỚI CHÚA GIÊ-SU (Giăng 1:40-42)

Khi Giảng Báp-tít bày tỏ cho Anh-rê và Giảng về Chúa Giê-su, hai môn đồ này đã đi theo Chúa Giê-su. Họ nói chuyện với Chúa, ở lại với Ngài và biết rằng Ngài chính là Đấng Mê-si. Giờ đây họ muốn chia sẻ tin tức tốt lành này đến cho những người thân yêu trong gia đình. Người anh của Anh-rê là Si-môn; người anh của Giảng là Gia-cơ có thể đã cùng đi với Anh-rê và Giảng từ Ga-li-lê đến khu vực sông Giô-đanh. Bởi vì sau khi gặp Chúa Giê-su thì hành động đầu tiên của Anh-rê là đi tìm Si-môn để giới thiệu Chúa Giê-su. Anh-rê “bèn dẫn Si-môn đến cùng Đức Chúa Giê-su” (Giăng 1:42). Chúng ta cũng suy luận rằng Giảng cũng đã tìm gặp anh mình là Gia-cơ và giới thiệu Chúa Giê-su cho Gia-cơ. Tất cả bốn người ngư phủ này bây giờ ở trong gia đình của Đức Chúa Trời. Và sau đó Chúa Giê-su kêu gọi họ dấn thân cho một chức vụ trọn thời gian mặc dù họ đã không biết kế hoạch của Ngài dành cho mình.

Câu hỏi đầu tiên của Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh là: “Ngươi ở đâu?” (Sáng. 3:9). Có phải bạn đang né tránh Chúa giống như A-đam và Ê-va? Bạn đang ở trong gia đình của Đức Chúa Trời hay đang thuộc về thế gian? Câu hỏi thứ hai của Chúa: “Em ngươi đâu?” (Sáng. 4:9). Ca-in tìm cách chối bỏ trách nhiệm của mình, nên trả lời: “Tôi là người giữ em tôi sao?” Ca-in đã trả lời một câu hỏi bằng một câu hỏi khác! Chúng ta có trách nhiệm nói cho mọi người gia đình chúng ta biết về Chúa Giê-su. Khi Chúa chữa lành cho một người bị quỉ ám, người này xin được ở lại với Ngài, nhưng Chúa phán: “Hãy về nhà ngươi, nơi bạn hữu ngươi, mà thuật lại cho họ điều lớn lao thể nào Chúa đã làm cho ngươi, và Ngài đã thương xót ngươi cách nào” (Mác 5:18-20). Người này vâng lời, và khi anh ta kể lại câu chuyện của mình cho mọi người, họ đều kinh ngạc. Một số người trong họ trước đó có thể đã nghe về Chúa Giê-su và tin Ngài.

Mỗi người được cứu đều có những trường hợp riêng biệt. Giảng Báp-tít trưởng thành trong một gia đình tin kính Chúa, và từ nhỏ đã mở lòng ra hướng về Chúa. Anh-rê và Giảng nghe Giảng Báp-tít giảng và rồi được giới thiệu đến với Chúa Giê-su. Anh-rê tiếp tục đưa anh mình là Si-môn đến với Chúa. Trong ngày lễ Ngũ Tuần, Si-môn Phi-e-rơ đã giảng một sứ điệp quyền năng đưa ba ngàn linh hồn trở về với Chúa. Và chu kỳ này tiếp tục giữa vòng các thánh đồ trung tín chia sẻ Phúc âm đến người khác. Tuy nhiên chúng ta không giới hạn Phúc âm chỉ trong phạm vi gia đình, mà hãy nhớ lệnh truyền của Chúa là phải đem Phúc âm đến tận cùng thế giới. Oswald J. Smith đã nói, “Ánh sáng chiếu xa nhất sẽ chiếu sáng nhất ngay trong nhà.”

ANH-RÊ ĐEM MỘT BÉ TRAI ĐẾN VỚI CHÚA GIÊ-SU (Giăng 6:1-13)

Đức Chúa Giê-su cùng môn đồ qua bờ bên kia của biển Ga-li-lê, một đoàn dân đông trên năm ngàn người đi theo Ngài. Khi nhìn thấy đoàn dân đông, Chúa biết Ngài phải làm gì để cấp dưỡng cho họ cả phần lương thực thuộc linh lẫn thuộc thể. Vào lúc này Ngài muốn thử các môn đồ để xem họ có hiểu các bài học Ngài dạy về sống bởi đức tin hay không. Trong mọi thử thách của đời sống là cơ hội để chúng ta dâng vinh hiển về Đức Chúa Trời, để được lớn lên trong đức tin và có thể đáp ứng nhu cầu của những người khác.

“Chúng ta sẽ mua bánh ở đâu, để cho dân này có mà ăn?” Đứng trước câu hỏi này của Chúa, các môn đồ đưa ra ba câu trả lời khác nhau. Một số môn đồ đề nghị rằng Chúa nên truyền lệnh cho dân chúng lui đi - hãy trở về nhà (Ma-thi-ơ 14:15; 15:23; 19:13-15). Giải tán đám đông và bạn sẽ giải quyết được nan đề lúc này! Phi-líp lập tức làm ngay phép tính: “Hai trăm đơ-ni-ê bánh không đủ phát cho mỗi người một ít.” Hội thánh cần những người thực tế giống như Phi-líp, nhưng nếu như vậy thì có thể che giấu các phép lạ của Chúa. Hội thánh cần những người có đức tin. Khi bạn có thể giải thích những gì đang diễn ra trong chức vụ của bạn, thì Chúa đã không làm điều đó. Khi Ngài làm điều “bất khả thi”, Ngài được vinh hiển. (When you can explain what is going on in your ministry, the Lord didn't do it. When he does the impossible, He gets the glory.)

Khi còn ở trong chức vụ mục sư, tôi thường đến nhà thờ sớm hơn giờ bắt đầu thờ phượng. Tôi đi bộ trong nhà thờ, nói chuyện với vài nhân sự ở đó. Điều này giống như xây dựng một cây cầu nối kết chức vụ mục sư với các anh chị em và thân hữu. Trong câu chuyện ở đây, Anh-rê có thể đã đi vào trong đám đông và phát hiện có một bé trai mang theo khẩu phần ăn trưa. Chìa khóa của vấn đề nằm ở đây. Chúa Giê-su chấp nhận lời đề nghị của Anh-rê: bé trai dâng lên phần ăn của mình, và Chúa Giê-su làm phần còn lại. Ngài phân phát bánh cho đàn dân đông từ khẩu phần ăn của một cậu bé. Đó là phép lạ! Sau khi ăn xong, cậu bé có thể trở về nhà mang theo bánh và cá nhiều hơn khẩu phần ăn trước đó mang theo. Đó là cách mà Chúa thực hiện phép lạ, “Hãy ban cho, rồi người sẽ được ban cho nhiều hơn” (Lu-ca 6:38).

Chúng ta có thể hiểu rằng Anh-rê muốn chia sẻ Đấng Christ cho người anh trai Si-môn của mình, nhưng tại sao Anh-rê lại quan tâm đến một bé trai là một thiếu niên xa lạ với ông? Bởi vì cậu bé

này cần biết về Chúa Giê-su, và Chúa Giê-su cần khẩu phần ăn của em để nuôi dưỡng đám đông đang đói. Nếu chúng ta không đến với thể hệ trẻ bằng Phúc âm, làm sao chúng ta có thể thấy tương lai của Hội thánh? Nếu chúng ta không giới thiệu các em đến với Chúa Giê-su, làm sao Chúa có thể sử dụng các ân tứ và tài năng của chúng để nhân bội ra đáp ứng cho nhu cầu của thế giới. Tài sản quý báu của Hội thánh không phải là tiền bạc được gói trong ngân hàng nhưng là thể hệ trẻ - con cháu của chúng ta là lớp người có một điều gì đó để dâng lên Chúa Giê-su, và rồi Ngài nhân bội ra đáp ứng cho nhu cầu của hàng ngàn người khác.

ANH-RÊ VÀ PHI-LÍP ĐÃ ĐEM NHỮNG NGƯỜI HY-LẠP ĐẾN VỚI CHÚA GIÊ-SU

“Qua ngày sau, có một đám dân đông đến đứng dự lễ, biết Đức Chúa Giê-su lên thành Giê-ru-sa-lem, bèn lấy những lá kẻ ra đón Ngài, và reo lên rằng: Hô-sa-na! Chúc phước cho Đấng nhân danh Chúa mà đến, là Vua của Y-sơ-ra-ên!” (Giăng 12:12-13) Sự kiện này xảy ra khi đoàn dân đông tập trung về Giê-ru-sa-lem dự lễ Vượt qua. Họ biết Chúa qua những phép lạ Ngài làm, vì vậy sự chào đón nồng nhiệt của họ dành cho Chúa là điều có thể hiểu được. Lúc này người Pha-ri-si nói với nhau: “cả thiên hạ đều chạy theo người (Chúa Giê-su)” (Giăng 12:19).

Những người Hy Lạp trong đoàn dân đông đang đổ về Giê-ru-sa-lem dự lễ vượt qua có thể đang đi tìm kiếm lẽ thật, chứ chưa hẳn là họ đã chuyển sang Do Thái giáo. Nhưng bất luận tôn giáo của họ là gì, thì tôn giáo cũng không đem đến thỏa mãn cho sự đói khát tâm linh của họ. Các triết gia Hy Lạp không làm cho họ thỏa mãn và dường như kỷ niệm lễ Vượt qua của người Do Thái có một sức hút nhất định đối với họ. Họ đã nghe người khác nói về Chúa Giê-su và bây giờ họ muốn trực tiếp nghe sứ điệp và gặp được Ngài. Họ cảm thấy rằng Ngài là những gì họ cần, và họ đã suy nghĩ đúng.

Những du khách Hy Lạp này tiếp cận Phi-líp (Phi-líp có cái tên Hy-Lạp) và Phi-líp đưa họ đến gặp Anh-rê. Anh-rê là người biết cách dẫn đưa người khác đến với Chúa Giê-su. Giới thiệu người khác đến với Chúa Giê-su có vẻ giống như một sự mạo hiểm cá nhân (truyền giáo cá nhân), nhưng thực ra nó là mục vụ chung của một nhóm (1 Cô-rinh-tô 3:5-9). Giảng cho chúng ta biết những lời Chúa Giê-su dạy, nhưng không cho chúng ta biết hết những việc Ngài làm. Mặc dù chúng ta suy luận rằng Ngài đã tiếp nhận những người Hy Lạp này một cách ân cần và họ đã nghe thấy thông điệp mà Ngài đã giảng cho đám đông xung quanh Ngài. Đó là thông điệp về sự chết của Ngài. Ngài sẽ bị treo lên, bị đóng đinh trên thập hình. “Khi ta đã được treo lên khỏi đất, ta sẽ kéo mọi người đến cùng ta. Ngài phán vậy để chỉ mình phải chết cách nào” (Giăng 12:32-33). Những người Hy Lạp này đã đi một quãng đường rất xa về Giê-ru-sa-lem để rồi cuối cùng nghe một thông điệp “không mong đợi” như thế?

Nhưng sự chết và sự phục sinh của Chúa Giê-su đã phá vỡ bức tường ngăn cách giữa người Do Thái và các dân tộc ngoại bang. Điều đó có nghĩa là người Hy Lạp cũng được cứu qua sự chuộc tội của Chúa Giê-su (Ê-phê-sô 2:11-22). Sẽ không có mùa gặt giữa vòng các dân ngoại cho đến khi hạt giống - Chúa Giê-su được trồng vào đất. Sự chết của Ngài đã đem sự sống đến cho toàn thể giới. Nếu bạn do dự không sẵn sàng cống hiến cho công tác truyền giáo toàn thể giới, thì hãy nhớ

rằng sự chết của Chúa Giê-su đã mở ra cánh cửa cho toàn thể nhân loại. Ngài phán: “Khi ta đã được treo lên khỏi đất, ta sẽ kéo mọi người đến cùng ta.” “Mọi người” là tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, màu da, ngôn ngữ, nô lệ hay tự do. Tất cả đều được hoan nghênh khi đến với thập tự giá của Christ. Những gì người Hy Lạp cần là Anh-rê chỉ cho họ đến với Con Đường Duy Nhất là Chúa Giê-su.

ANH-RÊ GIÚP ĐỠ PHI-E-RƠ ĐEM 3 000 NGƯỜI ĐẾN VỚI CHÚA GIÊ-SU

Lần cuối cùng chúng ta thấy Anh-rê được Tân ước đề cập đến là trong buổi cầu nguyện của mười một sứ đồ và một nhóm tín hữu trên phòng cao. Họ đang trải qua 10 ngày trong sự cầu nguyện trông đợi sự giáng lâm của Đức Thánh Linh theo lời Chúa hứa (Lu-ca 24:49; Công vụ. 1:12-15). Anh-rê được đề cập ở vị trí thứ tư trong nhóm sứ đồ. Ông không bao giờ đứng chung nhóm “ba người nổi bật” Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng. Nhưng điều này không làm Anh-rê lo lắng. Chúa Giê-su đã kêu gọi ông, ông là một sứ đồ và người lớn nhất giữa vòng các sứ đồ vẫn không được đề cập đến. Lúc bấy giờ họ không còn hỏi: “Giữa vòng chúng ta ai là người lớn nhất?” (Xem Mác 9:34)

Anh-rê đã cầu nguyện cho anh mình – Phi-e-rơ là người sẽ ban phát sứ điệp trong ngày lễ Ngũ tuần. Và bởi vì ông cầu nguyện, Anh-rê đã góp một phần trong sự cải đạo của 3 000 linh hồn hôm ấy. Đó là một sự hợp tác để cùng nhau lưới cá!

Chúa Giê-su không còn ở trên đất, vì vậy theo nghĩa văn tự Anh-rê không thể đem người khác đến với Ngài, nhưng ông có thể đem người khác đến với Chúa qua sự cầu nguyện. Chúa Giê-su đã cầu nguyện cho Anh-rê và các sứ đồ khác để họ là những chứng nhân rao truyền sự cứu rỗi cho mọi người (Giăng 17:20). Đức Thánh Linh đã giáng lâm trong ngày lễ Ngũ Tuần, các tín hữu tại đó được đổ đầy Thánh Linh. Họ ngợi khen và thờ phượng Đức Chúa Trời. Khi Phi-e-rơ đứng lên công bố sứ điệp cứu rỗi và mời gọi đám đông tin nhận Chúa, đã có 3 000 người mở lòng ra đón nhận sự cứu rỗi.

Một trong các hội thánh mà chúng tôi phục vụ, có một cô giáo đã nghỉ hưu đảm trách một lớp học tiểu học của Trường Chủ nhật. Mỗi năm khi các học sinh được thăng cấp lên trung học, cô giữ một danh sách tên của chúng và cầu nguyện cho từng em cho đến khi cô biết rằng chúng đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Giê-su. Khi tôi làm công tác chân bầy tại đó, sau giờ thờ phượng cô giáo này thường thông báo cho tôi biết có một ai đó – trong danh sách cầu nguyện của cô đã tiếp nhận Chúa hoặc nhận báp-têm. Cô ta không rao giảng Phúc âm, nhưng cô cầu nguyện cho những người giảng Phúc âm và những linh hồn hư mất. Và Đức Chúa Trời đã liên tục trả lời sự cầu nguyện của cô. Những lời của G. Campbell Morgan nói về Anh-rê, tôi cũng có thể nói như thế về cô ấy, “một tâm hồn yên lặng, mạnh mẽ đứng phía sau hậu trường, nhưng đầy hiệu quả cho Chúa.” Những lời cầu nguyện quyền năng ở trong tâm hồn những tín hữu quan tâm đến người khác và muốn đem họ đến với Chúa Giê-su!

Chúa Giê-su ban những tên mới cho một số sứ đồ. Si-môn được đổi thành Phi-e-rơ hay Sê-pha nghĩa là “một viên đá.” Gia-cơ và Giăng được gọi là “con trai của sấm sét” (Mác 3:17). Lê-vi

được đổi tên thành Ma-thi-ơ có nghĩa là “món quà của Chúa.” Nhưng Anh-rê vẫn giữ tên là Anh-rê. Trong tiếng Hy Lạp tên ông có nghĩa là “có những đức tính tốt.” Đức tính tốt nhất của một người là có gánh nặng về những linh hồn hư mất và tìm cách đem họ đến với Chúa Giê-su.

Anh-rê là “vị thánh bảo hộ” của Scotland, Hy Lạp và Nga. Ông nên là “thánh bảo hộ” của các hội thánh địa phương và mỗi cá nhân tín hữu.

Từ “người khác” có được viết trong tâm lòng của bạn?

Bài 52

SI-MÔN PHI-E-RO

Đức Giê-hô-va sẽ làm xong việc thuộc về tôi.

Thi thiên 138:8

“Các bạn sẽ dễ dàng nhận ra Phi-e-rơ khi bước vào thiên đàng.” MC phát biểu trong một buổi hội thảo về các sứ đồ với một nụ cười. Anh ta nói tiếp, “Ông là người đàn ông có cái miệng lớn và rồi trượt chân vào đó.” (hàm ý miệng nói rất mạnh dạn, nhưng bỏ chạy cũng rất nhanh.)

Khi mọi người cười, thì tôi đau xót trong lòng. Tôi nghĩ người MC này không đáng để xách dép cho Si-môn Phi-e-rơ chứ đừng nói gì đến chuyện đùa cợt về tội lỗi của ông. Anh ta muốn nói về Phi-e-rơ theo cách này: một cái miệng vàng nhưng tâm lòng thì nhát như thỏ đế!

Chúa Giê-su phán dạy chúng ta phải tha thứ cho anh em mình, dù trong một ngày họ phạm tội cùng ta bảy lần thì cũng nên tha thứ cho họ. Nhưng hãy xem những con người vĩ đại trong Kinh Thánh phạm cùng một tội hai lần như Áp-ra-ham, hay ba lần như Phi-e-rơ và rồi chúng ta không tha thứ cho họ. Thay vì vậy, chúng ta đã làm cho các tội lỗi này trở nên nghiêm trọng khi đánh giá con người của họ, và như thế chúng ta đã có cái nhìn không đúng. Nói đùa về tội lỗi với động cơ gì? Tội lỗi không phải là vấn đề đem ra đùa cợt. Tội lỗi của loài người khiến Chúa Giê-su phải lên thập giá. Tội lỗi khiến Phi-e-rơ phải khóc lóc cách đáng cay. Nhưng chúng ta là những người trưởng thành lại đùa cợt về tội lỗi. Còn đối với tội lỗi của chúng ta, đó lại là một vấn đề khác!

Người dẫn chương trình đã rơi vào một cái bẫy và lôi kéo nhiều Cơ đốc nhân không hiểu thấu đáo Kinh Thánh sa chân vào đó. Vì vậy họ chấp nhận một bức tranh biếm họa rẻ tiền về tội lỗi thay thế cho sự hiểu biết Lời Chúa. Họ thường xuyên thích nhấn mạnh những điều tiêu cực trong Kinh Thánh như: Phi-e-rơ có một cái miệng lớn và thường trượt chân vào đó; Nô-ê đã say rượu đến nỗi lỏa thể; Áp-ra-ham phạm tội nói dối đến hai lần; Đa-vít ngoại tình và giết người; Thô-ma là một kẻ nghi ngờ; Còn Giăng Mác là người bỏ cuộc, trốn chạy trong cơn bách hại. Họ quên mất những điều tốt mà những người này đã làm và phớt lờ những gì Đức Chúa Trời nói về các đầy tớ của Ngài. Bất luận sự thật là gì, họ giữ cho hội chúng cười và bám sát bức tranh biếm họa.

Sự thật là Si-môn Phi-e-rơ có hai cái tên giúp chúng ta hiểu rõ hơn về ông và chính chúng ta. Si-môn là tên được cha mẹ đặt cho, có nghĩa “người lắng nghe.” Còn Phi-e-rơ là tên mà Chúa Giê-su ban cho ông, có nghĩa là “một viên đá.” Trong một phương diện, tất cả các tín hữu đều có hai tên: tên cũ là “con cái của A-đam” và tên mới là “con cái của Đức Chúa Trời.” Nhiều năm trước đây nhiều con cái Chúa đeo một cái vòng dây màu sắc trên tay có in hàng chữ: HKNDCTCXVVB. Nếu có ai hỏi hàng chữ ấy có nghĩa gì, họ sẽ giải thích: Hãy Kiên Nhẫn, Đức Chúa Trời Chờ Xong Việc Với Bạn.

Phi-e-rơ có thể cũng đã mang cái vòng ấy mà không biết rồi, và tôi chọn Thi thiên 138:8 làm câu chìa khóa cho đời sống chức vụ của Phi-e-rơ. “Đức Giê-hô-va sẽ làm xong việc thuộc về tôi.” Câu Kinh văn này trong Cựu Ước tương đương với Phi-líp 1:6, “tôi tin chắc rằng Đấng đã khởi làm việc lành trong anh em, sẽ làm trọn hết cho đến ngày của Đức Chúa Giê-su Christ.” Cả hai câu này đều khích lệ khi tôi làm hồng mục vụ của mình và thất vọng với Chúa. Đời sống Cơ đốc đăc thắg là một chuỗi của những khởi đầu mới. Mỗi lần Phi-e-rơ vấp ngã, Chúa Giê-su tha thứ cho ông và ông chỗi dậy cho một khởi đầu mới. Trong tất cả các trải nghiệm này, Chúa Giê-su giúp đỡ cho Phi-e-rơ bốn bước thuộc linh cơ bản để ông trưởng thành. Chúng ta có thể học tập bốn bước này.

BIẾT CHÚA GIÊ-SU

Khi Anh-rê đưa anh mình đến gặp Chúa Giê-su, ông nói, “Chúng ta đã gặp Đấng Mê-si (nghĩa là Đấng Christ). Người bèn dẫn Si-môn đến cùng Đức Chúa Giê-su. Ngài vừa ngó thấy Si-môn, liền phán rằng: Ngươi là Si-môn, con của Giô-na; ngươi sẽ được gọi là Sê-pha (nghĩa là Phi-e-rơ).” (Giăng 1:41-42).

Đây không phải là một tuyên bố dài dòng. Qua lời nói của Chúa, chúng ta biết rằng Si-môn đã tín thác vào Chúa. Điều này sẽ bắt đầu quá trình biến đất sét thành đá. Qua ngày hôm sau Chúa kêu gọi Phi-líp và Na-tha-na-ên. Vậy là lúc này có sáu môn đồ đi theo Chúa Giê-su. Họ cùng đi với Ngài đến tham dự tiệc cưới tại Ca-na, và chứng kiến phép lạ đầu tiên Chúa thực hiện (Giăng 2). Họ cùng đi với Ngài ngang qua một làng của người Sa-ma-ri, tại đó một phụ nữ đã tiếp nhận ơn cứu rỗi và làm chứng cho cả thị trấn đến cùng Đức Chúa Giê-su. Nhiều người ở đó tin nhận Ngài (Giăng 4). Sau đó họ trở về Ca-bê-na-um là nơi mà các ngư dân hành nghề lưới cá và tại đó Chúa Giê-su thiết lập trung tâm truyền giáo của Ngài.

Những môn đồ tiếp tục nghề lưới cá của họ. Họ đang giặt lưới vào một buổi sáng thì Chúa Giêsu xuất hiện, mượn thuyền của họ chèo ra khỏi bờ làm bực giảng. Ngài giảng cho đám đông ở trên bờ. Sau đó, những môn đồ dùng thuyền đi đánh cá và Chúa làm đầy lưới cá của họ cách kỳ diệu. Phi-e-rơ rất kinh ngạc đến nỗi ông ngã xuống trước mặt Chúa Giê-su trên thuyền và thú nhận sự không xứng đáng của mình. Và rồi sau đó Chúa kêu gọi họ dấn thân cho một chức vụ trọn thời gian, và họ bỏ hết mọi sự đi theo Ngài (Lu-ca 5:1-11). Từng bước, Chúa Giê-su tiếp tục huấn

luyện, dạy dỗ, thực hiện các mục vụ làm gương cho các môn đồ khiến họ hiểu biết về Ngài càng hơn.

Các môn đồ khám phá rằng Chúa Giê-su thức dậy mỗi sáng sớm và đi vào nơi kín đáo để cầu nguyện. Họ cũng nhận biết rằng Ngài có quyền năng siêu việt trên sóng nước, bão giông, bệnh tật, ma quỷ. Ngài có thể ban phát thực phẩm cho hàng ngàn người ăn chỉ từ một khẩu phần ăn của một bé trai. Khi Ngài rao giảng, lời nói của Ngài đầy quyền năng, làm bừng tỉnh và thay đổi nhiều đời sống.

Khi có một số người trở lui từ bỏ Ngài, bởi vì họ không hiểu thấu những lời Ngài dạy, Ngài hỏi các môn đồ: “Còn các ngươi cũng muốn lui chăng?” Phi-e-rơ trả lời, “Lạy Chúa, chúng tôi đi theo ai? Chúa có những lời của sự sống đời đời; chúng tôi đã tin, và nhận biết rằng Chúa là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời” (Giăng 6:68-69). Sự thừa nhận này làm đẹp lòng Chúa. Sau đó khi Chúa Giê-su và các sứ đồ đến địa phận Caesarea Philippi, Chúa hỏi: “Các ngươi nói ta là ai?” Phi-e-rơ trả lời, “Chúa là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống” (Ma-thi-ơ 16:13-16). Các môn đồ cùng sống với Chúa, quan sát Ngài và lắng nghe lời Ngài dạy. Họ trưởng thành nhiều hơn trong sự nhận biết Thầy của mình.

Phi-e-rơ cũng nhận biết chính mình cùng với Gia-cơ và Giăng ở trong mối quan hệ gần gũi với Chúa. Có phải Chúa Giê-su đã chọn họ bởi vì họ đòi hỏi Ngài quan tâm đến họ nhiều hơn hay là họ cần một sự chuẩn bị đặc biệt cho chức vụ trong tương lai? Có lẽ về sau Phi-e-rơ nghiêm nhiên trở thành người lãnh đạo của nhóm sứ đồ. Tên của ông được đề cập ở vị trí thứ nhất trong danh sách các sứ đồ. Gia-cơ là sứ đồ đầu tiên từ vị đạo (Công vụ. 12:1-3). Và Giăng là sứ đồ sống lâu nhất và viết nhiều sách trong Tân Ước. Chúa Giê-su đã chọn ba người này để chứng kiến sự hóa hình của Ngài trên núi (Ma-thi-ơ 17:1-8). Họ nhìn thấy quyền năng của Ngài bày tỏ trong nhà của Giai-ru, một người cai nhà hội có đứa con gái nhỏ đã chết. Chúa Giê-su khiến cho con gái của Giai-ru từ kẻ chết sống lại (Lu-ca 8:40-56). Họ cùng chia sẻ sự đau khổ của Ngài trong vườn Ghết-sê-ma-nê (Ma-thi-ơ 26:36-56). Mỗi một trải nghiệm này giúp cho Phi-e-rơ và các đồng đội của ông hiểu biết Chúa Giê-su rõ hơn.

Khi nhận biết Chúa Giê-su, chúng ta cũng nhận ra chính mình nhiều hơn, và chúng ta sớm khám phá rằng chúng ta không mạnh mẽ như mình tưởng. Lúc đối diện với khó khăn, Phi-e-rơ tuyên bố rằng sẵn sàng sống và chết vì Chúa. Nhưng rồi chuyện gì xảy ra sau đó? Ông chối Chúa, và thậm chí chối Ngài đến ba lần. Khi “một bọn đồng người cầm gươm và gậy, mà các thầy tế lễ cả và các trưởng lão trong dân sai đến” trong khu vườn để chuẩn bị bắt Chúa Giê-su. Thay vì đầu phục ý muốn Đức Chúa Trời thì Phi-e-rơ rút gươm ra khỏi vỏ “đánh đây tở của thầy cả thượng phẩm, chém đứt một cái tai của người” (Ma-thi-ơ 27:47-51).

Ba mươi năm sau đó, khi sứ đồ Phao-lô gặp Chúa Giê-su, ông viết: “Tôi muốn được biết Christ” (Phi-líp 3:10). Những ngày gần cuối cuộc đời Phi-e-rơ viết, “Quyền phép Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta mọi điều thuộc về sự sống và sự tin kính, khiến chúng ta biết Đấng lấy vinh hiển và nhân đức mà gọi chúng ta” (2 Phi-e-rơ 1:3). Tôi không thể biết nhiều về Winston Churchill, vì ông này đã chết. Nhưng hiểu biết về ông ấy sẽ không tự động biến tôi thành một chính khách

tuyệt vời. Tuy nhiên tôi có thể biết về Chúa Giê-su, bởi vì Ngài vẫn đang sống, và Đức Thánh Linh bày tỏ Ngài cho chúng ta xuyên qua Lời.

Một trong những lời cuối cùng mà Phi-e-rơ đã viết, “Hãy tận tụy trong ân điển và trong sự thông biết Chúa và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ. Nguyên xin vinh hiển về nơi Ngài, từ rày đến đời đời!” (2 Phi-e-rơ 3:18). Nếu Đức Chúa Trời đang trong tiến trình hoàn hảo chúng ta trong đời sống và mục vụ, chúng ta phải “ngày càng biết nhiều hơn về Giê-su, mong sao biết rõ Giê-su” và để Đức Thánh Linh biến đổi chúng ta trở nên giống Giê-su càng hơn.

TIN CẬY CHÚA GIÊ-SU

Nếu có một người xa lạ, gặp bạn trong một siêu thị và hỏi mượn ba trăm đô. Bạn sẽ phản ứng như thế nào? Bạn có thể trả lời, “Xin lỗi, tôi không thể.” Người ấy có thể nói, “Tại sao anh/chị không tin cậy tôi?” Và bạn trả lời, “Làm sao tôi có thể tin cậy anh, thậm chí tôi không biết anh là ai?”

Khi chúng ta biết rõ về một người nào đó, chúng ta dễ dàng có mối quan hệ với người đó. Tôi nhớ lại một người đàn ông làm bạn với tôi nhiều năm trước và dường như là một tín đồ tận tụy. Nhưng càng hiểu biết nhiều về ông, tôi càng nhận ra ông ấy đang cố gắng sử dụng tôi để mở ra một số cơ hội mà quan trọng với ông. Tình bạn của chúng tôi nguội đi nhanh chóng. Điều này không bao giờ xảy ra trong tình bạn của chúng ta với Chúa Giê-su Christ. Càng hiểu biết về Ngài, chúng ta càng tin cậy Ngài. Và Ngài cho phép những khó khăn, khủng hoảng xảy ra để gia tăng đức tin của chúng ta nơi Ngài.

Hãy suy nghĩ thấu đáo về cách mà Chúa Giê-su đã thử nghiệm Phi-e-rơ và giúp đỡ vị sứ đồ này trưởng thành trong đức tin. Đầu tiên Chúa thử nghiệm ông trong những công việc quen thuộc với ông như chèo thuyền đi đánh cá. Ngài truyền bảo cho ông phải đem thuyền ra sâu hơn và lưới cá. Điều này dường như Chúa đang “múa riu qua mắt thợ” vì ông là một ngư phủ lành nghề - ông biết đánh bắt cá ở khu vực nào và đã đánh cá suốt đêm mà không được con nào. Tại sao ông phải nghe theo thầy của mình là một người không có chuyên môn về lưới cá? Nhưng Phi-e-rơ đã vâng lời và ông bắt được nhiều cá đến nỗi phải gọi các đồng đội từ những thuyền khác đến trợ giúp (Lu-ca 5). Qua câu chuyện này Phi-e-rơ học biết rằng phải học tập tin cậy Chúa Giê-su khi Ngài đang có mặt trên thuyền vào ban ngày.

Nhưng trong bài tập trắc nghiệm tiếp theo, đó là một đêm tối trời và Chúa Giê-su đang ngủ trên thuyền còn các môn đồ thì hoảng sợ vì cơn bão biển thành linh ập đến (Ma-thi-ơ 8:23-27). “Các môn đồ đến gần, đánh thức Ngài, mà thưa rằng: Lạy Chúa, xin cứu chúng tôi với, chúng tôi hầu chết!” Chúa Giê-su đứng dậy, quờ gió và biển; thì liền yên lặng như tờ. Đây là bài học thứ hai về đức tin: Phi-e-rơ có thể tin cậy Chúa Giê-su lúc đêm tối trong cơn bão khi Ngài đang ngủ trên thuyền. Một bài hát trước đây có lời, “Có Christ trên thuyền, tôi có thể mỉm cười giữa bão giông.”

Bài học thứ ba có lẽ đáng nhớ hơn cả: Phi-e-rơ có thể học tập tin cậy Chúa Giê-su vào buổi tối trong cơn bão, mặc dù không có Ngài ở trên thuyền (Ma-thi-ơ 14:22-32). Lúc đó Chúa Giê-su đi bộ trên mặt biển đến cùng các môn đồ. “Khi thấy Ngài đi bộ trên mặt biển, thì môn đồ bối rối mà nói rằng: Ấy là một con ma; rồi sợ hãi mà la lên. Nhưng Đức Chúa Giê-su liền phán rằng: Các ngươi hãy yên lòng; ấy là ta đây, đừng sợ! Phi-e-rơ bèn thưa rằng: Lạy Chúa, nếu phải Chúa, xin khiến tôi đi trên mặt nước mà đến cùng Chúa. Ngài phán rằng: Hãy lại đây! Phi-e-rơ ở trên thuyền bước xuống, đi bộ trên mặt nước mà đến cùng Đức Chúa Giê-su. Song khi thấy gió thổi, thì Phi-e-rơ sợ hãi, hồng sụp xuống nước, bèn la lên rằng: Chúa ơi, xin cứu lấy tôi! Tức thì Đức Chúa Giê-su giơ tay ra nắm lấy người, mà nói rằng: Hỡi người ít đức tin, sao ngươi hồ nghi làm vậy? Ngài cùng Phi-e-rơ lên thuyền rồi, thì gió yên lặng.” Hãy lưu ý, khi Phi-e-rơ bắt đầu chìm xuống nước, nhưng ông biết mình đang chìm và có đủ ý thức để kêu cầu Chúa cứu. Một số Cơ đốc nhân hôm nay gần như ở dưới nước và thậm chí không biết điều đó – không biết mình đang chìm và không kêu cầu Chúa cứu.

Phi-e-rơ và các sứ đồ khác học biết rằng phải tin cậy Chúa Giê-su càng hơn, đặc biệt là sau khi Ngài truyền báo là Ngài phải lên Giê-ru-sa-lem, phải chịu khổ hình, bị đóng đinh trên thập giá và sau ba ngày sẽ sống lại. Phi-e-rơ không tin điều này, chúng ta đọc: “Phi-e-rơ bèn đem Ngài riêng ra, mà can rằng: Hỡi Chúa, Đức Chúa Trời nào nỡ vậy! Sự đó sẽ không xảy đến cho Chúa đâu! Nhưng Ngài xây mặt lại mà phán cùng Phi-e-rơ rằng: Ó Sa-tan, hãy lui ra đằng sau ta! Ngươi làm gương xấu cho ta; vì ngươi chẳng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời, song nghĩ đến việc người ta” (Ma-thi-ơ 16:21-28). Chúa Giê-su cũng đã dạy Phi-e-rơ trên núi hóa hình rằng không có sự vinh hiển nào mà không phải đi qua đau khổ, và về sau Phi-e-rơ đã phát triển chủ đề này trong thư tín thứ nhất của ông.

Sự thử nghiệm lớn nhất cho đức tin của Phi-e-rơ được ghi trong Công vụ 12, khi Hê-rốt bắt Phi-e-rơ bỏ vào ngục và lên kế hoạch thủ tiêu ông. “Và, đêm rạng ngày mà Hê-rốt định bắt Phi-e-rơ ra hầu, người đang mang hai xiềng, ngủ giữa hai tên lính, và trước cửa có quân canh giữ ngục. Thành lính, một thiên sứ của Chúa đến, và có ánh sáng soi trong ngục tối. Thiên sứ đập vào sườn Phi-e-rơ, đánh thức người, mà rằng: Hãy mau chớ dậy. Xiềng bèn rớt ra khỏi tay người. Kế đó thiên sứ nói rằng: Hãy nịt lưng và mang dép vào đi. Phi-e-rơ làm theo. Thiên sứ lại tiếp: Hãy mặc áo ngoài và theo ta. Phi-e-rơ ra theo; chẳng biết điều thiên sứ làm đó là thật, song tưởng mình thấy sự hiện thấy (Công vụ 12:6-9). Đây là sự giải cứu kỳ diệu của Chúa dành cho ông. Hê-rốt có muốn giết ông cũng không được, vì thời điểm này chưa phải lúc kết thúc chức vụ của ông. Chúng ta biết rằng trước đó Chúa Giê-su đã cho Phi-e-rơ biết rằng, “Quả thật, quả thật, ta nói cùng ngươi, khi ngươi còn trẻ, ngươi tự mình thắt lưng lấy, muốn đi đâu thì đi; nhưng khi ngươi già, sẽ giơ bàn tay ra, người khác thắt lưng cho và dẫn ngươi đi đến nơi mình không muốn. Ngài nói điều đó để chỉ về Phi-e-rơ sẽ chết cách nào đặng sáng danh Đức Chúa Trời” (Giăng 21:18-19). Lịch sử hội thánh cho chúng ta biết Phi-e-rơ sống đến khi tuổi đã già và cuối cùng ông cũng tử vì đạo, bị đóng đinh trên thập tự giá giống như Thầy của mình.

Phi-e-rơ là một “viên đá” lệ thuộc vào Chúa Giê-su là “hòn đá góc nhà đã chọn lựa và quý báu.” Kinh thánh có chép rằng:

“Này, ta đặt tại Si-ôn hòn đá góc nhà đã chọn lựa và quý báu;
Ai tin đến đá ấy sẽ không bị xấu hổ” (1 Phi-e-rơ 2:6).

YÊU MẾN CHÚA GIÊ-SU

Chúng ta thường liên kết tình yêu dành cho Chúa với vị sứ đồ yên lặng và có tâm hồn thi sĩ như Giăng chứ không phải Phi-e-rơ là một “ngư phủ cao to” không hoàn hảo và đầy nam tính. Nhưng Phi-e-rơ cần lớn lên trong tình yêu cũng như trong trí thức và đức tin. Sự thật, tình yêu của Phi-e-rơ dành cho Chúa Giê-su là chủ đề chính trong bữa ăn sáng của Chúa với bảy môn đồ sau khi Chúa phục sinh (Giăng 21)

Trước đó Phi-e-rơ huênh hoang về tình yêu của ông dành cho Thầy: “Dầu mọi người vấp phạm vì có Thầy, song tôi chắc không bao giờ vấp phạm vậy. Đức Chúa Giê-su phán rằng: Quả thật, ta nói cùng ngươi, chính đêm nay, trước khi gà gáy, ngươi sẽ chối ta ba lần. Phi-e-rơ thưa rằng: Dầu tôi phải chết với Thầy đi nữa, tôi chẳng chối Thầy đâu. Hết thầy môn đồ đều nói y như vậy” (Ma-thi-ơ 26:33-35).

Ở đây, chúng ta lưu ý rằng những môn đồ khác lặp lại những lời Phi-e-rơ đã nói. Và Phi-e-rơ dường như là người thẳng thắn nhất trong các môn đồ. Vì vậy sau bữa ăn sáng trong Giăng 21, Chúa Giê-su hỏi Phi-e-rơ, “Hỡi Si-môn, con Giô-na, ngươi yêu ta hơn những kẻ này chăng?” (câu 15)

Trước đó Phi-e-rơ đã nói thật: ông yêu Chúa Giê-su và sẽ không bao giờ chối bỏ Ngài. Nhưng ông đã thất bại ngay sau đó. Chúa Giê-su đã tha thứ Phi-e-rơ về chuyện này và bây giờ Ngài muốn phục hồi chức vụ của ông. Phi-e-rơ đang học bài học mà sứ đồ Giăng viết, “Hỡi các con cái bé mọn, chớ yêu mến bằng lời nói và lưỡi, nhưng bằng việc làm và lẽ thật” (1 Giăng 3:18).

Những lời phát biểu thẳng thắn nồng cháy hay rút grom ra tấn công người khác không phải là bằng chứng của tình yêu Phi-e-rơ đối với Chúa, nhưng ở lại với Chúa trong thời khắc khó khăn, thức canh cầu nguyện sẽ chứng minh cho điều đó. Tại điểm này Phi-e-rơ thất bại.

Càng biết nhiều về Giê-su, chúng ta càng tin cậy Ngài. Và càng tin cậy Chúa, chúng ta càng học biết để yêu mến Chúa Giê-su nhiều hơn. Khi đã trưởng thành trong tình yêu Phi-e-rơ viết, “Ngài là Đấng anh em không thấy, mà yêu mến; dầu bây giờ anh em không thấy Ngài, nhưng tin Ngài, và vui mừng lắm một cách không xiết kể và vinh hiển” (1 Phi-e-rơ 1:8). Chúng ta không cần một tấm hình hay một pho tượng của Chúa Giê-su để yêu mến Ngài, bởi vì chúng ta được truyền cảm hứng về một bức chân dung được viết trong Kinh Thánh (Đọc Ê-sai 53). Một bài thánh ca xưa có lời:

Hãy ban bánh sự sống cho con. Hỡi Chúa.

Như Ngài đã từng chuẩn bị bánh và cá bên bờ biển cho các môn đồ.

Con tìm kiếm Ngài.

Tâm linh con khao khát Ngài là Lời hằng sống.

Mary A. Lathbury

Những ai dành thì giờ hằng ngày với Lời Chúa, suy ngẫm những lời ấy nói về Chúa Giê-su sẽ trưởng thành trong tình yêu mến đối với Chúa, và điều này được chứng minh qua cách họ sống và phục vụ.

TRỞ NÊN GIỐNG CHÚA GIÊ-SU

Cuối cùng trở nên giống như Chúa Giê-su là mục tiêu của đời sống Cơ đốc và là mục đích đằng sau chương trình cứu rỗi vĩ đại của Đức Chúa Trời. “Những kẻ Ngài đã biết trước, thì Ngài cũng đã định sẵn để nên giống như hình bóng Con Ngài” (Rô-ma 8:29). Không những cần được trưởng thành trong sự nhận biết Chúa, mà chúng ta còn cần lớn lên trong ân điển (2 Phi-e-rơ 3:18) và trở nên giống Christ càng hơn. Rất dễ để có “kiến thức về Kinh Thánh”, nhưng lại không bày tỏ chúa Giê-su ra trong đời sống hằng ngày. Dễ dàng để giảng về lòng bác ái hơn là thực hành nó. Và nghiên cứu những từ ngữ Hy-lạp về tình yêu thì dễ hơn là yêu mến người khác.

Nếu bạn muốn quan sát chức vụ, đời sống của Phi-e-rơ hãy đọc sách Công vụ. Bạn sẽ nhìn thấy ở nơi ông là một con người cầu nguyện và vâng phục Lời Chúa. Ông là người đã bày tỏ Chúa thông qua bài giảng, là một người đầy lòng thương xót khi chăm sóc các thánh đồ và quan tâm đến những linh hồn hư mất. Ông vui mừng về đặc ân đồng chịu khổ với Chúa Giê-su. Ông đứng bên cạnh và để cho Gia-cơ dẫn dắt hội thánh tại Giê-ru-sa-lem. Ông bảo đảm rằng các góa phụ phải được chăm sóc và mở rộng cánh cửa phục vụ cho các tín hữu có phẩm chất tốt trong hội thánh. Ông từ chối giáo lý của Do Thái giáo, đến nhà của Cọt-nây và giảng Phúc âm cho người ngoại bang. Ông được gọi đến đối nại với các người lãnh đạo Do Thái giáo tại Tòa Công luận, nhưng ông và Giảng khẳng khái nói với họ: “Chính các ông hãy suy xét, trước mặt Đức Chúa Trời có nên vâng lời các ông hơn là vâng lời Đức Chúa Trời chăng?” (Công vụ. 4:18). Khi những người lãnh đạo các hội thánh tổ chức giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem để thảo luận về vấn đề người ngoại bang trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, Phi-e-rơ đứng chung với Phao-lô và Ba-na-ba bảo vệ sự tự do của Phúc âm (Công vụ. 15:1-11). Ngợi khen Đức Chúa Trời! Người ngoại bang không cần phải trở nên giống như người Do-thái để trở nên môn đồ của Chúa Giê-su!

Biết nhiều hơn về Giê-su, chúng ta càng tin cậy và yêu mến Ngài. Sự nối kết của nhận thức thuộc linh này: đức tin, tình yêu nối kết với ân điển Chúa sẽ khiến chúng ta càng ngày càng trở nên giống Chúa Giê-su hơn. Phi-e-rơ khuyên các tín hữu, “Hãy tấn tới trong ân điển và trong sự thông biết Chúa và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ” (2 Phi-e-rơ 3:18). Và Phao-lô kêu gọi, “hãy làm cho mình sạch khỏi mọi sự dơ bẩn phần xác thịt và phần thần linh, lại lấy sự kính sợ Đức Chúa Trời mà làm cho trọn việc nên thánh của chúng ta” (2 Cô-rin-tô 7:1).

Làm thế nào mà Phi-e-rơ trong các sách Phúc âm trở nên “một viên đá” trong sách Công vụ? Dĩ nhiên Chúa Giê-su đã cầu nguyện, dạy dỗ và ban cho Phi-e-rơ nhiều cơ hội để học tập và trưởng

thành. Nhưng có ba sự kiện xảy ra ở Giê-ru-sa-lem đã mở ra cánh cửa để Phi-e-rơ trở nên đầy trọn và kết quả trong chức vụ.

Sự kiện thứ nhất được ghi lại trong Lu-ca 26 về câu chuyện Phi-e-rơ chối Chúa, mà chối đến ba lần.

“Nhưng Phi-e-rơ cãi rằng: Hỡi người, ta không biết người nói chi! Đương lúc Phi-e-rơ còn nói, thì gà liền gáy; Chúa xây mặt lại ngó Phi-e-rơ. Phi-e-rơ nhớ lại lời Chúa đã phán cùng mình rằng: Hôm nay trước khi gà chưa gáy, người sẽ chối ta ba lần; rồi đi ra ngoài, khóc lóc thảm thiết” (Lu-ca 22:61). “Chúa xây mặt lại ngó Phi-e-rơ” là một cái nhìn trực diện – khiến cho tấm lòng Phi-e-rơ đau nhói như bị một lưỡi gươm đâm. Tại thời điểm đó Phi-e-rơ nhận ra con người thật của mình với những gì ông đã làm cho Thầy của mình, và rồi ông đi ra ngoài khóc lóc cách thảm thiết, đắng cay. Mỗi người trong chúng ta sẽ phải đi đến một thời khắc nhìn trực diện vào con người thật của chúng ta, và mạnh dạn xưng ra tội lỗi của chúng ta trước mặt Chúa.

Sự kiện thứ hai xảy ra khi Chúa bị đóng đinh. Phi-e-rơ chỉ nhìn thấy một phần trong con đau đớn của Chúa, ông không đi theo Chúa và chứng kiến toàn bộ sự kiện. Ông đã không có mặt cùng với Giăng và những phụ nữ trực tiếp nhìn thấy Chúa bị đóng đinh, và cái chết đến với Ngài. Tuy nhiên Phi-e-rơ biết sự tàn khốc, si nhục của hình phạt đóng đinh mà Cứu Chúa phải chịu. Những lời nói của Phi-e-rơ trước đó, “Thưa Chúa, tôi sẵn lòng đi theo Chúa, đồng tù đồng chết” (Lu-ca 22:33). Nhưng khi thử thách xảy ra thì Simon người Cyrene vác thập giá cho Chúa Giê-su chứ không phải là Si-môn Phi-e-rơ. Đấng Christ đã chết vì chúng ta để chúng ta có thể sống bằng sự sống của Ngài và sống cho Ngài. Phao-lô viết, “Ngài đã chết vì mọi người, hầu cho những kẻ còn sống không vì chính mình mà sống nữa, nhưng sống vì Đấng đã chết và sống lại cho mình” (2 Cô-rin-tô 5:15).

Sự kiện thứ ba là Đức Thánh Linh giáng lâm. Chúa Giê-su đã truyền bảo cho các môn đồ trước khi về trời: “các ngươi hãy đợi trong thành cho đến khi được mặc lấy quyền phép từ trên cao” (Lu-ca 24:49). Và trong ngày lễ Ngũ tuần, lời hứa đó trở thành hiện thực. Sau khi đầy đầy Đức Thánh Linh, Phi-e-rơ công bố sứ điệp Phúc âm và ba ngàn người tin Chúa trong ngày hôm ấy. Mục vụ của Phi-e-rơ tiếp tục với người què được chữa lành, ông chỉ ra công việc của ma quỷ (trong vụ A-na-nia và Sa-phi-ra), làm câm miệng những người chống đối, qui vinh hiển lớn về cho Đức Chúa Trời và tôn cao danh Giê-su. Ông đưa ra các chỉ dẫn cho hội thánh và làm mạnh mẽ các tín hữu khi sự bách hại đạo Chúa bắt đầu. Ông trở thành một con người khác biệt so với trước đây!

Chúng ta cũng có thể trở nên những người khác biệt “làm đảo lộn thế giới.” Đức Chúa Trời chưa xong công việc của Ngài với chúng ta, và Ngài không từ bỏ chúng ta ngay cả khi chúng ta muốn thoái lui. Vào thời điểm bạn được tái sinh, Chúa Giê-su phán, “Người là...từ nay người sẽ được gọi là...” Chúng ta là đất sét trong tay Người Thợ Gốm Thiên Thượng, Chúa Giê-su có thể biến đổi đất sét thành một viên đá và tháp chúng ta vào Vàng Đá lớn là chính Ngài.

A. T. Robertson một học giả tiếng Hy-lạp viết về Phi-e-rơ, “Bông trái đến chậm, nhưng khi chín, chúng rất phong phú và duyên dáng. Phi-e-rơ thuộc mẫu người đó, một môn đồ xứng đáng để làm công tác phục vụ và Chúa Giê-su biết điều đó. Ngài yêu mến Phi-e-rơ từ lúc khởi đầu cho đến khi chức vụ ông kết thúc.”

Đừng chờ đợi tiếng gà gáy, nhưng hãy bắt đầu ngay bây giờ và công bố câu Kinh Thánh dành cho Phi-e-rơ trong bài này: “Đức Giê-hô-va sẽ làm xong việc thuộc về tôi.”

Bài 53

SỨ ĐỒ GIĂNG

Và, có một môn đồ dựa vào ngực Đức Chúa Giê-su, tức là người mà Ngài yêu.

Giăng 13:23

Sách Phúc âm Giăng bày tỏ Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời. Sứ đồ Giăng muốn mọi người biết rõ sự thật này: đặt đức tin vào Chúa Giê-su và nhận món quà cứu rỗi miễn phí là sự sống đời đời (Giăng 20:30-31). Tên của sứ đồ Giăng không xuất hiện trong sách này, nhưng chúng ta biết rằng ông là một chứng nhân đáng tin cậy qua những gì ông ghi lại.

Giăng là một trong hai môn đồ không nêu rõ tên, đã chia tay với Giăng Báp-tít để theo Chúa Giê-su. Một môn đồ khác tên là Anh-rê đã đem anh của mình đến với Chúa Giê-su (Giăng 1:35-42). Và Giăng cũng đã đem người anh em của mình là Gia-cơ đến với Chúa. Trong Phúc âm Giăng, khi đề cập đến sứ đồ Giăng trước giả thường viết câu này, “người mà Chúa yêu” (Giăng 13:23; 19:26; 20:2; 21:7, 20). Từ yêu được dùng sáu lần trong mười hai chương đầu của Phúc âm Giăng, nhưng trong cuộc đàm thoại và cầu nguyện trên phòng cao của các môn đồ với Chúa từ này xuất hiện đến ba mươi một lần (Giăng 13-17).

Sứ đồ Giăng dạy chúng ta bốn lẽ thật quan trọng sau đây về tình yêu Cơ đốc.

ĐỨC CHÚA TRỜI YÊU THƯƠNG CHÚNG TA

Giăng 3:16 bày tỏ rằng Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, nhưng Giăng đặc biệt nói cho chúng ta biết Ngài cũng yêu thương từng cá nhân. “Đức Chúa Giê-su yêu Ma-thê, em người, và La-xa-rơ” (Giăng 11:5). Chúa Giê-su được nhiều người đi theo, nhưng chỉ có mười hai môn đồ được Ngài gọi làm sứ đồ. Và trong nhóm sứ đồ, có ba người gần gũi với Chúa nhiều hơn cả là Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng. Và trong ba vị này, thì Giăng là người được Chúa yêu.

Lưu ý là Giăng không viết, “chỉ có một môn đồ được Chúa yêu.” Nếu viết như vậy là không đúng bởi vì, “Ngài đã yêu kẻ thuộc về mình trong thế gian, thì cứ yêu cho đến cuối cùng” (Giăng 13:1). Chúa Giê-su yêu tất cả các sứ đồ cũng giống Cha thiên thượng yêu Ngài: “Cha đã yêu

thương họ cũng như Cha đã yêu thương Con” (Giăng 17:23). Vì vậy Giăng không vui hưởng một đặc ân độc quyền là được Chúa yêu. Giăng không có ý viết, “môn đồ được Chúa yêu” hàm ý rằng không có ai khác trong nhóm được hưởng đặc ân này. Sẽ là kiêu ngạo khi cho rằng chỉ có bản thân được Chúa yêu. Giăng yêu mến Chúa Giê-su, và Phi-e-rơ cũng vậy (Giăng 21:15-19). Các sứ đồ khác cũng yêu mến Chúa Giê-su, và họ là những người được Chúa yêu ngoại trừ Giu-đa.

Đức Chúa Trời có quyền bày tỏ tình yêu Ngài đến với con dân Ngài bằng bất cứ cách nào miễn là trong mọi cách Ngài đẹp lòng và vinh hiển qui về Ngài. Chỉ có hai sứ đồ là Giăng và Ma-thi-ơ được chọn để ghi lại đời sống và chức vụ của Chúa Giê-su. Giăng và Phi-e-rơ viết các thư tín trong Tân Ước. Điều này có nghĩa là các sứ đồ khác không có gì để viết hay là họ không xứng đáng với đặc ân này? Dĩ nhiên là không. Đức Chúa Trời nắm quyền tể trị và Ngài phân phát các ân tứ và ban phước cho từng cá nhân theo cách Ngài đẹp lòng. Ngài bày tỏ tình yêu của Ngài cho từng cá nhân, và không một tín hữu nào phải ghen tị về những gì Chúa ban cho người khác (Ma-thi-ơ 20:1-16).

Có thể Giăng là người trẻ tuổi nhất trong nhóm mười hai sứ đồ, và Chúa Giê-su có một tình cảm đặc biệt dành cho ông. Giăng có tâm hồn của một nhà thơ và là một người suy tư chìm đắm vào những lẽ thật sâu nhiệm. Ông thuộc mẫu người mà các sách của ông đặc biệt mô tả những góc khuất của đời sống Cơ đốc. Và Chúa Giê-su đã chuẩn bị ông cho chức vụ này. Nếu Phao-lô là sứ đồ của đức tin, và Phi-e-rơ là sứ đồ của hy vọng, thì Giăng là sứ đồ của tình yêu, một tình yêu mà ông đã học được từ Người Thầy Vĩ Đại. Chúa Giê-su đã để cho Giăng ngồi ở một trí đặc biệt tại bữa ăn cuối cùng của Ngài, và tại đó Giăng dựa vào ngực của Ngài. Trên thập tự giá, Chúa Giê-su chỉ cho ông một món quà quý giá – đó là mẹ Ma-ri. Bà Ma-ri trở thành mẹ của Giăng từ sự ủy thác của Chúa.

Chúa Giê-su không có sự thiên vị với các sứ đồ, nhưng Ngài có sự thân mật với Giăng. Có một số người được kéo đến tấm lòng của Chúa – đặc biệt là người mà Ngài chia sẻ cho họ một tình yêu đặc biệt. Đức Chúa Trời chăm sóc tất cả các tiên tri, nhưng Đa-ni-ên là người “được yêu quý lắm” (Đa-ni-ên 9:23; 10:11, 19). Một bản dịch khác NIV chú thích về Đa-ni-ên là người được “đánh giá cao” hàm ý “người quý giá.” Tuy nhiên những người như Đa-ni-ên hay Giăng phải chịu đựng những sự khó khăn và thử thách vì cơ Chúa. Càng gần với tấm lòng của Chúa, thế giới sẽ đối đãi với chúng ta theo cách mà nó đối đãi với Chúa.

Bất luận những đặc ân mà Chúa Giê-su ban cho những người khác là gì, chúng ta là những người tin cậy Ngài, phải nói như Phao-lô, “Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ, mà tôi sống, không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi; nay tôi còn sống trong xác thịt, ấy là tôi sống trong đức tin của Con Đức Chúa Trời, là Đấng đã yêu tôi, và đã phó chính mình Ngài vì tôi” (Ga-la-ti 2:20).

CHÚNG TA PHẢI YÊU MẾN CHÚA GIÊ-SU

Sứ đồ Giăng viết, “Chúng ta yêu, vì Chúa đã yêu chúng ta trước” (1 Giăng 4:19). Chúa Giê-su chia sẻ tình yêu Ngài với Giăng. Giăng tiếp nhận và trưởng thành trong tình yêu mà ông dành cho Chúa. Sự thúc đẩy trong tình yêu phải đến từ Đức Chúa Trời, và chúng ta cần thận để nhận ra và phô bày tình yêu này. Chúng ta không sản xuất ra tình yêu bằng cách cố gắng tạo nên những cảm xúc thánh thiện. “Sự yêu thương của Đức Chúa Trời rải khắp trong lòng chúng ta bởi Đức Thánh Linh đã được ban cho chúng ta” (Rô-ma 5:5). Đức Thánh Linh yêu mến Chúa Giê-su và dâng vinh hiển về cho Chúa Giê-su thông qua đời sống chúng ta. Nhưng làm thế nào để chúng ta có thể trưởng thành trong tình yêu của chúng ta dành cho Chúa Giê-su? Đây là những lời mà Giăng đã nghe Chúa Giê-su dạy trên phòng cao và ông đã ghi lại để chúng ta học tập: “Nếu các ngươi yêu mến ta, thì giữ gìn các điều răn ta... Nếu ai yêu mến ta, thì vâng giữ lời ta, Cha ta sẽ thương yêu người, chúng ta đều đến cùng người và ở trong người” (Giăng 14:15, 23).

Để tuân giữ các điều răn của Ngài, chúng ta phải học biết các điều răn đó là gì. Điều này có nghĩa là mỗi ngày chúng ta phải dành thì giờ để nghe Ngài dạy qua Lời. “Tôi yêu mến luật pháp Chúa biết bao! Trọn ngày tôi suy gẫm luật pháp ấy” (Thi thiên 119:97). Cách chúng ta đối xử với Kinh Thánh cũng là cách chúng ta đối xử với Chúa Giê-su. Biết Chúa trong Lời là để yêu mến Ngài. Và yêu Ngài sẽ dẫn đến vâng phục Ngài. Khi vâng phục Ngài là chúng ta đang sửa soạn chính mình để bước sâu hơn vào trong lẽ thật, trong tình yêu với Ngài. Sự tương giao thân mật thâm lắng này với Chúa Giê-su có thể hoàn thành được nhiều điều trong lòng chúng ta hơn là “tập thể đọc tôn giáo” diễn ra ồn ào trong một số buổi nhóm được gọi là “thờ phượng ca ngợi.”

Nhưng chúng ta có thể nói như thế nào nếu chúng ta thực sự yêu mến Chúa Giê-su? Giăng sẽ giúp trả lời câu hỏi đó. Khi yêu mến Chúa Giê-su, chúng ta muốn gần Ngài và được ở với Ngài. “Các môn đồ ngó nhau, không biết Ngài nói về ai đó. Và, có một môn đồ dựa vào ngực Đức Chúa Giê-su, tức là người mà Ngài yêu” (Giăng 13:22-23). Dĩ nhiên ngày hôm nay chúng ta không thể dựa vào ngực Chúa Giê-su giống như Giăng đã làm, nhưng Gia-cơ 4:8 nhắc chúng ta, “Hãy đến gần Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ đến gần anh em.” A. W. Tozer viết, “trong lĩnh vực thuộc linh sự gần gũi là sự giống nhau.” Sự tin kính chân thật là trở nên giống như Đức Chúa Trời. Và khi con người làm và thờ những hình tượng khác, họ sẽ trở nên giống như chúng (Thi thiên 115:1-8). Nếu thành tâm thờ phượng Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, chúng ta sẽ trở nên giống như Ngài trong những thuộc tính của Ngài.

Chúng ta cũng sẽ giống như Giăng là người biết sự kín nhiệm của Ngài (Giăng 13:21-27). “Đức Giê-hô-va kết bạn thiết cùng người kính sợ Ngài. Tỏ cho người ấy biết giao ước của Ngài” (Thi thiên 25:14). Giăng biết những gì sắp xảy ra cho Thầy của mình, bởi vì ông gần gũi với Chúa Giê-su để có thể nghe được tiếng của Ngài. “Ai có tai mà nghe, hãy nghe!” (Mác 4:9).

Yêu mến Chúa Giê-su có nghĩa là đồng hành với Ngài trong sự đau khổ của Ngài. Giăng là sứ đồ duy nhất có mặt dưới chân thập tự khi Chúa bị đóng đinh (Giăng 19:26). Ông cũng là sứ đồ đầu tiên nhanh chân hơn Phi-e-rơ đến ngôi mộ trống sau khi Chúa phục sinh (Giăng 20:1-9). Tình yêu làm cho Giăng mong đợi nhìn thấy một Đấng Christ hằng sống. Tình yêu không khiến ông e ngại chạy thật nhanh đến ngôi mộ trống khi mục tiêu phía trước là Chúa Giê-su. Và tình yêu thật

thì nhận ra Chúa Giê-su trong bất luận tình huống nào (Giăng 21:7). Khi Chúa Giê-su kêu gọi, Giăng - sứ đồ của tình yêu thương chạy theo Ngài (Giăng 21:20), và bất cứ ai yêu mến Chúa Giê-su sẽ làm chứng về Ngài cho người khác (Giăng 21:24).

Tình yêu mến dành cho Đấng Christ sẽ tạo nên sự khác biệt trong đời sống chúng ta!

CHÚNG TA PHẢI YÊU MẾN CÁC TÍN HỮU KHÁC

Gia-cơ và Giăng có biệt danh, Mác ghi lại: “Gia-cơ con Xê-bê-đê, và Giăng em Gia-cơ, Chúa Giê-su đặt tên hai người là Bô-a-nết, nghĩa là con trai của sấm sét” (Mác 3:17). Biệt danh này cho thấy hai anh em biết cách nổi giận và khuấy động một cơn bão. Một ngày kia họ nhìn thấy một người mà họ không biết nhân danh Chúa Giê-su đuổi quí, Giăng thưa với Chúa bảo người này dừng lại vì người này “không thuộc về nhóm của chúng ta.” (Lu-ca 9:49-50). Nhưng Đức Chúa Giê-su phán rằng: “Đừng cấm họ, vì ai không nghịch cùng các ngươi, là thuận với các ngươi.” Điều này có nghĩa Chúa truyền bảo họ chớ có xen vào việc của những tín nhân khác. Hai môn đồ này cần yêu thương những tín hữu khác bất luận là họ thuộc về nhóm nào. Đức Chúa Trời có nhiều người phục vụ ở những nơi khác nhau, và chúng ta cũng phải khích lệ những người đó.

Trong Ma-thi-ơ 20:20-28, mẹ của Gia-cơ và Giăng đã xin Chúa Giê-su đặc ân cho hai con trai bà “một đứa bên hữu Ngài, một đứa bên tả, ở trong nước Ngài.” Lời cầu xin này đã gây nên sóng gió. “Mười môn đồ kia nghe sự xin đó, thì giận hai anh em.” Mười môn đồ còn lại phẫn nộ với Giăng và Gia-cơ trước lời cầu xin của Salome là mẹ của hai anh em này. Có thể mười môn đồ đã không nghĩ đến đặc ân ngồi bên hữu hay bên tả của Chúa. Về điều này chúng ta không biết chắc. Nhưng mẹ của Giăng và Gia-cơ muốn các con trai mình ngồi trên ngai với Chúa. Ba mẹ con này đã quên đi một luật vàng trong Kinh Thánh: “yêu người lân cận như bản thân mình” (Gia-cơ 2:8). Sống để bày tỏ ra tình yêu thì quan trọng hơn là ngồi trên ngai cai trị.

Sau này Gia-cơ viết, “Những điều chiến đấu tranh cạnh trong anh em bởi đâu mà đến? Há chẳng phải từ tình dục anh em vẫn hay tranh chiến trong quan thể mình sao?” (Gia-cơ 4:1). Sờ dĩ chúng ta ở trong sự xung đột với người khác, vì có một cuộc chiến bên trong của chúng ta. Xác thịt tranh chiến với Thánh Linh. Chúng ta cũng chiến đấu với chính mình, bởi vì chúng ta cũng ở trong một cuộc chiến với Đức Chúa Trời. Chúa yêu chúng ta, và nếu chúng ta yêu mến Ngài, chúng ta cũng sẽ yêu mến người khác.

Giăng đã học được tầm quan trọng của bài học về tình yêu, bởi vì trong các thư tín mà Giăng viết, ông đã nhắc chúng ta mười lần cụm từ “Hãy yêu mến lẫn nhau.” (Giăng 13:34-35; 15:12, 17; 1 Giăng 3:11, 23; 4:7, 11, 12; 2 Giăng 5). Truyền thuyết kể lại rằng, khi đã già yếu, Giăng được đem tới một buổi nhóm của Hội thánh ở Ê-phê-sô, và ông khuyên bảo mọi người: “Hỡi các con cái bé mọn, hãy yêu thương lẫn nhau.”

Tôi rất ấn tượng với chức vụ của Giăng và Phi-e-rơ khi họ cùng làm việc với nhau, mặc dù hai người này khác biệt với nhau về tính cách. Phi-e-rơ nổi bật bốc đồng, còn Giăng trầm lắng.

Nhưng họ cùng yêu mến Chúa Giê-su, yêu thương lẫn nhau, và yêu thương những linh hồn hư mất. Những điều này khiến họ hiệp nhất trong các mục vụ.

Giăng và Phi-e-rơ có thể là hai môn đồ được Chúa Giê-su ủy thác chuẩn bị lửa con cho Ngài trên hành trình vào Giê-ru-sa-lem được dân chúng tôn vinh (Mác 11:1-10). Và họ cũng được bổ nhiệm chuẩn bị Lễ Vượt qua cho Chúa và nhóm sứ đồ trên một phòng cao (Lu-ca 22:8). Cùng với nhau họ là hai người chứng kiến về những thử thách khó khăn đầu tiên của Chúa Giê-su (Giăng 18:15-16). Họ là hai môn đồ chạy đến ngôi một trống sau khi được các phụ nữ báo tin vào buổi sáng phục sinh (Giăng 20:1-9). Họ đã ăn chung với Chúa Giê-su sau khi Ngài sống lại, và rồi Chúa Giê-su khôi phục chức vụ của Phi-e-rơ (Giăng 21). Giăng và Phi-e-rơ cùng lên đền thờ cầu nguyện, chữa lành một người què tại đó, rồi cùng bị giam vào ngục tù. Tại đó họ làm chứng về sự phục sinh của Chúa (Công vụ 3-4). Sau khi Phi-líp đem Phúc âm đến Sa-ma-ri, hội thánh tại Giê-ru-sa-lem cử Giăng và Phi-e-rơ đến đó để dạy dỗ những người mới qui đạo. Họ đã giảng Tin lành trong những làng của người Sa-ma-ri trên đường trở lại Giê-ru-sa-lem (Công vụ 8:1-25). Không còn lời đe dọa nào về lửa từ thiên đàng đổ xuống người Sa-ma-ri!

CHÚNG TA PHẢI YÊU MẾN NHỮNG LINH HỒN HƯ MẮT

Trên đường đến Giê-ru-sa-lem chuẩn bị hoàn thành chức vụ trên đất, chúa Giê-su muốn dừng lại nghỉ đêm tại một ngôi làng của người Sa-ma-ri, nhưng cư dân ở đây từ chối đón tiếp Ngài. Gia-cơ và Giăng đã rất giận và xin phép Chúa Giê-su cho họ đem lửa từ trời xuống thiêu đốt những người ở đó (Lu-ca 9:54). Hai sứ đồ này đã từng chứng kiến sự vinh hóa của Chúa trên núi hóa hình trước đó. Họ cũng thấy Mô-i-se và Ê-li hiện ra đứng bên Chúa (Lu-ca 9:28-36). Chúa Giê-su quở trách hai sứ đồ, “‘Các ngươi không biết tâm thần nào xui giục mình.’” Thông điệp tình yêu của Chúa có cho phép thiêu đốt những người không đồng ý đón tiếp chúng ta?

Có những lúc thế giới ngoại bang khiêu khích và làm chúng ta tức giận, và chúng ta muốn gọi lửa từ trời xuống thiêu đốt họ, Nhưng đây không phải là cách Chúa Giê-su làm cho vương quốc của Ngài. Nhiều năm trước đây, trong một chiến dịch truyền giảng tại Omaha, Nebraska một sinh viên (sau này là mục sư R. R. Brown) hỏi mục sư A. B. Simpson, hội trưởng Hội truyền giáo Phước âm Liên Hiệp: “Người chinh phục linh hồn tội nhân cần có những phẩm chất nào?” Tiến sĩ Simpson trả lời: “Đề trở nên một tay đánh lưới người hiệu quả, trước tiên bạn phải có một tình yêu lớn dành cho Đức Chúa Trời và tội nhân.” R. Brown đã nhận lấy bài học đó, và ông đã đi ra mở nhiều hội thánh đầy lòng thương xót dành cho những linh hồn hư mất trên khắp thế giới.

Khi những người hư mất có những hành động không phải lẽ khiến chúng ta bối rối, đó là lúc cần phải bày tỏ tình yêu của Chúa với họ. Khi những tín hữu trong hội thánh làm chúng ta nổi giận, hãy tưởng tượng sứ đồ Giăng có mặt tại bực giảng của nhà thờ và khuyên: “Hỡi các con cái bé mọn, hãy yêu thương lẫn nhau.” Tất cả chúng ta hãy tập chú vào Chúa Giê-su, và để Đức Thánh Linh đổ đầy tình yêu Ngài vào lòng chúng ta. “Nếu các ngươi yêu nhau, thì ấy là tại điều đó mà thiên hạ sẽ nhận biết các ngươi là môn đồ ta” (Giăng 13:35).

Bài 54

GIU-ĐA ÍCH-CA-RI-ỐT

Sao phí của như vậy?

Ma-thi-ơ 26:8

Trong bốn sách Phúc âm, tên của Phi-e-rơ được đề cập nhiều hơn cả trong số mười hai sứ đồ, người tiếp theo là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt. Phi-e-rơ đứng ở đầu danh sách các sứ đồ, còn Giu-đa đứng ở cuối.

Chúa Giê-su gọi Giu-đa là “người được phán quyết cho sự hủy diệt” (Giăng 17:12). Cụm từ này cũng được dịch là “đứa con của sự hư mất” trong bản Kinh Thánh Tiếng Việt. Từ được dịch là *hủy diệt* hay *hư mất* cũng được dịch là *mất – phung phí, vô giá trị* trong Giăng 6:12. Giu-đa là con trai của sự phung phí. Khi Ma-ri ở Bê-tha-ni lấy bình dầu quý giá xức cho Chúa Giê-su, Giu-đa là người đầu tiên hỏi: “Sao phí của như vậy?” Sau đó, các sứ đồ còn lại tiếp tục tấn công người phụ nữ làm chuyện này.

Sau khi bạn nhìn lại đời sống và cái chết của Giu-đa, bạn có thể muốn hỏi: Sao phí như vậy? Ông đã hạ thấp phẩm giá bản thân và phá hủy mọi thứ mà Chúa ban cho.

ĐÁNH MẤT PHẨM GIÁ CỦA MỘT CÁI TÊN TỐT

Hàng triệu em bé sinh ra được cha mẹ đặt tên là Si-môn, Phi-e-rơ, Thô-ma, Anh-rê, Gia-co, Giăng, Ma-thi-ơ hay Phi-líp, nhưng không có cha mẹ nào lại muốn tên của con trai mình là Giu-đa. Tên Giu-đa bắt nguồn từ người con trai thứ tư của Gia-cốp và Lê-a. Tên này mang ý nghĩa “ngợi khen” (Sáng thế ký 29:35). Như vậy Giu-đa là một cái tên đẹp, mang ý nghĩa tốt. Nhưng một trong mười hai sứ đồ đã làm giảm giá trị của cái tên này. C. H. Spurgeon đã nói, “Tính cách của quỷ sứ là thiên sứ đánh mất sự thánh khiết. Bạn không thể là Giu-đa trừ phi bạn là một sứ đồ.”

Một số người thường gieo rắc sự độc hại. Bất kể họ đi đâu, họ đều kích động bất đồng và chia rẽ. Bất luận làm gì, họ cũng gây ra rắc rối. Giu-đa thuộc về nhóm này. Mỗi một điều quý báu mà ông nhận được từ Chúa Giê-su, thì ông đã làm giảm đi giá trị của chúng và lãng phí chúng bao gồm luôn cả cuộc đời của ông. “Kỷ niệm người công bình được khen ngợi. Song tên kẻ gian ác rục đi” (Châm ngôn 10:7). Cái tên của Giu-đa đã bị rục đi.

ĐÁNH MẤT MỘT TRÁCH NHIỆM VÀ MỘT CHỨC VỤ

Khi Chúa Giê-su lập mười hai người làm sứ đồ để cùng phục vụ với Ngài (Mác 3:13-19). Ngài chọn Giu-đa. Điều này có nghĩa Giu-đa đã nhận báp-tem của Giăng Báp-tít (Công vụ 1:15-26) – có nghĩa là đã ăn năn tội. Tuy nhiên phép báp-tem của Giu-đa không phải là bằng chứng ông đã

trở thành một tín nhân. Chúa Giê-su chọn Giu-đa làm một sứ đồ, nhưng Giu-đa không bao giờ được chọn theo nghĩa truyền giáo và được Chúa Cha ban cho Con (Giăng 13:8; 6:66-71; 17:6-12). Giu-đa không tinh sạch (Giăng 13:10-11), và Chúa Giê-su biết Giu-đa từ buổi ban đầu sẽ là kẻ phản bội Ngài (Giăng 6:64).

Mười một sứ đồ đến từ Ga-li-lê, và Giu-đa là sứ đồ duy nhất đến từ Judea. Ích-ca-ri-ốt có nghĩa là người của Kerioth là một thị trấn miền nam của xứ Judea (Giô-suê 15:25). Vị trí địa lý này có ý nghĩa gì? Hầu hết mọi người ở Judea xem cư dân ở vùng Ga-li-lê là những “nông dân” thô lỗ. Giọng nói của một người chỉ ra người đó ở khu vực nào (Ma-thi-ơ 26:73; Công. 2:7). Người Ga-li-lê thuộc vào nhóm người dân trí thấp theo sự đánh giá của người Judea. Khi Phi-líp nói với Na-tha-na-ên rằng Chúa Giê-su đến từ Na-xa-rét. Na-tha-na-ên hỏi lại: “Na-xa-rét! Có điều gì tốt ra từ đó sao?” Khi các sứ đồ thảo luận ai là người lớn nhất trong nhóm của họ, vào lúc đó Giu-đa có thể đã sử dụng quyền công dân Judea để củng cố vị trí của ông.

Một đánh giá khác là Đế quốc Rô-ma không nghiêm khắc đối với người Ga-li-lê như họ đối với người ở Judea. Hê-rốt An-ti-pa đã ban cho người Ga-li-lê những đặc ân mà người Judea không có. Vì thế người Judea có thể ghen tị với người Ga-li-lê và họ mong muốn nhìn thấy một số chính sách khắc nghiệt của La Mã thay đổi. Chủ nghĩa lập quốc của người Do Thái đang phát triển mạnh ở Judea và Giu-đa có thể đã đồng cảm với nó. Có thể ông đang mong đợi Chúa Giê-su sẽ chiến thắng đế quốc Rô-ma và thành lập vương quốc của Ngài. Thậm chí là sau sự kiện Chúa phục sinh, các môn đồ đã có cùng một ước mơ, “Lạy Chúa, có phải trong lúc này Chúa sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-ên chăng?” (Công vụ. 1:6-9). Có thể Giu-đa theo Chúa vì động cơ chính trị hơn là thuộc linh, và khi ông thấy Chúa Giê-su từ chối vương miện chính trị (Giăng 6:14-15), trong lòng ông đã có thay đổi theo một chiều hướng xấu.

Là người đến từ Judea, Giu-đa hy vọng Chúa Giê-su sẽ đối xử với ông đặc biệt hơn những sứ đồ khác. Giu-đa đã suy nghĩ và phản ứng như thế nào khi Chúa Giê-su đem Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng lên núi để chiêm ngưỡng sự vinh hóa của Ngài, còn ông và các sứ đồ khác phải ở lại phía sau, hay khi Chúa Giê-su thực hiện một phép lạ đặc biệt chỉ dành riêng cho Phi-e-rơ? Những điều này tác động đến Giu-đa, và ông có thể là người nóng cháy hơn hết trong cuộc tranh cãi ai là người lớn nhất giữa vòng các sứ đồ?

Nhưng chúng ta cũng lưu ý rằng Giu-đa cũng thi hành các mục vụ trong danh Chúa Giê-su và trải nghiệm quyền năng của Ngài giống như các sứ đồ khác (Ma-thi-ơ 10; Mác 3:13-19). Nếu Giu-đa không rao giảng và thi hành các phép lạ, các sứ đồ khác có thể nghi ngờ tính chính danh của ông. Nhưng cuối cùng họ bị sốc khi biết Giu-đa là một sứ đồ giả mạo. Sự thật là Chúa Giê-su đã cho phép Giu-đa làm thủ quỹ của nhóm sứ đồ, có nghĩa là Ngài tin cậy ông. Chúng ta không biết Giu-đa phản ứng như thế nào trước những lời dạy của Chúa Giê-su về tiền bạc và sự trung thực như trong Ma-thi-ơ 7:15-23 và Lu-ca 16:19-31. Giu-đa đã hạ thấp tầm quan trọng của việc trở thành một sứ đồ của Chúa Giê-su Christ.

Hành động tự sát của Giu-đa không phải là điều bí mật, và chắc chắn ông đã hợp tác với những người lãnh đạo Do thái giáo để bắt Chúa Giê-su. Thông tin này đã không làm cho các sứ đồ dễ dàng hơn trong việc rao truyền lễ thật trong những ngày sau đó. Làm thế nào công chúng có thể tin cậy vào các sứ đồ khi mà một người trong vòng họ là kẻ giả mạo? Các chức vụ giả mạo vẫn còn (2 Cô-rinh-tô 11:13) và Satan vẫn đang làm phần việc của nó.

ĐÁNH MẤT MỘT ÂN TỨ QUÍ BÁU

Ma-ri ở Bê-tha-ni đã ngồi dưới chân Chúa nghe lời Ngài dạy, và hiểu rằng Cứu Chúa sẽ bị bắt và bị đóng đinh. Vì vậy bà đã không tiếc sử dụng bình dầu quý của mình để chuẩn bị cho sự chết của Chúa (Giăng 12:1-8). Đó là một hành động tốt trong sự thờ phượng được Chúa Giê-su chấp nhận, nhưng Giu-đa chỉ trích hành động của Ma-ri và nhiều người khác cũng phụ họa theo. Chúa Giê-su bảo vệ Ma-ri và quở trách Giu-đa và những người chỉ trích. Chỉ trích Ma-ri về hành động thờ phượng tốt nhất dành cho Chúa, trong khi họ giấu kín những tội lỗi của mình? Họ nghĩ rằng họ có thể tự làm cho mình tốt hơn bằng cách làm cho người khác trông xấu hơn. Giu-đa muốn có tiền nếu Ma-ri bán bình dầu đó và dâng tiền cho sự quản lý của ông, nhưng ông không lấy được tiền trong câu chuyện này.

Có phải Giu-đa bị Chúa quở trách, và điều này thức tỉnh linh hồn của ông? Thay vì vậy, ông đã âm thầm đi cửa sau với các lãnh đạo tôn giáo để bán Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 26:1-16). “Các ông sẽ trả cho tôi bao nhiêu?” Lòng tham tiền bạc đã dẫn Giu-đa đi đến chỗ phản bội Thầy mình. Các người lãnh đạo tôn giáo muốn bắt Chúa Giê-su, nhưng họ e ngại điều này sẽ gây nên một cuộc bạo loạn của dân chúng trong kỳ lễ vượt qua. Vì vậy Giu-đa giải quyết vấn đề của họ chỉ trong ba mươi miếng bạc. Sự thật là Giu-đa đi từ bữa tiệc ở Bê-tha-ni đến thẳng chỗ của thầy cả thượng phẩm cho thấy rằng ông “khá thông minh” từ lời quở trách mà Chúa Giê-su đã phán.

Thật là khó khăn cho người phụ nữ dâng lên cho Chúa bình dầu quý giá - điều tốt nhất mà không bị ai quở trách. Điều này cũng áp dụng cho Mô-i-se, Sa-mu-ên, Đa-vít, các tiên tri, các sứ đồ và các tín nhân trong mọi thời đại. Những tội nhân đáng xấu hổ như Giu-đa quay lưng lại với sự thờ phượng chân thật và đi vào mưu đồ xấu xa phải bị phán xét tỏ tường trước ngai của Chúa.

ĐÁNH MẤT MỘT CƠ HỘI THÁNH

Lễ vượt qua là một kỳ lễ quan trọng của người Do Thái, và lần này có ý nghĩa đặc biệt với Chúa Giê-su. Tất cả các sứ đồ đều lên phòng cao để dự lễ vượt qua. Chúa Giê-su ôn hôn từng người bao gồm luôn cả Giu-đa. Ngài truyền bảo, “Ta rất muốn ăn lễ Vượt Qua này với các ngươi trước khi ta chịu đau đớn” (Lu-ca 22:15). Các sứ đồ ngồi vào bàn, Giu-đa ở vị trí danh dự bên trái, Giăng bên phải của Chúa. Các sứ đồ tranh luận ai là người lớn nhất giữa vòng họ, khi đó Chúa Giê-su đứng dậy rửa chân cho các học trò và kết thúc cuộc tranh luận.

Trong khi họ đang ăn, Chúa Giê-su thông báo rằng sẽ có một người phản bội Ngài, nhưng Ngài chưa nói rõ đó là ai. Ngài tôn trọng Giu-đa khi nhúng miếng bánh vào đĩa và đưa cho ông, lúc đó Giu-đa chắc nhận ra Chúa biết rõ tấm lòng của ông. Khi Giu-đa đã lấy miếng bánh, thì qui Sa-tan

vào lòng ông. Đức Chúa Giê-su phán cùng Giu-đa: “Sự ngươi làm hãy làm mau đi” (Giăng 13:27). Những kẻ thù ác phải bắt giữ Ngài theo kế hoạch để chuẩn bị cho cái chết của Ngài là Chiên Con của Đức Chúa Trời trên thập tự giá. Khi Giu-đa đã ra đi, Chúa Giê-su dự bữa ăn cuối cùng với các môn đệ và Ngài dạy dỗ họ.

Giu-đa đã mang Satan vào phòng cao (Giăng 13:2, 27), ông tham dự lễ vượt qua và làm ô uế buổi lễ. Tấm lòng của ông đã từ khước cái hôn yêu thương của Chúa tại bàn tiệc, và ông cũng từ chối ý nghĩa của hành động Chúa rửa chân cho ông. “Các ngươi đã được tinh sạch, nhưng chưa được tinh sạch đều” (Giăng 13:10). Giu-đa có nhận ra hàm ý của Chúa trong lời phán này? Khi Chúa Giê-su thông báo có một người phản bội giữa vòng các sứ đồ, và Ngài đưa cho Giu-đa miếng bánh. Lúc đó Giu-đa không di chuyển. Đây là đỉnh điểm của sự lừa dối và phản bội của ông. Giu-đa thất vọng vì Chúa Giê-su không muốn làm Vua theo ý của dân chúng (Giăng 6:14-15). Ông chỉ trích sự thờ phượng chân thật của Ma-ri trong câu chuyện bình dầu quý giá (Giăng 12:1-8). Và bây giờ ông đi đến một quyết định xấu xa nhất – ông đã chọn một lối đi sai.

LÀM GIẢM GIÁ TRỊ CỦA TÌNH YÊU

Khi Giu-đa phản bội Chúa, ông ra dấu cho những người lính phụ trách việc bắt Chúa, “tôi hôn ai, đó là người mà các anh phải bắt” (Ma-thi-ơ 26:48-49; Mác 14:44-45; Lu-ca 22:47-48). Một nụ hôn bày tỏ tình cảm trung thực và lòng chân thành, nhưng Giu-đa đã đổi nó ra thành đỉnh điểm của sự lừa dối và phản bội. Chúa Giê-su đã hôn Giu-đa và các sứ đồ khác khi họ tập trung tại phòng cao để dự lễ vượt qua. Và cái hôn của Ngài bày tỏ sự trân trọng dành cho các học trò. Trong một vài giờ nữa, Ngài vẫn trân trọng nụ hôn đó bằng cách chết vì họ. “Bạn hữu làm cho thương tích, ấy bởi lòng thành tín. Còn sự hôn hít của kẻ ghen ghét lấy làm giá nguy” (Châm ngôn 27:6).

Ít nhất năm lần trong Tân ước, chúng ta bắt gặp cụm từ: “hãy lấy cái hôn thánh mà chào nhau” (Rô-ma 16:16; 1 Cô-rin-tô 16:20; 2 Cô-rin-tô 13:12; 1 Tê-sa. 5:26; 1 Phi-e-rơ 5:14). Dĩ nhiên là người nam hôn người nam, người nữ hôn người nữ trong văn cảnh này. J. B. Phillips chú giải điều này trong Tân Ước: Cái bắt tay nhiệt thành có thể thay thế cho “cái hôn thánh,” hay theo Eugene Peterson thì một cái ôm cũng có thể biểu đạt điều này. Bất luận là cái hôn thánh, bắt tay hay ôm choàng nhau – tất cả đều diễn tả tình yêu thương tôn trọng dành cho người mà chúng ta yêu mến. Những biểu cảm bên ngoài này không nên là một hành động giả hình.

LÀM GIẢM GIÁ TRỊ CỦA CUỘC SỐNG

Trên phòng cao Chúa thông báo rằng có một người trong vòng môn đồ sẽ phản Ngài, Ngài trưng dẫn một câu trong Thi thiên: “Ta không nói về các ngươi hết thảy, ta biết những kẻ ta đã lựa chọn; nhưng lời này trong Kinh thánh phải được ứng nghiệm: Người ăn bánh ta, dờ gót nghịch cùng ta.” (Giăng 13:18). Tác giả Thi thiên viết, “Người bạn thân tôi, mà lòng tôi tin cậy, và đã ăn bánh tôi, cũng gờ gót lên nghịch cùng tôi” (41:9). Khi Đa-vít viết Thi thiên 41:9, ông có thể đã đề cập đến bạn và cố vấn đáng tin cậy của mình là A-hi-tô-phe, người đã hỗ trợ cho Áp-salom trong cuộc nổi loạn (2 Sa-mu-ên 15-17). Giu-đa cũng như A-hi-tô-phe giả vờ là người trung

thành với chủ, nhưng rồi sau đó thực tâm muốn giết người chủ. Khi A-hi-tô-phe biết rằng Áp-salom không đi theo lời tư vấn của ông, ông đã về nhà và tự thắt cổ mà chết. Còn khi Giu-đa nhận ra ông đã phản bội Con Đức Chúa Trời, ông tìm đến thầy tế lễ thượng phẩm, trả lại ba mươi miếng bạc và thừa nhận đã làm đổ huyết vô tội. Thái độ của ông là hối hận, tiếc rẻ vì đã làm chuyện xấu xa, nhưng đó không phải là ăn năn (Ma-thi-ơ 27:3-10). Và rồi cũng giống như A-hi-tô-phe, Giu-đa đi ra ngoài thắt cổ tự tử. Lời thú nhận của Giu-đa: “Tôi đã phạm tội vì nộ huyết vô tội! Song các thầy tế lễ đáp rằng: Sự đó can gì đến chúng ta? Mặc kệ người. Giu-đa bèn ném bạc vào đền thờ, liền trở ra, đi thắt cổ. Nhưng các thầy tế lễ cả lượm bạc và nói rằng: Không có phép để bạc này trong kho thánh, vì là giá của huyết. Rồi họ bàn với nhau dùng bạc đó mua ruộng của kẻ làm đồ gốm để chôn những khách lạ” (Ma-thi-ơ 26:4-7). Chúa Giê-su phán về Giu-đa, “khốn nạn thay cho kẻ phản Con người! Thà nó chẳng sanh ra thì hơn!” (Ma-thi-ơ 26:24)

Satan là một kẻ dối trá và giết người (Giăng 8:44), đồng thời cũng là kẻ trộm (Giăng 10:10). Nó kiểm soát Giu-đa, vì vậy Giu-đa cũng giống như nó: dối trá, kẻ trộm và giết người (tự sát). Theo cách diễn tả của Phao-lô, Giu-đa là kẻ “cho ma qui nhân dịp” (Ê-phê-sô 4:27). Đọc Ê-phê-sô 4:25-32, và chú ý đến các tội lỗi mà Phao-lô cảnh báo. Chúng ta sẽ thấy rằng Giu-đa phạm khá nhiều trong các tội lỗi đó như: nói dối, đánh cắp, cay đắng, giết người. Đối với Satan và Giu-đa, cuộc sống không đáng giá, vậy tại sao phải tiếp tục sống? Giu-đa đã không hiểu thấu lời dạy quý báu của Chúa Giê-su: “Người nào nếu được cả thiên hạ mà mất linh hồn mình, thì có ích gì?” (Mác 8:36).

Giu-đa có nhiều cơ hội nghe các bài giảng của Chúa Giê-su, nhìn thấy các phép lạ Ngài làm, chứng kiến các mục vụ của Chúa, và nhìn thấy Chúa bị các kẻ thù chống đối. Giu-đa cũng đã thi hành các mục vụ và trải nghiệm các phép lạ, tuy nhiên ông không bao giờ mở tấm lòng ra với Chúa Giê-su. Có bao nhiêu người ngày hôm nay bề ngoài biểu hiện sự tin kính nhưng lại là kẻ bị hư mất? Họ có thể giúp đỡ người khác trong các mục vụ của nhà thờ, nhưng hoàn toàn không có Chúa Giê-su làm chủ cuộc đời mình. Tôi tự hỏi Giu-đa phản ứng như thế nào khi Chúa Giê-su phán dạy, “Sự sáng còn ở giữa các ngươi ít lâu; hãy đi trong khi các ngươi còn có sự sáng, e rằng sự tối tăm đến thịnh linh cùng các ngươi chẳng; kẻ đi trong nơi tối tăm thì chẳng biết mình đi đâu” (Giăng 12:35).

Sứ đồ Giăng viết, “Giu-đa, khi lãnh lấy miếng bánh rồi, liền đi ra. Khi ấy đã tối” (Giăng 13:30). Bất chấp ánh trăng sáng trong đêm lễ vượt qua, bóng tối tăm đã bắt lấy Giu-đa mãi mãi.

John Bunyan chắc đã suy nghĩ đến Giu-đa khi ông viết trong tác phẩm Thiên Lộ Lịch Trình (The Pilgrim's Progress), “Tôi cũng thấy một con đường dẫn xuống địa ngục ngay trước cổng thiên đàng...”

Ban cho thì có phước hơn là nhận lãnh.

Công vụ 20:35

Điều hiển nhiên khiến chúng ta nhớ về Sa-lô-mê là bà xin Chúa Giê-su cho hai con trai bà, một đứa ngồi bên hữu, một đứa ngồi bên tả Chúa trong vương quốc (Ma-thi-ơ 20:20-28). Nếu đó là tất cả những gì chúng ta biết về bà, thì khi đó chúng ta đã bị che giấu đi một số phước lành của bà, bởi vì Sa-lô-mê là một trong những người phụ nữ thực sự tuyệt vời trong các bản ký thuật của phúc âm. Tên của bà có nguồn gốc trong tiếng Hê-bơ-rơ là *shalom*, có nghĩa bình an. Chúng ta sẽ nghiên cứu về chủ đề này. Khi hiểu được các lễ thật liên quan sẽ giúp chúng ta cầu nguyện và phục vụ Chúa tốt hơn.

HY SINH VÀ PHỤC VỤ

Ngư phủ Xê-bê-đê và vợ là Sa-lô-mê có hai người con trai: Gia-cơ và Giăng. Tất cả các thành viên trong gia đình này đều trung tín hầu việc Chúa. Hai con trai của họ là hai sứ đồ, và Sa-lô-mê là người phụ nữ đi theo hầu việc Chúa và mười hai sứ đồ từ nơi này đến nơi khác (Mác 15:40-41; Lu-ca 8:1-3). Xê-bê-đê ở quê nhà tiếp tục nghề đánh cá để cung cấp các nhu cầu thuộc thể cho Chúa Giê-su, các sứ đồ và vợ của mình. Có một số người phê bình Xê-bê-đê ở nhà, không theo Chúa Giê-su. Nhưng công việc của ông ở hậu phương đã hỗ trợ vật chất cho các mục vụ của Cứu Chúa và nhóm sứ đồ cùng những người đi theo Chúa. Ma-thi-ơ gọi Sa-lô-mê là “mẹ của hai con trai Xê-bê-đê” (Ma-thi-ơ 20:20; 27:56) và chỉ có Mác gọi đích danh tên của bà (Mác 15:40; 16:1).

Cố thủ tướng Anh Quốc Margaret Thatcher đã viết: “Nếu bạn muốn một điều gì đó được nói ra, hãy yêu cầu một người nam. Nếu bạn muốn một điều nào đó được thực hiện, hãy yêu cầu một phụ nữ.” Khi đoàn truyền giáo của Chúa Giê-su di chuyển từ nơi này đến nơi khác, họ cần một số công việc được thực hiện tốt nhất – và những người nữ sẽ đảm trách phần việc này. Chúa Giê-su không cung cấp các nhu cầu vật chất cho đoàn truyền giáo của Ngài bằng cách làm các phép lạ theo như Satan thách thức (Ma-thi-ơ 4:1-4), nhưng Ngài tin cậy Cha thiên thượng cung ứng cho Ngài mọi nhu cầu xuyên qua dân sự. Sa-lô-mê và những người bạn của bà là những người trung tín trong sự hầu việc Chúa, họ đi theo chăm lo các nhu cầu cho đoàn truyền giáo.

Sa-lô-mê là chị của Ma-ri (mẹ Chúa Giê-su). Điều này có nghĩa là theo phả hệ gia đình thì Gia-cơ và Giăng là anh em họ của Chúa Giê-su. Có lẽ Sa-lô-mê nghĩ đến mối liên hệ gia đình đặc biệt này khi bà xin Chúa Giê-su cho hai con trai bà ngồi bên hữu và bên tả trong vương quốc Chúa. Ngay lúc đó Chúa quả trách lời cầu xin này, nhưng cuối cùng Ngài đã hứa ban: “Quả thật, ta nói cùng các ngươi, đến kỳ muôn vật đổi mới, là khi Con người sẽ ngự trên ngôi vinh hiển của Ngài, thì các ngươi là kẻ đã theo ta, cũng sẽ ngồi trên mười hai ngôi, mà xét đoán mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên” (Ma-thi-ơ 19:28). Mỗi sứ đồ đều ngồi trên một ngôi trong vương quốc, vậy thì cần gì phải xin ngôi vị gần gũi nhất với Chúa?

Xê-bê-đê, Sa-lô-mê, Gia-cơ và Giảng đều hầu việc Chúa. Đây là một gia đình gương mẫu mà chúng ta phải noi theo. Xê-bê-đê là một người chồng, người cha hy sinh khi cho phép vợ và các con mình đi theo hầu việc Chúa Giê-su. Và Sa-lô-mê cũng phải trả một giá cao khi từ giả chồng và quê hương của mình để đi theo cùng phục vụ trong đoàn truyền giáo của Chúa. John Henry Jowett đã nói rằng nhận lãnh một chức vụ mà không cần trả giá thì cũng không hoàn thành điều gì, và chức vụ của gia đình Xê-bê-đê đã phải trả một giá cao. Phao-lô viết trong Phi-líp 2:17: “sự hy sinh và phục vụ đến từ đức tin của anh em (the sacrifice and service coming from your faith. NIV. Câu này trong bản dịch Kinh Thánh Tiếng Việt là: của tế lễ và của dâng đức tin anh em)

Đức Chúa Trời ban phước cho những bậc cha mẹ dám hy sinh cho Đức Chúa Trời, hầu việc Ngài, dạy dỗ con cái đi theo khuôn mẫu của họ.

THÌNH NGUYỆN VÀ QUẢ TRÁCH

Khi đưa ra lời thình nguyện “một đấng ngồi bên hữu, một đấng ngồi bên tả Chúa,” Gia-cơ, Giảng và mẹ của họ đã quên đi lời dạy của Chúa Giê-su trong bài giảng trên núi mà Ngài đã ban cho các sứ đồ sau khi họ được tuyển chọn. Chúng ta đọc lại trong Lu-ca 6:12-49 để thấy các lễ thật này. Họ quên mất rằng Cơ đốc nhân được nhận lãnh phần thưởng bằng cách ban cho và được cai trị trong sự vâng phục Đức Chúa Trời. Sự giàu có thực sự của chúng ta là giàu có về thuộc linh. Nếu đặt luật pháp Chúa và sự công nghĩa của Ngài lên hàng ưu tiên, khi đó Ngài sẽ cung ứng mọi nhu cầu của chúng ta (Ma-thi-ơ 6:33). “Ban cho thì có phước hơn là nhận lãnh” (Công vụ. 20:35). Đòi hỏi một chỗ ngồi (ngai) để cai trị là di chuyển từ vị trí người đầy tớ đến người cai trị. Nhưng Chúa Giê-su đã đến để làm một đầy tớ. Những điều của thế giới này hấp dẫn mọi người rất nhiều, nhưng chúng chỉ là “lợi ích bên lẽ” đối với người có tinh thần hy sinh hầu việc Chúa. P. T. Forsythe đã nói, “bổn phận đầu tiên của một người là tìm kiếm vinh hiển cho Chủ, không phải là tìm kiếm tự do cho chính mình,” và điều này có nghĩa là cúi đầu trước ngai vinh hiển của Ngài, không cầu xin một ngai để cai trị.¹

Tuy nhiên lời thình cầu của Sa-lô-mê và các con trai bà cũng đáng để khen ngợi. Chúng ta biết rằng lời hứa của Chúa là mỗi môn đồ sẽ có một ngôi trong vương quốc hầu đến. “Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi, đến kỳ muôn vật đổi mới, là khi Con người sẽ ngự trên ngai vinh hiển của Ngài, thì các ngươi là kẻ đã theo ta, cũng sẽ ngồi trên mười hai ngôi, mà xét đoán mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên” (Ma-thi-ơ 19:28). Chúa Giê-su đã truyền bảo cho các môn đồ rằng Ngài phải chịu chết, vì vậy, phải có đức tin lớn để hình dung một vương quốc tương lai đòi hỏi của Ngài. Chúng ta cũng khen ngợi họ đã cúi đầu khiêm nhường trước Chúa Giê-su - ít nhất là hướng ngoại - và đồng ý với yêu cầu của họ. Lời hứa của Chúa là: “Quả thật, ta lại nói cùng các ngươi, nếu hai người trong các ngươi thuận nhau ở dưới đất mà cầu xin không cứ việc chi, thì Cha ta ở trên trời sẽ cho họ” (Ma-thi-ơ 18:19). Dân sự của Đức Chúa Trời được dạy là phải hạ mình xuống cầu xin, “nhược bằng dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt ta, và trở lại, bỏ con đường tà, thì ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xức họ khỏi tai vạ” (2 Sử ký 7:14).

Nhưng thời điểm cho lời thỉnh cầu là không phù hợp và động cơ của họ là ích kỷ. Theo các nhà nghiên cứu Kinh Thánh, thời điểm xảy ra câu chuyện này là vào ngày thứ hai trong tuần lễ cuối cùng của chức vụ Chúa trên đất. Chỉ còn bốn ngày nữa Chúa sẽ bị đóng đinh. Vì vậy đây không phải là thời điểm thích hợp để các mẹ con Sa-lô-mê cầu xin Chúa cho, “một đĩa ngồi bên tả, một đĩa ngồi bên hữu” khi mà Cứu Chúa chuẩn bị chịu chết trong sự sỉ nhục, đau đớn khôn xiết. Khi cầu nguyện, hãy nhớ rằng thầy thượng tế tối cao của chúng ta trên thiên đàng đã từng mang những vết thương trong cơ thể của Ngài trên đồi Calvary. Chúng ta có muốn mang đến cho Ngài những lời cầu nguyện ích kỷ rẻ tiền khi Ngài đã ban tất cả những gì của Ngài cho chúng ta?

Trong một phương diện khác, Sa-lô-mê và các con trai đã có một động cơ sai trật trong lời cầu xin. Sa-lô-mê muốn chính bà và các con trai được tôn cao. Tại thời điểm đó bà đã không tôn vinh Chúa Giê-su. Bà đã quên mất bài cầu nguyện mà Chúa đã dạy cho các môn đồ trong Ma-thi-ơ 6:9-13. Lời cầu nguyện đó mở đầu với: “Danh Cha được thánh” và bao hàm câu “Ý Cha được nên, ở đất như trời!” Lucifer muốn cướp ngôi của Đức Chúa Trời, nó bị phán xét và trở thành Satan là kẻ đối địch với Chúa (Ê-sai 14:12-15). Chúng ta sẽ đi theo vết xe đổ của Satan hay theo gương mẫu của Chúa Giê-su (Phi-líp 2:5-11).

Các anh em họ của Chúa Giê-su đã đưa ra lời thỉnh cầu trong sự thiếu hiểu biết, thay vì cầu xin theo lời Chúa dạy. Chúa Giê-su quở trách họ: “Các ngươi không hiểu điều mình xin. Các ngươi uống được chén mà ta hầu uống không? Hai người thưa rằng: Chúng tôi uống được. Ngài phán rằng: Thật các ngươi sẽ uống chén ta; nhưng mà ngồi bên hữu hay bên tả ta, thì chẳng phải tự ta cho được; ấy là cho những người nào mà Cha ta đã sửa soạn cho” (Ma-thi-ơ 20:22-23). Cầu nguyện không phải là một phương tiện để con người thực hiện ý muốn của mình trên đất, nhưng là “ý Cha được nên ở đất như trời.” Không có gì lạ khi các môn đệ khác trở nên tức giận khi nghe lời cầu xin của Sa-lô-mê và hai con trai của bà (Ma-thi-ơ 20:24). Những lời cầu nguyện ích kỷ theo tư dục luôn đem đến sự chia cắt và mối bất hòa trong một tập thể (Gia-cơ 4:1-10). Về sau, Gia-cơ đã chỉ ra rằng: “Hỡi bọn tà dâm kia, anh em há chẳng biết làm bạn với thế gian tức là thù nghịch với Đức Chúa Trời sao? Cho nên, ai muốn làm bạn với thế gian, thì người ấy trở nên kẻ nghịch thù cùng Đức Chúa Trời vậy. Hay là anh em tưởng Kinh thánh nói vô ích sao? Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời khiến ở trong lòng chúng ta, ham mến chúng ta đến nỗi ghen tương, nhưng Ngài lại ban cho ta ơn lớn hơn nữa. Vì vậy, Kinh thánh chép rằng: Đức Chúa Trời chống cự kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ơn cho kẻ khiêm nhường.

Vậy hãy phục Đức Chúa Trời; hãy chống trả ma quỷ, thì nó sẽ lánh xa anh em” (Gia-cơ 4:4-7). Tư dục của xác thịt, thế gian và ma quỷ là ba kẻ thù của Cơ đốc nhân. Điều này giải thích tại sao Chúa Giê-su phán dạy trong Ma-thi-ơ 20:24-28, “Các ngươi biết rằng các vua dân ngoại thì ép dân phải phục mình, còn các quan lớn thì lấy quyền thế mà trị dân. Trong các ngươi thì không như vậy; trái lại, trong các ngươi, kẻ nào muốn làm lớn, thì sẽ làm đầy tớ các ngươi; còn kẻ nào muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi mọi các ngươi. Ấy vậy, Con người đã đến, không phải để người ta hầu việc mình, song để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều

người.” Trong chính thể của đế quốc Rô-ma, những người lãnh đạo được dân chúng tôn cao, và thậm chí xem họ như những vị thần. Nhưng Cơ đốc giáo không rập khuôn theo họ.

Các nhà thờ Cơ đốc ngày nay có quá nhiều người nổi tiếng nhưng lại không có đủ các đầy tớ thực sự theo ý nghĩa của Phúc âm. Chúng ta xây dựng mô hình lãnh đạo theo các tập đoàn lớn và các hoạt động của chúng ta có xu hướng đi theo những người thành công ở Hollywood. Thay vì đối lập, khác biệt với thế giới, chúng ta bắt chước thế giới trong phương cách lãnh đạo. Không có ai thắc mắc tại sao Chúa Giê-su quở trách Sa-lô-mê và các con trai của bà. Chúa không muốn điều này lặp lại trong các hội thánh. Nhưng các hội thánh ngày hôm nay dường như không đồng ý với lời dạy “chớ yêu mến thế gian” (1 Giăng 2:15). Câu này được sửa đổi thành “hãy nhìn và sống theo trào lưu của thế gian.”

THẬP TỰ VÀ VƯƠNG MIỆN

Người mẹ Sa-lô-mê và các con trai bà không biết lời cầu xin của họ là sai trật. Họ đã quên mất lời dạy của Chúa khi Ngài tuyên bố rằng chức vụ trên đất của Ngài sẽ chấm dứt tại thập tự giá. Bởi vì sẽ không có vương miện nào nếu không đi qua thập tự giá! Chúa Giê-su đã uống chén đắng của sự khổ nhục và nhận lấy một phép báp-tem đau đớn. “Các lượn sóng và nước lớn của Chúa đã ngập tôi” (Thi thiên 42:7). Ngài đã trở nên bị rửa sá vì chúng ta. Nhưng Ngài đã sống lại từ cõi chết và sẽ tái lâm trong vinh quang. Ma-thi-othew Henry đã viết về các mẹ con Sa-lô-mê: “Họ không biết những gì họ cầu xin, họ yêu cầu ngài cai trị mà bỏ qua các phương tiện để đạt được điều đó. Vì vậy chúng ta hãy cầu xin những gì mà Chúa đã liên kết với nhau.”² Trước tiên phải chịu đau khổ rồi mới bước vào trong vinh hiển; trước tiên phải nhận lấy thập tự giá, rồi sau đó mới có ngài, có vương miện.

Gia-cơ và Giăng nói rằng họ có thể uống chén đắng mà Chúa sẽ uống. Câu trả lời của họ đã làm tôi kinh ngạc. Họ không nhận thức rằng họ đang nói tiên tri về chính họ: Gia-cơ là vị sứ đồ đầu tiên phải tử vì đạo (Công vụ. 12:1-3). Còn Giăng là sứ đồ sống lâu nhất, và rồi cuối cùng bị đày ra đảo Bát-mô vì đức tin nơi Đấng Christ. Gia-cơ đã nhận lấy vương miện, và cái giá ông phải trả là chính mạng sống của ông. Còn Giăng cuối đời viết sách Khải huyền, trong đó ông nhắc đến từ “ngai – throne” bốn mươi bảy lần.

“Ban cho thì có phước hơn là nhận lãnh.” “Hãy cho, người sẽ cho mình” (Lu-ca 6:38). Và “trước hết, hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa” (Ma-thi-ơ 6:33). Đây chính là phép tính toán cho một chức vụ thuộc linh.

BAN TẶNG VÀ CÔNG HIẾN

Chúng ta không để cho Sa-lô-mê bị chê trách thêm nữa. Những chuyện xảy ra sau đó bù đắp cho khiếm khuyết của bà. Khi Chúa Giê-su bị treo lên thập tự giá, Sa-lô-mê và một số phụ nữ khác, trong đó có Ma-ri là mẹ của Chúa Giê-su và là chị em của Sa-lô-mê có mặt ở đó (Lu-ca 23:49; Giăng 19:25-27). Giăng cũng có mặt ở đó, còn những sứ đồ khác không thấy đâu cả. Sa-lô-mê và Giăng nghĩ gì khi nhìn thấy Chúa bị đóng đinh trên cây thập tự? Không nghi ngờ gì cả, họ đã

xấu hổ với lời cầu xin trước đây. Có thể làm rõ động cơ ích kỷ của lời cầu nguyện khi thực sự nhìn thấy bức tranh thực tế về thập tự giá của Chúa Giê-su Christ.

Khi tôi nhìn lên thánh giá đau thương

Hoàng tử vinh hiển phải chết trên đó

Tôi nhận được sự sống phong phú

Vì Christ đã mất đi tất cả để cho tôi sự sống

Lạy Chúa, nếu tôi phải khoe mình

Là khoe về sự cứu rỗi nhờ Ngài đã hy sinh

Tất cả những điều hư không làm tôi say mê nhất

Tôi từ bỏ chúng

Huyết của Ngài rửa sạch tôi

Isaac Watts

Tôi thường tự hỏi Sa-lô-mê cảm thấy như thế nào khi Chúa Giê-su ủy thác cho Giăng chăm sóc mẹ của Ngài! Đứng nơi đó dưới chân thập tự giá, có thể giúp Sa-lô-mê có một nhận thức rõ ràng hơn về sự cầu nguyện và đời sống theo Chúa.

Khi đọc sách Công vụ, chúng ta thấy không có sự đề cập cụ thể nào dành cho Xê-bê-đê và Sa-lô-mê. Nhưng có một chi tiết về sự cầu nguyện của 120 môn đồ trên phòng cao, Lu-ca ghi lại, “Hết thấy những người đó bèn lòng đồng một ý mà cầu nguyện với các người đàn bà, và Ma-ri là mẹ Đức Chúa Giê-su cùng anh em Ngài” (Công vụ. 1:14). Cụm từ “cầu nguyện với các người đàn bà” cho phép suy đoán rằng trong số này có Sa-lô-mê. Trong Lu-ca 8:2 cũng ghi, “mấy người đàn bà đi theo Ngài.” Vì vậy chúng ta hy vọng có Sa-lô-mê tham gia cầu nguyện chung với 120 môn đồ. Bà là một phụ nữ cầu nguyện, bà cầu nguyện chung với các tín hữu khác tại Giê-ru-sa-lem. Ngài ân điển phải là ngài duy nhất liên quan đến bà.

Tôi cũng cho rằng Sa-lô-mê có mặt trong ngày Lễ Ngũ tuần, ngợi khen Đức Chúa Trời và cầu nguyện cho Phi-e-rơ rao giảng sứ điệp (Công vụ. 2). Điều này có nghĩa bà là một thành viên trong hội thánh đầu tiên ở Giê-ru-sa-lem mà sinh hoạt của nó được diễn tả trong Công vụ 2: 42-47. Sa-lô-mê giúp đỡ cho các tín hữu mới và khích lệ họ trong đức tin.

Khi Gia-cơ, con trai của Sa-lô-mê từ vì Đạo (Công vụ 12). Lúc này Kinh Thánh không nói gì về Sa-lô-mê và Xê-bê-đê. Có thể họ đã qua đời trước đó, không kịp chứng kiến con trai mình chết vì danh Chúa. Và vì vậy khi Gia-cơ từ đạo, cha mẹ của vị sứ đồ này chào đón ông trong nơi vinh hiển. Nếu còn sống để biết tin Gia-cơ bị chém chết, bà có lẽ đã cầu nguyện: “Cảm tạ ơn Chúa, vì Ngài đã ban cho Gia-cơ vương miện của Ngài! Ngợi khen Chúa.”

Đừng bao giờ cầu xin một ngôi để cai trị, thay vì vậy hãy sống hết lòng theo ý muốn Đức Chúa Trời, đến nỗi chúng ta xứng đáng cho điều đó.

Bài 56

NGƯỜI PHỤ NỮ SA-MA-RI

Khá cẩn thận giữ tấm lòng của con hơn hết,

Vì các nguồn sự sống do nơi nó mà ra.

Châm ngôn 4:23

Đây là câu chuyện về một người “đàn bà Sa-ma-ri xấu nét” với một tấm lòng chai lì vì đã để cho hết người nam này đến người nam khác giẫm đạp lên tấm lòng của bà và rồi rời bỏ bà ở lại trong đau khổ (Giăng 4:1-42). Năm lần lập gia đình rồi ly hôn, giờ đây bà chung sống với một người đàn ông không phải là chồng bà. Bà đã không giữ gìn tấm lòng mình nên gặt lấy hậu quả thật khó khăn và đau đớn. Đức Chúa Giê-su đã đến để thay đổi đời sống người phụ nữ này. Hãy cùng xem xét bốn tấm lòng khác nhau trong câu chuyện này.

TẤM LÒNG CỦA ĐỨC CHÚA GIÊ-SU

“Và, Ngài phải đi ngang qua xứ Sa-ma-ri” (Giăng 4:4). Động từ “phải” trong câu Kinh Thánh này nói lên một sự bắt buộc, một nghĩa vụ phải thực hiện. Ngoài con đường này còn có hai con đường khác nối Giu-đê và Ga-li-lê và cả hai đều không đi qua xứ Sa-ma-ri. “Số là, dân Giu-đa chẳng hề giao thiệp với dân Sa-ma-ri” (Giăng 4:9). Tuy nhiên, Đức Chúa Giê-su chọn đi một con đường không phải bởi vì vị trí địa lý hoặc vì sự định kiến dân tộc. Chính Đức Chúa Cha đã chọn con đường này để Đức Chúa Giê-su gặp được người phụ nữ cần được cứu rỗi. Đức Chúa Giê-su phán rằng: “Ta chẳng tìm ý muốn của Ta, nhưng tìm ý muốn của Đấng đã sai Ta” (Giăng 5:30). Đây chính là con đường duy nhất để đi.

Một người bạn giáo sĩ của tôi khi từ sân bay trở về cùng với mục sư của một Hội Thánh mà ông sẽ đến để chia sẻ lời Chúa, ông nhận thấy kim xăng trên đồng hồ báo nhiên liệu đã gần ở mức “cạn kiệt.” Khi họ đang đi trên đường, ông giáo sĩ đã nhắc nhở vị mục sư nhưng ông ấy trả lời rằng: “vẫn chưa hết đâu.” Họ càng rời xa thành phố để đến vùng nông thôn kim xăng càng nhích gần đến mức “cạn kiệt.” Vị mục sư bèn nói rằng: ‘Chúng ta sẽ đổ xăng tại đây,’ rồi ông rẽ vào một cây xăng ọp ẹp cũ kỹ nhất mà người bạn giáo sĩ của tôi từng trông thấy. Người đàn ông đi ra để bơm xăng có một khối u ác tính rất lớn ở trên mặt trông rất đáng thương. Nhưng khi người đàn ông đó bơm xăng, vị mục sư đã làm chứng cho anh và dẫn dắt anh đến đức tin nơi Đấng Christ. Khi ấy người bạn của tôi đã hiểu lý do vì sao vị mục sư này chờ đợi khá lâu mới ghé vào một cây xăng: đó là vì Đức Chúa Cha đã phán cùng ông phải đổ xăng tại đâu để chinh phục một linh hồn, mà linh hồn ấy đã rất gần với cõi đời đời.

Lòng của Đức Chúa Giê-su đầy tình yêu thương cho những ai bị người khác khước từ. Cư dân trong thành Sa-ma-ri ấy biết người phụ nữ này và có lẽ họ đã xa lánh bà, nhưng Đức Chúa Giê-su đã đến vào đúng thời điểm để gặp mặt và trò chuyện với bà về nhu cầu lớn nhất của người đàn bà ấy. Các thầy dạy luật người Giu-đa không nói chuyện với phụ nữ nơi công cộng, và không một người đàn ông tự trọng nào sau khi đã biết về tiếng xấu của người phụ nữ này lại đi tiếp chuyện với bà. Nhưng Đức Chúa Giê-su đã đến “tìm và cứu kẻ bị mất” (Lu 19:10), và đây cũng phải là gánh nặng cho tấm lòng của bạn và tôi.

TẤM LÒNG CỦA TỘI NHÂN

Giăng đã viết sách phúc âm để độc giả của ông “tin rằng Đức Chúa Giê-su là Đấng Christ, tức là Con Đức Chúa Trời, và để khi các người tin, thì nhờ danh Ngài mà được sự sống” (Giăng 20:31). Khi đọc Giăng 4, chúng ta nhìn thấy người đàn bà này từng bước học biết về Đức Chúa Giê-su và cuối cùng tin cậy Ngài để nhận lấy sự cứu rỗi. Nước và mùa gặt là hai hình ảnh ẩn dụ chính trong đoạn Kinh Thánh này, và Đức Chúa Giê-su đã kể ẩn dụ về người gieo giống để làm bối cảnh cho ẩn dụ về mùa gặt (Ma-thi-ơ. 13:1-9, 18-23).

Khi Đức Chúa Giê-su mở đầu câu chuyện, tấm lòng người phụ nữ này rất *chai cứng*. Bà chỉ biết Đức Chúa Giê-su là “một người Giu-đa” và thắc mắc tại sao Ngài lại nói chuyện với bà là một người Sa-ma-ri (Giăng 4:7-9). Nhưng Đức Chúa Giê-su đã tiếp tục cuộc trò chuyện và mời bà nhận lấy nước hằng sống để thỏa mãn cơn khát. Sau đó người phụ nữ này nói Ngài “lớn hơn Gia-cốp” và xin Ngài ban cho nước sống. Giờ đây bà có một tấm lòng *cạn cọt* dù nhiệt thành đáp ứng nhưng không được chuẩn bị để tiếp nhận hạt giống (Giăng 4:10-15).

Sẽ không có sự cải đạo nếu con người không bị cáo trách về tội lỗi, chính vì thế Đức Chúa Giê-su tiếp tục mục vụ bằng cách yêu cầu bà hãy đi gọi người chồng. Chúa bày tỏ rằng Ngài biết hết về người phụ nữ này và về tội lỗi của bà, điều đó khiến bà phát hiện Ngài là một đấng tiên tri (Giăng 4:16-20). Giờ đây bà có tấm lòng *được đổ đầy*, bằng chứng là bà cố thay đổi đề tài khi bàn về vấn đề tôn giáo. Đức Chúa Giê-su trả lời cho câu hỏi của bà một cách rõ ràng và đầy năng quyền, bà lại nói rằng bà biết Đấng Christ sẽ đến. Đức Chúa Giê-su tuyên bố Ngài chính là Đấng Christ, bà tin Chúa và được cứu. Ngay lập tức người phụ nữ này đi loan truyền tin mừng cho thị trấn ấy (Giăng 4:21-30). Tấm lòng của người phụ nữ này giờ đây là một tấm lòng *kết quả*, một minh chứng cho sự tái sinh. Lúc mới gặp Chúa, bà gọi Ngài là “một người Giu-đa” nhưng khi từ biệt, bà xưng Chúa là “Đấng Christ” và chia sẻ lễ thật lớn lao này cho người khác.

Dù tấm lòng tội nhân có cứng rắn đến đâu nhưng nếu chúng ta kiên nhẫn thì Chúa có thể sử dụng lời chứng đầy yêu thương của chúng ta để thay đổi tấm lòng và đem đến đức tin cứu rỗi. Chúng ta phải tin cậy nơi Đức Thánh Linh sẽ cày bừa mảnh đất và chuẩn bị tấm lòng để tiếp nhận hạt giống sự sống từ Lời Đức Chúa Trời. Khi hạt giống đã được gieo trồng và nuôi dưỡng, chúng sẽ khởi nguồn sự sống và kết quả cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

TẤM LÒNG CỦA NGƯỜI LÀM VIỆC CHÚA

Khi các môn đồ trở về đem theo thức ăn mà họ đã mua, họ rất bất ngờ khi thấy Đức Chúa Giê-su tiếp chuyện với một người phụ nữ nhưng các môn đồ cũng đủ khôn ngoan để không cắt ngang cuộc trò chuyện (Giăng 4:27, 31-38). Sau khi người phụ nữ này rời đi, các môn đồ đã xin Chúa hãy dừng bữa, nhưng Ngài dạy cho họ một bài học ngắn về ý nghĩa của việc làm công việc Chúa theo cách của Ngài là như thế nào.

Làm theo ý Chúa không phải là một hình phạt, nhưng là thực phẩm đem lại sự nuôi dưỡng. Chứng đạo và dắt đem người khác đến với Chúa chính là thức ăn nuôi dưỡng con người bề trong. Đức Chúa Giê-su dùng phép ẩn dụ về hạt giống và mùa gặt để nhắc nhở mười hai môn đồ rằng trên cánh đồng có rất nhiều người làm công, mỗi một người đều có một trách nhiệm riêng. Một số người thì cày bừa, một số khác thì gieo giống, nhổ cỏ dại, những người còn lại thì gặt lúa. Dù công việc khác nhau nhưng họ đều là thành viên “đội làm công” và đều sẽ được ban thưởng. Trên cánh đồng không có sự thi đua, và tất cả những ai trung tín đều sẽ vui mừng với nhau. Rất có khả năng Giăng Báp-tít đã là một trong số những “người làm công khác” trong việc chôn đất thuộc linh cho người phụ nữ này (xem Giăng 3:23 và 4:38).

Sứ đồ Phao-lô dùng chính hình ảnh ẩn dụ này để dạy về một bài học tương tự trong 1 Cô-rinh-tô 3:6-9. Dù người làm công trong Hội Thánh địa phương sở hữu nhiều ân tứ hoặc nổi tiếng đến đâu thì họ đều là đầy tớ của Đức Chúa Trời và chính Đức Chúa Trời là Đấng ban sự tăng trưởng. Người trồng, kẻ tưới nước, người khác gặt, nhưng chính “Đức Chúa Trời là Đấng làm cho lớn lên” (c. 7). Duy Đức Chúa Trời là Đấng đáng nhận sự vinh quang. Bởi vì “chúng tôi là bạn cùng làm việc với Đức Chúa Trời” (1 Côr. 3:9).

TÁM LÒNG NGƯỜI TÌM KIẾM

Người đàn bà Sa-ma-ri mạnh dạn quay trở về thị trấn để làm chứng về Đức Chúa Giê-su và công việc của Ngài (Giăng 4:28-29), và dân chúng đã đi ra giếng nước để gặp vị khách tuyệt vời này. Kết quả là rất nhiều người Sa-ma-ri đã đặt đức tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ, một số đã tin nhờ vào lời chứng của người phụ nữ này, nhưng phần lớn mọi người tin là vì họ đã nghe từ chính Đức Chúa Giê-su. Đức Chúa Trời đã ban một mùa gặt vĩ đại ở nơi khó khăn. Chính trong những thời điểm mà chúng ta không ngờ đến, Đức Chúa Trời hành động một cách tuyệt diệu để mở ra cánh đồng truyền giáo với những con người lạc mất.

Những người Sa-ma-ri này biết Đức Chúa Giê-su là ai và đặt lòng tin nơi Ngài. Họ được đảm bảo về sự cứu rỗi bởi chính họ đã lắng nghe phúc âm. Tuy nhiên điều tuyệt vời về sự cải đạo của họ chính là họ nhìn thấy thế giới đang cần điều mà họ đang có. Người dân trong thành nói Đức Chúa Giê-su là “Cứu Chúa của thế gian” (Giăng 4:42). Người Giu-đa và người Sa-ma-ri đều có niềm tin tôn giáo riêng, tuy nhiên họ không thể giữ Đức Chúa Giê-su cho riêng mình. Chúa yêu thế gian, Ngài đã chết vì tội lỗi nhân loại và Ngài truyền cho chúng ta phải ra đi môn đồ hóa muôn dân.

Mục vụ truyền giáo nhân bội rất thú vị. Một phụ nữ có đức tin và lời chứng của bà giúp cứu được một thị trấn. Phi-e-rơ dắt dắt một người ăn xin đến đức tin nơi Đấng Christ, và bởi vì đòi

sống của một người được thay đổi mà nhiều người khác đã nghe phúc âm và hàng ngàn người được cứu (Công vụ 3:1-4:4). Hãy cấy đức tin gieo hạt giống. Hạt giống ấy sẽ nhân lên bội phần.

Trước khi kết lại phần Kinh Thánh này, chúng ta hãy chú ý đến bài học về vị trí địa lý. Trong Giăng 2:23, Đức Chúa Giê-su đi từ thành Giê-ru-sa-lem đến xứ Giu-đê (Giăng 3:22). Từ Giu-đê, Ngài đi đến Sa-ma-ri (Giăng 4:4), và chương này kết thúc bằng lời tuyên xưng Đức Chúa Giê-su là “Cứu Chúa của thế gian” (Giăng 4:42). Giê-ru-sa-lem – Giu-đê – Sa-ma-ri – thế gian. Một khuôn mẫu địa lý tương tự như Công vụ 1:8!

Đức Chúa Giê-su làm gương mẫu và Ngài ban cho mệnh lệnh cho chúng ta. Hãy vâng theo Ngài.

Bài 57

NGƯỜI PHỤ NỮ TÀ DÂM

Đức Giê-hô-va là ánh sáng và là sự cứu rỗi tôi.

Thi thiên 27:1

Chúng ta sẽ hiểu hơn về tính cách của chính mình qua cách chúng ta phản ứng với câu chuyện người phụ nữ bị bắt đang khi phạm tội ngoại tình. Những ai đang âm thầm phạm tội thì chăm chú vào câu chuyện này để mong mỏi có thêm tình tiết mới hoặc giúp cho sự tưởng tượng của họ bay bổng. Những ai tuân thủ luật lệ một cách tuyệt đối thì thất vọng vì Đức Chúa Giê-su không đề nghị án tử hình. Nhưng người tin Chúa và đã kinh nghiệm ân điển của Đức Chúa Trời thì cảm thấy biết ơn Chúa vì trong Ngài có sự tha tội. Chúng ta không cần phải phạm tội lỗi mà người phụ nữ này đã phạm để nhận biết ân điển và lòng thương xót của Chúa. “Ta cũng không định tội ngươi; hãy đi, đừng phạm tội nữa” (Giăng 8:11). Nếu bạn đã từng nghe những lời này phản với tấm lòng mình thì bạn cũng muốn những người khác được nghe. Bạn sẽ muốn họ có thể nói từ tấm lòng rằng: “Đức Giê-hô-va là ánh sáng và là sự cứu rỗi tôi.”

Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã lập mưu dẫn người phụ nữ này đến với Đức Chúa Giê-su để bẫy Ngài. Nếu Chúa tha thứ cho người phụ nữ thì Ngài vi phạm luật pháp Môi-se và sẽ gặp rắc rối với người Do Thái. Nếu Ngài kết tội bà phải bị ném đá thì Ngài sẽ gặp rắc rối với người Rô-ma bởi vì chỉ họ mới có quyền kết án công dân phạm tội. Chắc hẳn những người này đã lên kế hoạch rất kỹ càng để cài bẫy Chúa, chính vì thế mà họ đã chờ đợi để “bắt quả tang” người phụ nữ ấy! Tuy nhiên người đàn ông phạm tội cùng người đàn bà này đã ở đâu? Luật pháp yêu cầu cả hai người phạm tội đồng chịu xét xử (Lê. 20:10; Phục. 22:22).

Phần Kinh Thánh này thấp lên bốn tia sáng và tia sáng quan trọng nhất chính là Đức Chúa Giê-su, sự sáng của thế gian.

TIA SÁNG CỦA SỰ SÁNG TẠO

Lúc tảng sáng, Đức Chúa Giê-su vào đền thờ dạy dỗ dân chúng. Các thầy thông giáo và các người Pha-ri-si đến, làm gián đoạn mục vụ của Chúa, đẩy người phụ nữ này đến trước mặt Ngài và yêu cầu Chúa phải cho họ một câu trả lời tức thời. Các lãnh đạo tôn giáo giả hình này không còn có thể lịch sự hơn được nữa.

Sự sáng tạo thế giới bày tỏ có một Đức Chúa Trời là Đấng đầy đủ năng quyền để tạo dựng nên trái đất, Đấng có đủ khôn ngoan để lên kế hoạch và duy trì trái đất, và Đấng đầy tốt lành để dùng trái đất đem lại ích lợi cho con người sống trên đó. “Những gì về Đức Chúa Trời mà mắt trần không thấy được, tức là quyền năng đời đời và thần tính của Ngài, thì ngay từ buổi sáng thế người ta đã nhận thức rõ ràng khi quan sát các tạo vật của Ngài; cho nên họ không thể bào chữa được” (Rô. 1:20).

Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng tạo dựng thế gian, Đấng khôn ngoan, vinh hiển và quyền năng sẽ không bao giờ tha thứ hoặc giải cứu con người khỏi sự đoán phạt nếu Ngài không giải quyết vấn đề tội lỗi. Khi Sau-lơ biện luận cùng những người Hy Lạp trí thức trên Ngọn đồi Sao hóa, ông đã bắt đầu từ sự sáng thế và kết thúc bằng sự chết và phục sinh của Đức Chúa Giê-su Christ (Công 17:27-32). Nhà khoa học có thể nghiên cứu về sự sáng thế nhưng họ sẽ không bao giờ gặp gỡ Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật. Người nghệ sĩ có thể chiêm ngưỡng thiên nhiên còn người theo thuyết phiếm thần có thể thờ lạy tự nhiên, nhưng tội nhân không thể tìm được sự cứu rỗi từ tạo vật.

TIA SÁNG LUẬT PHÁP CHÚA

Những người buộc tội người phụ nữ này biết luật pháp của Chúa; họ đã dành cả cuộc đời để đọc, học và bàn luận về luật pháp ấy. Họ có thể nói rằng: “Lời Chúa là ngọn đèn cho chân con, ánh sáng cho đường lối con” và “sự giảng giải Lời Chúa đem lại ánh sáng” (Thi 119:105, 130). Họ đồng ý cùng Sa-lô-môn rằng: “Vì điều răn là ngọn đèn, luật pháp là ánh sáng” (Châm 6:23). Luật pháp của quốc gia nào vĩ đại hơn luật pháp của Y-sơ-ra-ên? Và giáo sư của quốc gia nào có đủ khôn ngoan để diễn giải luật pháp ấy? Người phụ nữ này không còn cơ hội sống. “Mô-i-se truyền cho chúng ta...”

Ngày nay nếu bạn hỏi bất kỳ ai rằng: “Chúng ta phải làm gì để được vào thiên đàng?” rất có thể họ sẽ trả lời rằng: “Hãy giữ Mười Điều Răn.” Những ai trả lời như thế thì không biết hai lẽ thật quan trọng: (1) Mười Điều Răn không được ban để giải cứu chúng ta, và (2) hoặc thậm chí nếu Mười Điều Răn có thể cứu chúng ta nhưng không ai có thể giữ được trọn vẹn các luật lệ ấy. Con người duy nhất từng bước đi trên trái đất này và đã vâng giữ trọn vẹn luật pháp Đức Chúa Trời chính là Đức Chúa Giê-su Christ, còn đối với chúng ta, chúng ta không thể là Ngài.

Luật pháp Chúa giống như một chiếc gương phản chiếu những vết nhơ của chúng ta nhưng lại không thể xóa bỏ những vết nhơ ấy (Gia cơ 1:23-25). (Đã bao giờ bạn rửa mặt bằng một chiếc

gương không?) “Vì chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà được kể là công chính trước mặt Ngài, vì nhờ luật pháp người ta nhận biết tội lỗi” (Rô. 3:20).

Trong cuộc chạm trán này, hai lần Đức Chúa Giê-su cúi xuống dùng tay viết lên mặt đất. Chắc hẳn việc này đã nhắc những người cáo buộc nhớ rằng luật pháp “do chính ngón tay Đức Chúa Trời viết ra” (Xuất 31:18) và một ngày trong tương lai, chính họ cũng sẽ bị đoán xét. Có lẽ một số người đã nhớ câu Kinh Thánh Giê-rê-mi 17:13: “Ai quay lưng với Ngài sẽ bị ghi tên vào bụi đất. Vì chúng đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va là nguồn nước sống.” Nếu tên của bạn không được ghi trong Sách sự sống của Chiên con nghia là đã được ghi vào bụi đất và sẽ tan biến.

TIA SÁNG LƯƠNG TÂM

Việc Đức Chúa Giê-su không nói một lời càng khiến các lãnh đạo tôn giáo thêm thúc ép Chúa bởi vì họ nghĩ rằng Ngài đã bị dồn vào thế bí. Đức Chúa Giê-su bèn đứng dậy mà phán rằng: “Ai trong các ngươi là người vô tội, hãy trước nhứt ném đá vào người” (Giăng 8:7; xem Phục 22:22-24). Đức Chúa Giê-su không buộc tội các lãnh đạo tôn giáo phạm tội ngoại tình; nhưng Ngài muốn nhắc họ nhớ rằng họ là tội nhân và có lẽ trong một thời điểm nào đó họ cũng đã phạm tội lỗi này ở trong lòng (Ma-thi-ơ 5:27-30).

Cả hai bản dịch Kinh Thánh New International Version và New American Standard Bible (và tất cả các bản dịch Kinh Thánh tiếng Việt) đều bỏ mất cụm từ “bị lương tâm cáo trách” khỏi câu 9, tuy nhiên trong nhiều bản Kinh Thánh viết tay tiếng Hy Lạp lại có cụm từ này. Chúng ta hãy tin những con người này đã thành thật với chính mình và với Chúa, chúng ta hy vọng điều đó. Đức Chúa Giê-su không ngụ ý rằng mỗi một thẩm phán hoặc bồi thẩm cần phải hoàn hảo mới có thể xét xử người khác, nhưng Ngài muốn nói rằng việc xét xử và kết tội phải có động cơ đúng đắn. Động cơ của những con người này là tội lỗi; chính vì thế họ không có quyền kết tội người phụ nữ.

Lương tâm không phải là luật pháp của Đức Chúa Trời. Lương tâm là ô cửa sổ để ánh sáng luật pháp Chúa chiếu soi và giúp chúng ta biết đâu là điều phải. Từ *lương tâm* được dùng hơn ba mươi lần trong Tân Ước và đóng vai trò quan trọng trong thần học của Phao-lô. Nếu “cửa sổ lương tâm” bị vấy bẩn bởi vì chúng ta cố ý không vâng phục thì ánh sáng chiếu vào sẽ mờ tối và lương tâm không còn cáo trách chúng ta được nữa. Tít 1:15 gọi đây là “lương tâm dơ dáy.” Nếu chúng ta vẫn cứ ở trong tội lỗi thì hậu quả nhận được đó là “lương tâm xấu” (Hê. 10:22) và ánh sáng chiếu vào tấm lòng sẽ trở nên tối tăm (Ma-thi-ơ 6:22-24). Nuôi dưỡng “lương tâm từ tẻ” là một phước hạnh vĩ đại và cũng là một nghĩa vụ nghiêm túc (Công vụ 23:1, 24:16).

Lương tâm không thể giúp người phụ nữ này. Lương tâm chỉ có thể cáo trách tội lỗi nhưng không bao giờ tha thứ cũng như không thể rửa sạch tội lỗi.

TIA SÁNG CỦA ĐỨC CHÚA GIÊ-SU CHRIST

Cuối cùng thì tội nhân phải một mình đối diện với Đức Chúa Giê-su Christ, Ngài là Sự sáng của thể gian, bởi vì Ngài chính là hy vọng duy nhất của họ. Bình minh đang lên khi những sự việc này xảy ra và mặt trời chính là ánh sáng cho thể giới hữu hình của chúng ta. Đối với những người tin Chúa, Đức Chúa Giê-su chính là mặt trời của cả hoàn vũ này – Ngài chính là trung tâm của thể giới xung quanh chúng ta, là nguồn sự sống và là ánh sáng cho mọi vật sống. Đức Chúa Trời ban trụ lửa để thắp sáng cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng Ngài ban Đức Chúa Giê-su Christ để đem đến sự sống cho những người tin Ngài. Ngài chính là sự sáng của thể gian, và món quà cứu rỗi của Chúa dành cho tất cả mọi người. Ngài đã đến để cứu thể giới, không phải để kết tội (Giăng 3:16-21). Chối bỏ Chúa là bước đi trong sự tối tăm; theo Chúa là tận hưởng ánh sáng sự sống.

Chắc hẳn người phụ nữ đã rất xúc động khi nghe Đức Chúa Giê-su phán rằng: “Ta cũng không định tội người” (Giăng 8:11). Sự đảm bảo về ơn cứu rỗi không đến từ cảm giác cũng không đến từ những tuyên bố của lãnh đạo tôn giáo, nhưng từ Lời của Chúa. Tuy nhiên sự tha thứ của Đức Chúa Trời cũng đi kèm với nghĩa vụ vâng phục Chúa và đi theo Ngài. Chúng ta không được cứu nhờ vâng phục Chúa, nhưng chúng ta vâng phục thì điều đó làm chứng rằng chúng ta đã được cứu. Bản Kinh Thánh New International Version trong câu 11 cho chúng ta có ấn tượng rằng người phụ nữ này đã “sống đời tội lỗi,” nhưng bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp chỉ viết rằng: “hãy đi, từ nay đừng phạm tội nữa.” Dù trong quá khứ cuộc sống của người phụ nữ này như thế nào, nhưng giờ đây bà đã được tha thứ. Đức Chúa Trời phán rằng: “Ta sẽ chẳng còn nhớ đến tội lỗi gian ác của chúng nó nữa” (Hêb. 10:17).

Phước thay cho người nào được tha sự vi phạm mình,

Được khóa lấp tội lỗi mình!

Thi thiên 32:1

Bài 58

MA-RI VÀ MA-THÊ Ở THÀNH BÊ-THA-NI

Nên bây giờ còn có ba điều này: Đức tin, sự trông cậy, tình yêu thương.

1 Cô-rinh-tô 13:13

Bê-tha-ni là một thành phố nhỏ cách Giê-ru-sa-lem khoảng ba ki-lô-mét. Sẽ ít ai chú ý đến thành phố này nếu như Đức Chúa Giê-su không đến Bê-tha-ni làm khách của gia đình Ma-ri, Ma-thê và La-xa-rô là người đã được Đức Chúa Giê-su khiến sống lại từ cõi chết (Giăng 11). Đức Chúa Giê-su có mối liên hệ đặc biệt với họ, vì Giăng 11:5 cho chúng ta biết rằng: “Và, Đức Chúa Giê-su yêu Ma-thê, em người, và La-xa-rô.” Khi đọc qua bốn sách Phúc Âm, bạn sẽ thấy có ba chuyến thăm thành Bê-tha-ni. Chúng ta không đọc thấy những phát biểu của La-xa-rô, nhưng

những hành động và sự tương tác giữa Chúa với hai người chị em gái là rất thú vị và cho ta nhiều bài học. Mặc dù Ma-ri và Ma-thê đều có những khác biệt và yếu đuối riêng, song ở họ hiện lên ba phẩm chất vĩ đại của Cơ Đốc Nhân chính là đức tin, hy vọng và tình yêu thương, những phẩm chất quý báu ấy cần được nhìn thấy trong mỗi một đời sống, chức vụ và gia đình Cơ Đốc.

ĐỨC TIN – LẮNG NGHE LỜI CHÚA (Lu-ca 10:38-42)

Hãy tưởng tượng bạn phải chuẩn bị bữa tối cho Đức Chúa Giê-su và các môn đồ của Ngài – mười ba người nam! Hiển nhiên họ đã đến thành Bê-tha-ni khá sớm nên Ma-thê vẫn chưa sẵn sàng tiếp đón và điều này đã gây ra căng thẳng giữa hai chị em. Ma-ri đã giúp đỡ chị trước lúc Đức Chúa Giê-su đến, nhưng sau đó bà ngồi dưới chân Đức Chúa Giê-su để lắng nghe Ngài giảng dạy. Khi đang chuẩn bị bữa tối, Ma-thê cảm thấy bức tức và cuối cùng tiến vào phòng, cắt ngang bài giảng và chỉ trích cả Đức Chúa Giê-su lẫn Ma-ri.

Khung cảnh đáng xấu hổ này nêu bật sự khác biệt tính cách giữa hai chị em. Ma-thê là một người chủ động và dễ dàng nói lên suy nghĩ của mình, trong khi Ma-ri thì im lặng, một người lắng nghe và suy ngẫm. Họ là những bản sao của Phi-e-rơ và Giăng. Chúa yêu và sử dụng mọi người, chính vì thế không có lý do gì những người hoạt ngôn và những người tĩnh lặng suy tư lại không thể chấp nhận và làm việc cùng nhau. Hơn thế nữa, họ cần có nhau. Gia đình của Đức Chúa Trời bao gồm nhiều con người với những ân tứ và tính cách khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa là Đấng ban năng lực và phước hạnh cho tất cả mọi người.

Vấn đề của Ma-thê không phải ở việc Ma-ri rời đi, cũng không phải vì Đức Chúa Giê-su đã đem Ma-ri ra khỏi những việc bà phải làm. Vấn đề của Ma-thê chính là bà đã bị quay cuồng bởi quá nhiều công việc bởi vì bà không hành động bởi đức tin. Bà không tin rằng Đức Chúa Giê-su thật sự quan tâm đến bà. Lời lẽ trong câu hỏi của Ma-thê trong Lu-ca 10:40 chỉ ra rằng bà kỳ vọng một câu trả lời là không – “Ngài không quan tâm có phải không?” Vì thiếu đức tin, Ma-thê bị sao nhãng và bị chia cách khỏi Chúa. Vấn đề không phải là tính cách (“Tính tôi là thế đấy!”); nhưng vấn đề chính là tội lỗi. Bà không tin rằng Đức Chúa Giê-su thật sự quan tâm, và điều đó khiến bà cảm thấy lo âu, bồn chồn. Các môn đồ cũng đã phạm một lỗi tương tự khi bị mắc kẹt trong cơn bão ở giữa biển, và Đức Chúa Giê-su đã hỏi rằng: “Đức tin các ngươi ở đâu?” (Lu-ca 8:22-25). Chúng ta càng được lớn lên trong Lời Chúa thì chúng ta càng được lớn lên trong đức tin (Rô. 10:17).

Cuộc sống được định hình bởi những sự lựa chọn. Ma-thê đã lựa chọn rất tốt khi quyết định chuẩn bị bữa tối. Đức Chúa Giê-su phán rằng Ma-ri đã chọn phần tốt hơn khi ngồi dưới chân Chúa và lắng nghe lời Ngài. Thức ăn thuộc linh sẽ còn lại lâu dài hơn rất nhiều! Tuy nhiên lựa chọn tốt nhất là sự kết hợp của cả hai, chính là trở nên người thờ phượng và người hầu việc, và làm công tác bởi sức lực trong Lời Chúa. Phải chỉ Ma-thê dành thời gian tương giao với Chúa thì bà đã không cảm thấy tội nghiệp cho bản thân mà chỉ trích Ma-ri và Đức Chúa Giê-su nhưng bà sẽ cảm thấy an tâm (Ma-thi-ơ. 11:20-28). Giống như vua Đa-vít, tất cả chúng ta đều cần có tấm lòng tận hiến và đôi tay khôn khéo (Thi. 78:72).

Luôn có thời gian cho ý muốn Chúa và sức lực cho công tác Chúa. Alan Redpath đã từng nhắc chúng ta rằng: “Hãy cảnh giác với sự cần cỏi vì một đời sống bận rộn.”

HY VỌNG – YÊN NGHỈ NƠI LỜI HỨA CỦA CHÚA (Giăng 11)

Khi anh trai của họ là La-xa-rô lâm bệnh, Ma-thê và Ma-ri đã sai người đến thưa cùng Đức Chúa Giê-su rằng: “Lạy Chúa, này, kẻ Chúa yêu mắc bệnh” (Giăng 11:3). Họ không bảo Chúa phải làm gì; họ chỉ chia sẻ gánh nặng với Ngài. Dù trong quá khứ họ có những khác biệt nhưng giờ đây hai chị em cùng hiệp ý lo lắng cho anh trai mình và đều có đức tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ. Đức Chúa Giê-su đáp rằng bệnh này sẽ không chết đâu nhưng vì sự vinh hiển của Con Đức Chúa Trời.

Phải mất một ngày để người đưa tin đi từ Bê-tha-ni đến chỗ Đức Chúa Giê-su và một ngày nữa để quay trở về mang theo lời nhắn của Đức Chúa Giê-su. Sau khi người đưa tin đã đi, Đức Chúa Giê-su chờ thêm hai ngày nữa và sau đó đi thêm một ngày để đến Bê-tha-ni. Khi Ngài đến nơi, Ngài biết La-xa-rô đã được chôn trong mộ bốn ngày. Điều này nghĩa là La-xa-rô đã chết trong ngày người đưa tin quay trở lại Bê-tha-ni với thông điệp đầy hy vọng của Đức Chúa Giê-su: “Bệnh này không đến chết đâu.” Nhưng La-xa-rô đã chết! “Việc này sẽ làm sáng danh Đức Chúa Trời.” Nhưng La-xa-rô đã chết! Đức Chúa Giê-su nhắc hai người chị em nhớ rằng Ngài đã trả lời và những lời ấy sẽ thành hiện thực (Giăng 11:40).

Ma-thê và Ma-ri gần như đã đánh mất hy vọng. Tại sao Đức Chúa Giê-su không đến ngay? Tại sao Chúa để cho người anh trai của họ chết? Tại sao Chúa không phán lời quyền năng ngay tại nơi Ngài đã ở trước đó để chữa lành anh trai của họ? Cả hai chị em đều nói cùng Đức Chúa Giê-su rằng: “Thưa Chúa, nếu...” (Giăng 11:21,32), và những lời nói như thế chỉ càng làm vấn đề thêm trầm trọng. Hoặc chúng ta nói “Thưa Chúa” và tin cậy Ngài, hoặc chúng ta nói “nếu” rồi nghi ngờ và phê bình Chúa, nhưng không nên đặt hai cụm từ này lại với nhau.

Niềm hy vọng của chúng ta đặt nơi Chúa, không phải nơi hoàn cảnh (“Mọi việc đang trở nên tốt hơn”) cũng không đặt ở cảm giác. Mục đích của Chúa luôn luôn là vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, và kế hoạch của Ngài không bao giờ sai lầm. Khi Đức Chúa Giê-su đến dùng bữa tối trong Lu-ca 10:38-41, Ngài đã đến sớm; nhưng lần này Chúa cố ý trì hoãn. Trải nghiệm thứ nhất có mùi thơm ngon của thức ăn, nhưng trong trải nghiệm thứ hai là mùi hôi của xác chết. Hoàn cảnh sẽ thay đổi. Chúng ta cảm thấy thoải mái với sự đơn điệu, tuy nhiên những trải nghiệm với Đức Chúa Giê-su đều khác nhau. Mặc dù vậy, “Đức Chúa Giê-su Christ hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi” (Hê. 13:8). Ma-thê có quan điểm thần học đúng đắn, rằng anh trai của bà sẽ được sống lại từ cõi chết trong ngày cuối cùng (Giăng 11:24), nhưng tại sao lại phải trì hoãn phước lành? Đức Chúa Giê-su *chính là* sự sống lại và sự sống (Giăng 11:25)! Sự hiện diện của Đức Chúa Giê-su chính là sự hiện diện của năng quyền và sự đắc thắng mọi kẻ thù, kể cả sự chết. Đức Chúa Giê-su đã khiến La-xa-rô sống lại từ cõi chết, và kết quả là rất nhiều bạn hữu của Ma-ri và Ma-thê đã đặt đức tin nơi Chúa (Giăng 11:45). Đây cũng chính là phép lạ cuối cùng và là một phép lạ vĩ đại mà Chúa thi hành trước công chúng.

Bởi vì Ma-ri ngồi nơi chân Đức Chúa Giê-su và lắng nghe Lời Ngài nên bà và chị gái có thể đến nơi chân Chúa và trao cho Ngài những gánh nặng (Giăng 11:32). Đối với những Cơ Đốc Nhân là người đến nơi chân Đức Chúa Giê-su và yên nghỉ nơi lời hứa của Chúa thì không gì là tuyệt vọng. Đức Chúa Giê-su có thể trì hoãn câu trả lời của Ngài, nhưng Ngài chậm trả lời không có nghĩa là Ngài từ chối. Hoàn cảnh có vẻ như vô vọng, nhưng Đức Chúa Giê-su Christ *chính là* niềm hy vọng của chúng ta (1 Ti-mô-thê 1:1)! Tất cả những gì Ma-thê và Ma-ri phải làm đó là yên nghỉ nơi lời hứa mà Đức Chúa Giê-su đã nhắn gửi qua người đưa tin và mọi việc đều sẽ yên ổn.

TÌNH YÊU THƯƠNG – DÂNG CHÚA ĐIỀU TỐT NHẤT (Giăng 12:1-8)

Mác 14:3, “Đức Chúa Giê-su ở tại làng Bê-tha-ni, trong nhà Si-môn là kẻ phung. Ngài đương ngồi bàn ăn, có một người đàn bà vào, đem một cái bình bằng ngọc, đựng đầy dầu cam tòng thật rất quý giá, đập bể ra mà đổ dầu thơm trên đầu Đức Chúa Giê-su” cho chúng ta biết sự kiện này xảy ra tại nhà Si-môn là kẻ phung, điều này dấy lên một số câu hỏi khó trả lời. Si-môn kẻ phung này là ai, và người này còn sống hay không? Chắc hẳn ông đã được chữa khỏi bệnh phung và ngôi nhà của ông đã được tẩy sạch nếu không thì những người Do Thái chính thống sẽ không bước vào ngôi nhà ấy. Có phải Đức Chúa Giê-su đã chữa lành cho người này không, và có phải đó là lý do vì sao ngôi nhà được đặt tên như thế không? Tại sao Ma-thê nấu ăn tại nhà người khác trong khi nhà của bà cách đó không xa? Có lẽ Ma-thê, Ma-ri và La-xa-rô đã mua lại ngôi nhà này sau khi Si-môn qua đời và tên của ngôi nhà thì vẫn được giữ nguyên. Vâng, chúng ta có thể đưa ra những phỏng đoán nhưng không thể dẫn đến kết luận nào, vậy hãy chấp nhận câu chuyện Kinh Thánh và nhận lấy bài học từ đó.

“Sáu ngày trước lễ Vượt Qua, Đức Chúa Giê-su đến thành Bê-tha-ni, nơi La-xa-rô ở, là người Ngài đã khiến sống lại từ kẻ chết. Người ta đãi tiệc Ngài tại đó, và Ma-thê hầu hạ; La-xa-rô là một người trong đám ngồi đồng bàn với Ngài. Bấy giờ, Ma-ri lấy một cân dầu cam tòng hương thật, rất quý giá, xức chân Đức Chúa Giê-su, và lấy tóc mình mà lau; cả nhà thơm nức mùi dầu đó. Nhưng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, là một môn đồ về sau phản Ngài, nói rằng: Sao không bán dầu thơm đó lấy ba trăm đơ-ni-ê dâng bố thí cho kẻ nghèo? - Người nói vậy, chẳng phải lo cho kẻ nghèo đâu, song vì người vốn là tay trộm cắp, và giữ túi bạc, trộm lấy của người ta để ở trong. - Đức Chúa Giê-su đáp rằng: Hãy để mặc người, người đã để dành dầu thơm này cho ngày chôn xác ta. Vì các người thường có kẻ nghèo ở với mình, còn ta, các người không có ta luôn luôn.” (Giăng 12:1-8)

Trong trải nghiệm đầu tiên, Ma-ri đã ngồi dưới chân Đức Chúa Giê-su và học từ Ngài, chính vì thế bà biết rằng Đức Chúa Giê-su sẽ chết, Ngài sẽ được chôn và sau đó sống lại. Bà quyết định xức dầu Chúa để chuẩn bị cho những sự kiện này. Những người phụ nữ khác có thể đến mộ Chúa từ sáng sớm để lo cho xác Ngài, nhưng họ sẽ chỉ tìm thấy ngôi mộ trống. Ma-ri biết rõ hơn những người phụ nữ khác nên bà không đi cùng họ. Để mua loại thuốc xức này cần phải tốn tiền công của một năm làm việc, nhưng tình yêu thương thì không tính toán đến cái giá phải trả. Ma-ri đã có thể sử dụng thuốc thơm quý giá để xức xác anh trai mình, nhưng bà đã giữ lại điều quý giá nhất cho Đức Chúa Giê-su.

Trong Lu-ca 10 chúng ta thấy có mùi thơm của thức ăn, trong Giăng 11 chúng ta thấy mùi hôi của sự chết, nhưng tại đây trong Giăng 12, chúng ta có hương thơm đầy vinh quang của dầu thơm quý giá tràn ngập căn phòng. Mỗi một gia đình đều có dầu thơm, phụ thuộc vào cách mà họ đối đãi với Đức Chúa Giê-su như thế nào. Khi thi hành chức vụ chăn bầy, tôi thường viếng thăm những gia đình mà tại đó tôi nhận thấy “có mùi không ổn” và không ngoài dự đoán, về sau những điều rác rưởi phải được dọn sạch. Nhưng tôi cũng đã đến nhiều gia đình mà tại đó hương thơm của Đức Chúa Giê-su lan tỏa (2 Cô. 2:14-17). Đó chính là điều chúng ta muốn cho căn nhà của mình.

Trong Lu-ca 10 chúng ta nghe Ma-thê chỉ trích Đức Chúa Giê-su và Ma-ri khi bà hối hả chuẩn bị bữa tối. Nhưng tại đây trong Giăng 12, Ma-thê đang phục vụ cho một đoàn khách rất đông nhưng không than phiền chút nào. Trải nghiệm của bà với người em gái trong Giăng 11 đã làm tăng lên tình yêu thương giữa họ với nhau và khiến cho tình yêu thương của họ với Đức Chúa Giê-su thêm sâu sắc. Ma-thê đã học được rằng bà phải đến nơi chân Đức Chúa Giê-su và để Ngài giúp đỡ. Người anh trai của bà đã sống lại và đó là phép lạ của Đức Chúa Giê-su!

Trong Lu-ca 10 Ma-thê chỉ trích Ma-ri, nhưng tại đây trong Giăng 12, chính Giu-đa và các môn đồ khác đã chỉ trích Ma-ri. Trong mọi mối thông công, thường có ít nhất một người giả mạo giống như Giu-đa, vì những lý do ích kỷ mà họ luôn công kích những người tận hiến. Tôi học được rằng những chỉ trích hiểm độc trong các Hội Thánh thường che đậy một điều gì đó và nếu bạn đủ kiên nhẫn chờ đợi thì sự thật sẽ được phơi bày. Đức Chúa Giê-su bảo vệ Ma-ri (Rô 8:33-34) và tuyên bố rằng những việc bà đã làm cho Chúa sẽ được lan truyền khắp thế giới (Mác 14:9). Chúng ta hãy xem phước hạnh lan tỏa như thế nào: trong Lu-ca 10, Ma-ri là một nguồn phước cho Đức Chúa Giê-su, trong Giăng 11 bà là nguồn phước cho anh trai của mình, còn giờ đây bà là nguồn phước cho cả thế giới.

Ma-ri công khai bày tỏ tình yêu thương đối với Đức Chúa Giê-su một cách thật rộng rãi. Những người giống như Giu-đa trong thế giới này sẽ chỉ trích những ai yêu mến Đấng Christ, những ai trao dâng những điều tốt nhất nơi chân Ngài, tuy nhiên những chỉ trích không nên là điều khiến chúng ta dừng lại. Ma-ri và Ma-thê đều hầu việc Đức Chúa Giê-su và dâng Chúa điều tốt nhất. Họ cũng sống hòa thuận cùng nhau và trở nên nguồn phước cho cả thế giới. Thế còn Giu-đa thì sao?

Chúng ta có đang bày tỏ sự mến khách đối với Đức Chúa Giê-su không? Chúng ta có đang lắng nghe Lời Chúa, chia sẻ gánh nặng cho Chúa và dâng Chúa điều tốt nhất? “Tôi cầu xin... Đấng Christ nhân đức tin mà ngự trong lòng anh em” (Êph. 3:17). Một bản dịch khác viết rằng: “Đấng Christ luôn ngự trị lòng anh chị em.” Chúa sẽ đẹp lòng đến dường nào nếu chúng ta yêu thương nhau, suy ngẫm Lời Chúa, hầu việc Chúa, chia sẻ gánh nặng cho Ngài và dâng Chúa điều tốt nhất?

Khi chúng ta thết đãi người khác, đặc biệt là những ai đang thiếu thốn thì chúng ta cũng thết đãi Chúa. Trong ngày phán xét, người công bình sẽ hỏi rằng: “Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy

Chúa đói, mà cho ăn; hoặc khát, mà cho uống?” Đức Chúa Giê-su sẽ đáp rằng: “Quả thật, ta nói cùng các ngươi, hễ các ngươi đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn mọn này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy” (Ma-thi-ơ. 25:37, 40). Khi chúng ta rộng lòng với những người thiếu thốn nghĩa là chúng ta đang rộng rãi với Chúa, và Ngài sẽ không quên những công việc đó.

Bài 59

GIÔ-SÉP GỌI LÀ BA-NA-BA

Ba-na-ba thật là người lành, đầy đầy Thánh Linh và đức tin.

Công vụ 11:24

Đằng sau những con người vĩ đại trong lịch sử là những cá nhân mà tôi gọi là “những người bản lẻ.” Họ là những người mở ra cánh cửa cho những người khác tiếp bước trên đường thành công. Đôi khi những người thành công này lại vượt trội hơn những người mà trước đó đã giúp đỡ họ, và đây chính là “những người bản lẻ” mà tôi muốn thấy. Tôi nghĩ thuật ngữ đúng đắn cho khái niệm này là từ *cổ vấn*. Giô-sép quê ở Chíp-rơ là một người như thế. Ông rất thành công trong mục vụ giúp đỡ người khác đến nỗi mọi người gọi ông là Ba-na-ba nghĩa là “con trai của sự yên ủi” (Công vụ 4:36; 11:23; 13:43).

Ba-na-ba được sinh ra trong một gia đình Do Thái tại Chíp-rơ và ông là một người Lê-vi. Ông có một người cô tên là Ma-ri, mẹ của Giăng Mác (Công vụ 12), vậy Mác chính là anh em họ của Ba-na-ba (Côl. 4:10). Chúng ta không được kể về trải nghiệm cái đạo của Ba-na-na, nhưng ông đã đến thành Giê-ru-sa-lem và góp phần cùng với Hội Thánh tại đó. Tôi cho rằng ông đã sống trong nhà của Ma-ri. Ở nơi đâu có những con người tốt lành được đầy đầy Đức Thánh Linh và đức tin thì ở đó Đức Chúa Trời hành động cách phi thường. Ba-na-ba có thể mở ra những con đường cho người khác bước qua bởi vì trước mặt Chúa, ông là một “người mở cửa”.

MỞ RỘNG VÒNG TAY (Công vụ 4:36-5:11)

Theo luật pháp Môi-se, các thầy tế lễ và người Lê-vi không được quyền sở hữu đất đai tại Palestine (Dân. 18:20; 26:62), chính vì vậy rất có thể mảnh đất mà Ba-na-ba đã bán là tại Chíp-rơ và ông đã đem theo số tiền kiếm được đến thành Giê-ru-sa-lem. Trong thời gian ấy, Hội Thánh Giê-ru-sa-lem đang diễn ra “cuộc phục hưng công tác quản trị” khi các tín hữu dâng hiến của cải cách rộng rãi để giúp đỡ người thiếu thốn, và Ba-na-ba đã dâng Chúa tất cả số tiền kiếm được từ việc bán đất.

Tuy nhiên khi Đức Thánh Linh hành động thì ma quỷ cũng bắt đầu tạo ra những con người giả dối, trong trường hợp này là A-na-nia và Sa-phê-ra. Việc bác sĩ Lu-ca đặt câu chuyện Ba-na-ba dâng của trước câu chuyện của đôi vợ chồng này thể hiện rằng cặp vợ chồng này nhìn thấy việc

Ba-na-ba đã làm và quyết định làm theo. Ba-na-ba có thể làm gì thì đôi vợ chồng này cũng có thể làm được nhiều hơn, hoặc chí ít là giả vờ như có thể làm được tốt hơn. Khi A-na-nia và Sa-phi-ra bán tài sản, họ đã có thể giữ lại toàn bộ số tiền hoặc cũng có thể dâng hiến bao nhiêu tùy ý, tuy nhiên họ khiến cho người khác nghĩ rằng họ đã dâng hiến toàn bộ số tiền giống như Ba-na-ba. Cả A-na-nia và Sa-phi-ra đều nói dối Đức Thánh Linh về phần dâng hiến của mình và cả hai đều chết vì tội lỗi họ.

Các tín hữu sớm nhận biết rằng Ba-na-ba là một người tốt lành vì đã góp tiền cứu tế cho những người nghèo theo như mệnh lệnh của Chúa (Công vụ 11:27-30). “Vì sẽ có kẻ nghèo trong xứ luôn luôn, nên Ta mới dặn biểu người mà rằng: Khá sè tay mình ra cho anh em bị âu lo và nghèo khó ở trong xứ người” (Phục. 15:11). “Ban cho thì có phước hơn là nhận lãnh” (Công 20:35).

MỞ CÁC CÁNH CỬA (Công vụ 9:26-30; 11:19-26)

Lần đầu Sau-lơ muốn trình diện các sứ đồ và các lãnh đạo Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem, họ đã đóng cánh cửa đối với ông. Họ nghi ngờ về sự cải đạo của ông và e sợ rằng đây là một âm mưu để vây bắt các tín đồ. Từ ngữ được dùng trong Công vụ 9:26 nói rằng “Sau-lơ nhiều lần cố gắng hiệp với các môn đồ,” điều này có nghĩa ông đã nhiều lần bị khước từ, bị từ chối, nhưng ông vẫn cố gắng gặp gỡ các môn đồ. Điều này thật lạ lẫm đối với chúng ta bởi vì Hội Thánh ngày nay rất kính trọng Sau-lơ, tuy nhiên nếu chúng ta có mặt trong thời điểm đó có lẽ chúng ta cũng sẽ hành xử giống như vậy. Dù gì đi nữa ở đầu chương 9, chính Sau-lơ trước khi cải đạo đã “ngắm đe và chém giết môn đồ của Chúa,” chính vì vậy lựa chọn an toàn hơn hết đó là đóng và khóa chặt cửa đối với Sau-lơ. Thậm chí các môn đồ đã làm điều ấy đối với Đức Chúa Giê-su sau khi Ngài phục sinh, nhưng Ngài đã có thể bước vào căn phòng (Giăng 20:19-22).

Ba-na-ba đã thực hiện chính sách “mở cửa” đối với vấn đề thông công giữa các anh em. Thái độ của các sứ đồ khác là “Chúng tôi sẽ giữ khoảng cách cho đến khi bạn chứng minh bạn vô hại,” nhưng Ba-na-ba nói rằng: “Không, hãy tiếp nhận anh ấy cho đến khi Chúa bày tỏ cho chúng ta biết điều ngược lại.” Ba-na-ba đã đưa Sau-lơ (nghĩa đen của động từ này là “đắt tay Sau-lơ”) đến với các sứ đồ và giải thích những công việc mà Chúa đã làm trên Sau-lơ. Ba-na-ba chính là một “người bản lề,” một người mở ra cánh cửa cho Sau-lơ tại thành Giê-ru-sa-lem.

Nhưng phước hạnh vẫn chưa dừng lại tại đó. Bởi ân điển Chúa, Ngài đã ban phúc âm đến với người ngoại quốc tại thành An-ti-ốt, chính vì thế các sứ đồ đã sai Ba-na-ba đi xác thực “cánh cửa mở” mới mẻ này (Công vụ 11:19-24). Lý do chính đó là Hội Thánh An-ti-ốt được thành lập nhờ vào các tín hữu bình thường chứ không bởi các sứ đồ, và đại đa số tín hữu tại đây là người ngoại quốc. Tuy nhiên Ba-na-ba nhìn thấy ân điển Chúa trong những việc đang diễn ra và ông hết lòng tham gia vào mục vụ này. Câu chuyện vẫn tiếp tục. Chúa nhắc Ba-na-ba nhớ rằng sự kêu gọi chính của Sau-lơ là dành cho dân ngoại (Công vụ 9:15), vậy ông đi đến thành Tạt-sơ cùng chiêu mộ Sau-lơ vào công tác tại An-ti-ốt (Công vụ 9:29-30; 11:25-26). Giống như một cái bản lề, Ba-na-ba luôn “tra dầu” và khích lệ Sau-lơ trong chức vụ. Những năm sau đó, Sau-lơ đã học cách cầu nguyện xin Chúa mở ra những cánh cửa mới (Côl. 4:3).

MỞ TAI VÀ MẮT (Công vụ 13:1-14:28)

Sau một năm thi hành chức vụ tại An-ti-ốt, Ba-na-ba và Sau-lơ tiếp nhận thách thức mới. Khi đang thờ phượng cùng với các tín hữu, họ được Chúa kêu gọi rời An-ti-ốt để đem phúc âm đến các quốc gia khác. Trong số các ứng cử viên, Đức Chúa Trời đã lựa chọn Ba-na-ba và Sau-lơ, và không lâu sau đó Sau-lơ được đổi tên thành Phao-lô. Đức Chúa Giê-su dạy rằng: “Hãy nhướng mắt lên và xem đồng ruộng, đã vàng sẵn cho mùa gặt” (Giăng 4:35). Ba-na-ba và Sau-lơ đã mở tai để nghe sự kêu gọi của Chúa và mở mắt để nhìn thấy sự thách thức. Giống như tiên tri Ê-sai, Ba-na-ba và Phao-lô được Chúa kêu gọi cách đặc biệt khi họ đang thờ phượng Chúa (Ê-sai 6). Họ đã nghe sự kêu gọi của Chúa và vâng lời.

Phúc âm đã bắt đầu từ Giê-ru-sa-lem, rồi lan đến xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, và giờ đây phúc âm đang đi đến những nơi tận cùng của trái đất (Công vụ 1:8). Hội Thánh đã bổ nhiệm Ba-na-ba và Sau-lơ, và chắc chắn Hội Thánh cũng đã trích cho họ một số tiền để hỗ trợ việc đi lại, mặc dù 1 Cô-rinh-tô 9:6 cho chúng ta biết rằng cả Ba-na-ba và Sau-lơ đều phải làm việc để có bánh ăn. Trong thời xưa việc di chuyển không hề dễ dàng, nhưng họ đã ra đi trong đức tin, biết rằng có Chúa cùng đi với họ.

Ba-na-ba đem người anh em họ của ông là Giăng Mác cùng đi trong hành trình này. Lẽ ra Mác phải là người giúp đỡ Ba-na-ba và Sau-lơ để họ tập trung hơn vào mục vụ của mình, nhưng tiếc thay ông đã rời họ và quay trở về Giê-ru-sa-lem (Công vụ 13:13). Tại sao Mác rời khỏi đoàn truyền giáo? Một số người nghĩ rằng chỉ vì ông rất nhớ quê nhà, trong khi những người khác thì nghĩ rằng ông không muốn nhìn thấy Phao-lô (tên mới của Sau-lơ, Công vụ 13:9) đứng vào vị trí lãnh đạo cho công cuộc truyền giáo. Từ vị trí ban đầu là “Ba-na-ba và Sau-lơ” rồi trở thành “Phao-lô với đồng bạn mình” và cuối cùng là “Phao-lô và Ba-na-ba” (Công vụ 13:13, 42-43, 46). Giăng Mác cảm thấy dễ chịu hơn khi Ba-na-ba đứng ở vị trí lãnh đạo, mặc dù Ba-na-ba không cảm thấy phiền lòng với sự thay đổi này. Nhưng có lẽ Giăng Mác không quen với việc Phao-lô nhấn mạnh đến ân điển của Đức Chúa Trời và về việc Phao-lô không bắt chước các tín hữu người ngoại quốc phải tuân theo luật pháp Do Thái. Và lý do sau hết, Phi-e-rơ chính là “người cha thuộc linh” của Giăng Mác, và thậm chí Phi-e-rơ và Ba-na-ba cũng đã thỏa hiệp mà sa vào việc tuân thủ luật Do Thái một cách tuyệt đối (Gal. 2:11-14).

Cuộc truyền giáo lần thứ nhất đem lại thành công vĩ đại, và khi trở về Hội Thánh An-ti-ốt, Phao-lô và Ba-na-ba thuật lại mọi việc làm vinh hiển danh Chúa là Đấng “mở cửa đức tin cho người ngoại” (Công. 14:27). Khi chúng ta mở mắt và tai thì chúng ta sẽ nhìn thấy những cánh cổng mở và nghe thấy Chúa phán điều chúng ta cần phải làm.

MỞ RA NHỮNG LỜI CHÚNG (Công vụ 15:1-35)

Phao-lô và Ba-na-ba vẫn ở tại An-ti-ốt giảng dạy Lời Chúa và tận dụng các cánh cổng mở ra mà Chúa đã ban cho họ. Tuy nhiên kẻ thù cũng có kế hoạch: nó sai những người tuân thủ luật pháp một cách tuyệt đối từ thành Giê-ru-sa-lem đến An-ti-ốt để tìm cách đóng cánh cửa cho người ngoại quốc. Những người giảng đạo tự do này dạy rằng người ngoại quốc phải trở nên giống như

người Do Thái mới được làm Cơ Đốc Nhân, chính vì thế Phao-lô và Ba-na-ba đã “cãi lẽ dữ dội” với họ về vấn đề này (Công vụ 15:1-3, 24). Lễ thật phúc âm bị đe dọa, và điều đó cũng kéo theo con cái của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ sẽ bị mất tự do (xem Gal. 1-2). Hội Thánh tại An-ti-ốt sai Phao-lô, Ba-na-ba và một số tín hữu khác đến Giê-ru-sa-lem để bàn về vấn đề này với các sứ đồ.

Điều thú vị về hội nghị này đó là đây không phải là một “hội đồng giáo hội” chính thức giống như của một hệ phái, nhưng tại đây mọi người tham dự đều được tự do phát biểu những quan điểm khác nhau, cuối cùng các lãnh đạo sẽ tóm lại vấn đề và dưới sự soi dẫn của Đức Thánh Linh, họ đưa ra thông cáo chung. Bởi vì Phi-e-rơ là sứ đồ đầu tiên cho người ngoại quốc (Công vụ 10) nên ông ủng hộ phúc âm ân điển của Đức Chúa Trời, kể đến Ba-na-ba và Phao-lô làm chứng về những công việc Chúa tại An-ti-ốt và hành trình truyền giáo đầu tiên của họ (Công vụ 15:12). Họ mở những lời chứng để tất cả mọi người đều thấy, bởi vì họ không có gì để giấu. Lương tâm của họ trong sạch trước mặt Chúa và trước mặt con người. Những người ngoại quốc nhận được sự cứu rỗi mà không cần phải trở nên giống như người Do Thái, và họ cũng không làm thế sau khi tiếp nhận Chúa!

Một vấn đề trong Hội Thánh ngày nay đó là dân sự của Chúa bị “chứng quên lịch sử” nên họ không còn nhớ những công việc Chúa trong quá khứ. Họ quá say mê tìm kiếm những phương cách mới mẻ và thú vị để sống cho Đấng Christ và hầu việc Ngài nhưng lại quay lưng với những nguyên tắc, những phương pháp rõ ràng và đơn giản đã được thực hiện từ thời các sứ đồ. Vâng, chúng ta phải tận dụng những phương tiện đi lại, những phương tiện truyền thông hiện đại, nhưng chúng ta cũng không được thay thế phúc âm ân điển của Đức Chúa Trời hoặc lơ là sự cầu nguyện và công tác giảng dạy Lời Chúa (Công vụ 6:4; Ga-la-ti 1:6-12). Tất cả những mẹo vặt, những câu khẩu hiệu thông minh và những cuộc truyền bá tài tình không bao giờ có thể thay thế vị trí của Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

Hội đồng lắng nghe lời chứng của Phi-e-rơ, Phao-lô và Ba-na-ba, sau đó họ lắng nghe lời cố vấn của Chúa qua phần phát biểu của Gia-cơ. Ông tổng kết lại những công việc của Đức Thánh Linh và dùng Lời Chúa để chứng minh (A-mốt 9:11-12), và rồi kết lại một số điều thực tiễn để các Hội Thánh suy nghĩ và áp dụng. Hội đồng đồng thuận và tổng kết lại trong một bức thư gửi đến Hội Thánh An-ti-ốt, Si-ri-a và Si-li-si. “Ấy là Đức Thánh Linh và chúng ta đã đồng ý rằng...” (Công vụ. 15:28). Bức thư được Phao-lô và Ba-na-ba đem đến An-ti-ốt. Họ tiếp tục ở đó để dạy dỗ Lời Chúa và bảo vệ lễ thật phúc âm. Chắc chắn tình bạn của họ càng thêm sâu sắc sau chuyến đi Giê-ru-sa-lem, nhưng tình bạn ấy sẽ sớm bị thử thách một lần nữa.

MỞ NHỮNG TÁM LÒNG (Công vụ 15:36-41)

Tình bạn của Phao-lô và Ba-na-ba bị thử thách ngay khi họ chuẩn bị đến thăm các Hội Thánh mà họ đã thành lập. Họ không chỉ cần phải làm cho những người tuân thủ luật pháp một cách tuyệt đối (những người Do Thái hóa) vì muốn trói buộc những người ngoại quốc bằng luật pháp Môi-

se phải im lặng, nhưng Phao-lô và Ba-na-ba cũng cần phải khích lệ các tân tín hữu để họ tăng trưởng trong Chúa và tiếp tục làm chứng cho người chưa tin.

Ba-na-ba đề nghị đưa Giăng Mác cùng đi là hoàn toàn hợp lý. Những vấn đề mà Mác gặp phải với Phao-lô về sự nhấn mạnh vào ân điển thì chắc chắn đã được giải quyết tại hội nghị Giê-ru-sa-lem, và hiển nhiên giờ đây Phao-lô là thủ lĩnh của đoàn truyền giáo này. Các cuộc hội nghị đã cho thấy Phi-e-rơ, Phao-lô và Ba-na-ba đều hiệp ý với nhau, còn Giăng Mác thì cần thêm cơ hội để chứng minh điều đó. Tuy nhiên Phao-lô không đồng ý với Ba-na-ba vì nghĩ rằng Giăng Mác không đáng tin cậy và không thể thích nghi với sự khắc nghiệt của cuộc hành trình.

Trước đó họ đã có cuộc “cãi lẽ dữ dội” với những người chủ trương người ngoại phải làm phép cắt bì theo luật Môi-se (Công vụ 15:2), nhưng giờ đây Phao-lô và Ba-na-ba cãi lẫn nhau dữ dội (Công vụ 15:39). Phao-lô và Ba-na-ba có thể đồng ý với nhau về các vấn đề giáo lý và giúp đem lại sự bình an cho các Hội Thánh, nhưng họ không thể giải quyết bất đồng cá nhân về vấn đề quản lý đội nhóm. Kinh Thánh và lịch sử Hội Thánh đều ghi lại những cuộc tranh cãi đáng buồn của những con người tin kính đến nỗi dường như họ không thể hòa hợp cùng nhau, và điều đó nhắc chúng ta nhớ rằng “những con người tốt nhất cũng chỉ là con người khi họ thể hiện những mặt tốt nhất của họ.”

Có lẽ trọng tâm của vấn đề đó là vấn đề của tấm lòng và cả hai đều có khiếm khuyết. Câu hỏi của Phao-lô đó là: “Giăng Mác có thể làm được gì cho mục vụ?” nhưng Ba-na-ba lại hỏi: “Mục vụ có thể giúp ích gì cho Giăng Mác?” Hiển nhiên Chúa đều quan tâm đến người làm công lẫn công tác thực hiện, bởi vì Ngài muốn chúng ta đều trở nên giống như Đức Chúa Giê-su Christ. Ngài đã dành mười ba năm để tôi luyện Giô-sép tại Ai Cập và tám mươi năm để dạy dỗ Môi-se tại Ai Cập và Ma-di-an. Thậm chí Phao-lô đã được Chúa tôi luyện cách đặc biệt tại bán đảo A-rập.

Cả hai người đều rất cứng rắn, vậy giải pháp cuối cùng đó là phân rẽ nhau. Phao-lô chọn Si-la là người phụ tá, còn Ba-na-ba đem người anh em họ là Mác quay trở về nhà tại đảo Chíp-rơ. Bởi vì sách Công vụ các sứ đồ do bác sĩ Lu-ca ghi lại câu chuyện của Phao-lô nên ông không theo dõi Mác và Ba-na-ba, tuy nhiên gần cuối cuộc đời chính Phao-lô cho chúng ta biết rằng ông, Ba-na-ba và Giăng Mác đã thuận hòa cùng nhau. Khi viết thư cho Hội Thánh Cô-lô-se, Phao-lô gửi lời chào thăm của Mác và nói rằng ông định sai Mác đến Cô-lô-se để giúp các tín hữu giải quyết vấn đề của họ. Bởi vì Phao-lô đang ở trong tù nên không thể đến đó được. Trong thư tín thứ hai gửi cho Ti-mô-thê, Phao-lô bảo Ti-mô-thê rằng: “Hãy đem Mác đến với con, vì người thật có ích cho ta về sự hầu việc lăm” (2 Ti. 4:11).

Tôi được đặc ân giảng dạy về công tác giảng đạo và chăn bầy ở một số trường Kinh Thánh. Tôi thường băn khoăn về việc điều gì sẽ xảy đến cho những sinh viên bị loại khỏi trường hoặc rời bỏ trường bởi vì có người nói với họ rằng họ không được kêu gọi để bước vào mục vụ. Trong những chuyến đi của tôi, đôi khi tôi gặp một số cựu sinh viên và nhận thấy Chúa đang sử dụng họ theo những cách thật phi thường. Giống như Giăng Mác, họ có một người cố vấn, ra đi bởi đức tin và rồi gặt hái thành công. Chúng ta không nên từ bỏ ai hết. Đức Chúa Trời đã ban cơ hội

thứ hai cho Môi-se, Đa-vít, Giô-na và Phi-e-rơ, và chính Chúa là tấm gương để chúng ta noi theo.

Phá đồ thì dễ nhưng để xây dựng thì cần phải có đức tin và sự kiên nhẫn. Ba-na-ba là một người tốt lành, đầy đầy Đức Thánh Linh và đức tin, và ông là “con trai của sự yên ủi.”

Bài 60

Ê-TIÊN

Khá giữ trung tín cho đến chết, rồi ta sẽ ban cho người mả triều thiên của sự sống.

Khải huyền 2:10

Tên “Ê-tiên” bắt nguồn từ chữ *stephanos* trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là “vương miện chiến thắng,” đó là chiếc vương miện mà vận động viên thắng cuộc nhận được trong đại hội thể thao Olympics Hy Lạp. Ê-tiên đã sống đúng như tên gọi của mình, ông đã giành được chiếc vương miện khi là người đầu tiên từ đạo của Hội Thánh Cơ Đốc. Chúa hứa sẽ ban phước cho tất cả con cái của Ngài là những ai trung tín với Chúa. Ê-tiên được ban một chiếc vương miện trên thiên đàng, nhưng ông cũng nhận được một chiếc mả miện trên đất. Bằng cách nào? Bằng việc trung tín sử dụng ân tứ và cơ hội của mình đến nỗi Chúa “thăng chức” cho ông để thực hiện những mục vụ mới. Chúng ta biết về Ê-tiên chỉ qua hai chương trong sách Công vụ các sứ đồ, nhưng ông thật sự là một sự khích lệ lớn lao với tất cả các tôi tớ Chúa! Ê-tiên là một người tin kính, và tính cách đó đã được thể hiện qua đời sống và mục vụ của ông.

SỰ KHIÊM NHƯỜNG – ĐẦY TỎ (Công vụ 6:1-7)

Sự hiệp một rất quan trọng đối với Hội Thánh, bởi vì không có sự hiệp một, chúng ta rất khó có thể làm chứng cho thế giới hư mất (Giăng 17:20-23). Làm thế nào người ngoài có thể tin vào Đức Chúa Trời của tình yêu nếu dân sự của Ngài không yêu thương lẫn nhau? Tại Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, mối đe dọa đầu tiên với sự hiệp một không phải là về vấn đề tín lý nhưng là vấn đề thực tiễn liên quan đến sự lãnh đạo và quản trị. Các sứ đồ đã quá bận rộn với nhiều mục vụ khác nhau đến nỗi đôi khi họ lơ là một số quá phụ là những người sống phụ thuộc vào sự chu cấp của Hội Thánh. Họ là những người Do Thái từ các khu vực khác nhau thuộc đế quốc Hy Lạp đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ của người Do Thái. Họ đã cải đạo và vẫn nán lại tại đây để học biết nhiều hơn về Đấng Christ. Những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp này đã bị lơ là trong khi những người Do Thái nói tiếng Hê-bơ-rơ thì có thức ăn, chính vì thế mà xảy ra chia rẽ và chỉ trích. Trong hầu hết các Hội Thánh, nếu có người cảm thấy bị phớt lờ và bỏ rơi thì sẽ có vấn đề xảy ra. Hội Thánh sẽ dễ lâm vào tình trạng mâu thuẫn chủng tộc hoặc văn hóa.

Một bài giảng về sự hiệp một hoặc để những người này trở về nhà không phải là giải pháp. Giải pháp đơn giản đó là giám sát trách nhiệm phục vụ bàn ăn cho các sứ đồ và bổ nhiệm những

người khác để lo việc cung cấp thức ăn. Nhiều sinh viên thần học gọi bảy người này là “chấp sự,” bởi vì từ *chấp sự* đơn giản có nghĩa là “người phục vụ.” Tên Ê-tiên được nhắc đến đầu tiên, và ông cũng là người đầu tiên từ đạo trong lịch sử Hội Thánh. Ê-tiên là một người rất có ân tứ - thậm chí ông đã làm những phép lạ - song ông vui lòng phục vụ tại bàn ăn. Sự khiêm nhường và trung tín đã giúp xây dựng tính cách và chuẩn bị Ê-tiên cho những điều lớn lao khác.

Những người lãnh đạo của Chúa luôn luôn xuất phát từ những người đầy tớ của Đức Chúa Trời, họ tăng trưởng đến vị trí lãnh đạo mà Chúa chuẩn bị cho họ. Điều này đúng với Giô-sép, Mô-i-se, Giô-suê, Sa-mu-ên, Đa-vít, Nê-hê-mi và rất nhiều người cùng đồng công với Phao-lô. Trung tín trong những việc nhỏ sẽ mở ra cơ hội cho những công việc khác lớn lao hơn (Ma-thi-ơ. 25:21). Khiêm nhường không phải là suy nghĩ mình thấp kém (“Tôi không đáng giá là bao!”) nhưng là không suy nghĩ cho mình. Ê-tiên nghĩ cho người khác và suy nghĩ về việc duy trì sự hiệp một của Hội Thánh.

CAN ĐÀM – NGƯỜI BẢO VỆ (Công vụ 6:8-15)

Rất nhiều Hội Thánh tuyên bố rằng mục sư là người chịu trách nhiệm “lĩnh vụ” và các chấp sự lo vấn đề “tài chính và vật chất.” Khái niệm này không phù hợp với Kinh Thánh và rất khó để tách bạch hai vấn đề này. Những “công việc vật chất” cần được sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh không kém gì việc lập kế hoạch cho buổi nhóm cầu nguyện hoặc một chuyến đi truyền giáo. Khi Ê-tiên làm xong công việc phục vụ bàn ăn mỗi ngày, ông thường đến Nhà hội của những nô lệ được giải phóng, nơi ông biết sẽ có những người có thể bàn luận về Kinh Thánh. Ê-tiên không thay đổi từ thuộc linh đến vật chất; ông chỉ thay đổi về vấn đề con người và địa điểm. Thật phần khởi khi các chấp sự trong Hội Thánh cũng có thể giảng dạy Lời Chúa, bởi vì cả Ê-tiên lẫn Phi-líp đều trở thành những người giảng đạo (Công vụ 6:5; 8:4-40). Ê-tiên dùng Cự Uớc để chứng minh Đức Chúa Giê-su người Na-xa-rét là Đấng Mê-si, Con Đức Chúa Trời, và người nghe không thể bác bỏ ông được. Thánh Linh của Đức Chúa Trời sử dụng Lời Chúa để những người lắng nghe Ê-tiên hoặc sẽ tiếp nhận những lời ông rao giảng, hoặc khiến ông phải im lặng, và họ đã chọn khiến ông im lặng. Họ đã đối đãi với Ê-tiên đúng như cách họ đã đối đãi với Đức Chúa Giê-su, làm chứng dối và vu cáo (Ma-thi-ơ. 26:59-66; Công vụ 6:11-14). Thật là một phước hạnh cho các tôi tớ của Đức Chúa Trời khi họ được đối đãi như cách Đức Chúa Giê-su đã được đối đãi và cùng thông công trong sự thương khó với Ngài (Phil. 3:10)!

Đức Chúa Giê-su phán rằng sẽ có đền thờ mới (Giăng 2:19) và sự thờ phượng sẽ không bị giới hạn tại Giê-ru-sa-lem (Giăng 4:20-24). Ngài cũng hủy bỏ luật ăn uống của người Do Thái cũng như việc tuân thủ ngày Sa-bát một cách thật nghiêm khắc của người Pha-ri-si. Đức Chúa Giê-su đã đến để làm trọn những biểu tượng trong Cự Uớc, không phải để duy trì chúng; tuy nhiên nhiều người Do Thái không dễ bỏ đi những truyền thống ấy. Ê-tiên không “tranh cãi về tôn giáo.” Ông mở Kinh Thánh và giải thích Kinh Thánh nói gì về Đức Chúa Giê-su và công tác cứu chuộc của Ngài trên thập giá. Những người nghe ông trở nên cứng lòng và chống lại lẽ thật được trình bày, họ bắt Ê-tiên và đưa ra tòa án trước các lãnh đạo của Do Thái giáo.

Có lẽ trở ngại lớn nhất đối với công tác truyền giáo ngày nay không phải là sự giận dữ và chống đối nhưng là sự phớt lờ, lãnh đạm và không quan tâm. Kinh Thánh trở nên không quan trọng đối với hầu hết mọi người, và thật sai lầm nếu tranh cãi về tôn giáo hoặc công bố rằng một niềm tin nào đó là chân thật. Nếu Ê-tiên vẫn còn sống và chứng kiến xã hội ngày nay, ông cũng sẽ không hành xử khác đi. Được đầy đầy Đức Thánh Linh và tình yêu thương Chúa ban, Ê-tiên sẽ kiên nhẫn trình bày về Đức Chúa Giê-su và dùng Kinh Thánh để chứng minh. Phúc âm sẽ luôn là “quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin” (Rô. 1:16).

Mục sư Giám lý người Mỹ Clovis Chappell đã viết rằng:

Thế gian không thể đứng vững với Hội Thánh! Họ sẽ không thể phớt lờ các thánh đồ! Hoặc một mục vụ khiến chia rẽ các thánh giá, cộng đồng, thành phố và lục địa thành những người hoặc ra đi cho Đấng Christ hoặc chống lại Ngài... Nhưng tai họa thảm khốc nhất đó là Hội Thánh, các thánh đồ và mục vụ trở nên quá suy yếu, bất lực và thiếu sinh khí đến nỗi thế gian cảm thấy chẳng đáng để chống lại.

SỰ KHÔN NGOAN – NGƯỜI THÔNG GIẢI (Công vụ 7:1-53)

Ê-tiên thông hiểu Kinh Thánh. Ông không chỉ biết về con người và sự kiện trong lịch sử Do Thái nhưng cũng biết về kế hoạch của Đức Chúa Trời dành cho tuyển dân của Ngài. Ê-tiên có cả thông tin lẫn sự thông hiểu về Kinh Thánh. Giống như Môi-se, Ê-tiên biết công việc và đường lối Chúa (Thi. 103:7), và đây chính là lý do vì sao ông có thể diễn giải và áp dụng lịch sử Do Thái một cách đầy năng quyền như thế.

Món quà vĩ đại mà Đức Chúa Trời ban cho người Y-sơ-ra-ên chính là sự hiện diện đầy vinh quang của Ngài ở giữa họ (Xuất. 40:34-38; 1 Các. 8:1-11; Rô. 9:1-5), chính vì thế Ê-tiên đã bắt đầu thông điệp của mình với “sự vinh quang của Đức Chúa Trời.” Áp-ra-ham là một người thờ lạy hình tượng, nhưng khi Đức Chúa Trời kêu gọi ông, sự vinh quang của Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật đã biến những hình tượng tại xứ U-xơ ra vô nghĩa. Người Do Thái trong thời Ê-tiên đã biến các truyền thống của họ thành một loại hình tượng nên không còn nhìn thấy vinh quang của Đức Chúa Trời. Ê-tiên trình bày rõ ràng rằng từ rất sớm trong lịch sử Do Thái, thậm chí từ khi họ ở trong đất Ai Cập và sau đó là thời gian lưu đày trong sa mạc, người Y-sơ-ra-ên đã thờ lạy hình tượng. Đây là điều không thể chối cãi được.

Phần chính trong sứ điệp của Ê-tiên đó là: Khi Đức Chúa Trời sai những người đến để giải cứu Y-sơ-ra-ên thì trước tiên tuyển dân chối bỏ rồi sau mới chấp nhận. Các con trai Gia-cốp đã chối bỏ Giô-sép và bán ông sang Ai Cập. Lần đầu tiên đến Ai Cập, các anh trai đã không nhận ra Giô-sép, nhưng lần thứ hai, Giô-sép đã bày tỏ chính mình cho họ (Công vụ 7:13). Dân Y-sơ-ra-ên đã chối bỏ Môi-se khi lần đầu tiên ông cố gắng giải cứu họ khỏi Ai Cập, nhưng bốn mươi năm sau Môi-se trở lại lần thứ hai thì họ mới chấp nhận ông (Công vụ 7:35-36). Giờ đây Đức Chúa Trời ban Con Ngài là Đức Chúa Giê-su như lời Môi-se đã hứa (Công vụ 7:37-38), và dân tộc này đã chối bỏ Ngài. Việc Ê-tiên và lời chứng của Hội Thánh bị chống đối chứng tỏ sự mù lòa thuộc

linh và tấm lòng cứng cỏi của tuyền dân (Công vụ 7:51-53). Ê-tiên không chỉ là một chứng nhân nhưng ông cũng là một người khởi tố và là một quan án! Dân tộc này phạm tội!

ÂN ĐIỀN – NGƯỜI CẦU THAY (Công vụ 7:54-60)

Thế thì tại sao Đức Chúa Trời không hình phạt dân sự phản nghịch của Ngài ngay? Bởi vì trên thập giá Đức Chúa Giê-su đã cầu nguyện rằng: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (Lu. 23:34). Đức Chúa Trời trì hoãn hình phạt dành cho họ. Ê-tiên cũng cầu nguyện giống như Chúa, và câu trả lời của Chúa thật giàu ân điển! Khi Đức Chúa Giê-su trở lại lần thứ hai, đất nước này sẽ ăn năn tiếp nhận Ngài (Xa. 12:10-14:21).

Trước khi Ê-tiên nói lên lời biện hộ, những kẻ tố cáo nhìn thấy mặt ông phát ra sự vinh quang của Đức Chúa Trời, là sự vinh quang mà Áp-ra-ham, Mô-i-se và Sa-lô-môn đã nhìn thấy trong thời của họ (Công vụ 6:15). Sau khi nói lời biện hộ, Ê-tiên nhìn lên và thấy Đức Chúa Giê-su trên thiên đàng vinh hiển, Ngài đứng đó chào đón đầy tớ trung tín của Ngài. “Phước cho những kẻ có lòng trong sạch, vì sẽ thấy Đức Chúa Trời” (Ma-thi-ơ. 5:8). Đức Chúa Trời đầy ân điển đang chào đón đầy tớ của Ngài bước vào sự vinh quang vĩnh cửu (1 Phi. 5:10).

Ê-tiên còn có quá nhiều điều để sống và thực hiện, và chúng ta tự hỏi tại sao Đức Chúa Trời cho phép ông bị giết. Tuy nhiên lời cầu nguyện và lời chứng qua sự chết của Ê-tiên còn làm được nhiều hơn đời sống của nhiều người. Đối với Ê-tiên, sự chết giống như một buổi lễ dâng quang, tại đó ông nhận được mào triều thiên của mình. Ê-tiên đã thể hiện tình yêu của Đấng Christ dành cho những người đã tố cáo và giết hại ông, và chắc hẳn điều này đã tác động sâu sắc đến Sau-lơ là người bắt bớ Hội Thánh đang đứng tại đó. Nhiều năm sau, Sau-lơ đã đề cập đến sự chết của Ê-tiên cho Chúa (Công vụ 22:20). Đây chính là một điều mà Đức Chúa Trời đã dùng để làm dẫn vật và khiến Sau-lơ nhận thấy ông cần một Đấng Cứu Rỗi (Công vụ 26:14).

Sự chết của Ê-tiên ích lợi gì cho Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem? Sự chết của ông càng khiến bắt bớ tăng cao đến nỗi các thánh bị tan lạc giống như hạt giống, và bất kỳ nơi nào họ đến đều kết quả. (Xem Công vụ 8:1-4; 11:19-21.) Giống như khi dân Y-sơ-ra-ên tại Ai Cập, Hội Thánh càng chịu bắt bớ thì họ càng nhân lên.

Sự chết của Ê-tiên có ý nghĩa gì với Y-sơ-ra-ên? Đây là cuộc hành quyết nổi bật thứ ba trong Tân Ước, điều đó có nghĩa sự nhẫn nại của Đức Chúa Trời sẽ sớm chấm dứt. Tội lỗi của dân tộc ngày một tăng cao. Y-sơ-ra-ên đã *cho phép* Giảng Báp-tít bị giết, họ *yêu cầu* xử tử Đức Chúa Giê-su, và giờ đây *chính họ đã giết Ê-tiên*. Họ đã phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh (Công vụ 7:51). Họ phản nghịch cùng ba ngôi Đức Chúa Trời, và không còn điều gì có thể thay đổi họ.

Khi Mục sư nổi tiếng tại Anh Joseph Parker còn trẻ, ông thường đi đến công viên thành phố để lắng nghe những người vô thần và những người theo thuyết bất khả tri diễn thuyết và tranh luận với họ. Một ngày nọ một người đã hét lớn vào ông rằng: “Đấng Christ đã làm gì cho Ê-tiên khi

ông bị ném đá?” Parker đáp lại khiến người ấy phải im lặng: “Đấng Christ đã ban cho Ê-tiên ân điển để cầu nguyện cho những kẻ đã ném đá ông.”

Thật một sự khởi đầu mới khi bước vào thiên đàng!

Bài 61

SỨ ĐỒ PHAO LÔ

Tôi nay là người thể nào là nhờ ơn Đức Chúa Trời.

1 Cô-rinh-tô 15:10

Thật khó để nói về đề tài ân điển của Đức Chúa Trời và sứ đồ Phao-lô trong cùng một bài luận, việc này giống như leo lên hai ngọn núi trong cùng một lúc vậy. Tuy nhiên cũng thật ngu ngốc khi cố viết về Phao-lô nhưng lại không đề cập đến ân điển của Chúa bởi vì cách duy nhất để hiểu về Phao-lô đó là thông qua ân điển của Chúa được bày tỏ trong Đức Chúa Giê-su Christ.

Sau-lơ người thành Tạt-sơ cảm thấy khá thỏa mãn với công việc tôn giáo mà ông tự cho là đúng đắn cho đến lúc trên đường đi đến Đa-mách, ông đã có hai phát hiện làm thay đổi cuộc đời: Đức Chúa Giê-su Christ đã sống lại nhưng Sau-lơ người thành Tạt-sơ thì chết trong tội lỗi và hoàn toàn thất bại. Đến lúc ấy Phao-lô mới tin vào Đức Chúa Giê-su, đầu phục Ngài là Chúa và trải nghiệm ân điển của Đức Chúa Trời một cách cá nhân. Kể từ khi ấy, chính ân điển của Đức Chúa Trời đã giúp Phao-lô trở nên một môn đồ và thực hiện chức vụ của mình, và chính ông đã không hổ thẹn mà công bố điều ấy. Phao-lô tôn vinh ân điển Chúa. Phao-lô đề cập đến ân điển ít nhất một trăm lần trong mười thư tín của ông, và ân điển trở thành lời chào thăm cũng như lời chúc phước trong tất cả các thư tín ấy.

Phao-lô không chỉ được cứu bởi ân điển (Êph. 2:8-9) nhưng ông cũng *sống* bởi ân điển. Đối với ông, đời sống Cơ Đốc từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc đều là ân điển. Ông làm chứng rằng: “tôi sống, không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi” (Gal. 2:20) và “nào phải tôi, bèn là ơn Đức Chúa Trời đã ở cùng tôi” (1 Cô-r. 15:10). Vốn là một học trò Do Thái Giáo rồi sau trở nên một người Pha-ri-si, Phao-lô biết rõ luật pháp và ông cố gắng làm theo luật pháp, nhưng từ khi trở thành Cơ Đốc Nhân, Phao-lô đã đồng ý với Giăng 1:17 rằng: “Vì luật pháp đã ban cho bởi Môi-se, còn ơn và lễ thật bởi Đức Chúa Jêsu Christ mà đến.” Phao-lô sớm nhận ra rằng việc cố gắng làm theo luật pháp chỉ có thể khiến ông nhận ra con người xấu xa của mình (Rô. 7), nhưng nếu nương nhờ nơi ân điển của Đức Chúa Trời thì ông sẽ tìm thấy điều tốt nhất trong ông. Phao-lô đã chọn ân điển.

Hãy lắng nghe Phao-lô và học từ ông về những ân điển mà chúng ta có được nhờ nương dựa nơi ân điển diệu kỳ của Đức Chúa Trời.

CHÚNG TA GIÀU CÓ THUỘC LINH

Dù cảm xúc hoặc hoàn cảnh có như thế nào, là con cái Chúa chúng ta có “sự dư dật của ân điển Ngài... đầy dẫy trên chúng ta” trong và qua Đức Chúa Giê-su Christ (Êph. 1:7-8). Khi Phao-lô còn là một người không tin Đức Chúa Giê-su và học tập luật pháp Do Thái, ông rất kiêu hãnh về kiến thức và những thành tựu tôn giáo mà ông đạt được. Nhưng sau khi gặp Chúa và tin cậy Ngài, Phao-lô xem quá khứ của mình như là sự “lỗi” đối lập với mọi sự giàu có thuộc linh mà ông có được trong Đấng Christ (Phil. 3:1-11). Phao-lô “ngó như nghèo ngặt, mà thật làm cho nhiều người được giàu có; ngó như không có gì cả, mà có đủ mọi sự” (2 Côr. 6:10). Ông nói cùng Ti-mô-thê rằng: “Ân điển của Chúa chúng ta đã dư dật trong ta” (1 Ti. 1:14). Khi chúng ta giàu có trong ân điển Chúa, chúng ta sẽ giàu có trong mọi điều tốt lành và tin kính, là mọi điều chúng ta cần cho cuộc sống và chức vụ.

Một khía cạnh của sự giàu có này đó là sự kêu gọi và ân tứ để hầu việc Chúa. Phao-lô cảm tạ Chúa vì ông đã làm phong phú các tín hữu Cô-rinh-tô đến nỗi họ không thiếu một ân tứ thuộc linh nào (1 Côr. 1:4-9). Điều mà các tín hữu này thiếu đó là ân điển thuộc linh để họ có thể phục vụ lẫn nhau trong tình yêu thương. Phao-lô xưng rằng ông “theo ý muốn Đức Chúa Trời, làm sứ đồ của Đức Chúa Jêsu Christ” (Êph. 1:1), và sự kêu gọi của ông chính là một phần của ân điển Chúa. Khi chúng ta được cứu, Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một hoặc nhiều ân tứ thuộc linh, và thông qua lời Chúa, Ngài dạy dỗ chúng ta sử dụng những ân tứ thuộc linh ấy cho sự vinh hiển Ngài (1 Côr. 12:7-11; 2 Ti. 3:16-17). Chúng ta càng trở nên giống Đấng Christ trong tính cách và đạo đức thì ân điển Ngài sẽ càng khiến chúng ta trở nên nguồn phước cho người khác. Có rất nhiều người tài giỏi hơn chúng ta, tuy nhiên tài năng không phải là bí quyết khiến mục vụ thành công. Robert Murray M’Cheyne đã viết cho một người bạn giáo sĩ rằng: “Tài năng không phải là phước hạnh lớn nhất mà Đức Chúa Trời ban nhưng là được trở nên giống như Đức Chúa Giê-su. Một đầy tớ thánh là một vũ khí đáng sợ trong tay của Đức Chúa Trời.”

Trong Đức Chúa Giê-su chúng ta được giàu có. Vậy tại sao chúng ta còn cần phải tìm kiếm những nguồn lực thuộc linh từ nơi khác? “Vì anh em biết ơn của Đức Chúa Jêsu Christ chúng ta, Ngài vốn giàu, vì anh em mà tự làm nên nghèo, hầu cho bởi sự nghèo của Ngài, anh em được nên giàu” (2 Côr. 8:9).

CHÚNG TA ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ TRONG ĐẤNG CHRIST

“Tôi đã làm nhiều việc hơn các người khác, nhưng nào phải tôi, bèn là ơn Đức Chúa Trời đã ở cùng tôi” (1 Côr. 15:10). Chúng ta hãy nhớ rằng Phao-lô có một khuyết tật trong thân thể mà hầu hết mọi người trong hoàn cảnh ấy đều sẽ viện cớ để ở nhà, song Phao-lô đã đi khắp nơi truyền giáo. Ông chịu đựng “hoạn nạn, thiếu thốn, khổ nhọc, đói khát, lao tù, rối loạn, khó nhọc, tinh thức, kiêng ăn” nhưng không than phiền. Phao-lô chịu một cái giẫm xóc vào thịt, tức là “một quý sứt của Sa-tan” khiến ông chịu khổ, song Phao-lô vẫn cứ tiếp bước. Chúa phán cùng Phao-lô rằng: “Ân điển ta đủ cho ngươi rồi.” Phao-lô tin và ân điển Chúa biến cái giẫm của ông trở nên vương miện. “Vì khi tôi yếu đuối, ấy là lúc tôi mạnh mẽ” (2 Côr. 12:7-10).

Khi đọc Kinh Thánh và tìm hiểu về lịch sử Hội Thánh, bạn sẽ khám phá những công tác vĩ đại nhất của Đức Chúa Trời được thực hiện bởi những người yếu đuối trong chính họ nhưng mạnh mẽ trong ân điển của Đấng Christ. Soi mình trước gương, Phao-lô không nhìn thấy một anh hùng; ông thấy một người tan vỡ và thiếu thốn, một người không có gì ngoài ân điển Chúa. Lý do để Phao-lô chịu đựng và thành công đó là một bí mật đã được bày tỏ: “Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi” (Phil. 4:13). Ân điển chu cấp, đức tin phân phát, và Đức Chúa Trời được tôn vinh.

Sự kêu gọi của Đức Chúa Trời luôn luôn đi kèm với năng quyền của Ngài. Nếu chúng ta tin cậy và vâng theo ý muốn Chúa thì Ngài sẽ không bao giờ dẫn dắt chúng ta đến một hoàn cảnh nào quá sức. “Đức Chúa Trời có quyền ban cho anh em đủ mọi thứ ƠN ĐẦY ĐỦ, hầu cho anh em hằng đủ điều cần dùng trong mọi sự, lại còn có rỗi rộng nữa để làm các thứ việc lành” (2 Côr. 9:8).

CHÚNG TA CÓ SỰ KHÔN NGOAN

Sống bởi ân điển Chúa thì học từ ân điển Ngài. “Ân ấy dạy chúng ta chừa bỏ sự không tin kính và tình dục thể gian, phải sống ở đời này theo tiết độ, công bình, nhân đức” (Tit 2:12). Phao-lô không sống “cậy sự khôn ngoan theo tánh xác thịt, nhưng cậy ƠN của Đức Chúa Trời” (2 Côr. 1:12). Một số lãnh đạo Hội Thánh Cô-rinh-tô đã cố làm việc Chúa bởi sự khôn ngoan của thể gian này, một lỗi lầm mà chúng ta cũng mắc phải ngày nay (1 Côr. 1:18-31). Mặc dù Hội Thánh cần tuân theo những nguyên tắc đúng đắn của lĩnh vực kinh doanh, nhưng Hội Thánh không phải là một nơi kinh doanh mà cần phải hoạt động dựa theo các nguyên tắc đã được thể hiện rõ ràng trong Kinh Thánh.

Phao-lô cầu nguyện cho các thánh tại Cô-lô-se được “đầy đủ sự hiểu biết về ý muốn của Ngài, với mọi thứ khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng” (Côl. 1:9). Đây là điều chúng ta cần cầu nguyện trước khi bắt đầu mỗi một cuộc họp ban lãnh đạo Hội Thánh hay các ban ngành. Giô-suê là một vị tướng vĩ đại, tuy nhiên ông đã vấp phải hai sai lầm đắt giá bởi vì không tìm cầu sự khôn ngoan của Chúa (Giôs. 7:9). Khi cậy vào sự khôn ngoan của chính mình, Giô-suê đã đi trước Chúa và khiến Israel bại trận.

Ngày nay Hội Thánh của Đức Chúa Giê-su Christ có rất nhiều tri thức, rất nhiều trường Tin Lành được biết đến nhờ sự xuất sắc trong học thuật. Tuy nhiên nhiều tri thức mà không có sự khôn ngoan – không biết cách sử dụng tri thức – là một điều rất nguy hiểm. Lời khuyên dạy của Phao-lô rằng: “lấy lòng sợ sệt run rẩy làm nên sự cứu chuộc mình” đó là sự dạy dỗ dành cho *một Hội Thánh* (Phil. 2:12), và đây là một lời nhắc nhở cho các Hội Thánh rằng họ không được bắt chước các Hội Thánh khác nhưng phải tìm cầu ý muốn Chúa cho Hội Thánh của họ. Thay vì tham dự thật nhiều hội nghị, hội thảo và vay mượn các ý tưởng và chương trình mà dường như không phù hợp với Kinh Thánh, các lãnh đạo Hội Thánh ngày nay cần phải tìm cầu Chúa, tìm kiếm Lời Chúa, cầu nguyện và tìm kiếm ý muốn của Ngài.

Phao-lô đã suy nghĩ điều này khi nói với các trưởng lão Hội Thánh Ê-phê-sô rằng: “Bây giờ, tôi giao phó anh em cho Đức Chúa Trời và cho đạo của ƠN Ngài, là giao phó cho Đấng có thể gây

dựng, và ban gia tài cho anh em chung với hết thảy những người được nên thánh” (Công. 20:32). Nếu chúng ta sống bởi ân điển thì quyền sách hướng dẫn của chúng ta không phải là quyền sách tôn giáo bán chạy nhất trên kệ sách nhưng là Lời ân điển của Đức Chúa Trời. Lãnh đạo thuộc linh có giàu Lời ân điển không cần phải vay mượn những ý tưởng khôn ngoan từ thế gian, cũng không cần dăn ý bài giảng của người khác, bởi vì ân điển của Đức Chúa Trời ban cho họ sự khôn ngoan để chăm sóc gia đình của Đức Chúa Trời (Côl. 3:16).

CHÚNG TA CÓ THẨM QUYỀN THUỘC LINH

Trong bài học trước, chúng ta biết rằng chúng ta đang sống trong một thế giới bị thống trị bởi sự chết bởi vì tội lỗi đang thống trị (Rô. 5:14, 17, 21). Tuy nhiên, “luật pháp của Thánh Linh sự sống đã nhờ Đức Chúa Jêsu Christ” buông tha chúng ta “khỏi luật pháp của sự tội và sự chết” (Rô. 8:2). Vâng, chúng ta vẫn có bản tánh tội lỗi và một ngày thân thể hay chết này sẽ chết đi nếu Đức Chúa Giê-su vẫn chưa trở lại. Tuy nhiên chúng ta có thể chiến thắng mọi kẻ thù thuộc linh bởi vì ân điển đang ngự trị (Rô. 5:21)! Nếu chúng ta bước đi trong Thánh Linh thì chúng ta có thể cai trị đời sống nhờ Đức Chúa Giê-su Christ. Đức Chúa Cha đã trao mọi thẩm quyền cho Con của Ngài (Ma-thi-ơ. 28:18) là Đấng hiện đang ngồi bên hữu Đức Chúa Cha (Êph. 1:20), và bởi đức tin chúng ta có thể cho phép Đức Chúa Giê-su thi hành thẩm quyền ấy qua chúng ta.

“CHÚNG TA NHỜ ĐÁNG YÊU THƯƠNG MÌNH MÀ THẮNG HƠN BỘI PHẦN” (Rô. 8:37)

Dân tộc Y-sơ-ra-ên đã đánh bại kẻ thù của họ nơi Đất Hứa như thế nào? Bằng cách tin cậy Chúa, vâng theo mệnh lệnh của Ngài, và sẵn sàng bước đi theo Chúa. Hội Thánh đầu tiên đã truyền bá phúc âm khắp Đế Quốc La-mã như thế nào? Bằng cách tin cậy Chúa, sẵn lòng để Đức Thánh Linh hành động và đi theo sự dẫn dắt của Chúa vì sự vinh hiển của Ngài. Những lời giáo sĩ người Anh Henry Varley đã nói với D. L. Moody được tóm gọn như sau: “Đức Chúa Trời có thể hành động không giới hạn trong, vì, và qua Cơ Đốc Nhân, những ai phó mình nơi Chúa và luôn tìm cách tôn vinh Ngài.”

Thi hành thẩm quyền thuộc linh – nghĩa là để ân điển ngự trị trong đời sống của chúng ta – điều đó không khiến đầy tớ của Đức Chúa Trời trở nên ngạo mạn; nhưng ngược lại, điều đó lại khiến họ trở nên khiêm nhường. Thi hành thẩm quyền thuộc linh không đảm bảo chúng ta sẽ có được sức khỏe, giàu có và thịnh vượng nhưng chúng ta sẽ gặp bất bở, đau khổ và sự chết. Tuy nhiên khi ân điển ngự trị trong chúng ta và chúng ta cai trị trong Đấng Christ thì những gì xảy đến cho chúng ta không thật sự quan trọng miễn là công việc Chúa được thực hiện và Danh Ngài được tôn vinh (Rô. 8:31-39). Chúng ta cùng đồng trị với Đức Chúa Giê-su (Êph. 2:4-10) và “nhờ một mình Đức Chúa Jêsu Christ mà cai trị trong sự sống” (Rô. 5:17).

CHÚNG TA KHAO KHÁT NGỢI KHEN THỜ PHƯỢNG ĐỨC CHÚA TRỜI

Mục vụ quan trọng nhất của Hội Thánh địa phương đó là thờ phượng Đức Chúa Trời. Mọi điều Hội Thánh thực hiện đều bắt nguồn từ sự thờ phượng Đức Chúa Giê-su Christ, bởi vì Ngài phán rằng: “ngoài Ta, các ngươi chẳng làm chi được” (Giăng 15:5). Ngày nay trong rất nhiều hội

thánh, ngôi nhà thờ giống như một rạp hát và sự thờ phượng giống như một hình thức giải trí mang màu sắc tôn giáo. Chúng ta rất hiếm khi nghe lời khẩn cầu xin Đức Chúa Trời ban ân điển nhờ Đức Thánh Linh để dân sự của Ngài có thể thờ phượng Chúa theo cách mà Ngài chấp nhận và trong sự kính sợ.

Nhiều Cơ Đốc Nhân ngày nay không nghĩ rằng họ cần ân điển để thờ phượng “trong tâm thần và lẽ thật” (Giăng 4:23), bởi vì họ đã học cách bắt chước sự thờ phượng thật bằng sự khôn ngoan, những khả năng và kỹ thuật của con người. Họ đã quên lời dạy khuyên rằng: “Nguyên xin lời của Đấng Christ ở đây trong lòng anh em, và anh em đừng đặt mọi sự khôn ngoan. Hãy dùng những ca vịnh, thơ thánh, bài hát thiêng liêng mà dạy và khuyên nhau, vì được đầy ơn Ngài nên hãy hết lòng hát khen Đức Chúa Trời” (Côl. 3:16). Lòng chúng ta cần phải có ân điển trước khi có thể cất tiếng ngợi khen trên môi.

Chúng ta cần phải có ân điển để hát ngợi khen Chúa từ tấm lòng. Đa-vít cần phải có ân điển mới có thể hát cho Chúa những thi thiên đem lại phước hạnh cho chúng ta ngày nay. Đức Chúa Giê-su cần phải có ân điển để hát thánh ca và rồi chết trên thập giá. Phao-lô và Si-la cần phải có ân điển để hát thi thiên trong ngục tại Phi-líp. Như lời nói của chúng ta “phải có ân hậu” (Côl. 4:6), cũng vậy, sự thờ phượng của chúng ta phải “có ân điển” để có thể làm đẹp lòng và tôn vinh Đức Chúa Trời. Hai con trai A-rôn đã dâng “lửa lạ” trước Chúa và do đó mà họ bị chết (Lê. 10:1-3). Nếu ngày nay Đức Chúa Trời giết Cơ Đốc Nhân vì dâng lên Ngài sự thờ phượng trái phép thì Hội Thánh sẽ còn lại bao nhiêu người?

Phao-lô viết rằng: “Tôi nay là người thế nào là nhờ ơn của Đức Chúa Trời.” Ông không cậy vào việc mình đã nhận được nền tảng giáo dục tốt, tài năng hoặc thân thế. Đức Chúa Trời có thể sử dụng những việc ấy nếu chúng ta dâng tất cả cho Ngài, tuy nhiên bí quyết của đời sống và mục vụ Cơ Đốc là *hoàn toàn nhờ cậy ân điển Chúa*. Tôi có thể tiếp tục viết ra những phước hạnh khác mà chúng ta có bởi ân điển Chúa, tuy nhiên tự khám phá những phước hạnh ấy qua Kinh Thánh sẽ là một bài tập thuộc linh tốt dành cho các bạn.

Giáo sĩ D. L. Moody từng dành nhiều ngày để học biết Kinh Thánh nói gì về ân điển của Đức Chúa Trời. Ông cảm thấy rất phấn khởi đến nỗi khi bước ra khỏi nhà ông đã nói với người đầu tiên mà ông gặp rằng: “Bạn biết gì về ân điển?” Người đàn ông kinh ngạc hỏi rằng: “Ân điển gì?” Moody nói: “Ân điển của Đức Chúa Trời!” và ông tiếp tục nói với người đàn ông ấy về Đức Chúa Giê-su.

Đời tôi rất nhiều nỗi gian lao u sầu,

Buồn lo đã làm vắng niềm tin.

Nhưng Chúa đã cứu tôi về nghỉ yên trong tay nhiệm mầu.

Thật ơn Chúa rộng lớn vô biên.

John Newton

“Ấy vậy, vì chúng tôi làm việc với Chúa, nên xin anh em chớ chịu ơn Đức Chúa Trời luống không” (2 Côr. 6:1).

Bài 62

LY-ĐI

Ngài là Đấng hay thương cho kẻ tìm kiếm Ngài.

Hê-bơ-rơ 11:6

Khi Đức Chúa Giê-su còn thi hành chức vụ ở trên đất, có một nhóm những người phụ nữ đã đi theo để chăm sóc Chúa và các môn đồ của Ngài (Lu-ca 8:1-3). Ngoài ra cũng có những nữ tín hữu đã giúp đỡ Phao-lô trong nhiều thời điểm. Trong các sách thư tín của Phao-lô và trong sách Công vụ các sứ đồ đã kể tên ba mươi ba người đồng lao với Phao-lô, trong đó có ít nhất ba người phụ nữ. Ly-đi là người đầu tiên tin Chúa tại Châu Âu, bà đã tin Chúa tại thành Phi-líp (Công vụ 16:6-15). Từ sự kiện này, chúng ta được nhắc nhở về những yếu tố liên quan đến trách nhiệm rao truyền phúc âm.

NHỮNG SỨ GIẢ CỦA CHÚA

Phao-lô đang trên hành trình truyền giáo lần thứ hai, cùng đi với ông có Si-la, người thay thế Ba-na-ba, ngoài ra cũng có Ti-mô-thê, người thay thế Giảng Mác. Những đầy tớ Chúa đã phân rẽ nhau, tuy nhiên công việc Chúa vẫn tiếp tục được thực hiện. Họ không chỉ đi ra rao truyền phúc âm cho các thành phố nhưng họ cũng gây dựng các Hội Thánh mới và chia sẻ bức thư từ hội nghị Giê-ru-sa-lem. Điều này đem lại sự khích lệ rất lớn cho các tín hữu ngoại quốc (Công vụ 15:30-41).

“Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu. Nhưng họ chưa tin Ngài thì kêu cầu sao được? Chưa nghe nói về Ngài thì làm thế nào mà tin? Nếu chẳng ai rao giảng, thì nghe làm sao? Lại nếu chẳng ai được sai đi, thì rao giảng thế nào?” (Rô. 10:13-15). Đây là bản tóm tắt thần học truyền giáo của Hội Thánh. Đó cũng là lý do vì sao Phao-lô và những người bạn của ông đã phải đi rất xa. Họ đi xa không vì lòng thương hại “những người ngoại đạo”, cũng không vì lòng bác ái thương người hay những động cơ cao thượng nào khác. “Vì tình yêu thương của Đấng Christ cảm động chúng tôi” (2 Côr. 5:14), đây chính là động cơ khiến Phao-lô bước tới. Họ là các đại sứ của Đấng Christ.

Dù chúng ta là ai và đang sống ở đâu, khi chúng ta đã nhận biết Đức Chúa Giê-su Christ là Cứu Chúa và Chúa cuộc đời mình thì chúng ta có trách nhiệm chia sẻ tin mừng. Phao-lô và Si-la là một nhóm được Hội Thánh An-ti-ốt sai đi, sau đó Phao-lô thêm Ti-mô-thê vào. Bạn và tôi không cần một giấy tờ hợp pháp nào để có thể đi ra làm chứng cho Đấng Christ tại nơi chúng ta đang sống. Thực ra, chúng ta đã là chứng nhân – dù là chứng nhân tốt hay chứng nhân không tốt! Đức

Chúa Trời muốn chúng ta làm chứng ở bất cứ nơi nào chúng ta đi đến và *những nơi mà chúng ta chưa đến!* Khi chúng ta không thể đi, chúng ta vẫn có thể giúp người khác ra đi.

SỰ TÊ TRỊ CỦA CHÚA

Khi ba sứ đồ muốn đến Châu Á, Chúa đã đóng cánh cửa đối với họ. Ngài cũng đóng cánh cửa khi họ muốn đến Bi-thi-ni. Rồi một đêm tại thành Trô-ách, Đức Chúa Trời đã ban cho Phao-lô những sự chỉ dẫn mà ông cần để sau đó họ hướng về Châu Âu. (Từ “chúng ta” trong Công vụ 16:10 ngụ ý rằng Bác sĩ Lu-ca cũng đang đi chung đoàn.) Nhưng thậm chí sau khi đã đến thành Phi-líp, họ cũng không bắt tay ngay vào chương trình truyền giảng. Lu-ca ghi rằng họ “ở tạm đó vài ngày” trước khi tìm cơ hội làm chứng (Công vụ 16:12).

Vợ chồng tôi có cơ hội được hầu việc Chúa tại Kenya, Đông Phi trong vòng ba tuần với giáo hội của quốc gia và các nhân sự giáo sĩ của Hội Truyền giáo Nội địa Châu Phi (Africa Inland Mission). Sau khi chào đón chúng tôi đến với Châu Phi, điều đầu tiên giám mục của giáo hội quốc gia AIM nói với tôi đó là: “Bây giờ ông bà đã ở Châu Phi nên hãy tháo đồng hồ ra.” Ông ấy đã làm việc với người Mỹ trong nhiều năm và hiểu văn hóa đúng giờ, làm việc theo thời gian biểu của chúng tôi. Chúng tôi đã học cách kiên nhẫn. Một buổi họp được lên lịch lúc bảy giờ tối nhưng đến tám giờ mới bắt đầu, không ai cảm thấy khó chịu và cuộc họp cứ tiếp diễn bình thường. Họ biết rằng Chúa không vội vã và luôn có thời gian cho ý muốn Ngài.

Điều này không có nghĩa các tín hữu này không vội vã làm công tác Chúa, thực tế họ rất nôn nả làm công việc Chúa; họ chỉ không trở nên điên cuồng và căng thẳng về các thời hạn phải làm xong một công việc nào đó. Khi nhắc đến quyển sách nổi tiếng có tựa đề *Chúa Của Bạn Quá Nhỏ Bé (Your God Is Too Small)*, Tiến sĩ Richard J. Mouw đã viết rằng: “Nếu phải chọn một sự thay đổi trên tựa đề của sách này để hiệu chỉnh về thần học thì đó sẽ là *Đức Chúa Trời của bạn quá nhanh*.”¹³ Chúng ta thường lắng nghe những câu khẩu hiệu khuyên chúng ta phải “chinh phục thế giới trong thế hệ của bạn,” và có lẽ bạn đã tham gia vào những cuộc họp lên kế hoạch truyền giáo cho cả một thành phố trong hai tuần. Đây chính là phong cách của người Mỹ. “Lệnh vua lấy làm gấp rút” (1 Sa-mu-ên 21:8) có lẽ là một câu Kinh Thánh hay để tạo động lực, tuy nhiên chúng ta phải lý giải nó dựa trên văn mạch.

Tôi không khuyến khích sự lười biếng và trì trệ. Chúng ta nhớ câu chuyện về mười người nữ đồng trinh cầm đèn đi rước chàng rể trong ngụ ngôn của Chúa (Ma-thi-ơ. 25:1-13). Chúng ta có xu hướng ngủ quên và đôi khi cần được đánh thức; nhưng thậm chí khi chúng ta ngủ quên, Đức Chúa Trời vẫn tể trị trên công việc của Ngài. Khi cố chạy nhanh phía trước chúng ta sẽ dễ bỏ lỡ hướng dẫn của Chúa hơn là tụt lại đằng sau, và hậu quả của việc vội vã thì khó sửa chữa hơn. “Chớ như con ngựa và con lừa” (Thi. 32:9). Sau khi Phao-lô và đồng sự của ông đến Phi-líp, họ

¹³ Richard J. Mouw, *How My Mind Has Changed*, ed. James M. Wall and David Heim (Grand Rapids, Mich.: Eerdmans, 1991) 24.

ngủ ngơi sau một hành trình dài, cầu nguyện và lên kế hoạch tìm đến buổi nhóm cầu nguyện của người Do Thái vào ngày Sa-bát.

ÂN ĐIỀN CHÚA

Bên cạnh giòng sông ngoài cổng thành, Phao-lô và các bạn của ông thấy một nhóm người hiệp nhau cầu nguyện, tất cả họ là phụ nữ. Trước đó một người đàn ông đã nói với Phao-lô trong một khai tượng ban đêm, nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã dẫn họ đến với một nhóm những phụ nữ. Khi còn là một người Pha-ri-si chưa tin nhận Chúa, có lẽ Phao-lô thường cầu nguyện mỗi sáng rằng: “Con cảm tạ Chúa vì con là một người Do Thái chứ không phải là người ngoại quốc, một người tự do chứ không phải là một nô lệ, và là một người đàn ông chứ không phải là một phụ nữ.” Dĩ nhiên, phúc âm đã thay đổi tất cả các định kiến của Phao-lô (Gal. 3:28). Để thành lập một nhà hội Do Thái Giáo cần phải có ít nhất mười người nam, vậy số người Do Thái tại thành Phi-líp là rất nhỏ; hoặc có thể chính quyền La-mã đã ra lệnh cho người Do Thái phải rời khỏi thành phố và chỉ có người ngoại quốc mới có thể ở lại (Công vụ 18:1-4).

Người nổi bật nhất và có lẽ là giàu sang nhất trong số những người phụ nữ này đó là Ly-đi, một thương gia buôn hàng vải đến từ thành Thi-a-ti-rơ. Quê của bà nổi tiếng với nghề vải thường được dùng làm áo choàng cho các quan chức La-mã. Có lẽ Ly-đi là một quả phụ đang đảm trách việc kinh doanh của gia đình. Bà đã từ bỏ tôn giáo của người Thi-a-ti-rơ và trở nên “một người kính sợ Chúa,” tìm kiếm lẽ thật. Chúa đã hiện diện trong nhóm nhỏ những phụ nữ này, khi Phao-lô và những người bạn của ông cầu nguyện và chuyện trò cùng những phụ nữ, Đức Chúa Trời đã mở lòng của Ly-đi và bà được cứu. Bà là một người nữ thành công, giàu có và sùng đạo, nhưng bà vẫn cần Đức Chúa Giê-su. Các thành viên trong gia đình của bà cũng tin đạo và tất cả đều nhận báp-têm.

Việc Ly-đi tin đạo trong nhóm nhỏ này chính là khởi đầu của một mục vụ lớn với tên gọi “Hội Thánh Phi-líp.” Cũng vậy, tại một nhóm nhỏ trên đường Aldersgate của thành phố Luân Đôn, John Wesley cảm nhận tấm lòng của ông “nóng lên lạ lùng” và Giáo hội Giám lý được hình thành. “Vì ai là kẻ khinh dễ ngày của những điều nhỏ mọn?” (Xa-cha-ri 4:10). Về sau, kẻ cai ngục cho người La-mã tại thành Phi-líp đã được cứu cùng với gia đình của ông, và họ đã gia nhập Hội Thánh. Ly-đi mở cửa tiếp đón Phao-lô và đồng sự của ông đồng thời hỗ trợ các nhu cầu vật chất. Sự rộng rãi của bà là một tấm gương khích lệ Hội Thánh hỗ trợ cho chức vụ truyền giáo của Phao-lô (Phil. 4:14-16).

SỰ KHÔN NGOAN CỦA CHÚA

Câu chuyện Phao-lô và Si-la bị bắt giam và được giải cứu đầy diệu kỳ là một câu chuyện rất nổi tiếng (Công vụ 16:16-40). Phao-lô là một công dân La-mã và có thể sử dụng quyền đó để không bị các quan chức đánh đòn, tuy nhiên ông đầu phục đến nỗi hạ mình và chịu xấu hổ vì ích lợi của Hội Thánh mới thành lập. Hơn thế nữa, Chúa dùng lời chứng của họ để cứu người cai ngục và gia đình của ông.

Khi các quan chức nhận ra rằng họ đã vi phạm luật pháp La-mã, họ đã sai người đến nói với Phao-lô và Si-la rằng hai sứ đồ được tự do rồi khỏi tù, song Phao-lô từ chối hành động đó. Tại sao? Bởi vì ông muốn mọi người biết rằng hành động của các quan chức này là sai trái, các quan chức đã xin lỗi và Hội Thánh không phải là một nhóm phi pháp. Phao-lô và Si-la rời tù và công khai đến nhà Li-đi và gắn bó với các tân tín hữu. Nhờ Phao-lô, chúng ta có thể biết chắc rằng các quan chức La-mã sẽ rất thận trọng đối đãi với các Cơ Đốc Nhân.

Đức Chúa Trời ban cho Phao-lô sự khôn ngoan để biến hoàn cảnh khó khăn trở nên thắng lợi vĩ đại, và Ngài biến rủa sả nên phước hạnh (Phục. 23:5). Hơn thế nữa, Phao-lô và Si-la trở nên một tấm gương rất tốt cho các tân tín hữu. Họ đã tiếp nhận sự đau khổ và dùng nó để vinh danh Chúa và đem lại ích lợi cho Hội Thánh (Phi-líp 1:20-2:18).

Ly-đi là một người tìm kiếm Chúa. Bà thờ phượng Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cóp, nhưng bà không biết về Đức Chúa Giê-su. Đức Chúa Trời “ban thưởng cho kẻ tìm kiếm Ngài.” Có thể Chúa không ban thưởng ngay, và cách Ngài ban thưởng có thể khiến chúng ta bất ngờ, nhưng Đức Chúa Trời không bao giờ thất hứa. Chúa sai Phao-lô đến chia sẻ phúc âm cho Li-đi, và bà trở nên một tín hữu tận hiến. Bà đã mở lòng, mở cửa nhà và mở rộng đôi tay cho Đức Chúa Giê-su Christ, và Chúa làm phần việc còn lại! Phúc âm luôn luôn là “quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin” (Rô-ma 1:16).

Bài 63

PHÊ-BÊ

Tôi gợi gắm Phê-bê, người chị em chúng ta cho anh em, người làm nữ chấp sự của Hội thánh Xen-co-rê. Hãy ân cần tiếp rước người trong Chúa chúng ta, một cách xứng đáng với thánh đồ, và hãy giúp đỡ người trong mọi dịp mà người sẽ cần đến anh em; vì chính người đã giúp nhiều kẻ, và cũng giúp tôi nữa.

Rô-ma 16:1-2

Tên Phê-bê có nguồn gốc là *Phoibos*, là một trong các tên của thần Hy Lạp Apollo. Nó có nghĩa là “rạng rỡ, tỏa sáng.” Phê-bê là một người ngoại bang, nhưng không giống như những Cơ đốc nhân có nguồn gốc từ dân ngoại trong hội thánh đầu tiên, bà không từ bỏ tên ngoại giáo của mình khi tiếp nhận Christ và chịu báp-tem. Tại sao phải thay đổi tên khi bà hầu việc Chúa như một dụng cụ sự sáng chiếu ra vinh hiển của Chúa (Ma-thi-ơ 5:16)? Đức Chúa Trời đã thay đổi đời sống của bà, và bà trở nên một phụ nữ giúp đỡ nhiều người khác.

Chúng ta có thể kể ra một số người này.

GIÚP ĐỖ CHO CÁC TÍN HỮU TRONG HỘI THÁNH ĐỊA PHƯƠNG

Xen-co-rê là một thị trấn hải cảng nhỏ, cách Cô-rin-tô khoảng bảy dặm. Đây là nơi Phê-bê sống và hầu việc Chúa với hội thánh địa phương. Phao-lô viết về Phê-bê, “người làm nữ chấp sự của Hội thánh Xen-co-rê” hàm ý rằng bà là một chức viên chính thức của hội thánh địa phương. Đây là địa phương đầu tiên thuộc đế quốc Rô-ma được Phao-lô dùng từ hội thánh để chỉ tập thể các tín hữu ở đó. Chúng ta tìm thấy năm lần từ này được đề cập trong chương sách này.

Từ *người phục vụ* (servant) có nguồn gốc trong tiếng Hy Lạp là *diakonos*, có nghĩa là người trợ tế/phó tế trong các bản dịch Tiếng Anh. Một số sinh viên nghĩ rằng Phê-bê là một chấp sự/người phó tế đặc trách cho phụ nữ (1 Ti-mô-thê 3:11). Chức vụ này bao gồm: giúp đỡ cho các phụ nữ mới cải đạo nhận thánh lễ báp-têm, thăm viếng những người đau yếu và có những nhu cầu trong hội thánh địa phương, dạy cho các phụ nữ làm thế nào để trở nên một người mẹ và người vợ tốt. Chúng ta phải hiểu rằng vai trò của phụ nữ ở phương Đông bị giới hạn nhiều trong thời kỳ đó. Vì vậy có thể nhận thấy tầm quan trọng trong chức vụ của Phê-bê.

Từ *người giúp đỡ* trong tiếng Hy Lạp cũng có nghĩa là *người bảo trợ* hoặc *người giám hộ*. Có lẽ Phê-bê có một vị trí pháp lý tại cảng Xen-co-rê và hỗ trợ người nước ngoài về vấn đề pháp lý trước các quan chức La Mã. Điều này giúp cho Phê-bê có cơ hội để làm chứng và bày tỏ về tình yêu của Chúa Giê-su cho nhiều người khác.

Bất chấp tình trạng của các hội thánh địa phương như thế nào, Phao-lô cho rằng không có ai biết rõ các hội thánh địa phương như ông. Không có gia đình hay hội thánh tư gia nào là hoàn hảo. Nhưng điều này không phải là cái cớ để chúng ta loại bỏ họ và không làm gì cả. Chúng ta có thể đi theo tấm gương của Phê-bê và để cho sự sáng của chúng ta được chiếu sáng ra trong hội thánh địa phương.

GIÚP ĐỠ CHO NHỮNG NGƯỜI LÃNH ĐẠO ĐƯỢC CHÚA LỰA CHỌN

Phao-lô nói về Phê-bê, “chính người đã giúp nhiều kẻ, và cũng giúp tôi nữa,” mặc dù ông không nói là giúp như thế nào. Khi đọc Rô-ma chương 16, chúng ta khám phá rằng Phao-lô là người liên kết với nhiều bạn bè cũng như là người chinh phục linh hồn tội nhân. Trong chương này ông đề cập đến hai mươi sáu người trong những mục vụ khác nhau. Phao-lô là sứ đồ trải nghiệm nhiều phép lạ và có ân tứ giảng dạy Lời Chúa, nhưng ông cũng cần các bạn đồng công và những người trợ giúp, trong đó bao gồm các phụ nữ. Phao-lô không phải là mẫu người cô độc hay mẫu người không thích phụ nữ, ông cũng không xem phụ nữ là các thánh đồ hạng hai. Thông qua chương sách này, ông có cái nhìn đúng đắn về tất cả mọi người nam cũng như nữ, và ông thừa nhận rằng ông không thể làm tốt chức vụ của mình nếu như không có họ.

Chúng ta không biết những đóng góp đặc biệt nào mà Phê-bê đã hỗ trợ cho chức vụ Phao-lô, nhưng có khả năng là Phê-bê đã chuyển thư tín Rô-ma của Phao-lô viết đến cho hội thánh tại Rô-ma. Giống như Ly-đi tại thành phố Phi-líp, Phê-bê rất dũng cảm, nếu không thì bà không thể thực hiện chuyến đi nguy hiểm đó. Vào thời đó không có phụ nữ nào dám đi xa một mình, vì vậy Phê-bê phải đi cùng với những người bảo vệ và hỗ trợ. Thư tín Rô-ma là một tài sản lớn cho hội thánh tại Rô-ma mà Phê-bê có nhiệm vụ của một người bưu tá phải chuyển thư đến đúng địa chỉ

an toàn. Chính quyền Rô-ma có hệ thống bưu chính vào thời đó, nhưng chỉ có các quan chức của chính quyền và quân đội mới được sử dụng. Bây giờ mỗi lần đọc thư tín Rô-ma, chúng ta sẽ nhớ đến Phê-bê và công khó của bà.

Có nhiều lý do khi Phao-lô viết thư tín Rô-ma. Ông chưa bao giờ viếng thăm hội thánh ở đó, nhưng ông đã lên kế hoạch cho chuyến này, ngay sau khi làm xong công việc ở Giê-ru-sa-lem (Rô-ma 1:13-15; 15:25-29). Kẻ thù đã gièm pha lẽ thật mà Phao-lô rao giảng (Rô-ma 3:8), vì vậy ông viết thư tín này để giải thích những gì ông tin và giảng dạy. Thư tín Rô-ma là bản tóm tắt đầy đủ nhất của giáo lý Cơ đốc trong Kinh Thánh. Ông giải thích về tội lỗi, sự phán xét, sự xưng công bình, sự nên thánh, và địa vị của tuyển dân Israel trong chương trình của Đức Chúa Trời. Ông cũng giải thích phương cách để Cơ đốc nhân có thể sống và dâng vinh hiển về cho Đức Chúa Trời. Các tín hữu trong thế kỷ đầu tiên cần học biết những lẽ thật này, và những bài học này cũng áp dụng cho chúng ta ngày nay.

Trải qua nhiều thế kỷ, thư tín Rô-ma đã thay đổi hàng triệu đời sống và ảnh hưởng tích cực trên các nền văn hóa. Khi đọc Rô-ma 13:13, Augustine đã gặp được Chúa Giê-su. Và Rô-ma 1:17, “Người công bình sống bởi đức tin” đã thức tỉnh Martin Luther và làm thay đổi chức vụ của ông, mở ra thời kỳ cải chánh cho hội thánh. Khi tình cờ nghe một người đọc lời bình luận của Martin Luther về thư tín Rô-ma, thì John Wesley đã cảm thấy tấm lòng của ông nóng cháy và ông đã nhận được sự bảo đảm của ơn cứu rỗi. John Bunyan đã tìm thấy sự bình an khi ông tiếp nhận Rô-ma 3:24-25, và nhiều phần khác tương tự trong sách Rô-ma đã đem sự bình an đến cho William Cowper là tác giả các bài Thánh ca. Các Cơ đốc nhân ngày hôm nay được soi sáng và khích lệ từ thư tín mà Phê-bê đã chuyển đến cho hội thánh tại Rô-ma.

Phê-bê là người trợ giúp của Phao-lô, và cũng vậy các lãnh đạo Cơ đốc ngày nay cần chúng ta giúp đỡ trong sự cầu thay, hỗ trợ các mục vụ của họ trong tình yêu thương.

Các nhà lãnh đạo Cơ đốc và vợ chồng chúng tôi đã làm việc cùng với nhau trong suốt hơn năm mươi năm qua để dâng vinh hiển về Đức Chúa Trời. Chúng tôi bày tỏ sự cảm kích với những người đã trợ giúp chúng tôi bằng nhiều cách khác nhau trong suốt những năm qua. Không có người lãnh đạo nào có thể làm việc một mình. Nơi nào có Phao-lô, thì ở đó cũng có những bạn đồng công khác của ông như Ba-na-ba, Si-la, Bê-rít-sin và A-qui-la, Ti-mô-thê, Tít, Phê-bê và nhiều người khác....

GIÚP ĐỖ DÂN SỰ ĐỨC CHÚA TRỜI HÔM NAY

Những từ Phao-lô viết về Phê-bê trong Rô-ma 16:1-2, “Tôi gởi gắm Phê-bê, người chị em chúng ta cho anh em, người làm nữ chấp sự của Hội thánh Xen-cô-rê. Hãy ân cần *tiếp rước* người trong Chúa chúng ta, một cách xứng đáng với thánh đồ, và hãy giúp đỡ người trong mọi dịp mà người sẽ cần đến anh em; vì chính người đã giúp nhiều kẻ, và cũng giúp tôi nữa,” thực ra là "thư giới thiệu" về Phê-bê cho các tín đồ ở Rô-ma và các hội thánh. Thư tín này rất quan trọng cho các tín hữu vào lúc đó bởi vì nó xác định được những tín đồ chân chính và tránh xa những kẻ gây rối và những người theo dị giáo (Công vụ. 18:27; 2 Cô-rinh-tô 8:16-24; 3 Giăng 9-12). Thư tín

này cũng mở ra các cơ hội cho những tín hữu mà đang di chuyển từ nơi này sang nơi khác và họ cần tinh thần hiếu khách của con dân Chúa (2 Giăng 7-11). Phê-bê là mẫu người mà Phao-lô không ngần ngại khi giới thiệu bà với các tín hữu tại Rô-ma. Tôi vọng chính mình là loại Cơ đốc nhân mà những người khác có thể giới thiệu cho bạn bè của họ.

Từ chìa khóa của Rô-ma 16:2 là *tiếp rước* hay *tiếp nhận*. Thư tín này được Phê-bê mang đi giải quyết vấn đề các tín hữu phải tiếp nhận lẫn nhau và không đấu tranh về các vấn đề mang tính cá nhân của họ (Rô-ma 14:1, 3; 15:7). Bất cứ ai mà Chúa đã tiếp nhận, thì chúng ta cũng phải tiếp nhận họ. Christ đã chết vì chúng ta để chúng ta được hiệp một với Ngài, vì vậy đừng để sự khác biệt cá nhân trở thành những rào cản ngăn trở anh chị em với nhau trong nhà Chúa. Thay vì vậy chúng ta phải xây dựng những chiếc cầu hữu nghị trong các mối thông công.

Chúng ta tiếp nhận người khác trong Chúa, không phân biệt chủng tộc, địa vị, trình độ văn hóa, quan điểm chính trị, tính cách cá nhân. Chúng ta tiếp nhận họ (và họ cũng tiếp nhận chúng ta) như là những thánh đồ trong gia đình của Đức Chúa Trời. Chúng ta tiếp nhận họ theo cùng một cách mà Chúa Giê-su đã tiếp nhận chúng ta. Phao-lô thường dùng từ *xứng đáng* hay *đáng kính trọng* khi viết về hạnh kiểm của các tín hữu. Phẩm hạnh của Cơ đốc nhân phải xứng đáng với sự kêu gọi của Chúa (Ê-phê-sô 4:1), xứng đáng với phúc âm (Phi-líp 1:27), và xứng đáng với Đức Chúa Trời (Cô-lô-se 1:10; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:12; 3 Giăng 6). Tôi muốn biết cách mà tín hữu ở Rô-ma đã tiếp nhận Phê-bê. Hãy nhớ rằng bà ấy là một chấp sự với điểm xuất phát là người ngoại, giàu có, một người chuyển thư tín cho sứ đồ Phao-lô. Nhưng điều quan trọng hơn là chúng ta sẽ cư xử như thế nào với các thánh đồ mà chúng ta không đồng ý với họ về những quan điểm khác biệt của đời sống theo Chúa?

Bất luận tên họ hay giới tính, chúng ta cần học tập từ Phê-bê là người mang theo “ánh sáng rạng rỡ” vào trong thế giới tối tăm. Bởi vì nếu có thêm ánh sáng, thế giới sẽ trở nên ít tối tăm hơn.

Chúng ta phải lưu phát, chia sẻ Lời Chúa từ tấm lòng của mình đến cho những ai có nhu cầu.

Chúng ta phải là những người phục vụ Đức Chúa Trời và hội thánh của Ngài.

Chúng ta phải giúp đỡ nhiều người, hãy phát huy hết các ân tứ của mình.

Chúng ta phải tiếp nhận, phục vụ người khác và khen ngợi lẫn nhau.

Bài 64

CÂU KINH VĂN TRUYỀN TÀI SỰ SỐNG CỦA TÔI

Ngài bèn phán rằng: Vì có ấy, mọi thầy thông giáo đã học thông đạo về nước thiên đàng, thì giống như *một người chủ nhà kia, đem những vật mới và cũ ở trong kho mình ra.*

Ma-thi-ơ 13:52

Sau khi dành một nửa cuộc đời để viết sách, các bạn có thể hỏi tôi, “Câu Kinh văn nào truyền tải sự sống cho ông?” Tôi không xứng đáng để được xem như cùng đẳng cấp với những người vĩ đại trong Kinh thánh mà tôi đã đề cập trong cuốn sách này, nhưng suy nghĩ và cầu nguyện về câu hỏi đó, cuối cùng tôi quyết định chọn Ma-thi-ơ 13:52, “*một người chủ nhà kia, đem những vật mới và cũ ở trong kho mình ra.*” Hãy để tôi giải thích tại sao.

Đầu tiên tôi dâng hiến chính đời sống mình để nghiên cứu và dạy Kinh Thánh. Tôi đã quản nhiệm ba hội thánh, dạy các lớp Trường Chúa Nhật, được mời phát biểu trong các kỳ hội thảo Kinh Thánh tại nhiều quốc gia, giảng Kinh Thánh trên sóng Radio, viết hàng trăm cuốn sách, làm diễn giả cho các hội đồng bồi linh. Không ai yêu cầu tôi làm trọng tài cho một trận bóng chày hay hướng dẫn một bài thuyết trình về Đấng Mê-si. Nhưng họ có thể yêu cầu tôi giảng hoặc dạy từ Kinh Thánh.

Thứ hai, tôi đánh giá cao những điều mới và cũ trong đời sống Cơ đốc nhân và trong hội thánh. Và tôi cố gắng khích lệ dân sự của Chúa – đặc biệt là những mục sư và những người nhận lãnh các mục vụ phải giữ chính mình trong sự quân bình. Tôi đã đi qua những cuộc tranh chiến về các bản dịch Kinh thánh khác nhau, phong cách âm nhạc, thờ phượng của các nhà thờ, các xung đột giữa các thế hệ, và có những vết sẹo để chứng minh điều đó. Tôi cố gắng giúp đỡ thế hệ trẻ nắm bắt lịch sử trong quá khứ, giúp thế hệ lớn tuổi hơn nắm bắt những diễn biến trong hiện tại, nhưng không phải lúc nào tôi cũng thành công.

Cuối cùng tôi đã trở nên một mục sư cao niên, (tôi hy vọng) mình đã trưởng thành phần nào. Tôi đã thấy sự điên rồ của tất cả sự ồn ào về "khoảng cách thế hệ" hay sự khác nhau giữa "đương đại" và "truyền thống." Những thay đổi trong phong cách thờ phượng của các nhà thờ là mang lại thu nhập cao hơn cho những người chạy theo khuynh hướng hiện đại, những người tạo ra và phân phối các bản ghi âm, đàn, trống, hệ thống âm thanh, máy chiếu. Trong nỗ lực của họ để đưa ra cái mới, họ đã bỏ qua cái cũ và làm cho hội chúng trở nên mất trí nhớ cách tồi tệ. Khi dân sự của Đức Chúa Trời quên đi quá khứ, họ đã đánh mất nền tảng của mình.

Trước khi tôi chia sẻ các ý tưởng về câu Kinh Thánh truyền tải sự sống cho tôi. Tôi muốn đọc lại lần nữa lời dạy của Chúa Cứu thế trong Ma-thi-ơ 13:52, “*Vì cơ ấy, mọi thầy thông giáo đã học thông đạo về nước thiên đàng, thì giống như một người chủ nhà kia, đem những vật mới và cũ ở trong kho mình ra.*” Câu Kinh Thánh này nhắc tôi nhớ rằng tôi có ba đặc ân kỳ diệu, và các bạn cũng vậy – bất luận tuổi tác và sự kêu gọi của bạn là gì.

HỌC BIẾT LỜI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI – THẦY THÔNG GIÁO

Có một thời, các thầy thông giáo là một nhóm những người tin kính cao quý đã làm chứng nhân sống động cho Lời Chúa. Được E-xơ-ra thành lập, nhóm người này được biệt riêng để bảo tồn và công bố lẽ thật của Chúa (E-xơ-ra 7:10). Tuy nhiên các thầy thông giáo thời của Chúa Giê-su đã không giống như vậy – họ đã làm sai chức năng của mình. Họ biết có bao nhiêu từ Hê-bơ-rơ trong mỗi quyển sách của Cựu ước, họ có thể nhớ và trích dẫn từng câu, từng đoạn theo một chủ đề cụ thể. Nhưng sự thông biết của họ hay các môn đồ của họ đào tạo không làm cho họ và các

học trò trở nên tốt hơn. Điều này giống như những người đói đọc các giới thiệu trên bao bì của một gói thực phẩm, nhưng họ không bao giờ chính thức ăn các thực phẩm đó.

Các thầy thông giáo nghĩ rằng khảo cứu các chi tiết của Kinh vẫn là chìa khóa cho sự cứu rỗi, nhưng họ đã sai. Chúa Giê-su phán, “Các ngươi siêng năng nghiên cứu Kinh thánh, vì tưởng bởi đó được sự sống đời đời: Ấy là Kinh thánh làm chứng về ta vậy. Các ngươi không muốn đến cùng ta để được sự sống!” (Giăng 5:39-40). Điều này nói lên rằng có thể siêng năng tra cứu Kinh Thánh, nhưng lại không thực sự biết Đức Chúa Trời trong Lời Ngài.

Tôi muốn trở nên một học trò siêng năng nghiên cứu Lời Chúa. Nhưng không giống như các thầy thông giáo, tôi muốn nhìn xem Chúa Giê-su trong Lời. “Khốn cho các ngươi, là thầy dạy luật, vì các ngươi đã đoạt lấy chìa khóa của sự biết, chính mình không vào, mà người khác muốn vào, lại ngăn cấm không cho!” (Lu-ca 11:52). Chìa khóa của Lời là Chúa Giê-su. “Ngài bắt đầu từ Môi-se rồi kể đến mọi đẳng tiên tri mà cắt nghĩa cho hai người đó những lời chỉ về Ngài trong cả Kinh thánh.” (Lu-ca 24:27). Thật là một đặc ân lớn được nghiên cứu Kinh Thánh và trở nên người tương giao gần gũi hơn với Chúa Giê-su, để yêu mến Ngài nhiều hơn. Còn nếu sự nghiên cứu Kinh Thánh không làm cho tôi trở nên giống Chúa Giê-su càng hơn, khi đó tôi đang lãng phí thời gian.

VÂNG PHỤC LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI – MÔN ĐỒ

Các thầy thông giáo trong thế kỷ thứ nhất không giống như các môn đồ Đấng Christ. Lẽ thật mà chúng ta đã học biết phải là lẽ thật có thể áp dụng vào cuộc sống. Các môn đồ học tập thì không chỉ là lắng nghe thầy của mình, đọc sách và điền vào các khoảng trống trong bài tập trắc nghiệm. Họ cũng học tập vâng phục theo thầy dạy và những gì sách dạy. Có lẽ điều ví sánh tương đương tốt nhất của các môn đệ thời nay là người học việc. Người học việc phải thực hành, anh (chị) đó phải thực hành những gì được dạy. Gia-cơ viết, “Hãy làm theo lời, chớ lấy nghe làm đủ mà lừa dối mình.” (Gia-cơ 1:22). Bạn không thể học bơi chỉ bằng cách xem video về bơi lội và lắng nghe các bài dạy về bơi. Bạn phải nhảy xuống nước, có thể bạn bị chìm lúc đầu, nhưng rồi sau đó bất chước thực hành theo huấn luyện viên bạn sẽ bơi được.

Một điều thiếu sót trong việc nghiên cứu Kinh Thánh hiện nay là sự vâng lời. Một tín hữu nói với mục sư, “Tôi đã học xong sáu bài học về truyền giảng phúc âm, nhưng tôi chưa bao giờ đưa được một người nào đến với Chúa.” Cô ấy đã nghiên cứu các bài học, giải quyết các bài tập trên giấy và vượt qua bài thi kiểm tra, nhưng cô không vâng lời theo những gì Chúa Giê-su dạy. “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là ta nói theo ý ta.” (Giăng 7:17). F. W. Robertson, một nhà giảng đạo người Anh nói, “sự vâng lời là yếu tố quyết định cho tri thức thuộc linh.” Chúng ta không thể thực sự biết một chủ đề hay một lẽ thật cho đến khi thực hành nó.

Đây chính là lý do tại sao Đức Chúa Trời cho phép chúng ta đi qua những thử thách. Những hoạn nạn ban cho chúng ta cơ hội để vâng lời Chúa, tín thác vào Lời của Ngài và thực hành những gì chúng ta suy nghĩ là mình đã học được. Đôi khi chúng ta không biết bài trắc nghiệm kể

tiếp là gì cho đến khi gặp thất bại. Nhưng không sao, chúng ta phải quay trở lại và cố gắng lần nữa. Sự thất bại có thể trở thành chất xúc tác phát triển các “cơ bắp thuộc linh” và làm cho chúng ta trở nên trưởng thành hơn.

CHIA SẺ LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI – NGƯỜI QUẢN GIA

Chúa Cứu thế dạy về người quản gia là một ví dụ không khó để nắm bắt. Các môn đồ nói với Chúa Giê-su rằng họ hiểu những gì Ngài đang dạy. Vì vậy Chúa phán rằng họ có trách nhiệm phải chia sẻ những gì họ biết cho người khác. Chúng ta không thể cho người khác những gì chúng ta không có. Nhưng nếu chúng ta không chia sẻ những gì chúng ta có, chúng ta sẽ không giữ được điều mình có theo thời gian. Chúng ta gìn giữ lẽ thật bằng cách vâng theo lẽ thật và chia sẻ nó cho người khác. Hãy nghe Chúa dạy, “Hãy cho, người sẽ cho mình; họ sẽ lấy đấng lớn, nhận, lấp cho đầy tràn, mà nộp trong lòng các ngươi; vì các ngươi lường mực nào, thì họ cũng lường lại cho các ngươi mực ấy.” (Lu-ca 6:38).

Mỗi người chúng ta có một kho tàng lẽ thật bên trong tâm trí và tâm lòng của mình. Kho tàng này được bảo quản tốt khi chúng ta nghiên cứu và áp dụng những gì Kinh Thánh dạy. Từ kho tàng này, chúng ta phải chia sẻ với người khác về “những điều mới và cũ” theo nhu cầu của họ. Chúng ta có nhiều “người A-thên” trong các cộng đồng ngày nay, là những người “chỉ lo nói và nghe việc mới lạ mà thôi.” (Công vụ. 17:21). Tôi đã được mời giảng dạy cho nhiều mục sư trẻ, và tôi sợ một số người trong số họ nghĩ rằng không có gì thực sự quan trọng đã xảy ra trước năm 1975. Tuy nhiên một số đồng nghiệp cùng lứa tuổi của tôi cho rằng không có gì tốt xảy ra kể từ năm 1945. Chúng ta cần quản lý tốt những cái mới và cũ nếu chúng ta muốn trở thành những người quản gia trung tín. Thế hệ trẻ hơn cần nắm bắt quá khứ trong khi thế hệ già cần đuổi theo bất kịp hiện tại.

Cái mới mọc ra từ cái cũ. Chúng ta không “thay thế” cái cũ bằng cái mới. Chúng ta cho phép cái mới lớn lên từ cái cũ, theo cách một bông hoa tu-lip mọc ra từ một cái búp. Mỗi một em bé đều mới và thú vị, nhưng theo thời gian chúng cũng giống như những trẻ em khác, rồi đến lúc cũng già đi. Chúa Giê-su không đến để hủy phá luật pháp cũ nhưng để hoàn thành nó. Bạn có thể phá hủy một trái cây sồi bằng cách dùng búa đập nó, hay là bạn trồng hạt giống đó và chăm sóc nó trở thành một cây sồi? Trong vương quốc Đức Chúa Trời, cái mới xuất hiện, không phải bằng sự thay thế mà bằng sự biến đổi.

Thầy thông giáo quan tâm chủ yếu đến việc giữ gìn cái cũ, và đó là điều quan trọng. Nhưng môn đồ quan tâm đến việc khám phá cái mới, và điều này cũng quan trọng. Sự vâng phục của chúng ta trong tư cách môn đồ là làm cho những lẽ thật cũ trở nên tươi mới trong những trải nghiệm mới của chúng ta và đối diện với những thách thức mới. Chúng ta khám phá cái mới bên trong những lời hứa cũ và thực hành áp dụng cách mới mẻ trên những nguyên tắc cũ. Những cái rỗ có thể già đi, nhưng bông hoa và trái của nó luôn tươi mới, và điều này làm cho đời sống trở nên thú vị hơn! “Đầu đến buổi già bạc, họ sẽ còn sanh bông trái. Được thanh mậu và xanh tươi.” (Thi thiên 92:14)

Trong những năm đầu tiên bước vào chức vụ, tôi học biết rằng tôi không thể giảng dạy hiệu quả trừ khi tôi trở nên giống như Y-sác. Y-sác đào lại một lần nữa trên những cái giếng cũ và uống nước từ chúng. “Y-sác bèn đào lại mấy cái giếng người ta đã đào trong đời Áp-ra-ham” (Sáng. 26:18). Hay giống như Giê-rê-mi, “tra xét những đường lối cũ, xem thử đường tốt ở đâu: Hãy đi đường ấy...” (Giê-rê-mi 6:16; 18:15). Vì vậy tôi bắt đầu làm quen với các bài giảng của các thầy giảng trong quá khứ như: Charles Spurgeon, G. Campbell Morgan, Joseph Parker, Robert Murray M’Cheyne, Jonathan Edwards... và tôi ngạc nhiên, họ không già đi chút nào. Bởi vì họ lời họ giảng trong Kinh Thánh đã vượt thời gian. Trong những năm qua, tôi đã học nhiều điều với các giảng sư trong quá khứ. Tôi biết thế nào là sự phấn khích khi tôi được trưởng thành từ những cái cũ và mới khi nhìn thấy Chúa đặt chúng lại với nhau để làm phong phú đời sống và chức vụ tôi.

Tôi đã dành nhiều thời gian giúp mọi người hiểu rằng hội thánh cần cả hai điều mới và cũ. Hãy nhớ rằng, những cái mới ra từ cái cũ, và đó là lý do chúng không mới chút nào. Các thiết bị điện tử tinh vi gần đây nhất chỉ là sự kết hợp mới mẻ của các linh kiện đã có từ rất lâu. Tiến sĩ H. A. Ironside đã từng nói, “Nếu nó mới, nó không phải là lẽ thật, và nếu nó là lẽ thật, nó không mới.” Ông đã đồng ý với câu nói của vua Sa-lô-môn, “Điều chi hiện có, đã có ngày xưa; điều gì sẽ xảy đến, đã xảy đến từ lâu rồi: Đức Chúa Trời lại tìm kiếm việc gì đã qua.” (Truyền đạo 3:15)

Vì vậy nếu bạn đã nghe tôi giảng dạy, hay đọc các sách tôi viết, bạn sẽ khám phá rằng những gì tôi chia sẻ là sự nối kết giữa cũ và mới. Những điều mới cũng xuất phát từ những điều cũ. Một số trải nghiệm kỳ thú của tôi là tìm thấy sự phối hợp mới của những lẽ thật thuộc linh từ những trang sách cũ của Kinh Thánh và rồi nhìn thấy những điều kỳ diệu xảy ra khi thực hành áp dụng và rao giảng chúng.

Đó là lý do vì sao tôi chọn Ma-thi-ơ 13:52 làm câu Kinh văn sự sống tâm đắc của mình. Là một mục sư rao giảng Lời Chúa, tôi muốn xây dựng một chiếc cầu nối kết giữa những điều trong quá khứ với hiện tại, bởi vì đó sẽ là những gì được chuẩn bị cho con người trong tương lai. Tôi muốn giống như E-xơ-ra “định chí tra xét luật pháp của Đức Giê-hô-va, giữ làm theo, và dạy cho dân Y-sơ-ra-ên biết những luật pháp và giới mạng.” (E-xơ-ra 7:10)

Đây là điều mà tôi gọi là sự quân bình trong chức vụ.

KẾT LUẬN.

CÂU KINH VĂN SỰ SỐNG CỦA BẠN?

Nếu bởi đức tin bạn tiếp nhận Chúa Giê-su làm Cứu Chúa và là Đức Chúa Trời của bạn, khi ấy bạn có thể cầu hỏi Cha thiên thượng về câu Kinh Thánh nào diễn tả đời sống của bạn và những gì bạn đã làm cho Ngài trong thế giới này. Câu Kinh văn đó sẽ lóe sáng vào một ngày nào đó đang khi bạn đọc Kinh Thánh, hoặc nó sẽ hiện ra trong một bài học Trường Chủ nhật hay khi bạn nghe một bài giảng. Hãy tìm và rồi bạn sẽ thấy nó.

Nếu bạn chưa gặp Chúa Giê-su một cách cá nhân, khi ấy bạn không thể có câu KinhThánh nào tâm đắc diễn tả đời sống của bạn, truyền tải sự sống cho bạn. Lúc đó bạn có khả năng tìm thấy một câu Kinh Thánh gieo rắc sự chết cho bạn. “Vì tiền công của tội lỗi là sự chết; nhưng sự ban cho của Đức Chúa Trời là sự sống đời đời trong Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta” (Rô-ma 6:23). Chỉ có một dấu phẩy tách biệt giữa sự sống và sự chết. Đó là cách mà sự cứu rỗi bị đóng lại bởi vì bạn không chọn nó – bạn sẽ bị Đức Chúa Trời phán xét. Vì vậy hãy tìm thấy ý nghĩa của đời sống trong Đấng Christ, và tiếp nhận Ngài là Cứu Chúa của bạn.

Thỉnh thoảng sự khám phá về một câu Kinh Thánh sinh động làm thay đổi đời sống con người một cách hoàn toàn. Rô-ma 1:17 đã làm tan vỡ nhà thần học Martin Luther và biến đổi ông thành một nhà cải cách. Ê-sai 54:2-3 đã làm cho William Carey trở thành người đặt nền tảng cho phong trào truyền giáo hiện đại. Ma-thi-ơ 28:20 cũng đã có một tác động tương tự lên David Livingstone. 1 Cô-rin-tô 3:11 làm cho Selina, nữ bá tước của vùng Huntingdon được tiếp thêm sức mạnh để làm thức tỉnh tâm linh của dân chúng nước Anh vào thế kỷ mười tám. Và 2 Cô-rin-tô 12:19 đã ban quyền năng cho Catherine Booth trở thành “người mẹ của đạo quân Chúa Cứu Thế.”

Toàn bộ Kinh thánh là của bạn, nhưng đâu đó trong các trang của nó có một câu đặc biệt dành cho bạn – nó là câu văn sự sống sinh động của bạn. Hãy tìm kiếm nó, tin cậy nó, và thực hành nó. Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ bạn bày tỏ ra sự sống phong phú, bạn sẽ chuyển giao ơn phước cho nhiều người khác và mang vinh hiển về cho Ngài.

PHỤ LỤC

<u>Ngày</u>	<u>Bài đọc</u>	<u>Suy ngẫm Kinh Thánh</u>
1	Giê-hô-va Đức Chúa Trời	Thi thiên 104
2	Lu-xi-phe	Ê-sai 14:12-17
3	A-đam	Sáng thế ký 2:15-25
4	Ê-va	Sáng thế ký 3:1-20
5	Ca-in	Sáng thế ký 4:1-16
6	A-bên	Hê-bơ-rơ 11:1-4
7	Nô-ê	Sáng thế ký 6:9-22
8	Áp-ra-ham	Hê-bơ-rơ 11:8-19
9	Sa-ra	Sáng thế ký 21:2-21

10	Y-sác	Sáng thể ký 21:1-19
11	Rê-be-ca	Sáng thể ký 27:1-40
12	Ê-sau	Hê-bơ-rơ 12:14-17
13	Gia-cóp	Sáng thể ký 32:22-32
14	Ra-chên	Sáng thể ký 30:1-24
15	Giô-sép	Sáng thể ký 50:15-26
16	Gióp	Gióp 1:1-22
17	Môi-se	Xuất. 33:12-23
18	A-rôn	Xuất. 32:135
19	Mi-ri-am	Xuất. 15:1-21
20	Giô-suê	Giô-suê 1:1-18
21	Ra-háp	Giô-suê 2:1-24
22	Đê-bô-ra	Các quan xét 5:1-31
23	Ghi-đê-ôn	Các quan xét 6:1-40
24	Sam-sôn	Các quan xét 16:23-31
25	Ru-tơ	Ru-tơ 1:1-22
26	Ê-li	1 Sa-mu-ên 4:12-22
27	An-ne	1 Sa-mu-ên 2:1-11
28	Sa-mu-ên	1 Sa-mu-ên 12:1-25
29	Sau-lơ	2 Sa-mu-ên 1:1-27
30	Đa-vít	Thi thiên 78:65-72
31	Giô-na-than	1 Sa-mu-ên 18:1-9
32	Sa-lô-môn	2 Sa-mu-ên 1:1-18
33	Rô-bô-am	2 Sử ký 12:1-16
34	Ê-li	1 Các vua 19:1-18

35	Ê-li-sê	1 Các vua 19:19-21
36	Giê-sa-bên	1 Các vua 21:17-26
37	Giô-na	Giô-na 4:1-11
38	Ê-sai	Ê-sai 6:1-13
39	Giê-rê-mi	Giê-rê-mi 1:4-19
40	Ê-xê-chi-ên	Ê-xê-chi-ên 2:1 - 3:15
41	Đa-ni-ên	Đa-ni-ên 1:1-21
42	Ê-xơ-tê	Ê-xơ-tê 2:1-23
43	E-xơ-ra	E-xơ-ra 7:1-10
44	Nê-hê-mi	Nê-hê-mi 1-13
45	Chúa Giê-su Christ	Lu-ca 3:15-23
46	Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét	Lu-ca 1:5-25
47	Ma-ri, mẹ của Chúa Giê-su	Lu-ca 1:26-56
48	Hê-rốt Đại đế	Ma-thi-ơ 2:1-12
49	Si-mê-ôn và An-ne	Lu-ca 2:21-40
50	Giăng Báp-tít	Giăng 1:19-34
51	Anh-rê	Giăng 1:19-34
52	Si-môn Phi-e-rơ	Lu-ca 22:54-62
53	Sứ đồ Giăng	Giăng 21:1-14
54	Giu-đa Ích-ca-ri-ốt	Ma-thi-ơ 26:6-16
55	Sa-lô-mê, vợ của Xê-bê-đê	Ma-thi-ơ 20:20-28
56	Người phụ nữ Sa-ma-ri	Giăng 4:1-42
57	Người phụ nữ tà dâm	Giăng 8:1-11
58	Ma-ri và Ma-thê ở Bê-tha-ni	Lu-ca 10:38-42
59	Giô-sép được gọi là Ba-na-ba	Công vụ 4:35 – 5:11

60	Ê-tiên	Công vụ 6:8-15
61	Sứ đồ Phao-lô	Công vụ 16:16-40
62	Ly-đi	Công vụ 16:11 – 15
63	Phê-bê	Rô-ma 16:1-20
64	Câu Kinh Văn sự sống của tôi	Ma-thi-ơ 13:52

Vài Nét Về Tác Giả

Mục sư Warren Wendel Wiersbe sinh ngày 16/5/1929 tại thành phố Chicago, Hoa Kỳ. Ông nhận biết Chúa kêu gọi mình hầu việc Ngài khi chỉ mới 16 tuổi qua tổ chức Youth for Christ và sau khi nghe bài giảng của nhà truyền giáo Billy Graham.

Sau khi tốt nghiệp Đại học Indiana ở Indianapolis và Đại học Roosevelt ở Chicago, ông bắt đầu chức vụ hầu việc Chúa trọn thời gian bằng việc ghi danh vào Chủng viện Thần học Báp-tít phương Bắc (Northern Baptist Theological Seminary) ở Lombard và tốt nghiệp Cử nhân Thần học vào năm 1953.

Trước đó, khi đang còn là sinh viên thần học, ông đã được tấn phong Mục sư và hầu việc Chúa tại Hội Thánh Báp-tít Trung Tâm (Central Baptist Church) ở Đông Chicago vào năm 1951. Sau này, ông làm Mục sư Quản nhiệm của Hội Thánh danh tiếng Moody, Chicago. Ngoài vai trò Mục sư, ông cũng có thời gian hầu việc Chúa với Mục vụ Tuổi trẻ vì Đấng Christ, với các tổ chức văn phẩm Cơ Đốc như *Back to the Bible*. Bên cạnh đó ông còn giảng dạy Kinh Thánh trên các đài phát thanh, là giáo sư môn nghiên cứu Kinh Thánh, thần học, tuyên đạo pháp cũng như biên soạn giáo trình giảng dạy cho các Viện Thần học. Ông cũng là giáo sư về môn giảng luận tại Chủng viện Grand Rapids Baptist Seminary tại Michigan.

Ông là tác giả của nhiều bộ sách giải kinh, thần học và bồi linh. Ông bắt đầu sự nghiệp viết sách Cơ Đốc vào những năm 1950 khi chỉ mới hơn hai mươi tuổi. Trong suốt cuộc đời và chức vụ của mình, ông viết trên 150 đầu sách, trong đó nổi tiếng nhất có lẽ là Bộ giải nghĩa Kinh Thánh “hãy” (BE SERIES), giải nghĩa gần như toàn bộ các sách trong Kinh Thánh từ Sáng Thế Ký đến Khải Huyền.

Mục sư, Giáo sư Kinh Thánh Warren Wendel Wiersbe nghỉ yên trong Chúa vào ngày 2/5/2019, hưởng thọ 89 tuổi. Ông để lại một di sản quý báu cho cộng đồng hội thánh.

The End